ĐẠI-NAM QUỐC

LƯỢC SỬ

SÁCH CHỦ BÚT ẤY VIẾT.

La Nouvelle-Calédonie depuis sa découverte (1774) jusqu'à nos jours. — Essai historique. — Un vol. in-8o carré avec une carte photo-lithographique (E. DENTU Paris. — 1882)...................... 2 $ 00

Abrégé de l'Histoire d'Annam. Un vol. in-8o écu (Imprimerie CLAUDE & Cie à Saigon. — 1900) (Deuxième édition sous presse)................ .... 2 $ 00

Les Institutions Annamites en Basse-Cochinchine avant la conquête française, 3 vol. in-8o écu (Imprimerie CLAUDE & Cie à Saigon. — 1900-1902). 9 $ 00

Etude sur la Constitution de la Propriété foncière en Cochinchine. Un vol. in-8o raisin (Imprimerie commerciale L.MÉNARD à Saigon.—1902) 3 $ 00

Le Livre foncier suivi du Rapport au Lieutenant-Gouverneur de la Cochinchine sur l'organisation de l'Immatriculation foncière en divers pays. Un vol. in-8o raisin (Imprimerie Commerciale à Saigon.—1904).... 2 $ C0

Deux questions sur la guerre. Un vol. in-8o écu (Imprimerie CLAUDE & Cie à Saigon. — 1905).. 2 $ 00

Các sách nầy ông chủ bút bán tại nhà mình, 37 rue de Bangkok, Saigon.

ALFRED SCHREINER

ĐẠI-NAM QUỐC
LƯỢC SỬ

NGUYỄN-VĂN-NHÀN
DIỄN RA QUỐC NGỮ THEO KÌ IN TIẾNG LANGSA LẦN
THỨ HAI, CÓ CHỦ BÚT QUẢN SÓC

SAIGON
ALFRED SCHREINER, CHỦ BÁN SÁCH
37 rue de Bangkok 37

SAIGON. — CLAUDE & Cie, Imprimeurs-Éditeurs

TỰA

Dầu con người ăn ở cách di địch, hay là hưởng đặng các đều ích lợi bởi sự giáo huấn trổi xa, thời cũng có ý tọc mạch luôn, là muốn biết làm sao, vì cớ nào mình ở chỗ mình đang đình trú bây giờ, bởi đâu các tiên nhơn đến đó, căn cội, sự sống các đấng ấy thế nào, việc làm, danh sự dường bao. Nơi kẻ mọi rợ, có khi sự cần biết đều ấy phải có ngằn, bởi trí tinh tường vắn vỏi mà ra; từ tổ phụ, tổ mẫu sắp lên, thường thường không biết chi nữa; lại cũng phải nói rằng chẳng có việc gì quan tâm cho kẻ ấy. Còn nơi người thuần tục, sự ao ước hiểu việc mấy đời trước khai sáng, thì mạnh lắm, bởi vì nó chẳng còn phải sự ước ao mà thôi, song là đều cần kiếp, như chúng ta sẽ thấy sau đây.

Cách sống thường ngày, sự thù tạc con người với kẻ khác, chẳng phải buộc lẽ thông thái mà thôi, lại cách trải việc nữa. Ấy vậy, chẳng ai đặng sự từng trải việc đời trong thì vắn vỏi nầy, từ ngày sinh ra cho tới khi chết; nó bởi

học biết cách ăn ở một đám nhơn loài, chẳng những kim thời, mà lại tiền nhựt nữa. Sự trải cuộc thế bởi những công việc thiên hạ đời kia đời nọ làm tích trữ để lại. Đó là gia tài tổ tông di truyền, mà mỗi người trong chúng ta thêm vô một chút, trước khi trồi cho kẻ hậu kế, lại tới phiên chúng nó, cũng làm như chúng ta vậy.

Cách thạo chuyện nầy cần kíp cho mấy kẻ ở riêng nhau, nó lại thậm quan yếu cho các đám con người qui hội, các dân vạn quốc. Muốn cho lê thứ nào ăn ở trúng lý, trước hết, phải biết nước khác sửa trị thế nào, tiên nhơn hành sự làm sao, danh việc nào đã thi vi, đều lầm lỗi chi đã phạm. Hữu ích cho ta đặng biết những nhơn đức cùng mọi tính xấu người. Gương các đứng ấy để lại chỉ cho ta cái nào nên noi theo, cái chi phải lánh.

Như nội gia nào, con cháu có phép lấy tài đức cha mẹ mà khoe mình, cũng phải lánh đều quấy người đã sa phạm, huống chi một dân kia có căn bổn, phát sinh, tuyệt tông, cũng như bất luận là ai trong chúng ta, mà không làm thể ấy sao. Tùy cách lê dân ăn ở trúng lý

hay là sái lẽ, thì đặng an lạc hoặc lao đao, hưởng thọ lâu dài hay là một ít lâu mà thôi. Nhưng vậy, muốn ăn ở khôn ngoan, ta xin nhắc lại một lần nửa, là phải biết việc ông bà thuở trước làm sao. Như vậy, nối gót trong việc lành cùng răn mình về đều hư từ người mới đặng.

Biết việc nào nên làm, lẽ chi phải lánh, nhờ truyện dạy mà ra; học nó mới hiểu cách thạo đời cần kiếp trong vụ giúp nước và ăn ở với thiên hạ. Chắc có lẽ gặp đôi khi trong truyện nầy một ít đoạn rất xấu, song nó cũng dành để khoản khác thật rỏ ràng. Bỏ qua khúc chẳng hay mà coi phần tốt, là thàm thụa vô lường. Phải đọc sự lành, sự dử, đặng biết chuyện đời để dùng ngày sau.

Người nào khôn tường thông phổ xứ mình, chẳng xứng làm quan, lo việc nước, lại cũng không đáng làm lê thứ nữa. Theo lẽ chung, ta nói kẻ nào chẳng rỏ truyện tích tông môn mình, thời tỷ như người tha phương kia ở giữa gia quyền nó vậy, không gọi là chi hết. Ngày nào người ấy thuộc hiểu các việc tiên nhơn mình đã tác vi, thời mới gọi mình thiệt lương thân, lại dùng đặng gương những đứng đại nhơn để lại mà cầu cạnh, như nó

mượn hơi vinh vang mấy người trong họ hàng đã được danh vọng vậy.

Ai ai cũng có quê hương, như có gia thất. Phải tôn kính, mến yêu cả hai, lại có kính yêu đặng thật, là khi hiểu thấu những chuyện nhà cùng chung quanh mình, và biết việc kim thời, cổ tích. Sự truyền ngôn dạy về gia đạo, còn sử ký về tổ quán. Như muốn làm người hảo tâm, chớ bỏ sự nào trong hai điều nầy, bởi chưng tại đó, người ta tìm đặng bội hơn mọi nơi khác, các gương lành để noi theo, lại trong cơn khốn khó, nhiều lời khuyên giải, giúp lòng mạnh mẽ, cùng trông cậy luôn.

Sách ta đã chép ra chẳng phải về một bực người mà thôi, nó để cho thấy thảy. Những đứng yên hảo các nước, các dòng các đời đồng như nhau, mấy thiện công đều lưu hậu thế, lại như có lâm vấp chuyện hư hèn — vì nhơn loài khôn tuyên hảo — thì cũng phải tỏ cáo nó nữa, ngỏ cho khỏi tái phạm ngày sau. Sách ta là bài học chung, chẳng phân biệt ai, mỗi người dụng nó được ; chớ chi nó tấn ích cho người nào chạy đến cùng nó, đó là chính lời ta chúc cầu hơn hết.

Saigon, ngày 25 tháng Avril 1905.

ĐẠI NAM QUỐC
LƯỢC SỬ

KHOẢN THỨ NHỨT

BẮC-KỲ

Bờ cỏi nước An-Nam. — Tiền nhựt. — Nhà Hồng-Bàng. — Sự cai trị vua nước Thục. — Nhà Triệu.

BỜ CỎI NƯỚC AN-NAM

Xứ người an-nam ở ngày nay, nhiều kẻ văn chương có họa ra một hình tạc ngươi, như cái gánh kia vậy, một đầu thuộc miền sông Nhĩ-Hà (Bắc-Kỳ), đầu kia miền sông Khong (Nam-Kỳ), còn đòn gánh là nước An-Nam chánh hiệu, hay là Trung-Kỳ.

Phía đông, phía nam cùng tây-nam xứ nầy có biển (là vịnh Bắc-Kỳ, Trung-Quốc hải, vịnh Xiêm-La). Phía bắc, có một dãy núi cách nước Tàu ra, nghĩa là tỉnh Vân-Nam, Quảng-Tây, Quảng-Đông cùng nhiều gò sủng không có tên chung. Phía tây có dãy núi dài chia nó với phần đất Đông-Dương dư lại. Còn Nam-Kỳ như chỗ chứa đất bồi lớn lắm,

càng ngày càng rộng ; lại lấy sông rạch, vủng trấp, dường giao lần, với một khúc đất núi, từ sông Khong cho tới vịnh Xiêm, mà chia xứ Cao-Man ra.

Ba phần đất kể trước nầy đều có địa đồ khác nhau, người ta cũng nói đặng mỗi phần có truyện tích riêng mình ; vả chăng, đất Trung-Kỳ đang thời tỷ như cuộc hòa hiệp về sử Bắc-Kỳ cùng sử Nam-Kỳ.

Ta hảy xem xét lần lần ba xứ nầy từ bắc chí nam, dò theo tích nó từ đời.

TIÊN NHỰT

Bắc-Kỳ nay cũng còn kêu là *Đàng-Ngoài* (1) luôn,

---

(1) Sánh với Trung-Kỳ gọi là *Đàng-Trong*.

Ta viết các tiếng hiệp lại làm một tên riêng an-nam bằng chữ hoa ; sự ấy khác với thói quen người bổn quốc thường viết sái ; song rủi thay, sự sái nầy đã tràng trong cả và Đông-Dương. Cách ta viết hiểu dụ như sau nầy :

Các nước nào dùng chữ vần latin mà viết tiếng mình, đều đồng ý lấy chữ hoa mà viết đầu các tên riêng. Khi tên nào có nhiều tiếng hộp lại mà có gạch ngăn, mấy tiếng ấy phải viết bằng chữ hoa, trừ ra tiếng chỉ giống, số một, số nhiều (article) ; tiếng chỉ chổ, ngày giờ, cách ăn ở, nhiều it (adverbe) ; tiếng để trước tiếng bồi nghĩa tiếng khác (préposition) ; tiếng để kết hai tiếng khác, hay là hai phần câu nối làm một (conjonction) mà đã xen trong tiếng viết nối mà thôi, thì thường dùng chữ nhỏ. Ta cho qui hữu rỏ thấy sau dây một it ví dụ rút trong nhiều tiếng ngoại quốc.

Mac-Clellan, Nouvelle-Calédonie, Port-Royal, Charles-Quint, Giraldi-Cintio, San-Juan, Figueras-Moragas, Rio-Janeiro, Toussaint-Louverture, Pont-Saint-Esprit, Sainte-Claire-Deville, Saint-Amant-Roche-Savine, quận công *Schleswig-Holstein-Sonderburg,* nhà *Boncompagni-Ludovisi-Ottoboni,* nhà *Doria-Pamphilj-Landi,* nhà *Smithson-Seymour-Louvain-Percy.*

đôi khi kêu là *Bắc-Thành* (1), như chỉ thành ấy là cả xứ vậy. Tên *Tonkin* người phương Tây đặt

Phần khác, người ta thường viết *Riom-ès-Montagne, Châlons-sur-Marne, Plessis-les-Tours, Rive-de-Gier, Crépy-en-Valois.* Dầu dây, tùy theo luật chung mặc lòng, song đôi khi gặp người ta viết tiếng nào cũng bằng chữ hoa ; và chăng, ta chắc thiên hạ sẻ bỏ lần lần mấy gạch ngăn những tiếng nầy, thì khi ấy các chữ nhỏ khởi đầu tiếng *ès*, *sur*, *les* mới trúng cách thật.

Nếu, bây giờ, chúng ta trải xem qua phép viết quốc ngữ là chữ vần latin người an-nam dùng mà viết, thì, chánh lý, chúng ta phải ép mình nhinh biết các cách thiên hạ dã chịu, mà tùng theo trong khi dùng vần latin thể nào.

Những tiếng *Văn* (tốt, trần thiết), *Sơn* (núi), *Đức* (đức), *Kỷ* (lạ), *Tấn* (tới), *Đăng* (thêm), *Hiền* (hiền), *Phước* (phước), *Minh* (sáng), *Phát* (sanh), *Kiêm* (chồng thêm) *Thị* (họ), v. v. dùng làm chữ lót, như *(Nguyễn-Văn-Trần. Đinh-Sơn-Lý.* v. v.) ai nấy thấy nó là tiếng chỉ tên, phụ triếu hay là công cuộc, vậy phải viết nó bằng chữ hoa, cũng như tiếng thứ ba, nghĩa là *tên*, chánh danh con người.

Mấy ai viết *Đàng-ngoài, Nguyễn-văn-Trần* hay là *Nguyễn-văn-trần*, thì là viết lỗi, không lý chữa mình đặng, hoặc không thông mẹo langsa, bằng chẳng chưa tường luật buộc về cách dùng vần latin đặng viết tiếng các nước thể nào.

Sự đáng xót lòng cho người an-nam, là có nhiều kẻ khi bước chơn vào đường nào, không còn muốn ra nữa, đặng ở đó, thì mấy người ấy lấy lẻ đối mà chống lại ; chúng viết mấy tiếng lót nầy, nói rằng nó là tiếng *phụ thêm*, nên không viết nó bằng chữ hoa làm chi, song thiệt không hiểu rỏ tiếng phụ thêm là gì. Mà chẳng ích chi cho mấy người ấy, họ không muốn sửa cách viết sái lại, họ không lo chút chi về đều luận lý, một lấy lẻ sơ sài mà giải, rồi gọi rằng khoái dạ.

(1) Trong chỉ dụ đệ nhị, tiếp theo điều thứ 396 nơi Luật annam, thời gọi Bắc-Kỳ là *Bắc-Thành*. Ông Philastre tưởng đó là tên xưa người ta kêu thành Bắc-Ninh, là kinh đô Bắc-Kỳ, trước khi dời đình thần về Hà-Nội.

lúc sau đây, dặng kêu theo giọng mình, thì bởi *Đông-Kinh* (1), là tên xưa thành Hà-Nội mà ra. Luận về phong cảnh cùng địa lợi, xứ nầy có hai phần khác nhau : trung châu (nghĩa là phần đất thấp bởi sông bồi mà ra) với thượng du (phần đất núi).

Miền trung châu nguyên bởi đất bồi sông Nhĩ-Hà lấy suối tại núi tỉnh Vân-Nam, cùng nhiều sông nhỏ khác, cái thì bởi mấy chòm núi chia tỉnh Quảng-Tây và tỉnh Quảng-Đông; cái tại dây đất núi phân các ngọn sông Khong nơi Lào-Thượng, chảy xuống mà làm ra. Đó là miền thổ điền thượng hảo, nay có lẻ dân sự ở tràn lắm, song lúc trước nó là chỗ quến các sơn nhơn chung quanh đến mà thôi.

Chắc lúc trước miền đất thấp nầy chưa dặng rộng lớn như bây giờ, song nó quến dân, nhờ nó được phì nhiêu, cận hải, nhiều sông rạch tríu vảy chảy thông với nhau, ngoài biển trong sông tôm cá hằng hà, dư sức nuôi thiên hạ, hơn là việc săn bắn muông thú, đã hiểm nghèo, mệt nhọc, mà lại ít khi kiếm đủ thịt dùng.

Đến sau các dân ở miền trung châu xứ Bắc-Kỳ là ai, lại ở đâu mà đến đó ? Chúng ta gặp đây lời hỏi luận về các sắc nhơn loài, mà sách dạy tiếng nói các dân, hiệp cùng thiên nhiên nhơn chí, có khi một ngày kia sẽ chỉ dẫn; song lúc nầy nó như câu đố, chưa giải dặng. Ta dám giác thế sự nầy mà thôi, là người an-nam, tuy dòng dỏi mình thuở trước bị hòa lộn nhiều phen với người hắc bi (nègre), thanh-

---

(1) Thành Hà-Nội nay còn kêu là *Bắc-Thành*, lại tiếng thường gọi là *Kẻ-Chợ*.

khách, chàm, chà-và (1), cao-man, thiên-trước, giu-dêu, tây, v. v., thì xem ra cũng gìn giữ hình tích dòng giống xưa mình luôn, nghĩa là loài mông-cổ, một thứ như người thanh-khách, nhựt-bổn, chà-và, v. v.

Nguyên xưa dân an-nam cũng ở một chỗ với dân tàu, mà khi bỏ mấy đồng cao nơi trung phương Đông, thì xuống bãi biển mà thôi. Phải đi theo, hoặc chậm hoặc mau, song không tránh đặng đường sủng núi, vì có một mình nó mở cho mà đi. Ắt có khi trong lúc băng ngàn, dân ấy bị nhiều chuyện ngăn trở, trễ tràn, có lẽ phải thối lại ; dầu vậy, khi cơ quan giục ép lại thế cuộc sơn địa có dàng đi, dân nầy bèn quá ải mà theo nẻo khác. Song đây cũng là cốc lộ phải tùy, như các đoàn dân xưa đam nhau sang nơi khác, cũng phải do nó nữa ; hoặc ở trên núi xuống biển, hoặc bởi lần theo bãi biển mà chẳng quá hải được, nên theo bờ sông trở lộn về nguồn cội. Dọc đường, gặp chỗ thì rừng rú rậm rạp, cây mọc tríu vảy theo triền núi ; chỗ lại đất trọi, quạnh hiu, khô quánh ; chỗ khác bưng láng, nê khí, nhơn bình địa mà ra ; nói tắc một lời, là thiên công muốn dường thế.

Lúc sử ký cho ta thấy xa hơn hết mà sát nghiệm về dòng giống người an-nam, là chừng hai ngàn rưỡi năm trước dời đạo Thiên-Chúa ; thuở ấy, tại vạn sơn phía nam Trung-Quốc, là nơi miền nay thuộc Bắc-Kỳ thượng, Vân-Nam hạ, phía nam Quảng-Tây và phía tây-nam Quảng-Đông, ta thấy có nhiều chi phái ở đó, người ta thường kêu là *Giao-Chỉ*, song trong mấy sách chữ nho gọi *người đất Giao-Chỉ* (xin coi sau đây).

---

(1) Xin chớ lộn *chà-và*, chánh nghĩa là *malayu*, với *thiên-trước* người ta quen kêu sái là *chà-và*.

Đáng cho ta ngưng lại đây một dây mà xét cách kêu nầy, vì xem ra nhiều người phương Tây làm sách giải nghĩa sái. Mấy người ấy nói *giao-chỉ* nghĩa là *ngón chơn dan*; chữ *giao* nghĩa là *hiệp, buộc lại* (cũng chỉ là đối nhau); còn chữ *chỉ*, là *ngón tay, ngón chơn*. Tên *giao-chỉ* trọn, nghĩa là hai ngón chơn cái đấu đầu với nhau, chống nhau. Mấy vị làm sách ấy lại càng chắc ý hơn nữa, vì đôi khi người ta gặp một ít kẻ có ngón chơn dị hình thể ấy.

Nguyên xưa có máng mọi nào có dấu riêng nầy, song đến sau nhờ sự hòa hiệp với dân khác, bởi tập luyện, tại khí hậu đất nước làm cho biệt tích, mà nay, lâu lâu, dấu ấy tỏ ra cho người ta biết đó là hình giống tiên nhơn cứ rắn rỏi hiện về luôn làm vậy?

Có lẽ như thế, song không ai dẫn giải. Dầu cách nào, tiếng *giao-chỉ* chẳng ăn thuộc chút chi với nghĩa người ta nói đó. Cách ít năm rồi, ông Trương-Minh-Ký, là người đáng ái tích, có viết thơ cho ta về điều ấy mà rằng:

Theo sữ ký cùng sách *Tiền Hán địa lý chí*, tiếng *giao chỉ* là tên một địa phận xứ *Giao-Châu*, như *Lục-Hải, Cữu-Chơn* v. v., không nên lấy nghĩa từ chữ mấy tiếng nầy, bởi vị khi người tàu lớp trước qua soán xứ ấy, thời kêu tên nầy theo giọng chúng nó nghe, song khi dùng chữ, thì đọc chữ lấy thinh âm mà thôi. Như *Lục-Hải* cắt nghĩa từ tiếng là *Sáu-Biển*, mà *Lục-Hải* ngày nay thật tỉnh *Lạng-Sơn*, xứ núi non hơn hết.

Trong các sách tàu cùng sách an-nam, tiếng *Giao-Chỉ* là tên riêng xứ, chớ không phải tên dân. Người hay chữ kêu là xứ *Giao-Chỉ*, hoặc đất *Giao-Chỉ*. Chữ *giao=buộc nhau, kết ngải anh em;* còn chữ *chỉ* là *nền, chưn tường*. Ít nữa có phải đó là nghĩa hai chữ đả dùng mà viết tên *Giao-Chỉ* vào sử chăng? Nhiều người lộn nghĩa hai chữ ấy. Có một mình chữ tàu viết ra mới giải đặng nó mà thôi.

Đến sau, ta với ông Trương-Minh-Ký, có tra kiếm gặp trong các sách đâu đâu chữ *giao* cũng vậy ; nó nghĩa là *đấu nhau*. Nhưng vậy, chữ *chỉ* người ta lại giải ba cách khác : theo *Chánh tự thông*, hay là *Trung-Quốc âm tiểu tự điển*, thì nó : *ngón chơn, chơn, bước, đi ;* theo *Đại-Nam quốc sử*, nó là *nền, nền nhà, chưn tường, chưn núi ;* còn *Hải quốc đồ chí* viết nó khác cách, song cũng giải như *Đại-Nam quốc sử* vậy. Dầu ai có ý tốt cách nào cũng chẳng diễn trúng nghĩa hai chữ ấy, khi nó kết với chữ *giao*, nói « ngón chơn dan nhau » như trong sách langsa, cũng không đặng, vì *đấu nhau* nghịch với *dan nhau*.

Có một cách giải nầy có ý vị mà thôi, là cách của ông Trương-Minh-Ký : mấy chữ nào dùng dễ mà mượn thinh âm, không nên lấy nghĩa thật tự.

Sau lại, ta thấy trong sách *Tiền Hán địa lý chí* có câu nầy :

Nam phương man, tục viết Giao-Chỉ, thuộc Giao-Châu, phải dịch ra là : *Mọi ở miền phía Nam, dân trong nước kêu là Giao-Chỉ thuộc về xứ Giao-Châu* (châu là một cõi, như một tỉnh, một phủ, vân, vân.).

Ta tưởng mấy người tây lúc trước làm sách nói về chuyện nầy, thích nghĩa hai chử ấy sái, lại gặp dịp thấy một ít người có ngón chơn chè rè, nên sinh điều lầm lạc như vậy.

Về sự tích chắc chắn, thời các sử thần trung-quốc, cùng sử thần an-nam nữa, chẳng thấy một ai nói cho hẳn hỏi lúc tiền nhựt nước mình thể nào. Cổ tích hơn hết chép ra mà dinh các việc xưa là *Thơ Kinh*, của đức Khổng-Tử làm, do theo mấy

cựu chí thuở ấy còn để lại ; cuốn kinh đó khai truyện nhằm đời vua Nghiêu, nghĩa là 2.357 năm trước Giáng-Sanh. Song năm ấy thuộc đời thượng cổ, không chắc trúng ; nhưng vậy, cũng chẳng ngăn cấm đặng các sử thần trung-quốc trong sự thuật truyện đời bản cổ, cùng dẫn tích mấy đứng vương đế thuở ba, hoặc bốn ngàn năm trước Giáng-Sanh và lớp kinh cửu hơn nữa.

Có một người trong mấy thượng cổ sử thần nước Nam, mà cũng có khi là một vị cố cựu hơn hết, tên là Ngô-Thi-Sĩ, nói khi vua Huỳnh-Đế (1) lập ra Trung-Quốc, lấy xứ Giao-Chỉ làm giái hạng tây nam ; xứ nầy ở cách dất « bá gia tánh » (nước Tàu) (2) diêu viễn lắm. Cách chừng ba đời sau, vua

---

(1) *Huỳnh=hoàng*, nghỉa là *vàng, màu vàng*. Tiếng *hoàng* viết hai cách, một cách nghỉa *vàng*, cách thứ hai, là *vua, lớn, tốt, chói*. Tiếng *Đế* cũng chỉ là *vua*, viết nó ra mười hai chử khác nhau. Vậy hiệu *Huỳnh-Đế* nghỉa là *vua vàng*, bởi vì, theo sử thì nói vua nầy lấy Địa đức mà trị dân, (địa=đất, có màu vàng).

Vua Huỳnh-Đế, xưng là Hửu-Hùng-Thị, lập lề luật Trung-Quốc ra trước hết. Quan đại thần người, tên là Thái-Niên, làm lục thập niên vận giáp tý. Một vì quan khác, tên Dung-Thành, lo việc thiên văn, cùng bày ra một địa cầu chung. Một quan khác nửa, tên Linh-Luân, chế ngủ âm, bày nhiều nhạc cùng tạo thành lề phép cho có mẹo mực. Còn đức hoàng hậu, Lụy-Tổ, lại nuôi tằm. Các việc thông minh cùng những tài khéo đều tìm dặng gần đủ trong đời người trị, là: binh khí, cung ná, chài lưới, xe giá, cân lường, chuông trống, vân, vân.»

(2) Theo sách truyện hiệu *Kang-Mo* thì nói trong đời đức Huỳnh-Đế, giái hạng phía nam Trung-Quốc là giang Quảng (xin coi sách hiệu *Les Livres sacrés de l'Orient*, của ông G. Pauthier làm, trương 42-43).

Nghiêu (2357-2255) sai quan đại thần người tên là Hi-Chu qua xứ *Nam-Giao*, nghĩa là *Giao* phía Nam sông Quảng (1), mà coi thiên văn. Người cũng dạy thè tử quan ấy qua trấn xứ Nam-Giao cùng lấy xứ *Giao-Chỉ* làm giái hạng nam nước Tàu.

Mấy khúc khởi đầu truyện người đất Giao-Chỉ, cũng như mấy việc ban sơ trong truyện các nước dời thượng cổ, thảy đều bị vày phủ chuyện tam sao thất bổn luôn, bởi tánh tự nhiên nhơn dân chưa đặng thông minh bày đặt mà ra, song lẽ thứ kim thời thọ lịnh bao biếm mà hủy tuyệt nó đi. Cũng một khi phá bỏ hình bóng văn thi giả, là việc làm mấy kẻ thiệt thà, ít thông chuyện thế, đặng bày ra trước mặt, cho ta thấy các sự thật độc địa và thô kệch lúc căn nguơn chúng ta thể nào. Song đều thật như vậy chẳng nên ém lấp sự cần trí vẻ tuyệt diệu nhơn loài, lại để chúng ta trong vực rủn chí, khi tìm học vật chất thể nào. Chẳng phải vậy đâu, sự thông thái cho chúng ta phép xét nét thể ấy, thì làm cho tính linh chúng ta ra mạnh mẻ, nhắc lên bực cao hơn, cùng hằng thăng cao hơn luôn luôn.

---

(1). Sử tàu cùng sử an-nam còn dùng nhiều tên khác mà kêu xứ nầy, song cả thảy cũng gần một nghĩa với nhau. Ông Legrand de la Liraye kể các tên ấy như vầy :

Tiếng an-nam.	*Tiếng tàu.*
Nam-Việt	Nan-Yue.
Việt-Nam	Yue-Nan.
Việt-Thường	Yue-Chang.
Nhật-Nam	Yi-Nam.
Giao-Nam	Kiao-Nan.
Nam-Chiếu	Nan-Chau.

(là xứ dời nay người an-nam kêu là Vân-Nam).

Ta hảy trở lại truyện nầy, ta không theo mấy sữ thần an-nam trong các chuyện xấm xuất, vì phần nhiều trong những người ấy chịu, mà không suy xét. Cho đến gần ba dời trước Giáng-Sinh, thời chuyện bày dặt với chuyện thiệt kết lại với nhau liền lắm, cho đến đổi rất khó truy nguyên dều thật thề nào.

NHÀ HỒNG-BÀNG (1)

Theo sự người an-nam di ngôn, nhà vương trị dàn xứ Giao-Chỉ trước hết, là nhà Hồng-Bàng, truyền ngôi hai mươi đời vua.

Người ta nói rằng, vua Đế-Minh, chắc vua Thần-Nông (là một vì trong các tiền vương bên Trung-Quốc), lấy dất phương Nam nước Tàu, lập ra một cỏi riêng cho con mình tên Vượng, cải danh là Lộc-Tục. Sử tàu với sử an-nam nói khác nhau khúc nầy về tuế thứ (2).

Tản quốc lấy hiệu Xích-Quỉ cùng Việt-Nam nữa.

Hoàng hiệu Lộc-Tục là Kinh-Dương-Vương. Vua nầy phối hiệp với công chúa vua Đồng-Đình, xưng là Thần-Long, sau sinh được một nam tử đặt tên là Lạc-Long (nghĩa là chồn rồng) trưởng dến sau kế vị.

---

(1) Một it người làm sách viết Hồng-Bàng-Thị, song chử *thị*, ai nấy biết chẳng phải là tên người, vậy phải viết Hồng-Bàng thị. Vả chăng, trong *Đại-Nam quốc âm tự vị*, ông Paulus Của kêu là Họ Hồng-Bàng phải lẽ lắm, lại ta dính chắc nhà ấy gọi là Hồng-Bàng mà thôi.

(2) Xin coi sách *Histoire ancienne et moderne de l'Annam*, của ông A. Launay (trương thứ 8).

Đây có chuyện tam sao thất bổn nên ký : Theo chú giải thời nói Lạc-Long kiết hôn với công chúa vua Đế-Lai, tên là Âu-Cơ, ở với nhau sinh đặng một trăm trứng, nở một trăm con trai, lại nói với công chúa rằng : « *Ta là dòng rồng, hậu là dòng tiên, thủy hỏa tương khắc, chỉ nan hòa hiệp.* » Vậy cả hai thuận ý phân rẻ nhau ra, năm chục con theo cha xuống biển, năm mươi con nọ đi với mẹ về núi ; Hùng, là trưởng tử, lên làm vua.

Khi ta để dẹp chuyện thất bổn ấy lại, ta tưởng đến sau, khi Lạc-Long quân thăng hà, mấy thái tử người phân ly từ biệc nhau. Lớp theo hoàng hậu trở về, hoặc ở lại với dân trong núi, lớp khác đi xuống bải biển cùng dựng nghiệp nơi miền nay có khi là tỉnh Quảng-Đông lúc nầy. Vì vậy, mấy người thứ nhứt làm dân an-nam, còn lớp con thứ hai lại sanh người tàu. Từ đây, ta lo việc dân ở núi mà thôi.

Vậy, Hùng, là đại lang vua Lạc-Long, nối nghiệp trị sơn dân nầy. Khi lên ngôi bèn cải quốc lại Văn-Lang, cùng xưng *Hùng-Vương*, là hoàng hiệu theo sữ gọi mấy vua hậu kế. Các thái tử nguơn thủ nhà Hồng-Bàng đều lấy tước *quang-lang* (1), còn các công chúa đặt là *mỉ-nàng* (1); đó là chức ngày nay mấy đội trưởng dân mường ở miền Bắc-Kỳ, cùng phu nhân người, còn giữ lấy.

Giái hạng nước Văn-Lang lúc đó kể ra như sau nầy :

---

(1). *Quang* = sáng, *lang* là tiếng xưng hô người đàn ông ; *mỉ* = xinh tốt, *nàng*, hay là *nương*, là tiếng gọi người đờn bà.

Đông cận Nam-Hải.
Tây cận Ba-Thục quốc (là tĩnh Cao-Bằng đang thời).
Nam cận Hồ-Tôn xứ (hay là Chiêm-Thành).
Bắc cận Đồng-Đình hồ (hay là đất bưng tại tỉnh Quảng-Tây bây giờ).

Nó lại chia ra làm 15 bộ :

1o Văn-Lang (là chỗ đô thành).
2o Giao-Chỉ (nay là tỉnh Hà-Nội, Hưng-An và Nam-Định).
3o Châu-Diên (Sơn-Tây).
4o Võ-Ninh (Bắc-Ninh).
5o Phước-Lộc (Sơn-Tây).
6o Việt-Thường (Quảng-Bình, Quảng-Trị).
7o Ninh-Hải (Quảng-Yên).
8o Dương-Tuyền (Hải-Dương).
9o Lục-Hải (Lạng-Sơn).
10o Võ-Định (Thái-Nguyên với Cao-Bằng).
11o Hoai-Hoang (Nghệ-An và Hà-Tịnh).
12o Cửu-Chơn (Thanh-Hóa).
13o Binh-Gian (truy chưa ra).
14o Tân-Hưng (Hưng-Tuyên).
15o Cửu-Đức (truy chưa ra).

Chuyện phong thần thuở nguơn sinh ấy cho ta biết dân đất Giao-Chỉ nhẹ tinh thể nào, lập am tự, sát vật mà tế quỉ thần, dường như thay vì các phép kín nhiệm đứng tạo hóa vậy. Người xứ Giao-Chỉ hay chăm vẻ mình và chuyên ròng nghề săn bắn cùng đánh cá mà ăn. Đó là chơn dung gần giống người mường xứ Bắc-Kỳ ngày nay, và dân kha ở dày núi mọc theo Lào quốc.

Sử an-nam cùng sử tàu ít kể các chuyện cơ biến trong lúc họ Hồng-Bàng trường trị .Việc đáng ghi đạ hơn hết trong truyện dề lại, là sự sai sứ qua Tàu lối 1109 năm trước Giáng-Sinh.

Sai sứ như vậy có phải chuyện trần lộ minh là chư hầu quốc, hay là qua do thám nước Tàu như sử an-nam nói chăng ? Ta theo một ý với ông dạc dức Launay mà tưởng, Trung-Quốc tiếp sứ ân-nam khi ấy, tỷ như phận chư hầu đến chầu thiên tử mà thôi, vì sứ qua nhằm lúc nhóm hội các tiểu quốc tùng Tàu ; vả lại, các Hùng-Vương đều gốc người trung-quốc, nên xem ra tự nhiên phải nhinh biết quờn thượng vị các hoàng đế tổ quán mình.

Ông Launay lại thuật thêm rằng : « Các lẽ đó thật chưa đặng mạnh cho mấy, song ông Ngô-Sĩ-Liên, là văn thần thích nghĩa truyện sử, có kể đều nầy mà gia vào : Vua Võ (1), đứng lập nhà Hạ, trị Trùng-Quốc từ năm 2205 cho tới năm 1766 trước Giáng-Sanh, chia nước Tàu ra làm chín châu, còn xứ Giao-Chỉ là một phần trong Dương-Châu. Ấy vậy, ví dầu xem ra đất Giao-Chỉ lúc đó chẳng phải một miền trong Trung-Quốc, thì ít nửa cũng kể nó như chư hầu vậy, hoặc chư hầu phải tiến cống ».

Trước khi nói tiếp, đáng cho ta ngưng lại một dây tại hai bực nầy, là *quờn thượng vị* với *sự chư hầu ;* hai vì ấy nhắc lại cho mấy người thông sử tây nhớ những đều buộc kết nghiêm nhặt, làm cho các chư hầu bên Tây phương trở nên dỏng cường thể nào. Mấy tiểu quốc phục Tàu, xem ra thọ mạng làm theo ngôi thứ mình khác cách với nhau một ít mà thôi ; bởi dó, ông Devéria có giải đều nầy trong sách người : *Histoire des Relations de la Chine avec l' Annam* (nghĩa là *Truyện Trung-Quốc thống thuộc với Đại-Nam) :*

---

(1) Cũng đọc là *Vủ.*

Tôi dịch chử *Phan* là chư hầu, song nghĩa đen nó là « hàng rào, cái sàng, lưới giăng », dường thể các xứ ở cận Tàu cũng là hàng rào nước ấy vậy. Tôi xem ra thế cuộc Đại-Nam kim thời ăn ở với Trung-Quốc, hiểu trọn trong tiếng *Phan*, hay là « hàng rào » nầy; vì nó ở đó, hờ khi có giặc viễn phương tới mà ngăn ngừa bớt, lại truyện giải thêm như vầy: nơi đó là chốn Trung-Quốc đánh đuổi loạn tặc, đặng sau chư hầu bắt nạp lại cho mình, hoặc để đó mà dùng về chuyện khác theo ý mình muốn.

Một việc nữa cũng ăn thuộc với sứ sự ta mới nói đây, lại nó đáng cho ta ghé mắt xem đến, là khi các sứ phản hồi bổn hương, thì ông Châu-Công-Đán (1), hoàng thúc vua Thành-Vương, có ban cho sứ năm *đại xa* có tánh khí cứ chỉ hướng Nam luôn, đặng sứ tìm đường mà về nước mình. Chắc, mấy xe có khí nam châm để chỉ hướng Nam đó, là mấy cái địa bàn.

Vậy, ai nấy thấy người tàu đã biết cùng dùng tánh kim nam châm lâu đời lắm. Còn nói rằng kim ấy chỉ hướng Nam, thời là một cách đặt ra mà kêu theo ý mình, chẳng khác chi cách người phương Tây gọi nó chỉ hướng Bắc. Cây kim chỉ một ngã theo hai đầu nó, kéo thẳng đặng từ chỗ nêu kim qua hai phía cũng vậy; lại tùy theo cách thông dụng ban sơ, người ta phải lấy hoặc đầu nầy, hoặc đầu kia làm mũi chỉ hướng chẳng sai.

---

(1) Chánh danh người là Cơ-Đán, còn Châu-Công là tước mà thôi, chử *Châu* mượn trong quốc hiệu Kỳ-Châu (chư hầu Trung-Quốc), là tổ quán nhà Châu; chử *Công*, là chức quan lớn nhứt, hay là tôn nhơn.

Ông Châu-Công-Đán, thường kêu tắc Châu-Công, là hoàng huynh vua Võ-Vương là đứng lập nhà Châu (1122-246 trước Giáng-Sanh); người thông thái văn chương có danh.

Ta nói tiếp sử lược nầy luôn, song ta xin cho ai nấy rỏ, có một ít người văn chương bổn quốc bát khúc đầu truyện nước Nam. Mấy người ấy chường tỏ đời thượng cổ nhà Hồng-Bàng, cùng vốn dòng khách, như chuyện bày đặt mà thôi (1). Nhưng vậy, có một đều ai nấy xem dường hiệp ý, là nước Văn-Lang không phải trọn đất Giao-Chỉ ; lúc ấy, đất nầy cũng có nhiều chi chánh khác ở, nhưng không nhập với Văn-Lang, cũng chẳng hiệp nhau làm một nước nào riêng nữa. Dầu người văn-lang với mấy chi chánh ấy cũng một dòng, song dân thổ nầy, có lớp tự trị, lớp lại đầu phục mấy xứ khác ở gần.

Ta gặp trong sử để lại hai chuyện làm chứng chắc chắn việc nầy ; chuyện thứ nhứt như phong thần, song khi sửa lại cho mất hình bóng tiếu lâm nó, có lẽ kể sơ đặng như vầy :

Trong đời một vua Hùng-Vương lớp hậu thứ, thuở ấy có giặc dân ở miền cao, kêu là Sơn-Tinh, đánh với dân ở bải biển, gọi là Thủy-Tinh (2). Nguyên cớ nghịch nhau như vậy tưởng tại sự tuyển trạch phò mả mà ra. Tướng quân ở bải biển chen đua với đầu mục dân ở núi, mà cầu hôn công chúa vua nước Văn-Lang. Tướng Sơn-Tinh

(1) Xin coi sách *Le Pays d'Annam* của ông Luro (trương 65).

(2) Hẳn thật nghĩa *Sơn-Tinh = Thần núi*, còn *Thủy-Tinh = Thần nước*. Chuyện lạc bổn ấy thuật rằng, hai chàng tinh nầy dấu chiến với nhau, cả hai đều có yêu quái cùng tiểu quỉ theo phò lực. Bỡi không có tiếng kêu khác, nên ta giữ tên *Sơn-Tinh* với *Thủy-Tinh* mà thôi, song ta dịch nó lại cho chính nghĩa hơn, là *chi chánh ở núi* với *chi chánh ở bãi biển*.

dặng phong phò mả. Thủy-Tinh hồ vì lời mình bất khứng, nên đem binh đến đánh sơn dân, song làm hết sức không lại.

Đặng giáp chiến thể ấy, dường bằng trước mắt vua nước Văn-Lang, thời phải đính rằng vua nầy ít quyền thế, hoặc không có sức chi mà phúng gián các chi phái nầy, vì xem ra chúng nó chẳng tuân ai hết.

Chuyện thứ hai nhằm lúc cuối dời nhà Hồng-Bàng. Thuở ấy, lại có lẽ trước đã lâu, có một xứ kia tại đất Giao-chỉ tên Thục, cũng kêu là Ba-Thục (tỉnh Cao-Bằng ngày nay), là chư hầu Văn-Lang, cùng giáp ranh với nước nầy tại cạnh tây-bắc. (Chuyện nầy chỉ cho chúng ta biết một lần nữa, Văn-Lang quốc không choán trọn Giao-Chỉ). Vì vậy, lần lần các vua xứ Ba-Thục không còn tùng ai hết, cũng có sự thù nghịch dấy ra làm cho hai nước chẳng thuận hòa với nhau nữa. Cớ hềm cừu cũng bởi chuyện kiết hôn mà ra, như ngươi Thủy-Tinh trước vậy. Là vua xứ Ba-Thục cưới không dặng công chúa Hùng-Vương. Bởi đó sinh thương hòa khi cùng tranh chiến với Văn-Lang.

Vua Ba-Thục thất trận, song không biệt hềm, bèn truyền lại cho con cháu mình báo thù chuyện ấy. Các vua nối trị chẳng bỏ qua đều ao ước tiền vương, lại thêm khát khao cai trị nữa, nên chờ dịp tốt mà hành sự. Qua đời Hùng-Vương hậu thứ, có dịp ấy đến, vì vua nầy ăn ở độc ác, mê sa tửu sắc, vô quyền thế khuyên dụ dân phò mình cho tới cùng, nên phải quốc suy.

Yên-Dương, cũng gọi là An-Dương, khi ấy làm vua xứ Ba-Thục, dẫn binh xông qua đánh Văn-Lang. Hai bên địch chiến với nhau lâu lắm, khi thắng

khi thua, song mản giặc An-Dương-Vương phải khởi hoàng. Tranh đấu như vậy một ít năm; sau hết vua An-Dương hẳm dặng kinh thành xứ Văn-Lang, còn Hùng-Vương nhảy xuống giếng mà tự tận, từ đó tuyệt đời họ Hồng-Bàng (năm thứ 257 trước Giáng-Sanh).

SỰ CAI TRỊ VUA NƯỚC THỤC

Vua An-Dương thắng trận doạn, bèn gồm Văn-Lang với Ba-Thục làm ra một nước riêng, cũng cải quốc hiệu lại là Âu-Lạc. Theo lời ông Legrand de la Liraye nói rằng, hiệu Âu-Lạc nầy rút trong hai tên chi phái Âu-Việt với Lạc-Việt mà làm ra.

Chuyện vua An-Dương khởi công trước hết nơi tân quốc mình, là lập ra một kinh đô, dặt tên Loa-Thành (thành xây có hình khu ốc) hay là Tư-Long-Thành, còn người tàu lại kêu Côn-Lôn-Thành (1), bởi vì vách lủy nó cao lắm.

Khi An-Dương tu bổ và gồm xứ Giao-Chỉ về một mối, thời lúc ấy bên Tàu đức hoàng dế Tần-Thỉ (2) cũng làm cho Trung-Quốc ra nhứt thống. Đức hoàng

---

(1) Tên một đảnh núi cao lắm bên Trung-Quốc.

(2) Tần-Thỉ-Hoàng-Đế lập nhà Tần, song không dặng bao lâu phải mãn (từ 249-202 năm trước Giáng-Sanh).

Về hiệu Hoàng-Đế, ta xin ai nấy ý chỉ, dầu Hoàng-Đế thường thường là tước đại vương, song đây là tên vua Vương-Chánh cải lại, sau khi thống trị đặng cả Trung-Quốc, thì xưng là Thỉ-Hoàng-Đế. Đến sau các vua tàu lấy tên Hoàng-Đế ấy đổi ra làm chức mà đặt cho mình.

đế oai vang nầy hủy tuyệt ngôi chư hầu, diệt Đông-Châu, xây vạn lý trường thành, cũng lưu danh phiền trách về chuyện phần thư khanh nho (năm thứ 213 trước Giáng-Sanh) (1).

Cũng là vua Tần-Thỉ ấy, khi người trị đặng tám nước bên Trung-Quốc, người lại tính chiếm các xứ phú hậu ở hướng Nam nữa. Sử tàu nói người sai một đạo 300.000 binh (?) qua xâm lấn xứ Âu-Lạc, lại binh đó mộ ròng quân quang côn cùng bất tài trong nước. Đạo nầy thẳng số và xem ra cường dảm lắm, song như một đám cả thể con người chảo rảo, nghinh ngang, khôn nghiêm tề, nên dễ mà thất trận. Nhưng vậy, đức hoàng đế Tần-Thỉ một ít lâu lại muốn đánh nữa. Chuyến nầy, một đạo khác đông hơn 500.000 binh (?), qua chinh phạt vua An-Dương. Hai tướng Nhâm-Ngao với Triệu-Đà thống quản binh tàu. Tranh chiến với nhau mấy năm, hao binh nhiều mà chưa dứt. Đến sau Tần-Thỉ-Hoàng yến giá, Nhâm-Ngao cũng tiên du. Còn một mình Triệu-Đà

---

(1) Truyện nói các người văn chương đời ấy dùng sách xưa mà giảng nhiều đều trái luật. Họ hay lấy sách mà trách móc vua. Có lẽ ông Lý-Tư, là đại thần nhứt phẩm, xui giục chúa mình là Tần-Thỉ phá bỏ sự tích xưa. Hoàng đế truyền đốt các kinh cùng sử mấy đời trước. Trừ ra sách *Thần đạo thiết giáo*, là *Kinh Dịch* mà thôi, bởi vì nó nói về mạng lý. Thánh chỉ cũng dung thứ mấy sách dạy bói khác nữa, và các sách nói việc canh nông cùng sách thuốc.

Ông đạc đức De Prémare tìm đặng cơ quan làm cho sự thiêu đốt sách vỡ đáng chỉnh ghê nầy ra bớt dộc địa hơn: «Chẳng phải tại cừu thù, song bởi muốn dự phòng, nên người ta soán đoạt các cuốn kinh của mấy kẻ văn chương ấy, vì cáo rằng họ giảng giục dân dấy loạn. Ông Lý-Tư nói muốn cho yên nhà lợi nước, thì các sách đó phải ở tại tàng thơ hoàng đế mà thôi.»

ở lại đánh mà thôi, sau hết, tướng ấy chiếm đặng mấy tỉnh ở phía Bắc, song về lập binh cơ đồ trận, về liệu lý khéo léo cùng giặc, nên giao hỏa với An-Dương-Vương, lại thượng công chúa vua ấy cho con minh là Trọng-Thủy.

Đầu vậy, Triệu-Đà cũng chưa dứt lòng tham. Nhơn lúc bên Tàu nhà Tần suy, trong nước loạn lạc, nguyên nhung Triệu-Đà dùng dịp ấy mà xưng tự quân, doạn dấy binh đánh nhạc phụ con mình, không tỏ cớ chi, cũng chẳng vì lời thề hỏa ước và tình ngãi sui gia với nhau.

Vua nước Âu-Lạc khi ấy đã niên cao kỉ trưởng, bị thất vài trận, cùng thế, ngã lòng rủn chí, bèn giết công nương mình là vợ Trọng-Thủy, rồi nhảy xuống biển mà tự vận (năm 206 trước Giáng-Sanh). Còn chàng phò mã chiếch bạn, rầu rỉ khôn nguôi, hồi tị việc nước, doạn chẳng bao lâu cũng hại mình mà chết.

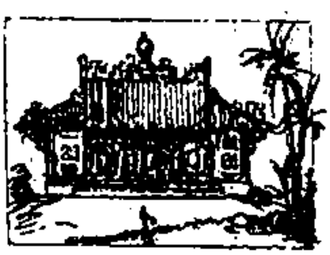
NHÀ TRIỆU

Rày thần khi bổn quốc đã mản rồi, cũng như sự chư hầu lớp trước vậy, là đều bó buộc các chúa với nhau, để cho mầy vì ầy tự trị, song có khi cho đại vương một quyền hẹp hỏi lắm.

Ta muốn kể ra một ít sự tích nhà vương cần mẩn thể nào cho dân chúng trong việc chấp chánh, cùng trong sự giáo huấn ; song rủi, cổ sử tàu, cũng như truyện tây xưa vậy, nói tinh chuyện đâm chém, giết sát, hủy hại, một hai khi thuật việc tổn thất, ít thấy nói cách vua chúa giáo dân, không gặp đều

chế độ trong gia quốc, lại càng chẳng thấy bao giờ thuật cách ăn ở, bề tấn thối các nhơn hội làm sao. Đó là chuyện một gia quyến kia, chẳng phải truyện lê nguơn mà sử lưu lại đâu.

TRIỆU-VỎ-ĐẾ (207-136). — Triệu-Đả khắc thiệp bèn nhập Âu-Lạc lại với mấy tỉnh đã lấy trước, mà làm ra nước Việt-Nam; người xưng là Triệu-Vỏ-Đế, trị nước từ năm 207 cho tới năm 136 trước Giáng-Sanh. Tân quốc chẳng phải xứ Giao-Chỉ mà thôi, lại gồm doi đất Liên-Chàn cùng cù-lao Hải-Nam nữa.



KHOẢN THỨ II

TRUNG-KỲ

Nhà Triệu (tiếp theo). — Trung-Quốc chiếm trị. — Nhà Đinh. — Nhà Lê (tiền). — Nhà Lý. — Nhà Trần. — Họ Hồ tiếm vị. — Trung-Quốc chiếm trị. — Nhà Lê. — Họ Mạc tiếm vị. — Nhà Lê khôi phục.

NHÀ TRIỆU *(tiếp theo)*

TRIỆU-VÕ-ĐẾ (207-136). — Đây ta đã tới lúc Trung-Kỳ gần kề vào sử. Nên ta trần tỏ một đôi lời.

Phần đất chạy dài, phía Đông theo biển, phía Tây theo rặng núi, là một dây bề hoành không đặng rộng, có nhiều dẩy núi nhánh cùng núi dọc từ chánh đái sơn mà xuống biển. Địa cuộc riêng ấy làm cho xứ nầy phân ra nhiều sơn nhàn từ cùng đoản giang hà, chỗ có cây cối điềm dà, chỗ lại cằng địa theo triền núi, tùy đất tốt xấu. Một ít chốn, đất khó trồng lắm, còn khắp nơi phải dày công mới đặng, lại mấy đường nước dễ thông thương, thời là khúc lối gần bải biển mà thôi.

Thuở truyện nói đến đây, trong sử an-nam kêu miền nầy là Lâm-Ấp, và Chiêm-Ba nữa. Xứ đó có

dân kia ở, mà đã biệt tích rồi, lại xem ra khác xa thứ dân trong truyện đã kể cách một ít đời sau, và chúng ta gọi là *Chàm*, bởi tên đặt lúc hậu nhựt cho miền ấy là : Chiêm-Ba (1).

(1) Mấy cựu chí chắc chắn không có dặng tái dẫn hình tích các cổ nhân xứ Tam-Kỳ ; song người ta tưởng tìm ra dặng sự di lai dòng giống lớp tiền đại ấy nơi mấy chi chánh ở tại dải sơn Trung-Kỳ : là Mọi, Kha, vân vân. Có phải đó là mấy người bổn thổ xưa dư lại, hay là những kẻ loán đất còn chỉ tồn, mà tới phiên chúng nó bị dân đất Giao-Chỉ cùng Cao-Man đánh duổi dồn qua đó chăng ? Ta không rỏ sự ấy, song có lẻ chịu đều giác thể thứ nhứt. Vì thấy một ít nơi, mấy chi diệp nầy chưa ra khỏi vòng thạch dại (là đời con người hảy còn dùng đá mà làm khí giái, khí cụ, chưa biết đúc, rèn ngủ kim), lại nhiều dấu tích nghề trác thạch gặp tại Cao-Man quốc cùng tại Nam-Kỳ, làm cho ta tưởng, ít nữa là có một hai mán mọi nào trong mấy di chi nầy bởi người bổn thổ nguơn thỉ mà lai sinh ; còn mấy bia truyền cao-man (như cựu chỉ đền dế Thiên, dế Thích) và những câu chữ *sanscrit* người chàm tạc vào mấy hoàn đá núi tại tĩnh Khánh-Hòa, mà người ta có lấy rập, thì làm cho ta tin rằng, lúc sau có dòng dổi khác đến ở đó, song thuần phong hơn mấy kẻ chánh bổn dịa. Vì vậy, bởi không có thế nhắc cổ tích hơn, nên ta xin phân giải ít lời về mấy tông chi nầy mà thôi.

Trước thuở mấy chi phái đất Giao-Chỉ đến lập gia cư, thì xứ Đông-Dương đã bị tộc loại khác choán, lớp dưới phía Nam lên, lớp trên hướng Bắc xuống.

Phía Nam, kể là người cao-man với người chàm. Người thứ nhứt nguyên bởi những dân nước Hindoustan, còn người thứ hai gốc tại mấy dân ở chòm cù-lao malayu mà lai sanh. Cả hai đều để lại dấu tích thậm sâu về sự phụng tự mình : là đạo *Brama*. Đó chứng dặng bực giáo hóa cao xa rỏ ràng.

Phía Bắc, người thai và dân đất Giao-Chỉ ; cả hai dồng bởi loại mông-cổ và có khi nguyên cựu tại một chi chánh mà trổ sanh. Về sự tấn phát mấy chi phái xứ Giao-Chỉ, ta dẫn giải nó trong chánh văn. Còn người thai thì xem ra lúc sau tách ra làm ba chi diệp : là người mường, người lèo với người xiêm.

Nói về vua Triệu-Vỏ-Đế, khi chưa làm chúa tể đặng xứ ấy một minh, người đả tính chiếm đất Lâm-Ấp mà mở nước ra cho rộng hơn. Người khiển binh qua đánh thắng nước nầy và lấy cho tới Cửa-Hàn (năm thứ 206 trước Giáng-Sanh). Trong truyện không nói chính vi đứng thắng trận có thân chánh phần đất mới thuộc quốc nầy chăng, hay là người dạy du nạp theo lệ thường mà thôi. Song có một đều nên ý chỉ, là sau khi chiếm cứ xong, thì hơn mấy đời sử không còn nhắc đến truyện đất Lâm-Ấp nữa ; sự như vậy làm cho ta tưởng miền ấy ít người ở, hoặc có dòng dõi nào cư trú đó, song ít địch khái, lại hay biết xa lánh chuyện tranh giành luôn.

Khi vua Triệu-Vỏ-Đế chinh chiến xong về, người bèn lập kinh dô tại Phiên-Ngu trong tỉnh Quảng-Đông. Tại chổ chánh phần trị đó người tiếp sứ tàu của đức Cao-Đế (1) sai đem sắc hiệu An-Nam quốc vương qua phong cho người.

Đây là lần thứ nhứt, truyện dùng hiệu *An-Nam* (nghỉa là cỏi Nam thái bình) của nước Tàu đặt ra thuở ấy mà kêu xứ Giao-Chỉ, lại từ đó về sau nó làm tên nước.

Cách phong vương cho một chúa nào tự trị, như ta mới nói đây, xem ra sái lẽ hằng. Song, như nhớ đến những lúc phản phiền năng sanh trong Trung-Quốc đời ấy, và trí quen ưa mộ chư hầu chẳng hay dứt, thời dễ cho ai nấy hiểu, khi có một vi thái thú nào thấy minh được thế quyền mạnh mẽ một chút, bèn tự chuyên cũng xưng vương đặng. Người ta cũng biết, hễ ở ngôi vua, hữu ích mà nhìn biết

(1) Là vua nhà Hán trị quốc trước hết.

mình là chư hầu lịnh thiên tử, sự ấy không bó buộc chút chi trong vụ cầu phong, là sự ủng hộ một ít khi có mấy vì quan khác tranh giành.

Vua Triệu-Vỏ-Đế vừa trị đặng hai mươi năm, kể năm 183 trước Giáng-Sanh, bà Lử-Hậu bên Trung-Quốc, khi ấy cũng đã lên ngôi được hai năm rồi, ra lịnh cấm các chợ nơi giáp giái, không cho bán đồ bằng sắt, cùng một it vật khác cho người xứ Nam-Việt. Vua Triệu tưởng, hoặc gỉa dò nghi ngờ, rằng sự nghịch như vậy bởi một hai vì quan đại thần nào tại triều đức hoàng hậu mà ra, lại nhứt là nghi cho vua đất Trường-Sa, là chư hầu Trung-Quốc. Đặng báo thù sự sỉ nhục như vậy, Triệu-Vỏ-Đề đam binh dánh vua ấy và lấy mấy xứ thuộc về người. Đức nử vương Lử-Hậu có sai một đạo binh qua giao phong với vua Triệu (năm 180 trước Giáng-Sanh), song binh đó chịu không nồi khí trời nóng nực mùa hè, nên phải binh an-nam phá vở tan dễ lắm.

Vua Văn-Đề lên kề ngôi cho dức nử hoàng Lử-Hậu, người làm hòa với Triệu-Vỏ-Đề, là một đấng vương tướng tài tri cùng khải huờn luôn ; đến sau, vua nầy trị nước lâu lắm, nhơn dân an cư lạc nghiệp, cho tới năm 136 trước Giáng-Sanh, sử nói người hưởng thọ 121 tuồi mới thăng hà. Người trị quốc đặng 71 năm.

VĂN-VƯƠNG (136—124). — Hồ, là con Trọng-Thủy, cháu đích tôn vua Triệu-Vỏ-Đế, lên nối ngôi, xưng là Văn-Vương. Vua nầy chẳng đặng tư chất, tài lành như vương tổ phụ mình. Vả chăng, đó là thứ luật ngoại trừ, ghe phen làm cho kẻ hậu duệ

các đứng anh danh phải vương vấn, luật ấy chẳng thửa lệ chung chỉ sự tuyển dưởng giống tốt, của các đấng thông thái luận về nhơn dân sanh tân, song nó không làm cho giảm lực lệ ấy đặng.

Bởi chưng, lớp hậu kế nầy chẳng hay gặp các thế sự tương tự như tổ phụ mình đã bị vây phủ ; nhưng vậy, cũng phải xưng rằng, hậu đại dó thượng thường bất tài, không làm cho sinh thị thế giống đặng một cách, như các tiên kì diệu nhơn ghe phen đã toan tính. Lại, nếu phải nói thế sự sanh nhơn, thời củng phải nhìn biết nhơn sanh thế sự ; như cáo rằng mọi cuộc kể trong sử đều tùy nhau mà xuất lại cách nghiêm nhặt là chánh lý, vậy cũng phải thêm rằng, lâu lâu có một chuyện khác thường, chẳng ăn thuộc hoặc ít hoặc nhiều với các chuyện dã có trước, xảy đến, xen vào, mà làm cho trịch dường cuộc thế.

Sự dời biến ấy bởi cớ thiên nhiên, hay là nơi ý con người muốn, song Thiên-Đế đã để cho chúng ta tự tính. Thường chẳng cần phải là việc đứng cao trí làm, hay là sự chuyển động tan tành hình thể, song nó dó là việc kẻ thì kêu tình cờ, may rủi, người lại gọi thiên lý sử nhiên, cả thảy không nhằm dâu là đâu.

Vạn vật hóa sanh đều có cốt nguyên biến, bởi đó mới gây ra một hiệp canh biến thứ nhứt có phân độ, song nó không sửa lại lớp lang kế nối tự nhiên của nó đặng (tinh vật); lại một cấp dời biến thứ hai, có sức trở lại làm nguyên tuyền các cuộc sanh hóa (sự chủ trương nhơn vật), nghĩa là căn cớ các hiệp biến cải chẳng phải chính vì mấy việc trước mà ra.

Đó là sự các cuộc xảy đến lúc sau xáp lại, hoặc dan nhau, dầu cho nó thuộc về hiệp nào cũng vậy ;

sự nó pha lộn, sau lại hỏa chất, thì có phần không tránh đặng, phần khác hoặc hiệp hoặc không, làm cho sanh ra việc chúng ta kêu chẳng chính danh, là sự tình cờ. Đẳng đẳng đã độ lượng rồi, hay là bởi con người sữ nên, một thể với những cơ biến nó mới dời đổi, lại nó cũng tại một *nguyên cớ* mà ra như mấy cuộc đã canh cải đó vậy, dầu cho cớ nầy thuộc về thứ lớp nào mặc lòng. Trí chúng ta đây, lại có một mình trí chúng ta đây là bần thiểu mà thôi, phải cho nó một tài phép phân loại, quảng kiến thiệp tưởng và luận lý nữa, song có một sự suy tưởng đến phép ấy mà thôi, thì đủ cho chúng ta ra hôn muội dưới bầu thinh thinh vô cùng nó.

MINH-VƯƠNG, AI-VƯƠNG, THUẬT-VƯƠNG (124-111). — Đây ta đả lìa xa bổn truyện. Ta phải trở lại. Tuy vua Triệu-Vỏ-Đế gốc tàu mặc lòng, song người đã làm cho nước An-Nam ra một cỏi riêng và tự trị ; còn vua Văn-Vương với ba vua kế vị, là Minh-Vương (124-112), Ai-Vương (112-111), Thuật-Vương (111) bởi chẳng gin giữ cùng tu bổ nước nhà cho ra bền vững hơn, lại ăn ở ơ hờ, sơ lược, không lo hiểu biết việc sau, nên hóa như sắm sửa cho nước An-Nam nhập về Trung-Quốc.

TRUNG-QUỐC CHIẾM TRỊ

Trong năm 112, có sự loạn lạc tại triều dấy ra chống cùng quyền phép người tàu, nên vua và bà thái hậu (gốc người trung-quốc), cùng cả sứ bộ

đều bị giết chết. Qua năm 111, đức hoàng đế Hán-Thế-Tông, vã chẳng lo sợ chi một nước mạnh và tự trị nổi dậy nơi cương vực mình, nhơn có sự bối rối trong nước ấy, lại người an-nam đang tranh quờn với nhau, nên dùng dịp nầy mà báo thù chuyện giết sứ mình, và chiếm nó đi. Một đạo binh tàu, có Lô-Bác-Đức thống xuất, kéo qua soán dễ lắm, lại liền chia nó ra từ tỉnh. Vậy, vua Triệu-Đế thăng hà vừa đặng hai mươi lăm năm, thời công nghiệp đồ sộ người khai sáng bị phá tan tác, lại vì vương thứ tư nối trị cho người phải một quan nguơn soái tàu kia, ở tại Nam-Hải (Quảng-Đông), thế vì ngôi báu.

Nước An-Nam phải chịu Trung-Quốc thủ hộ như vậy trót cả ngàn năm (từ 110 trước G. - S. cho tới năm 931 nơi đời chánh kỷ chúng ta đây) ; lúc ban sơ người an-nam có ứng dậy chống cự, song luống công vô ích ; sau lại ép lòng nhẫn nhịn chịu theo số mạng khiến sao chịu vậy. Đã mấy đời khôn phương phục nghiệp, nhưng mà cũng hết lòng nắm giữ niềm ái quốc mình luôn, lại, ví dầu việc dạy dỗ theo cách tàu mở mang sự thông hiểu, làm cho biết phép tắc, nếm mùi nghệ nghiệp cùng văn chương, thì nó cũng chẳng tiêu hủy đặng trí mơ ước gầm ghé theo dòng giống, là nó không cồi được tánh ý người an-nam bao giờ.

Những việc các quan thái thú lớp ban đầu ra sức làm, cho sự giáo hóa người cai trị đặng tạc vào lòng mấy chi chánh xứ Giao-Chỉ, rất nên cả thể lắm. Người đất Giao-Chỉ thật hiền hậu, tiết kiệm, hay thết đải, song nhẹ tin, trí mau dời đổi cùng vội dấy loạn, nên khó mà làm cho chịu theo thói

tục và lễ nghi trung-quốc, lại càng khó buộc ép chúng nó vào việc canh nông nữa. Phần nhiều trong người đất Giao-Chỉ chuyên nghề săn bắn cùng bắt cá đặng độ hộ khẩu, lại đâu đâu và trong mọi việc chi cũng muốn thong thả luôn. Chúng nó chẳng thưa thói tàu, lại cạo trọc đầu, chàm vẽ mình, không tuân lễ nhạc trong sự thờ phượng, nên nhiều phen quan tàu phải dùng phép thẳng, lấy sự lung dữ mà làm cho dân ngu cũng buông tuồng ấy ra có khuôn phép hơn.

Hình thể người xứ Giao-Chỉ đã không được tráng dồng cho lắm, lại ít chuyên nghệ nghiệp hơn nữa, không có đại binh khí chi, nhưng vậy cũng xông vào trận mạc. Giáo với tên gọi rằng đủ dùng cho chúng nó, vì cậy có rừng rú rậm rạp khắp xứ, nhiều rắn rít, cọp hùm, cùng là khí trời nóng nực mùa hạ, làm như cái thuẫn để đỡ thương ; sau nữa bịnh rét và các thứ bịnh bởi chướng khí hóa sanh cũng hiệp nhau giúp chúng nó nữa. Lại, vì như chúng nó chẳng ngăn cản đặng người ngoại quốc đến soán trị, vì như chúng nó cự địch lúc ban sơ với binh tàu cách yếu đuối, hay là không chống trả chút chi, thì chẳng phải vì bởi non gan đâu, song thật là tại mấy kẻ đầu mục hay tranh trưởng, bởi tánh muốn tư lợi mà ra; kể từ vua Triệu-Võ-Đế thăng hà, tánh ấy trở lại hẩm bắt lòng các người lớn trong xứ, chẳng cho từ bỏ sự cậy ý riêng, đặng nhượng quyền cho một người có sức điu đắc cả thảy.

Mà trong lúc cần sự, có anh tài như vậy chăng?

Đặng cho xứ Giao-Chỉ ở an cùng nhập nó vào đại quốc cho thiệt, thì nhà nước tàu có dùng nhiều

cách thế mà làm nó trở ra thuộc địa và giống xứ mình, nhờ bởi biết một ít phép qui chế đất lạ mà ra.

Trước hết phải giảm quyền, bớt phép các người lớn trong xứ. Vì cớ ấy, như ta đã nói trước, nên nước An-Nam bị chia ra làm chín quận, có viên quan bổn quốc, hoặc quan tàu trấn nhậm, song đẳng dẳng phải tùng quan thái thú của đức hoàng đế Trung-Quốc phong lập. Nầy là tên các quận ấy kẻ khai theo ông đạc đức A. Launay :

1o Nam-Hải (Quảng-Châu phủ) ;
2o Thương-Ngô (hay là Châu-Phủ, trong tỉnh Quảng-Tây) ;
3o Uất-Lâm (Quế-Lâm-Phủ, tại tỉnh Quảng-Tây) ;
4o Hiệp-Phố (Liêm-Châu-Phủ, trong tỉnh Quảng-Đông) ;
5o Giao-Chỉ (Thái-Bình-Phủ, tại tỉnh Quảng-Tây) ;
6o Cửu-Chơn (Nam-Ninh-Phủ, trong tỉnh Quảng-Tây) ;
7o Nhựt-Nam (Bắc-Kỳ đang thời) ;
8o Châu-Nhai (cù-lao Hải-Nam) ;
9o Thiềm-Nhỉ (cù-lao gần Hải-Nam) ;

Khi chia quận xong, dân tàu đem nhau qua ở, sau lại phối hiệp với người an-nam. Phần nhiều trong những tội nhơn bị án lưu, đều đày qua mấy xứ đã sáp nhập ; chúng nó cưới đàn bà bổn thổ, còn binh tàu cũng làm như vậy nữa. Việc giá thú nghinh hôn đã chế ra có cách thức, đặng buộc người nam vào gia thất cho chắc chắn hơn, vì trong lúc đó xem sự giao cảm thong thả năng có lắm, song nó chẳng cho sự dễ phản trị như đều qui trách mỗi chủ nhà — là kẻ đặng rộng quyền trong gia nhơn mình — đã cho quan trên vậy.

Kế thấy sự ra sức làm cho dân diền điệp và chích nghệ ấy ở cho có chỗ chắc chắn. Phép trồng tỉa dạy ra, còn người tàu tản đáo lại làm gương.

Bởi vậy, nhờ sự tuyển dần cách khôn ngoan, đôi khi lấy đều hung dữ mà ép uổn nữa, nên dân an-nam mới đem trí mộ lần lần việc canh nông cùng thương mải. Chưa đặng một đời, thấy có nhiều chốn làm tòng khi xưa hay làm cho người ta làm bịnh rét, hoặc nơi binh địa khước khí sinh hàn nhiệt nặng, đã trở nên đồng ruộng tốt, có sức cho nhơn dân đặng tài sản, là sự giải ra biết bao nhiêu mùi ninh thiếp.

Nhưng vậy, phải nhìn biết sự chuộng an hòa chẳng vững chắc chút chi nơi lòng dân hay canh cải cùng lao xao đó, đến đỗi một người nữ kia có thế mà chiêu binh mải mả, tức thời cả nước đều ứng theo (năm 40 sau Giáng-Sanh). Đờn bà nầy tên là Trưng-Trắc, vốn dòng phiệt duyệt, muốn trả thù cho chồng là Thi-Sách dã bị xử trảm ; và lại, sự báo cừu như vậy trúng nhằm quan thái thú tàu phải người an-nam hềm ghét, vì hay lạm tang mà ra. Bởi đó, nàng ấy đặng dân trợ giúp hết lòng. Nên tới phiên quan thái thú phải bị bắt và trảm thủ ; còn quân sĩ tàu đều bị dánh đuổi ra khỏi nước. Thừa thắng hưng tàm nàng Trưng-Trắc bèn xưng vương, lấy hoàng hiệu là Trưng-Vương. Rủi thay, đức hoàng nữ nầy trị nước không được bao lâu. Vì, vừa dặng hai năm (năm 42 sau G. – S.) bên tàu — ban sơ không sức chống lại với loạn — bèn sai một đạo binh rất mạnh qua đánh An-Nam, có ông Mả-Viện thống xuất, là một vì danh tướng hơn hết thuở ấy bên Trung-Quốc. Hai dàng dịch trận gần trót năm, sau hết binh tàu thắng. Hoàng hậu Trưng-Vương với muội tử người là Trưng-Nhị đều nịch tử trong khi dánh trả lại với binh trung-quốc.

Sau khi khởi hoàn xong, quan thượng tướng tàu dạy dựng lên một đồng trụ nơi cương lý Đại-Hán quốc, và tạc vào trụ ấy câu chữ nầy :

Đồng trụ chiết,
Giao chỉ diệt.

dịch theo nghĩa vai là « Cột đồng phá, Giao-Chỉ mất ». Câu chữ đó có hai ý vị, là sự tiên đoán thường cùng lời hăm he rất độc ác nữa. Chí rốt một đều, có khi nó là một cách trong trăm cách để mà bia danh dứng thắng trận ngàn thuở (1).

Ông Mả-Viện tiếp trị theo cách các quan thái thú trước, người dựng sự nghiệp cho quân lính ở trong xứ, giúp chúng nó đặng đôi bạn, lại dùng binh sĩ mà làm nhiều việc yếu cần cho xứ Giao-Chỉ ra địa lợi. Sự người tàu cai trị như vậy chắc có lẻ đặng bền vững. Ít nữa người ta dễ tin đều ấy. Song sự bình an như vậy thường thường tạm mà thôi, vì như binh tàu nhập với dân xứ Giao-Chỉ đặng làm cho chúng nó ham hố các công việc sở tại, biết cần một ít vật dụng, thì tới phiên binh ấy mau bắt chước người an-nam trong sự phiền trách, xem xét việc quan trên hay hà khắc nhơn dân quá mực.

Cách dân tân đáo mau đồng tình với người bổn thổ như thế, là vì lẻ nầy, đẳng đẳng phải khâm phụng các luật lệ như nhau. Nhà nước chẳng phân biệt người cai trị với kẻ đầu phục trong chuyện như vậy. Thể thức ấy công trực và chính quốc pháp, là khi —

---

(1) Theo lời ông De Mailla *(Histoire de Chine)* nói rằng : Ông Mả-Viện dạy trồng trụ đồng ba chỗ khác nhau ; gần thành Quảng-Nam phủ tại Trung-Kỳ ; gần núi *Fen meo* chia tĩnh Quảng-Đông với Bắc-Kỳ ; và gần Tư-Lăng-Châu, là thành tại tĩnh Quảng-Đông, song lúc đó thuộc Bắc-Kỳ.

đầy trúng việc nầy—hai thứ dân đồng loại theo nhau một cách trong sự học hành đều phong hóa và phượng tự, sau lại không trồi nhau bao nhiêu khi canh biến. Đều như vầy làm cho hết thảy sinh linh trong xứ, bất luận sắc nào, hóa ra đồng tâm hiệp lực về việc ích lợi chung, lại, khi quan trên ăn ở lộng quyền, cả dám bèn trở lại chống cự cùng quan ấy.

Đó là chuyện dã sinh ra nhiều khi trong các tỉnh bên Trung-Quốc, dầu nó gốc tàu hay là bị sáp nhập cũng vậy ; đó là chuyện đến sau cũng xảy đến chẳng biết mấy phen tại các quận an-nam mà ta dang kể dón truyện đây. Trong dó nó có một cơ quan nặng : là sự làm cho gầy ra tánh riêng mỗi nước. Dầu người an-nam tầm lòng minh cho tươm sự giáo huấn tàu, thì cũng ở theo an-nam, còn kẻ tàn dáo, bởi ít nhơn số lại kết cấu với dân bổn địa, tới phiên chúng nó cũng trở nên an-nam nữa. Sử ký và dân vật chí sờ sờ đó làm chứng việc nầy.

Sau lớp quan trấn thủ, có người hiền lành, có kẻ xấu tánh, song phần nhiều khi bạc nhơn dân, thời tới năm 187, nhà Hán phong cho một người khách kia, tên Nhiếp, lên làm thái thú, vốn thân thuộc người đến ở trong xứ dã dặng sáu dời. Sử ký gọi người là Sĩ-Vương, nghĩa là vua hay chữ. Người đem sự phong hóa, các câu luận ngữ về cách vật và chánh giáo của dức Khổng-Tử vào xứ Giao-Chỉ ; cũng là người mở mang việc văn chương cùng thói tục tàu ra hơn hết ; lại, trong lúc người cầm quờn vỏ trị, dân an-nam đỗ đặng bực cao khi khai khoa thủ sĩ.

Chẳng những là người làm quan có đức, mà lại là một vì bát sĩ anh danh, người thi ân bao nhiêu cho dân, cũng phò tá Trung-Quốc mấy nhiêu, lại khi khí thề, trong năm 226, lưu hậu dấu tích người trung trực, ái nhân, nên dân sự cám mến lắm.

Ông Sĩ-Vương từ lộc rồi, khi ấy ba em người đang trấn nhậm ba quận lớn trong xứ Việt-Nam, đều tin tưởng sự nối quyền thái thú sẻ về tay một người nào trong ba. Song đức hoàng đế bên Tàu, bởi sợ để việc cai trị mấy quận xứ Việt-Thường cho một họ hàng dặng lòng dân thể ấy, e sau sinh đều, nên sai một tướng, tên là Lữ-Đại, qua quản lấy An-Nam.

Mấy em vua hay chử bèn bất bình, phản phò chống trả. Thú sử tân quan là tay quỉ quyệt, mưu mô, hiểm tâm, cho khuyên dụ với ba ông nầy đến cùng minh. Cả ba ra đầu thú và...bị trảm quyết. Lần lần các thân thuộc ông Sỉ-Vương « cũng bị rụn dầu, vì dặng vinh vang làm bà con với một người trước dã làm cho nước An-Nam ra giống Trung-Quốc hơn các kẻ khác. » (*A. Launay*).

Gần rốt dời thứ ba, nước An-Nam phải bối rối lại nữa. Lúc nhà Ngô với nhà Tấn tranh quờn thượng vị, có thế mà làm cho nhiều sự loạn lạc dấy lên ; nhưng vậy, bởi phần nhiều trong dân chẳng bị lao khổ cho thái quá, lại lúc ấy dã chịu theo lễ phép và sự bảo hộ tàu rồi, nên không chung sức giúp việc ứng nghĩa.

Đến sau nhà Tấn thắng được nhà Ngô. Nhưng trong khi đó các quận Việt-Nam có ông Đào-Hoàng cai quản, là một vì tận tâm phò tá hoàng đế nhà

Ngô, nên mới được chức cao trọng thể ấy, lại, trong mười năm, quan đại thần trung tín nầy làm cho nhà Tấn không đặng quyền chi trên xứ An-Nam. Vậy muốn vỗ về chiêu an, phải một người lớp sau rốt thay mặt nhà Ngô (dã phục nhà Tấn nhằm năm 281) sức trác khuyên gián hẳn hòi mới đặng. Dầu vậy, nhơn dân dã tríu mến gia quyến ông Hoàng, nên khó cho các quan khác trị lắm ; bởi đó, đức hoàng đế nhà Tấn mới chìu theo sự lý trị nước, ai nấy dễ hiểu, là quên đều bất bình mà để cho ông Đào-Hoàng cùng họ hàng người quản lấy nước An-Nam. Thân thuộc ông nầy làm đầu việc quốc chánh dặng bốn dời, trong xứ thái bình, nhờ sự phản trị tùy theo các đều cần và ý ao ước nhơn dân thuở ấy.

Giữa dời thứ IV, chuyện tao nhiễu cùng loạn lạc khởi sự lại nữa. Các hoàng đế tàu mắc lo lắng nhiều việc dặng sữa yên mấy xứ chính của mình, nên ít xem đến nước An-Nam. Song qua năm 353, đức hoàng đế lại dịnh phúng gián. Người sai một quan trong thích lý người, tên là Nguyễn-Phu, dặng rộng quyền qua sữa trị và dẹp loạn cho yên. Nhưng vậy, lần nầy sự bối rối chẳng phải cớ tại quan tàu hà chánh mà thôi, song bởi dân xứ Chiêm-Ba xông qua cướp phá nữa.

Kể từ khi vua Triệu-Đế chiếm Lâm-Ấp cho tới lúc đó, xứ nầy vắng làm cho người ta nói tới chuyện nó. Dầu vậy, nó không tư hành dặng, vì nó thuộc về phần đất của nhà nước Việt-Nam quản thủ. Theo lệ, nó dính với Nhựt-Nam (xứ Bắc-Kỳ dạng thời), sử tàu dặt tên nó là *Lin-Y*, còn người an-nam lại kêu Lâm-Ấp, song, trong thuở ấy người ta hay gọi

là Chiêm-Ba. Kinh đô nó tên Chiêm-Thành, còn theo sự di ngôn thì nó ở tại tĩnh Quảng-Bình ngày nay.

Vì làm sao đã đặng mấy đời yên ổn, bỗng chúc thấy có nhiều đạo hung đồ bởi nước ấy dấy lên, mà nhiễu hại mấy tĩnh ở theo dọc biển, và để lại khắp nơi, theo đường nó đi, nhiều dấu tích bại hoại gơm ghê thể ấy?

Ông Luro thuật chuyện nầy có lý lắm, nên ta kể lại và thêm cho đủ hơn :

Qua đời thứ IV, xảy thấy thình lình trước mặt một dân kia ở xứ Lâm-Ấp, bổn tánh liều mạng lạ đời, chiến tàm, hải tặc, hay xâm lấn cướp phá mấy châu ở theo mé vịnh Bắc-Kỳ, lại thường khi nó cũng lên cho tới Quảng-Châu phủ nữa. Tánh ý giặc dấy ra như vậy tại mấy xứ liên cương, sau khi dặng bình an mấy đời, chẳng chỉ là một tân dân kia chồi dậy sao? Theo ý ta, không lẽ nghi ngờ đặng, là quân đạo kiếp malayu đã soán Lâm-Ấp mà thế cho dân thổ hiền từ xứ ấy, và lấn dồn dân nầy vô rặng núi Trung-Kỳ.

Người malayu tới ở Tam-Kỳ lúc nào, lại vì làm sao đến lập gia cư đó?

Hai câu hỏi nầy chắc chẳng hề minh giải đặng bao giờ.

Định cho hẳn thật lúc nào mấy kẻ loán đất trước hết đến gầy dựng cơ nghiệp, là một đều rất khó. Kể nó sau đời Triệu-Võ-Đế đặng, như nói nó trước vua ấy cũng được vậy. Bởi chưng xem ra vua Triệu không chiếm xa hơn Cửa-Hàn. Lại, vì như sự xâm lăng không xuống dưới phía Nam hơn, vậy người ta có lẽ mà chịu rằng miền việt địa đó không ai ở chăng? Sự như thế cho phép quân malayu dễ đến lập qui mô tại đó mà không làm thiệt hại ai hết. Hoặc là, cũng mấy người malayu nầy dựng gia sản chắc chắn nơi ấy đã lâu, lại có khi giao hảo với người cao-man nữa?

Trong việc như vậy, ai nấy dễ hiểu vì làm sao vua nước An-Nam ngưng sự chiếm cứ lại đó. Có lẽ người gặp phía trước một dân kia nhứt quyết chống trả, còn hậu diện bị xứ mới lấy, nghĩa là còn đang thù oán. Hễ càng lước tới xa nước mình, thì sự vận lương phạn và khí giới trên bộ càng gay trở, còn dùng đàng thủy, âu phải bịnh nghịch, là kẻ vượt biển mạnh dạn, làm cho dứt đường diệu vận chư vật ấy.

Còn về ý nào làm cho dân malayu đáo ngụ đó, người ta có lẽ tưởng đặng, là bởi xứ Lâm-Ấp có nhiều mỏ ngũ kim.. Mấy kẻ loán dất đã vượt biển cảm đãm, lại ăn cướp thiện nghệ, phải sớm biết cách nào thạnh lợi đặng làm trong xứ ấy. Cũng có khi làm thì loạn lạc chi đó, nên làm cho mấy tay quá hải nầy phải dạt vào bãi xứ Lâm-Ấp. Dầu cách nào, dân tân dáo tới ở yên cùng chăng, thì người bổn thổ cũng phải rút đi lên núi, không kình địch chút chi, lại có khi cũng có một ít kẻ ở lại với dân tân dáo mà thôi.

Chuyện nầy xem ra dường thế, nhứt là khi chăm xem như mấy người malayu đến soán trước hết mà đặng đông số, chắc chúng nó cất nhau lên tại phía Nam xứ Chiêm–Ba, lối giáp giái nước Cao-Man (1) (miền đó đời nay có tĩnh Bình-Định

(1) Một ít vị làm sách kêu nước Cao-Man là Chơn-Lập, đó là sự lầm lạc. Theo sử an-nam thì nói Chơn-Lập là xứ từ Nghệ-An cho tới Quảng-Nam. Người chơn-lập bị dân an-nam lấn dồn qua khỏi mấy dãy núi Trung-Kỳ mà thôi, cho tới mé hữu đại giang Khong. Trong lúc nầy, người ta cũng còn gặp tại Lào, nơi bờ sông hữu ấy, ở giữa Xiêng-Không và Xiêng-Houng, hay là Xiêng-Lâp, một chi phái kia không phải loại cao-

choán). Chúng nó tỏ ra đều như vậy là tại kiểu cất nhà cửa và sự tin tưởng trong cách thờ phượng noi theo dân dàng thổ. Vậy sự chúng nó dinh bén lâu đời với người cao-man đã ưng lý, lại chúng nó có ngày giờ mà hiệp thân hòa huyết với dân ấy. Bởi đó, có lẽ nào chẳng tưởng chúng nó không làm một thế với ít kẻ lân cận ở phía Bác. Sau hết, chắc những người an-nam dấy loạn bại trận còn chỉ tồn, mấy kẻ hung hoang dẳng tử viễn tị pháp hình, hết thảy cả đoàn khốn kiếp mà nhà nước quen xua đuổi ra mấy chỗ giáp giái nào xa hơn hết, thì họ lại kết hiệp với người malayu.

Ấy vậy, khi chúng ta tới khúc truyện nầy, có lẽ dân chàm đó không còn phải là một đám thuộc về tinh loại nữa. Nó đã trở nên một nước riêng, có người malayu, cao-man, an-nam lộn lạo, và có khi người bổn dịa xứ Làm-Ấp nữa. Song le sự pha dòng giống nầy không phải trong một ngày mà đặng ; có khi nhiều đời đã qua, lại theo ý ta tưởng, là kể từ thuở có một lớp người malayu dến ở lối giáp cõi nước Cao-Man, và sự nầy không ăn nhập với mấy tốp nhỏ riêng đã trầy qua, nhiều lúc khác nhau, mà ghé ở dặng một it chỗ tại bải. Mấy người tân đáo nhứt quyết dình trú như vậy, thì lại hiệp với dân bổn thổ mà làm ra một nước riêng; chúng ta không nghi ngờ đặng dều nầy. Song phải nói một lần mà thôi sao? Không, vì cũng có lẻ dịnh

---

man, lại có khi là mấy người bổn thổ dất Chơn-Lạp lớp tiền nhựt còn dư lại dó. Thuở trước, các xứ lèo nầy là chư hầu Cao-Man quốc, song có bao nhiêu dó mà thôi. Tên *Cambodge* là của người portugais đặt ra; dân dàng thổ kêu nước mình là *Sroc-Khmer*, còn người an-nam lại gọi là Cao-Mên.

chắc lúc sau có nhiều tốp mới, bởi mấy đại châu malayu mà đến hiệp cùng những kẻ đồng hương với chúng nó nữa.

Sự ấu quốc nầy sanh tấn lần lần thì có ngằn có độ, do theo hướng nào yếu hơn hết, nghĩa là: hướng Bắc. Nhơn vì phía Nam có xứ hoặc không ai ở (đất thấp ướt tại vịnh thuộc về cữa sông Khong), hoặc có người cao-man soán, song khi ấy dã dỏng cường và thạnh thế nữa, nên có lẽ tận tâm binh vực quê quán minh, không dể cho kẻ tha phương nào đến đó (1).

---

(1) Người làm sách *Empire d'Annam, v. v.*, song dã ẩn danh (ông J. Silvestre có làm lời chú giải), tưởng rằng, miền trung châu thuộc đại giang Khong, hay là Nam-Kỳ (tiền nhựt là Cao-Man hạ), có người malayu, hoặc là người chàm ở đó trước dân dàng thổ lâu lắm; vả chăng, sách *Chronique des anciens rois du Cambodge*, nghĩa là sách *Ngọc điệp kể các tiền vương nước Cao-Man* (của ông M. Aymonnier diễn ra cùng thích nghĩa), thì lại nói rằng, khi trước ông Aschay, là vua chàm, trị xứ Cao-Man đang thời phải người dàng thổ đoạt ngôi, lối năm 289 trước G.-S; quân thần vua ấy rút di xuống phía Nam, nơi miền trung châu, đích thật là tại vịnh thuộc vàm sông Khong. Đến sau, người dàng thổ duổi theo dân bại trận cho tới lối mấy cữa sông lớn ấy. Có một vua cao-man dóng dô tại Saigon, thuở ấy đặt tên Prey-Nokor (nghĩa là vương lâm).

Ông F. Granier không rập theo sách ngọc điệp, người nói dân dàng thổ loán xứ chàm thuở dời thứ mười hai (1153-1156), còn người làm sách giấu tên kể trước nầy lại chỉ niên hiệu theo sử tàu là năm 1197.

Tới phiên ta, thời ta tưởng sách *Chronique des anciens rois du Cambodge* cũng đồng hữu lý như *sử tàu* vậy. Có khi chư vị làm sách hài danh trước dây lộn mấy cựu chi phái với dám hải tặc malayu. Các chi phái nầy, nay chúng ta còn gặp dấu tích lưu tại xứ Lào và trong cả dãy núi Trung-Kỳ, lúc trước bị vô số

Sự tấn lên hướng Bắc thì cứ tiếp dần cho tới ngày nào người chàm đụng một thứ dân kia có sức mà ngăn cản lại, là : người an-nam.

Trong hai nước, bên nào tiên chiến, phía nào quấy trước ? Sử không phân giải cho chúng ta hiểu đều đó. Chúng ta biết sự nầy mà thôi, là cho dặng

---

kẻ loán đất Đông-Dương, là : người mông-cổ, người tây-tàng, người aryas, người dravidiens với người malayu luân phiên nhau mà hòa hiệp, lấn dồn, phá tan hay là hủy tuyệt nữa. Bởi đó, lối năm 289 trước đời chánh kỉ chúng ta đây, người dàng thổ mới dánh đuổi dặng dân chánh bổn địa ; còn qua lúc sau, đời thứ mười hai, lại kinh chống cùng người malayu. Một cách cũng như mấy người malayu nầy, là có khi dã soán các cửa sông Khong và ở tràn ra từ đó mà qua phía Đông-Bắc. Dầu vậy, ta cũng cứ tưởng rằng mấy người từng trãi việc đi biển hơn làm ruộng, thạo cách dạo kiếp hơn là chích nghệ, chẳng ở miền trung châu sông lớn nầy dặng, vì lúc đó còn đang tân bồi, cũng đầy tinh bưng láng, rừng rú, lên hơi dộc sinh hàn nhiệt và các thứ bịnh khác, lại chỗ đó không gặp sự gì mà làm cho vừa tánh siêng sẳng chúng nó. Thật là tại mấy miền nào, như ta có cho ai nấy rỏ thấy trước, mà dễ ở hơn, dễ tìm lợi hơn, thì nó quyến dụ mấy kẻ loán đất tới, lại các miền đó ở tại Trung-Kỳ mà thôi. Ắt có lẽ đến sau người malayu ở rãi qua phía sông Không, cũng như chúng nó đã ở láng qua hướng Bắc-Kỳ và Trung-Quốc vậy ; sự đó có khi như thế và làm cho ta chắc ý hơn nữa.

Còn về mấy thứ tiếng nói kể trong Ngọc diệp cao-man lại xem dường nguyên cựu nó bởi tiếng chàm mà ra, song lúc nầy nó chưa tỏ lẽ chi cho chắc, bởi vì phải chỉ dần người chàm kim thời — là lớp cựu dân chàm bị người an-nam lấn dồn còn dư lại, sự nầy không chối từ dặng — song cũng là lớp dân bại trận phải người dàng thổ dánh đuổi cách một ngàn năm trước mà còn chỉ tồn, đều như vậy khó ưng lý lắm.

chinh phạt người chàm về mấy việc hung ác đã phạm, thì ông Nguyễn-Phu, khâm sai dại thần của đức hoàng dế Trung-Quốc, khi vừa cầm quờn chấp chánh, người bèn dẫn một đạo binh qua đất Lâm-Ấp cùng triệt hạ năm mươi cái đồn xứ ấy. Binh gia đánh phá lung lắm, cho đến đổi quân ăn cướp ngưng sự nhiều hại trót bốn mươi năm.

Qua năm 399, vua xứ Chiêm-Ba dam binh di loán đất nữa. Vua ấy cướp phá theo dọc biển cho tới Quảng-Châu phủ, song không ở được chỗ nào hết. Quan thú sữ hay các quận xứ Việt-Nam dánh đuổi dặng giặc khắp nơi. Ông nầy là người an-nam, tánh danh Đỗ-Viện, nguyên sinh cũng tại một làng với đức nữ vương anh hùng Trưng-Trắc.

Kế mười bốn năm sau, là năm 413, ta lại gặp cũng vua ăn cướp dó đang quấy phá tỉnh Quảng-Đông. Ông Huệ-Độ, con quan thú sử Đỗ-Viện, trong lúc ấy dã nối nghiệp cho cha. Người có phước hơn thân phụ minh nữa, là bắt dặng và lấy thủ cấp vua xứ Chiêm-Ba.

Cách hai năm, có một vì tân vương malayu trở lại phá phách nữa. Bải biển xứ Bắc-Kỳ phải tan tác. Sau hết, ông Huệ-Độ mới hiểu phải dùng thẳng phép mà trị kẻ nghịch hung bạo như vậy mới dặng. Năm 420, người qua dất Chiêm-Ba, chém giết trót nữa phần nhân dân xứ ấy, và buộc ép lớp còn dư lại phải trả tiền bạc rất nặng mà chuộc mạng sống. Mà khi dân chàm vừa khỏe lại, thì vua nó, là Phạm-Dương-Mại, trở qua loán dất Cữu-Chơn nữa (năm 431), song bị bại trận phải trở lại.

Năm 436, quan nguyên soái tàu sang qua đất giặc, dánh lấy nhiều đồn lũy, phá hủy đạo binh chàm, rồi chở tài vật mà dam về nước minh.

Dân xứ Chiêm–Ba ở yên đặng vài năm, mà khi thấy mình huờn lực lại vừa khá một chút, thì nó trở qua cướp phá nữa. Nó đi ngã biển xâm lấn lần lên, còn trên bộ các quan tỉnh nước An-Nam đánh lại, nó thua nhiều trận tan tác. Ắt thật, các người an-nam phải chịu lao đao về mấy lúc phá hại khôn dứt nầy, song nhờ sự chống trã với quân nghịch chung hằng tái sanh mãi, nên làm cho dân an-nam có tánh nương cậy nhau lại một chút, vì đồng quốc, mà đã mất lâu ngày, đặng chiến tâm như trước, mở lòng hiểu biết tài sức riêng mình thể nào, dọn ý ước ao cho sẵn như vậy, đoạn chiếm thâu sự tự chủ mình xưa.

Đời chiến quốc gần chồi dậy. Cũng phải nói chuyện phân phiền bất tận dường thế bởi chư vương tranh vị mà ra, làm cho nước Tàu hóa như một xứ xao động, tan tành, không sức trừng trị chư hầu đặng kính phục mình nữa. Ban sơ nhà Ngụy phế Hán, lại tới phiên Ngụy bị Tấn, hiệp lực với Ngô, mà đoạt ngôi đi ; sau hết nhà Tấn cũng phải chịu nhượng vị cho họ Tống nữa.

Trong khi trào Tống chiếm vì thiên tử, lại nhờ mấy lúc bối rối khôn cùng làm cho Trung-Quốc tàn bại, thì có một cơn loạn lạc nổi lên lần thứ nhứt nơi dân xứ Giao-Chỉ. Một người an-nam kia dại đảm lắm, tánh danh là Lý–Thường–Nhơn, chuyên quyền thú sử và gìn giữ chức ấy cho mình. Cách một ít năm người mãn phần, thì Lý-Thúc-Hiến, là bà con, lên kế nghiệp. Bấy lâu nhà Tống để làm sao tự ý, song nay phải nhà Tề đoạt ngôi báu rồi; ban sơ đức hoàng đế tân trào cũng giữ y vậy, sau lại thâu quyền Lý-Thúc-Hiến mà cho một quan thú sữ tàu qua thế vị (năm 485).

Năm 541, có một lúc dấy loạn khác chỗi dậy mãnh hơn lần trước, lại được việc chầy ngày hơn nữa. Có một người, tên là Lý-Phỉ (1), vốn quê quán tại xứ Thái-Bình (thuộc Trung-Quốc) đến ở trong nước lúc cuối đời nhà Hán ; ông nầy được danh tiếng về chữ nghĩa văn chương cùng vỏ nghệ, người nhờ hàng nho sĩ (trong đám đó có ông Tịnh-Thiều) và các quan văn trợ sức cả thể, nên đánh đuổi đặng mấy quan tàu. Người xưng vương, lấy hoàng hiệu là Lý-Nam-Đế (năm 544). Rủi thay, trong lúc tao loạn như vậy, dân chàm cứ rình rập luôn, nên nó dùng dịp nầy mà tới xâm lấn nước An-Nam.

Vua Lý vừa đánh đuổi được nó, kế có một hoàng đế nhà Lương, khi sửa dẹp an bài bên Trung-Quốc, rồi cũng muốn làm cho xứ An-Nam hàng phục nữa. Vua Lý-Nam-Đế bị binh tàu đánh thua mất gần trọn phần đất mình, sau lại thọ bịnh mà chết (năm 548).

Lúc đó binh gia an-nam muốn nao lòng núng trí, kế có con một người trong mấy chánh đãng dậy giặc, tên là Triệu-Phục, ra mắt, làm đầu đánh thắng binh tàu. Ông nầy trở nên anh hùng nhứt xứ, tóm thâu giềng mối trong nước, lại lấy hiệu là Triệu-Việt. Song thương ôi ! người hưởng danh trận không đặng bao lâu mà hết.

Trong lúc vua Lý cự chiến với binh trung-quốc, thời có ông Lý-Thiên-Bửu, là hoàng huynh vua Lý-Nam-Đế, nhờ một người trong thân tộc mình, tên là Lý-Phật-Tử, giúp sức ướm đánh phá thử

(1) Ông P. Trương-Vĩnh-Ký gọi là Lý-Bôn.

quận Cữu-Chơn, song bị thất trận, binh gia tan tác, nên chạy vô tị nạn trong dày núi xứ Ai-Lao. Sau hiệp quân gia lại đặng, người xây lên một thành tại Đào giang và lấy hiệu là *Đào-Lang vương*. Người tạ thế nhằm năm 555.

Ông Lý-Phật-Tử nối nghiệp, sau tranh làm vua cả nước An-Nam. Bởi đó sanh ra sự đấu chiến với nhau không dứt. Vua Triệu-Việt thấy dân lao đao lận đận, thì động tình thương xót, nên lấy lòng quảng đại mà giao hòa và nhượng phân nửa nước cho người tranh ngôi với mình.

Vua Lý trị phía Nam, nghĩa là phần đất từ Hoàng-Châu, hay là xứ Nghệ — nay thuộc về Hà-Tịnh, Nghệ-An với Thanh-Hóa — mà chạy vô cho tới Huế. Người lấy tên Đào-Lang làm quốc hiệu. Muốn cho sự hòa hảo ra bền bỉ hơn, vua Triệu mới gả công chúa mình cho Nhả-Lang, là thái tử vua Lý. Song bởi sự tham lam vua Lý-Phật-Tử mạnh hơn lòng tốt, nên người đánh lại nữa. Vua Triệu không muốn cho dân chịu hoạn nạn lâu ngày như chuyến trước, người bèn tự vận đi.

Còn vua Lý, chớ chi trong lúc đặng quờn chúa tể một mình, mà người sửa sang giềng mối trong nước lại cho có ích lợi hơn, ai hay người chẳng lo đều chi sốt. Sau khi làm cho trong nước chịu nhiều nỗi tàn toan vì nội loạn, thì xem ra người chẳng còn bền chí huyết chiến về sự tự chủ mình nữa. Người ở ngôi đặng 31 năm, kế đức hoàng đế bên Tàu (khi ấy nhà Tùy tức vị) sai ông Lưu-Phương qua đánh ép làm cho nước An-Nam phục mình. Binh trung-quốc đã đông số, lại chiến tàn, kéo qua giáp giái (lúc đó nhằm năm 602) ; dạo nầy đánh thắng binh an-nam trận đầu, doạn dầy tới

đóng trước đền vua Lý. Khi đó vua đã già cả, nên chịu đầu, sau về Tàu mà chết bên ấy. Dân chúng đều chê bai cùng mạn mạ, vì chẳng biết chống trả lại với sự cai trị ngoại quốc mà hộ vực nước mình.

Thật thì nước An-Nam khôi phục như vậy dặng chừng sáu mươi năm, song chẳng phải bởi sức riêng mình hơn là nhờ dịp Trung-Quốc vô lực, mắc phải lận dận vì loạn lạc mà ra.

Về việc mở mang nhơn hội, thấy có một cuộc cả thể đáng tỏ bày ra đây. Từ đời thứ IV cho tới đời thứ VI, dòng dõi người đất Giao-Chỉ chầm rãi dời chỗ ở lần lần. Phần nhiều trong dân bỏ chốn sơn lâm cảnh thượng du, mà xuống lập lần hồi quê ngụ chắc chắn nơi miền trung châu và ở dài theo bãi biển. Người an-nam sửa sang một cuộc đất mới như vậy, kể từ ranh phần Quảng-Châu (thuộc tỉnh Quãng-Đông) vô cho tới kinh thành Huế; song giáp giái phía tây vuối tây-nam cũng mấy dây núi đó, dầy tinh rừng bụi nê khí, là nơi đình trú các chi phái cứng cỏi, bất tuân mĩ tục, cùng những chi diệp thiểu lực, không tranh dặng phần thổ cư và chư vật dụng, của đứng tạo hóa đã dành để cho các kẻ nào minh mẫn hơn.

Ban sơ quan đô thống Lưu-Phương dạy binh sĩ tàu soán trong xứ, đoạn phân ra cho ở hai mươi mốt cái đồn, sau lại chẳng khỏi bao lâu, người cũng phải đánh với binh chàm nữa. Năm 605, nghĩa là vào xứ Nam-Việt dặng ba năm, ông Lưu-Phương thấy vua nước Chiêm-Ba đến loán Bắc-Kỳ. Đó là phần số xứ địa lợi nầy phải chịu như vậy. Nơi ấy giặc giã luôn luôn, không dứt dặng. Hoặc dân tình

nồi dậy chống cùng Trung-Quốc, hoặc có nội loạn, hay là quân chàm tới cướp phá. Như ba thế sự tai biến nầy không xảy đến dồn dập một lược, ấy là đều khổ não không xiết, thì nó xảy vần nhau mà nhiều hại nhơn dân.

Ông Lưu-Phương đánh đuổi quân khêu chiến và theo riết cho tới đất nó. Người soán lấy kinh thành, rồi góp thâu của cãi rất nhiều mà đam về. Nhưng vậy, cách người hồi qui chẳng có chút chi gọi là khắc thiệp, vì binh gia làm bịnh chết dọc đàng nhiều lắm, lại chính vì người là tướng quân, cũng phải bỏ mình trước khi về tới Trung-Quốc.

Năm 618, nhà Đường nối trị cho nhà Tùy. Quan thú sữ hay cỏi Việt-Nam khi ấy tên là Hòa-Lịch, không chịu khâm phục tân vương, lại thay vì cựu trào mà kình địch lại, như ông Đào-Hoàng hồi trước vậy. Đó là những gương trung tín về lời đoan thệ mà sữ lấy làm có phước chép ra chính giữa sự tu ố mấy đám con người, giữa đều tọa tang biết bao nhiêu đứng quờn quới, không chút chi náo động tâm tình về chuyện ưu phiền kẻ khác, lại cũng chẳng vị đến việc thiệt hại chập chồng dân chúng, miễn là chiếm đặng quyền thế thì thôi.

Lại đây, nhà Tùy ăn ở với Hòa-Lịch cũng như nhà Tần với Đào-Hoàng lúc trước. Họ Tùy cũng để cho ông Hòa-Lịch thân dò đại vị, bởi có lẽ tưởng rằng, sự phò tá trào khác cách trực tình đường thế, chẳng phải là mao bịnh làm cho vĩnh bất tự dụng; vã lại, khi người ta gặp dọc đàng một đứa đầy tớ nào trung tín, có tài như vậy, ai ai cũng làm cách kia thế nọ cho đặng nó theo giúp đở mình.

Lúc ấy, nhằm năm 618, nước An-Nam chịu di tỉ khác xa khi xưa lắm, chắc là tại dân dời chổ ở mà

ra, như ta đà trần tỏ trước, lại cũng có lẻ bởi khai quốc càng ngày càng rộng lớn, và lần lần qua hướng Nam. Đức hoàng đế đầu nhà Đường, niên. Hiệu Võ-Đức, lập chánh sự ra cho nước An-Nam. Từ lớp thượng cổ chí dỉ lúc ấy, xứ An-Nam, khi thì trở nên một nước riêng có vua trị, khi lại chia làm chín quận việt-thường có quan nguyên soái tàu thống quản binh dân. Nhà nước tàu tạo nầy đặt tên là An-Nam-Đô-Hộ-Phủ (1), kể từ chót hướng bắc xứ Bắc-Kỳ chạy vô cho tới tỉnh Quảng-Nam, lại phân ra làm mười ba châu, phải cống phú theo lệ. Việc du nạp như vậy đến sau hóa nên căn cớ những đều loạn lạc mới.

Năm 687, có sự tập lập dấy lên, quan đô hộ Lưu-Diên-Hựu bị chém chết, song đến sau tới phiên mấy tay làm giặc cũng phải chịu bắt và xử trảm.

Năm 722, có một người an-nam kia, tên Mai-Thúc-Loan, làm đầu dấy loạn cả thể hơn nữa. Người soán Xứ-Nghệ, giao lân với dân chàm và dân caoman, rồi dấy tới đánh binh trung-quốc Nhưng vậy, dầu quân gia đặng đông số, thời khi giáp trận đầu, người cũng bị mấy tướng tàu phá vở tan, nên nước An-Nam phải chịu phục.

Năm 758, đức hoàng đế nhà Đường cải danh hiệu nước An-Nam ra Trấn-Nam; song cách mười năm nó lấy tên lại như trước.

Năm 767, tới phiên người malayu phá phách. Dân nầy bởi chòm đại châu mà qua cướp phá hải biên xứ Bắc-Kỳ lung lắm. Biết phải rằng nó lấy ý riêng đến nhiễu hại thể ấy, hay là có dân chàm, bởi

(1) Nghĩa là nước An-Nam chịu Trung-Quốc bão hộ cách nhặt nhiệm.

thấy dèo người an-nam muốn soán đất minh, nèn xúi giục như vây chăng ? Sữ ký không giải đều dó. Chúng ta hiểu việc nầy mà thôi, là quan kinh lược tàu, tên Trương-Bá-Nghi, dánh đuổi được nghịch tặc, lại bởi muốn phòng ngự xứ Bắc-Kỳ cho khỏi chịu xâm lăng lần khác, nên mới xây La-Thành, đến sau trở nèn đế kinh (là Hà-Nội kim thời) (1).

Song La-Thành cũng chẳng dón ngăn dặng dân chàm, còn bải biền, là chốn dày công lao khổ chiếm cứ, gần bị quân phỉ hải phá tán một lần nữa. Lối dầu dời thứ IX, sự loán đất trở lại khuấy rối, cũng có một nước Chiêm-Ba mới tái lập xâm lấn ranh phần vô trong Xứ-Nghệ. Dân an-nam bại tích

---

(1) Nói về Hà-Nội và chung quanh thành ấy, ta dặng thơ ông Trương-Minh-Ký gởi nói như sau nầy, lại nó phải dịp cho ta nhắc tích xứ Giao-Chỉ một lần nữa:

« Trong sách *Đại-Nam quốc sữ diễn ca*, của ông Nguyễn-Du chép ra, thấy có hai câu nầy:

Định-An, Hà-Nội đổi thay,

Ấy châu Giao-Chỉ xưa nay còn truyền.

« Vậy Giao-Chỉ là Hà-Nội lúc nầy. Khi trước nó là một châu, hoặc một bộ, thuộc Văn-Lang quốc (nước An-Nam thuở dời nhà Hùng-Vương). Nếu như người tàu cứ hài tên Giao-Chỉ luôn như vậy, là bởi bản sơ chiếm được có một châu đó mà thôi, lại, nhơn vi nó dặng tư nhuận và phước địa, nên có lẽ họ ao ước hơn mấy chỗ khác.

« Tôi xin trần tỏ một chuyện nữa: là không có nơi nào tại Hà-Nội mà thấy *người có ngón chơn cái chè rè*, như gặp dôi khi ở Nam-Kỳ. Một ít người trong dân xứ nầy bởi cựu dân dàng thổ mà di lai.»

Bây giờ, tới phiên ta cũng kề bày cho ai nấy rõ, mấy chuyến ta hữu sự di lên Cao-Man và Lào-Hạ, ta cũng chẳng thấy chỗ nào có người bị ngón chơn cái dạt ra làm vậy.

một lúc, sau tiếp đánh liền, nhờ có các tướng và quan đô thống tàu quản xuất. Hai bên giao phong một it lâu, khi thắng khi thua. Sau hết binh an-nam duổi đặng giặc và lấy bải biển lại cho tới Quảng-Nam bây giờ (năm 808).

Giữa dời thứ IX, có sự xâm lăng khác dữ tợn hơn mấy khoản trước, nó dầy tràn trong cả và xứ, làm cho nước An-Nam phải hạ trầm. Lần nầy nó ở miền cao mà xuống, bởi nước hiệp chúng Nam-Chiếu, cũng gọi là Lục-Chiếu, trong đám đó có mấy chi chánh tự trị ở tại Vân-Nam hạ, vuối cả miền Lào-Thượng nhập lại nữa. Quân nam-chiếu xem dường có mọi Thô-Mân đốc giục, đem đàng; vì dân mọi ấy bị đầu phục nước An-Nam, lại có nhiều sự phiền hà các quan thượng tàu. Binh hồ lỗ đánh lấy nhiều thành lủy, rồi loán tràn trong xứ, đi tới đâu cướp phá tới đó. Nó bị bại trận đầu, song qua năm 862, nó trở lại hảm vây đặng thành đô hộ cùng lấy một phần nước An-Nam.

Đức hoàng đế nhà Đường để vậy một it lâu, đến sau người quyết định đánh đuổi quân xâm loạn. Người sai một quan trong hàng danh tướng, tên là Cao-Biền, ông nầy chiếm thâu kinh thành lại và trảm quyết đặng nguyên soái nam-chiếu. Trong nước mới binh yên như trước, nhưng không được bao lâu.

Kế thấy binh nam-chiếu trở qua khêu chiến nữa, song khi ấy đức hoàng đế mắc phiền việc bên Trung-Quốc, không giao tuy đặng với nó, nên tính giao hòa và gả công chúa cho dầu mục quân nam-chiếu. Ông nầy bèn sai ba tể tướng minh tài tình hơn hết đi tiếp rước. Song ông Cao-Biền biết mấy quan ấy lực lượng phương pháp lắm người có gởi

thơ tâu xin đức hoàng đế tra độc dược, lại viết thêm như vầy « nước Nam-Chiếu phải suy vi lâu ngày không còn phá hại đặng nữa ». Lịnh truyền làm y theo lời khuyên, nên đạo binh bá chiếm mất tướng phải rút về (năm 870) (1).

Rốt đời thứ IX qua đầu đời thứ X, thấy có nhiều lúc bối rối, hoạn nạn hết sức. Muốn cho chơn vạc dạc an, phải có sự cai trị tinh thông, công chánh và lợi dân. Các quan tổng thống tàu đã không chấn chĩnh như vậy, lại cứ thay đổi luôn, nên biết có mấy đều nầy, là thêm sưu dịch cho nặng hơn, gia tăng thế nạp, dùng đều đại ác mà chống lại với dân chúng. Có lẽ mấy quan đó tưởng làm như thế, thì quyền phép mình ra bền vững hơn và ém nhận đặng trí kinh dịch người an-nam xuống, vì chưng càng ngày thấy càng chổi dậy. Song le giờ sau hết gần đồ.

Các người trưởng thượng trong dân an-nam chịu hết nổi sự hà lạm nhà nước tàu, mỏi mê về đều thọ hại mấy lúc tranh vương, làm cho Trung-Quốc phải máu rơi thịt nát, nên tiếp nhau ứng dậy chống cùng quyền cai trị ngoại quốc. Năm 931, loạn lạc tràn ra khắp xứ, các quan trấn tàu bị đuổi thiệt ra khỏi nước An-Nam, không còn cho trở lại nữa. Chúng ta cũng phải biết rằng, lựa lúc như vậy thật trúng cách lắm. Trung-Quốc khi ấy đã mỏn sức rồi vì nội loạn mà ra, nên đương chịu thì tao động tai ương thậm chí.

(1) Theo ông đạc đức Legrand de la Liraye lại khác, người nói sự ngự hôn đã an thành, vì lẽ ấy xứ Vân-Nam phải nhập vào Trung-Quốc.

Rủi thay, mấy tiểu chúa an-nam thiện quyền chẳng dặng ngoan ngùy hơn chư đại vương bên Trung-Quốc tranh ngôi thiên tử. Các vì ấy hay ganh gổ, tương hại mà doạt vị nhau, một đôi khi kiếm cách làm cho quyền thế có hình dáng chính phép hơn, là xin hoàng đế Trung-Quốc phong vương cho mình, đều như vậy vua tàu chẳng hề từ nan bao giờ. Các sứ quân nầy mắc cả lo cho quyền phép mình dặng bền vững, bởi nó hằng muốn sẩy mất luôn, nên không tu chỉnh thể lệ chút chi trong nước. Cũng có một khi kia mỗi chúa xứ chẳng còn cung phụng luân âm nữa, vì vua vô quyền, lại thiện hành trong bổn tỉnh. Bởi đó sinh ra một lúc nọ làm cho các phần đất nước An-Nam hết chung lo việc quốc chánh, nên không có sức chi hết.

Sự lấy làm lạ một chút, là nhơn sao nước Chiêm-Ba không ướm thử phá lại mấy kẻ liên cư với mình. Phải định phỏng rằng, khi đó nó cũng làm thì thế dơn sơ lắm, bởi lúc sau đây chúng ta còn thấy nó di loán dất nhiều lần.

Dầu cách nào, ví như các quan trong nước phân cách ngãnh nhau lâu ngày, thì chắc làm sao Trung-quốc cũng chiếm trị lại nữa.

Mà thạnh lợi chi cho nước An-Nam khi phải Trung-Quốc thủ hộ như vậy ?

Ta không thấy một ích nào sốt. Thuở dó, dân an-nam mượn những sự nước Tàu có thế mà cho : là cách cai trị, phép xữ doán, sự phượng thờ, nghiệp văn chương và lẻ thông thái, cả thảy đều bởi Trung-Quốc mà ra.

Người an-nam nắm giử, sao lại, song không ép mình rập y theo kiểu nước ấy. Dầu mà cứ ngợi khen sự giáo huấn tàu luôn, bởi bổn tánh tự nhiên

hiểu biết nó là đều thi ân, thì cũng chẳng hay bắt chước cho thường. Dầu cho lúc sau đi nửa, khi các vì vương đế nước An-Nam khôi phục lại đặng chắc chắn và tự trị, cũng cứ giữ phận sự phụ dung mình với Trung-Quốc luôn, thật thì theo lệ vậy mà thôi, song nó chứng tỏ lòng cung kỉnh mấy vua về việc giáo hóa kỳ diệu ấy.

Người ta bắt lý rằng, cách mấy đời dã qua mà người an-nam không làm cho sự giáo hóa tàu tấn tới chút chi hết. Các tài khéo và sự thông thái nơi dân an-nam hằng kém sút bội phần hơn là ở bên Trung-Quốc. Có lẽ dường thế, song ví như người an-nam ở sau xa theo sự giáo hóa tấn tới mà thôi, thì nhưng vậy cũng chẳng lìa bỏ; lại còn như không tạo lập, ít chế biến vật chi, thời lỗi bởi tại chỗ ở mà thôi. Nước An-Nam là một xứ riêng, hoặc thuộc về Trung-Quốc, nên chính vì nó không cải đặng thế sự nhơn dân sanh tấn bởi tánh giáo buộc là bao nhiêu. Nó vâng phục cách ơ hờ nhửng luật chẳng hay dồi chỉ về sự sanh tấn dòng giống con người.

Các đám nhơn dân, cũng như mỗi người riêng nhau, mà có tấn tới, là khi nào chúng nó bị đều xui giục thiệt hằng ở một bên luôn: là sự cần kíp và sự thù tạc với kẻ trải việc hơn.

Không cần, thì chẳng rán sức; không rán sức, chẳng có sự tấn ích. Song dây, cũng như trong mọi chuyện vậy, là người ta không làm quá mực chính đặng; khi đều cần chẳng có, hay là ít lắm, thì nó giảm lực tri hóa đi; như nó hung lắm, hoặc là khi nào sự buộc phải cho có mà trên sức con người đời chịu đặng, thời nó phá trí, hại thân, không còn kể chi nữa.

Một luật tương tự khác buộc về sự thù tạc. Khi có một thứ nhơn loại nào trong hai mà kém sức hơn lúc tấn phát, thì hiểm nghèo cho nó phải tuyệt mất, bởi vì, như nó bắt chước giống tính hư nết xấu loại mỉ phong hơn, thường nó không biết học đòi tư chất loại ấy được. Lúc như vậy, dân thông minh phải cho thạo cách và bền chí mà quản trị, cùng chầm rải phân bổ mọi việc; song nhiều khi sự làm ăn cực khổ chẳng cho dùng cách ấy.

Đều nầy đã tất giải, ta thấy lúc trước dòng dỏi người an-nam ở trong thì thế làm cho sự tấn phát riêng nó phải ra yếu ớt lắm. Phía Đông, giáp giái nó là biển, phía Tây và phía Nam, có mấy chi chánh di địch, hay là ít thuần phong hơn. Nên mọi sự học hành chi củng đều bởi một nơi mà đến : là hướng Bắc. Ấy vậy, sự nó thống thuộc với Trung-Quốc đã không được khai quảng, lại cũng chẳng bền đỗ cho trọn, vì lẽ ấy dân an-nam phải chịu thua sút người tàu luôn ; vả chăng cũng bởi phong thổ nó nhiệt, tại sự nhơn dân ăn ở tiết kiệm cùng thô kệch quá, nên ít có sự cần dùng hơn là cách thế biết làm ra cho mình vui lòng.

Không ích chi cho lắm mà thêm vào mấy hàng nói trước đây về vụ tranh vương bất tận bên Trung-Quốc — hãy còn lâu ngày — là một đều làm cho sự sanh tân dòng dỏi người an-nam đặng hữu ích, sau lại giúp nước An-Nam khỏi tùng phục Tàu, như ông Luro có thuyết lý đều ấy trong sách người mà rằng, nó làm cho bớt dính bén với Trung-Quốc, đặng xứ An-Nam cai trị riêng, mà không đều chi ngăn trở.

NHÀ ĐINH

ĐINH-TIÊN-HOÀNG (968 — 980). — Trước đây ta có nói nước An-Nam lâm thì nội loạn bất cùng, phải mười hai sứ quân hung bạo giành xé. Có một người trong đám ấy, tên là Đinh-Bộ-Lãnh, nghĩa tử một quan tỉnh kia, tiếm đặng quyền cả, rồi tính sửa dẹp trong nước mà làm cho nó ra nhứt thống. Người đánh thắng lần lần các tri châu, đồng liêu, rồi xưng vương, lấy hiệu là Đinh-Tiên-Hoàng, nhằm năm 968. Người roi theo dấu các tiên vương annám mà cầu phong với Tàu.

Ta có chỉ tục lệ ấy ra trước nầy thể nào, đến sau các vì vương đế nước An-Nam đều do theo nó, bởi nhìn biết tổ tường Trung-Quốc có quyền giáo hóa trên, vì làm cho mình đặng sự học hành nghĩa lý.

Vua Tiên-Hoàng khi trước là tay vủ sĩ cường dảm bao nhiêu, nay trở nên một đấng cai trị từ hậu bấy nhiêu; người đặng nhiều quan trung tín, tài trí vây phủ phò giúp; lại, bởi muốn cho an tâm hậu nhựt, người mới sắp đặt binh gia đông lắm, phân ra làm mười đạo, mỗi đạo được một vẹo lính. (?) (1).

---

(1) Ta kể số binh nầy theo ông P. Trương-Vĩnh-Ký, ta xem ra nó cao quá, vì nhiều lẽ. Trong xứ nào mà người tráng lực phải đi lính, thì phần binh nhơn xứ đó tính ra đặng từ một phần hai mươi cho tới một phần mười trong số chung nam phụ lão ấu. Như không dụng đàn bà với con trẻ vào cuộc binh lương, phải trừ ra trọn một phần ba trong số quân sĩ đánh giặc, đặng để mà lo việc hỏa thực, cùng về mấy kẻ bị tật nguyền không bớt đặng hay có trong mấy đám con người đông. Mà nước An-Nam lúc trước, lại từ đó tới chừ nữa, cũng chẳng phải là một dân chuyên ròng binh nghệ, theo một thể như

Mỗi đạo chia ra làm mười *quân*, mỗi quân mười *lử*, mỗi lử mười *xuất*, mỗi xuất mười *ngủ;* vậy mỗi ngủ có lẽ phải kể là mười tên lính, song le chử *ngủ* là *bọn năm người;* có phải đó là đều làm chứng sự ra thức hạng sái chăng? (1).

---

người mảng-châu, người arabe, người turc v. v.; vậy không chiêu mộ hết thảy dân tráng đặng và buộc đàn bà, kẻ già cả với con trẻ đi theo việc binh. Dầu vậy, giả như lúc ấy làm đặng như thế, lại lấy một phần mười trong nhơn số, nghĩa là phần cao hơn hết, thời tính ra được một triệu con người ở trong xứ lớn tròm trèm Bắc-Kỳ và phân nữa Trung-Kỳ đời nay. Chúng ta biết thuở trước hai xứ nầy cày cấy ít, người ta ở thưa thớt lắm, không được nhiều như bây giờ, song nhơn số Bắc-Kỳ và trọn Trung-Kỳ kim thời còn góp đặng có chừng mười triệu mà thôi thay.

Sau hết, như xem qua vụ tích trử lương phạn dự phòng cho binh dân, ai nấy cũng biết đồ lục cốc để làm vật thực, thì dễ trồng ra cho có và gìn giữ nó. Như lúa thóc, trái trăng, rau cỏ, khoai củ đều làm của ăn các dân ở một chổ luôn. Kể từ đời cố lý cố lai, không dinh chắc đặng, hột gạo là một vật thực thứ nhứt trong nước An-Nam với Trung-Quốc. Ấy vậy, ai ai cũng biết hai xứ nầy ra công trồng trĩa hết sức, thì nhiều khi gặt không đủ lúa cho dân xây dụng. Thí dụ, tại Bắc-Kỳ chẳng thấy có tấc đất nào trồi lên mà người ta không mau tay cày cấy, nhưng vậy mỗi năm xứ Nam-Kỳ phải cấp dưởng thêm phần lúa cần kíp cho nó. Vậy một triệu lính của vua Đinh-Tiên-Hoàng, kể một mình nó mà thôi, xài mỗi năm hết 365 triệu kilos gạo, số lúa huê lợi nầy cả và nước An-Nam lúc đó cho có gặt được đi nữa, thời tới mực ấy mà thôi, chớ không hơn đặng. Vậy, còn dân lấy chi mà ăn?

(1) Ta có hỏi ông Trương-Minh-Ký về đều nầy, người nói có khi ông Pétrus Ký dịch lộn, vì sự chia đạo binh ra nhỏ lần lần, thường không phải lấy số mười mà phân.

Hết thảy lính tráng trong đạo binh đều đội nón có bốn góc, mà nay thiên hạ trong xứ hãy còn biết. Vua Đinh-Tiên-Hoàng có phong đặt trước đầu mỗi đạo binh một quan tướng quân, để lãnh việc người truyền dạy mà thôi.

Quốc hiệu cải lại là Đại-Cù-Việt (nghĩa là giồng lớn vượt khỏi) (1) còn đền đài vua ngự lập tại Hòa-Lư trong xứ Nghệ-An.

Vả chăng, thấy trong hai sách tàu *Châu lễ địa quan* với *Châu lễ tiểu tư đồ* có giải rằng: « *ngủ nhơn vi ngủ* (năm người làm một ngủ); *ngủ tốt vi lữ* (năm tốt làm một lữ); *lữ ngủ bá nhơn* (mỗi lữ là năm trăm người). Còn *quân* (nghỉa vai là « đạo binh ») với *tốt* (đội binh) thì không định số là bao nhiêu lính, nhưng vậy về « đạo binh », thấy trong sách nói nó kể theo lệ là 12,500 người.

Ta xin nói thêm về mấy số dự định nầy, khi trước mỗi ngủ có một người *cai* làm đầu; mỗi đội, hay là hai ngủ, có một người *đội*, mỗi tốt, hay là 10 đội, có một quan *lảnh binh*; mỗi lữ, hay là 5 tốt, có một quan *đốc binh*; còn mỗi *quân*, hay là 20 lữ, có một quan *tướng quân* thống suất. Vậy mỗi quân lúc đó phải kể chắc là:

Tướng quân	1
Đốc binh	20
Lảnh binh	100
Đội	1.000
Cai	2.000
Lính	10.000
Hiệp cọng	13.121

Ai nấy thấy số binh đó không trồi xa số 12.500 là bao nhiêu. Song tính thể ấy, vua Đinh-Tiên-Hoàng dặng chừng 125.000, mà có hơn nữa thời là 131.210 quân sĩ mà thôi, số nầy có lẽ chịu đặng hơn số một triệu của ông Pétrus Ký khai.

(1) Cách nói *vượt khỏi* chỉ về cho bên Trung-Quốc kêu.

Vua Đinh-Tiên-Hoàng là một vì phân đoán nghiêm chỉnh, người truyền lịnh tầm bắt không hở mấy kẻ hung đồ, quang côn, cả đoàn lính tráng bạo ngược, phá phách dân chúng — làm cho khi trước sanh sự tinh tệ — mà lúc đó hãy còn nhiều hại trong xứ. Người biết sự kiên sợ pháp hình buộc mấy quân ấy cải quá hơn là sự cung kỉnh luật nước, người dạy để một vạc dầu sôi bằng đồng tại sân chầu, và cọp nuôi trong chuồng. Lại đề bản rao cho ai nấy thấy : « Mấy kẻ mắc tội phải bị nấu dầu, hoặc là hùm hạm phân thây » .

Nhờ lẻ công trực nầy hiệp với cách thiện chánh làm cho trong nước An-Nam đặng an hòa, thới thạnh lại. Đều như vậy cũng không ngăn cấm được cho khỏi sự rối rắm trong nội, là con trưởng nam vua giết em út mình, vì đặng phong làm hoàng thái tử. Lúc đó vua Đinh-Tiên-Hoàng tùng theo tục lệ tàu, cho đấng vua chúa được phép chọn lựa, trong hàng con cái, đứa nào để sau nối trị.

PHẾ-ĐẾ (980 — 981). — Tội sát nhơn làm vậy không tấn ích chi cho người anh độc ác đó. Vì qua năm 981, chính mình ông ấy và vua cha phải tay tên lính thị vệ kia thích sát.

Ông hoàng Triều, là con thứ ba vua Đinh-Tiên-Hoàng, khi ấy còn nhỏ tuổi lắm, lên kế vị. Sử ký gọi người là Phế-Đế. Quan võ Lê-Hoàn, làm thống tướng quân, lại xưng mình là trủng tể, nghĩa là phó vương. Ông nầy thật một người ham hố danh lợi hơn lòng trung quân, thạo cách làm cho binh dân kính sợ quyền phép nhà nước lắm, song về

phần mình nhiều hơn là cho vua. Có một hai quan cử khởi chống trả lại, song bị đánh dẹp hết.

Cách ít lâu quan đại thần tham tâm nầy không còn bằng lòng quyền phép vương đế nữa, lại cũng muốn cho mình có sự vang hiển cùng ngôi cao. Vậy, khi vua Phế-Đế tức vị được tám tháng, ông Lê-Hoàn giáng người xuống và bắt cầm trong một cung kia. Ông ấy nhờ có quan tướng tàu và các cai binh đồng ưng, lại phải nói nhứt là đức hoàng thái hậu thuận ý, vì trước có tư tình với người, nên tôn lên ngôi càn, người lấy hiệu là Lê-Đại-Hành.

NHÀ LÊ (*tiền*)

LÊ-ĐẠI-HÀNH (981—1006). — Nhà vương trước hết là nhà Đinh, trị nước từ năm 968 cho tới năm 981. Nay có dòng khác đăng quang, là họ Lê, song cũng không được bao lâu (chừng ba mươi năm mà thôi).

Lúc vua Lê-Đại-Hành lên ngôi, người phải đánh với ngoại quốc đặng hộ vực nước nhà.

Họ Tống sửa dẹp đặng an bài bên Trung-Quốc, cũng muốn buộc nước An-Nam chịu phục mình nữa. Ban sơ mấy đạo binh tàu sai qua đánh thắng an-nam trận đầu, song đến sau phải vua Lê-Đại-Hành hũy tan lần lần hết, dầu được việc như vậy; vua cũng giao hòa với đức hoàng đế nhà Tống, lại thọ sắc phong vương và bằng lòng tiến cống.

Chuyện Trung-Quốc vừa dứt, kế tới phiên nước Chiêm-Ba, vua xứ ấy tên là Xá-Lợi-Đà-Bàng, bắt sứ an-nam mà giam lại. Vua Lê-Đại-Hành đam binh

đánh lấy Chiêm-Thành, ở tại đất nó một đôi tháng, rồi tóm thâu tài vật rất nhiều mà về.

Vua nầy là một vì vương đế cứu thục, chấn chỉnh sự tự trị nước An-Nam lần đầu hết trước mặt Trung-Quốc, lại chữa lỗi mình một ít về chuyện tiếm vị là như vậy. Người thăng hà trong năm 1006, ở ngôi được 25 năm.

LÊ-TRUNG-TÔNG (1006). — Ông hoàng Long-Việt nối trị cho vua cha, song bởi các anh em người cứ nhương đoạt luôn, nên hơn mấy tháng mới tức vị đặng; lại, qua ngày thứ ba sau khi lên ngôi, người bị mấy ông hoàng đó cho quân hoang giết đi. Trong truyện gọi người là Lê-Trung-Tông.

LÊ-NGỌA-TRIỀU (1006—1010). — Ông Long-Đỉnh, là con thứ năm vua Lê-Đại-Hành, lên tức vị thế cho hoàng huynh, nhơn dân đặt tên người là Lê-Ngọa-Triều. Vua nầy có danh về tửu sắc, hôn tâm mà thôi. Người tạ thế nhằm năm 1010, lại sự người biệt trần đó là dấu hiệu thay đổi trào khác.

NHÀ LÝ

LÝ-THÁI-TỔ (1010—1028). — Vua Lê-Ngọa-Triều chết có để lại một đứa con trai còn nhỏ tuổi, với bà chính cung song không được xứng đáng, ngoan ngùy cho bằng nguơn phi đấng lập nhà Đinh. Bà ấy rập một ý với ông thầy chùa kia có quyền thế mạnh, mà tôn quan tướng Lý-Công-Uẩn lên làm vua,

tức thời ông nầy sai sứ qua xin đức hoàng đế Trung-Quốc y phong cho người. Lịnh thiên tử hạ sắc tôn vương, cũng như thường khi, lại lấy làm toại chí mà tỏ ra quyền thượng thủ mình như vậy.

Tân vương, lấy hiệu Lý-Thái-Tổ, là đứng lập Lý. Người biết việc thù tạc với ngoại quốc cùng cách sửa trị nước nhà thật nghiệm tường, nên làm cho các xứ lân cận hòa hảo, trong dân an cư lạc nghiệp. Trong đời người trị, các thuế lệ đều sửa lại hoặc là bày ra thêm, có lập phần thủ để thâu thuế thương chánh, và giấy thông hành, phái cấp. Lúc ấy La-Thành đã hóa ra chốn kinh sư thật, có cất nhiều cung điện, chùa miễu, làm cho phong cảnh ra thanh lịch hơn; ban sơ kêu nó là Đại-La, mà khi vua nằm chiêm bao thì cải tên lại là Thăng-Long-Thành (nghĩa là quốc đô có rồng hiện ứng); trước đây ta có cho ai nấy biết đến sau nó trở nên kinh thành Hà-Nội thể nào.

LÝ-THÁI-TÔNG (1028—1054). — Vua Lý-Thái-Tổ băng trong năm 1028. Thái tử người là ông Phật-Mã — sau lấy hoàng hiệu là Lý-Thái-Tông — khi kế ngôi phải đánh với ba hoàng đệ làm loạn, nhờ có binh sĩ giúp sức. Một người trong ba vị vương nầy bị giết chết, còn hai ông hoàng kia sau ra mặt, thọ tội với tân quân cách trực tình lắm.

Chuyện ba ngự đệ vừa xong, thấy tới phiên mấy quan tỉnh làm phản. Trọn mười lăm năm vua phải thân chinh đi đánh luôn mà dẹp các quan tranh đoạt và ít ái quốc nầy. Lúc trong nước bị chuyện phân vân làm vậy, thời dân chàm lại cướp phá bãi biển

nước An-Nam. Vua đem binh đánh thắng nó trận đầu, bắt sống đặng 5000 đứa và 30 thớt tượng. Đoạn vua kéo tới hãm lấy kinh thành xứ Chiêm-Ba và đoạt thâu của cải nó. Vua Lý-Thái-Tông muốn thêm nhơn số nước người đặng thạnh hơn, nên dạy ban đất cho quân giặc bị bắt, cho phép lập làng lập ấp như trong xứ chúng nó, lại đặt theo tên mấy sốc khi trước quân ấy đã ở tại đất Chiêm-Ba vậy.

Qua năm 1048, vua khiến binh đến đánh xứ Ai-Lao. Chúng ta gặp, như đây, mấy cựu chi chánh dất Giao-Chỉ một lần nửa, lại nước Ai-Lao cũng còn nhiều khi chống trả quyền cai trị người an-nam, vậy ta xin nói một đôi lời về chuyện ấy.

Khi đó xứ Ai-Lao là phần đất núi trong quận Ái-Châu, nay chia ra làm hai tỉnh Thanh-Hóa với Ninh-Bình.

Một it vị làm sách tưởng rằng, xứ nầy là chốn đồ nhờ của một it tông chi đất Giao-Chỉ, lúc trước rút vô ở trong núi đặng tránh cho khỏi vòng quyền phép các quan thú sử tàu, nên gìn giữ đặng cổ tục và quốc giáo mình xưa, tư lệnh trong cõi riêng, hay ganh ghẽ về sự hành chánh, chắc có lẽ phải mất khi hiệp với lớp miêu dệ tổ tiên mình, vì cũng đồng một gốc mà ra, song đã thuần phong và lai giống khác, nên không muốn dính bén với nước An-Nam chút chi hết.Chúng ta thấy lúc sau đây quan quân xứ Ai-Lao nổ lực chống trả lại với người an-nam gần mấy đời, đặng binh vực sự tự chủ mình thế nào.

Vua Lý-Thái-Tông sai một đạo binh đến đánh, làm cho dân ấy đầu và bắt được nhiều người mà đem về.

Xem qua cuộc cai trị, ta thấy vua Lý-Thái-Tông có giảm bớt thuế, vì khi mản giặc, nó lấy làm nặng

nề cho dân lắm, người lập sự hưu trí ra cho các quan lão, hạ chỉ cấm buôn người bán mọi. Rủi thay, thánh chỉ ấy không đắc sách, bởi chưng trí ý nhơn dân thuở đó chưa hiểu thấu đặng sự nầy, là nhơn hội có phép cột trói vị nào thuộc hội, thời là khi người ấy diên cuồng, hoặc mắc phải tội chi mà thôi. Cũng trong đời ấy có lập ra cung trạm và tìm đặng tài nghề dệt tơ.

Các vì vương đế nhà Lý, mà nhứt là vua Lý-Thái-Tông, thì khâm sùng đạo Phật lắm. Thuở ấy có cất ra nhiều am tự chùa chiền, hoặc chưng nhiều quí vật bởi lòng rộng rải nhà vương dâng cúng.

Có nên nói rằng, nhơn dân trong đời nhà Lý nầy thành kính đạo Phật cách tinh khiết chăng? Ta không lấy làm chắc. Người an-nam lớp đó tưởng không buộc mình, lại có lẽ it hơn đời nay, về sự giữ nhặt nhiệm tam qui ngủ giái. Cách tôn trọng Phật giáo thuở ấy phải có mực, cũng dường thể kim thời vậy, là theo các lễ chế dễ làm, có pha phách điều dị đoan, hay là lễ nhạc của dân xứ Giao-Chỉ xưa còn truyền lại.

Vua Lý-Thái-Tông tân thiên trong năm 1054, người lưu hậu dấu tích một đấng trị dân có đức, một vì tướng quân dỏng dược mưu mô, lại đặng sự trồi hết, là thánh tâm người rất nên đại lượng lắm.

LÝ-THÁNH-TÔNG (1054 — 1072). — Ông Nhựt-Tôn, con vua Lý-Thái-Tông, lên nối trị cho vương phụ, người lấy hoàng hiệu là Lý-Thánh-Tông. Vua nầy bổn tánh hiền từ, khoan hậu, người hay xuống phước trợ giúp cho dân sự bớt cơ hàn cực khổ, làm cách kia kế nọ mà lánh cho khỏi giặc giả,

cùng là thế sự muốn hóa sinh bất bình trong nước, lại trọn lúc người ở ngôi, người có đam binh đi tranh chiến một lần mà thôi. Là cho đặng chinh phạt dân chàm về sự nó loán qua cướp phá mấy tỉnh địa đầu. Đánh với nó chín tháng trường mà chưa dứt, hao binh tốn của trong nước, người gần muốn bỏ mà rút binh về, may đâu người đổi ý, quay trở lại, đánh thình lình quân chàm, sát hủy cho đến đỗi nó phải nhường cho người ba tỉnh, là : Quang-Nam, Minh-Linh với Bố-Chánh.

Có lẽ vua Lý-Thánh-Tông không biết, hoặc là chẳng muốn qui chế đất người chiếm đó cho ra giống xứ mình, bởi vì, lúc sau đây, ta thấy nước Chiêm-Ba thất trận, nhượng đi nhường lại nhiều phen cũng mấy tỉnh nầy cho các vua nước An-Nam.

Vua Lý-Thánh-Tông thăng hà nhằm năm 1072. Nhơn dân ai nấy đều nhớ danh vọng người, chẳng những vì lòng từ hậu mà ra, mà lại bởi sự người xây tháp Báo-Thiên, là cuộc sáng tạo xinh lịch hơn hết trong nước.

Tháp ấy xây trong vòng tường chùa Sùng-Khánh, nơi ấp Báo-Thiên, làng Tiên-Thị, huyện Thọ-Xương (tại Hà-Nội). Nó có 12 từng đặng chừng hai mươi trượng (1) bề cao; có treo lên một cái đại đồng chung nặng 12.000 cân (2).

---

(1) Một trượng là mười thước mộc an-nam, mỗi thước do ra được chừng năm tấc tây (xin coi sách của ta làm, hiệu *Institutions Annamites*, cuốn thứ II, trương 240 và mấy trương kế, trong đó có giải rõ hơn). Vậy tháp đó tính ước chừng đặng 100 thước tây bề cao(?)

(2) Như do theo cân dời nay nặng 624 grammes 800, thời chuông nầy nỗi 7.497 kilos 600.

LÝ-NHƠN-TÔNG (1072—1128). — Tiên vương yến giá để ngai rồng lại cho một ấu tử người, khi ấy nên bảy tuổi, là ông Càn-Đức, ông nầy xưng hiệu là Lý-Nhơn-Tông. Lúc ấy đức hoàng thái hậu có ra lịnh giết bảy mươi sáu bà thứ phi của vua Lý-Thánh-Tông, làm cho người gần phải mất ngôi báu. Song khi đó binh dân đã có lòng cung kỉnh tước quân vương, nên chẳng thấy một ai đam lòng báo phục tội sát nhơn như vậy.

Nhờ vua Lý-Nhơn-Tông không lo sợ chút chi về trong nước, nhờ sự oai thế nhà minh đắc chúng, thời người cũng chẳng tự nhiên tự tại đặng với Trung-Quốc đâu. Lúc đó các hoàng đế chưa dứt bỏ lòng muốn sáp nhập nước An-Nam. Có một đạo binh tàu kéo qua đánh, bị quan tướng an-nam là Lý-Thường-Kiệt hủy tan. Đức hoàng đế thấy vậy bèn giao lân với dân chàm và dân cao-man, rồi đề binh qua đánh nữa. Ban đầu, người an-nam kinh tâm, sau lại hoan tinh ao chiến, vì nhờ ông Lý-Thường-Kiệt, mưu mô, thiết kế, cho người nói tiên tri rằng chiến thắng.

Tướng quân dùng dịp lúc tâm tri binh sĩ đang hứng vui mà dấy tới đánh, binh tàu thua phải lui về. Mà bởi Trung-Quốc ở riêng một mình, nên qui hội quân nhơn trú tại tỉnh Quảng-Nguyên, lại hăm he làm cho cơn giặc ấy ra thế thế bất tận; còn vua nước An-Nam nhơn có quần thần khuyên bảo khôn khéo, nên gởi trả lại các binh tàu bắt được. Đức hoàng đế bề ngoài thì giả đò tưởng rằng nước An-Nam chịu đầu, song trong lòng lấy làm có phước mà hồi phục, rút binh ra khỏi tỉnh Quãng-Nguyên và làm tờ hòa hảo.

Năm 1110, vua Lý-Nhơn-Tông sai sứ qua Tàu trước hết có ý kiếm cho đặng sách vở. Ban sơ sứ bị nhiều chuyện ngăn trở bởi luật nước cấm sự buôn bán vật ấy, sau hết đức hoàng đế cho phép mua, trừ ra các thứ sách nói về thiên văn, phù thủy, pháp môn, mạng lý, võ nghệ, và cách thế phòng ngữ biên thùy mà thôi.

Vua Lý-Nhơn-Tông băng năm 1127, người không con kế hậu. Trong nước nhơn dân an hòa thới thạnh, còn ngoại quốc thiên hạ thấy đều kinh oai nhượng kiến.

LÝ-THẦN-TÔNG (1128—1138). — Ngai vàng về tay ông Dương-Hoán, là hoàng tôn vua Lý-Nhơn-Tông, người xưng là Lý-Thần-Tông. Vua nầy trị nước không được mấy năm, vì người có bịnh, song nhơn dân đặng bình an vô sự. Vã chăng, các thể lệ người ra trong nước, đều chứng tỏ rằng người là một vì quân phụ công tô nhơn ái. Binh gia đông số làm cho nông nghệ mất nhiều tay cấy hái, nay chia ra làm hai ban, thay phiên nhau mà thú, mỗi kì là sáu tháng. Người xuống chiếu tha các tội nhơn mấy trào trước, dạy trả lại cho chủ những của nhà nước tịch phong. Về đều nghị lượng khác, vua Lý-Thần-Tông có ra lịnh cấm các quan, không cho gã bán con mình trước khi ngưng chọn cung phi, mỉ nữ.

LÝ-ANH-TÔNG (1138—1175). — Ông nầy, là con vua Lý-Thần-Tông, đặng tung hô vạn tuế thuở mới nên ba tuổi. Bà thái hậu cầm quờn chấp chánh.

Năm 1142, có một ông thầy chùa, tên là Thân-Lợi, nói mình con vua Lý-Nhơn-Tông, qui dân lập đảng rồi xưng vương. Ông nầy đánh thắng binh vua Lý-Anh-Tông trận đầu, đoạn hưng tâm muốn kéo đến vây đô quốc, song bị quan tướng Đỗ-Anh-Vỏ đánh thua, rượt đuổi theo, bắt được. Điệu ông ấy về kinh xử tử với hai mươi người đồng lỏa.

Cách mười một năm sau (1153), có người chàm kia muốn tự chuyên, tính soán ngôi ông Chê-Bi, là vua xứ Chiêm-Ba. Người ấy đến xin vua Lý-Anh-Tông giúp binh, thì vua cho. Song anh ta bị thất trận, mà vua Chê-Bi cũng không dám trả thù về sự khi thị sái lẻ như vậy, lại sai sứ đem của châu báu mà dâng cho vua nước An-Nam.

Thuở ấy bên Tàu các chư vương những mãng tranh ngôi thiên tữ. Nhà Tống, nhà Kim đánh nhau mà giành Trung-Quốc. Hai đàng có sai sứ bộ minh qua thông với vua Lý-Anh-Tông (năm 1169), thì vua thết đải trọng hậu lắm, song không chịu hứa cho đều gì. Vì người đợi tàn giặc mới định tính.

Năm 1174, đức hoàng đế nhà Tống xin vua nước An-Nam bán cho mình một it thớt tượng đặng làm lễ tế nam giao. Song vua Lý-Anh-Tông không chịu lấy tiền bạc chi hết, lại dâng cho vua nhà Tống mười lăm thớt voi có bắc bành cùng nội cuộc quí giá, và sai sứ riêng đặc cho tới Bắc-Kinh. (Thường lề có di tiến cống phượng vật chi cho vua Tàu, thời sứ đem qua giao cho quan tỉnh Quảng-Tây rồi trở về mà thôi).

Đó là những chuyện đại khái hơn hết trong lúc vua nầy võ trị. Cả đời người hay chịu theo một it quan triều cùng mấy hậu phi người yêu mến.

Chính vì người ít lo tới việc quốc chánh, song qua năm 1172, có một lúc kia xem dường như người bớt tê mê, người đi tuần nhiều phen khắp xứ. Trong mấy lần ngự vãng như vậy, người có dạy vẽ ra một bản đồ trong nước, đó là lần thứ nhứt sử mới tỏ trần.

Con trưởng nam vua Lý-Anh-Tông, là Long-Xưởng, bị cất chức hoàng thái tử bởi tội loán vào trong hậu cung vua, cũng vì lẽ ấy, nên bỏ ra không cho kế vị, vua lại lập con thứ sáu người là Long-Cán lên ngôi thái tử để sau nối trị.

Vua thăng hà năm 1175.

LÝ-CAO-TÔNG (1175 — 1211). — Khi vua cha khí thế thời ông hoàng Long-Cán mới đặng ba tuổi mà thôi, lên kế ngôi xưng là Lý-Cao-Tông. Bà thái hậu gồm lo việc nước, lại khi mản tang vua Lý-Anh-Tông rồi (năm 1178), thì bà ấy kiếm tìm phương thế hủy di chỉ tiên vương đặng mà lập lại thái tử Long-Xưởng. Song các quan triều không chịu, vì chưng lúc ấy sự kính tôn, tríu mến nhà Lý cũng còn thật lòng lắm.

Thuở đó, như sánh với các xứ lân cận, thời cho nước An-Nam ở đặng bực cao về sự dỏng cường, thạnh thế. Năm 1186, đức hoàng đế nhà Tống cho sứ bộ qua thông với triều an-nam. Đến năm 1190, vua nước Cao-Man cũng sai sứ mình đến chầu vua nước An-Nam nữa. Năm 1197, có các quan khâm sai chạy tới xin triều đình an-nam phong vượng cho vua mình mới tôn.

Nhưng vậy sự bình yên cũng chẳng thiệt trọn hảo. Ông Bố-Trì, là cháu vua xứ Chiêm-Ba, có qua nước

An-Nam mà xin cầu cứu mình đặng đánh với ông chú, song gần phải bắt, vì bị nghi rằng đến do thám. Biết có phải thật như vậy chăng? Sữ không biện biệt đều ấy. Nhưng mà ông Bố-Trì đã dòm hành thấy ý nhà nước an-nam muốn làm thiệt hại mình, tức thì nhóm thâu một ít người đại đãm, trí mạng, đánh giết quân lính sai đi bắt, đoạn đến hủy tan trong xứ Nghệ-An, rồi rút nhau về mất, không còn vãng lai nữa.

Hết chuyện ông Bố-Trì, kế thấy binh trung-quốc xông qua cướp phá, lại càng rủi ro hơn nữa, là vua Lý-Cao-Tông không lo lắng việc nước cho tận tình, người ham vui tữu sắc, ở giữa đám quần thần ông nào ông nấy đều phóng tứ, lạm tang, chẳng có một ai tinh trung báo quốc. Cớ sự nhà Lý suy lần lần cách chán chường là như vậy.

Năm 1206, ông Phạm-Du hay tĩnh Nghệ-An, bị cáo rằng muốn tự chuyên. Vua sai quan tướng Phạm-Bĩnh-Di, là người thù nghịch, đem binh đến đánh ông ấy. Song ông Phạm-Du trốn đi về kinh chữa tội mình với vua, và cáo tướng Phạm-Bĩnh-Di, vì trong lúc ấy có dạy phá tan nhà cữa và tịch kí của cải mình.

Khi ông Phạm-Bĩnh-Di trở về, thì người bị bắt với thân tử người. Quan quân chồi dậy, dòi tướng mình lại. Vua liền ra tay, giết chết và cha và con. Song binh loạn càng dấy lên luôn, các cửa đền bị tông phá hư nát, lại vua Lý-Cao-Tông thoát khỏi hại nhờ chạy trốn đặng.

Binh gia làm loạn đó tôn quí tử vua tị loạn lên kế vị. Nhưng vậy có gia quyến ông Trần-Lý kia ở tại xứ Hải-A, oai thế lớn, lại đem thái tử Sam về mà nuôi.

Cách một ít tháng sau, hoàng tử nầy, khi ấy đặng mười sáu tuổi, cưới vợ trong họ đó; lại nhờ cha vợ giúp tiền bạc và chiêu qui quân lính, nên đem vua Lý-Cao-Tồng về trào lại. Được vài năm, vua mới chết (năm 1211), lưu danh hậu thế là một vì vương phụ ác đức, tiểu đảm và dâm sa tửu sắc.

Đang khi vua bỏ trào trốn đi làm vậy, phải có một quan nào tham tàm, gan một chút, chắc có lẽ thiện quờn đặng, song lúc ấy bởi danh tiếng nhà Lý còn đang lừng lẫy, nên không ai dám hó hé. Dầu vậy trào Lý cũng đã bị một mủi thương đầu. Cách đào tị đó làm cho bớt oai linh, cũng như khi phục hoàn mà có người bảo chủ đi trước, thì nó làm cho quyền phép và lòng nhơn dân tin cậy không còn vững chắc nữa. Sự tuyệt mất nhà Lý gần đến.

LÝ-HUỆ-TÔNG (1211—1225). — Ông hoàng Sam, con dầu lòng vua mới qua đời, lên nối trị, lấy hiệu là Lý-Huệ-Tông. Họ Trần, thân thuộc bà hoàng hậu, trước vua có nhờ mấy người ấy giúp lên ngai, nay về trào dặng vua trọng thưởng, ban chức quờn vinh vang lắm. Đó là hồng phước cho trong nước, vì họ Trần thật lực lượng nghiêm chỉnh, còn vua Lý-Huệ-Tông thời ươn tài, qui ti mọi việc, hóa ra cuồng tâm lãng tánh. Nhờ có họ Trần phụ chánh, lo lắng xem sóc, nên sự cai quản trong xứ mới dặng thứ lớp lại một chút.

Vua trị nước được mười bốn năm, song cứ yếu trí luôn, sau giả bệ từ ngai, nhường ngôi lại cho con gái người, là bà Lý-Chiêu-Thánh, mà đi vô chùa. Đây là một đều trái luật buộc về sự kế vị theo thứ

lớp. Song, có lẽ ông Trần-Thủ-Độ, chính người giám quốc, thấy cách phong lập nầy, lấy làm thuận theo lòng tham mình, lại vì như người không xúi vua trong chuyện như vậy, thì ít nữa người cũng khoái chí hết sức.

LÝ-CHIÊU-HOÀNG (1225) — Khi bà công chúa nầy vừa tức vị và lấy hiệu là Lý-Chiêu-Hoàng, thời người chọn ông Trần-Cảnh (cháu ông Trần-Thủ-Độ) làm chồng, rồi nhường ngôi lại cho người. Ắt có khi bà Lý-Chiêu-Hoàng thiền vị như vậy, là bởi vì người tưởng làm cho chồng yêu mình hơn. Song người gặp nơi họ Trần tinh đều bội ngãi và ô nhục mà thôi.

Ấu vương nầy ở với bà Lý-Chiêu-Hoàng được một ít năm mà không con, nên giáng chức hoàng hậu đi, sau lại gả cho ông Lê-Phụ-Trần, là một vị trong chư tướng, mà thưởng công nghiệp ông ấy.

Bà vua nầy là hết đời nhà Lý. Các vị vương đế tiền liệt ăn ở rất ân hậu, cang đảm và lực lượng chính lý lắm, song như một cây kia đã già, nên nó phải cồi phải rũ một khi một ít. Lại nhiều nhà khác nối theo, cũng làm một cách như vậy.

Khi công việc xữ thanh, thì tới phiên mấy nhà ấy tuyệt mất, để chỗ lại cho dòng tàn tấn khí huyết khác, còn mới, mạnh mẽ hơn, tài trí hơn và có sức hơn mà lo mọi việc cho lê thứ đồng thì được ích.

NHÀ TRẦN

TRẦN-THÁI-TÔNG (1225 — 1258). — Đấng làm đầu tân trào nầy xưng là Trần-Thái-Tông, nhưng vậy cũng không cầm quờn quản trị. Chính người tể chế trong nước An-Nam lúc đó là ông Trần-Thủ-Độ, quốc thúc, ông nầy rất chí khí, tài tình lắm, song chắc có lẽ ít lo sự phải chăng, người đặng quyền thượng thủ trong việc quốc chánh, lại biết cách gìn giữ chức ấy luôn.

Mười ba năm đầu thì để lo phương kia thế nọ đặng nhà Trần ở ngôi cho vững vàng. Ông Trần-Thủ-Độ ăn ở độc ác, làm cho cựu vương Lý-Huệ-Tông biết mình thừa số vô dụng, nên chẳng khỏi mấy ngày người tức mình tự ải. Đoạn ông Trần-Thủ-Độ lấy bà hoàng hậu vua Lý-Huệ-Tông là người mình sát hại, thật mất điều phong hóa rất nên quái dị; nó cũng là một cách khác để mà hủy tuyệt dòng dõi vua trước. Quan phụ chánh Trần-Thủ-Độ lại càng làm quá sự thể mình nữa. Muốn cho sự nối ngôi ra chắc chắn hơn, ông ấy ép ấu quân, dầu người từ nan và trốn bỏ đi cũng không được, phải kết hiệp với chị cả bà hoàng hậu Lý-Chiêu-Hoàng, là vợ anh ruột vua (tên Liễu) đã *có thai ba tháng !*

Năm 1241, vua Trần-Thái-Tông phải đánh với binh nhà Tống vì sự loán đất Lương-Châu (nay là một phần trong tỉnh Quảng-Tây).

Vừa đuổi đặng khách nhơn xâm lăng, vua phải trở lại phạt dân chàm bởi nó cứ quấy phá luôn. Người bắt được hoàng hậu nó, tên là Bồ-Da-La

với một phần trong dân chàm mà đem về. Vua Trần-Thái-Tông cho chúng nó đất hoang, làm như vậy mà ép cày cấy mấy đồng nội xứ Bắc-Kỳ.

Sau hết, có một quân nghịch đáng lo sợ chường diện khêu chiến. Nó là binh mông-cổ của đức hoàng đế Nguyên-Thế-Tổ (cháu ông *Gengis*, là một đấng anh hùng oai sấm), vua nầy hạ đặng nhà Tống bên Trung-Quốc, cho quân lính đuổi riết theo binh tàn nhà Tống (1). Binh tàu và quân mông-cổ cả hai chạy qua đất vua Trần-Thái-Tông, không kiêng nể bờ cõi, lại đạo binh an-nam sai đi ngăn giặc bị bại tích lúc đầu. Đến sau, nhờ có binh tiếp thắng đặng quân mông-cổ vài trận, song không ra gì cho lắm, nhưng vậy binh nguyên rút về. Còn vua nước An-Nam, người lại tính khôn, chịu đầu hoàng đế tàn trào. Vua Trần-Thái-Tông nghinh tiếp sứ bộ nhà Nguyên, chịu thượng cống ba năm một lần.

Có giặc thì đánh, chớ vua cũng chỉ lo việc an lành trong xứ. Người chia nước ra làm mười hai bộ, sửa thuế điền thổ ra cho có thức hạng, truyền đắp bờ đê theo hai bên mé sông mà ngăn nước lụt hằng niên phá hại; tu chỉnh phẩm trật cùng tái tạo cuộc khoa thi nhu sĩ, vì chưng lúc đó cách tiện đã mất rồi.

---

(1) Vua Nguyên-Thế-Tổ, tên Hốt-Tất-Liệt (người phương Tây kêu là *Koubilaï*), sanh trong năm 1214, thăng hà nhằm 1294; người lập nhà kim-mông-cổ, người an-nam kêu là *Nguyên*, còn người tàu lại gọi là *Yuen* (thuộc về họ Cơ-Ốc-Ôn tại xứ Mông-Cổ). Vua nầy vào Trung-Quốc năm 1250, song cho tới năm 1278 mới diệt đặng hoàng đế nhà Tống qúi thứ, đánh ép tới hải biên, mà hoàng đế ấy không chịu đầu, một nhảy xuống biển tự vận mà thôi.

Năm 1258, vua Trần-Thái-Tông giả bệ từ ngai, nói chính lẽ hơn là người cho ông hoàng Khoán, thân tử (?), chung lo việc nhà nước, mà khi đó quan lão Trần-Thủ-Độ cũng còn chấp chánh luôn, song sử không nói cho chúng ta rỏ trong đời ấy phần việc quan nầy làm sao, còn phận sự vua thể nào.

TRẦN-THÁNH-TÔNG (1258 — 1279). — Ông hoàng tử Khoán đặng lên ngai, người lấy hiệu là Trần-Thánh-Tông. Bổn tánh hiền từ, mực thước, mấy năm đầu người trị nước có đức thái thượng hoàng với ông chú là Trần-Thủ-Độ (1) chỉ bảo. Nhờ cách cai trị khôn ngoan, thông thấu, người mới mua đặng lòng mấy quan chói nghịch với nhà Trần còn dư lại.

Vua Trần-Thánh-Tông nầy dạy ông Lê-Văn-Hữu, là người thông thái chữ nghĩa, tu sử kí từ đời vua Triệu-Võ-Đế cho tới đời nữ vương Lý-Chiêu-Hoàng. Người đứng bảo chủ văn chương cách thông đạt, mà khi lo chuyện như vậy, cũng chẳng quên xem sóc, binh vực nước nhà. Người lẳng lặng tái lập binh gia, chia nó ra từ quân 2400 linh, mỗi quân là 30 đô có 80 người, có lẽ cho được dễ khiến hơn. Làm như vậy là khôn ngoan, bởi vì lúc đó triều Bắc-Kinh cứ canh giữ và chờ dịp đặng mà tấn binh mông-cổ qua nước An-Nam.

TRẦN-NHƠN-TÔNG (1279 — 1293). — Đời vua cha thời đặng thái bình ninh thiếp, còn qua đời con lại bị giặc giả nhương nhiều luôn. Song dầu cha

(1) Ông Trần-Thủ-Độ từ lộc năm 1264.

dầu con cũng đều có phép hưỡng đặng sự chúng dân cám ơn mến đức, bỡi người chẳng nao lòng dứt bỏ việc bổn phận mình bao giờ.

Ông hoàng tử Khâm, miễu hiệu là Trần-Nhơn-Tông, chịu cho giặc đến đánh, vì đã mấy năm nó hăng ngăm đe nước An-Nam luôn.

Đức hoàng đế Nguyên-Thế-Tổ, bên Tàu, ra lịnh đòi vua phải tới triều Bắc-Kinh. Vua sai sứ qua chầu mà thôi, nên hoàng đế nhà Nguyên giận lắm, hạ sắt phong vương cho chính vì sứ của vua đặng thế cho người, rồi cấp một ngàn binh bộ đưa về nước An-Nam.

Vua Trần-Nhơn-Tông không sá chi đến thượng dụ, lại lo sắm sửa giao chiến. Người chờ đợi như vậy chẳng bao lâu. Sữ nói qua năm 1282, có một đạo binh mông-cổ được 500,000 người kéo qua, hỏi mượn đường đi đánh phạt dân chàm. Vua Trần-Nhơn-Tông hiểu rỏ ý đạo binh ấy thể nào, nên không chịu cho. Quân mông-cổ bèn cỗi lốt, ra mặt, loán tràn trong xứ. Binh nguyên vào đặng nước An-Nam như vậy, thì chỉ là nó thắng. Binh an-nam phải lui về đóng sau sông Nhĩ-Hà; ở đó mà rước trận, song bị thất thủ.

Ai nấy khởi sự ngã lòng. Ông Trần-Ích-Tắc, là quốc thúc, không còn theo phe nữa, đam dạ trông ước cho mình lên ngai. Vua cùng đức thái thượng hoàng phải đề huề qua xứ Thanh-Hoá.

Có một người trong chư tướng nghịch, tên là Toa-Đô, đi đánh đặng xứ Chiêm-Ba, trở về; khi ấy, nhằm lúc binh dân an-nam tựu hội hằng hà chung quanh vua Trần-Nhơn-Tông, vua bèn cho nhiều đoàn binh dông chận đánh mấy đạo binh

mông-cổ ở riêng nhau. Lớp thì phá tan đặng, lớp khác bị đuổi dồn lần ra khỏi nước An-Nam.

Qua năm 1286, dức hoàng đế Trung-Quốc lại sai thủy bộ qua dánh phạt dân an-nam mà phục cừu chuyện binh khí mình đã bị thua sút. Sự loán đất lần thứ hai nầy càng ít được việc hơn chuyến trước. Nào bộ nào thủy đều thất cả, phần thì bị bắt, phần lại bị giết chết liều yếu. Ba đại tướng nguyên phải tay vua sanh hoạch. Nhưng vậy vua cũng chẳng nghe ai, một chiu theo lòng khoan nhơn từ hậu mình mà thôi, vì người lấy làm có phước thấy tuyệt dứt tai ách, nên mở đại xá cho những kẻ khi trước thông đồng với giặc, trừ ra ông Trần-Ích-Tắc bội phản, thì bỏ ngoài sổ tôn thất mà thôi.

Dầu đặng khải huờn như thế, vua cũng tưởng hữu ích mà cho triều Bắc-Kinh vay trước. Là người gởi trả các tướng quân bị bắt lại cho hoàng đế nhà Nguyên; song trong mấy quan thống binh đó, có một mình ông Omanhi phải dân an-nam thù ghét cách riêng, nên đem xuống chiếc hải thuyền kia mà chở về Tàu, thì nó « chìm » với tướng ấy.

Hai cơn giặc chỉnh ghê nầy có lẽ làm cho nước An-Nam ra yếu sức. Các dân lân cận dùng dịp thế sự như vậy mà chồi dậy, như xứ Ai-Lao thì thường nó hay biểu suất. Vua Trần-Nhơn-Tông mới nhứt quyết trừng trị nó một chuyến cho tận lực. Người kéo binh qua đánh tẩy quân nghịch, chúng nó thua mau lắm. Ai-Lao bị diệt, không ai dám rục rịch nữa.

Dầu trong mấy trận giặc đó mà đặng khởi hoàn vang hiển cách nào, thời nước An-Nam cũng phải mòn mỏi. Bởi binh vực sự tự trị mình, nên phải

bại hoại giang sơn cơ nghiệp. Không còn cày cấy ruộng nương nữa, hết lúa gạo ăn, nên thì cơ cẩn mới xen vào nhiều hại. Vua dạy mở kho tàng ra phát cho nhơn dân đặng bớt lao đao; sau khi hết chịu trăm ngàn đều khốn khổ, tai ươn, thời mới thấy sự thăng bình sung túc hồi tái.

Nhưng vậy đức hoàng đế Nguyên-Thái-Tổ, bổn tính nóng nảy, cũng chưa bỏ qua sự người mong ước. Năm 1292, người ra lịnh một lần nữa, đòi chính vì vua nước An-Nam phải qua chầu mình, vua từ chối không đi cũng như lúc trước vậy. Đức hoàng đế liền xung tâm, dạy bắt sứ an-nam mà cầm lại, đoạn sắm sửa binh gia qua đánh một chuyến nữa. Khi ấy người đặng tám mươi tuổi. May phước cho nước An-Nam, lại có khi càng phước đức hơn nữa cho hoàng đế nhà Nguyên, vì sự người qui thiên, làm cho dứt việc sắp đặt binh khí. Đứng nối trị cho vua Nguyên-Thái-Tổ, có khi sáng ý, thông thấu cơ sự hơn, nên để cho sứ an-nam phục hồi cố lý.

Năm 1293, vua Trần-Nhơn-Tông do theo cách tiên vương, là người nhường ngôi lại cho thái tử Thuyên (ông nầy đăng hiệu là Trần-Anh-Tông). Dầu vua Trần-Nhơn-Tông từ ngai như vậy, người cũng còn trị nước cho tới chết.

TRẦN-ANH-TÔNG (1293 — 1314). — Tân vương tức vị khi ấy mới đặng 18 tuổi. Bổn tánh không được nghiêm tề, lại ăn ở lơ láo, làm nhiều chuyện khờ khạo, nên vua cha tính trao ngôi cho một hoàng tử khác. Song khi thấy vua khóc lóc, ăn năn, thì đức thái thượng hoàng mủi lòng thương xót, bỏ qua không nói tới chuyện truất ngôi báu nữa, mà thiệt

từ đó về sau vua cha không phiền hà về sự xá tội cho người.

Kể từ đời vua Trần-Anh-Tông (không chịu để cho kẻ khác châm vẽ mình người), thì cách thói họa long hình nơi bắp chân các đứng vương đế mới tuyệt mất.

Năm 1296, xứ Ai-Lao dấy giặc lại nữa, đánh nó thua hoài song không sửa tính nết nó được. Khi ấy vua đã già cả, người phải thân chinh đi diệt hung tặc. Người bắt sống đặng nhiều quân giặc và lấy của cải mà về.

Qua 1305, nhơn dịp có đám ngự hôn bà công chúa Huyền-Trân an-nam với ông Chế-Mân, là vua chàm, thời xứ Chiêm-Ba có nhường cho nước An-Nam, làm như của lễ cưới, tỉnh Ô (Hóa-Châu) và tỉnh Ri (Thuận-Châu). Nhưng vậy, dân sự hai địa phận nầy trước khi chịu phép có phân phô, van trách lung lắm. Bởi đó, khi vua Chế-Mân qua đời được một năm, nước An-Nam phải soán xứ Chiêm-Ba một lần nữa, đặng cho nó biết rằng mình có quyền thượng thủ và phân đoán nó.

Trừ ra hai lần khiển binh nầy mà thôi, trong nước hằng đặng an cư lạc nghiệp luôn, nhờ có một vì quân trưởng ái mộ đạo đức và hưng vui chữ nghĩa lắm.

Năm 1314, vua Trần-Anh-Tông nhường ngôi lại cho hoàng tử Manh. Cách sáu năm sau người mới thăng hà.

TRẦN-MINH-TÔNG (1314—1330). — Đời vua nầy trị dân đặng thái bình ninh thiếp. Mấy đều người cần mẫn lo lắng, thời chỉ về việc nước mà thôi. Người tái lập phẩm trật các quan, bớt số kẽ

giúp việc, bởi lúc đó dông lám; cấm không cho bá con gần tranh tụng nhau (1315); sửa lại sự mộ binh, vì thuở nay lính điền thì điền, chớ không ai xem xét hình vóc chúng nó thế nào; người cũng dạy bỏ dứt sự buộc chàm vẽ minh trong quân sĩ.

Dầu vậy cũng có một bọn nhơ đã đúng tới đời người trị. Nhơn có sự tranh quyền trong nội, thân phụ bà hoàng hậu bị cáo gian rằng muốn trở lòng, nên vua dạy bỏ ông ấy cho chết đói và chết khát. Cách hai năm sau, sự thật tỏ trần minh bạch. Khi trước vua ăn ở hiểm sâu với nhạc phụ vô tội, nay dạy cách chức quan cáo gian mà thôi. Thật thì vua có truyền lịnh phân thây tên làm chứng dối — nó là đồng bộc của nghiêm phụ đức hoàng hậu đã bị thác oan — song vua dùng thẳng phép như vậy với một đứa khốn kiếp mà thôi, vì chưng nó như một vật hèn kia ở nơi tay chánh tội nhơn mà nhà vương lại dong mạng, bởi lòng yếu đuối mà ra.

Năm 1330, vua phong cho hoàng tử Vượng lên tức vị, ông nầy lấy miếu hiệu là Trần-Hiến-Tông, song vua cũng còn lo việc quốc chánh trót đời tân vương nầy.

TRẦN-HIẾN-TÔNG (1330—1342). — Trong lúc vua Trần-Hiến-Tông đăng quang, chẳng thấy có sự chi đại khái cho lắm. Người thăng hà thuở còn xuân ấu, nên không dự vào phần việc quốc chánh nào cho quan trọng, trừ ra có một lần sai binh đi đánh xứ Ai-Lao (năm 1331) mà không xong, lại một lần nữa đến chinh phạt quân mọi Ngũu-Hầu (năm 1337) đặng khởi hoàn mà thôi.

Thì sự thượng vị nhà nước khi ấy ăn ở cùng chư tiểu quốc nầy cũng như cách Trung-Quốc thủ tạc với Đại-Nam vậy. Là thường thường tại dân mấy xứ ấy đến loán đất an-nam, hoặc là bởi không chịu cống sứ nữa, nên phải sai binh an-nam đi trị tội. Lại, người ta có lẽ mà hỏi riêng mình đặng, vì làm sao nhà nước không lập ra cho mấy chư hầu nhỏ, mà hay rục rịch đó, các niêm luật cùng thể lệ chánh sự tương tự như luật lệ nước An-Nam, đặng làm cho chúng nó màu giống mình là sự rất cần kíp lắm. Chắc có lẽ là bởi tính ý mấy chi chánh đó cứng cỏi, không chịu dời đổi chút chi về tục lệ chúng nó, còn phong thổ lại ít thuận cho người an-nam, đất đai nhiều hê hủng, nên binh an-nam ở dã không được lâu, lại khó mà vận lương phạn cho có chừng. Vậy sự dụng binh gia khi giái mà buộc ép chúng nó tuân cứ pháp luật, thì không đặng.

Vua Trần-Hiến-Tông lâm bịnh, vội bỏ mình thuở mới nên 22 tuổi, người không con kế hậu.

TRẦN-DỦ-TÔNG (1342 — 1369). — Ông hoàng Cảo, là em vua mới qua đời, lên nối ngôi, xưng là Trần-Dủ-Tông, còn đức thái thượng hoàng, là vua cha, cũng cứ lo lắng việc quốc chánh trọn mười lăm năm nữa, như khi vua Trần-Hiến-Tông còn sanh tiền vậy.

Mấy năm đầu người ở ngôi, trong nước mắc nhiều tai ách làm cho dân sự phải phiền muộn lắm, là : hạn háng, nước lụt, bịnh toi truyền nhiễm sát hủy lục súc cùng nhiều thứ bịnh khác, cơ cần,

loạn lạc, nói tắc một đều là các sự hoạn nạn tuôn đến, giúp nhau mà nhiều hại nhơn dân.

Năm 1346, vua có sai binh đi đánh thắng xứ Ai-Lao. Năm 1353 và năm 1366, khiến binh hai lần mà diệt nước Chiêm-Ba, song bị bại tích. Bởi vậy, quân ăn cướp nước nầy trở lại làm thiệt hại nhiều hơn là việc thương mãi trong nước lúc đó đặng thạnh lợi, lại có tàu thuyền ngoại quốc đến dông lắm mà xem coi địa cảnh hãi biên nước An-Nam.

Nhằm đời vua nầy trị, thời bên Tàu nhà Nguyên phải con một người nông phu kia soán ngôi, và trở nên đứng lập nhà Minh rất nên vang hiển (năm 1355). Vua nước An-Nam dụ dự hơn mấy năm, sau thấy họ Minh làm chúa tể thật bên Trung-Quốc, thì người mới nhứt định sai sứ bộ qua làm lễ khách hạ tân vương.

Vua Trần-Dủ-Tông băng nhằm năm 1369, không con nối trị.

TRẦN-NGHỆ-TÔNG (1370 — 1373). — Khi vua Trần-Dủ-Tông khí thế, thời ngai vàng phải về tay một người nào trong hàng anh em vua mới gọi là chánh lý, song đức hoàng thái hậu, nguơn phi vua Trần-Minh-Tông, khi ấy phụ chánh lại tôn ông Nhựt-Lễ, nhìn là cháu vua Trần-Minh-Tông. Người nối trị chính phép là ông hoàng Phủ, song tánh ý hằng hơ, không muốn biết tới sự chi sốt, cho đến dổi bà công chúa Triều-Minh và các quan theo phò, phải khuyên giảng mới làm cho người chuyên tâm phục nghiệp.

Ông hoàng Phủ đi vò núi mà ở, chẳng khỏi bao lâu binh gia theo người gần hết. Phần nhiều trong

các quan một bụng với người. Ông Nhựt-Lễ bị quân quân trở lòng, dứt bỏ như vậy, nên phải lại hàng. Người ta bắt ông ấy cầm ngục, sau lại xữ trảm đi.

Lúc đó bà mẹ ông Nhựt-Lễ đã trốn qua ở bên xứ Chiêm-Ba rồi, sau xúi quân chàm tới nước An-Nam mà cướp phá, và đốt kinh thành.

Mấy vua nhà Trần oai nghiêm cường đảm lúc trước đà quả vãng rồi, nay còn một chút cháu bất tài, ở chỗ tị nạn coi thấy dặng lầu xanh các tía minh đều bị đốt cháy tan hoang, còn của cải phải sang tay kẻ khác.

Vua Trần-Nghệ-Tông ở ngôi được ba năm, sau lấy làm mỏi mệt về quyền thân chánh, không sức nắm giữ, nên từ ngai, trao ngôi vương đế lại cho hoàng đệ Cảnh; ông nầy xưng là Trần-Duệ-Tông. Cựu vương hồi tị việc nước, sau an tâm tạ thế khi dặng 74 tuổi.

TRẦN-DUỆ-TÔNG (1373 — 1378). — Vua mới nầy, con thứ mười một vua Trần-Minh-Tông, thật là một người vũ sĩ cảm đảm, song trí hóa không dặng cao xa cho bằng sự người toan tính phải lẽ. Người tạo lập quân gia lại, nhứt là vụ chở chuyên lương phạn, khí giái theo đạo binh, vì kể từ thuở để chức lớn mà phong cho mấy quan cận thần, thì nó trở ra bế tệ lắm. Dầu vậy, ví như ít ban nó cho các quan người yêu dùng, thì người lại bán quyền tước đặng lấy tiền mà tích cho đầy kho, sự như vậy cũng chẳng được ích chi hơn.

Khi sự phân trị về tay mấy vua nhà Trần lớp hậu thứ, thời nó ra tồi bại quá, cho đến đời vua Trần-Duệ-Tông không biết cách chi mà sữa nó lại.

Năm 1375, vua nước Chiêm-Ba, tên là Chế-Bồng-Nga, có loàn tĩnh Hóa-Châu (Huế kim thời). Vua đam một đạo binh đến đánh. Vua chàm thất kinh, xin giao hòa và sai sứ đem lễ vật quí giá mà dâng. Song hại thay, quan trấn cỏi địa đầu, là ông Đỗ-Tử-Binh, lại thâu của lễ ấy cho mình, rồi chạy sớ về tấu nghịch cho vua Chế-Bồng-Nga. Nên vua nước An-Nam cảm giận, truyền binh lướt tới. Vua và quân lính đều thất kế, sa vào chỗ tữ địa, phải quân nghịch phục binh giết chết hết nhiều. Vua bị tữ trận trong khi ấy. Còn đạo chiến thuyền theo giúp binh bộ thời may rút về khỏi. Đạo thủy đó có quan đại thần Lê-Quí-Ly thống suất; truyện gần nói đến việc người.

TRẦN-PHẾ-ĐẾ (1378 — 1390). — Đấng quân vương mới tữ vu sa trường, để nước lại trong thì tác loạn khôn xiết. Bởi đức thái thượng hoàng Trần-Nghệ-Tông vô hậu kế đại, nên người mới chọn ông hoàng Kiến, thái tử vua Trần-Duệ-Tông, mà lại cũng là cháu người, lên nối ngôi.

Ấu quân nầy đặng mười sáu tuổi, trong truyện gọi người là Trần-Phế-Đế. Tánh ý chơn chất, song trí yếu, không sức mà quản trị việc nước trong đời ấy, người hằng chịu ông bác quản thủ luôn, lại đức quốc bá nầy cũng phải để cho quan phụ chánh Lê-Quí-Ly bảo hộ mình nữa.

Lúc vua Trần-Phế-Đế mới lên ngai, Trung-Quốc làm nhiều đều gay trở trong chuyện thông sứ theo lệ. Vì nhà Minh ở ngôi đặng vững chắc, thấy nhà Trần càng ngày càng suy nhược, lại nước An-Nam trở nên một xứ dễ soán lắm.

Dân chàm trở lại loán đất nữa. Trong những người an-nam bị quân ấy bắt được, thì có ông hoàng Úc, khi ấy làm phò mã vua Chế-Bồng-Nga, lại đặng phong vương mà quản xứ Nghệ-An; nên có nhiều người an-nam không bằng lòng theo ông ấy.

Vì vậy, vua nước An-Nam phải tăng liệt hạng thuế viết đặng lo việc cần lúc đó, nên sinh ra loạn lạc, song dẹp được yên liền (năm 1381). Một đạo binh bộ có ông Đỗ-Tử-Bình cai quản, với một đoàn hải thuyền ông Lê-Qui-Ly thống xuất, xông qua xứ Chiêm-Ba mà sát phạt dân chàm (năm 1382).

Song, qua năm sau quân ấy trở lại cướp phá nữa, quan tướng Nguyễn-Đa-Phương làm hết sức mới đuổi đặng nó ra khỏi miền đất nó đã phá tan hoang.

Càng thêm khốn khổ hơn nữa, là Trung-Quốc buộc tiến cống nặng lắm, và ép để đường cho sứ mình đi qua xứ Chiêm-Ba. Vua Trần-Nghệ-Tông, đã cao niên kỷ, hiểu biết rằng đó là kế nước Tàu lập, nên không dám từ chối. Nhưng vậy, Trung-Quốc tưởng phải chờ một ít lâu nữa, vì xem ra thuở ấy nước An-Nam cũng còn tướng dỏng binh cường.

Trong lúc đó vua Trần-Nghệ-Tông sinh đặng hai hoàng nam. Ông Lê-Quí-Ly có bụng tham, xúi giục đức thái thượng hoàng giáng vua Trần-Phế-Đế xuống mà đặt hoàng tử Ngung, là quí tử người, lên thế. Vua Phế-Đế có dạy các quan phụ bật khâm phục tân vương, song cách một ít lâu người bị thắt cổ mà chết. Còn Lê-Qui-Ly nhờ dùng sự đại ác như vậy mà lên bực cao trọng trật phẩm.

TRẦN-THUẬN-TÔNG (1390-1399). — Vua mới tôn đây đặng mười ba tuổi, mà khi được hai mươi hai tuổi thì bị thích khách mà chết, người làm vua có vị đó mà thôi. Quyền phép chi cũng về tay Lê-Qui-Ly thâu chiếm mà làm chuyện tư lợi. Quan đại thần ấy lại đưa con gái lớn cho người làm chính cung, đặng cho việc mình thuận tiện hơn. Lê-Qui-Ly là một người dạn dĩ hơn khôn khéo, tham tâm thẳng trồi tài tình, thường khi bị bại trận luôn, rồi trảm thủ mấy kẻ nào mình không ưa mà báo phục.

Năm 1390, Lê-Quí-Ly đánh thua quân chàm bỏ đạo binh mà trốn, còn ông Nguyễn-Đa-Phương, bởi không chịu nghe Lê-Quí-Ly sử quấy, lần hồi rút binh ra đặng khỏi chỗ tử địa mà Lê-Quí-Ly dã đem vào đó, nên sau về lãnh án xử tử, là phần thưởng của người.

Ông Trần-Khắc-Chơn đam binh dánh lại, phá đặng quân chàm và giết vua nó là Chế-Bồng-Nga. Đến sau, mấy hoàng tử vua nầy phải qua ngụ tại triều an-nam, vì bị ông La-Khải, là tướng vua Chế-Bồng-Nga, soán ngôi tiếm vị.

Năm 1391, có một ông thầy chùa kia, tên là Phạm-Sư-Ôn, trương ki chiêu binh làm loạn. Ông ấy dánh vô đặng cho tới trong kinh thành, song chẳng khỏi bao lâu phải thua, bị bắt và chịu xử trảm.

Trong lúc đó Lê-Quí-Ly được các quan theo phe, cũng là bà con thân thích đến vây phủ mình cách êm ái lắm, nên ban cho mấy người ấy đặng chức cao quyền cả.

Qua năm 1394, đức thái thượng hoàng Trần-Nghệ-Tông thăng hà, trước khi qui thiên, người

có trối phú cho Lê-Quí-Ly những lời nầy thật lạ đời lắm: « Như con ta không sức mà lo khám, thời ngươi hãy quản lấy việc nước ».

Vua khí thế rồi, quan đại thần đa tham nầy trở nên chánh người tể chế. Ông ấy có quyền vua, song còn tròng cậy một ngày kia đặng tước đế vương thật nữa. Trong lúc sĩ hậu như vậy, người dời đổi thì sự trong nước, bày giấy ra mà dùng thay vì tiền — là thứ bên Tàu có đã lâu — và lên án tử mà đe mấy kẻ nào mạo giấy giả.

Lê-Quí-Ly lại lập ra kinh thành mới tại tỉnh Thanh-Hóa, đặt tên là Tây-Đô (quốc đô ở hướng Tây) mà đấu với Đông-Đô cũ, cũng kêu là Đông-Kinh (quốc đô ở hướng Đông). Quan ấy đem vua Trần-Thuận-Tông dời qua đế kinh mới, cũng dường bằng bắt tay người mà kéo đi vậy, sau ép vua nhường ngôi lại cho con người tên An—cháu ngoại Lê-Quí-Ly — hoàng tử nầy xưng hiệu là Trần-Thiếu-Đế.

TRẦN-THIẾU-ĐẾ (1399 — 1402). —Đó là một vì ngươn thủ không làm cực lòng ai hết, bởi còn thơ ấu lắm, mới ba tuổi mà thôi. Còn vua cha, thì Lê-Quí-Ly kiếm thế bỏ thữ cho người chết đói, rồi tra thuốc độc, sau hết cho kẻ thắt cổ người.

Nhưng vậy, có nhiều quan triều thấy ông Lê-Quí-Ly lộng quyền bạo ngược, thì lấy làm lo sợ cho hậu nhựt mình. Nên đồng tình nhứt quyết mà giết người đi; song đến lúc khắc kỳ, mấy quan âm mưu, đều lưởng lự, nhấp nhứ, làm cho trật dịp, nên sau Lê-Quí-Ly tư lịnh giết sát cả phe ấy. Ba trăm bảy mươi người bị trảm thủ.

Sau hết Lê-Quí-Ly thấy cờ đã về tay, không ai dám sánh tày mình nữa, liền truất ngôi cháu, song còn dong mạng (!) rồi lên làm vua ngay, xưng là Hồ-Quí-Ly (1).

HỌ HỒ TIÊM VỊ

HỒ-QUÍ-LY (1402—1403).— Bấy lâu tên nầy đã làm cho trịch mấy lời thệ hải minh sơn, phạm đi tái lại nhiều tội đại ác, nay lên đặng ngôi cửu ngủ, song không muốn hay là không dám tại vị lâu ngày. Vì cách một it tháng sau, Lê-Quí-Ly nhường ngôi lại cho con thứ, là Hồ-Hán-Thương, mà giữ cho mình chức thái thượng hoàng.

HỒ-HÁN-THƯƠNG (1403—1407).—Lúc đó phải làm cho ngôi báu ra kiết thiệt hơn, vì Lê-Quí-Ly hiểu biết nó không vửng chắc. Mấy nhà nào cần cho mình được bền đỗ, thì phải chiến thắng một phen, mới vững ý đặng. Khiến mười lăm vạn binh qua đánh phá xứ Chiêm-Ba, dân chàm sợ xin giao hòa, nhường lại cho người an-nam đất Cồ-Lủy, sau chia ra làm hai tỉnh Thanh-Hóa (Quảng-Nam) với Tư-Nghỉa (Quảng-Ngải). Cha con họ Hồ sai dân bắc-kỳ vào ở hai tỉnh đó; song rủi đoàn ghe chở đàn bà với con trẻ bị chìm chết, nên chuyện tai biến như vậy làm cho dân sự giận hết sức,

(1) Chánh họ Quí-Ly là họ Hồ, không phải họ Lê như thuở còn làm quan lấy mà đặt cho mình.

mà tưởng rằng đó là cơn thạnh nộ đứng đại tạo ra oai mà hại họ Hồ tiếm vị.

Đã vậy, xứ Chiêm-Ba cứ thù nghịch luôn, nên phải đánh nữa.

Song chuyến nầy quân chàm lại xin đức hoàng đế Trung-Quốc cứu giúp, vì vậy vua Tàu mới sai một đạo binh thủy qua đản hộ dân ấy. Đoạn thấy hai bên sức trát, đáp sứ một ít lâu mà thuyết lý cầu hòa, sau hết binh tàu tấn qua loán nước An-Nam. Sau khi thắng bại nhiều phen, Trung-Quốc mới chiếm trị đặng. Cha con họ Hồ với quan quân theo phe đều bị cản tầm khắp xứ, sau bắt được điệu về triều Bắc-Kinh.

Hồ-Quí-Ly khi đó già cả, tuổi đã bảy mươi, phải ra thân đi lính theo binh tàu, con cháu được thong thả một chút; còn mấy tướng và quan an-nam, thời đức hoàng đế hứa cho có bề sanh lý, song cần mật truyền lịnh giết đi hết. Vậy dây đà vãng truyện thạnh suy bỉ thới tên tham tâm ác đức thường nầy.

TRUNG QUỐC CHIÊM TRỊ

GIẢN-ĐỊNH-ĐẾ (1407 — 1410). — Khi vua Tàu tất diệt họ Hồ, thời tưởng có lẽ ở yên đặng mà hưởng đất mình mới chiếm. Nào hay chẳng phải như thế. Vì họ Trần cũng còn con cháu, dầu cho lúc trước Hồ-Quí-Ly chém giết nhiều phen mà sát tuyệt. Có một vị vương trong lớp miêu dệ nhà Trần xây đồn đắp lủy mà ở tại tỉnh Nghệ-An, là chỗ binh sĩ tàu chưa hề bước chơn đến. Ông ấy tên

Ngồi, đặng quan quản phụ tá tôn lên làm vua, xưng là Giản-Định-Đế.

Cách một ít lâu, ông ấy được mạnh thế một chút mà giao tuy với binh tàu, lần hồi thắng đặng, nhưng không đủ sức đuổi quân ấy ra khỏi nước An-Nam. Hại thay! cho vua nầy, vì xem ra người làm hết sức cho mình hoại sự. Ban sơ người truyền giết hai vị vương trong thích lý và sáu trăm người thuộc hải ông ấy (năm 1407); sau có tên văn nhân kia cáo ông Đặng-Tất với Nguyễn-Cảnh-Chơn rằng ăn ở lộng quyền, thì người dạy trảm quyết hai danh tướng ấy. Hai quan thống binh nầy chết, thì vua hư hết sự nghiệp.

Khi con cái mấy ông đó rỏ đặng nghiêm phụ mình chịu xử tữ bất minh, tức thì qua phò Trần-Quí-Khoáng, cháu vua Trần-Nghệ-Tông, là người tranh ngôi với vua Giản-Định-Đế. Trần-Quí-Khoáng đặng phong vương, lấy hiệu là Trùng-Quang-Đế. Vậy nước An-Nam lúc đó mắc phải quan quân tàu chiếm trị với hai người an-nam nhượng vị tương phân.

TRÙNG-QUANG-ĐẾ (1410—1414). — Chẳng khỏi bao lâu vua Trùng-Quang-Đế đánh đặng quốc thúc, là Giản-Định-Đế, song người có lòng nhơn hơn, hoặc thạo việc quốc chánh hơn đứng tranh lập cùng mình, nên dạy từ ngôi mà thôi, cho hiệp lực với mình mà khử trừ ngoại quốc. Đều trù nghĩ như vậy không được ích chi. Vì ông Giản-Định thất trận bị sanh hoạch. Còn vua Trùng-Quang-Đế sau sai sứ cầu hòa, mà không đặng, lại phải Trương-Phụ, là tướng tàu, đánh rán một trận nữa, hủy tan

đạo binh người đi. Vua mới trốn lên Ai-Lao tị nạn, song bị dân xứ ấy bắt nộp cho quan tàu, nên người tự tận đi. Các quan có lòng trung với người hơn hết, cũng làm như vậy. Từ đây tận tuyệt nhà Trần.

Trần-Phước, là nguyên soái tàu, mới ra thể lệ nghiêm nhặt hết sức mà di phong diệt tục trong xứ. Ông ấy cấm vẽ mình, bắt để tóc dài, dàn bà con gái bận áo như bên Trung-Quốc, dạy mọi lẽ thông thái cùng các cuộc lễ nhạc Phật giáo v, v. Mấy sĩ tử nào học hành khá hơn hết, đều gởi qua Tàu mà thi cử, đặng sau làm việc quan. Ngoài những chuyện buộc chặt đó, song có lẽ chữa lỗi đặng, thì ông Trần-Phước lại ép làm nhiều đều khác cũng chỉ về chánh sự nữa. Nhơn dân phải diêu dịch nặng nề đặng khai mỏ bòn vàng, săn, dụ voi, lặn biển kiếm châu trai, v, v.

Năm 1416, Trương-Phụ là người chiến thắng nước An-Nam, qua thế cho Trần-Phước. Trong mấy việc ông nầy làm trước hết, thấy có bắt lính an-nam nhập với binh tàu, cho tới một phần ba, tùy theo đồn bảo. Có lẽ người trông cậy, nhờ sự đồng ở chưn quân chưn lính với nhau như vậy, làm cho sinh ra chút tình hòa hảo trong hai nước. Song dân sự xao động, nên loạn lạc gần dấy lên. Mà biết tướng Trương-Phụ lo vỗ về lòng dân đặng chưa; tưởng đức hoàng đế không để cho người có ngày giờ mà làm. Vì có một quan hoạn kia cáo, nên vua Tàu sai Lý-Bân qua thế. Sự người hồi hương là dấu hiệu dậy loạn.

Cách quan tàu hà chánh, ăn ở bạo ngược làm cho một ít con nhà an-nam trốn lên núi, chờ

ngày tốt mà bạn nghịch. Trong mấy gia thất đó, có một vì quan trưởng kia khi trước phò Minh, sau xin từ chức, không chịu giúp Minh hà hiếp an-nam, bỏ đi vô trong xứ Lam-Sơn mà ở. Cựu quan nầy, tánh danh Lê-Lợi, thật là một người cảm đảm, hùng tài, tính lo đánh trả.

Bởi yếu sức không dám nhạn binh đấu lực, cứ đánh giặc chòm giặc khóm mà thôi, là sự người thông hiểu cách thế hằng làm nên việc. Cách một ít lâu binh gia lương phạn được thêm hoài. Song ông Lê-Lợi bị chúng phản hại lần thứ nhứt, người làm hết sức mới thoát khỏi trùng vây, nhưng vậy phải để em lại cho giặc bắt. Vì đung nhan thân đệ nầy giống ông Lê-Lợi như khuôn đúc, bởi đó quan tàu tưởng đã sanh hoạch được người, nên không cho binh đuổi theo làm chi. Dầu vậy, ông Lê-Lợi cũng không ngã lòng, rút vô núi mà tái lập một đạo binh nhỏ khác, rồi trở xuống đánh nữa.

Các tướng tàu sai đi diệt Lê-Lợi, đều bị thất cả, nên thiên hạ theo nhiều, làm cho số binh gia cứ thăng luôn.

Dầu vậy, Trung-Quốc cũng tưởng rằng cơn loạn ấy chẳng nhiều hại bao nhiêu, cứ chuyên lo sữa sang trong nước, dường thể không có chuyện chi hết. Năm 1419, nước Tàu đem vào cuộc giáo huấn các sách Ngũ-Kinh, Tứ-Thơ và Sử tàu hiệu là Cang-Mục. Cũng có bày cách thế lập ra từ làng tùng theo phép Trung-Quốc, mỗi làng có một trăm nóc gia (kêu là *bảo*), mỗi bảo chia làm mười chòm, mỗi chòm kể mười nhà ở (gọi là *giáp*). Các người làm đầu trong bảo, giáp, mỗi năm đều phải thay đổi.

Trong khi ông Lê-Lợi tranh chiến, đôi phen thắng đặng binh trung-quốc, thời có Lê-Ngã, nguyên trước ở mọi với nhà Trần, lúc đó cũng qui dân tụ đảng mà đánh lại với Minh. Xưng mình là chắt vua Trần-Duệ-Tông, nên lo tranh ngôi cửu ngũ. Song le sự khắc thiệp chẳng giúp đở ông ấy chút nào. Vì vừa giáp trận đầu, Lê-Ngã bị binh tàu đánh, thua chạy trốn biệt tích, không còn thấy sử nói tới nữa.

Sau khi bại trận nầy, xem ra như hai bên đình chiến, ông Lê-Lợi lo tu tập qui chế quân gia, còn Minh thời đợi chờ binh tiếp.

Năm 1421, một đạo binh trung-quốc, có tướng Trần-Trí thống suất, kéo qua nước An-Nam. Cách vài tuần lễ sau, có 30.000 binh ai-lao với 100 thớt tượng lại đến dâng công xin giúp ông Lê-Lợi, thì người lấy làm vui lòng mà nhậm, vì thấy binh mình đặng thêm sức. Ai hay, vừa tối đêm thứ nhứt, quân ai-lao trở lòng đánh binh an-nam, bởi nó cố ý đến hại Lê-Lợi mà thôi. Binh an-nam hoảng kinh, song mau hồi tâm, đánh trả trí mạng, nó thua chạy thất tán, làm cho nó hao hết 10.000 người với 14 thớt voi. Quân ấy đem nhau qua giúp Minh mà báo thù người an-nam; lại, ví dầu binh tàu đặng thêm số như vậy, thì cũng phải thất cho đến đổi ông Lê-Lợi có giờ rảnh, thong thả đi lên đất ai-lao mà sát phạt dân ấy.

Kế giặc tiếp đánh luôn luôn, khi thắng khi bại. Năm 1423, hai bên huởn đấu, song lai niên vua nhà Minh thăng hà, ông Lê-Lợi dùng dịp dân tàu xao động lúc đổi trào khác mà dấy binh đánh lại, người cũng có phước trong mấy trận nầy. Thuở đó ông

Lê-Lợi hiểu biết ngai vàng đã dành cho mình về sau, song sợ e các phó tướng tranh nhau, hoặc lập mưu chước chi mà nhương đoạt, nên tôn Trần-Tung, nói là con cháu nhà Trần, lên làm vua (năm 1426-1427), sau lại phong cho Trần-Kiểu kế vị (1427-1428). Đó là mấy đấng quân vương đặt lên cho có vị mà thôi, không quyền phép chi lại cũng chẳng trí hóa, như sau mà có dịp gì, thì chắc ông Lê-Lợi sẽ từ rẩy.

Sau hết, thấy Trung-Quốc xuất thần lực minh một lần nữa; sai hai đạo binh qua soán nước An-Nam, cả hai đều bị thất ráo. Nay giặc mãn rồi, tính ra nó đã mười năm, nên nước An-Nam phải hao người hết của, song đặng xuất thân tự chủ.

Ông Lê-Lợi là một tay thừa thế trong việc chánh sự lắm, người không chiu theo ý chư tướng, để cho quan quân Minh bị bắt trở về xứ sở, mở đại xá cho cả và dân an-nam, sai sứ qua xin hoàng đế nhiêu thứ cho các quan tàu và cầu phong cho ông Trần-Kiểu, sự như vậy vua nhà Minh nhậm lời.

Tân quân nầy không trị nước chút chi, nên các sử thần chẳng chịu nhìn là chính vì vương đế, cũng như ông Trần-Tung vậy. Các quan phò ông Lê-Lợi, có khi là bởi đầu mục mình xui giục, nên xin hại vua Trần-Kiểu.

Vua nầy sợ trốn đi, song bị bắt lại và đem cầm trong thành Đông-Quan. Sau người uống thuốc độc mà chết (năm 1428), còn ông Lê-Lợi lên ngai, đặng nhơn dân tung hô vạn tuế, vì nhìn biết người là đấng cứu thục nước An-Nam ra khỏi ách ngoại quốc.

NHÀ LÊ

LÊ-THÁI-TỔ (1428—1434). — Khi vua Trần-Kiều thệ thế rồi, thời ông Lê-Lợi sai sứ qua triều Bắc-Kinh mà cáo ai, báo họ Trần tận tuyệt và xin phong cho mình. Song, đã không chờ hoàng đế châu phê, mà lại trước khi sứ xuất hành, thì ông Lê-Lợi dạy các quan triều tôn người lên làm vua, tại Đông-Đô (Kẻ-Chợ, hay là Hà-Nội đang thì), rất nên oai nghi, cả thể lắm. Người làm như vậy thật là hữu lý, vì hoàng đế nhà Minh để người chờ đợi cho tới năm 1431, cứ dạy kiếm con cháu nhà Trần luôn, lại cũng một khi gây ra nhiều đều hiểm trở. Trước có đem dâng một tượng người vàng, sau phải 50.000 đính vàng (1) nữa, mới làm cho dứt đặng ý xấu giả mạo nhiều hơn là chơn tình đó.

Vậy từ nầy về sau chúng ta gọi ông Lê-Lợi là vua Lê-Thái-Tổ; người làm mấy đều kể trước đây chẳng những là cho y cựu lệ, mà lại cho vững ý trong sự thuận hòa với Trung-Quốc. Đó là chuyện đại ích cho người. Song, ví như chắc đặng bình yên phía Tàu, thì chẳng an cư được với mấy tiểu vương chư hầu nước Đại-Nam. Bởi đó, trong năm 1431, vua Lê-Thái-Tổ phải sai binh bát loạn Phục-Lễ châu, rồi qua năm sau 1432, cũng phải đi diệt Phục-Lễ châu ấy với xứ Ai-Lạo nữa. Đâu đó mới yên lại hết.

---

(1) Một đính hay là một lượng vàng thì nặng 39 gr. 05.

Nói về sự cai trị, vua Lê-Thái-Tổ có kiểm soạn, canh cải thể lệ trong nước, bày luật mới, khai mỏ vàng, mỏ bạc, đặng tái lập việc thâu xuất ngân khố; mà khi lo các việc công nầy, người cũng đồng tỏ ra trí huệ tinh tường, siêng sắng, như trong lúc giặc giã trước vậy.

Người thăng hà thuở mới trị nước đặng 6 năm, hưởng thọ 51 tuổi; lại nói được khi gần tới huyệt môn, người hãy còn chịu ưu phiền về tánh ý buông tuồng thái tử đông cung. Nên phải truất ngôi đi, mà đặt con thứ người lên kế vị. Hoàng tử Lê-Nguyên-Long, được 11 tuổi, đăng quang, xưng là Lê-Thái-Tông.

LÊ-THÁI-TÔNG (1434-1443). — Vua nầy còn xuân ấu mà sớm tỏ trí sắc thông minh trong nhiều việc. Người cầm quờn quản trị khôn ngoan, vững vàng lắm, nên nước An-Nam càng đặng dồng cường hơn nữa. Song rủi, lúc ban sơ có nhiều sự tai nạn nhiều hại trong xứ. Hạn hán, kinh thành bị hỏa hoạn, hoàng trùng, nhục đống, lúa đén, luân phiên nhau gần trong một năm. Vua dạy sửa tháp Báo-Thiên lại mà cầu đảo, làm cho nhơn dân khốn khó nặng nề hơn nữa.

Công việc nầy suy ra có lẽ mà chế đặng, song vua Lê-Thái-Tông lại thêm một chuyện khác khó bỏ qua. Là người dạy ông Lê-Sát, một vì trong chư tướng trung thần hơn hết của vua cha, phải tự vận đi, lấy cớ rằng ông nầy muốn phản bạn; quả nhiên người nhẫn tâm không được về quyền cả quan lão nầy. Tướng Lê-Sát vưng lịnh, song

các quan thống binh đồng liêu giúp ông Lê-Lợi khi trước, đều chịu không đặng, van trách, nhờ sự kính vì chút cựu tích tiên vương mà thôi, nên không báo thù sự độc ác bội ngãi ấu quân nầy.

Trong đời vua Lê-Thái-Tông, có dấy binh một ít lần mà đi đánh phá mấy chi chánh lân cận, nên sự bình an trong nước không được trọn hảo.

Năm 1437, đức hoàng đế nhà Minh sai sứ độ sắc qua phong cho vua Lê-Thái-Tông, lại thêm một cái kim ấn nỗi trăm lượng, có khắc hình con lạc đà nằm (ấy là dấu hiệu đầu phục và ngôi chư hầu).

Vua Lê-Thái-Tông, ban hành tân luật về việc hình chánh cùng tranh tụng. Mấy chuyện nào nhỏ mọn tầm thường, trước hết phải thưa với xả trưởng đường thể quan thẩm phán tiên đoán vậy, như không xong, được phép kêu nài bực thượng. Cân, thước đều xem xét mà sữa lại. Giá mỗi tiền làm lại 60 đồng, chẳng còn phải 50 đồng như khi vua Lê-Thái-Tổ còn sanh tiền, hay là 70 đồng thuở nhà Trần cai trị. Người lập lại giấy thông hành đặng ngăn cấm sự bán buôn con trẻ với mấy xứ bàn cận.

Lúc đó thấy người ngoại quốc mọi nơi tới nước An-Nam mà thương mải. Nước Xiêm có tiếng cống còn vạn sự chi cũng đều xem ra xuôi xả lắm; kế vua băng thình linh tại nhà quan đại thần Nguyễn-Trại, là chỗ vua ghé vào mà tạm nghĩ khi người ngự tuần. Có lẽ ông Nguyễn-Trại vô tội, song người vưng theo luật nước, mà xử tữ mình cùng chịu *tru di tam tộc* (1).

---

(1) Luật phạt tội thì quân phải bị giết cả họ mình, họ mẹ và họ vợ nữa.

LÊ-NHÂN-TÔNG (1443 — 1460). — Ông Bang-Kì, tân vương, khi lên ngai chưa đặng ba tuổi. Người là con thứ ba vua Lê-Thái-Tông; còn thái tử bị bỏ ra không cho tự vị, bởi có lỗi với thân mẫu người. Hoàng tử Bang-Kì xưng là Lê-Nhân-Tông, còn bà thái hậu lãnh lo sự quốc chánh.

Việc làm trước hết trong đời vua nầy, thì thấy có mở hồng ân cho dân trong nước, đoạn sai binh đi diệt đặng quân chàm, bởi nó cứ tánh xấu tới cướp phá luôn (năm 1446). Kế Trung-Quốc xen vào phân tính chuyện nối trị trong xứ Chiêm-Ba. Nước An-Nam không lấy sự ấy làm trọng, nên vâng phứt theo chiếu dụ vua Tàu. Về việc binh, thời từ năm 1448 cho tới 1452, có một hai chi chánh chổi dậy, song dẹp yên liền.

Các việc thống thuộc với ngoại quốc thảy đều êm thuận lắm. Đôi khi thấy trong xứ cũng còn can hạn và có đất động nữa. Vua với đức thái hậu ra cầu đảo, cáo mình, nhìn xem các sự tai ách vương vấn nhơn dân dường thế, là bởi lỗi mình mà ra. Đức quấc mẫu phụ chánh có dùng mấy kẻ không phương thế làm ăn trong thì cơ cẩn như vậy, đặng khai kinh đại ích cho ghe thoản thông lưu.

Vua dạy quan văn Phan-Phù-Tiên tu sử ký từ nhà Trần lên làm vua (1225) cho tới dời nhà Lê (1428). Ấy vậy, tục lệ người an-nam cho phép chép truyện nhà nào, là khi nhà ấy tuyệt dứt rồi.

Vua Lê-Nhân-Tông lãnh việc trị nước nhằm năm 1453, khi ấy người được 13 tuổi, nhưng vậy người không gìn giữ đặng quyền thân chánh nầy lâu dài. Vì qua năm 1459, huynh trưởng người cho kẻ giết người đi mà soán ngôi. Song được tám tháng,

các quan lớn trong nội lại hạ tên giết em đó, mà tôn Tư-Thành, là con thứ tư vua Lê-Thái-Tông, lên tức vị. Vậy, ai nấy thấy, từ khi dân nước An-Nam trở nên đồng loại, thì chúng ta cũng còn gặp nhiều cơn bạn nghịch cùng triều loạn luôn, đó là sức lực thể lệ quốc chánh, song nó không cho nhơn dân đủ cớ chồi dậy một lần đặng mà sửa lại bề ăn ở mình.

*

LÊ-THÁNH-TÔNG (1460 — 1497). — Đây chúng ta đã tới một đời vua trong mấy vì quốc quân cai trị khôn ngoan hơn hết mà Đại-Nam quốc sử trưng ra cho thiên hạ xem thấy. Ông Tư-Thành, miếu hiệu là Lê-Thánh-Tông, thọ phong thuở mười tám tuổi. Vua nầy công bình, thông minh, oai nghiêm, và cần quyền lắm, người xem xét cùng qui chế mọi việc trong nước lại trúng cách, hơn các vì vương đế khác.

Mấy năm đầu, nhơn dân đặng bình yên vô sự, song qua năm 1471, chính vì người cũng phải thân chinh đi đánh nước Chiêm-Ba. Người dùng sự người thông hiểu về đồ trận, hành binh một cách từng trải và cẩn thận lắm, cũng dường bằng một vì túc tướng kia vậy. Ban sơ người hội đại binh trên mấy nổng Thiết-Sơn, là chỗ người dừng chân lại mà hiệp các số dự định về nhơn dân và địa cuộc xứ ấy, là đều cần kíp mà lập ra một bản đồ cùng định tính khởi sự giáp chiến. Khi người hiểu rỏ rồi, người tấn binh một cách dạn dỉ cho tới chơn tường Chiêm-Thành, đoạn người soán lấy. Vua Chàm, tên là Bàn-La-Trà-Toàn, bị bắt, ít lâu sau chết đi.

Muốn cho dứt chuyện một lần với quân ăn cướp chàm, thì vua Lê-Thánh-Tông dạy chia nước Chiêm-Ba ra làm bốn phần. Một phần trở nên tỉnh Quảng-Nam an-nam, còn các miếng kia đều để cho mấy ông hoàng bổn thổ cai trị, song có viên quan an-nam quản sóc.

Từ năm 1473 cho tới năm 1479, phải làm cho dân ai-lao và một ít chi chánh khác ở tại rặng núi Trung-Kỳ đặng thái bình lại. Có dấy binh đi đánh phá xứ Lão-Quả, là chư hầu Trung-Quốc, khôn vì nể mấy lời đức hoàng đế quở trách mà lại sự thù tạc êm thuận với nước Tàu cũng chẳng phai lợt chút nào. Tưởng có khi Trung-Quốc không chắc binh gia mình chiến thắng đặng với một vị vương đế ham hố chuyện binh thơ đồ trận thể ấy, bắt dạy quân lính mình học tập cách riêng (năm 1467), lại trong năm 1465, thì đã ngự chế một cuốn sách nói về phương thế đánh trận thủy.

Vua nầy chẳng những chuyên ròng binh nghệ, lại ân cần hết sức về việc mở mang dân sự nữa, vậy trong mấy đều người làm, ta xin dẫn kể:

Chia nước ra làm mười hai tỉnh.

Làm cho phận sự các quan ra khá hơn.

Lập bản đồ và chép truyện mỗi tỉnh.

Họa làm một bản đồ chung trong xứ.

Dạy ông Ngô-Sĩ-Liên tu sử kí Đại-Nam.

Cứu giúp và khuyên dân về chuyện canh nông cùng thương mải.

Buộc mấy chủ điền dả phải trồng trặc.

Định thuế đất tân bồi.

Làm cho dễ khẩn đất hoang nhàn cùng là lưu phế (năm 1486).

Khai kinh.

Đóng ghe để về việc bộ đạo.

Khuyên dân trồng dâu, để tằm và dưởng nuôi lục súc.

Sau hết, một việc khác nữa hữu ích không kém chi hơn, là vua lập ra đồn điền, nghĩa là đoàn binh phân ở từ làng, nó có hai ý nầy: một là qui tụ mấy kẻ không dứng bộ trong nước mà làm ra từ làng, cho chúng nó đất cát cùng một ít phép thong thả; đều thứ hai, để lập binh phòng hờ (vì các người tráng lực trong mấy làng đó, chẳng trừ ai, phải đi lính trong lúc tao động).

Lúc cuối năm 1497, vua Lê-Thánh-Tông nhiễm bịnh, cách một ít lâu người thăng hà (lối đầu năm 1498). Trước khi tạ thế, người đặt thái tử Tăng, cũng gọi là Huy, lên kế vị, và có di chỉ cho ông nầy.

LÊ-HIẾN-TÔNG (1498 — 1505). — Vua mới tôn đây là một vì nối trị xứng đáng cùng trung tính tiếp kế trong việc nghiêm từ minh khai sáng Người hữu phước vì không có giặc giả, nhưng vậy binh gia lại càng gìn giữ chặc chịa hơn nữa. Vua Lê-Hiến-Tông chọn lính cựu mà lập ra bốn cơ binh ròng (hiệu-lực) cùng là nhiều đội lính bộ biền. Con nhà nghèo khổ chuẩn khỏi đi lính, còn trai tráng điền thời phải ít nữa bốn thước bề cao, và cho đặng từ 12 cho tới 16 tuổi (năm 1501). Ki điền định sau khi gặt hái xong.

Vua nầy cũng lo việc khai thi thủ sĩ và cách lễ nghi phong hóa trong dân; người làm cho vắn tắc sự giam cầm tiên định, lại giúp cùng cho những kẻ nông phu các đều phương tiện cần kíp.

Vua Lê-Hiến-Tông thọ bịnh, thăng hà thuở người đặng 44 tuổi, sau khi trao ngôi lại cho con thứ ba người, là hoàng tử Tuấn, ông ấy xưng là Lê-Túc-Tông.

LÊ-TÚC-TÔNG (1505). — Vua nầy thân chánh không bao lâu, vì người trị nước đặng có sáu tháng rồi qui thiên. Có một cơn loạn dấy lên tại tỉnh Cao-Bằng, song dẹp yên liền, đó là chuyện sử kể ra mà thôi. Vua Lê-Túc-Tông qua đời khi đặng 17 tuổi, truyền ngôi lại cho anh thứ hai người tên là Thuần.

LÊ-OAI-MỤC (1505—1510).— Đó là vưng theo di ý tiên vương, lại cũng có khi tại lòng tham nữa, nên các quan đại thần tôn ông Lê-Oai-Mục lên làm vua, bởi chưng quyền phép ông ấy có lẽ cải di mà bất đặng lắm, vì là con người tỉ thiếp ở với vua Lê-Hiến-Tông, trước khi vua ấy lên ngôi. Sự tôn vương như vậy hiểm nghèo cho gia quốc. Vua Lê-Oai-Mục ăn ở độc ác, mê sắc dục, khi vừa cầm quờn quản trị, thì dạy giết mấy người nào nghịch cùng mình, khởi sự là đức thái hoàng thái hậu trước hết. Thường khi người cũng không trừ mấy kẻ thiết nghĩa với mình nữa.

Trọn đời người tại vị, có một chuyện trượng ngỗ mà thôi, là quân chàm làm loạn, song bị sát phạt. Trong hàng quan võ danh trận hơn hết, thì trước là tướng quân Lê-Uinh (cháu vua Lê-Thánh-Tông), kế quan cai lính hộ vệ là Mạc-Đăng-Dong,

đến sau con cháu ông nầy tiếm quyền các vua mà trị nước lâu năm lắm.

Vì dầu ông Lê-Uính có công giúp nước, thì cũng bị giam ngục với gia quyến người. Sau người lập thế ra đặng khỏi; lúc ấy loạn lạc vừa dấy, thiên hạ tôn Nguyễn-Văn-Lang làm đầu mục, lại phong cho tướng mới vượt ngục đặng quyền cai binh. Vua Lê-Oai-Mục, xung tâm, truyền giết cả thê tử ông Lê-Uính còn đang cấm cố. Nhưng vậy, sự hành hung nầy cũng không ích chi. Vì vua Lê-Oai-Mục thất trận, quan quân trở lòng nên phải lánh thân tị nạn; song cách một ít ngày lại bị Lê-Quảng-Độ bắt, là người phản phúc mới nộp kinh thành.

Vua Lê-Oai-Mục không chờ binh khổ, uống thuốc độc mà chết. Còn Lê-Quảng-Độ lại lảnh phần thưởng nội công mình, là ông Lê-Uính dạy trảm thủ đi.

Sử kí phải ngợi khen sự người làm đó; vì đứa trở lòng, dầu cho nó hại bên nào, thì nó cũng là thằng bội bạc luôn.

Lê-Uính lại làm cho dã cơn giận mình, dạy bỏ thây vua Lê-Oai-Mục vô miệng súng đại bát mà bắn. Phần thân thể vua bị cháy thui còn dư lại, thì chở đem về làng tổ quán huyên đường người mà mai táng.

LÊ-TƯƠNG-DỰC (1510—1517). — Khi hạ đặng hôn quân Oai-Mục rồi, quan tướng Lê-Uính không gặp ai có sức cho bằng mình mà thọ lấy ngôi cản. Ông ấy mới tức vị, xưng là Lê-Tương-Dực. Song, vì như trước người là tướng đặng vang danh, nay làm vua chẳng thiện chánh chút nào.

Người sa vào chuyện vui chơi, cùng nghe theo mấy quan sủng thần, bắt dân xâu cao thuế nặng. Bởi vậy có nhiều cơn loạn lạc nổi lên. Kể ra cũng trót tám lần, chuyến sau (năm 1516) hại vua phải thiệt mạng.

Lúc bạn nghịch sau nầy của tên Trần-Cảo, xưng minh là đức Phật giáng sanh. Trần-Cảo khi thắng khi bại. Song lúc đánh trả loạn tặc như vậy, vua có dạy xử trượng quan đại thần Trịnh-Duy-Sản, nên làm cho dấy trảng sự oán thù hơn nữa. Ông nầy bèn nhứt quyết hại vua, vậy khi phải đam binh khử trừ Trần-Cảo, người lại gạt vua ra khỏi đền mà cho kẻ thí đi.

Trần-Cảo thất trận, kế có một tên khác ứng dậy làm phản, cũng bị diệt nữa; sau nhờ có hai phe lớn thuận ý, theo phò ông Ỷ-Ẩn-Huệ, nên mới được tôn vương, người xưng là Lê-Chiêu-Tông.

LÊ-CHIÊU-TÔNG (1517 — 1523). — Nhưng vậy, thầy chúa Trần-Cảo cũng còn binh gia. Vua Lê-Chiêu-Tông mới dạy ông Trịnh-Duy-Sản đuổi theo, song rủi cho người sa vào chỗ ác đảng mai phục, nên bị trảm thủ. Ông Trần-Chơn, là một vì danh tướng, tiếp trục ngụy tặc.

Trần-Cảo thấy sự tranh chiến càng ngày càng khó, lấy làm mỏi mệt, giao quyền lại cho con, là Trần-Cung, mà đi vô chùa.

Cũng trong lúc đó, các quan thống binh lại tranh trưởng, đánh nhau, hao quân lính nhiều, nên làm cho Trần-Cung có thế mà trú ngụ đặng lâu ngày tại đất Lạng-Nguyên (Lạng-Sơn). Hai tề tướng

Nguyễn-Hoằng-Đủ với Trịnh-Tuy không nghe lời vua giảng hòa, cứ tương đấu luôn, nên vua vô quyền phải theo khi thì bên nầy, khi thời phía nọ. Sau có ông Mạc-Đăng-Dong, tổng đốc tỉnh Sơn-Nam, là một người hiếu danh lắm, lần hồi binh loạn, hoặc là bải nạn giải phân hai đàng, nên mới hòa lại với nhau. Ông Mạc-Đăng-Dong lo sửa sang trong nước cho có thứ lớp lại một chút; cũng một khi thủ hộ vua cách kiên trí quá, đến đỗi vua phải bỏ triều trốn qua bên Trịnh-Tuy mà xin ông ấy giúp mình.

Mạc-Đăng-Dong căm giận, vì vua Lê-Chiêu-Tông ra khỏi tay mình, nên cao rao rằng người đã mãn phần làm vua, rồi đặt em người, tên Xuân (xưng là Lê-Cung-Hoàng) lên tức vị, và đề binh tới đánh vua Lê-Chiêu-Tông.

Đã vậy, vua khốn nạn nầy cũng không biết gìn giữ sự tướng Trịnh-Tuy phụ bật mình, là đều ông ấy lưởng lự lâu ngày mới phụng mạng gánh vác. Vì một chuyện tiểu sự kia, vua truyền dạy trảm quyết một quan võ của Trịnh-Tuy. Đó, tự tặc kỷ thân là như vậy. Ông Trịnh-Tuy triệt hạ hành cung mà sanh hoạch vua, để sau dùng người làm bia.

Mạc-Đăng-Dong hiểu biết thế sự hiểm trở thể ấy, liền đam binh đánh đuổi đặng Trịnh-Tuy mà bắt lại vua Lê-Chiêu-Tông (năm 1524).

Vua bị quản quốc lảo cầm giữ cho tới năm 1527, sau cho kẻ giết người đi.

LÊ-CUNG-HOÀNG (1523—1527). — Vua nầy thể như một hình nộm kia, để cho người ta dùng ở xa mà giới cho dân, dặng tưởng sự chi cũng bởi người mà ra.

Quyền phép chi củng thuộc trọn trong tay quan đại thần đáng kinh oai đó. Nhưng vậy, khi thi vua Lê-Chiêu-Tông rồi, thì ông Mạc-Đăng-Dong lại lui về rẫy bái, tưởng ít khôn ngoan hơn là cho đặng lo đoạt ngôi thiên tử. Trong lúc người qui hồi về chốn sàn dả, thì vua Lê-Cung-Hoàng phong cho người các tước các sắc quan phụ chánh.

Sau hết, ông Mạc–Đăng-Dong lai triều, tạ ơn vua, đoạn liền cổi lốt, biểu vua kí tờ nhường ngôi, rồi xưng vương, bắt vua Lê-Cung-Hoàng và đức thái hậu mà cầm trong trong thành, sau chẳng khỏi bao lâu ép người tự vận.

HỌ MẠC TIẾM VỊ

MẠC-ĐĂNG-DONG (1527 — 1530). — Khi tên đoạt ngôi nầy vừa lên ngai, liền sai sứ qua triều Bắc-Kinh cầu phong cho mình. Chuyện như vậy chẳng phải dễ đâu. Song có quí vật gởi dâng, lại với hai châu liên cương tách ra qui thuận cho Trung-Quốc, thì mới làm cho hoàng đế nhà Minh ngả lẻ mà nghe họ Mạc.

Nhưng vậy, sự hoàng đế châu phê không bình tâm hết thảy mọi người. Củng còn một ít kẻ đầu phục nhà Lê, lại trong mấy người đó, thời kể là ông Nguyễn-Cảm (Đỏ). Quan trung thần nầy có giao lân hửu với cựu trào, để huề thân thuộc vô Ai-Lao với hoàng tử vua Lê-Chiêu-Tông.

Dầu vậy, Mạc-Đăng-Dong cũng cứ làm cho ngôi mình kiên hảo hơn, lại khi tưởng rằng trong nước

đã chịu phép và nhẫn tâm rồi, thì từ ngôi, nhường ngai lại cho con là Mạc-Đăng-Dinh.

MẠC-ĐĂNG-DINH (1530—1540). — Vừa cầm quờn chấp chánh thì có loạn lạc dấy lên. Đó là ông Lê-Ý, thuộc dòng tôn thất, tom góp đặng trót muôn người. Mạc-Đăng-Dong đi đánh ông ấy, song bị bại, sau con là Mạc-Đăng-Dinh ra thế cũng phải thua nữa. Rủi thay, ông Lê-Ý tự đắc, không cẩn thận quan phòng, để cho thất lại, phải giặc bắt mà gia hình tứ mả (năm 1529). Còn binh tản thời vở chạy vô Ai-Lao cho gần ông Nguyễn-Cảm, song người đã tôn ông Lê-Ninh lên làm vua, trong sữ gọi là Lê-Trang-Tông (1).

Vua nầy còn thanh xuân mà nhờ có quần thần phụ bật, lần hồi tạo lập giang sơn sự nghiệp tại phía nam Bắc-Kỳ, nhứt là nơi tỉnh Thanh-Hóa.

Người ta lấy làm lạ khi thấy tự nhiên nhơn dân tỏ ý minh ra thể nào mà vùa giúp mấy kẻ gồm thâu quyền phép, lúc ở bên nầy, lúc tùng phía khác. Khi rỏ thấu thể lệ các xứ tận-đông, thời dễ hiểu mấy cơn loạn triều là tại: sự các quan tranh trưởng trong những đời vua nào có tiếng ở ngôi càn, mà thường chẳng hay thân chánh, hai là sự dân bất cần mấy việc nào không can phạm thật tới mình. Song đều người ta chẳng tưởng tất được, là cách dân tình dể xuất trận. Chắc có lẻ là tại tánh người an-nam hay canh cải, trí mảng đánh liều và lòng tham một ít vị, kể

(1) Vua nầy biểu danh là Dủ; vì vậy người ta mới gặp trong một ít sách kêu là Dủ-Hoàng-Đế.

làm phần nhiều trong chuyện ấy; sự xiêu chịu những kẻ bị hiếp đáp, không sức gở mình cho khỏi ách, đã trở nên bộ hạ mấy tay hả chánh, cũng phải tính bướng như vậy; sự kính vì mấy đều sao khẩu, lòng đạo đức, tánh triu mến nhà vương, nói tắc một lời là việc giáo huấn, mà chính lý hơn là tâm tánh, cũng tính đặng một chút chi vào nữa, nhưng vậy, trong đó cũng chẳng có cớ sự dân tình ăn ở mà chúng ta quện đi sao?

Nước An-Nam thuở ấy không có phẩm cấp thế đại trâm anh lưu hậu, theo phép, cả thầy nhơn dân nhập tịch đều bằng nhau. Trong nước thời có lê thứ và quân trưởng mà thôi, nhưng vậy người ta gặp đó cũng như nơi khác, có một hạng người bảo thủ niêm lệ, lại với một lớp khác vô danh, vô vị sẳn lòng mà làm các việc lành dữ.

Sự lập làng, lập ấp chỉ ra cho chúng ta thấy, có một đám dân không đăng tịch, ở trong làng chẳng sanh ích lợi chi, trừ ra muốn kí ngụ, thì phải làm nhiều việc theo làng buộc. Ắt thật, đó là một đám vô số con nhà mạng bạc để phòng hậu, nhứt hảo làm cho phận sự mình ra khá hơn, lại cũng sẳn lòng đánh liều mọi việc, vì nào có thiệt hại chi. Chẳng phải nơi đó mà đoàn ứng nghĩa chiêu mộ nhau các khi dấy loàn sao?

Dầu thể nào, như trải xem lại mấy lúc đại biến, ta thấy phía Lê, cũng như bên Mạc, cả hai đồng kíp vội xin Trung-Quốc nhìn phong vương cho mình. Nên trọn mấy năm hai đàng cứ sai sứ bộ cùng đam phương vật tiến cống luôn. Đức hoàng đế nhậm thâu của lễ, rồi xuống chiếu giải phân như vầy: **Lê-Ninh quản thủ các tỉnh phía nam, còn Mạc-Đăng-**

Dong, mới bị con chết, lại có hạ mình phục vọng nhiều phen, thời lãnh tước quan nhị phẩm tùng chánh, cho phép cai trị mấy tỉnh hướng bắc, như chư hầu Trung-Quốc vậy. Cách vài tháng, Mạc-Đăng-Dong từ trần, lưu quyền lại cho cháu là Mạc-Phước-Hải.

MẠC-PHƯỚC-HẢI (1540—1546). — Thượng dụ hoàng để ra như vậy, thì dễ hiểu, nó không làm cho một ai bằng lòng. Ông Lê-Ninh cứ tiếp đánh luôn, Mạc-Phước-Hải thua nhiều trận, song Dương-Chấp-Nhứt là tổng đốc của Mạc-Phước-Hải để lại Tây-Đô, tận trung với Mạc lắm, giữ thành ấy không nổi, nên nộp nó và giả dạn theo Lê. Làm như vậy là cố ý dứt cho được tay hữu nhà Lê, là ông Nguyễn-Cảm. Bởi đó, cách một ít tháng lần hồi thuốc đặng ông ấy, rồi trở về với Mạc-Phước-Hải.

Ông Nguyễn-Cảm mất đi như vậy làm cho vua Lê-Ninh ưu phiền khôn xiết, song sự ấy cũng không phải tái hồi chẳng đặng. Vua Lê-Ninh bèn phong cho Trịnh-Kiểm, rể ông Nguyễn-Cảm, lên làm đô thống, vì là người trí dõng đại đảm lắm.

Năm 1546, Mạc-Phước-Hải qua đời, còn vua Lê-Ninh mấy năm sau trị nước đặng hưởng thọ an nhàn tự tại, nhờ có đại tướng quân người quản thủ, thời cách ba năm, là 1549, người cũng qui thiên nữa.

MẠC-PHƯỚC-NGUYÊN (1546—1561).— Khi Mạc-Phước-Hải chết rồi, mấy đứa con người tranh nhau

mà quản lấy cơ nghiệp. Mạc-Phước-Nguyên, trưởng nam, giành đặng quyền cả.

Còn phía nhà Lê, thời ông Huyên, hoàng tử vua Lê-Trang-Tông, nhờ mấy kẻ trung với người tôn lên làm vua, là xưng Lê-Trung-Tông. Người trị quốc cũng như tiên nghiêm minh, vì có ông Trịnh-Kiểm, là người khéo léo cùng siêng năng, ân cần mọi việc không hở.

Hai bên lo chỉnh đốn việc mình lại. Họ Mạc sửa sang sự cai trị (vì choán đặng một phần đất lớn trong xứ); còn nhà Lê thì tái lập binh gia. Qua năm 1551, khởi sự nghịch lại. Ông Trịnh-Kiểm đam binh loán đất Mạc và tấn cho tới vách thành Đông-Kinh (Hà-Nội). Thật thì người có hồi binh, song người tiên chiến mạnh mẽ quá, nên ép quân nghịch phải ở an một ít lâu. Năm 1555, tới phiên họ Mạc xuất trận. Đạo binh đó có Mạc-Kỉnh-Điển, là chú Mạc-Phước-Hải, làm tướng quân. Ông Trịnh-Kiểm phân bủa sĩ tốt mình cách đắc thế lắm, nên đặng toàn công thắng trận, có một ít quân Mạc chạy khỏi mà thôi, trong mấy người đó kể là Mạc-Kỉnh-Điền.

Đó là một đều thêm sức cho nhà Lê, nên có nhiều kẻ một lòng tuôn đến. Song ấu vương nầy không hưởng nhờ đặng sự mạnh thế như vậy; vì qua năm 1556, khi vừa 22 tuổi, người thọ bịnh mà bỏ mình. Truyện không biết công việc vua nầy thể nào mà chép ra, bởi người theo cách tiên vương, là tỉ như một cuộc đồ kia để chưng trong tuồn đánh giặc, mà họ Trịnh làm vai nhứt.

Vua Lê-Trung-Tông thăng hà, không con kế hậu, nên ông Lê-Duy-Ban, là cháu huyền tôn ông Lê-Lợi, lên nối trị, trong sử gọi Lê-Anh-Tông. Khi vừa

lên ngôi, giặc giã khởi sự lại. Ban sơ hai bên cũng đồng thắng bại nhiều trận, sau hết tướng Trịnh-Kiểm lấy lòng gan kéo binh xông tới Hà-Nội, nên làm cho Mạc-Kỉnh-Điển, thất chí, phải liều mạng đánh phá thử. Mạc-Kỉnh-Điển mới xuống đem cả đạo chiến thuyền vào xâm lăng Thanh-Hóa, ở phía hậu Trịnh-Kiểm. Song tướng nầy mau lui binh trở lại, đánh Mạc phải rút về. Kế thấy hai bên giao công một lúc, phía nhà Lê gần thắng đặng luôn, lại trong khi ấy thì Mạc-Phước-Nguyên mản phần (năm 1561). Con là Mạc-Mậu-Hiệp lên nối nghiệp.

MẠC-MẬU-HIỆP (1561 —1592). — Trong đời tân trị nầy, thời giặc cũng tiếp đánh luôn như trước, hai bên thay phiên nhau khi thắng, khi bại. Nhưng vậy, tướng Trịnh-Kiểm lại khởi sự dụng phương thế binh pháp mình. Người chiếm mỗi khi một phần đất, rồi qui liệu vững vàng, để sau có hành binh lấy đó mà làm chỗ thế.

Qua năm 1570, ông Trịnh-Kiểm mản lộc, khi ấy người đặng 68 tuổi, để quyền cả lại cho con, là Trịnh-Cối, cấp lưu cho miêu dệ minh việc ủng hộ nhà vua là như vậy. Rủi thay, ông Trịnh-Cối không đặng thiên tư, tài ngỏ như tiên nghiêm; ăn ở lung lăng, độc ác, làm cho ai nấy đều bất bình, nên binh gia mới đặt thân dệ người, là Trinh-Tòng, lên làm tướng quân.

Trịnh-Cối trả thù, bỏ qua giặc mà tố trần với Mạc các sự kín về việc phòng ngự. Bởi đó, để cho Mạc-Kỉnh-Điển tới loán Thanh-Hóa ; song làm hết sức cũng không hảm đặng thành An-Trường. Vậy đặng bốn tháng, rồi Mạc-Kỉnh-Điển phải rút binh về. Trịnh-

Tòng duổi theo, đánh Mạc thua luôn ba trận, nên nhà Lê mới thật khởi hoàng trọn công.

Nhưng vậy lòng tham quan bảo mạng càng ngày càng thêm, làm cho vua Lê-Anh-Tông bỏ triều mà trốn. Trịnh-Tòng cho theo bắt, song dọc đường lại dạy thì người đi. Người làm vua mà sống như vậy, thời không có ích chi hết.

Trong lúc vua Lê-Anh-Tông trị vì, chúng ta thấy có họ Nguyễn (con cháu ông Nguyễn-Cảm) chường diện. Mấy người đó đến sau làm chúa nước An-Nam cùng là tổ tiên nhà vương kim thời. Khi trước ông Trịnh-Kiểm có cho em phu nhơn người, là ông Nguyễn-Hoảng, cai trị hai tỉnh Quảng-Nam với Thuận-Hóa, có lẽ làm như vậy đặng rảnh rang cho người; song ông Nguyễn-Hoảng không lưỡng lự chút chi, sang vào trấn nhậm chốn huyền viễn đó, là nơi người đánh đuổi họ Mạc và biết cách làm cho nhơn dân mau yêu mến người.

Mấy cơn giặc giả bất tận nầy xem ra phải làm cho xứ tàn hại, mà nhưng vậy, không. Vì hằng năm có đấu chiến thì trong một mùa mà thôi. Thường thường là sau khi gặt hái rồi. Vậy, dân đầu Lê lập nhà cửa trong rừng, còn dân phục Mạc lại ở lũy, ngoài có hào rộng và rào tre ngăn đỡ. Trong Thanh-Hóa mấy năm tao động ban sơ, thời việc quốc chánh ra tồi bại hết sức, nhờ có quan trạng Phùng-Khắc-Khoan chấn chỉnh mới an lại (năm 1572).

Đứng nối trị cho vua Lê-Anh-Tông, là Lê-Thế-Tông, mới nên bảy tuổi mà thôi. Trong 27 năm người hưởng quốc thì giặc giã cứ tiếp đánh luôn, hai đường may rủi cũng đồng. Song, lúc sau mới thấy phía Lê thắng được cách cháng chường. Năm 1592, ông Trịnh-Tòng hâm lấy đặng Hà-Nội, rồi dạy phá

đi. Tướng giỏi của Mạc, là Nguyễn-Quyện, sa vào tay người bắt. Nhưng vậy chúa Trịnh-Tòng không làm cho mình khắc thiệp toàn công, vì có khi quân lính đã bải hoải, không sức giúp được nữa, nên người thối binh về.

Mạc-Mậu-Hiệp bỏ qua dịp tốt nầy, nên để ít tháng sau cho ông Trịnh-Tòng quày trở lại, đánh thua mà phải đào tị. Mạc-Mậu-Hiệp bèn nhượng quyền lại cho con là Tuyền, xưng hiệu Vỏ-An, rồi đi vô chùa ẩn nặc. Sau có kẻ điềm chỉ, bị chúng bắt đặng điệu về Hà-Nội, thì Trịnh-Tòng xử lăng trì. Còn chúa Mạc–Mậu-Hiệp không chống cự đặng chút nào, đến sau cũng bị sanh hoạch nữa.

Dầu vậy, giặc giã cũng chưa dứt tuyệt. Vì không phải hết thảy quan quân khâm phục ông Tuyền, có một phe khác lại tôn Mạc-Kỉnh-Chỉ, là một người trong họ. Mà bởi binh Lê thắng nhiều trận, làm cho phe ấy bị sát gần hết, còn Mạc-Kỉnh-Chỉ lại bị giết chết. Họ Mạc ngưng đánh một ít lâu, nhượng chỗ cho nhà Lê thống trị.

NHÀ LÊ KHÔI PHỤC

LÊ-THẾ-TÔNG (1573—1600). — Ông Trịnh-Tòng mới dùng dịp lúc binh tịnh ấy đặng sữa lại thành Hà-Nội và cất một cái đền mà đem vua Lê-Thế-Tông về (năm 1593). Vua ngự hồi đế kinh của tiền vương tổ tông người là như vậy; song người ăn ở cũng như lúc trước, là ươn tài yếu trí, tại vị mà không dự một phần nào vào việc chánh sự, chẳng thấy

hải danh trong chuyện phòng ngự gia quốc, lại cũng chẳng có sức mà hộ thủ nhà mình.

Thuở ấy chúng ta thấy lại ông Nguyễn-Hoảng. Người cứ ở hai tỉnh Quảng-Nam và Thuận-Hóa mình, là chốn từ nầy về sau chúng ta gọi là Trung-Kỳ (*Cochinchine*) (1), nay người đã hồi tâm, cũng trở nên mạnh thế, lại kinh như một vì ai nấy phải kiêng nể. Bao lâu nhà Lê với họ Mạc còn tranh

---

(1) Về gốc tích tiếng *Cochinchine*, thời thấy mấy người làm sách phân giải nó khác xa nhau lắm.

Theo lời ông đạc đức Le Grand de la Liraye (kể trong sách *L' Empire d' Annam* v. v. của ông J. Silvestre in ra, và có chú giải) thì nói rằng tiếng nầy « bởi người portugais đời thứ mười bảy đặt ra, vì muốn cho tại bải biển ấy có một xứ *Cochin de Chine* (nghĩa là xứ Cochin phía Trung-Quốc), như mình đã có một xứ *Cochin de l'Inde* (xứ Cochin phía Thiên-Trước) vậy ».

Lối năm 1552, ông Joao de Barros dùng tên *Cauchy-China* mà kêu, người nói: « Khi dời chơn ra khỏi xứ *Cambodge* (Cao-Man), thì người ta vào trong một nước kia kêu là *Campa* (Chiêm-Ba)..... nó liên cương với vương quốc ta gọi là Cauchy-China.....» Một it năm sau, ông Camoëns lại viết ra câu nầy trong sách thơ Lusiades người (phần hát thứ hai): « Xem thấy bải biển xứ gọi là *Champa* (Chiêm-Ba) xa tăm tăm bất tận, rừng rú mọc dầy cây thơm rất nên xinh lịch; xem thấy xứ *Cauchichina* mới vừa biết, lại với vịnh *Ainao* (Hải-Nam) chưa ai hề rỏ chút nào.....»

Năm 1700, ông Joao Viçira giải căn nguơn tên Cochinchine như vầy: « Khi người portugais nghe kêu tên triều nước ấy là *Kecho* (Kẻ-Chợ), lại thấy tượng mạo nhơn dân bổn địa giống tợ người tàu, thì lấy tên *Kecho* và tên *China* mà kêu sái một it dặng làm ra tên và tiếng *Cochinchinois.*» .

Ông Luro nói cách thuyết lý của ông đạc đức Le Grand de la Liraye không được toại chí cho lắm. Người lại thêm rằng: « Xem ra phải lẻ hơn mà đinh gốc tích tiếng nầy bởi chử nho mà ra, vì có khi lúc trước có một tên hoa tiêu quảng-

vương, thì ông Nguyễn-Hoảng ngoan ngùy không dự tới, nay người lại phù trợ phe mạnh hơn mà thôi.

Ông Nguyễn-Hoảng lâm trào, bái yết và dâng phần du nạp mình cho vua Lê-Thế-Tông, người có đem về một đạo binh nhỏ, nói để giúp vua, đặng sát hủy vây kiến họ Mạc. Chẳng khỏi bao lâu vua bèn thử lòng tốt người.

Họ Mạc thì tôn Mạc-Kỉnh-Cung, con Mạc-Kỉnh-Điền, lên làm vua trong năm 1593, cách một ít lâu đem nhau trở lại khiêu chiến nữa. Nhà Lê đánh trả

đông nào đó dùng nó mà chỉ ra cho mấy người phương Tây: *Co Cheng Ching* nghĩa là cựu Chiêm-Ba. Bởi vì *Cheng Ching* (người an-nam kêu là *chiêm thành*) thì thường hay dùng trong tiếng quảng-đông mà gọi xứ Chiêm-Ba.....»

Ông đạc đức Launay kể lại lời ông Luro, song đổi như vầy: Tên Cochinchine bởi tiếng *Chen-Chin* là tiếng người tàu dùng mà gọi xứ Chiêm-Ba, đến sau chắc có khi mấy người tàu đó lấy tiếng *Cao* rút trong *Cao-Tchi (Giao-Chỉ)* mà đặt trước tên ấy. Ban đầu người phương Tây kêu Cao-Chen-Chin, sau sửa lại là Cochinchine.

Các cách ông Luro với ông Launay sát nghiệm đó không đặng phát minh cho lắm, vì lẽ nầy, là bởi bày đặt nó ra cũng sửa chế nhiều, và lại xem ra người portugais biết xứ Chiêm-Ba (Campa, Champa) với xứ Cochinchine (Cauchy-China) cũng trong một thuở. Nhưng vậy, cách thích nghĩa của ông Luro hữu lý hơn hết, nhứt là khi đọc mấy điều dẫn giải sau nầy theo ông Trương-Minh-Ký.

Cổ Chiêm-Thành, mà trúng hơn là *cô Chiêm-Thành*, nghĩa là xứ *Chiêm-Ba xưa* cũng là *dân xứ Chiêm-Ba xưa.* Ấy vậy, theo tiếng người bắc-kinh kêu *Chiêm-Thành*, là *Tchin-Shềng*, còn theo tiếng người quảng-đông, là *Tchiếm-Shềng*, vậy như nối nó với tiếng *cô*, thời đọc ra nghe dọng cũng bường tượng tên *Cochinchine* vậy (vì *Sh* đọc như *Ch* langsa). Còn nghĩa *Cổ Chiêm-Thành*, thì chắc có lẽ nghe được hơn.

vài trận mà không xong, mới sai ông Nguyễn-Hoảng ra cự. Người phá tan đặng giặc.

Năm 1596, họ Mạc trở lại giao chiến nữa. Tướng Phan-Ngạn đánh đuổi dặng, sau nhờ dùng kế bắt được Mạc-Kỉnh-Cung và cả gia quyết người. Từ đó Mạc rút về mấy tỉnh núi non Thái-Nguyên với Cao-Bằng. Còn vua Lê-Thế-Tông, mà nói chính lý hơn là ông Trịnh-Tòng, mới sửa sang lại đặng trong nước. Việc lo trước hết, là sai sứ qua cầu phong với đức hoàng đế Trung-Quốc. Chuyện đó khó xin một chút, là vì họ Mạc dưng nhiều của quí báu mà hối lộ, lại có thế thần tại triều Bắc. Lo lót đã nhiều phen, song phải đợi hoàng đế phân tính. Khi trước Mạc-Kĩnh-Cung trú ngụ tại Tàu, nay đam binh qua tỉnh Thái-Nguyên mà đến đánh nước An-Nam, mà bởi thua đi nên phải trở về chốn củ.

Sau hết, đức hoàng đế mới nhứt quyết phong vương cho vua Lê-Thế-Tông, song ban phép cho họ Mạc quản lấy tĩnh Cao-Bằng với Thái-Nguyên. Đó là gốc sanh giặc giả cho ngày sau.

Ông Trịnh-Tòng cũng không quên phận mình, bắt người ta tôn mình là Bình-An-Vương, và lên ngôi chúa đặng phép truyền tử lưu tôn; ông ấy ăn ở lộng quyền quá thể, càng coi vua không ra gì hơn khi trước bội phần.

Năm 1600, vua Lê-Thế-Tông băng, để ngôi lại cho con thứ người, là ông hoàng Lê-Duy-Tân, trong sử gọi là vua Lê-Kỉnh-Tông.

LÊ-KỈNH-TÔNG (1600 — 1619). — Đây chúng ta tới một chuyện đại khái nơi sử nước Đại-Nam, không phải nói về sự tấn thội trong việc mở mang con

dân an-nam, song bởi vì nó đem cuộc luân lưu vào máy quốc chánh. Phong lập ngôi chúa được phép lưu hậu, ấy là vì quyền thần chế trị trong nước, còn vua thời có tiếng cai quản mà thôi. Song ví như một đàng phải ép mình trị vì cách bằng tịnh, vô tư vô lự, như nơi áng diễn hí, thì đàng nọ lại chiếm quyền qui chế trong nước, dường bằng các hoàng thượng vậy: là hoành hành bạo ngược, hay ganh ghẻ kẻ khác, muốn cho mình toàn quyền mà thôi.

Trước hết, người ta tưởng đặng rằng, lập ra vì chúa là một việc dễ đối với sự bất tài các vua Lê. Dầu vậy có lẻ cho chúng ta không tin sự ấy, bởi chưng sử kí chiếu tỏ cho chúng ta thấy một it xứ khác cũng vậy; song, phân biệt rỏ ràng, vì là khi nào cách ăn ở nhơn dân chịu như vậy mà thôi. Ắt có lẽ tánh yếu đuối nhà vương là một đều làm cho quyết định sự đó, song nó không phải là chánh cớ. Trong các nhơn hội nào mà trên là vua, dưới thì dân mà thôi, không có bực nào xen vào binh chế, thì khuôn tuồng việc chánh sự cứ như vầy luôn: vua thì toàn quyền, còn nhơn dân ai nấy đều đồng như nhau. Như chủ quốc là một người tài trí, thời nước nhà đặng thăng bình; bằng chẳng quờn cả hiện hửu xảy thoát đi mà về tay kẻ khác lực lượng hơn, hay là vào một hội nghị nào, rồi hội đó cũng mau bị một vị trong chư nghị sự làm đầu quản xuất. Bởi đó, mới sanh ra mấy quan quyền thần (*maires du palais, grands vizirs*), nội các, mấy vị nầy đo theo lúc, theo tài tình vua mà tự lệnh hoặc là thi hành chư sự; họ cũng tùy theo dịp cùng phận lợi riêng mình mà phản nghịch và

thí vua nữa, song không canh cải chút chi trong sự qui chế việc trị lý, chẳng bày ra cách nào cho dễ mở mang bề ăn ở nhơn dân.

Tại nước An-Nam thế sự quốc chánh càng lăng xăng líu xíu hơn nữa. Các chúa Trịnh gặp nơi họ Nguyễn là người cũng đồng tranh trưởng, vì lấy tên vua mà cai trị mấy tỉnh mình. Bởi đó hóa ra sự ganh gổ, thù nghịch, làm cho đến sau phân ly nhau, họ Trịnh trị Bắc-Kỳ, còn họ Nguyễn quản lấy Trung-Kỳ. Khi phải một chúa, bây giờ có hai. Khi phải bình an trong nước, lúc ấy sanh sự tương đấu trọn hai đời nơi các chúa Bắc-Kỳ với Trung-Kỳ.

Còn vua nhà Lê thì lại chứng kiến mấy lúc tranh cường gớm ghê như vậy, không sức can gián, chẳng ai tưởng tới người, phải chịu tiếng thống quản cả nước An-Nam, mà không trị đặng một châu nào hết.

Ông Nguyễn-Hoảng mản phần (năm 1614), nhằm đời vua Lê-Kỉnh-Tông. Người lưu việc nhà nước Trung-Kỳ cho thân tử người là Nguyễn-Phước-Nguyên, song trong sữ thường gọi là Sải-Vương hơn. Trước khi thệ thế, người thấy đặng mưu chước người được việc thể nào, là đều người phải ép mình mà lập ra mà trở về Huế, lìa cho khỏi triều chúa Trịnh, là nơi người chịu cũng dường bằng bị giam cầm vậy. Có người đốc suất, nên hai tướng giỏi hơn hết của ông Trinh-Tòng mới trở nghịch, qua giao hiếu với Mạc. Tiên chiến hai tướng nầy thắng, song rủi, họ dùng dịp như vậy mà nhương vị nhau; nên sau chúa Trịnh-Tòng đem đại binh quày trở lại, đánh tan đi hết.

Lúc ấy lòng vua Lê-Kỉnh-Tông bắt sốt sắng, mạnh dạn lại một chút, người tính lo phá ách kẻ bảo

chủ tự kiêu mình. Vì vậy, khi chúa Trịnh-Tòng vừa trở về kinh địa, thì phải người ta rắp toan hại chết. Những người chánh phạm bị bắt, khai rằng chuyện đó là tại vua với con thứ ông Trịnh-Tòng âm mưu làm đầu mối việc. Chúa Trịnh dạy giảo huyết vua Lê-Kỉnh-Tòng và bắt hạ ngục con mình mà báo thù, lại tôn hoàng dệ vua Lê-Kỉnh-Tông lên ngôi cữu ngủ.

LÊ-THẦN-TÔNG (1619 — 1643). — Trong sử Đại-Nam gọi vua mới nầy là Lê-Thần-Tòng. Truyện thời nói gần có bấy nhiêu đó mà thôi. Còn việc mấy chúa, thì không phải như vậy đâu.

Chúa Trịnh-Tòng biết giờ sau hết gần tới, nên phân quờn mình cho hai thân tử, là Trịnh-Trang với Trịnh-Thung, cũng là đứa con trước muốn hại mạng người. Sự chia quyền như vậy là dấu hiệu dấy loạn. Hai anh em tranh chiến với nhau. Anh cả, em thứ ba với chú trở lại chống cùng Trịnh-Trang, nhưng vậy ông nầy cũng thắng được mấy người ấy. Song, trong lúc đánh nhau như vậy, cựu chúa Bắc-Kỳ khi trước anh hùng oai sấm, nay phải mấy đứa con làm giặc đem người đi, rồi trở lòng phản, bỏ người, cho đến đỗi mấy kẻ khiên cũng vậy, người sanh thì nơi quang lộ (năm 1620) gần Xả-Kiều, tại đường tỉnh Bắc-Ninh mà xuống Hải-Dương.

Chúa Trịnh-Trang noi theo tiên nghiêm, ghen ghét họ Nguyễn. Người muốn làm cho đầu phục mình. Biểu ông Nguyễn-Phước-Nguyên cống thuế một it phen mà ông ấy không tuân cứ, thì chúa Trịnh-Trang sai binh vào tiếp cứu mấy anh em chúa

Nguyễn đang dậy giặc. Song mấy kẻ loạn thần bị sát diệt trước đã rồi, nên quân lính Trịnh tới sau phải kíp lui trở lại.

Năm 1626, có sai binh vào đánh họ Nguyễn nữa, mà củng không xong. Hết chuyện chúa Nguyễn, tới phiên họ Mạc đến giao tuy với chúa Trịnh-Trang tại Lang-Sơn, sau bị phá tan, và một it tướng bị trãm quyết (1628). Sự thắng trận chót đây, tuy không làm dứt giặc với Mạc, nhưng mà từ đó về sau nó chẳng cho Mạc đánh trận nào cho tận lực, lại cách một it lâu, họ ấy dứt tuyệt sự liều thân tìm lợi khốn kiếp mình.

Năm 1635, ông Nguyễn-Phước-Nguyên yến giá, để sự quãn trị lại cho con là Nguyễn-Phước-Lan. Song có một vị vương trong hàng huynh dệ không khâm phục quờn người. Vị vương ấy thất trận bị bắt, sau hoàng thúc chúa Nguyễn dạy xữ tử đi.

Năm 1642, vua Lê-Thần-Tông nhường ngôi lai cho thế tữ Lệ-Duy-Hựu, ông nầy xưng là Lê-Chơn-Tông.

Trong đời vua Lê-Thần-Tông, thì có người phương Tây dến nước An-Nam trước hết, lớp qua giãng dạo, lớp tới buôn bán (1). Vậy, ta xin kễ một it lời.

Năm nào mà mấy thầy cã giãng dạo Thiên-Chúa qua nước An-Nam lần đầu hết thì không đính chắc dặng cho lắm. Lối 1550, có ông đạc dức Gaspard de

---

(1) Có một it người phương Tây đến xem dịa cảnh nước An-Nam trước đã lâu. Ông Fernao Perez de Andrade, là người portugais vượt biển tới nước An-Nam trước hết (năm 1516). Kế có ông Fernand Mindez Pinto (năm 1540) di dài theo bãi biển Tam-Kỳ (từ hòn Côn-Nôn cho tới cù-lao Hải-Nam). Người có nói chuyện xứ *Tsiampa* với xứ *Cô-Tchen-Tching* trong sách truyện người làm, song không kể chút nào về phần đất ở phía trong vịnh Bắc-Kỳ; chắc có khi ông Pinto không đi vô trong vịnh ấy.

la Croix, thuộc nhà dòng *dominicain* nước Portugal, qua nước Cao-Man (*Cambodge*) (1) Mà biết ông nầy có đến nước An-Nam như kẻ làm truyện người tưởng chăng? Ta ngở là không. Sau ông ấy, thì có một it ông linh mục khác thuộc mấy nhà dòng portugais sang qua nước Cao-Man. Đoạn có mấy thầy cã nhà dòng dominicain nước Espagne; song nói cho tới ông đạc đức đến truyền đạo trong nước An-Nam trước hết, thì phải qua cho tới năm 1596, lúc ấy có ông linh mục Diégo Adverte ở tại tỉnh Manille mà qua Huế. Cách người giáo đạo thuở ấy thời đặng sự trông cậy khá lắm, rủi một it lâu sau có một chiếc tàu espagnol kia chở đầy lính tới đậu đó, nên làm cho đổi dời lương tánh chúa Nguyễn-Hoàng. Chúa Nguyễn sai binh gia đánh đuổi người espagnol ra khỏi xứ. Còn ông đạc đức Adverte, khi người đến cứu giúp mấy kẻ thương tích nơi chiến

(1) Trương thứ 37, ta có nói rằng người portugais lập ra tiếng *Cambodge*, sự đó không trúng cho lắm, bởi vì tiếng ấy có trước đã lâu, đến sau mấy người portugais mới qua nước Cao-Man, nên họ có kêu sữa nó lại một it mà thôi.

Theo thơ ông Sơn-Điệp gởi mà ta mới đặng đây, thì người nói như vậy: tên *Cambodge* kêu theo tiếng pâli là *Campoûch*, hay là *Campoûchéa*, lại nghĩa nó là *bỡi nước mà sinh ra*, *bỡi nước mà trồi lên;* theo tiếng malayu gọi là *Cambodja*, còn theo tiếng xiêm lại là *Camphoxa*. Truyện có chỉ định căn nguyên tiếng ấy, lại có dẫn tích rằng: thuở xưa, vua trước hết của dân Khâm, cũng kêu là Khêmra, hoặc Khmêr (dàng thổ), tên là Preăs-Thông, ban sơ người đến lập sự nghiệp tại một cái cồn kia mới bồi, đối diện với đền các vua chàm cất dưới chơn núi Pnôm-Dâng-Ret. Đến sau vua ấy đánh đuổi người chàm, mới lập ra nước mình, song nguyên cựu ở nơi tiểu châu mà ra, sau đặt tên nước là *Campoûchéa*.

tràng, thì cũng bị bắn hai mũi tên, song không hại chi cho lắm.

Năm 1616, có ông đạc đức François Buzoni thuộc dòng Đức Chúa Giê-Giu với bốn ông khác nữa đến tại Cửa-Hàn. Song cách tám năm sau, thì ông linh mục Alexandre de Rhodes (1) mới sang qua Trung-Kỳ (1624), thầy cả nầy giảng đạo trước hết tại Bắc-Kỳ, là nơi người đến nhằm năm 1627. Sự tấn phát đã quá trí người trông ước, vì vừa tới năm 1639, thì đã kể dặng tại nước An-Nam có 82.000 người vô đạo.

Song thương ôi! Sự được việc rở rở nầy không tiếp nối đặng, vì đường dẫn các ông đạc đức đi, thì chẳng khỏi bao lâu nó củng dắc mấy kẻ thương mãi nữa, tại các người ấy gây trở bởi khác nước, hoặc khác đạo, hay là bởi bồn tính mình độc ác, nên làm cho hoại sự. Cũng phải nói rằng, việc thấy trước bề ăn ở nhơn dân ngày sau dồi dời tan tác, vì đạo mới mà ra, sợ biền binh Tây phương toạ cư trong xứ, thời nó làm cho các người hành chánh nước Đại-Nam phải xét suy lo lắng lắm. Vậy chúng ta thấy sau đây các vì ấy dụng phương thế nào mà phòng ngự.

Năm 1626, có một chiếc thương bạc portugais kia tại hải khẩu Macao mà sang qua Bắc-Kỳ. Vua rước

(1) « Ông đạc đức Alexandre de Rhodes là người langsa. Nguyên sinh tại thành Avignon, năm 1591, người vào hội Đức Chúa Giê-Giu thuở còn thanh niên, sau xin các thầy cai hội sai người đi giáo đạo. Người khởi sự giảng đạo tại cửa Macao, năm 1619, đoạn đi khắp Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ cho tới năm 1656, lại có in ra một bản đồ nước An-Nam (1650). Sau, người có về Đại-Pháp quốc, rồi cách một ít năm người trở lại phương Đông. Ông Alexandre de Rhodes qua đời tại nước Perse, năm 1660.

mấy người tân đảo đó cách tữ tế lắm; mà khi hay họ gởi một bức thơ vào Trung-Kỳ, thì vua sinh lòng nghi, mới làm nhiều đều gay trở, lại thêm có người hollandais — lúc ấy đang thù nghịch ngoài biển với người portugais — nên mấy người nầy phải bỏ mà ra khỏi xứ.

Sau có người langsa, anglais đến lập phố phường buôn bán tại Hưng-Yên, rồi cũng có lên tại Hà-Nội nữa. Song mấy tay đó cũng vậy, vì chẳng khỏi bao lâu phải dẹp chuyện thương mải đi.

Người hollandais thời làm được việc khá hơn. Lối năm 1637, họ giao mại với Bắc-Kỳ. Bởi hiểu rỏ hơn mấy kẻ trước, nên buôn may bán dắc lắm (1). Hãng buôn lập tại Phố-Hiến gần tỉnh thành Hưng-Yên, nơi ngã ba sông Nhĩ-Hà phía tây; họ thường hay mua tơ, gạo, bạch-đầu-khấu đặng chở qua cữa Batavia hoặc nước Nhựt-Bổn mà bán. Họ đổi súng đại bác, súng tay, đạn, muối điêm, nĩ v. v.

Cách chúa Trịnh-Trang ăn ở hậu tình với dân hollandais như vậy, chẳng phải là người không có ý lo hậu hữu ích cho mình. Người tính để sau cầu viện binh hollandais mà đánh Nguyễn, song luống công cho người.

---

(1) Các đều chỉ vẻ về chuyện mải mại bởi dân nhựt-bổn tỏ bày, vì người hollandais có buôn bán với dân đó, vả lại trước người nhựt-bổn cũng có thương mải với con nhà an-nam đã lâu.

« Những người nhựt-bổn làm sách lớp tiền nhựt, khi thuật truyện đất Đông-Dương, thì dẫn việc giao thông mình với xứ ấy kể từ lớp thượng niên. Theo sách *Ko-Kou-Sen-Kuwa-Kagami* (nghĩa là kinh để chiếu các thứ tiền xưa trong nước Tàu và Nhựt-Bổn), thì nói rằng, kể từ năm 1431, nước Nhựt-Bổn đã thù tạc với xứ Đông-Dương. » (Sách *L'Empire d'Annam v. v.* có ông Sylvestre chú giải).

Năm 1663, nhơn bởi tính toán không xuôi với nhà nước An-Nam, nên mấy hãng buôn hollandais phải triệt hạ. Qua 1665, có lập nó lại mà bán cho tới năm 1700, là lúc chúa Trịnh ăn ở gắt gao với các chủ hãng, đặng họ đi cho mình rảnh việc. Vã chăng, những người buôn bán đó thấy không lời lãi nữa, thì trở về hải khẩu Batavia.

LÊ-CHƠN-TÔNG (1643 — 1648). — Lúc vua nầy mới trị, thì bên Tàu có một vì quan lớn kia hạ nhà Minh mà soán ngôi. Đức hoàng đế trù trướng, thất chí, giết con cái mình, sau người với bà chánh phi đều tự vận. Trước có cho viện binh kim-mống-cổ, quân ấy mau đến cứu giúp, mà khi diệt đặng kẻ thiện quờn, thì lại giữ lấy ngai cho mình. Vua Thuận-Trị tức vị hoàng đế nhà Thanh trước hết nhằm năm 1644, là nhà thống trị Trung-Quốc cho tới bây giờ.

Còn quan quân nhà Minh đem nhau xuống phía Nam, ở đó cũng còn nhiều năm mới tản lạc.

Vua Lê-Chơn-Tông không chịu tin rằng người kim chiếm đặng vị thiên tử, nên gởi sứ qua Minh, thì tự nhiên nhà Minh tỏ mình ra dễ lắm. Lại nhà Minh có sai sứ đam toàn sắc *An-Nam quốc vương* qua phong cho đức thái thượng hoàng.

Trong đời vua Lê-Chơn-Tông đoản trị, tại xứ có một việc quan trọng mà thôi, là sự tấn binh đi đánh nhà Nguyễn. Bên Trịnh tiến chiến, song bị hại trận (năm 1647). Cũng trong năm đó chúa Nguyễn-Phước-Lan thăng hà, lúc sanh tiền người có chấn chỉnh đại binh người cách mạnh mẽ lắm,

khai quãng phần đất người qua phía Nam, làm cho dễ thương mãi với người Tây phương tại mấy tỉnh người. Trong sử có nói cửa biển cho phép tới lui buôn bán là *Faï-Fo* (nghĩa là Cữa-Hàn hay là Tourane) (1).

Ông đạc đức De Rhodes lại kể rằng, lúc đó có năm tỉnh phục quờn chúa Nguyễn là : Quãng-Binh hay là Thuận-Hóa, Quãng-Nam, Quãng-Ngãi, Quãng-Đức với Quãng-Trị (2).

Vua Lê-Chơn-Tông thăng hà thuở đặng hai mươi tuổi, người không con tiếp trị (năm 1648).

---

(1) Tên *Faï-Fo* có lẽ dịch ra đặng là *Hải-Phố*. Khi xem chuyện nầy, ta hãy ý chỉ rằng: cữa Tourane người tàu đặt tên là *Hội-An*, một đôi phen cũng kêu *Hội-An-Phố*; người annam gọi *Cữa-Hàn*, còn người chàm lại kêu là *Đà-Nẵn*.

(2) Trước hết các chúa Nguyễn soán xứ cỗ Chiêm-Ba, rồi phân làm năm tỉnh, gọi là *Ngũ-Quảng*, ta có kể tên trước đây; kinh đô tọa lạc tại tỉnh Quảng-Đức. Đến sau, khi mở nước lấn qua hướng Nam, thời lại lập thêm bốn tỉnh nữa, là Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-Hòa và Bình-Thuận.



KHOẢN THỨ III

NAM-KỲ

Nhà Lê khôi phục (tiếp theo). — Tây-Sơn dấy loạn. — Nhà Nguyễn.

NHÀ LÊ KHÔI PHỤC (*tiếp theo*)

Từ trương nầy sắp về sau, ta xin kể ra mấy niên hiệu theo sách *Synchronismes chinois* của ông đạc đức Mathias Tchang, S. J. (in tại Thượng-Hải năm 1905) mà ta mới dặng đây. Số năm đề kế theo quốc hiệu liền, thì là năm thứ nhứt trong đời vua. Như người lên ngôi nhằm năm trước, thì ta đề sau số năm mấy chữ *n t.*, còn tháng trong năm ấy chữ *t.* có số tiếp theo.

LÊ-THẦN-TÔNG (lần thứ hai, 1649, t. 8 — 1662). — Đó là vua cha lên ngai lại. Mà dầu cha hay là con cũng không trọng chi, vì quyền phép ở nơi họ Trịnh với họ Nguyễn. Phía Nguyễn, có chúa Nguyễn-Phước-Tần (xưng là Hiền-Vương) nối trị cho Nguyễn-Phước-Lan, lại ví như bấy lâu các chúa cõi Nam để cho binh Trịnh tiên chiến dặng đánh trả, đuổi đi mà thôi, thời bây giờ tới phiên mình lại đến xâm lăng xứ Bắc. Tỉnh Nghệ-An là nơi chúa Nguyễn đánh trước hết. Vậy khi thắng được quân nghịch tại núi Hoành-Sơn, thì người hãm lấy đồn

Hà-Trung. Lê-Văn-Hiều, là một người dại dám cố thủ đồn ấy, chạy ra khỏi đặng với một ít tốp binh tàn. Dầu người bị thương nặng nơi chơn, người cũng rán họp binh lại được mà đắp lũy vững chắc lắm tại làng Đại-Nại, tính ngăn binh Nguyễn. Vì vậy, chúa Nguyễn không chắc hãm được nó, nên dụng một kế kia rất hèn. Là gởi thơ cho chúa Trịnh-Trang, cáo rằng tướng ấy làm cớ cho sanh giặc như vậy, đã không gan, lại trở phãn, vì nói ông Lê-Văn-Hiều có xin qua giúp Nguyễn.

Chước thô kệch nầy làm nên việc. Chúa Trịnh dạy bắt tướng Lê-Văn-Hiều, mà bởi bề ngoài chịu đau đớn vì thương tích, còn bề trong ưu sầu vì sự gian cáo tu ố, nên giục người tìm nơi tàng tị là tự vận đi. Người uống thuốc độc mà chết trước khi về tới kinh kỳ.

Tỉnh Nghệ-An vừa tân chiếm, thì thấy có lập thêm đồn lũy mà phòng thủ, sửa sang lại cùng cai trị nó cũng như mấy xứ dã phục Nguyễn. Song, chúa Trịnh-Trang chẳng để làm như vậy lâu ngày đâu. Vì qua năm 1654, người có sai 20.000 binh với năm mươi chiếc thuyền vào có ý đánh lấy lại Cầu-Dinh (Hà-Trung). Chẳng khỏi bao lâu đạo binh ấy phải bại tích. Trịnh-Triều, quí tử chúa Trịnh-Trang, ra làm thống lãnh phát binh đánh lại, mà người cũng không có phước hơn mấy tướng trước. Có một lúc kia, ông Trịnh-Triều muốn qua nhập với Nguyễn, song thấy quân nghịch ơ hờ, nên dùng dịp ấy mà đánh thẳng lại nơi chơn đồn Đại-Nại, nhờ có binh đồn ứng tiếp.

Sự khởi hoàng nầy không được bao lâu. Vì quan tướng Nguyễn-Hữu-Tấn, thống quản các đạo binh

cõi Nam, lần hồi bọc hậu dặng Trịnh-Triều, nên ông nầy phải bị hủy tan.

Binh khí thắng như vậy mặc lòng, Nguyễn cũng tưởng hữu ích mà dùng vàng bạc quyến dụ một ít tướng Trịnh nữa. Nguyễn đang sắm sữa tính chiếm lần tới, vừa đâu thấy chúa Trịnh-Trang từ trần (năm 1645), để quyền lại cho con là Trịnh-Thạc. Chúa Hiền-Vương bèn rút binh về, có khi người muốn làm như vậy dặng phân phô sự minh trung tâm với Lê, hoặc người mỏi mệt về vụ giặc giã, hay là có ý riêng chi. Dầu cách nào, thì cũng có một dịp tốt nầy mà thôi mà người để sẩy, không dùng dặng làm cho tất giặc với Trịnh. Sau chúa Trịnh cho người thấy sự ấy, vì vừa lai niên Trịnh khởi sự đánh lại nữa, đã không núng Nguyễn mà lại bị mất thành An-Trường nửa.

Phần lớn trong tỉnh Nghệ-An về tay Nguyễn, mà hại thay, khi phải chế trị cho có mực, cho khôn ngoan, Nguyễn lại ra thuế nặng hơn lúc họ Trịnh. Dân sự bỏ Nguyễn mà đi, nên Trịnh mới dùng thế sự tâm tánh nhơn dân như vậy, lại cũng nhằm lúc các tướng Nguyễn đang tranh trưởng với nhau nữa, mà trở vào khiêu chiến. Nguyễn bị lấn dồn về cho tới Thuận-Hóa. Trận sau hết đấu tại Hoành-Sơn bên Nguyễn thắng, mà bởi có khi binh gia đã yếu sức rồi, nên Nguyễn bỏ mấy chỗ chiếm tại Nghệ-An mà lui về (năm 1660).

Qua 1661, Trịnh-Thạc phát binh đến đánh, vây dặng đại binh Nguyễn trú tại đồn Phước-Lộc. Mà khi vây dặng mấy tháng, chịu nhọc nhằng, không ích chi, thì binh đồn lại ra nghinh chiến trí mạng quá, làm cho Trịnh-Thạc nhứt quyết phục hồi. Sau trận giặc

nầy, chúa Nguyễn mới truyền xây một đại tường từ Trấn-Ninh xuống tới biển dể ngăn đường đó, vì có một mình nó là chỗ đi qua nơi dịa dầu mà thôi (1).

Bên Tàu, khi nhà Thanh ở ngôi dặng vững vàng, thì vua Lê-Thần-Tông lại theo một phe. Người sai bộ sứ qua Bắc-Kinh, còn thân thuộc nhà Minh chỉ tồn thời bị bắt nạp lại cho quan Thanh.

Cách một ít lâu vua Lê-Thần-Tông thăng hà, năm 1662, tháng 9, người được 56 tuổi, để ngai lại cho hoàng tử Lê-Duy-Củ, khi ấy còn thơ ấu, mới nên chín tuổi mà thôi.

Ta mới thuật ra đây mấy việc nào trong đời vua Lê-Thần-Tông mà đã xãy đến trên phía Bắc xứ nhà Nguyễn ; vậy bây giờ ta phải trở lại coi các chuyện viên thành cũng dồng một thuở nơi hướng Nam xứ ấy. Nhưng vậy, muốn cho tùy theo lớp lang sắp trong khoản nầy, trước hết chúng ta hảy kíp xem xét cuộc địa dư xứ đó thể nào.

Chúng ta biết thuở trước tại phía nam xứ Nguyễn có nước Chiêm-Ba ở trải dài, mà khi ấy nó đã mất nhiều phần đất rồi. Chính vì bề ngang nó chật, phía trên bị rặng núi Trung-Kỳ, dưới cận Trung-Quốc-Hải, nó giống không khác nào đất nhà Nguyễn trị lúc đó. Nó là phần đất Trung-Kỳ nới dài ra mà thôi.

Dưới phía Nam hơn, khi đi qua khỏi mấy dãy núi ngánh chót thuộc về chánh đái sơn Trung-Kỳ, mà dưới chơn đụng nước biển, thì chúng ta thấy có một cuộc bình nguyên khoáng dả tân bồi, rộng minh mông,

---

(1) Nay người ta cũng còn thấy cựu chỉ tường ấy.

có vài cái sông lớn, và vô số rạch ngòi thông lưu. Đó là miền trung châu thuộc về đại giang Khong, mọc đầy thảo mộc, đặng một ít ngọn đổ ra Sông Lớn ấy, với hai Vàm-Cỏ (*Vaïco*), là đường thông nước trảng *Plaine des Joncs* (1) ra biển, cùng sông Đồng-Nai (*Donnaï*), là ngọn lấy suối tại chánh đái sơn Trung-Kỳ mà chảy xuống biển.

Miền trung châu nầy đầy tinh rừng sát, bưn láng trạc hà rau cỏ, có giồng cát ăn ngang qua, nguyên trước là mấy cái hòn động bởi sóng và gió mùa tấp vào mà làm nên cuộc. Hằng năm nước sông dưng lên, song không ngập tràn cả xứ. Nhơn có mưa nắng, cây cối mới đặng diềm dà. Vì vậy, đất đai nhờ bùn trịn dưới sông cùng là phân cỏ cây mục rả, nên thường đặng cao dư và chịu lúa trồng lắm. Hễ người ta khai phá đất ra bao nhiêu, thời miền trung châu nầy cũng trở nên như một kho lúa kia để nuôi dược cả và nước An-Nam luôn.

Lúc truyện ta nói tới đây, thì xứ nầy có người cao-man choán, càng ngày càng bớt trí hóa, song mấy trăm năm trước có lẽ đặng sự học hành thông thái lắm, vì thấy mấy cữu chỉ lộng lạc đền đế Thiên đế Thích, Ang-Kor-Wat, Ang-Kor-Thom, Ekdey, Taprom, Mibaume v. v, thì ít nữa chúng ta cũng nghiệm đặng.

Trong khi họ Nguyễn, họ Trịnh đồng hương, tranh cường với nhau như thế, thời xứ Chiêm-

---

(1) Trảng *Plaine des Joncs* có nhiều đồng đất thấp ướt rộng thinh thinh, gọi là bưn, nó không có tên chung dễ kêu trong tiếng an-nam. Mỗi bưn đều có tên riêng; nhưng vậy trong mấy cái quan hệ hơn, có một cái gọi là bưn Tháp-Mười, là nơi lúc trước có phe nghĩa sĩ ở mà chống trả lại với binh langsa đến chiếm cứ, thì một hai khi người ta dùng tên ấy mà kêu cả trảng.

Ba cũng không dứt thù nghịch với nước An-Nam. Nhơn lúc họ Nguyễn phiền việc, thì nó dùng dịp ấy mà đến cướp phá Nam-Kỳ. Nên nó phải hư mất.

Chúa Hiền-Vương dề binh qua diệt đặng dân chàm; vua nó bị bắt, bỏ vô củi sắt, sau tự vận đi. Còn xứ Chiêm-Ba nhập lại làm của họ Nguyễn, nhưng vậy, chúa Nguyễn cũng có để cho bà hoàng hậu goá được quờn cai trị một phần đất nhỏ phía gần Bình-Thuận.

Từ đó, nước Chiêm-Ba không còn kể là vương quốc nữa. Còn dân sự cũng gần mau tận loại lắm. Một it kẻ thì nhập vào dòng giống người an-nam, còn phần nhiều lại dồn vô núi. Bởi người an-nam chiếm đặng, rồi tràn qua ở, nên dân chàm phải ép minh nhường chỗ lại, rút nhau lên rừng cao nước độc tại chánh dái sơn Trung-Kỳ, ở đó chịu trăm bề khốn khổ mà chờ ngày tuyệt giống. Nay lấy làm khó mà kiếm cho đặng, tại phía Đông-Bắc xứ thuộc địa Trung-Kỳ chúng ta, một it máng mọi khốn nạn thuộc về lớp dân chàm ấy mà hãy còn chỉ tồn, là dân khi xưa trọn mười một đời hằng tranh giành đất Việt-Thường với dân an-nam.

Xứ Chiêm-Ba mãn rồi, tới phiên nước Cao-Mên, không phải tại vua chúa nước ấy quyết lòng chống cự lại với ý nhà Nguyễn muốn tranh sự chi, song bởi người an-nam, là kẻ có tài qui chế đất lạ mà thường khi người ta không dè, sau khi loán được xứ Chiêm-Ba, thì cũng tràn tới đại giang Khong mà ở nữa; bởi vì đất miền trung châu sông ấy phì nhiêu, nên chắc gặt hái đặng mùa lắm, còn chính vì xứ Trung-Kỳ thì sanh sản không đủ mà dùng.

Có nhiều người trung-kỳ, kẻ thì liều mạng, lớp lại quang côn, bị lưu xứ, trốn lính, cùng trộm cướp lánh mình cho khỏi nạn, kế nối nhau mà đến ở tại nước Cao-Man, lộn lạo cùng dân bổn địa. Người an-nam lập quê ngụ nhứt là tại miền Bà-Rịa với Biên-Hoà. Năm 1658, có một cái sớ của quan trấn cỏi địa dầu gởi tâu rằng: vua nước Cao-Man, là Néăc-Ông-Chăn, muốn phản nghịch; còn các người an-nam ở trong ấy không ai hộ phù che chở v. v. Chúa Hiền-Vương lấy đó làm cớ mà đánh giặc với vua dân đàng thổ. Còn phía người cao-man lại nói mấy vị vương tông thất xin chúa Nguyễn trả thù cho mình mà thôi. Dầu lẽ nào thì cũng thấy có 2.000 binh an-nam tấn qua đánh vua nước Cao-Man. Vua ấy thua và bị người an-nam hãm lấy thành Mô-Xoài (Bà-Rịa) mà bắt người.

Ông Néăc-Ông-Chăn bị bả thiên tại xứ Quảng-Bình, sau cho về Cao-Man phục vị như trước, trừ ra phải ở như ngôi chư hầu Trung-Kỳ và phải tiến cống.

LÊ-HUYỀN-TÔNG (1662 n t. t. 11 —1673).— Vua nầy lên ngôi mới đặng chín tuổi, trong truyện gọi người là vua Lê-Huyền-Tông. Chúa Trịnh-Thạc xin đức hoàng đế Trung-Quốc phong vương cho người, thì vua nhà Thanh dạy trước hết phải lai hườn kim ấn nhà Minh ban trong năm 1659, sau mới cho cái khác mà thế lại.

Đời vua nầy trị nhằm lúc hai chúa tương tranh huởn dấu, chắc có lẽ là tại trong nước cần sự như vậy. Chúa Trịnh-Thạc dùng dịp bình an nầy mà lo việc trong xứ Bắc-Kỳ.

Người ban hành luật lệ vua Lê-Thánh-Tông lập ra khi trước mà bỏ sự dỉ kim thục hình, trừ ra tám điều để cho vua phân xử mà thôi.

Người ra chỉ cấm cờ bạc, đá gà cùng bói khoa. Cấm không cho học đạo Thiên-Chúa nữa, song cũng một khi xua đuổi các thiền sư cùng là sư nử. Có khi người lấy đều thứ nhứt làm ngại về sự đổi dời phong tục nhơn dân và chánh giáo, còn mấy người thứ hai, xem dường như ăn thép của chúng, nhờ dân mà sống, không sanh ích lợi chi. Ông đạc đức Launay nghiêm đoán các điều lệ ấy, song không rỏ người có hiểu theo ý vị an-nam chăng ? Sự phượng thờ tiên nhơn và sự thi hành mấy lời đức Khổng-Tử răn khuyên, thì ít cần một vị tăng thiền bất thông thế sự, ở nhưng, hơn là một giáo sư thông minh, thuần đức.

Chúa Trịnh-Thạc có lập thử cách cân lường trong nước ra cho nhỉ hà nhứt thể. Các quan thức đều để tại tỉnh thành làm kiểu mẫu, song bởi thói quen nhơn dân dỏng cường hơn ý chúa Trịnh muốn, nên cách đó bất thành.

Trước khi dứt truyện đời vua nầy, ta xin kể ra mấy lúc họ Mạc ở Cao-Bằng, qua loán đất nhà Lê. Chúa Trịnh-Thạc dẫn đại binh vô tỉnh ấy (năm 1667). Tức thì Mạc-Kỉnh-Vỏ chạy qua Tàu, sau xin triều Bắc-Kinh đem mình về lập lại.

Khi họ Mạc bại trận rồi, thì chúa Trịnh muốn trở vào đánh Nguyễn nửa, vì đòi thuế thường niên không đặng, mà bởi tiền bạc nhà nước thiểu lắm, nên người phải bỏ qua.

Chúa Trịnh-Thạc mới lo làm cho quyền thượng thủ mình ra thêm oai túc trong xứ. Người biểu vua

cho người phép riêng mà tôn tước người: là trong các cuộc lễ nhạc không lạy vua, khi cụ sớ chẳng dùng cách chi gọi là hạ mình kính trọng vua, được phép ngồi một cái ngai bên phía tả ngai vua ngự. Sau hết chúa Trịnh-Thạc ép vua phối hiệp với con gái mình đặng làm chánh cung hoàng hậu.

Vua Lê-Huyền-Tông băng trong năm 1671, tháng 10, người đặng 18 tuổi, không con nối quờn.

LÊ-GIA-TÔNG (1672 n t. t. 11 — 1675). — Đây cũng là một gã đồng nhi lên ngôi lại nữa ; ấu vương nầy là em vua trước, mới được mười một tuổi. Trong đời người trị, thấy họ Trịnh với họ Nguyễn tật đố, cừu hận nhau có thả ra nhiều đều hung ác một lần nữa.

Năm 1672, Trịnh độ binh qua Linh-Giang, đến nhạn trước đại lủy Nguyễn, còn binh Nguyễn thời đóng sau đại tường ấy, phản giữ Bố-Chánh với thành Trấn-Ninh cách vững vàng lắm, vì nếu mất quan ải đó thì phải bị thất thủ. Theo sử nói mỗi bên dạc ước đặng 200,000 binh. Mà tài năng những người ấy đặng bao lăm khi đi lính như vậy ? Đó là sự trong truyện không nói, song ta có phép nghi ngại về sự tầng trải và tư chất binh nghệ. Ắt thật, trong quân sĩ đó có một tốp người đi đánh giặc đã lâu, song biết bao nhiêu kẻ vô dụng trong mấy tay bị nhà nước điền mà không lưỡng lự chút chi, một kíp mau đem vào ngạch lính, bắt sao để vậy mà sai ra chốn chiến trảng cự địch.

Trọn đi ba tháng, hai đạo binh cứ thăm tình thám thính, tập luyện người mình, đánh nhau xọt xẹt ít trận nhỏ riêng quấy quấy, cũng đắp thêm lủy mới mà phòng bị. Chúa Trịnh-Thạc dạy làm mọi việc mà

tấn binh tới, dùng thủ hỏa lôi phục, đụt vách lủy Trấn-Ninh mà phá nó đi; vì bên phía Trịnh có người hollandais tập luyện binh gia.

Sau hết, ngày 25 tháng 11, khởi sự hảm đồn lủy Nguyễn. Giáp chiến kể được mấy bữa, đánh nhau cả ngày cho tới tối, ban đêm nghĩ binh. Hai bên cũng đồng thị tử như qui. Mấy hào thành đầy quân nhơn tử trận, dễ làm như cầu cho binh tiền chiến lướt tới vách. Đại binh Nguyễn khởi sự núng. Có một lúc kia, các quan phò ông hoàng Hiệp-Đức, thống lảnh binh Nguyễn, luận bàn rằng phải thối về đồn hậu, song người dạy rút bớt binh mấy chỗ nào ít chịu giặc đánh, mà tiếp các nơi yếu hại mà thôi. Đạo tiếp đó có ông Nguyễn-Hữu-Đật quản suất, cầm binh cự chiến.

Người hollandais muốn đốt nhà cửa trong thành, biểu dùng diều giấy mà phóng hỏa pháo; tướng Nguyễn-Hữu-Dật bắt binh lấy cát chữa cho hoả pháo tắt đi. Khi binh Trịnh leo tới chót lủy, thì người lại dạy lấy cây đà có đóng nhiều đinh sắt nhọn mà gạc, nên chúng nó bị giập mình chết đám kia đám nọ là như vậy. Phía Nguyễn khởi sự thắng lại.

Sau hết, qua đêm 29, bị binh Nguyễn bắn súng lớn già quá, chúa Trịnh-Thạc ngã lòng, lại mắng tin rằng Tấn-Quận, là nghỉa tế, có ông Thắng-Quận-Công, tổng dốc đô thành giúp sức, cả hai toan lo dấy loạn, nên người ban sư về Bắc, dễ còn có 10,000 binh ở lại cự với Nguyễn mà thôi, vì vậy, chẳng khỏi bao lâu Nguyễn mới phá dặng.

Chúa Trịnh dạy trảm quyết hai vị phản thần ấy. Bởi nhơn dân kêu rêu về sự người hà chánh, lại nói muốn lập ông em lên thế, là Trịnh-Triền, hảy

còn bị người giam cầm, nên người cho kẽ thuốc di mà chẳng dụ dự chút nào. Còn việc trong nước, chúa Trịnh biết có một đều, là xài phí tiền bạc thuế vụ mà thôi, phân phát nó cho các quan, đặng theo một lòng với mình.

Khi Nguyễn chiến thắng xong, thấy tới chuyện phân tính cho nước Cao-Mên. Năm 1675, có một ông hoàng đàng thổ kía tên là Néăc-Âng-Thai, nhờ Xiêm giúp, làm cho vua Néăc-Âng-Non phải trốn. Vua nầy xin Nguyễn cứu, thì Nguyễn mau đến đánh đuổi người tiếm vị đi, song khi phải buờn ngai cho Néăc-Âng-Non, Nguyễn lại đặt ông ấy làm vua nhị ở Saigon, còn cháu người là Néăc-Âng-Thu, thì đặng phong làm vua nhứt tại Oudong (1). Họ Nguyễn càng ngày càng trở ra như đấng thượng vị của nước Cao-Man vậy.

Năm 1675, tháng tư, vua Lê-Gia-Tông thăng hà, khi đó người được mười lăm tuổi.

LÊ-HI-TÔNG (1676 n. t. t. 6 — 1705). — Ông nầy là di phúc tử vua Lê-Thần-Tông, người lại là em vua Lê-Gia-Tông, nay lên nối quờn cho anh. Hai năm đầu trị nước đặng binh an vô sự.

---

(1) Thành Oudong (người an-nam kêu là Ô-Đông) ở phía trên thành Nam-Vang, cách chừng bốn mươi ngàn thước langsa, tại mé hữu sông Tonlé-Sap *(sông nước ngọt)* là ngọn ở Đại-Hồ (Biển-Hồ) mà đỗ ra Mỹ-Công giang.

Cả và hồ rộng thinh thinh ấy, hay là địa trung hải, thì cũng kêu Tonlé-Sap ; nhưng vậy, khi đi lên, người ta phân biệt : 1o ngọn sông tên Tonlé-Sap ; 2o Láng-Bún, hay là Véal-Phoc ; 3o Tiểu-Hồ (biển ngoài) ; 4o Đại-Hồ (biển trong) chạy từ rạch Pursat (Gò-Sặt) cho tới rạch Battambang.

Qua năm 1677, họ Mạc tưởng rằng mình có quan tàu Tâm-Quế vùa giúp chắc chắn, nên khỉ binh đánh thử đất Bắc-Kỳ lại nữa. Đang khi ông Tâm-Quế nổi giặc chống cùng nhà Thanh, thì Mạc cất binh cự lại với Lê. Tâm-Quế phải binh hoàng đế diệt, còn Mạc bị đại binh Trịnh phá tan. Từ đó họ Mạc không còn sức chi hết. Nhưng vậy, năm 1692, Mạc cũng rán chổi dậy một lần nữa tại Cao-Bằng, mà chẳng làm chi đặng.

Năm 1682, chúa Trịnh-Thạc qui thiên, lưu quyền lại cho con là Trịnh-Căn, ông nầy lãnh lấy việc trị nước mà không đều chi ngăn trở. Người đặng sự thống thuộc thuận thoản với Trung-Quốc. Chuyện giặc Đại-Nam đánh với họ Mạc, còn Trung-Quốc với nhà Minh cũng đồng một lược, thì làm cho hai triều ưa nhau. Năm 1683, Tàu giải qua cho nhà-nước An-Nam 500 người theo phe Mạc mà ở bên ấy. Phía An-Nam lại gởi nạp về Trung-Quốc 200 tên làm giặc với Tàu, mà đã qua tùng ngụ tại đất mình. Đó là cách thế mấy nhà nước hoành hành ngang ngược dùng, có khi tì ích cho phần tư lợi mình lắm, dầu lẻ nào, nó cũng là một đều nghịch cùng phong hóa, làm cho lương tâm bắt chống trả lại. Các dân nào khí khái và đặng sự chủ trương mình, dầu cho lớp thượng cổ đi nữa, thì cũng chẳng hề nộp mấy kẻ nào mình cho dậu bạc bao giờ.

Năm 1684, hội buôn *Compagnie des Indes* cho ông Le Chappelier, là một người coi việc thế cho mình, qua thám đất Bắc-Kỳ; nhờ có mấy thầy cả giảng đạo giúp, ông ấy mới đặng nhà nước ban phép lập hảng tại đó; song vì như thiệt có hưng tạo nó ra, thời nó ở cũng không được bao lâu, vì

chưng sự chúa Trịnh ăn ở hà khắc dã làm cho hảng buôn chót của mấy người hollandais phải triệt hạ trong năm 1700, chúng ta biết chuyện đó rồi. Năm 1686, có một người coi việc khác, tên là Venet, khuyên hội buôn ấy chiếm lấy hòn Côn-Nôn đi.

Mấy năm sau vua Lê-Hi-Tông trị quốc mà sánh với các năm trước, thì gọi là vừa dặng bình an mà thôi. Sự cướp phá bởi mấy lúc tao dộng tiền nhựt mà ra, nay trị phạt cách nghiêm nhặt lắm. Lính trên dạy hủy tan trót một làng ăn cướp; có 52 người phải chết chém, lớp dư lại đều bị vanh tay và bắt ở rải trong xứ.

Đang khi mấy chuyện biến nầy luân phiên tiếp nối nhau tại dất Bắc, thì dàng trong chúa Nguyễn lại cho 3000 khách nhơn tới ở xứ minh (năm 1680). Đó là mấy kẽ trung thần với Minh; khi trước đem nhau xuống ở dưới một dạo chiến thuyền kia dặng 200 chiếc, sau phải một trận bảo nặng lắm, tàu thuyền bị chìm gần hết. Bảo rồi, quan tướng cai quân ấy, tên là Dương-Ngạn-Địch, mới qui hội lớp dư lại, thì tính còn có chừng năm mươi chiếc, mà để cho 3000 binh ở. Dương-Ngạn-Địch mới từ dứt sự tranh chiến với Thanh, thả theo gió chạy vào dất Trung-Kỳ, xin làm tôi chúa Nguyễn. Khi ấy chúa Hiền-Vương lưởng lự, sau ban phép cho Dương-Ngạn-Địch vô lập quê ngụ tại miền Cao-Man-Hạ. Đoàn hải thuyền ông ấy lại chia ra làm hai, một tốp di theo sông lên ở Mỹ-Tho, tốp khác dến trú tại Biên-Hoà. Đó là việc cả thể sau. hết chỉ về sự cai trị khéo léo, vang hiển chúa Hiền-Vương, song hại thay cho mấy thầy giảng, vì trong đời người trị thấy dôi phen xuống chiếu bắt

đạo. Cũng là chúa Nguyễn nầy buộc ép người tàu qua ở trong xứ phải tùy tục an-nam nữa.

Thường khi chúng ta đoán xét các việc làm nầy theo trí nghiệm tây nhơn tân hóa, khôn tri tầm cờ sự quyết định vì đâu. Bởi đó chúng ta không phép bài biếm cho thới quá về sự một đứng quân vương kia ăn ở thể nào, bởi chưng người chẳng tưởng đặng an lành với kẻ tha phương, một có lẽ ngở rằng chuyện ấy sanh bất bình trong phong tục nhơn dân cùng là cốt tữ làm cho tàn bại sự tự trị gia quốc mà thôi.

Chúa Hiền-Vương sinh thì nhằm năm 1685, để việc nhà nước lại cho con, là Nguyễn-Phước-Thới, xưng là Ngãi-Vương.

Năm sau, mấy người khách ở Mỹ-Tho nổi dậy làm giặc. Chúa Ngãi-Vương đánh dẹp quân ấy, song không khỏi giết tướng loạn là Huỳnh-Tần với nhiều kẻ thuộc phe. Cũng một khi người biểu vua nước Cao-Mên lập tờ chịu đầu lại cho chặc chịa hơn.

Năm 1691, chúa Ngãi-Vương băng, Nguyễn-Phước-Điều là con, lên nối nghiệp, cải hiệu là Minh-Vương.

Cách vài năm sau, là 1702, người phương Tây có ướm lập thữ hảng buôn lại một lần nữa. Đó là mấy người anglais, họ không hỏi xin ai hết (vì không thấy sách *Gia-Định thông chí* hai là sách Sử nói về chuyện nầy), họ cất ra một hãng tại hòn Côn-Nòn. Hãng nầy ở không được bao lâu. Vì qua 1708, mấy vị anglais đó bi lính malayu mình, nguyên thuộc xứ Macassar, giết đi hết, trừ ra hai ông Salomon Lloyd với quan lương y Pound; hai người ấy chạy xuống chiếc thoàng kia thoát khỏi mà thôi.

Mà biết người phương Tây có đến trước thuở đó đã lâu mà thám thính hòn Côn-Nôn chẳng? Sự ấy không chắc. Vốn thật, khi người langsa tới lấy mà trị cù-lao nầy, thời gặp tại đó có tiền bạc espagnol có đúc hình đức hoàng đế Charles-Quint và đề năm 1521. Song đều như vậy cũng không chứng tỏ sự chi. Bởi chưng, khi mấy người portugais và hollandais đến do thám Trung-Quốc-Hải trước hết, có lẻ họ cũng có dùng tiền bạc nước khác nữa. Còn người espagnol, xem ra đến tại bải biển nước An-Nam lối 1596, là lúc ông đạc đức Diégo Adverte lên thành Huế (vì người espagnol qua lập qui mô tại chòm cù-lao Philippines trong năm 1565 mà thôi). Vậy, không dể hơn mà định dẹo rằng, nhơn dân ở hòn Côn-Nôn có sang đoạt một chiếc tàu espagnol nào đó mà đã bị chìm sao? Sự phỏng nghĩ như vậy có lý nghe được hơn, vì thuở ấy người ta không mua bán, thường họ hay đổi chác mà thôi.

Qua năm 1705, tháng tư, vua Lê-Hi-Tông «vâng vì lịnh dạy», nhường ngai lại cho hoàng thái tữ người, là Lê-Duy-Đường (Lê-Dủ-Tông). Chúa Trịnh-Căn ăn ở với vua nhà Lê không khác chi các vì chúa tiền đại. Vua Lê-Hi-Tông thăng hà nhằm tháng tư, năm 1716, khi ấy người đặng 54 tuổi.

LÊ-DỦ-TÔNG (1706, nt. t. 6 — 1729).— Đời tàn trị nầy được bình yên, không giặc giả chi. Vừa lúc ban sơ, chúa Trịnh-Căn tân thiên (năm 1707), chắt người là Trịnh-Cang, cũng kêu là Trịnh-Cương, lên nối nghiệp.

Ông nầy dùng dịp an hòa như vậy mà sữa sang sắp đặt việc trong nước. Luật lệ vua Lê-Thánh-Tông

10

lập ra khi trước, bấy lâu bỏ qua, nay thông dụng lại, ruộng đất đạc một lần nữa, còn thuế viết định theo hạng mới. Mấy cảng khẩu hai tỉnh Nghệ-An, Thanh-Hoá khai ra rộng hơn và vét lại cho sâu. Thấy có trừng trị mấy chuyện việt phận, cùng khuấy rối trong dân. Những người thanh khách khai khoáng không được tụ họp nhau tại mỗi chỗ lấy ngũ kim mà quá 300 tên.

Chúa Trịnh-Cang tiếp theo việc nghiêm phụ mình trị lý mà ăn ở với người ngoại quốc và về cách thờ phượng mới. Người ra chỉ cấm đạo Thiên-Chúa, khu trục các thầy giảng trở về Xiêm (là đức giám mục Jacques de Bourges, ông Ed. Belot với ông François Guisain).

« Mà khi tàu chở các thầy ấy vô tới lối Nghệ-An, có một chiếc ghe bổn đạo kia ra cặp, rước hai ông sau vô bờ ẩn dật đặng trong tỉnh.

« Sự chống trả lại cách cháng chướng với lịnh trên như vậy, thì cũng dường bằng dấy loạn, nó không làm cho nguôi cơn thạnh nộ chúa oai quyền xứ Bắc, vì thấy người nắm giữ sự thi hành chiếu chỉ cấm đạo trọn ba năm ». (Sách *Cours d'histoire annamite* của ông P. J. B. Trương-Vĩnh-Ký).

Trong cõi Nam, khi ấy chúa Minh-Vương đã đổi xứ Chiêm-Ba ra một phủ an-nam và đặt tên nó là Bình-Thuận. Người cũng phải đánh Xiêm nữa, vì dân ấy cứu giúp phe cao-man làm loạn.

Năm 1699, chúa Nguyễn qui liệu miền Cao-Man-Hạ lại mà phân trị, đến sau làm ra xứ Gia-Định (1),

(1) Hai chữ nho chỉ tên Gia-Định nghĩa là *thanh an*. Mấy người an-nam đến trước hết tại Nam-Kỳ đều biết tên ấy để mà kêu xứ có sông Sài-Gòn thông qua. Lúc sau, ông Nguyễn-

hay là Nam-Kỳ (*Basse-Cochinchine*). Ban sơ lập ra phủ Gia-Định, huyện Phước-Long (tại đất Đồng-Nai), dinh Trấn–Biên (Biên-Hoà) và huyện Tân-Bình (Sài-Gòn) (1).

Anh lấy nó mà đặt cho thành của quan tổng binh Olivier lập. « Có một ít vị bổn quốc hay chữ không dẫn đặng gốc tên ấy cho khỏi trước đời vua Gia-Long. Mấy người đó lại luận rằng, chữ thứ nhứt xem như chiết trong niên hiệu đức hoàng để Gia-Long, nên diễn nghĩa Gia-Định như vầy: *xứ vua Gia-Long bình giặc* (Sách *Monographie de la province de Gia-Định).* Điều giác thể nầy xem ra khó ưng lý, nghĩ vì thành Gia-Định xây trong năm 1789, còn tên đức Gia-Long dẫn ra không quá năm 1802.

(1) Theo lời ông Aubaret, là người diễn sách *Gia-Định thông chí*, thì nói như vầy : chốn trung đô kêu là *Sài-Gòn*, thì thuở trước là tại Chợ-Lớn ; còn chỗ nay là thành Sài-Gòn, xưa gọi là Bến-Nghé. Căn nguyên tên ấy có khi bởi tiếng cao-man mà ra. Ông Trương-Vĩnh-Ký lại rằng, người chép sách *Gia-Định thông chí*, là ông Trịnh-Hoài-Đức, có giãi nghĩa tiếng ấy rồi (song ta không gặp đoạn đó trong sách người), nói *Sài* là chữ nho, nghĩa *củi*, còn chữ *gòn* là tiếng an-nam, chỉ là *cây gòn*; ông Pétrus Ký lại thêm : « người ta nói tên ấy đặt ra, tại dân cao-man trồng gòn nhiều lắm chung quanh mấy đồn đất củ thuộc về mình, nay còn lưu dấu tích nơi chùa Cây-Mai và lối kế cận đó ». Nhưng vậy, ông Trương-Vĩnh-Ký cũng tưởng Sài-Gòn là tên người đàng thổ lúc trước đặt ra mà kêu cả và miền, là nơi đến sau mới khai thành ra.

Tới phiên ta, ta xin ai nấy nghiệm lại, trước năm 1675, thời người cao-mên đã có một cái đồn tại Sài-Gòn. Vã chăng, trong sách *Gia-Định thông chí* của ông Aubaret dịch ra, thấy nơi trương thứ 3 có câu nầy: « Qua tháng tư, khi ấy nhằm mùa hạ (năm 1675), binh an-nam hãm lấy các đồn Sài-Gòn, Gò-Bích và Nam-Vang.» Một đều khác nữa chúng ta phải nhớ, là thành Chợ-Lớn nguyên của người tàu lập ra trong năm 1778, đặt tên là *Tai-Ngon*, nên từ tên kêu đó cho tới *Sài-Gòn* thì không bao xa.

Năm 1715, có một người khách quảng-đông kia, tên là Mạc-Cửu, khi trước có mua hoa chi cờ bạc tại nước Cao-Man, sau về Hà-Tiên qui dân, lập lần lần được bảy làng ([1]), rồi sai người đến dâng đất mình chiếm đó cho chúa Minh-Vương, cùng xin quản suất nó thay người. Chúa Nguyễn liền nhậm lời, phong tước hầu cho Mạc-Cửu.

Chúa Minh-Vương cũng ăn ở nghiêm khắc với người có đạo. Một ít thầy giảng phải tử hình nơi dủ lý (lúc bắt đạo năm 1700). Nhưng vậy, cách bốn năm sau, người có giảm bớt việc bắt buộc một chút, nhờ sự thần thế ông đạc đức d'Arnedo (là người chúa Nguyễn giữ lại đặng dùng như toán sỉ), song ta phải biết, cũng nhờ có một ít tai biến trong nước giúp nữa.

Trước đây ta có nói rằng trong đời vua Minh-Vương, thời hội thương *Compagnie des Indes* có sai hai phái viên mình qua dọ hải biên nước An-Nam, có ý cho đặng lập một hảng buôn tại đó. Ông Le Chappelier đến nhằm năm 1684, ông Verret 1686. Trong tờ cáo báo của ông sau thì nói rằng, nhơn dân an-nam không chịu thủ tạc với người ngoại quốc. Năm 1723, ông thương biện Renauly qua xem địa cảnh hòn Côn-Nôn một lần nữa, người nói như có muốn lập ra một chốn đại thương, thời phải chọn vàm sông Không mà khai tạo.

Chúa Trịnh-Cang biết mình gần đất xa trời, lại e sau có nhắm mắt rồi, vua Lê-Dủ-Tông muốn làm đều gì mà chủ trương lấy việc nước chăng, nên qua tháng tư, năm 1729, chúa Trịnh ép người nhường ngôi

(1) Là Hà-Tiên, Phú-Quốc, Long-Cơ, Cần-Vọt (Campot) Vũng-Thơm (Compung-Thom), Rạch-Giá với Cà-Mau.

lại cho thái tử Lê-Duy-Phường (Lê-Vĩnh-Khánh), khi ấy được 19 tuổi. Qua tháng giêng 1731, cựu vương thăng hà, hưởng thọ đặng 52 năm.

LÊ-VĨNH-KHÁNH (1729, t. 4 — 1732).— Vua nầy còn nhỏ tuổi, nhờ chúa Trịnh-Cang lập, lại là hiền tế người, nên phong cho chánh phi chúa Trịnh lên làm thái hoàng hậu. Sau chuyện nầy một it lâu, thì chúa Trịnh-Cang tản thiên (năm 1729). Con người là Trịnh-Giang lên nối quờn. Chắc có lẻ chúa Trịnh-Giang có lòng quảng đại, song người không đặng tư chất minh đạt về chánh sự cho bằng các chúa Trịnh trước. Vì như người tha các món thuế buôn bán, cùng thuế muối, người lại cấm lấy mỏ vàng, mỏ thiếc và mỏ sắt tỉnh Thanh-Hóa. Về vua Lê, thấy chúa Trịnh cũng noi theo sự tiên nhơn mình di ngôn mà ăn ở với người. Năm 1732, tháng tám, Trịnh-Giang dạy phế vua Lê-Vĩnh-Khánh xuống mà lập ngự huynh người, là Lê-Duy-Tường, lên nối ngôi, rồi qua tháng chín, năm 1735, lại truyền giết người đi, vì có khi sợ người làm đều gì chăng.

Khi xem qua truyện nầy chúng ta hãy ý chỉ lại, khi trước vua Lê-Vĩnh-Khánh không có sai sứ qua mà cáo tức vị với hoàng đế nhà Thanh.

Còn tại Nam-Kỳ, thì chúa Minh-Vương đã lập ra phủ Định-Viễn (Vĩnh-Long kim thời). Mạc-Cửu chết, năm 1736, Mạc-Tôn là con đặng phép kế nghiệp cho người.

LÊ-THUẦN-TÔNG (1732, t. 8 — 1735). — Trong đời đoản trị vua nầy không có việc chi đại khái chỉ về chánh sự.

Chúa Trịnh-Giang bãi một phần binh đặng bớt tốn phí, cũng có khi là cho đặng nhiều tiền bạc hơn để mà vui chơi. Người có dạy in các sách kinh của đức Khổng-Tử ra và cấm không cho mua sách người tàu in nữa. Khi dùng phương thế nghịch cùng dân trung-quốc như vậy, biết phải người muốn lìa dứt lần lần cho khỏi Đại-Thanh chăng? Tưởng chắc cũng có lẻ như vậy.

Vua Lê-Thuần-Tông tại vị đặng ba năm, rồi người băng (1735, t. 4), khi ấy người được 37 tuổi, để ngai lại cho hoàng đệ Lê-Duy-Thin, trong sử kêu là vua Lê-Ý-Tông.

LÊ-Ý-TÔNG (1735, t. 4 — 1740). — Nói tóm một đều, chúa Trịnh-Giang lúc đó là quốc chủ, mà người khởi sự làm cho nhiều kẻ không còn bình tâm nữa. Đã mấy năm thiên hạ mong lòng dấy giặc, song không ai dám chống trả cháng chường với oai quyền chúa Trịnh. Qua 1737, loạn lạc mới chỗi dậy. Mà lạ thay, trong cơn bạn nghịch nầy thấy có ba vị vương tông thất là: Lê-Duy-Chúc, Lê-Duy-Qui, Lê-Duy-Mật làm đầu đốc suất. Mấy ông ấy tính phá ách hèn hạ, khi mạng mà bấy lâu họ Trịnh bắt mình phải chịu.

Bởi bị chúng phản, nên sự tập lập nầy lậu ra, song mấy người huyết thệ đồng lỏa có ngày giờ tháo lui khỏi bắt và chống lại. Binh Trịnh-Giang có đánh nghịch đảng nhiều trận. Cách ít lâu, ông Lê-Duy-Chúc với Lê-Duy-Qui chết đi. Còn ông Lê-Duy-Mật thì cứ nghinh chiến luôn cùng làm cho Trịnh phải lo sợ.

Loạn lạc dẹp đặng rồi, chớ nó cũng còn âm thầm, hung bạo. Có một sự cai trị cho công chánh, kiên

nghiêm, thì mới dứt tuyệt được nó mà thôi. Chúa Trịnh đã không làm như vậy, lại háo sắc, buông tuồng vô độ. Nên tinh thần rủ liệt, lại trong lúc dông mưa kia người bị một mũi sét sa gần, làm cho không còn kể chi người nữa: là mất trí khôn rồi. Sau nghe theo lời quan hoạn Huinh-Công-Phụ bày biểu lập cung dưới đất mà ở, nên lưu quyền lại cho quan sử sự mình là như vậy.

Huinh-Công-Phụ, là một người tham danh phận hơn tài trí, làm cho sinh ra nhiều người giận hờn ghen ghét. Sau bị hạ xuống mà đặt ông Trịnh-Dinh lên, là em chúa cuồng tâm, hãy còn ẩn thân nơi địa cung cho tới năm 1761, tháng chạp, mới từ trần, sống đặng 51 tuổi.

Song ông Lê-Duy-Mật, là vị vương nghịch, cũng cứ đánh lại luôn. Muốn cho người lai hàng, thì chúa Trịnh-Dinh ép vua Lê-Ý-Tông nhường ngôi lại cho cháu, là ông Lê-Duy-Đảo. Vua Lê-Ý-Tông còn hưởng thọ đặng 18 năm nữa, cho tới 1758 mới băng.

Tại cõi Nam, chúa Nguyễn cứ chuyên trị mấy tỉnh mình cách khôn ngoan và sửa sang xứ Nam-Kỳ lại. Năm 1736, là năm mấy vị vương nhà Lê dấy giặc, thì chúa Ninh-Vương thăng hà. Con người là Nguyễn-Phước-Chú lên nối quyền, cải nguyên là Võ-Vương. Năm sau, ông Dumas, nguyên soái xứ Thiên-Trúc, cựu thống đốc hai cù-lao Bourbon và Ile de France, có gởi cho hội thương *Compagnie des Indes* một bổn sơ thảo xét về sự lập hảng tại Bắc-Kỳ. Chọn lúc như vậy là phải lẻ lắm.

LÊ-HIỂN-TÔNG (1740, t. 5 — 1786). — Ông Lê-Duy-Đảo lên tức vị (trong sử gọi là Lê-Hiển-Tông) thì

cũng không làm cho Lê-Duy-Mật cãi tâm như chúa Trịnh trông ước. Ông ấy cứ đánh như trước mà thôi. Có nhiều chỗ nổi loạn lên, song bởi không người cho tài tình mà đốc suất, nên chúa Trịnh-Dinh mới lần hồi sát hũy đặng loạn thần, trừ ra Lê-Duy-Mật thoát khỏi mà thôi; đến sau Trịnh-Dinh chết (1767), nhưng vậy cũng không bắt được ông ấy. Con chúa Trịnh-Dinh là Trịnh-Sum, lên kế vị, lại hữu phước hơn. Người tấn binh cách phấn chấn lắm, sau vây đặng Lê-Duy-Mật tại Trấn-Ninh, là chỗ người hậu trú (1). Ông Lê-Duy-Mật coi vọi thấy mình cự không nổi nữa, bèn truyền góp các thùng thuốc súng chồng lại, rồi người cùng cả thê tử đem nhau lên, dạy đốt cho nổ văng lên mà chết.

Tại Trung-Kỳ không có chuyện chi lạ. Hội *Compagnie des Indes* có làm thử lại cách kia thế nọ đặng giao hữu với nước An-Nam. Lối năm 1748, ông Dumont, lãnh việc Hội, qua thám Trung-Kỳ; người tính lập một hãng tại hòn Chăm, gần Hải-Phố. Năm 1749, ông Pierre Poivre qua ghé tại Cữa-Hàn, rồi lên Huế. Chúa Võ-Vương rước ông ấy cách tử tế, ban phép cho người lập một chỗ buôn bán tại Cữa-Hàn, cùng cậy người đem một bức thơ cho vua nước Langsa. Năm 1750, và lúc sau, mấy cữa sông Không và bãi biển xứ Trung-Kỳ đều thấy có ba ông d'Aprés De Mannevillette, ông De Richery với ông De Rosily-Mesros đến thám thính lần lần. Năm 1752, quan nguyên soái Dupleix biểu ông thầy cả De Saint-Phalles gởi cho người một tờ điều trần về xứ Bắc-Kỳ, đoạn cậy đức giám mục Bennétat đam

(1) Trấn-Ninh là một cái lủy, ở tại dãy núi phía Bắc tỉnh Quảng-Bình.

lễ vật dưng cho vua nước An-Nam. Song rủi, sau nhà nước Langsa đòi người về. Lúc đó, chúng ta mất thuộc địa, nên không tính đặng sự chi hết.

Nhưng vậy, qua năm 1775, người langsa có làm thử lại một lần nữa mà buôn bán tại cõi Đông-Dương. Bị giặc bên phương Thế-Giái-Mới làm cho mấy người chung sức lo lắng việc ấy ra vô ích. Dầu vậy, trong lúc tranh chiến nầy thì quan tổng trấn Chandernagor cũng có sai một chiếc tàu qua Trung-Quốc-Hải mà kết sự giao hữu lại với Bắc-Kỳ.

Năm 1765, khi chúa Võ-Vương hấp hối, có di ý lập con bà thứ phi, là ông hoàng Duệ-Tông (trong sử kêu là Huệ-Vương, hay là Định-Vương) đặng nối quờn cho người, rồi cách ít ngày người băng.

Khi trước chúa Võ-Vương ăn ở tự kiêu, ngạo mạng, quan dân lấy làm khó chịu, nay ông Duệ-Tông lại hà khắc, nên thiên hạ chẳng còn bằng lòng nữa.

Tân chúa còn thanh niên, nhơn dịp nầy có một vị quan trưởng kia, tên là Trương-Phước-Man, đoạt lấy quờn người. Quan ấy ăn ở hung bạo, làm cho nhơn dân giận ghét hết sức. Bắt ông Hiếu-Khương-Vương, là con thứ hai chúa Võ-Vương (1), mà cầm tù, sau chết đi, có khi bị chúng hại mạng, người

(1) Chúa Võ-Vương có nhiều con, mà mấy người sanh trước đều là công chúa. Ta xin kể tên một ít hoàng tử người ra sau đây:

Ông thế tử đông cung Hiệu, chết trước giặc Tây-Sơn, con người, là ông hoàng Dương (Mục-Vương), đến sau bị Nguyễn-Văn-Huệ truyền linh giết đi cũng một khi với ông chú người, là chúa Duệ-Tông.

để lại hai nam tử, một vị là ông hoàng Nguyễn-Anh, sau trở nên đứng lập nhà vương kim thời, là đức hoàng đế Gia-Long.

Phía Nam-Kỳ, thấy có người xiêm qua phạm biên. Năm 1772, quân ấy đánh lấy Hà-Tiên, rồi kéo tới Châu-Đốc, có ý xuống Sài-Gòn. Binh an-nam mau đam nhau đến chận dánh. Đoàn binh đi phía Rạch-Giá thất trận đầu, tùy vậy, sự ấy cũng không ngăn cãng đừng cho quan tổng thống Đàm tấn đại binh theo kịp quân xiêm mà hũy nó đi. Vua Xiêm huờn Hà-Tiên lại cho Mạc-Tôn, rồi trở về Bangkok (năm 1774).

Sau lúc hành binh nầy, thời quan tổng thống Đàm có dạy « xây một đồn đất tại Sài-Gòn, từ dưới phía Nam chỗ kêu là *Cát-Ngăng* mà qua phía Tây cầu *Lão-Huế* và trên phía Bắc vàm rạch Thị-Nghè. Bề châu vi đặng mười lăm lý ; nó bao khắp chung quanh thành, là chỗ chánh phần trị, nó làm cho trong thành ở an tâm lắm ; người ta đi ngang qua thành ấy đặng, nhờ có nhiều đại lộ binh bộ đi được. » (Trịnh-Hoài-Đức).

Sự chỉ hướng đồn ấy xây thế nào thì có sái một chút, song ông chủ bút sách *Gia-Định thông chí* có kể ra mấy chỗ để nhằm là : 1o tại vàm rạch Thị-Nghè (*Arroyo de l'Avalanche*) ; 2o tại một cái cầu chắc có khi không phải bắt qua sông *Bến-Nghé* (*Rivière de Saigon*) lại nó ở nhằm bên phía Tây, vì vàm Thị-Nghè đã có chỉ trước tại trên hướng Bắc, nên chắc có lẽ nó bắt

---

Ông Hiếu-Khương-Vương, là con thứ hai, bỏ mình trong nơi dủ lý, người sanh ra ông Nguyễn-Anh.

Ông Duệ-Tông là con thứ 16 chúa Võ-Vương, còn ông tông thất Thăng là con thứ 18.

qua rạch ấy mà thôi, thí dụ như cầu Bông *(2e Pont)*. Vậy địa thế đồn ấy gần giống như địa thế thành của quan tổng binh Olivier xây lúc hậu nhựt — sau đây ta sẻ nói về chuyện nầy — lại có khi nó cũng là địa cuộc đồn của người cao-man mà binh an-nam đã lấy đặng cách một trăm năm trước.

Còn nói về châu vi, thì độ nó đặng 4, 6 và cho tới 10 ngàn thước langsa nữa, vì người an-nam kễ bề dài một lý không có chừng, cứ theo ý mình tưởng mà thôi (xin coi sách *Institutions annamites*, cuốn thứ II, trương 243).

TÂY-SƠN DẤY LOẠN

Đang khi mấy chuyện đại biến nầy hoá sinh tại Mỹ-Công giang, thời xem ra Nguyễn thị gần mau tản mạc. Sự suy vi như vậy bởi một chuyện toả tiết kia khởi đầu, mà chẳng khỏi bao lâu nó gầy nên việc cả thể lắm.

Có một tên biện lại nọ ở tại phần thủ Vân-Đồn, thuộc tĩnh Bình-Định, tên là Nguyễn-Văn-Nhạc, lén lấy tiền kho mà trả nợ cờ bạc, sau bỏ trốn lên núi Tây-Sơn mà ở. Bởi nhơn dân không ưa quan phụ chánh Trương-Phước-Man, nên Nguyễn-Văn-Nhạc mới chiêu tập đặng vài ngàn nghịch đãng, hoặc quân hung quang. Hai em Nhạc, là Nguyễn-Văn-Huệ với Nguyễn-Văn-Lữ, theo anh, cả hai làm phó tướng. Ban sơ Nhạc đánh mấy đồn nơi giáp cảnh, bắt mấy nhà hào phú nạp tiền mà chuộc mạng. Phe Nhạc mau đông lắm, qua năm 1773, ông ấy dùng một kế kia mà hãm đặng thành Qui-Nhơn, sau lấy nó làm nơi nương dựa.

Cơn bạn nghịch nầy hảy còn lâu năm lắm, trong sữ gọi là loạn Tây-Sơn, bởi tên dảy núi ở hướng Tây mà bọn nghịch thần chiếm lấy.

Đã vậy, Trương-Phước-Man lại làm cho dân trung-kỳ giận oán, cho đến đổi sau hết phải xin chúa Trinh-Sum cứu minh ra khỏi tay kẻ hà chánh. Chúa Bắc-Kỳ không tương tri chút nào, vì thuở nay chưa hề có dịp như vậy. Nội một đêm thấy có 30.000 binh độ qua sông Linh-Giang. Quan phụ chánh Trương-Phước-Man phải chịu cho giặc bắt, còn kinh thành Huế bị lấy đi (năm 1775).

Chúa Duệ-Tông mất quan phó quốc rồi, lại chịu cho ngoài Bắc binh Trịnh đánh vô, trong Nam quân Tây-Sơn đánh ra, nên phải lánh minh, ban sơ trú tại Cữa-Hàn, sau đi ngã biển mà vào Gia-Định. Cháu người là ông hoàng Dương (Mục-Vương), thời ở lại Trung-Kỳ cự với giặc, mà chẳng khỏi bao lâu cũng phải theo chúa Duệ-Tông nữa.

Nhưng vậy, khi chúa Nguyễn trốn đi tị nạn, thì người chiêu lập đặng binh gia mau lắm. Người dẫn nó về đánh quân Tây-Sơn. Nguyễn-Văn-Nhạc thấy minh phải lưởng đầu thọ địch, vì dưới Nam có binh trung-kỳ, trên Bắc bị sư lữ bắc-kỳ, mới bỏ qua phò Trịnh. Chúa Trịnh bèn cho Nhạc làm tiền phong tướng quân (1776). Năm sau, Nguyễn-Văn-Nhạc lại được trấn thủ tĩnh Quang-Nam nữa.

Lúc đó giặc đánh với ông Duệ-Tông cũng chưa dứt, nên trong năm ấy, là 1777, cựu chúa Trung-Kỳ với công tôn người là ông hoàng Dương phải tay quân Tây-Sơn bắt đặng tại phía Long-Xuyên (1),

(1) Ông Trịnh-Hoài-Đức thuật rằng « Đức hoàng đế Duệ-Tông lên Long-Xuyên, song qua tháng 8 (năm Đinh-Dậu, 1777),

rồi bị điệu về Sài-Gòn mà trảm quyết (1). Năm 1777, ngoài Bắc có loạn lạc nổi lại nữa, ông Nguyễn-Văn-Nhạc dùng dịp ấy mà xưng vương cùng tiếm hiệu là Thái-Đức.

NGUYỄN-ANH (1778—1786).— Khi chúa Duệ-Tông trốn vào Nam-Kỳ, người có đem cháu theo, là ông Nguyễn-Anh. Đến sau quân Tây-Sơn giết cả hai vị vương rồi, thì giang sơn cơ nghiệp chính phép

---

quân giặc bắt đặng người với *con* người, là ông hoàng Mục-Vương. Hai đấng tôn quí nầy bị đam về thành Phan-Trấn (Gia-Định). »

Ông đạc đức Louvet lại nói, hai vị vương nầy bị bắt tại làng Cao-Giang (tỉnh Long-Xuyên). Nay ta không thấy làng nào có tên ấy, song mấy người già cả tuổi tác trong xứ quyết chắc rằng, lúc trước có nhiều làng gần cù-lao Gieng khởi đầu tên bằng chữ Cao: như Cao-Lảnh. Chuyện nói đây là sự truyền ngôn mơ màng mà thôi, song trong đó ta chiết ra đặng điều nầy, là thuở ấy hai vị vương ẩn mình khi thì tại Cao-Lảnh, khi tại Hồ-Ngữ, còn chốn tị nan sau hết là cù-lao Gieng, chính nơi giặc sanh hoạch được hai ông ấy.

Ta cũng xin kể ra sự ông Pétrus Ký nói về chuyện hai vị vương bị bắt: Chúa Duệ-Tông tại Bassac (Cà-Mau) ông hoàng Dương tại Ba-Vác (Bến-Tre).

(1) Người ta không còn biết cho chắc sự hai vị vương đó chịu tử hình thể nào. Lời sao khẩu thì truyền rằng, mấy ông nầy bị trảm quyết tại một chùa kia cất gần đường trên đi Chợ-Lớn. Ông Pétrus Ký nói là chùa Kim-Chương (là nơi đến sau nhà nước Langsa lập ra sở nuôi ngựa dễ lấy giống), người lại thêm rằng, chùa ấy là của vua Gia-Long kiến tạo tại nền cũ chùa cao-mên, cho nên sinh ra chuyện thuật lại sái niên canh tuế thứ. Lúc đó đức hoàng đế Gia-Long tên là Nguyễn-Anh, người mới đặng 17 tuổi. Chắc là tại chú và anh người chết đi, nên làm cho người mới đặng đứng đầu việc nước.

của họ Nguyễn đều để lại cho người. Mà đang khi ông Nguyễn-Anh đợi chờ ngày tốt, thì người quản lấy binh gia mà đánh giặc. Song rủi cho người, thấy chỗ nào cũng có giặc càn tầm vây bắt, nên người phải trốn lên ẩn ngụ trót tháng trong nhà đức giám mục Bá-Đa-Lộc khi ấy ở tại nước Cao-Man, sau chạy qua Thổ-Châu (là cù-lao tại vịnh Xiêm) mà tị nạn. Lúc đó đầu mục quân Tây-Sơn, là Nguyễn-Văn-Nhạc, tưởng đã hết giặc rồi, nên để có một ít binh sĩ ở lại giữ Gia-Định, mà trở về Qui-Nhơn. Ông Nguyễn-Anh khi ấy còn nhỏ, mới nên 17 tuổi, mà người ân cần lo lắng mọi việc; vừa thấy ông Nhạc di rồi, thì người liền đem quân gia về miền trung châu. Binh nầy gọi là Đông-Sơn (núi phía Đông) mà đối tên với quân Tây-Sơn.

Nguyễn-Anh đuổi đặng quân nghịch. Trong lúc tranh chiến nầy nhờ có binh Hoà-Ngãi (1) phụ lực. Khi khởi hoàng rồi, người lấy tước *Đại nguyên soái nhíp quốc chánh*, người gánh lấy việc đại lao như vậy mà khôn nao lòng núng trí bao giờ.

Còn phía Nguyễn-Văn-Nhạc, thời ông nầy xưng vương trước đã lâu, lại không để cho kẻ nghịch cùng mình ở yên chút nào. Vừa qua ba tháng (năm 1778), thấy ông Nhạc dẫn binh gia vào nhiều lắm. Song số thua nó khiến, ông ấy phải lui về cho tới gần

(1) Binh Hoà-Ngải nầy là dân khách tình nguyện thuộc về một người buôn bán kia mộ, người ấy tên là Lý-Tài, nguyên sanh tại tỉnh Phước-Kiến. Ban sơ quân ấy theo Tây-Sơn mà giúp thanh nhiều việc. Sau thất trận, bị chúng bạc đãi, nên bỏ qua phò Nguyễn. Chúa Nguyễn cũng để cho các quan cai binh và cách sắp đặt quân Hoà-Ngải y như cựu lệ, mà cho tùng quan thượng công Đồ-Thanh-Nhơn, thống suất đạo Đông-Sơn.

Qui-Nhơn, lại bị quan tướng Lê-Văn-Duật duổi theo, đánh lấy đặng Bình-Thuận nữa. Trong khi đó, thấy có binh tàu thú tại mấy đồn bảo Phú-Yên bỏ qua giúp Nguyễn. Còn quân Tây-Sơn, từ khi bãi binh Hoà-Ngãi rồi, thì chúng nó không còn vì nể binh ấy, lại hễ gặp nào lính nào người khách buôn bán ở đâu, thì cho người ta giết đi hết.

Năm 1779, có một tốp binh trung-kỳ cũng qua nhập với Nguyễn nữa. Kế vài tháng sau, ông Nguyễn-Anh phải qui giản cho nước Cao-Man mà lập lên người nối trị chính phép. Sự phụ dung xứ nầy trở nên thiết cận hơn nữa, nên nó hóa ra như sự bảo hộ kia vậy. Năm 1780, ông Nguyễn-Anh bỏ chức đại nguyên soái mà lãnh tước chúa. Năm đó nhằm năm sanh ra ông hoàng tử Cảnh. Cũng trong tháng Janvier 1780, có mấy chiếc tàu của ông Cook, là người anglais vượt biển có danh, qua tại hòn Côn-Nôn, mà đặng người ta giúp tử tế thay vì đức thầy Bá-Đa-Lộc. Sau hết, tại Trà-Vinh có người cao-man dậy loạn, song chẳng bao lâu bị dẹp yên.

Năm 1780, chúa Nguyễn đặng một đạo binh thật, với một đoàn chiến thuyền 80 chiếc và 5 chiếc tàu trận đóng theo cách tây. Hết thảy xem ra như đua nhau mà giúp cho nên việc, song chúa Nguyễn lại làm cho mình hư sự, bởi không biết nhẫn tâm về đều tích phận kia phải lẽ. Người dạy giết ông Đỗ-Thanh-Nhơn, là chánh tướng quân Đông-Sơn, mà báo thù về chuyện ông ấy làm sỉ nhục cho bà trưởng công chúa (1). Tức thì, hai quan

(1) Ông đạc đức Launay kêu sái tên quan tướng nầy là *Phương-Công*. *Thượng-Công* chẳng phải *phương*, vì nó là

phó tướng Đông-Sơn, là Đỗ-Băng, Vỏ-Nhàn cùng quân lính mình bỏ Nguyễn, trốn xuống miền Mỹ-Tho mà ở. Ban đầu đi ăn cướp chúng, sau lại khi chiêu qui đặng thiên hạ khá khá nhập bọn với mình, thì chúng nó giục dân dấy loạn.

Ban sơ, chúa Nguyễn không sá kể chi cơn bạn nghịch ấy. Người mắc vội vã lo việc phục nghiệp, bởi đó thấy người đam đại binh đến đánh quân Tây-Sơn mà thôi. Nhưng vậy, chuyến nầy người lầm về sự người trông ước. Thủy bộ cã hai đều thất ráo, phải thối về Nam-Kỳ, là nơi người cần nó lắm.

Loạn lạc đã dấy tràn ra nhiều nơi, đôi phen nó cũng đánh thắng được binh Nguyễn chúa nữa, nên phãi nhiều tháng và nhờ sự nội công một ít quan loạn mới bình khấu đặng. Còn phía trên Cao-Man quốc lại bị quân xiêm qua loán, mà khi binh an-nam lên, thì nó rút về; sự như vậy chẳng phải

---

tước, chớ không phải tên người. Theo lời ông Pétrus Ký nói rằng: cớ giết quan tướng Đỗ-Thanh-Nhơn bởi ông ấy oai quyền mạnh thế lắm, làm cho chúa Nguyễn-Anh sinh nghi mà thôi. Quan thượng Trịnh-Hoài-Đức, là người chép sách *Gia-Định thông chí*, không nói chút chi về chuyện ít thù phụng quan thầy mình như vậy.

Lúc giết ông Đỗ-Thanh-Nhơn, thì mấy bộ tướng người tên là: Nguyễn-Huỳnh-Đức, Trần-Búa, Đỗ-Vàng, Đỗ-Ghẹ, Vỏ-Nhàn với Đỗ-Băng. Khi người chết rồi, chúa Nguyễn bỏ binh Đông-Sơn, không cho làm một đạo riêng nửa, lại phân bổ nó vô bốn quân thuộc đại binh người. Còn binh Hoà-Ngãi thì bãi đi, chúng nó rãi ra ở tại Nam-Kỳ, sau sinh con đẻ cháu, mà không dự chút nào vào vụ dấy loạn như ông đạc đức Launay nói. Có khi có một phần trong quân ấy đem nhau đến ở Chợ-Lớn, là chỗ mấy người khách Mỹ-Tho và Biên-Hoà đã tới đó mà khai tạo cách hai năm trước, vì bị binh Tây-Sơn đánh đuổi đi.

bởi sợ chi mà không đánh, song là tại khi ấy tướng xiêm, tên là Chatri, có chuyện trả thù vua xiêm, là Trịnh-Cuộc-Anh (Phya-Tan).

Còn quân Tây-Sơn, thời ban sơ mắc lo sửa sang Phú-Yên, Bình-Thuận lại mà trị, nên qua tháng mars 1782, chúng nó mới lìa ra khỏi miền ấy mà vào loán Nam-Kỳ. Đạo thủy Tây-Sơn đông được 100 chiếc, nhờ nước xuôi, gió thuận, hủy đặng đoàn chiến thuyền chúa Nguyễn–Anh nơi sông Nhà-Bè phía dưới, tại chỗ kêu là Ngã-Bảy. Trong lúc tranh cường nầy, thì quan cai tàu Emmanuel (1) tử trận

---

(1) Quan chưởng thủy Aubaret kêu tên ông nầy là *Manuel*, còn người an-nam là Màn-Hoè. Ông đạc đức Launay với ông Trương-Vĩnh-Ký gọi người là *Emmanuel*. Ông Trương-Vĩnh-Ký thêm rằng, người ở tại xứ tổ quán đức thầy Bá-Đa-Lộc (Sách *Morale en actions*, tr. 37), còn hai ông Aubaret với Launay thì lại nói người thuộc về tỉnh Bretagne langsa. Sự tìm kiếm bên nước Langsa và tại kinh thành Huế cho ra nguyên tích, có lẽ dứt đặng mấy đều nói khác nhau đó.

Nhưng vậy, ta cũng xin chỉ ra đây một ít chỗ sái. Trong sách *Gia-Định thông chí*, tại bài giải trương 49 và 50, thì thấy ông Aubaret nói như vầy, ông Emmanuel đặng tước *khâm sai cai cơ*, người cũng có thêm rằng: sau khi ông ấy chết «được phong là, *hiệu nghĩa công thần quốc trụ thượng tướng quân* ».

Còn ông Trương-Vĩnh-Ký kể ra như vầy: « ông Emmanuel là của đức thầy Bá-Đa-Lộc dưng cho vua Gia-Long đặng giúp người, thì người có cho ông nầy làm *Khâm sai chưởng cơ (envoyé royal contre-amiral)*. Khi ông ấy mạng một rồi, thì tặng phong là *hiệu ngãi công thần phụ quốc thượng tướng quân*».

Ta có tra kiếm trong sách *Gia-Định thông chí* chữ nhu ở tại nhà ông Paulus Của, thì thấy đề là: *Khâm sai chưởng cơ*, không phải *Khâm sai cai cơ*. *Chưởng cơ* với *cai cơ* cũng đồng nghĩa *lãnh binh, tướng quân*, song chức trước lớn hơn chức sau. Ta cũng xin ai nấy gẫm lại, tước *quan tứ trụ* chẳng hề để phong cho người ngoại quốc bao giờ. Ông Trương-Vĩnh-Ký

cách thanh danh,* ông ấy quãn đốc chiếc tàu lãnh đi tiên phong, mà lại cũng có khi là dẫn đầu cả đạo thủy chúa Nguyễn nữa. Rủi cho tàu ông ấy phải mắc cạn tại bải bùn nơi đó. Bị quân nghịch vây, còn bạn tàu bỏ trốn đi ráo, nên ông Emmanuel xuống đốt kho thuốc trữ dưới hầm cho nổ vở tan mà chết, làm cho mấy chiếc chiến thuyền Tây-Sơn xáp đánh, mà tưởng đã bắt đặng tàu người, đều phải hư chìm ráo. Khi chết rồi, chúa Nguyễn-Anh phong tặng người là *hiệu ngãi công thần phụ quốc thượng tướng quân*; còn linh vị người thì để tại miễu kêu là Hiển-Trung Tự, hoặc Miễu Công-Thần, hay là Miễu Hội-Đồng, dường như đền thờ các quan binh sang trọng mà đã lập ra trong năm 1794 (1).

---

dịch *chưởng cơ* là *contre-amiral*, đó là sự diễn nghỉa thong thả lắm (ta mới giải nghỉa chức ấy). Muốn cho có nghĩa riêng như vậy, phải xen chử *thủy* hoặc *thủy binh* vào; song sự đó không ích chi cho người an-nam, vì chức lớn nơi con nhà nước Nam khôn tuy theo tài riêng mà lục dụng.

(1) Miễu nầy ở tại trại lính tập Hội-Đồng (Les Mares) bây giờ, kể từ khi người langsa đến chiếm cứ xứ nầy, thì nó bị đổi đi sữa lại, làm cho ra khác xa lắm, không còn trong thể như xưa; nay người ta dùng nó mà làm kho để cho cơ lính tập an-nam.

Khi quan thủy sư Rigault de Genouilly hãm đặng thành Sài-Gòn rồi, thời thấy có nhiều chùa miễu cất từ thành nầy cho tới Chợ-Lớn, đều phải quân binh sữa lại mà phòng thủ. Chắc có khi một phần đồ để trong mấy am tự ấy bị người an-nam đem mà giấu đi, một phần phải người langsa lấy, còn nhiều món khác bị hủy tan. Bài vị anh hùng Emmanuel — mà lúc đó người langsa không biết — thì thuở nay tìm chưa ra; chắc có lẻ người ta phá nó hư rồi, hoặc cũng có khi nó về tay một người langsa hay là an-nam nào đó muốn góp làm của báu, mà không đọc đặng câu chử tạc vào bài vị, lại chắc cũng chẳng ngở là có ích chi khi giãi đặng nghỉa nó ra.

Chúa Nguyễn-Anh thất trận khốn nạn như vậy mà không rủn chí chút nào, người lại muốn đánh nữa. Song luống công cho người; vì cũng gần trong khi ấy người phải bỏ kinh thành mà chạy xuống Mỹ-Tho. Lần nầy là lần thứ hai, binh Tây-Sơn (có hai anh em Nhạc, Huệ thống suất) nhập thành Sài-Gòn; cũng là lần thứ hai Nhạc, Huệ sơ ý, để lại một ít quân sĩ ở giữ Nam-Kỳ mà trở về Qui-Nhơn. Bởi vậy, khi Tây-Sơn phục hoàn rồi, tức thì ông Nguyễn-Anh dáo lại, đánh đuổi quân Tây-Sơn đi.

Qua tháng mars 1783, thấy quân nghịch chường diện một lần nữa tại sông đi lên Sài-Gòn cùng đánh phá đạo thủy chúa Nguyễn-Anh, nên người phải lui về Mỹ-Tho. Đã vậy ông Huệ lại đuổi theo mà hủy đạo binh người. Chúa Nguyễn làm hết sức mới ra khỏi miền trung châu, mà qua trốn bên cù-lao Phú-Quốc, quân nghịch rược theo sau gần lắm. Nhờ có một quan kia tận trung với người, là Lê-Phước-Điền, xin lấy áo cẩm bào người mà mặc, nên người mới vượt ra khỏi trùng vây mà chạy qua hòn Côn-Nôn.

Chốn người tị nạn đó chẳng khỏi bao lâu phải quân giặc hay biết. Ông Huệ sai binh đến vây hòn ấy. Song nhờ có một cơn bao dữ tợn nổi lên, làm cho ghe thuyền tây-sơn bị trôi tấn lạc, nên chúa Nguyễn mới có thế mà chạy trở về Phú-Quốc; ở đó thốn thiếu mọi vật, người chịu gian truân khôn xiết. Chúa Nguyễn thất chí, không trông cậy đặng sự chi nữa, mới đi tìm người trước có cho mình đỗ nhờ, là đức thầy Bá-Đa-Lộc (1), mà khi ấy chính

(1) Ông Pierre-Joseph-Georges Pigneaux de Béhaine sinh ra nhằm ngày mồng 2 tháng novembre 1741, tại làng Origny (thuộc về địa phận đức giám mục thành Laon). Người đặng phong

vì người cũng phải lưu linh với chư đệ tữ tại mấy hòn trong vịnh xiêm nữa. Ông Nguyễn-Anh gặp người tại Chưn-Bun, thời cậy người về xin vua nước Langsa giúp minh.

Đức giám mục phụng mạng, vã chăng người có chỉ bảo chuyện ấy cho chúa Nguyễn; người đam thái tử Cảnh theo, khi ấy ông nầy còn nhỏ tuổi. Dầu vậy, sự người xuất hành phải bị trễ tràng, vì qua tháng décembre 1784 người mới dời chân ra khỏi xứ Tam-Kỳ, rồi ghé Malacca, Pondichéry (ở đó đặng một năm tám tháng), sau người có qua tới tại cữa Lorient thì là nhằm tháng février 1787 mà thôi.

Quyền đức giám mục Bá-Đa-Lộc đặng nơi chúa Nguyễn-Anh thời tại trong ngọc ấn và lời Viện Cơ-Mật bàn nghị, mà ta chép ra sau đây bổn chánh rút trong sách ông đạc đức Louvet (*Mgr d'Adran*):

---

làm chánh tế trong năm 1765, kế người xuống tàu liền tại hãi khẩu Lorient đặng sang qua Nam-Kỳ mà giảng đạo, là nơi người đến nhằm năm 1767, ghé tại cữa Can-Cao (Hà-Tiên). Lãnh dạy sách đoán tại trường nước Xiêm, khi ấy lập tại Hòn-Đất; mà bỡi ở chẳng an nơi, nên năm 1770 người phải bỏ chỗ ấy mà đam các môn đệ người qua lối gần thành Pondichéry, cậy có nhà nước Langsa che chở. Khi ở đó, người được sắc Tòa-Thánh phong người làm giám mục Bá-Đa-Lộc, tùng đức thầy Pignel. Dầu vậy, qua năm 1774 mới làm lễ tôn người tại thành Madras mà thôi. Cũng nội năm ấy, người qua Macao, rồi trở lại Hà-Tiên (1776). Bỡi thấy không có thế chi mà ở yên đặng tại miền nầy, nên qua 1779, người phải đem các học trò người lên Tân-Triều (gần tỉnh thành Biên-Hoà), là nơi ta cũng có thấy chúa Nguyễn-Anh tới ngụ đó nữa.

Sự đức giám mục Bá-Đa-Lộc còn hưởng thọ mấy năm sau, thì nó hòa hiệp với truyện nước nầy và đời chúa Nguyễn-Anh trị cách chí thiết lắm, nên tự nhiên mới có chỗ kể chuyện nó trong chánh văn khoản nầy.

LỜI VIỆN CƠ-MẬT (1) XỨ TRUNG-KỲ BÀN NGHỊ.

Viện Cơ-Mật bàn nghị về việc nhà nước kim thời, định ra như sau nầy :

1° Sự một nước đại tài nào bên phương Tây mà cứu giúp, thì là cần kíp cho vua phục vị, đình thần xin đức vua giao phần việc mình cho vua nước Langsa, vì tài phép, lòng quảng đại và sự công bình nhà nước ấy thì đức vua đã biết cùng chuộng hơn nước khác tại phương Tây.

2° Đặng khởi ra và tính toán cho xong việc trọng ấy, đình thần xin vua cậy đức giám mục Bá-Đa-Lộc, nguyên là người langsa, mà trong cả nước đều biết người đã lâu về sự khôn ngoan cùng mộ sự làm lành.

3° Đức vua sẽ ban cho đức thầy rộng quyền đặng thay vì vua, mà xin Triều-Đình nước Langsa các sự cứu giúp cần kíp, lại tính toán với Triều-Đình ấy mấy sự nào xứng đáng và thuận tiện hơn hết, có ích cho hai nước.

4° Đặng làm cho Triều-Đình nước Langsa tin chắc chắn về ý ngay lành vua, thời đình thần xin vua bằng lòng giao hoàng tử, con một vua lại là đứng nối trị trong nước, vào tay đức thầy langsa, phú cho người xem sóc, dạy dỗ hoàng tử rất yêu dấu của vua cùng rất quí báu cho cả và nước.

---

(1) Trong sách ông đạc đức Louvet viết như vầy : *conseil royal* nghĩa là *quốc vương hội nghị*. Về sự kêu là « vương » và « vua Trung-Kỳ » mà chúng ta gặp nơi tích kể đây cùng nhiều lần khác trong sách nầy, thì ta xin ai nấy rỏ lại, tước *vương (vua)* mà ông Nguyễn-Anh lấy đó, và các chúa trước người cũng xưng như vậy nữa, thì không cân xứng với phận sự mình khi sánh cùng các vua nhà Lê, vì các vua ấy trị cả nước. Cũng phải nói là tại mấy vua nầy không có sức mà ngăn cãng đều gì hết. Trong đó có sự xưng quá tước hay là tiếm vị, nên mấy vua ấy gánh vác việc như vậy, song đôi phen cũng đặng đều thạnh lợi một thể với các đức hoàng đế Trung-Quốc về quyền thượng thủ trên nước An-Nam. Lời bàn nghị in ra sau đây là một đều làm chứng chuyện ấy, vì sau lời bàn nghị có câu nầy : « Bàn nghị..... Kiền-Hưng tứ thập tam niên » nghĩa là năm thứ bốn mươi ba đời vua nhà Lê trị nước.

5° Muốn cho khỏi dều bất tiện, cùng cho được biết chắc mấy điều viết bằng tiếng ngoại quốc tại nước nào mà không có thông ngôn khác, trừ ra mấy người thuộc việc mà thổi, thì đình thần xin vua lấy lòng tốt mà giao chánh ấn của vua, là quốc bữu cả và nước lấy làm trọng đường như - sắc phong vậy, .hầu cho Triều-Đình nước Langsa, dầu cách nào, cũng chắc ý về quyền phép ông giám mục Bá-Đa-Lộc, và trông cậy dặng sự mình tính làm sẻ thành công.

6° Đức thầy xin Triều-Đình nước Langsa giúp một ngàn rưỡi binh, tàu thuyền cho đủ mà chở binh ấy, súng xe, thuốc đạn, cả thảy những đồ cần kíp và có ích trong khi hành binh.

7° Sẽ cho theo hai quan lớn trong triều với mấy kẻ hầu hạ cần kíp để phòng dạy dỗ thái tử và để hộ tùng đức giám mục Bá-Đa-Lộc. Hai vì quan lớn ấy cũng làm chứng về sự vua thật lòng muốn giao ước với Triều-Đình nước Langsa.

8° Ông giám mục Bá-Đa-Lộc lãnh việc, thay vì vua và Viện Cơ-Mật người, mà bàn tính nhường lại cùng cho vua nước Langsa dặng toàn quyền quản trị cù-lao, là nơi có cảng khẩu lớn hơn hết trong cả và nước Trung-Kỳ, mà người langsa kêu nó là cữa *Touron (Tourane)*, còn người trung-kỳ là Hội-An, dặng lập dinh trại theo cách và theo hình dáng nào mà người langsa định là phải lẽ hơn.

9° Vã lại nhà nước Langsa dặng phép làm chủ cữa biển ấy chung với người trung-kỳ, hầu cho dặng gìn giữ, sữa lại, cùng đóng các chiếc tàu nào mà Triều-Đình nước Langsa định là cần kíp.

10° Đức thầy cũng bàn luận với Triều-Đình nước Langsa mà cho hòn kêu là Côn-Nôn.

11° Trong chư quốc Tây phương, thì trừ ra có một mình nước Langsa dặng đức vua cho phép buôn bán trong nước người mà thôi.

12° Như nước Langsa làm cho đức vua khôi phục dặng và ủng hộ người ở an trong nước, thì đức vua sẻ buộc mình mà giúp lại vua nước Langsa binh bộ, binh thủy, lương phạn, tàu bè v. v. mỗi khi nào vua ấy xin, bất kể cần sự tại chỗ nào.

13° Viện Cơ-Mật xin vua cho ông giám mục Bá-Đa-Lộc hay trước rằng, như Triều-Đình nước Langsa có dòi sự gì mà đức

vua không định liệu đặng trước, thời đức thầy có chịu là khi nào mấy điều buộc ấy không làm thiệt hại chút chi về sự thạnh lợi dân người, vì vua là cha cùng là đấng bảo chủ cho chúng nó, lại bởi đức thầy hiểu thấu thói tục nước Trung-Kỳ, nên người trần tỏ cho Triều-Đình nước Langsa biết tờ giao ước vua muốn lập với Triều-Đình ấy, thật chắc chắn trong mấy nhiêu điều nào mà cân phân cùng ti ích cho hai nước giao kết mà thôi.

14° Sau hết, Viện Cơ-Mật xin vua cho ông giám mục Bá-Đa-Lộc rỏ sự nầy, khi phú thác số phận vua và số phận thần dân vào tay người, thì vua ngóng trông lòng người tríu mến vua, đặng người dụng cách khôn ngoan và duệ trí người, là sự vua hằng biết, mà lo vụ tính toán nầy cho may mắng tùy theo cơ quan thể nào ; lại bởi cuộc tính toán đó mà nên quờn giám mục cũng chăng, là việc người hằng ân cần lo lắng, lại cũng vì nó mà bấy lâu người liều nhiều đều rất trọng ; sau nữa, tại sự thành công mà người cho biết lòng nhân từ đấng Chí-Tôn mà người là chánh tế, và sự thi ân vị đại vương langsa mà người là thần hạ, thời ngày sau người đáng cho đức vua và cho cả và sinh linh trung-kỳ cám ơn mến đức người muôn kiếp.

Bàn nghị tại Viện Cơ-Mật, nhằm mồng mười tháng bảy, đời vua Kiến-Hưng tứ thập tam niên.

Đức giám mục Bá-Đa-Lộc phụng lảnh đam lời bản nghị nầy theo với một bức thơ của chúa Nguyễn-Anh ngự bút gởi cho vua nước Langsa. Thơ ấy viết như vầy:

Đại Quốc Vương,

Dầu nước tôi tuy nhỏ mọn không lẻ sánh cùng quí quốc, dầu đàng xa cách ngàn trùng làm cho hai nước ta không được gần nhau, nhưng vậy, tôi quyết chắc qui quốc cũng tin lòng tôi thiệt thà, tôi y theo ý giám mục Bá-Đa-Lộc, là người lãnh con tin, tôi nhứt tính gởi thơ cho quí quốc. Tôi phú con tôi là đông cung Cảnh cho người lãnh con tin, tôi giao ngọc ấn trong nước tôi cho ông ấy đặng quí quốc lấy làm tin, cho ông ấy tới chầu quí quốc và xin quí quốc giúp các điều cần kíp đặng

trở về nước tôi. Biết chắc qui quốc có lòng nhơn đức lớn, tôi tin thật qui quốc sẻ khứng chịu lấy con mọn tôi, và thương xót về số phận tôi, lại tôi ước trông trong một ít lâu tôi sẻ đặng vui mừng vì thấy con tôi trở về, lại được mọi điều cứu giúp cần kíp. Tôi ngóng trông cho ông giám mục lãnh con tin trở về, cùng xin qui quốc tin tôi hằng có lòng cám tạ về những việc qui quốc làm ơn cho tôi.

Khi chúa Nguyễn-Anh gặp cùng tính toán xong với đức thầy Bá-Đa-Lộc, thì người ướm đánh thử mà lấy Nam-Kỳ lại, song rủi cho người, vì chuyến nầy gặp quân nghịch canh giữ. Ban sơ người thắng một ít trận, song chẳng khỏi bao lâu người phải quan nguyên soái tây-sơn, là Trương-Văn-Đa, rể ông Nhạc, làm cho người không còn đánh đặng nữa (năm 1783). Bởi vậy, vị vương chịu gian truân nầy mới qua Bangkok đặng xin cứu giúp (tháng avril 1784). Vua xiêm có xuất cấp cho người (tháng juillet 1784) 20.000 binh với 300 chiến thuyền. Nhờ đạo binh nhỏ ấy người mới soán đặng lại lần lần Ba-Vác, Trà-Ôn, Mân-Thít cùng Sa-Đéc. Người thắng trận tại Mân-Thít, mà người mất quan tướng giỏi hơn hết là Châu-Văn-Tiếp, sau người bị thất tại Rạch-Gầm (tháng janvier 1785).

Chúa Nguyễn-Anh phải trở qua Bangkok mà tị nạn lại nữa, thì vua xiêm có tiếp rước người cách trọng hậu.

Sau mấy chuyện nầy thời đức thầy Bá-Đa-Lộc mới dời ra khỏi xứ Đông-Dương.

Chúa Nguyễn-Anh ở lại vài năm tại nước Xiêm với cung quyến người cùng một ít quan quân trung thần. Đến sau, người có dự cách thơm danh vào vụ giặc xiêm đánh với quân miền-điện (1786), đoạn người có khữ trừ giùm quân phỉ tặc malayu cho hết phạm hãi biên Xiêm quốc. Ta xin để dẹp mấy

việc chúa Nguyễn làm đó đặng trở lại chuyện chúa Trịnh mà ta đã bỏ qua lối năm 1776.

TÂY-SƠN VỚI TRỊNH THỊ TẠI BẮC-KỲ (1776 — 1786). — Khi thắng đặng Nguyễn rồi, thời chúa Trịnh-Sum phân đặt binh sĩ ở lại Thuận-Hoá, tính sửa sang đất mình mới chiếm. Mà rủi bị mấy con người tranh giành sự nghiệp người, không để cho có ngày giờ mà lo xong việc, nên người phải kíp trở về Bắc rồi cách vài năm người từ lộc (1781). Trịnh-Giai, là con, nhờ có binh dân tí hộ, phế em là Trịnh-Cán xuống mà soán ngôi, vì trước được chúa Trịnh-Sum định lập mà nối quờn cho người. Khi bị giáng xong thời Trịnh-Cán sống không được bao lâu mà chết.

Trong lúc ấy, quân Tây-Sơn đã tu bồ chắc chắn mấy tỉnh mình, rồi tính đi lần lên hướng Bắc. Nguyễn-Văn-Nhạc quyết lòng đánh lấy Huế. Nhờ có em là ông Huệ với quan tướng bắc-kỳ, Nguyễn-Hữu-Chĩnh, đã bỏ Trịnh qua giúp, nên ông Nhạc mới hãm đặng kinh đô Trung-Kỳ gần như không đánh chút nào vậy (năm 1784). Vì trong lúc ấy, quan trấn thủ thành Huế trở phản lại với chúa mình, là ra hàng đầu quân Tây-Sơn.

Nguyễn-Hữu-Chỉnh đốc ông Huệ, khi ấy làm thống lảnh binh, lấy bốn chữ: *Phò Lê, diệt Trịnh* làm hiệu đề cờ mà kéo thẳng ra đánh Bắc. Bởi đó, ông Huệ không gặp bên Trịnh chống trả lại bao nhiêu. Vì thiên hạ sợ và ghét Trịnh-Giai, không ai chịu theo hết. Chúa Trịnh phải bỏ Hà-Nội trốn đi một mình, lại bởi tìm chẳng đặng người nào mà dắc giùm voi, nên người tự vận (1786, t. 6).

Ông Huệ, vì hiệu cờ mình, nên kính vua Lê-Hiền-Tông, khi ấy đã niên cao kỷ trưởng; vua có trọng đãi ông Huệ và phong tước quốc công (1) cho người. Cách vài tuần lễ sau, vua lại gả công chúa (2) cho ông ấy nữa.

Lúc quân Tây-Sơn tới thời vua Lê-Hiền-Tông đã nhốm bịnh rồi, nay người lại thấy nó càng mau nặng lắm. Khi ông Huệ nhập thành Hà-Nội được hai tháng, thì vua Lê thăng hà; người đặng 70 tuổi (1786, t. 7) ở ngôi 47 năm, mà không dụng quờn trị nước chút nào.

LÊ-CHIÊU-THỐNG (1787, nt. t. 7 —1789).— Khi vương lảo yến giá, người không di chỉ lập ai nối trị cho người, nên nhờ có ông Huệ bằng lòng, thời triều đình mới tôn Lê-Duy-Khiêm, là một vị trong mấy hoàng tôn, lên kế nghiệp, ông nầy cải nguyên là Lê-Chiêu-Thống.

Trong lúc ông Huệ đam binh ra đánh Bắc lần thứ nhứt như vậy, thì làm cho ông Nhạc sinh lòng lo sợ cùng ganh gổ, nên ông Nhạc tuốt theo, rồi chẳng khỏi bao lâu thấy hội nhau lại mà bàn nghị. Có một vì quan kia, tên Vỏ-Văn-Nhâm, cáo quan tướng Nguyễn-Hữu-Chỉnh, là người sử việc cho ông Huệ, rằng hay chiêu quyền vỏ lộng. Cách vài bữa,

---

(1) Là tước quyền quí. *Quốc* = *nước*, *công* là tước quyền quí.

(2) Hiền tế vua kêu là *phò mả*; *phò* = *giúp, binh vực*; *mả* = *ngựa*. Nghĩa hai tiếng nầy là « người dẫn ngựa cho vua ngự đi, đặng phép lại gần ngựa, voi vua ».

ông Nhạc phụng hạ vua Lê-Chiêu-Thống, thì vua tính chia phân nửa xứ Bắc-Kỳ cho người; song ông Nhạc chối từ không chịu, nói binh sĩ mình đến đó là có ý cứu vua cho khỏi Trịnh hiếp chế mà thôi, không phải đặng lấy đất người.

Hai anh em Nhạc, Huệ đã nhứt quyết hại tướng Nguyễn-Hữu-Chỉnh, nên một ít lâu sau, nhơn dịp ban đêm trời tối, cả hai đem quân gia về Nam ráo, song trước cũng không quên cho kẻ vô từ vua Lê và mật lấy hết của kho người nữa. Nguyễn-Hữu-Chỉnh ơ hờ, không để binh đi, vì trước ông Nhạc có biểu người lo sửa sạng mà làm lễ thái miếu, nên sáng ngày thấy dân dã hầm hầm muốn giết người, vì người bội quốc. Nguyễn-Hữu-Chỉnh tả đục hữu xông, chạy xuống dặng dưới chiếc ghe kia với một ít tên thủ hạ mà thoát khỏi nạn. Ông ấy riết theo, gặp binh Tây-Sơn tại Nghệ-An, thì Nhạc, Huệ lấy lời tử tế vỗ về mà chữa sự mình quên, rồi để người ở lại lo phòng thủ tỉnh Nghệ-An.

Ta không bỏ qua đặng tánh ý ăn ở theo người cảnh đông như vậy, vì đôi phen sự bất vỉ chi làm cho phải sững sờ quá đỗi, dầu vậy, khi đến chuyện, thời lại biết cách chấp lấy những lời dối trá thô kệch hơn hết mà không lưỡng lự chút nào. Trong việc nầy không ai bị gạt gẫm hết. Hai bên cũng đồng sợ nhau. Chắc có khi đôi đường dùng sự giả dạn ấy đặng cho có nhiều ngày giờ mà lo, và kiếm dịp tốt hơn. Tâm tánh người Tây phương khôn hề chịu dặng sự chữa mình bá láp thể ấy bao giờ, vừa lúc ban sơ thì nó đã cả kêu rằng là bội ước, rồi khi trượng định số cho hai đàng. Bởi dòng dõi da trắng lấy làm trọng nhứt về sự danh tiếng, về lời

ưng chịu, đều như vậy không phải là phi lý đâu, lại nó là việc loại da vàng mới thấy xoáng qua mà thôi. Sự thốn thiếu ý ngay thật trong việc quốc chánh cùng binh tình, thì sanh ra phần nhiều trong những chuyện ưu phiền và hoạn nạn cho bao nhiêu người tàu thời cũng bấy nhiêu cho người an-nam, rồi mấy người ấy đổ lỗi lại cho người phương Tây. Trong khúc sách nối sau đây, ta có dịp mà nói lại nhiều lần về chuyện nầy, ta không bỏ qua nó đâu, vì chưng nó cho ai nấy biết bởi làm sao mà có nhiều sự biến, nhiều thì thế quốc chánh như vậy, nếu như không nó, thời mấy sự đó không lý nào khác, có một đều là chuyện hung ác tầm thường kia mà thôi.

Khi quân Tây-Sơn vừa dời chơn ra khỏi thành Hà-Nội, thì họ Trịnh đáo về. Trong hai vị vương là Trịnh-Đệ với Trịnh-Phùng tranh nhau mà làm lớn, thì Trịnh-Phùng thắng, nên vua phải nhìn mà phong ấm lưu hậu cho người.

Rủi thay, ông Trịnh-Phùng cũng không biết chế trị cho vừa chừng hơn chúa trước. Ông ấy lại lộng quyền quá tước, chính vì vua cũng sợ cho bổn thân người, nên người xin Nguyễn-Hữu-Chỉnh cứu giúp. Ông nầy kíp dẫn một 10.000 binh tới, ép Trịnh-Phùng ra khỏi Hà-Nội. Song quân sĩ nhà vương phải đánh hơn ba tháng mới phá tan đặng binh Trịnh, từ ấy sữ mới thôi nói tới việc Trịnh nữa.

Ta mới thấy tướng Nguyễn-Hữu-Chỉnh bỏ Nghệ-An mà không lo sợ Nhạc với Huệ là bao nhiêu, vì lúc đó hai ông nầy đang tranh quờn nhau cách cháng chướng. Ông Nguyễn-Hữu-Chỉnh cũng muốn tách lập một nước riêng trong xứ Đại-Nam cho mình nữa.

Ông Huệ đem binh vào vây Qui-Nhơn. Ông Nhạc phải triệt quân gia cố thủ Trung-Kỳ về, song binh ấy

bị thất tại Phú-Yên. Hai vị đồng tranh nầy đánh nhau một lúc dữ tợn quá sức, sau mới giảng hòa và phân Trung-Kỳ ra làm ba xứ.

Nhạc xưng là *hoàng đế*, đặng phần đất từ phía bắc tỉnh Quảng-Nam cho tới biên giái nam tỉnh Bình-Định.

Huệ lấy hiệu là *bắc bình vương*, trị từ Quảng-Nam cho tới cương vực Bắc-Kỳ.

Còn Lử tiếm xưng là *đông định vương*, lảnh phần đất tỉnh Phú-Yên, Bình-Thuận với Nam-Kỳ.

Phân chia vừa rồi, ông Huệ sai binh đến soán Nghệ-An và sắm sữa ra đánh Bắc, vì trước người có nghe tin rằng ông Nguyễn-Hữu-Chỉnh đã bỏ mà đi ra Hà-Nội.

Hai tướng Huệ là Vỏ-Văn-Nhâm với Ngô-Văn-Sở, tấn binh đánh Hà-Nội (lúc cuối năm 1786), ông Nguyen-Hữu-Chỉnh thất thủ dường như chẳng đánh chút nào vậy, dầu cho không phải là người thiếu sự từng trải binh thơ đồ trận hay là lực lượng chi.

Khi Nguyễn-Hữu-Chỉnh thua chạy, bị sa vào tay quân Tây-Sơn, quân ấy dạy phân thây người.

Còn vua Lê-Chiêu-Thống cũng phải đào tẩu nữa.

Từ đây ông Huệ mới ra Bắc. Việc người làm trước hết, là xử tử tất quan tướng Vỏ-Văn-Nhâm, bởi làm cho người nghi ngại, rồi cho Ngô-Văn-Sở, là người mật cáo, lên thế quyền.

Các công việc quan thượng tướng tân phong nầy lo làm đều chỉ về sự tấn binh đánh bắt vua Lê-Chiêu-Thống đang chạy trốn, sau người qua ẩn ngụ đặng tại Lạng-Giang (tỉnh Bắc-Ninh).

Chuyến nầy ông Huệ mới tưởng hết chuyện với vua Lê-Chiêu-Thống. Bắt các quan cựu trào tựu lại,

buộc ký tên vào tờ mà nhìn biết ông Huệ là Bắc-Kỳ vương (năm 1787). Đoạn người trở về kinh đô mình, giao quyền cai trị xứ Bắc lại cho tướng Ngô-Văn-Sở.

Nhưng vậy, khi bà quốc mẫu với hoàng tử nhà Lê chạy trốn, thì qua tới Long-Châu bên Tàu. Quan tổng đốc hay tỉnh Quảng-Tây với Quảng-Đông nghe thuật chuyện hoạn nạn, người cụ sớ cho đức hoàng đế hay, trong đó người giúp lời binh vực nhà Lê, nên sau có một đạo binh thanh kéo qua loán Bắc-Kỳ và ép quân Tây-Sơn thối về cho tới giáp giái. Vua Lê-Chiêu-Thống liền trở về Hà-Nội, là nơi người lãnh sắc phong An-Nam quốc vương cùng kíp làm nhiều đều ác đức.

Còn ông Huệ, khi hay thì thế các chuyện như vậy, thì người bèn xưng đế, thâu họp đặng 80.000 binh, rồi kéo vào đất Bắc. Binh thanh thua, phần nhiều bị giết chết. Vua Lê-Chiêu-Thống phải chạy qua Trung-Quốc mà ở (1789, tháng giêng), sau thấy vua nhà Thanh lại nguôi lòng đổi ý, chịu thông với sứ ông Huệ. Còn vua thì đem về Bắc-Kinh. Người thanh nuôi dưởng vua cách tử tế, song như một vì vương kia bị phế mà thôi. Qua năm 1791, người cùng hoàng tử cả hai đều bỏ mình tại bên ấy. Vua Lê-Chiêu-Thống mất đi thì nhà Lê dứt tuyệt.

NGUYỄN-ANH (1786 — 1802). — Chúng ta đã thấy trước, khi chúa Nguyễn-Anh bại trận rồi, người sang qua thành Bangkok mà tị nạn, thì vua Xiêm có tỏ lòng tử tế với người. Nhưng vậy, bởi lâu ngày, nên các sự hảo tâm đó ra phai lợt. Năm 1787, mấy người portugais ở thành Goa có sai một

người đồng hương với mình qua dưng công xin giúp vua phục nghiệp. Đình thần xiêm thấy vậy ganh, mới quyết chắc rằng, để khi nào có dịp tốt thì chính vì mình lảnh mà đem chúa Nguyễn-Anh về nước người mà thôi.

Thuở ấy, ông Lử là người bất thông binh pháp và việc quốc chánh, người quãn trị Nam-Kỳ, nên khó mà làm cho các phó tướng nghinh ngang nghe lời mình. Vã chăng, quân Tây-Sơn đã yếu sức rồi, bởi vụ tranh nhau mà ra. Vậy lúc đó thuận cho binh xiêm xuống đánh. Song vua xiêm cũng không làm đều chi hết. Chúa Nguyễn-Anh ngã lòng, không còn trông đặng sự chi nữa, người mới nhứt quyết dời ra khỏi thành Bangkok, là nơi người chịu cũng dường như giam cầm vậy. Chúa Nguyễn với mấy kẻ thuộc về người đam nhau ra Hòn-Tre mà trốn (1787, t. 7). Sau người chạy qua Phú-Quốc, để cung quyến người ở lại đó mà vô Hà-Tiên. Người có trừng trị đảng ăn cướp kia đánh phá dân xiêm, rồi người cũng dùng dịp ấy mà làm cho mình hoà hảo lại với triều đình Bangkok.

Chúa Nguyễn bỏ Hà-Tiên đi qua Vũng-Tàu, đoạn theo sông mà lên. Đạo binh người mau đông lắm, một it lâu thấy nó nhạn trước thành Sài-Gòn, coi bộ đáng kinh và hung hăng lắm. Ông Nguyễn-Văn-Lữ, là vua tây-sơn, đã không đánh, lại tính khôn hơn mà thối về Biên-Hòa, giao việc cố thủ kinh thành lại cho thái bảo Phạm-Văn-Ngạn. Ban sơ chúa Nguyễn muốn lấy Sài-Gòn, song bị thất, sau đánh lại nữa. Lần lần Sa-Đéc, Vỉnh-Long, Mỹ-Tho, Biên-Hoà đều về tay người, còn Sài-Gòn thì qua tháng 8, năm 1788, mới lấy đặng. Đây là lần thứ tư, chúa Nguyễn-Anh

trở về dinh Nam-Kỳ người. Đến sau người có ra khỏi nó, là cho đặng đam binh đi đánh lấy kinh đô tiên nhơn người mà thôi, là : Huế.

Trong lúc chiến tranh nầy, hai anh ông Lử mắc phải nhiều việc, ông Huệ đang lo chống trã binh thanh xâm lấn, cũa vua Lê-Chiêu-Thống thỉnh, còn ông Nhạc lo chỉnh bị nước Bình-Định mình lại cho vững chắc cùng làm cho ông Huệ hết mơ ước. Bởi vậy, ông Lử không nhờ đặng thân huynh người cứu giúp sự gì hết, nên vừa bước qua năm 1788, người bỏ dứt xứ Nam-Kỳ, không còn tưởng tới quân sĩ mình đang lo chống trã với binh Nguyễn nữa.

Chúa Nguyễn dã đặng sự có phước như vậy, lại thêm một đều khác cũng đồng hữu ích cho chuyện mình. Là đức giám mục Bá-Đa-Lộc đi sứ bên nước Langsa về với ông hoàng tử Cảnh, cã hai cách mặt đã bốn năm. Đức thầy được vua Louis thứ XVI phong cho người làm khâm sứ đại thần chầu vua nước Trung-Kỳ, lại đặng cấp theo một tờ giao lân nữa, song mắt phải ý xấu quan tước bá De Conway, là thống đốc xứ Pondichéry, lảnh cuộc hành binh, và cũng tại mấy chuyện đại biến lúc sau bởi hồng loạn langsa (*Révolution française*) mà ra nữa, nên làm cho việc bất thành.

Trong sách hiệu *Pigneaux de Béhaine* của ông Faure làm, thấy người có lo dẫn giãi rằng, như lúc đó mà không có sai binh thì lỗi đồ trọn cho Triều Versailles mà thôi, vì trong khi phú tờ giao ước cùng quyền hành cho đức giám mục Bá-Đa-Lộc, thì lại tống tờ dạy rỏ ràng ông De Conway làm cho hư sự tính toán đi. Trong sách *Mgr d'Adran* in lần thứ hai, thấy có đều xét nét trúng lý của ông

đạc đức Louvet giải khác. Cuộc sai binh đã thật lòng nhứt định, lại như có lẻ thi hành nó đặng rỏ ràng, thì phải làm. Đó là nghĩa chung trọn lời dụ cùng nghĩa riêng từ lời nữa. Đức vua với các quan đại thần quấy đều nầy mà thôi, lại là một đều quấy không chế được, là sự phú cho tự ý quan tước bá De Conway đoán xét mà định cuộc hành binh nầy có đặng cùng chăng. Lúc đó vua quan đồng biết tánh ý hèn mọn quan ấy.

Ông De Conway, thuộc dòng phiệt duyệt xứ Irlande, ai nấy đều rỏ chuyện hư hốt người làm; nguyên trước có đi đánh giặc bên phương Thế-Giái-Mới, mà bởi hay bày mưu đốc sử cùng có tánh xấu, nên người bị đuổi ra ngoài đạo binh langsa. Nhờ có họ Brienne thân thế lo lắng, người mới đặng phục chức lại, sau cứ ăn ở làm cho thiên hạ chịu không nổi nữa, nên nhà nước Langsa mới sai qua xứ Thiên-Trúc đặng cho hết chuyện!

Trong lúc vua Louis XVI chịu ngự ra chốn minh đường đặng cho đức giám mục Bá-Đa-Lộc bái tạ hồi qui, nhằm mồng 8 décembre 1787, thì chứng rằng đức vua biết rỏ lực lượng quan tước bá là dường bao, vì người có phán như vầy: « Đức ông, ý đức ông tưởng sự phải cho quan tước bá De Conway. Đức ông hãy tin trẫm, trẫm sợ e quan ấy làm cho đức ông ưu phiền nhiều chuyện, cùng làm cho các cuộc đức ông tính toán về sự hành quân ra bất thành. Như trẫm phong cho quan ấy làm thống lãnh binh gia xứ Thiên-Trước, là vì cho trẫm rảnh khỏi mưu chước quan ấy và dừng cho khuấy rối tại đây mà thôi, bởi chưng trẫm biết rỏ người, em người (1) với

(1) Em ông De Conway cũng làm quan tướng; người kết bạn với em gái ông Loménie de Brienne, khi ấy làm hộ bộ thượng thơ.

ông Dillon (1) không dây phút nào ở yên đặng. Nhưng vậy, muốn làm ơn cho đức ông, trẫm sẽ ban cho quan De Conway được thượng hạng khuê bài cùng phong tước tướng quân ».

Khúc truyện nầy tỏ ra trong một khi cho chúng ta biết lòng vua Louis XVI yếu đuối dường nào, cùng chuyện tầm phào, chước móc tại triều làm sao. Với mấy tánh ý như vậy thì việc gì cũng phải hư. Dầu cách nào, trong mấy ngày đức thầy Bá-Đa-Lộc ghé tại Pondichéry trước hết, cũng thấy người với quan tước bá De Conway bất thuận với nhau (2). Quan nguyên soái làm hết sức mình mà ngăn cãng cuộc hành binh.

---

(1) « Đức ông Dillon, giám mục nhất cai địa phận thành Aix, là một vì ham chuyện đời cùng là một thầy tu hay làm gương xấu ». (P. Louvet).

(2) Xem ra có bất hoà như vậy, tại khi ấy có một bà kia, tên Madame de Vienne, là phu nhân một quan tán lý của ông tước bá De Conway, bà ấy « ở tại dinh, áp tác cuộc tiệc, cùng ăn ở dường như chủ nhà vậy. Cũng có lẽ theo như lời thiên hạ khi ấy dồn tại Pondichéry rằng, nhơn dịp có mời đức thầy Bá-Đa-Lộc ăn bữa, hay là đến viếng bà ấy theo phép lịch sự thường kia mà thôi, thời đức thầy có dùng lời tử tế theo phép, song người từ chối rỏ ràng. Đó mới làm cho quan tước bá cùng phu nhân quan tán lý sanh lòng hiềm khích không nguôi; bởi vì mấy kẻ buông lung không khi nào mà dung cho sự kẻ khác chê bai tính hư nết xấu mình ». (P. Louvet).

Trong một cuốn sách kia in nhằm năm 1863 (đề hiệu là *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine*, của ông L. de Grammont làm ra) ta thấy có câu nầy: « Nơi đó (chỉ về Pondichéry) có mưu chước Madame de Vienne với lòng xấu quan tước bá De Conway, là thống đốc các xứ thuộc địa tại Thiên-Trước, nó làm cho sự vua Gia-Long ngóng trông cứu giúp ra huỡn hết một năm, không xuất hành đặng; rồi chẳng khỏi bao lâu các cuộc biến trong năm 1789 làm cho không còn nhớ tới chuyện tiếp cứu chút nào nữa ».

Ông ấy làm cho vua và các quan thượng thơ tưởng chuyện xấu cho đức thầy Ba-Đa-Lộc, người cụ sở về triều Versailles mà tâu dối các việc; người cũng nương theo sắc mạng nữa mà câu kết rằng không sai binh đặng, nhưng vậy, cách vài tháng sau, đức giám mục lại lo được chuyện đó một mình. Quan tước bá De Conway làm nên việc lắm, vì trong buổi nhóm Viện Cơ-Mật, nhằm ngày mồng 4 tháng Octobre 1788 có đức vua thị sự, thì các quan đồng ưng như vầy:

« Đức vua thấy cách quan tước bá De Conway hành sự y theo mạng lệnh đã đặng và mấy lời truyền dụ gởi sau cho người nữa ».

Song chúng ta hãy trở lại mà xem tờ giao ước bày ra sau nầy:

Tờ giao ước Đức vua Louis XVI với Đức vua Nguyễn-Anh nước Trung-Kỳ.

Lời tiên dẫn.— Đức Nguyễn-Anh, là vua Trung-Kỳ, đã bị loạn thần soán quốc, túng thế phải dụng sức binh khí mà khôi phục, nên có sai ông Pierre-Joseph-Georges Pigneaux de Béhaine, làm giám mục Bá-Đa-Lộc, về nước Langsa, có ý cho đặng xin Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa cứu giúp; và Đức vua đã tin thật cớ sự vị vương ấy tính là công chánh, lại bởi muốn tỏ dấu tình-nghĩa với người, cũng như sự mình yêu chuộng về đều chính trực, nên nhứt định nhậm lời xin thay vì người. Bởi vậy, Đức vua cho phép ông tước bá De Montmorin, là binh bộ thượng thơ, thưởng thọ chư hạng bội tinh với Toison d'Or (dạ chiên bằng vàng), chư nghị sự viện đồng phái, trung thơ lịnh khâm mạng đại thần, kiêm hộ bộ, lãnh ngoại bộ thượng thơ, đặng phép phân tính, nghị định với ông giám mục Bá-Đa-Lộc trong việc cấp cứu bằng sự chi, phải bao nhiêu, cùng là cách nào, song trước hết hai quan khâm mạng phải làm cho mình ra chính phép, là quan tước bá cho đức giám mục Bá-Đa-Lộc biết sự toàn quyền mình, còn đức giám mục chiếu ra cho quan tước bá thấy ngọc ấn nước Trung-Kỳ, cùng là lời Viện Cơ-Mật nước ấy bàn nghị, rồi cả

hai nhứt định mấy cuộc cùng mấy điều sau nầy :

Điều thứ nhứt. — Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa hứa và buộc mình giúp hẳn hòi trong sự vua nước Trung-Kỳ đã quyết lòng rán sức cho đặng phục nghiệp cùng hưởng quốc người.

Điều thứ 2. — Về việc ấy, Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa kíp sai qua tại bải biển Trung-Kỳ bốn chiếc tàu trận *frégate*, một đạo 1.200 binh bộ, 200 binh pháo thủ với 250 người cafre, mà sự sở tổn mọi việc mình chịu lấy. Các binh ấy đều có cụ bị khí giái, lại thêm riêng binh khí pháo thủ cho đủ mà dùng nữa (1).

Điều thứ 3. — Trong khi trông đợi Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa giúp chuyện đại sự như vậy, thời vua nước Trung-Kỳ tùy thì mà nhường lại cho người cùng cho ngôi vương đế nước Langsa đặng làm chủ trọn và toàn quyền quản trị tại cù-lao, là nơi có hải khẩu chánh trong nước Trung-Kỳ, kêu là Hội-An, còn người phương Tây gọi là Touron (2), lại khi binh langsa qua ở cù-lao ấy, thì sự làm chủ và quyền cả chẳng còn được phép mà thâu lại.

Điều thứ 4. — Vả chăng, đã ưng rằng Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa với Đức vua nước Trung-Kỳ cũng đồng làm chủ cửa biển nói trước nầy, lại người langsa đặng phép cất dinh trại nào trên đất liền mà tưởng là có ích cho mình vượt biển, buôn bán cùng giữ gìn, sửa lườn tàu mình và đóng thêm tàu mới. Còn về cuộc tuần sai cửa biển ấy, thì sẽ tính toán tại chỗ đó mà lập ra một tờ giao ước riêng.

Điều thứ 5. — Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa cũng đặng phép làm chủ và quyền thượng thủ tại cù-lao Côn-Nôn nữa.

Điều thứ 6. — Trong các nước phương Tây, thời trừ ra có một mình nhơn dân vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa đặng phép thung dung buôn bán trong các xứ thuộc về Đức vua Trung-

---

(1) Binh nầy phải rút trong hai cơ *Isle-de France* và *Bourbon*. Còn súng ống pháo thủ là 2 vị lòng tám, 4 vị bắn đạn trái phá, 2 vị súng cối. Vả lại, cũng có kể ra sự sai một chiếc tàu *frégate*, hai chiếc *flûte* với một it chiếc tàu để chở chuyên nửa.

(2) Cửa Tourane kim thời.

Kỳ mà thôi. Vì lẻ ấy, nhơn dân langsa qua lại và ở đó dặng thong thả, không đều gì ngăn trở, không đóng thuế chi về thân phận mình, miễn là khi nào chúng nó có giấy thông hành của quan trấn thủ cù-lao Hội-An cho. Chúng nó được phép đam hàng hoá Tây phương và các phương khác vào xứ, trừ ra vật nào mà có luật nước cấm. Chúng nó cũng được phép chở hàng hoá trong nước cùng xứ lân cận ra, không trừ món chi hết ; chúng nó đóng các thuế nhập cảng và xuất cảng nào mà người bổn thổ phải trả trong khi nầy mà thôi, lại dầu lúc nào, và lấy tên gì mà kêu, thì các thuế ấy cũng không được gia tăng. Vả lại, hai đàng đồng ưng rằng, khi có tàu ngoại quốc nào, hoặc đến buôn bán, hoặc đi đánh giặc, mà cho ở trong mấy xứ thuộc về Đức vua Trung-Kỳ, thì nó phải nêu cờ hiệu langsa và có một tờ thông hành langsa mà thôi.

Điều thứ 7. — Nhà nước Trung-Kỳ sẽ phù hộ chắc chắn nhơn dân Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa, trong sự thong thả, ở an, chẳng những về thân phận mấy người ấy, mà lại của cải chúng nó nữa, và như có đều gì trắc trở hay là chối cải chi, thì phải lấy phép công chính mà phân xử cho kíp.

Điều thứ 8. — Như khi nào Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa phải bất kể là nước nào đánh hay là toan đánh, chỉ về quyền cai trị hai cù-lao Hội-An và Côn-Nôn, lại như Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa tranh chiến với nước nào hoặc thuộc phương Tây, hoặc về cảnh Đông, thì Đức vua nước Trung-Kỳ buộc mình giúp binh bộ, binh thủy, lương thực, với tàu thuyền ; các đều cứu giúp ấy sẽ cấp trong ba tháng kể từ ngày đòi buộc ; song binh đó không được dụng xa khỏi mấy chòm cù-lao Molluques với Sonde, và phá biển Malacca. Còn về vụ binh lính ăn mặc, thì Đức vua nước Trung-Kỳ phải chịu.

Điều thứ 9. — Muốn cho đối với sự buộc kể trong điều trước, thì vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa ép mình giúp đở vua Trung-Kỳ, khi nào người phải chuyện bất bình trong việc trị nước ; các sự cứu giúp nầy sẽ cân phân với cơ quan khinh trọng thể nào ; nhưng vậy, đều cứu giúp đó không khi nào quá đặng sự dả tỏ trong điều thứ hai nơi tờ giao ước nầy.

Điều thứ 10. — Hai vua giao kết sẽ phê y tờ ước nầy, lại sự phê y đó sẻ gởi đổi cho nhau trong vòng một năm, hay là như có thể dặng, thì phải gởi trước kì định ấy.

Vì lòng tin chắc chắn sự nầy, Chúng tôi, là khâm sai đại thần, có kí tên vào tờ giao ước nầy, và đóng ấn hiệu chúng tôi.

Lập tờ tại triều Versailles, ngày 21 novembre 1787.

(chỗ đóng ấn) Tước bá DE MONTMORIN.

† P.-J.-G., Giám mục BÁ-ĐA-LỘC (chỗ đóng ấn).

Điều riêng. — Đặng tính trước cho khỏi chuyện trắc trở và hiểu sái về sự Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa được phép lập dinh trại tại đất liền, đặng có ích cho sự di biển giả cùng buôn bán, thì đã định xong với Đức vua nước Trung-Kỳ rằng, mấy dinh trại ấy sẻ thuộc trọn về Đức vua rất ái mộ đạo Thiên-Chúa, còn quyền xử đoán, cuộc tuần sai, canh thủ và các việc chỉ về quyền phép, không trừ sự nào, đều lấy tên người mà thi hành mà thôi.

Đặng tính trước cho khỏi sự làm quá phép, vì có lẽ tại mấy dinh trại kể trước đây mà ra, thời có định riêng rằng, không cho người trung-kỳ nào phạm tội trọng bị nhà nước bắt buộc mà tới ở đó, lại như mấy kẻ nào trốn đến đó đặng, thì khi nhà nước Trung-Kỳ đòi, sẻ bắt giao chúng nó lại. Cũng đã tính xong rằng, các người langsa nào bội quốc mà trốn qua đó, thì khi quan trấn Hội-An hay là quan trấn hòn Côn-Nòn đòi, sẻ bắt mà nạp lại. Điều riêng nầy cũng đồng thể đồng trọng dường như đem nó từ tiếng vào tờ giao ước nầy.

Vì lòng tin chắc chắn sự ấy, Chúng tôi, là khâm sai đại thần, có kí tên vào điều riêng nầy, và có đóng ấn hiệu chúng tôi.

Lập tờ tại triều Versailles, ngày 28 novembre 1787.

(chỗ đóng ấn) Tước bá, De Montmorin.

† P.-J.-G., Giám mục Bá-Đa-Lộc (chỗ đóng ấn).

Đức thầy có lo cách kia thế nọ, mà sau hết người thấy mình chẳng xin đặng sự gì cùng quan nguyên soái Thiên-Trước, nên người trở về Nam-Kỳ; nhưng vậy không phải người trở về hai tay không. Hoặc bởi người thấy trước sự bất thành, hoặc là người muốn làm cho thêm binh sĩ vua nước Langsa hứa, nên dọc đàng, người rán sức mộ người ta và góp khi

giới, người trả tiền đặng một phần, nhờ có gia quyến người cấp cho 15.000 *livre* (giá bằng một quan tiền tây) để mà lo về chuyện người.

Bởi vậy mấy tay buôn bán ở hai cù-lao Ile-de-France với Bourbon có sai hai chiếc tàu chở binh khí thuốc đạn qua, y theo như lời đức thầy nài xin khi người đi ngan qua đó (năm 1788); mấy chủ hảng langsa tại Pondichéry hiểu việc hơn và có lòng ái quốc hơn quan nguyền soái mình, nên cũng có cho Đức thầy Bá-Đa-Lộc hai chiếc thương thuyền chở vật thực, khí giái cùng thuốc đạn nữa. Hai chiếc hãi vận sau đây có chiến thuyền *Méduse* hộ tống, cũng có vài quan vỏ langsa đi hai chiếc ấy mà đến, sau lần lần một it quan khác lại qua nhập bọn nữa. Các vị hùng sĩ nầy đến dâng trí thông hiểu, lòng gan dạ và mạng sống mình cho chúa Nguyễn-Anh, chắc mấy đứng ấy tưởng khi phò vị vương an-nam, thì cũng như vực nước Langsa vậy. Vả chăng, sự giúp trong hàng binh sĩ ngoại quốc, thì không lấy chi làm lạ. Vì theo phép cựu trào, đôi khi thấy có thói quen như vậy. Vả lại, các quan vỏ nầy thuộc về ngạch binh quãn hạt, vì trước họ vô ngạch ấy, nên họ ra đặng dễ lắm. Còn mấy người *tình nguyện* (1) thời không có buộc mình phải ở bao lâu, nên dễ cho họ hủy tờ

(1) « Các người *tình nguyện* trong binh thủy lớp xưa, là mấy trai tráng thuộc nhà có ăn, đặng sự học hành thông thả, lại bõi hứng vui về mắt chưa từng thấy và chuyện may rủi chốn huyền viễn, nên họ xuống tàu nhà nước *như người đặng cấp dưởng*. Nhà nước ban cho mấy kẻ ấy mỗi ngày là một quan tiền để trả tiền ăn. Khi vượt biển đặng một ít lâu, mấy người tình nguyện nầy được lên lần lần cho tới chức *học tập* hay là *thủy vệ hậu bổ*, chức đó có quyền quan. » (A. Faure).

giao đi, miễn là họ đứng mắc nợ nhà nước thì thôi.

Ta xin lục tên mấy người ấy ra sau nầy, lấy trong hai cuốn sách có ích của ông đạc đức Louvet (*La Cochinchine religieuse*) với ông A. Faure (*Mgr Pigneau de Béhaine*). Có một sự ta tiếc trong lúc nầy mà thôi, là không có cựu tích dặng dẫn tự thủ chí vì các chuyện thuộc về mấy người langsa đại dãm đó, là kẻ nhà Nguyễn nhờ mà lấy nước Đại-Nam lại.

Về thủy binh, là mấy ông nầy:

Dayot (Jean-Marie), quan ba thủy thí sai tại ngạch quãn hạt, người là cháu ông Charpentier de Cossigny (cựu thống đốc Thiên-Trước), thuộc về bến tàu xứ Thiên-Trước. « Trong đời ông nầy thấy bị nhiều chuyện hoạn nạn. Khi người lãnh việc đi tàu chạy dọc theo bãi biển, người bị quân phỉ hãi ở cữa Vizandrut, tại lối giữa cữa Goa với cữa Bombay, trong vịnh Cambaye, bắt đặng và làm nhiều đều khổ sỡ cho người. Sau người trốn khỏi, song ăn cướp đã đoạt tàu người đi rồi. Trong lúc ông Dayot ở nơi đất khách, thường khi người không gặp sự gì có phước. Khi người mãn phần thật nên thãm thiết lắm ». (A. Faure). Ông Dayot đến giúp chúa Trung-Kỳ nhằm năm 1790. Người được sắc phong làm Chưởng thủy binh trung-kỳ. Người lãnh hai chiếc tàu, *Đồng-Nai* với *Hoàng thái tử Trung-Kỳ* (*Prince de Cochinchine*), mà làm cho cã và cảnh Tận-Đồng nầy kiên vì cờ binh thủy an-nam. Ông Dayot nịch tử tại vịnh Bắc-Kỳ trong năm 1809, khi ấy người cũng còn giúp chúa Trung-Kỳ luôn.

Magon de Médine, quan ba thủy thuộc ngạch quản hạt, bỏ tàu corvette *Pandour* mà đến giúp chúa

Trung-Kỳ năm 1788. Có khi người ở đó không đặng bao lâu. Vì ta có tra kiếm trong một ít cuốn sách, thấy hai danh người, song không nói sự người thôi giúp mà đi nơi khác.

Vannier (Philippe), về ngạch thuộc địa (1), qua giúp Trung-Kỳ trong năm 1788; người cai lần lần mấy chiếc *Bòng-Thước*, *Đồng-Nai* và *Phụng-Phi*. Đến sau người đặng chức nhứt phẩm quan, rồi người trở về nước Langsa nhằm năm 1825.

Girard de l'Isle Sellé (Julien), về ngạch thuộc địa, người cai tàu *Hoàng thái tử Trung-Kỳ (Prince de Cochinchine)*.

Guillon (Jean-Baptiste), là người tình nguyện hạng nhì, đi chiếc tàu frégate *Dryade* mà tới giúp vua Trung-Kỳ, năm 1788, ban sơ vua phong cho người làm quan ba thủy, tùng ông Vannier. Người giúp nước đặng mười lăm năm, rồi qua năm 1804, người trở về nước Langsa.

Guilloux (Guillaume), người tình nguyện hạng nhứt, đi tàu corvette *Duc de Chartres*. Vừa tới năm 1794 thì người đà đăng ngạn tại Pondichéry. Người được phong làm quan ba thủy cũng một khi với ông Guillon, người tùng ông Girard de l'Isle Sellé.

De Forçant giúp chúa Nguyễn trong năm 1788. Người quản chiếc *Ưng-Phi* (*Aigle*), người chết tại Trung-Kỳ, năm 1809.

---

(1) « Ta có kiếm trong các sổ bộ tàu thuyền nhà nước Langsa, ta không thấy có tên ông Vannier. Có khi người thuộc về ngạch địa hạt cũng như ông Dayot với ông Girard de l'Isle Sellé vậy ». (A. Faure).

Chaigneau (Jean-Baptiste), quan hai thủy ở tại tàu *Flavie*, khởi sự giúp chúa Nguyễn trong năm 1794 mà thôi, là lúc tàu người bị thải binh, tại cửa Macao. Ông nầy cưới vợ trong xứ an-nam — người an-nam kêu là Nguyễn-Văn-Thắng — sau sanh ra được một người con trai, là ông Duc Chaigneau, làm chủ bút sách *Souvenirs de Huế*. Đến sau đức hoàng đế Gia-Long cho phép người về nước Langsa (1820), rồi người trở qua, đặng đức vua Louis XVIII phong làm lãnh sự cùng sai đam quí vật đến dưng cho đức hoàng đế Gia-Long. Rủi khi ấy đức hoàng đế mới băng; nên qua 1824, ông Chaigneau phải bỏ dứt xứ nầy mà đi, vì đức vua Minh-Mạng không còn muốn cho người phương Tây ở tại triều mình nữa, nên nói đặng rằng ông Chaigneau cũng như bị xua đuổi vậy. Ông ấy trở về nước Langsa với cả gia quyến người.

Tardivet (Emmanuel), là người tình nguyện ở chiếc corvette *Pandour*.

Malespine (Etienne), là người tình nguyện hạng ba ở tàu *Pandour*. Trong năm 1788, khi còn ở tại cù-lao Ile de France, thì người đã đặng chức cai một chiếc tàu riêng kia, tên là *Capitaine Cook*, chở khí giới, vật thực cho chúa Nguyễn-Anh.

Desperles (Dominique), chánh ngoại khoa điều hộ cũng đi chiếc *Pandour* mà lại nữa.

Thuở hai ông Tardivet với Desperles dến giúp chúa Nguyễn cố lẽ định đặng trong năm 1789-1790, là lúc chiếc *Pandour* ở tại Trung-Kỳ. Ta không kể đặng năm nào mà mấy ông nầy thôi giúp, cũng như hai ông Girard de l'Isle Sellé với Guilloux vậy.

Về binh bộ, là mấy ông:

Olivier de Puymanel (Victor-Joseph-Cyriaque-Alexis) là người tình nguyện hạng nhì ở tàu frégate *Dryade*, đến giúp chúa Nguyễn, năm 1788. Người cai một thứ diễn trường kia, nhứt là để mà lập ngạch, cùng tu thành đội ngũ cho đạo binh trung-kỳ vì người là quan tham tán. Trong sử gọi ông nầy là cai cơ Olivier; người an-nam lấy nhiều tên mà dặt cho người, trong mấy tên đó thấy kêu là *ông cai Tín*. Phần nhiều trong các đồn bảo lập tại Trung-Kỳ đều là của người xây theo cách ông Vauban bày. Ông Olivier qua đời khi được 31 tuổi, tại cửa Malacca, là chỗ người qua đó trong năm 1799 mà dưỡng bịnh.

Le Brun (Théodore), là người tình nguyện hạng nhứt, ở tàu frégate *Méduse*, lên cửa Macao ngày 13 tháng janvier 1790, rồi qua giúp Nguyễn chúa cũng nội năm ấy. Người lãnh làm quan bác vật cùng vẻ họa đồ địa phận Sài-Gòn (1); song người ở giúp chúa Nguyễn đặng chừng một năm ba tháng mà thôi, vì người thấy nhà nước trả tiền công không bao nhiêu,

---

(1) Trong sách *Mgr d'Adran*, in lần thứ hai, năm 1900, ông đạc đức Louvet quyết chắc là ông Le Brun ra họa đồ thành Sài-Gòn. Ông Trương-Vĩnh-Ký lại kể khác, người nói là ông Olivier de Puymanel xây thành ấy trong năm 1789. Họa đồ Sài-Gòn vẻ trong lúc đó xem ra tất giải chuyện nầy. Vã chăng, ta có thấy một bổn họa đồ sao nhỏ lại, có hiệu đề như sau nầy: *Họa đồ thành Sài-Gòn của quan cai cơ V. Olivier tu hảo trong năm 1790. Sao nhỏ lại y theo họa đồ của đức vua Trung-Kỳ dạy quan bác vật Brun vẽ trong năm 1795.* Bây giờ còn có một đều, là truy ra năm nào mà ông Le Brun lấy họa đồ ấy cho minh bạch, vì nó không hiệp với lúc người giúp chúa Nguyễn.

vã lại, người ít muốn « tùng ông Olivier, là người tình nguyện nhi hạng mà thôi, song khi ấy làm tham tán đại binh trung-kỳ, vì chức đó cho ông Olivier có quyền trên kẻ đồng liêu với mình ».

Theo họa đồ vẽ nhỏ lại mà đã kể trước nầy, thì thấy thành Sài-Gòn xây-vuông tượng, có mang cá, phía ngoài (từ góc nầy cho tới góc kia) độ chừng đặng 500 thước langsa, bề ngoài xem ra kỳ lắm, bằng chẳng thì là sắp dặt trúng cách, song, dầu lẻ nào, nó cũng không theo kiểu người ta dã dùng. Ta nhờ sự biết rỏ tích hơn, nên ước-trông một ngày kia thuật lại chuyện xây thành đắp lủy khi xưa lạ kì như vậy.

Cũng phải dịp cho ta kể ra đây sự ông Trương-Vỉnh-Ký nói về cựu thành Sài-Gòn trong sách *Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs*, nó không giống chút chi với hoạ đồ ta thấy, mà nhưng vậy nó hiệp lý hơn với các lời truyện để lại chỉ về địa cuộc và bề rộng lớn thành nầy :

« Theo hoạ đồ của đức hoàng đế Gia-Long truyền vẻ, thì thấy hình nó gần như bát giác, nó có tám cửa theo bát quái, chỉ bốn hướng chánh và bốn hướng nhánh.

« Thành cùng là hào với mấy cái cầu nó đều xây bằng đá ong Biên-Hòa. Bề cao vách đặng mười lăm thước mộc (7 thước 5 langsa).

« Trung tim thành có dựng một cột cờ, lối nhà thờ chánh Sài-Gòn lúc nầy. Ở xa lắm người ta cũng còn thấy đặng ngọn cây dương. Nó ở trải dài : từ Nam chí Bắc, kể từ đường Mac-Mahon cho tới vách thành mà trước bị phá đi, sau người langsa đắp đất sữa lại ; còn từ Đông qua Tây, thì từ đường Espagne cho tới đường Moïs.

« Phía Đông có hai cửa tiền. Một cái kêu là *Gia-Định môn* ngó ngay đồng lạc viên và kinh chợ Sài-Gòn ; còn cửa kia thời đặt tên là *Phan-Yên môn* ở phía trại lính pháo thủ, tại đường đi xuống theo *Kinh-Cây-Cám*.

« Mặt hậu, là phía Tây, thì cũng có khai hai cửa *Vọng-Khuyết môn* với *Cọng-Thìn môn*, tại hướng *Cầu-Bông* với *Cầu-Xóm-Kiệu*.

« Phía tả, là hướng Bắc, có hai cửa *Hoài-Lai môn* và *Phục-Viễn môn* day ngay xuống rạch Thị-Nghè (lối cầu Thị-Nghè).

Laurent Barisy (1) lảnh nhứt là việc đi qua xứ ngoại quốc mà vận hoả thực. Người cũng lo việc lập binh sĩ an-nam, vì là người làm đầu một trại kia gọi là trại « lính mới ».

Despiaux (Jean-Marie), là ngự y chúa Nguyễn-Anh. Khi đức giám mục Bá-Đa-Lộc thọ bịnh lần sau hết, thì ông nầy có lo lắng cho người cách tận tình lắm.

Ông đạc đức Louvet với ông Faure nói các quan vủ đó có 350 lính thủy, pháo thủ, cai đội, v. v. theo giúp, là mấy kẻ bỏ làm tôi nước Langsa mà đến phò tá đức giám mục Bá-Đa-Lộc. Ông Faure lại thêm rằng, các bạn tàu ở mấy chiếc *Revanche*, *Espérance*, *Ariel* và *Flavie* đã thải binh tại cảng khẩu Macao trong năm 1794, đặng cho khỏi người Anglais lấy, thì cũng có nhập vô bọn lính ấy nữa.

« Mặt hữu thành thời là *Định-Biên môn* với *Tuyên-Hoá môn*, nó ở tại đường Mac-Mahon ; hai cửa ấy, một cái tại đường *stratégique*, cái kia tại đường trên đi Chợ-Lớn. »

Qua đời vua Minh-Mạng, sau lúc nguy Khôi, thì tới phiên thành cũa ông Olivier xây, thế cho thành cũa ông Đàm, cũng bị phá đi. Sau có xây một cái khác thế lại, là cái bị người langsa lấy trong năm 1859.

(1) « Ông Laurent Barisy nầy phải là người langsa chăng? Danh tánh người thời chỉ là người langsa, song sổ bộ nhà nước không có nói chút chi về quê hương người là đâu, mà còn mấy quan khác gốc langsa, thì thấy có ý hài nó ra. Ta có kiếm trong các ngạch binh thuộc địa xứ Thiên-Trước và cù-lao Ile de France, lại với các sổ tên bạn tàu giặc của chúng ta, song luống công, vì không thấy tên Laurent Barisy viết vào. Còn sổ bộ trung-kỳ, khi thì gọi người là chúa tàu, khi lại là phó quãn cơ Barisyman, tùy theo lúc người quãn đốc trường « lính mới » hay là cai một chiếc tàu trận ; vì xem ra người có khi ở thủy, có khi theo bộ ». (A. Faure).

Ta xem ra mấy số nầy kể quá mực.

Theo các sổ bạn tàu ở dưới mười hai chiếc chiến thuyền thuộc về nhà nước Langsa mà đã châu lưu tại Ấn-Độ dương với Trung-Quốc hải, từ năm 1785 cho tới 1790, thì ông Faure tính đặng có 369 thủy binh xin thải ra hay là đào biệt trong lúc vượt biển mà thôi, lại người lấy số đó mà kể.

Điều bất lý thứ nhứt về chuyện nầy, là các chiếc tàu trận nói trước đây ghé tại nhiều cửa biển, nên người ta không dính đặng rằng hết thảy lính đó đều tới giúp tại Trung-Kỳ (1). Điều thứ hai, đức thầy có quyền trên bạn bè cùng các quan, là khởi sự khi người về ngang qua cù-lao Ile de France trong năm 1788 mà thôi, lại xem ra sự

(1) Trong tờ điều trần của quan cai tàu *Pandour* (là ông Gras de Préville) thấy nói rằng: « Số lính thủy nước ta mà dụng tại mấy chiếc tàu ngoại quốc, thời chường tỏ rỏ rằng, như muốn giữ mấy kẻ ấy lại trong tay nhà nước là *đứng sinh chúng nó ra*, lại là nhà nước chúng nó mến yêu cùng lấy làm vui mã phú dâng tài nghề mình, thì phải cho chúng nó có phương mà bảo mạng. Như vậy người ta mới không còn thấy chúng nó đi làm giàu cho *dân kinh địch* mà sự phứ quí dân ấy làm cho chúng ta thêm nhiều đều sỉ nhục khác mà thôi. »

Mấy hàng nầy làm chứng minh bạch về sự lúc trước binh thủy chúng ta muốn qua giúp tàu ngoại quốc lắm, nên chắc họ có trả cho chúng nó khá tiền hơn. Ông A. Faure nói quan cai chiếc *Pandour* lầm, vì tưởng rằng 31 tên lính bỏ tàu người mà đi trong lúc vượt biển, thì hết thảy đều qua tàu anglais. Ta cũng bằng lòng chìu theo ý ông Faure, song tờ cấp báo ông Gras de Préville cũng đồng cho ta có lý mà quả quyết rằng, không phải hết thảy mấy tên linh đào tản đó mà đến giúp chúa Nguyễn, vì sự sang qua tàu người anglais cũng có quyến dụ họ nữa.

đó cũng không lâu đặng hai năm. Ấy vậy, chính vì ông Faure có kể mấy số binh ra như sau nầy :

Chiếc frégate *Résolution* khai hành tại cửa Brest nhằm ngày 13 mai 1785, sau thải binh tại cù-lao Ile de France, ngày 16 février 1789 ; tàu nầy có đi qua cửa Quảng-Đông với cửa Malacca trong năm 1787, rồi trở lại lần thứ ba, là lần chót, tại thành Pondichéry lối giữa hai tháng mai-juin 1788, nghĩa là lúc đức giám mục vừa đến đó. Sổ bạn tàu *Résolution* khai 33 tên lính thủy đã trốn hoặc là làm cho người ta bải đi trong lúc vượt biển, lại trong mấy người lính thủy đó, thấy có bốn người anglais, một người portugais với hai tên bạn còn nhỏ, là mấy kẻ không phải là để mà giúp đức thầy. Muốn cho khỏi nói rằng không ai hết, thì có lẽ mà tưởng có một it tên trong đám đó tới giúp chúa Nguyễn mà thôi.

Chiếc frégate *Vénus* dời ra khỏi cửa Brest nhằm ngày 18 juin 1785, sau bị chìm mất về người về của tại vịnh Perse, hay là nơi bãi biển phương Afrique. Chiếc frégate ấy có qua Pondichéry lối tháng juin cho tới juillet năm 1788, nó không có đến tại Trung-Quốc hãi. Bởi vậy, trong 54 người lính thủy bỏ nó cho tới ngày ấy, thì tưởng có một it kẻ đến giúp chúa Nguyễn mà thôi.

Chiếc frégate *Dryade* ở tại cửa Lorient mà khai hành nhằm 27 décembre 1787, sau trở về hãi khẩu Brest ngày 23 août 1790. Sổ tên bè bạn khai có 21 người binh thủy bãi đi hay là đảo tán trong lúc vượt biển, trong số đó có một tên lính nhỏ tuổi với ba đứa bạn tàu nhỏ. Từ năm 1788 cho tới 1789, tàu nầy có đến cửa Cavite, Macao, Cửa-Hàn, cù-lao Phú-Quốc, hòn Côn-Nôn và cửa Pondichéry.

Về chiến thuyền nầy, thì người ta có lẽ chịu đặng rằng có mười lăm người tới giúp trong xứ Trung-Kỳ.

Chiếc frégate *Méduse* ra khỏi cữa Lorient ngày 27 décembre 1787, rồi trở về Brest ngày 27 octobre 1791. Theo sổ bạn tàu, có 126 người lính thủy đã bỏ nó mà đi, trong đó có một người lính nhỏ tuổi với một người thông ngôn trung-kỳ. Ta nói đặng đây có một phần nhiều, có lẽ cho tới trót trăm người, đã qua Trung-Kỳ, lại người ta không lấy làm lạ về đều như vậy khi nhớ lại rằng đức thầy Bá-Đa-Lộc đi tàu *Méduse* mà trở về Trung-Kỳ.

Chiếc corvette *Subtile* ở cữa Lorient mà thượng lộ nhằm ngày 30 tháng septembre 1784, sau trở lại hãi khẩu Brest mồng 2 avril 1788. Lớp binh bãi đi và lớp trốn trong lúc quá hãi làm cho tàu corvette nầy mất hết 48 người, song có lẽ không có người nào tới Trung-Kỳ.

Chiếc frégate *Astrée* khai hành tại Brest ngày 13 décembre 1786, rồi trở về đó ngày 25 février 1790. Nó cáo báo rằng thiếu hết 15 người, song ta không đoán đặng mấy người ấy về đâu.

Chiếc corvette *Duc de Chartres*, từ ngày sắm sữa nội vụ cho nó đi tại cù-lao Ile de France, là mồng 1 janvier 1784 cho tới 20 février 1786, thì nó mất có một người tình nguyện tên Guilloux (Guillaume) mà thôi.

Chiếc flûte *Nécessaire* sắm sữa đồ cuộc xuất hành tại Lorient nhằm mồng 1 janvier 1788, sau trở về đó là ngày 27 août 1789. Nó không qua Trung-Quốc hãi, có 4 người lính thủy bỏ nó mà thôi, trong số đó kể là một tên bạn nhỏ với hai người binh thủy espagnol.

Chiếc corvette *Pandour* ra cữa Brest ngày 12 juin 1787 (ông Faure không nói đến sau chiếc corvette nầy ra thể nào), nó bị 31 người bỏ mà đi, trong số đó có một người thợ đóng thùng, một tên hoả đầu với một đứa đầy tớ. Tàu nầy có ghé Macao với Côn-Nôn.

Chiếc flûte *Mulet* bỏ cữa Brest mà đi nhằm mồng 5 avril 1788, sau trở về đó ngày 15 juin 1789. Nó không có qua do thám Trung-Quốc hải. Nó mất 12 người, trong số kể là hai quan ngoại khoa điều hộ phụ (là ông Georgault với ông De la Chaussée), một tên cai đầy tớ cùng hai người lính nhỏ tuổi.

Chiếc flûte *Marsouin ở* cữa Bayonne xuất hành ngày 6 avril 1788, rồi trở lại Brest nhằm mồng 1 août 1789, kể có 8 người lính thủy xin thôi hoặc trốn đi trong lúc vượt biển.

Xét ra một chút, thấy cũng chưa được nữa số 369 người kể trên đây mà đến Trung-Kỳ. Vã chẳng, chúng ta hãy tính theo mấy số sau nầy có lẽ chịu đặng, dầu cho chúng ta tưởng nó cũng còn quá sự thật:

Chiếc	*Résolution*	4	người.
«	*Vénus*	4	»
«	*Dryade*	15	»
«	*Méduse*	100	»
«	*Subtile*	»	»
«	*Astrée*	10	»
«	*Duc de Chartres*	1	»
«	*Nécessaire*	4	»
«	*Dromadaire*	»	»
«	*Pandour*	20	»
«	*Mulet*	»	»
«	*Marsouin*	2	»
	Hiệp cộng	160	người.

Số 160 thủy thủ ta kể đây thiệt không trúng, song chắc nó tùng tiệm sự thật hơn là số 369 người của ông Faure khai. Vã lại, ta xin hỏi một đều thường mà thôi, là lúc đó chúa Nguyễn cấp dưởng cùng ban bổng hướng cho 369 người phương Tây đó thể nào?!

Chúa Nguyễn-Anh khi ấy không của đủ mà chịu đều như vậy, lại ví như mấy ông Dayot, Chaigneau, Vannier với một ít người khác mà ở lại, là có khi bởi mình làm quan cai tàu, nên đặng thong thả buôn bán mà giữ lợi cho mình, vì thuở ấy chuyện đó không có luật nào cấm, nên thiên hạ thường kêu nó là *châu lưu hàng hoá mà bán*.

Về chuyện nầy, chúng ta hãy nhớ lại rằng, ông Le Brun bỏ Trung-Kỳ mà đi, là bởi người ta trả tiền lương cho người ít; chúng ta cũng hãy nhớ lại tờ điều trần của ông đạc đức De la Bissachère gởi dâng cho quan ngoại bộ thượng thơ trong năm 1807 mà ta xin chiết ra một đoạn như sau nầy: « Mấy người phương Tây nào mới lên bờ theo đức giám mục Bá-Đa-Lộc, thì gần hết thảy phải vương lấy các bịnh bởi phong thổ nê khí hoá sinh, lại thêm bị sự ăn uống thuở nay chúng nó chưa quen dùng nữa. Có nhiều kẻ phải bỏ mạng; còn phần dư lại thời lãnh bổng không đặng bao nhiêu (vì vua chưa có huê lợi cho chắc chắn), nên có một phần bỏ trốn đi, cùng sang qua tàu buôn portugais mà ở ».

Dầu đức giám mục Bá-Đa-Lộc có tài phép làm cho thiên hạ mê lời nói người, thì một mình sự khoa ngôn ngữ người không quyến dụ đặng họ tới ở và cầm lại mấy kẻ nào trước tưởng chắc khi qua giúp chúa Nguyễn, thì mình se đặng đều thạnh lợi hơn là làm tôi nước Langsa.

Một đều khác nữa chúng ta hãy nhớ, là các quan bền lòng hềm nghịch cùng người phương Tây — dầu cho là ngầm, hoặc khó yếm kín hay là chán chường — thì trước hết phải đổ sự ấy cho bổn tánh không muốn thù tạc với người ngoại quốc, là tánh các sắc dân đã tập luyện hoặc nhiều, hoặc ít, lại nay nó cũng còn thạnh lắm nơi phần nhiều trong những người da vàng, sau lại cũng phải đổ cho sự khác tâm tánh hai loại, vì nó có sức đủ mà chống lại mỗi chuyện nào lo tính toán thật lòng. Một đàng thì kiêu căng vô độ, mưu kế quỉ quyệt nan tri, toàn khiếm sự kính vì lời ưng tiếng chịu, đàng khác thời thiếu thốn lòng nhịn nhục, bổn tính nóng nảy, cả tiếng, tâm tánh ngay thật dộc địa, nên ít khi mà hòa hiệp đặng với nhau. Nay chẳng phải là còn như vậy sao? Lại người ta có gặp một ít vị nào khác mà thôi, mà có tánh ý riêng hơn đặng ăn ở hoà nhả với người phương Đông chăng?

Ông De la Bissachère, là thầy giãng, thế quyền tạm cho đức thầy Bá-Đa-Lộc khi người cảm mạo se da, có thuật chuyện nầy cho chúng ta rỏ tâm tánh các quan vả chính vì vua lúc trước ăn ở thể nào, cũng... ngày nay làm sao nữa. Chiếc corvette *Đồng-Nai*, thuộc về ông Dayot coi, bị một trận bảo kia và dựa vô bải, nó gần bị hư mất. Các quan liền tâu với chúa Nguyễn rằng sự thiệt hại như vậy là tại tánh xấu, bơ thờ cố ý quan cai tàu. Tức thì chúa Nguyễn dạy đóng gông ông Dayot. Ai nấy hiểu sự quan võ langsa bực mình thể nào khi chịu hình khổ như vậy, lại phải lấy cả quyền thế đức thầy Bá-Đa-Lộc mới làm cho ông Dayot ở lại mà giúp chúa Nguyễn-Anh nữa.

Vừa đến năm 1791, thì tưởng không còn bao nhiêu kẻ ở lại. Vã chăng, người ta đoán nghiệm đặng sự

như vậy, vì nhờ có bức thơ của quan lãnh sự chúng ta ở tại cửa Quảng-Châu gởi cho quan ngoại bộ thượng thơ, trong thơ ấy nói rằng: « Tại Trung-Kỳ còn có một mình ông Olivier ở lại mà thôi, ông giám Bá-Đa-Lộc khen người lắm ». Như hiểu theo nghỉa một, thì sự quả quyết nầy sai lầm, song trí tưởng chủ thơ minh bạch, là nói: phần nhiều trong những người langsa thôi giúp Nguyễn chúa.

Còn bạn bè ở dưới mấy chiếc tàu đã bị thải binh tại Macao trong năm 1794, thì chắc không có bao nhiêu người đến Trung-Kỳ. Là bởi, trước hết, họ đã nghe biết chuyện mấy kẻ trước họ liều mình thể nào, sau lại là vì qua năm 1794, chúa Nguyễn-Anh ra gần tới Qui-Nhơn. Vậy khi ấy chúa Nguyễn biết mình đắc thế, ít cần dùng hơn lúc trước về thầy dạy việc binh tầm thường. Sự người sở ước nhứt là mấy quan cai thủy nào có tài mà làm cho mình đặng sự thong thả thiệt nơi biển giả, và cũng cho thạo chuyện buôn bán dàng biển đặng thêm bề tư lợi; vì như không nó, thì người không mua và thay đặng đồ cuộc binh khí yếu cần để dùng trong lúc chiến tràng đa niên như vậy.

Khi tra kiếm cựu tích mới đây tại phòng thơ trường tu thuộc về hội sai đi giảng đạo nơi ngoại quốc (Séminaire des missions étrangères), thì có gặp ba cái thơ của đức thầy Pigneau de Béhaine mà ông Faure không biết. Đức thầy Mossard có làm ơn mà cho ta coi mấy bổn sao bên Paris gởi qua, lại với một bức thơ của đức giám mục Bá-Đa-Lộc viết khi trước mà hãy còn giữ tại tòa giám mục địa phận Sài-Gòn. Các sự tích rất hữu ích cho sử ký đó đều có in trong nhựt báo *Courrier Saigonnais*, lúc hành lễ khánh tàng bia hình đức thầy Bá-Đa-Lộc (số 1307, ngày 14 mars 1902). Ấy vậy, trong mấy bức thơ nầy thấy có

một cái, đề ngày 18 juillet 1792, trong đó có nói một đoạn, làm cho sự xét nét ta đặng lý trọn, chỉ về số 369 người phương Tây mà ông Faure đã khai rằng đến giúp tại Trung-Kỳ.

Khoản đó nói như vầy : « Người (là chúa Nguyễn-Anh) dem có nữa đại binh theo mà thôi. Trong binh bộ được 40 người tây mà có một vị quãn đặng một cơ 600 quân. Trong đạo thủy có hai chiếc tàu tây tri khí giái nhiều lắm ».

Vậy, trong năm 1792, số người tây định là 40 vị về binh bộ. Còn tại thủy, ta biết có mười ông quan giúp chúa Nguyễn, lại ở dưới thủy đây thì mấy quan ấy cần dùng mà thôi. Hai số nầy hiệp đặng có 50 người tây, trong lúc chúa Nguyễn mới tu thành đại binh người và gần dẫn đi đánh quyết. Sau hết, nếu ta gia bội số trên đây đặng tính về mấy người đã bỏ mình vì phong thổ, hay là lìa ra khỏi xứ trước khi trở nghịch lại cách cã thể, thì người ta cũng đặng chừng 100 người Tây mà thôi. Chúng ta còn xa số 369.

Nhờ có mấy điều cứu giúp mới đến cho chúa Nguyễn-Anh, nên người sắm sửa binh sĩ, dồ cuộc đấu chiến mạnh mẻ nhiều hơn là người có bấy lâu. Quân Tây-Sơn phải để cho người làm như vậy, vì chúng nó đã yếu sức rồi.

Năm 1789, đức hoàng đế Trung-Quốc nhìn phong ông Huệ làm vua nước An-Nam.

Trong ba năm, là 1790, 1791, 1792, để sắm sửa binh gia khí trượng và công việc ngăn ngừa. Vã chăng, lúc ấy khó mà giáp trận lại tức thì, vì nhơn dân đã mỏn sức, nên không cho bên Nguyễn, cũng như bên Tây-Sơn khiêu chiến. Chúa Nguyễn-Anh có

sai một it binh đi đánh vài lần, song mấy khi hành quân như vậy đều để mà làm cho binh ra mạnh dạn, hơn là cho được thắng quân nghịch.

Năm 1790, thánh đảng ông hoàng tử Đảm, đến sau gọi là vua Minh-Mạng, người sinh ra tại làng Tân-Lộc, lối hậu diện nhà trường Chasseloup-Laubat (Sài-Gòn), lại là nơi lúc sau người lập ra một chùa, gọi là Khải-Tường tự.

Năm 1791, hai quan chưởng thủy Dayot với Vannier hủy tan dinh trại nhà cửa tại cảng khẩu Qui-Nhơn với đạo chiến thuyền Tây-Sơn đậu đó. Đây là lần thứ nhứt trong mấy lúc chúa Nguyễn-Anh hằng năm tấn binh đánh những kẻ tiếm trị, người ta kêu nó là *giặc mùa*. Cũng nội năm đó ông Huệ thăng hà, ông nầy là người thù nghịch đáng kinh hơn hết của chúa Nguyễn, trước người có rao truyền cho dân người hay và sắm sửa binh gia vào đánh chúa Nguyễn-Anh. Ông Nguyễn-Quang-Toản là con, lên nối trị, song không biết làm cho quân Tây-Sơn vâng phục mình là bao nhiêu.

Năm 1792, ông Nhạc bị Nguyễn đuổi ép, xin cháu mình là Nguyễn-Quang-Toản cứu giúp, thì ông ấy có gởi binh vô. . . đặng soán ngôi người. Con ông Nhạc, tên là Tiểu-Triều (Hoàng-Thùy) muốn chống lại với Nguyễn-Quang-Toản. Ông nầy phong Tiểu-Triều làm tước hiếu-công và cho ăn thuế huyện Phù-Ly. Tiểu-Triều chịu đi, không nghe lời mẹ khuyên thà chịu chết, chẳng thà lảnh phận sự hèn hạ thể ấy.

Ông Nhạc qua đời rồi, thì còn ông Lử. Đứa cháu hung độc dạy giết người đi đặng cho rảnh việc. Vậy còn có một minh Nguyễn-Quang-Toản làm chúa Trung-Kỳ với Bắc-Kỳ, một mình người ở trước mặt ông Nguyễn-Anh mà thôi.

Các trận đánh trong năm 1793, 1794, 1795, thời dề dùng mà tấn binh lần tới Qui-Nhơn, thành ấy canh giữ chặc chịa lắm, nên chúa Nguyễn lập nhiều phương thế mà đánh không xuể. Nhưng vậy chúa Nguyễn không phải chỉ lo.lắng nơi đó, vì tàu người có quan langsa đốc suất, đều đi qua xứ Thiên-Trước, cữa Manille, Macao với nước Tàu, và buôn bán trong cã và cảnh Đông cách phấn chấn lắm. Chúa Nguyễn-Anh cũng có một chuyện bất bình với quan Tổng-Thống Thiên-Trước.

Người anglais đoạt lấy chiếc tàu *Armide* (có ông Barisy cai quản) tại Ấn-Độ dương. Chúa Nguyễn-Anh viết thơ đòi lại (1) mà nói như vầy :

Tôi lấy làm lạ khi nghe tin chiếc frégate anglais, hiệu *Nom-Such*, có ông Thomas quản đốc, lấy lẻ nghịch cùng luật chung trong thiên hạ mà bắt chiếc tàu *Armide*, có một quan vỏ tôi cai (tên Laurent Barisy) mà tôi sai qua mấy cữa xứ Thiên-Trước dặng mua khí giái thuốc đạn cho tôi, ông chúa tàu Thomas ngở làm dặng mọi sự mà không hề gì, vì tưởng rằng mình mạnh hơn hết, nên hạ cờ tôi xuống mà thượng cờ nước Grande-Bretagne..... Sự ăn ở bất công dường ấy không ai trị tội...... Tôi không cần chi cho ngài biết về sự tôi chẳng dè chuyện làm như thế. Vậy tôi xin hỏi ngài cớ nào mà cho phép chúa tàu Thomas ăn ở theo quân ăn cướp đó. Tôi xin ngài đền bồi sự sỉ nhục cho bổn quốc kì tôi theo luật anglais buộc trong lúc như vậy.....

Cuối thơ thấy nói giọng gần như ngăm đe, là :« Ngài phải biết, như tôi mà muốn làm cho đền bồi, đặng tôi hết thiệt hại, thì dể cho tôi kiếm cách lắm.» Người anglais chịu thua. Chiếc *Armide* đem trở về Sài-Gòn cùng phạt tạ dều sỉ nhục cho thủy kì an-nam.

(1) Quốc thơ của vua Trung-Kỳ gởi cho quan Tổng-Thống hay các xứ thuộc địa anglais tại Thiên-Trước, viết tại Sài-Gòn nhằm ngày 20 tháng novembre 1798.

Năm 1796, chúa Nguyễn-Anh trở ra đánh Qui-Nhơn nữa. Người làm không xuể nên phải trở về Sài-Gòn. Song khi qui phục đặng một ít lâu, thì thấy Tiểu-Triều, con ông Nhạc, xin người cứu giúp, ông Tiểu-Triều mới hảm lấy đặng thình lình Qui-Nhơn và xin hàng đầu chúa Nguyễn, vì sợ cự không nổi đạo binh con chú mình.

Chúa Nguyễn vội vả sai binh tiếp cứu. Song binh tới trễ lắm, vua kinh thành Huế đã lấy lại Qui-Nhơn rồi, và giết Tiểu-Triều đi. Chúa Nguyễn cũng cứ tấn binh tới, nhưng vậy, trong lúc hành quân lần thứ tư nầy (năm 1798) mà đánh Qui-Nhơn, thì người cũng không có phước hơn mấy chuyến trước.

Sau hết, qua năm 1799, mới thành công. Lấy đặng Qui-Nhơn cùng cho binh soán. Song hại thay cho chúa Nguyễn-Anh, vì người bị một chuyện buồn thảm khôn xiết kế nối với sự người thắng trận. Là thượng sự Bá-Đa-Lộc, bạn thiết cùng sử việc cho người, đã từ trần. Đức thầy triều thiên tại Bình-Định nhằm mồng 9 octobre 1799, khi ấy đặng năm mươi tám tuổi. Xác người chở về Sài-Gòn, là nơi chúa Nguyễn-Anh tống táng trọng thể lắm, lại chính vì chúa Nguyễn có đọc bài văn tế mà tặng phong cho người; vậy ta xin dịch bổn chánh ra như sau đây:

Có sắc rằng: Người hiền ngỏ tôi đã quen biết xưa, chẳng nại dàng xa ngàn dặm mà tới. Đang hội giao rất tốt, mà sao lại nở một buổi mà mất đi! Tưởng đến đức cũ nên rở ra ơn Nước Langsa phong chức: *Riêng sai thông lịnh, sửa sang theo ý mình tàu chiến, thủy bộ binh giúp, là Giám-Mục Bá-Đa-Lộc*, là thầy cả lớn quờn bên đất Tây, là khách nhứt hạng trong nước Việt-Nam.

Ngày mới khởi cầm quờn đã may gặp bạn rất lành, tin tưởng nhau lúc ban đầu còn u ám. Ta đã kể tiếp đức âm người mà

hỏi han, thì thật đã nhờ lắm, trong cơn nhà nước mắc nhiều hoạn nạn. Ta khi ấy cực khổ trèo non vượt núi cũng như đời nhà Hạ vua Thiếu-Khương. Vậy đã khiến trở trời biển chia hai đàng. Ông Ta tin nghe theo khác nào chức A-Bảo của thái tử đời nhà Hán. Tuy lời qua tỏ đã yên với nước tổ phụ, lấy binh đến giúp. Nữa chừng việc với lòng trái nhau, song người đồng cừu thì tính làm theo người xưa, thà vì ngãi mà tới nhau, đều tụ hội lo mưu theo dịp dấy loạn ấy. Năm Mậu-Thân trở về nước cũ mình, thì rất trông tiếng tốt. Năm Canh-Tuất thì gởi thuyền lại chốn Đông-Phố. Khi ấy càng hậu lời giao ước hơn, thật rất phải đạo thầy dạy nuôi trẻ thơ ấu. Thường ngày tiếp rước, nên hằng bày ra mưu lạ mà yên trong cơn loạn rối. Việc đạo đức trong lời nói, tiếng cười, và ngải nhơn đã họp nhau như trâm với tóc vậy. Việc kinh luân ngoài phong trần tình rất tin nhau khi liền dây cương. Trước sau một lòng ngay thật không hai. Sinh ra mà gặp đều lạ thì đồng vui. Những trông hẹn trải qua năm tuổi tác lâu dài mà vui vầy cùng nhau. Ai dè bui tro lại lấp chôn cây ngọc! Ta thẩm tưởng tới đó mà tăng phong làm chức *Thái-Tử, Thái-Phó* tước *Pi-Nho, Quận-Công.* Lại thêm tặng hàm ân rằng: *Ngay Thật, Tốt Lành.* Cho dặng tỏ mùi thơm đức lớn kẻ đã khuất đời.

Và ngỏ nêu công nghiệp cả kẻ khách lành. Hỡi ôi! cái sao khách đêm sa! đi chốn thiên đàng khôn cầm lại. Một chữ tặng khen thì rất lịch sự như là mặc áo cẩm bào cho vậy, bởi tình ta chẳng nguôi. Hỡi! ông thiêng liêng đã gội nhuần ta ơn sáng.

Nay sắc phong. (1)

Ngày 12 tháng 11 năm thứ 60 đời vua Kiền-Hưng (2) trị nước.

---

(1) *Sắc viết*: Triết nhơn ư tri kĩ, cố bất viễn thiên lý nhi lai, hảo hội chánh tương thân, hựu hà nhẫn nhứt triêu nhi thệ! Điễn tư cưu dức, tải bí tân ân, Phú Langsa quốc cố: *Đặc sai đạt mạng, điều chế chiến tàu, thủy bộ viện binh, Giám-Mục Bá-Đa-Lộc* thượng sư Tây thổ vỉ nhơn, Nam triều thượng khách, tổng giác nhựt hạnh phùng giai khế, chí khí giao phù. Thảo muội sơ cận tiếp đức âm, tuần tư thật lại, ngẫu trị quốc gia đa nạn, dư thì dinh Hạ Thiếu chi kì khu. Phiên giao thiên hải lưởng kì, công doản dịch Hán trừ chi A-Bảo.

Tuy vảng tố ngôn hài vu tông quốc, đặc dỉ binh lai viện, bán đồ nhi sự dữ tâm vi. Nhiên đồng cừu nghỉ tác vu cổ nhơn ninh

Chúa Nguyễn có truyền xây một cái lăng trên phần mộ đức thầy và dựng một tấm bia đá cẩm thạch — nay cũng còn luôn — có thích chữ thếp vàng, nghĩa nó như vậy :

Có người thầy cả lớn quờn ở bên Tây, tên là Pi-Nho, hiệu là Bá-Đa-Lộc, thuở bé thơ đã học hành đạo lý trung quốc, thông suốt các kinh văn thánh hiền toàn hảo. Đến tuổi khôn qua nước Việt-Nam Ta, nhằm khi trong nước Ta đang phải đa đoan. Người là khách tha bang, mà đã làm thầy trong nước Ta. Người có tỏ bày tài văn học mình ra mà làm việc. Vậy đã chung cùng ưu tư với nhau trong cơn nhà nước loạn ly hỗn độn, Lại đã đành nấy phú việc đại sự cho người làm thầy nhà nước mà đi viện binh giúp nước. Thật người tận tâm tận lực mà đi qua lại hơn hai năm, gian nan cực khổ.

---

vị ngãi tương qua cọng hội, nhi mưu thừa hấn, phát Mậu-Thân phản cố bang chi phế, chánh vọng hảo âm. Canh-Tuất phủ Đông-Phố chi châu, di đòn tính ước tốn ngôn, thì phục chánh dưởng mông chi sư đạo vưu nghiêm.

Tấn tiếp nhựt thường long, chẫn hoán chi ki mưu lủ xuất. Đạo đức trung đàm tiếu, ngãi kí khế vu hạp trâm. Phong trần ngoại kinh dinh, tình doản phù vu liên bí. Chung thỉ chi chơn tâm bất nhị. Bình sinh chi kì ngộ quân hoan. Dản kì lịch quá niên hoa, vỉnh vi hảo dả. Thùy liệu trần mai ngọc thọ, tịnh ngôn tư chi, viên tặng vi *Thái-Tử*, *Thái-Phó*, *Pi-Nho Quân-Công*. Thị viết *Trung-Ý*, dỉ chương thạc đức chi u hinh, dỉ biễu gia tân chi vĩ tích. Ô hô ! khách tinh dạ vẫn, thiên đàng chi khứ nan lưu, hoa cồn vinh bao, nguy khuyết chi tình hạt khánh. Ê ! công linh sẳng mộc ngã sủng quang.

Cố sắc.

Kiễn-Hưng lục thập niên, thập nhứt ngoạt, thập nhị nhựt.

(2) Vua Kiển-Hưng, hay là Lê-Hiển-Tông, khởi sự trị nước năm đầu hết, là năm 1740, người băng nhằm năm thứ 47 trong đời người trị, là 1786. Chúa Nguyễn-Anh không kể tới sự người khuất trần và đấng nối trị cho người, là vua Lê-Chiêu-Thống, lại lấy năm thứ 60 đời vua Kiển-Hưng (1799) mà đề cho bài văn tế mình, dường như vua ấy còn tại vị vậy.

Người đã bày vẽ việc binh cơ đồ trận, chỉ cách xây thành lập trấn. Nhứt thiết các việc chỉ khởi bày gầy dựng, thì nhờ có người bày biểu mà truyền để cho đời sau. Bởi đó nước Ta dần dần đã đặng nhiều cách thế mà thạnh, vì có người làm thầy có tài sức lắm.

Năm Kỉ-Vì, người đã theo việc binh mà tới thành phủ Qui-Nhơn. Sang tới ngày mười một tháng chín thì người đã tạ thế tại đó, là nơi bên cửa Thị-Nại. Khi ấy người đã đặng 57 tuổi.

Qua mạnh đông (tháng 11), thì đặng sắc phong làm *Thái-Tử Thái-Phó Quận-Công*. Đã chọn chôn xác người tại phía bắc thành Gia-Định. Vậy nơi xây đắp nầy là chốn nghĩ cho đấng thầy nhà nước đã mạng cố. Nầy thật là dấu tích muôn đời.

Năm Canh-Thân, trọng thu tháng tám (1), ngày lành dựng bia (2).

Lăng có tường bao vòng với năm mươi lính canh giữ. Khi đức hoàng đế Gia-Long thăng hà, người có biểu con người, lại là đấng nối trị, là đức vua Minh-Mạng, doan thệ cấp dưỡng quản mộ phu ấy. Vua Minh-Mạng giữ lời thề cho tới khi ông Lê-Văn-Duyệt, tổng trấn Nam-Kỳ, qua đời (năm 1832). Tại

(1) Tháng nầy nhằm tháng septembre 1800. Xin coi chuyện ấy trong sách *Institutions annamites*, cuốn thứ II, trương 265.

(2) Sư đại Tây-Dương quốc nhơn, Pi-Nho thị hiệu Bá-Đa-Lộc, thiều phụng đạo giáo nhi trung quốc, thánh hiền thơ tịch mị bất giảng quán. Đãi tráng niên, lai ngã quốc nội đa cố. Sư vị quốc chi tân, thố sở học vu sở hành, tương dữ châu triền, vu điên phái lưu ly chi tế, kỳ hựu ưng trọng thác, xuất viện Sư, lai vãng gian quan, bất di dư lực, nhị thập dư niên chi gian, tán hoạch nhung trù, tham tài trấn vụ, chư kì hưng kiến hiền thiết giai túc, dĩ truyền chi hậu, ngã quốc xâm xâm hồ, hữu trung hưng chi thế, sư chi lực vi đa diên. Kỉ-Vị tùng chinh Qui-Nhơn phủ thành, cữu ngoạt thập nhứt nhựt dĩ chánh chung, vu Thị-Nại hải môn tân thứ, thọ ngũ thập hữu thất kì niên, đông mạnh sắc tăng *Thái-Tử Thái-Phó Quận-Công*, bốc táng vu Gia-Định phủ thành chi bắc. Sư cố sở trúc tinh xá dã, thì vi chi tuế thứ Canh-Thân trọng thu ngoạt cốc đán thụ.

nước Đại-Nam, nào vua, nào nhơn dân cũng không hiểu rỏ cho lắm về lời ưng chịu, thề thốt thề nào, nên có cần chi mà phải nhắc lại đều ấy.

Khi người langsa chiếm cứ xong xứ nầy, nhà nước có nghị định rằng lăng cùng đất xông quanh thuộc về công thổ. Như ta tin theo lời sách *La Cochinchine Française en 1878* nói (trương 73 với 74), thì là quan thũy sư Charner ra lời nghị ấy (tháng août 1861), đoạn có chỉ dụ đức hoàng đế Napoléon III ra trong năm 1863, song nay tại Sài-Gòn không còn dấu chi làm chứng về sự tích công văn đó; kế quan thũy sư Duperré cũng nghị định một cách (số 106, ngày 16 avril 1875).

Khi chúa Nguyễn-Anh lìa chơn ra khỏi Qui-Nhơn, người có để lại đó một đạo binh, có ông Võ-Tánh quản xuất. Chẳng khỏi bao lâu quan tướng nầy phải quân Tây-Sơn trở lại vây đánh (lúc cuối năm 1799). Song thành ấy dự bị hoả thực rất nhiều, làm cho chúa Nguyễn không lo sợ chút nào. Qua năm 1800, lối mấy tháng đầu, người mới ra tiếp cứu. Dầu vậy, quân Tây-Sơn đã tích trữ nhiều đồ thế mà chống trả lại, cho đến đổi chúng nó ngăn không cho người xáp lại đặng gần.

Trong lúc tranh chiến nầy có hai chuyện bi ai khác xảy đến làm cho chúa Nguyễn-Anh ưu sầu. Là ông thái tử đông cung Cảnh qua đời (tháng février 1801) rồi, cách bốn tháng, ông hoàng Hi (Chị-Bùa), là một vị khác trong hàng con người, cũng khuất trần nữa.

Chúa Nguyễn-Anh chịu sầu bi khôn xiết về sự mất con và đánh không núng Qui-Nhơn, nên có một khi kia người thối chí. Người viết thơ cho yên

hùng Vỏ-Tánh cự thủ thành bị vây, khuyên ông ấy bỏ thành, phá vây mà ra cho đến người. Song quan tướng Vỏ-Tánh có lòng tinh trung báo quốc và hiểu sự binh cơ đồ trận đáng lấy làm lạ lắm; là người xin chúa Nguyễn để cho người giữ thành, như cần phải thí người đi, thì cũng không hại gì, xin vua kéo thẳng ra Huế mà đánh, vì khi ấy nó dường như không ngăn ngừa. Sự hành quân như vậy, thì hoặc là người, là ông Vỏ-Tánh, cầm đạo binh Tây-Sơn ở lại đóng chung quanh Qui-Nhơn, hoặc đại binh ấy phải bỏ vây mà về giữ Huế, nên trong hai cách đó, cách nào chúa Nguyễn cũng đắc thế.

Chúa Nguyễn-Anh nghe theo lời khuyên. Người đánh soán Cửa-Hàn và hảm lấy Huế (ngày 13 juin 1801) Vua Nguyễn-Quang-Toản cố thủ thành nầy, phải chạy trốn, bỏ hết mọi sự...trừ ra vàng bạc cùng quí vật mình mà thôi. Song thương ôi, Qui-Nhơn tận lương cùng kế, phải sa vào tay giặc. Tướng Vỏ-Tánh viết thơ gởi ra cho quân Tây-Sơn mà xin dong mạng cho quân sĩ mình, rồi người vầy thuốc súng đốt cho nó nổ mà tự vận. Ông Ngô-Tùng-Châu, là phó tướng, uống thuốc độc mà chết.

Quân Tây-Sơn kính vì lời xin đấng yên hùng, lại chôn cất thân thể người cách sang trọng lắm.

Ấy vậy, Qui-Nhơn đã về tay quân Tây-Sơn một lần nữa, song, khi nhập thành rồi, quân ấy làm thì thế cũng gần giống như quan quân nhà Nguyễn thủ thành lúc trước vậy, nghĩa là vô vật thực. Bởi đó một ít lâu sau, khi chúa Nguyễn-Anh trở về, tới phiên người vây, thì người cũng làm như quân nghịch lúc trước mà thôi, là chờ đợi. Người làm đặng sự ấy khá hơn, nhờ có xứ Ai-Lao sai binh xuống phụ lực, với 5000 quân xiêm đi ngang qua Lào quốc mà đến

nữa, làm cho cuộc vây ra chặc chịa hơn. Qua tháng mars 1802, binh thủ thành phải bỏ nó ban đêm lên Lào mà ở. Vậy nay cả xứ Trung-Kỳ đã trừ sạch quân Tây-Sơn rồi.

Sau lúc lấy Qui-Nhơn lại, thì chúa Nguyễn-Anh đã thâu phục các xứ tổ phụ người lưu hậu, người lấy tước hoàng đế, xưng là Gia-Long (tháng juin 1802), nghĩa tượng tự nó như *phước thạnh (gia = tốt, sang, vui mầng ; long = lớn, cao, thạnh).*

Dầu vậy, người cũng chưa phỉ lòng tham. Vì còn lấy xứ Bắc-Kỳ nữa. Họ Trịnh đã dứt tuyệt rồi, vua Lê qui thứ bỏ mình bên Trung-Quốc, Nguyễn-Quang-Toản còn một ít binh tàn mà thôi, không sức nghinh chống mạnh mẽ cho lắm. Vừa tôn xong, đức hoàng đế Gia-Long thân chinh xuất trận nhằm tháng juin ; lại, qua lối giữa tháng juillet, người nhập thành Hà-Nội. Ông Nguyễn-Quang-Toản bị bắt được và chịu gia hình tứ mả, còn ba chục người thân thuộc ông ấy đều bị xữ lăng tri.

Nội loạn đã hết rồi, lại sự làm khổ sở cho người có đạo cũng dứt đi nữa, vì tại các xứ phục quân Tây-Sơn, thì thấy mấy người ấy mảng chịu bắt bớ luôn. Ông đạc đức Louvet nói rằng, lúc sau đặng ba mươi năm bình an về sự đạo, thì để cho Hội-Thánh Đàng-Trong có ngày giờ mà rịt thương tích mình cùng sắm sữa chống trả các trận khác.

NHÀ NGUYỄN

GIA-LONG (1802-1820).—Vừa tức vị, đức hoàng đế tân phong nầy xuống chiếu ân xá cho hết thảy quân Tây-Sơn nào ra đầu thú trong năm ngày.

Con cháu nhà Lê với họ Trịnh có đến lạy mầng dấng đại quốc quân, thì người có phong tước và cấp điền thổ cho mấy ông ấy. Vua nước Cao-Man sai sứ đến, còn chính vì vua xứ Nam-Chưởng cũng xuống nữa.

Đức hoàng đế Gia-Long cầu phong với Đại-Thanh cũng như các vì vương đế trước người vậy ; song người không chờ đợi vua Thanh phúc thơ, người lại lo chấn chỉnh đại quốc mình mà thôi. Người làm như vậy phải lắm, vì qua năm 1804 triều đình Bắc-Kinh mới nhìn phong cho người.

Trong mười tám năm đức hoàng đế Gia-Long hưởng quấc, thấy đặng thái bình. Trong mấy công việc trọng hơn hết mà người dạy làm, ta xin kể ra : Tu bộ đinh chung trong cả Nam-Kỳ. Sữa luật lệ trong nước lại (là thứ hãy còn thông dụng trong lúc nầy). Khai quan lộ thông qua các tỉnh thành, nó kể từ nơi giáp cảnh Trung-Quốc mà chạy dẫn cho tới biên cương Cao-Man cuốc.

Từ năm 1810 cho tới 1813, nước Cao-man bị quân xiêm loán đất, có xin đức hoàng đế cứu giúp, thì người sai binh lên. Binh xiêm rút về không đánh hai lần. Năm 1813, lập tờ giao hòa tại La-Bích mà nhìn biết thật nước An-Nam có quyền bảo hộ nước Cao-Man, thì mới hết các sự khuấy rối ấy.

Trong đời đức hoàng đế Gia-Long, thì người anglais có ướm thử mà giao hữu với nước An-Nam, song không xong việc. Năm 1804, quan sứ anglais, tên là Sir Roberts, phải ra khỏi xứ mà chẳng xin được đều gì. Năm 1808, có một đạo chiến thuyền anglais đặng bảy chiếc chạy lên cho tới Hà-Nội, nó bị đốt đi mà nước Grande-Bretagne không báo thù sự sĩ bỉ như vậy.

Qua 1818, quan tước bá De Kergariou, quản đốc chiếc frégate *Cybèle* đến, vì có vua nước Langsa, Louis XVIII, sai qua mà xin thi hành tờ giao ước lập trong năm 1787, chỉ về Cửa-Hàn và hòn Côn-Nôn. Quan nầy đặng tiếp rước cách tử tế lắm, song chẳng đặng sự chi ráo. Khi ấy đức hoàng đế Gia-Long không còn cần nước Langsa nữa, sự như vậy không chối cãi được; song, nước Langsa có phép buộc phải thi hành lời giao ước mà, trước hết, mình không kính giữ chăng? Các quan langsa theo đức thầy Bá-Đa-Lộc mà đến nước An-Nam, là tùy ý riêng mình mà thôi, không làm cho nước Langsa mắc phải trách cứ chuyện chi. Tờ giao ước năm 1787 đã ra như không rồi, lại đức hoàng đế xem nó dường thế thật rất nên công chánh. Ông Chaigneau dùng dịp nầy xin phép đức hoàng đế đặng về viếng nước Langsa, thì người nhậm lời. Ông ấy cũng có phụng lãnh đi sứ về với vua Louis XVIII.

Khi đức hoàng đế Gia-Long gần thệ thế, người chọn đấng để sau kế vị cho người, là ông hoàng tử Đảm, con bà thứ phi. Người không nghe theo lời các quan tướng lảo gián khuyên rằng, theo phép ngôi cản phải để cho nam nhi ông đông cung Cảnh.

Đức hoàng đế Gia-Long băng nhằm ngày 25 janvier 1820. Đại quốc quân nầy là một vị trong mấy đấng có danh tiếng hơn hết trong sử Đại-Nam. Người ân cần lo lắng luôn, không thối chí bao giờ, bổn tánh đằm thấm, mực mẹo, người lại đặng tư chất nầy nữa, làm cho sanh nên các đấng thượng trí, là biết phân biệt người đời cùng tùy theo tài năng mà cử dụng. Không tin đạo nào hết, chẳng làm thiệt hại cho con dân giữ đạo Thiên-Chúa, song người cũng khôn thi ân cho mấy kẻ ấy, như người làm đặng.

Về sự đoái xem người phương Tây, thì nó theo cách dân cảnh Đông thuở đó và lúc nầy cũng còn luôn như vậy. Lại ví như đức hoàng đế Gia-Long ít có tánh định chừng trước, bởi dòng dỏi mà ra, hơn các kẻ đồng loại với người về quân Tây-Di, là vì người cần quân nầy hơn các kẻ ấy. Mà khi đặng trở nên chúa tể thật, người lại làm cho tận tuyệt lần lần người langsa, là kẻ lấy nước lại giùm cho người. Lời người anglais xin thời bát đi. Còn quan sứ nước Langsa đặng trọng đải mà không được đều gì hết. Khi phải lập sự kế đại cho kiên hảo, thì người lại chuộng con thứ hơn đấng đăng quang chính phép, là đích tôn người, vì có khi sợ trí ý vẻ vời cùng linh khí đức thầy langsa, là thái sư ông đông cung Cảnh vô đạo mà chết, có lưu truyền cho mấy con ông thái tử ấy chăng. Dầu vậy, người cũng còn có lòng vì đến những kẻ làm tôi mạnh dạn nầy một ít, là mấy vị langsa làm cho người đặng khởi hoàn, còn đấng nối trị cho người, là đức vua Minh-Mạng, thời không còn vì vỏi chuyện như vậy nữa. Bổn tánh kiêu căng, sự tối mát theo người cảnh Đông đến sau lướt đặng.

Thường khi người ta nói các dân da vàng định chừng trước, là tại tư cư lâu đời, bởi cách giáo huấn riêng, tại bậc học hành cao xa, việc dạy dỗ về cách vật, cùng các đều làm cho dân ấy không ganh gổ đều gì với chúng ta hết. Trí sợ người phương Tây loán đất, lấy gương xứ Thiên-Trước làm bằng, thì chắc có khi làm cho mấy dân đó phòng hậu thủ thế lắm và ít xiêu lòng mà tính toán, phải cho cách nào đi nữa cũng mặc dầu. Song, ngày nay sự dòng dỏi da trắng thắng trổi hơn đã chỉ ra cho chúng nó thấy, ngày nay việc quốc chánh chúng nó có phép lo đặng cùng

chăng, là tại ý chư đại quốc mà thôi, nên sự các dân đó ghen ghét chẳng còn lấy mấy lẻ ta mới tỏ ra đây mà giải dặng nữa. Cho đến trong mấy xứ thuộc về người phương Tây chiếm, thì hội người tàu cũng còn lấy lời nầy mà làm hiệu « *hết thãy để cho người tàu và bỡi người tàu mà ra* », đều nầy như lấy mấy lẻ trước mà thuyết lý, cũng không hiểu dược. Người nhựt-bổn, khi làm cho minh ra giống chúng ta trong sự thông thái, sau khi thắng được binh khí russe, thì nông sức làm cho mình ở riêng ra và đóng bít mình lại nữa, chuyện như vậy cũng chẳng hiểu đặng hơn. Trong việc ngăn đón không đề cho người Tây phương thấu vào xứ minh, chắc có một đều khác, không phải một mình sự sợ chỉ về việc quốc chánh mà thôi; trong dó nó tỏ ra trọn tánh ý riêng theo dòng giống. Người da vàng thì khiêm nhượng, phủ phục trước mặt quan thầy minh, còn kiêu ngạo, dễ duôi với kẻ dưới tay; không kể tới chuyện từng trải đã răn dạy, cứ quáng mắt một thế luôn, chẳng chịu cho chúng ta có trí hoá trổi hơn, mà nhưng vậy mỗi ngày chúng ta thường cho thấy cớ đề vi bằng. Sự thân thể và linh tính đã chế tạo loại da vàng trong bốn ngàn năm, thì không hủy tuyệt hay là sửa nó lại trong một đôi năm đặng. Có khi cần phải nhiều đời mới cải được tánh người phương Đông, lại xem ra sự dời đổi ấy mà có viên thành, thì phải bị đều hung dử, chiến tranh mới đặng. Ngày hậu lai còn dành để cho chúng ta nhiều cơn đấu lực gớm ghiếc với người cảnh Đông, việc ấy không lế nghi ngờ được. Đó là đều cần kíp nặng nề cho chuyện tấn ích, khi hai cuộc giáo hoá hai dòng giống chúng ta khác xa nhau dường thế mà xáp đụng với nhau như vậy.

MINH-MẠNG (1820-1841). — Khi lên ngai, đức hoàng đế tân phong nầy không tỏ điềm chi cho thiên hạ biết đến sau người ra thể nào. Ban sơ người do theo việc trị nước nghiêm từ người cách trí ý cùng cần phân. Người thù tạc chuyện buôn bán với các xứ thuộc địa liên cương ; song bởi sợ tánh tây nhơn muốn loàn, hay làm liều, nên it khi người cho vào nước An-Nam. Đến sau, đức hoàng đế Minh-Mạng lên án tử cho những người phương Tây nào vô trong xứ. Người rước đải sơ sài quan sứ anglais, John Crawfurd, của quan tổng thống xứ Bengale sai qua. Năm 1821, ông Chaigneau thọ chức lãnh sự cùng khâm sai vua nước Langsa, người trở lại nước An-Nam mà tính cho xong tờ thương ước, song không đặng đều chi hết. Năm 1822, ông Courson de la Ville Hélio, quản đốc chiến thuyền frégate, hiệu *Cléopâtre*, qua đậu tại Cửa-Hàn, thì đức hoàng đế Minh-Mạng không chịu tiếp rước. Lối tháng décembre 1824, ông Chaigneau với ông Vannier, là hai quan langsa ở lại sau hết tại Trung-Kỳ, mắc phải ý xấu đức hoàng đế và tánh ganh gổ ghẹn ghét các quan, nên phải bỏ dứt xứ nầy mà về, là chốn hai ông ấy đã thi liều sức lực, sự thông hiểu cùng mấy năm xuân thời mình hơn hết mà giúp. Vậy, khi ấy còn mấy thầy giảng đạo, kể là người Tây phương ở lại mà thôi.

Năm 1825, chiếc tàu *Thétis*, có ông De Bougainville quản suất, qua tại Cửa-Hàn. Đức hoàng đế sai đem lễ vật mà cho, song không chịu lãnh thơ vua nước Langsa gởi, lấy cớ rằng « không ai diễn đặng nghĩa nó ».

Năm 1831, quan thủy sư Laplace, đi chiếc *Favorite*, cũng có đến tại Cửa-Hàn nữa. Sự người tỏ ra ý minh ao ước đó không đủ, vì nó chẳng làm cho

đức hoàng đế cãi tâm chút nào. Người phải trở về, không xin đặng đều chi hết.

Về vụ chấp chánh, thì đức hoàng đế Minh-Mạng muốn tóm hết mọi sự về một mối. Người không sá đến ý ao ước, tánh riêng mỗi loại, sự nhơn dân trung-kỳ với bắc-kỳ không ưa hạp nhau, người dạy khắp nơi dùng cũng một cách cai trị hà khắc và ép uồn chúng dân. Nước Cao-Man phải sửa lại làm hai tỉnh, là Nam-Vang (Pnompenh) với Gò-Sặt (Pursat).

Sự lo sợ về chuyện trong nội nay đã đến hiệp cùng công việc sắp đặt nầy. Vì mấy người con trai ông đông cung Cảnh có thế mà làm cho mình trở nên kẻ tranh quờn. Nên mới nhứt quyết hại mấy vị công tử ấy. Người ta nói rằng: « đức vua Minh-Mạng có tư thông với chị dâu và làm cho bà nầy có thai. Khi mang mền lộ trần, vua bèn xử tử bà ấy với hai con người, là cháu vua, về tội loạn luân. Nhưng vậy, vua có ban ơn cho ba mẹ con chọn cách chết (1). »(P. Ký).

Chuyện hai cháu xong rồi, người lại tính cho khỏi hai quan khi trước xin đức hoàng đế Gia-Long lập một vị trong mấy hoàng tôn người lên mà nối ngôi. Vã chăng, hai tướng lão của vương phụ người khi ấy thong thả trong lời nói, việc làm, không để cho người yên trí. Vậy cã hai khi ấy có mặt tại Huế, ông Pétrus Ký nói là nhằm dịp vua Minh-Mạng tức vị, nên hai quan tướng mới về đó.

Một người, là ông trung quân Nguyễn-Văn-Thiềng, cai trị Bắc-Kỳ, bị cáo gian rằng muốn dấy giặc, nên chịu xử tử. Một người nữa, là ông tả quân Lê-Văn-Duyệt,

(1) Ơn ấy kêu là *tam ban triều điển*, nó chỉ về sự gởi ba vật cho người bị án có phép riêng để mà giết mình, là: Ba thước lụa điều, một chén thuốc độc với một cây gươm.

khi xử tử oan ông Nguyễn-Văn-Thiềng, thì cũng có mặt tại triều, người có phước hơn ông ấy, vì người bắt đặng anh kí lục lãnh làm thơ dễ mà hại người. Tên khốn kiếp nầy bị xét, gặp thơ trong mình với ấn của quan thầy nó nữa.

Quan tướng quân dạy chém quách tên đó liền, rồi xin đức hoàng đế Minh-Mạng cho mình về xứ Nam-Kỳ, là nơi người lãnh chức tổng trấn (1) mà quản trị. Đức hoàng đế biết quan ấy hiểu ý mình, nên không dám từ chối. Ông Lê-Văn-Duyệt tiên du tại Sài-Gòn nhằm tháng août 1832, lại cho tới giờ lâm chung thì quan nầy mới hết binh vực người langsa cùng con nhà có đạo.

Cũng trong lúc đó, chiếc tàu *Favorite* có ông De la Place quản xuất, đem một quan lãnh sự ra Huế, tên là Chaigneau, là cháu người chúng ta đã biết rồi. Sự người lo lắng ra vô ích.

Khi đức hoàng đế mắng tin ông Lê-Văn-Duyệt khuất trần, người bèn bỏ chức phận quan ấy đi, và chia xứ Nam-Kỳ ra làm sáu tỉnh phân biệt nhau (2)

---

(1) Hai tước *tổng trấn* với *tổng đốc* đều có dùng, chức thứ nhứt chỉ về các quan tỉnh xứ Bắc-Kỳ, chức thứ hai về các quan tỉnh xứ Nam-Kỳ. Đời vua Gia-Long thì xứ Trung-Kỳ đích danh có chính vì triều đình Huế quản trị, ở đó chẳng có chức tổng đốc. Vậy ông Lê-Văn-Duyệt không có tước như các quan tỉnh xứ Nam-Kỳ (nếu như lúc đó mà có tước ấy). Vả chăng, quyền người thật là quyền quan thống đốc.

(2) Các tỉnh đó là : Biên-Hòa (Đồng-Nai) ; Gia-Định (Phan-Yên) ; Mỹ-Tho (Định-Tường) ; Vĩnh-Long (Long-Hồ), trước hết tỉnh nầy kêu là Vĩnh-Thanh ; Châu-Đốc (An-Giang) ; Hà-Tiên (Can-Cao). Lúc sau có một it tỉnh hiệp tạm lại với nhau để cho một vị quan coi mà thôi, khi ấy sự cai trị như vậy lấy tên mượn trong mấy tên tỉnh nhập lại đó mà kêu. Thí như quan chủ trị hai tỉnh Châu-Đốc với Hà-Tiên, thì gọi là *An-Hà tổng đốc*, nghĩa là quan hay tỉnh *An* (-Giang)-*Hà* (-Tiên).

mà cho sáu quan tỉnh trị. Quản tỉnh ở tại Sài-Gòn có lập ra một tòa hình, chính vì người làm đồng lý đặng vấn tội đấng đã từ trần.

Sự giảo nhục nầy làm cho các quan phó tá quan tướng lảo rất đổi đau lòng; lại mấy quan ấy càng căm giận hơn nữa, khi thấy mấy kẻ dua nịnh tiểu tâm của đức Minh-Mạng xem ông Duyệt cùng bộ hạ người dường như muốn tách lập. Quan bố chánh Sài-Gòn, tên là Bạch-Xuân-Nguyên, cáo nhứt là ông phó vệ húy Lê-Hựu-Khôi (1) rằng đồng tình với ông Lê-Văn-Duyệt để cho đăng lâm mà giục lợi.

Lê-Hựu-Khôi, bị cách, đặng tờ đòi người về Huế. Đó là hiệu lịnh dậy giặc (năm 1833) (2). Tại sự cai trị bạo ngược, lòng độc dữ đức hoàng đế Minh-Mạng mà ra, làm cho tâm trí nhơn dân không còn mến người nữa. Bởi vậy ông Khôi không thửa mạng, lấy khí giái mà cự lại, người làm cho nhơn dân chổi dậy

---

(1) Ông Trương-Vĩnh-Ký gọi ông nầy là Lê-Văn-Khôi trong sách *Cours d'histoire annamite* người, song trong dại pho *Vỏ công bài* không phải kêu tên như vậy.

(2) Truyện *Ngụy Khôi* có thuật lại trong *Vỏ công bài*, cuốn thứ 166, đời Minh-Mạng thập thất (1836), tại chương *Thâu phục Phan-Yên*, dưới chuyện ông Trương-Minh-Giảng, là người dẹp loạn. Còn về truyện ông Khôi, ta gặp có hai cách thuật lại như sau nầy:

Ông Hà-Đăng-Đàng, là thầy giáo chữ nho ở tại Bến-Tre, nói ông Khôi không phải là người an-nam, nguyên thuộc về mọi Đá-Vách. Ông ấy còn nhỏ tuổi mà đã bị quan tướng quân Lê-Văn-Duyệt bắt đặng, khi người đi đánh với mọi Đá-Vách, người đem lòng thương, nuôi dưỡng, cho nhập vô họ Lê và đặt tên ông ấy là Lê-Văn-Khôi.

Khi loạn lạc nổi lên tại Nam-Kỳ, thì em ông Khôi, tên là Bế-Văn-Vân, cũng dấy giặc tại Bắc-Kỳ nữa. Người em được quan trung quân Nguyễn-Văn-Thiềng cho làm dưởng tử, quan ấy lại lấy họ Nguyễn mà đặt cho, bởi đó mới kêu là: Nguyễn-Văn-Vân.

dễ lắm. Nội vài tuần lễ thấy xứ Nam-Kỳ phục người. Quan tổng đốc với quan bố chánh Sài-Gòn đều chịu chết mà đền về sự tố cáo ô danh mình.

Ban sơ, ông Khôi làm sự nghịch ý cùng đức vua Minh-Mạng. Người phủ hộ con nhà có đạo, nên nhiều kẻ nhập vào phe, lại sai người đến cùng đức thầy Taberd, khi ấy ở tại Chantaboun, mà thỉnh người về Sài-Gòn. Bọn phái nhơn ấy bị bắt đặng và giết chết tại Hà-Tiên. Ông Khôi bèn day qua phía ông Marchand, là thầy giảng đạo, khi ấy ẩn dật tại Mặc-Bắc (tỉnh Trà-Vinh). Có sai một tốp bổn đạo đến đem người về Chợ-Quán, ông Marchand ở đó hơn mấy tháng, làm lễ, luân phiên viếng các họ ở chung quanh, giúp mọi nơi tùy theo phận sự mình.

Nhưng vậy, phía ngụy đảng đã chia phe rồi. Là có một người trong chư tướng trở lòng, còn đạo binh

---

Theo lời ông Trương-Minh-Ký, thân thuộc quan thống đốc Trương-Minh-Giãng, lại là người biết chắc chắn vừa đủ một ít chuyện về thuở ấy, thì nói rằng : có lẽ ông Khôi là người bắc-kỳ và làm phó tướng của đầu đảng giặc Ba-Vành. Có một lúc kia, đầu đãng ấy soán lấy đặng trọn địa phận trấn Sơn-Tây. Vua sai ông Lê-Văn-Duyệt đi dẹp, lần lần dụ đặng ông Khôi ra đầu thú, lại bởi ông nầy dỗ không được tướng mình, nên giết người đi, rồi đem quân lính mình đến lai hàng, ông Duyệt bèn cho theo người, ban cấp nhiều sự và ăn ở dường như với con ruột người vậy.

Dầu cho cách thuật chuyện thứ hai nầy xem ra có lý nghe được hơn, ta tưởng phải kể lại cả hai, đặng cho đến sau người chép sử nối theo dễ tìm sự thật hơn mà viết trong lúc rồi trí về các chuyện thuật khác nhau mà ta hằng gặp hoài. Một bài giải kia tưởng không hữu ích là bao nhiêu, cũng có khi sái nữa, song đến sau có lẽ nó ra quí lắm, vì vậy, theo phép, khi ta đặng mấy bài giãi nào mà chưa ai biết, thì ta đem nó vào, dẫu cho ý ta cũng không tin nó cho thiệt.

nhà vương có ông Trương-Minh-Giảng thống suất, đi thủy bộ vào mau lắm. Ông Khôi dạy đem ông Marchand vào thành Sài-Gòn, thời chẳng khỏi bao lâu nó bị vây. Người xiêm xuống đánh phá làm cho sự lấy thành ra trễ tràn. Sau hết, ngày mồng 8 septembre 1835, binh vua mới hãm đặng nó.

Trong lúc chịu vây (1) ông Khôi thất chí mà bỏ mình. Phần nhiều trong những người thủ thành đều bị giết chết. Còn ông Marchand với mấy tướng ngụy, hết thảy là sáu vị, đều bị bỏ vô củi, điệu về Huế mà chịu hình khổ về tội loạn thần, là xử lăng trì (2).

Bởi đức hoàng đế Minh-Mạng cố thù ông Lê-Văn-Duyệt khôn nguôi, vì quan ấy thường khi ngăn trở các việc độc ác người toan tính, nên cách ba năm sau khi bình loạn rồi, thì người làm một chuyện rất nên dở dang mà báo oán, là người dạy lên án cựu tướng quân, rồi truyền phá lăng cùng đánh một trăm trượng trên mồ quan ấy. Trồng trên mả một trụ có vấn xiềng; cột đó có thích câu chữ nầy: *Quiền yểm phục pháp xứ*, nghĩa là *nơi tên bộ nắp bị xiềng theo luật phạt* (3).

Phần việc mấy thầy giảng trong cơn dấy ngụy ấy thể nào? Lời nhơn dân thì nói các ông nầy theo vụ

---

(1) Ông tổng Trắm nối quyền cho người mà cai thành.

(2) Hình lăng trì, là rứt từ miếng thịt, cho đến khi chẳng còn chút thịt nào nữa ; doạn, phải là đàn ông, thì người ta cắt dương vật ; còn đàn bà, họ lấy một miếng vãi mà che âm hộ, rồi mổ bụng, rút ruột cho tới khi tắt hơi. Sau lại họ phân riêng các phần thân thể, cắt mấy lắt léo cùng bẽ gảy xương đi. » *(Luật an-nam)*.

(3) Ông Trương-Vĩnh-Ký lại để chuyện biến nầy trước giặc ngụy Khôi, và kể nó như một cớ trong các cớ làm cho sanh loạn lạc.

giặc giả, còn hội giảng đạo lại chống cải lời nói như vậy cách mạnh mẻ lắm. Theo ý riêng ta tưởng, ta xin ai nấy ý chỉ sự nầy, là thuở đó ông Marchand được thong thả cho tới khi người nhập thành Sài-Gòn; lại, nhứt là lúc ban sơ, tại người mà thôi, là người dừng đến Chợ-Quán, hoặc trốn đi và bắt chước trong đều nầy theo các thầy giảng khác rỏ chuyện hơn hay là ít gan dạ hơn. Đấng chép truyện ông Marchand, là ông đạc đức Louvet, thì lại quả quyết rằng thầy cã ấy hằng từ chối luôn về sự lấy quyền thế phần hồn mà giúp ngụy đảng. Ta không muốn cải lẽ về đều nầy làm chi, dầu cho nhơn phẩm ông Marchand khoản trước cũng có nghịch lý một chút, song ta xin ai nấy xem xét lại, là thế sự nước Nam lúc ông Khôi giống tợ như thế sự thuở chúa Nguyễn-Anh vậy.

Ông Khôi cự địch cùng quờn phép trào Huế không khác nào như chúa Nguyễn-Anh. Ông trước chiếm soán Nam-Kỳ một thể với ông sau, mà nhưng vậy chúa Nguyễn-Anh cũng không biết giữ xứ ấy nữa. Ông Khôi tìm nơi thầy giảng làm như một hiệu lịnh kia đặng để cho con nhà có đạo hiệp nhau, lại đến sau, có lẽ làm người sứ việc và giúp lời với nước Langsa mà xin đại quốc ấy cứu giúp. Chúa Nguyễn-Anh gặp nơi đức thầy Pi-Nho là người có quyền thế lớn. Còn ông Khôi thì không tìm đặng như vậy. Ví như lúc ấy mà chánh ngụy đảng làm nên việc, thì ông Marchand sẽ trở nên một « đấng vực nước hết lòng, đấng sang trọng quá đổi ». Song bởi ông Khôi thất thủ, thời thầy giảng phải chịu « tữ hình vì đạo ». Theo ý ta tưởng, ông Marchand là một người lưởng lự, bởi vì người làm nhiều quá, hoặc ít quá. Hay là khi mới khởi việc, thì phải trốn đi

cùng bỏ hết mọi sự, hay là người phải nhơn danh đạo thánh và phép chung mà liều mạng sống lăng vào sự dấy loạn. Hai phía, phía nào may rủi cũng đồng, lại cũng ti ích cho đạo nữa.

Đang khi đức hoàng đế Minh-Mạng làm cho loạn tặc tại xứ Nam-Kỳ phải đổ máu chỉnh ghê, thì tới phiên năm tỉnh Bắc-Kỳ lại chổi dậy. Mấy tỉnh nầy có một người con cháu nhà vương lớp trước làm đầu, tên là Lê-Duy-Lương. Đạo binh hoàng đế thắng dễ lắm. Vị tranh quờn nầy với một ít người có danh tiếng bị bắt bỏ vào củi, điệu về Huế mà xử tử.

Sau có nùng Văn-Vân (1), là vị vương thế ấp Bảo-Lạc (2) nổi dậy làm loạn, đánh phá mấy tỉnh Thái-Nguyên, Cao-Bằng với Lạng-Sơn. Ông ấy cũng bại tích và chịu đốt sống trong rừng là chỗ người ẩn thân tị nạn.

Trên Cao-Man, vua Néắc-Ông-Chăn bị binh xiêm đánh, nên phải trốn đi (1834). Quan thống đốc Nam-Kỳ (3) Trương-Minh-Giảng đem người về nước mà lập lại. Nam-Vang có một cái thành gìn giữ nó, binh

(1) Ông Pétrus Ký gọi vị vương nầy là Nùng-Văn-Vân, ta xem ra không trúng cho lắm. Bởi vì *Nùng* là tước, cũng như kêu *ông*, *đức ông*, v. v.

(2) Bảo-Lạc là tiếng tàu, nó chỉ về tên đất Luông-Brabăng. Xứ nầy, cũng như nước Lào với nước Cao-Man vậy, là khi thì chư hầu Đại-Nam, lúc lại chư hầu Xiêm quốc, tùy theo nhà nước thạnh suy thể nào.

Người an-nam kêu nhơn dân xứ ấy là Mường-Trắng.

Xứ Luông-Brabăng là một nơi để cho các vị vương, các đầu mục phe nào bại tích đến đó mà tị nạn, nó cũng là một đàng để thối lui đặng mà trốn lên cho tới nước Miền-Điện, bởi đó mới ra tên *Sanh-Lộ* một hai khi dùng mà kêu xứ ấy.

(3) Ta dụng cách kêu là quan thống đốc, không phải là diễn nghĩa một tước nào ra, song cho đặng chỉ rỏ phận sự mà thôi.

thú an-nam ở tại đó. Nước Cao-Man chia ra làm ba mươi ba phủ cùng cai trị như Nam-Kỳ. Năm 1836, ông Néăc-Ông-Chăn qua đời. Công chúa thứ hai người, tên là nàng Ngọc-Vân, lên làm vua. Bà ấy hành chánh, còn quan an-nam thì cầm quyền.

Đã chịu các sự đại lao như vậy, lại thêm thì cơ cẩn, dịch khí nhập vào nửa. Nhiều đều tai biến làm cho đức hoàng đế Minh-Mạng lo sợ, người cầu đảo và cáo rằng tại mình làm cho nhơn dân chịu khốn khó như vậy. Song các cuộc lễ nhạc phạt tạ nầy, các việc thống hối người thành hành đó, cũng không ngăn trở dặng trong sự người làm khổ sở cho con nhà có đạo.

Từ khi có ngụy Khôi, lòng đức vua Minh-Mạng ghét chung người phương Tây, và nhứt là các thầy giảng, thì càng thêm hơn nữa. Từ năm 1833 cho 1838, có bảy ông đạc đức bị giết chết, nhiều người có đạo chịu trảm quyết, cầm ngục hoặc phải án đày. Lại kẻ nào hay suy tưởng mà không vực đàng nào, thời có phép trộm nghỉ rằng, không khá hơn cho đạo, cho nhơn loài mà các ông đạc đức dinh việc giảng dạy cho qua thì tốt hơn sao, hơn là làm cho chịu giết chết biết mấy nhiêu ngàn người vô tội như vậy.

Lẽ chơn thật có dũ ngày giờ, lòng khâm mộ đến theo lúc, lại ví như các nhơn hội làm cho máu đổ ra

---

Ông Trương-Minh-Giảng được phong làm thống quãn binh sĩ, lãnh nhậm hai tỉnh An-Giang (Châu-Đốc) với Hà-Tiên, tước người là *tướng quân An-Hà tổng đốc*. Chỉnh thật, người cai trị cả Nam-Kỳ, các quan tổng đốc trong xứ đều dưới quyền người. Đến sau, các quan kinh lược (của vua Tự-Đức lập ra) cũng dặng quyền hành như vậy. Quan kinh lược hay sáu tỉnh (xứ Nam-Kỳ) thì ở tại Sài-Gòn cùng trị tỉnh Gia-Định, là địa phận không có quan tổng đốc, tuần phủ nào hết. (Xin coi chuyện nầy trong sách *Institutions annamites*, cuốn thứ I ,trương 259 — 260, và 289 — 290).

cuộn cuộn trọn mấy đời đặng mà vực những đều tin xưa minh, thì chắc là các nhơn hội ấy không sẳn lòng mà lảnh các lễ tin mới.

Ông đạc đức Launay nói trong sách *Histoire de l'Annam* của người làm mà rằng : « Xem ra đức vua có thể lòng hủy tuyệt đạo Thiên-Chúa trong nước, song người không làm nên việc toan tính đó, chẳng hơn chư tiên vương, không trỗi các hoàng đế đời cựu quốc Rome ; xong rồi Hội-Thánh nước Đại-Nam phải máu rơi thịt nát, song thẳng dặng trận cả thể ấy, gớm ghiết hơn hết, thuở nay chưa hề đấu bao giờ. »

Lời thầy giãng Launay vi đó xem ra không trúng là bao nhiêu. Tại Rome, công cuộc đã sẳn sàng : lương tâm nhơn hội hư rồi, càng ngày càng thèm vữa rả hơn nữa. Đạo Thiên-Chúa đến đó phải giờ, lại nhờ có lòng sốt sắng mấy kẻ tử đạo giúp. Còn tại xứ Việt-Nam, nó lại đến trái thì nghịch lúc.

Không phải ta tưởng đều chi bất thuận cùng đạo Thiên-Chúa ; đã vậy, ta lại chắc rằng, người an-nam và các dân thuộc loại da vàng cần mà đến cho tới đạo ấy, vì là bậc thượng trong sự mở mang việc thờ phượng và phong hoá vạn dân. Không phải ta muốn cho hội thầy giảng mạnh dạn ấy bớt liều minh, giãm chí khí, bởi gần cả thảy đều chịu chết vì phận sự mình, lại dầu vậy, nó cũng làm cho lòng ta chua xót dỉ hơi mà than rằng : « Biết bao nhiêu huyết đổ, biết bao nhiêu máu rơi ! » (1).

---

(1) Việc giãng đạo tại Trung-Kỳ làm cho mười lăm thầy cả tày phải chịu chết. Số người an-nam tử đạo mà đã biết đặng thì chừng hai trăm. Số mấy kẻ bị hình khổ mà bỏ mình tại xóm làng cùng là bị lưu, thời không xiết kể. Ông đạc đức Louvet nói rằng, từ năm 1858, cho tới 1862 mà thôi, « số người giữ đạo Thiên-Chúa chịu thiêu đốt, trấn nước, chém giết, hay là chết

Lúc đức vua Minh-Mạng gần lìa thế, người lại lấy làm cần sự mà sai sứ qua nước Langsa. Biết phải người sợ nhà nước Langsa xen vào binh vực sau khi giết mấy ông đạc đức, hay là người muốn cho biết sức binh sĩ xứ chúng ta xuất ra đặng bao nhiêu chăng? Ta tưởng một ngày kia sự tích để tại Huế sẽ minh giải chuyện nầy. Dầu lẽ nào, đức vua Louis-Philippe cũng bất khứng tiếp rước các quan khâm sai an-nam rỏ ràng. Khi trở về nước An-Nam, thì sứ mới hay đức hoàng đế Minh-Mạng đã từ trần. Vua mình bị té ngựa mà chết (ngày 21 janvier 1841). Người đặng năm mươi tuổi, trị nước hai mươi mốt năm.

THIỆU-TRỊ (1841-1847). — Ông hoàng tử nối quờn cho đức vua Minh-Mạng là Nguyễn-Phước-Thì, trong sử gọi là vua Thiệu-Trị, người có đủ các nết xấu cha, mà không đặng một tư chất tốt nào hết. Khi mản quốc tang rồi, thì ông Thiệu-Trị xin cùng đặng sắc Trung-Quốc phong cho làm vua.

Trong các việc làm trước hết nơi đời người trị, thấy có triệt binh an-nam thú tại nước Cao-Man về. Quan thống đốc người, là ông Trương-Minh-Giãng, về tới Châu-Đốc bỏ mình tại đó (tháng octobre 1841). Vậy mới khởi sự đánh với quân xiêm đến xâm lấn nước Cao-Man, bởi nó lấy cớ rằng đến giúp ông Néăc-Ông-Đuông là ngự đệ cựu vương. Bà hoàng hậu Ngọc-Vân với mấy chị em người chạy qua Châu-Đốc mà tị nạn, còn quân xiêm với binh an-nam dấu cường với nhau tại đất cao-man. Tranh chiến như vậy trót đời vua Thiệu-

---

đời cùng bị hoạn nạn trong chốn lao tù, tính ra được chừng 10.000 ». Lại sự nầy thuộc về xứ Đàng-Trong mà thôi; còn vụ bắt đạo tại Bắc-Kỳ càng chĩnh ghê hơn nữa.

Trị, cho tới năm 1847 mới dứt mà lập tờ giao hòa. Ông Néăc-Ông-Đuông được tôn vương, còn xiêm quân lại đặng xứ Battambang, Angkor cùng Lào-Hạ.

Như để cuộc giặc nầy ra ngoài, thì mấy chuyện đại biến khác trong đời đó đều chỉ về người tây mà thôi.

Năm 1843, ông chúa tàu Levêque, cai chiếc corvette langsa *Héroïne*, đến tại Cửa-Hàn mà đòi năm thầy giảng bị cầm tại Huế. Khi làm nhiều đều gay trở và trì huởn thật theo thói Đông phương, thì mới giao mấy ông đạc đức lại cho chúa tàu gan dỡm ấy, vì có một sự ngăm đe mà thôi làm cho triều đình bá quan phục ý.

Năm 1845, có một chiếc frégate américain, hiệu là *Constitution*, đi tuần tiểu tại Trung-Quốc hải, mảng tin đức thầy Lefèbvre bị cầm tại Huế, nên đến mà xin tha người. Ông quan năm thủy américain đặng rước tử tế mà không xin được, lại cũng không nghe dặn bảo phải làm sao, nên trở về. Song, cách ít lâu, quan thủy sư Cécile sai chiếc *Alcmène*, có ông Fornier-Duplan quản đốc, qua Cửa-Hàn mà đòi quyết, vua Thiệu-Trị phải chìu lòng.

Năm 1847, hai chiến thuyền langsa, tên *Gloire* (ông Lapierre cai quản) với *Victorieuse* (ông Rigault de Genouilly đốc xuất), tới gieo neo tại vũng Cửa-Hàn. Hai quan ấy đến, thay vì nhà nước mình mà nài xin sự an cư cho những người langsa, cùng cho con dân giữ đạo Thiên-Chúa tại nước Đại-Nam đặng thong thả trong việc thờ phượng. Vua Thiệu-Trị nghe đều qui gián như vậy thì nổi xung, mới quyết lòng làm một việc cả thể mà dứt tuyệt chuyện ấy đi. Sự người định làm, là mời các quan tàu đến dự yến mà giết hết, đoạn đốt cùng làm cho chìm tàu. Nhờ có một người an-nam kia có đạo mách tin, nên ông

Lapierre, thống quản hai chiếc tàu ấy, mới phòng thủ và xin dự kiếu. Các quan thấy phần thứ nhứt bài băng minh bất thành, thì sang qua khoản thứ hai. Làm như vậy rồi quá, đánh nhau vừa đặng hai giờ đồng hồ (nhằm 15 avril), thì đạo thủy an-nam (kể được năm chiếc tàu đóng theo dáng tây và trót trăm hải thuyền) còn lại tính cây ván hư rả, trồi lềnh đênh theo sóng gió mà thôi.

Vua Thiệu-Trị thấy thất trận thẹn thuồng như vậy, cả giận, ra chỉ dạy xử tử tất các người tây ở tại nước An-Nam. Trong một cơn báo thù theo tiểu nhi kia, thấy người đi phá hủy cho tới đồ tây trong đền. Vua Thiệu-Trị băng nhằm mồng 4 novembre 1847.

TỰ-ĐỨC (1848 nt. t. 9—1883). — Ông hoàng Nhậm lên nối ngôi cho đức vua Thiệu-Trị, cải nguyên là Tự-Đức, người là con thứ hai vua mà thôi. Trưởng nam, là ông Hoàng-Bảo, bất bình, mới ướm dấy loạn thử. Bị bắt cùng cầm ngục, người ta nói rằng đến sau ông ấy tự ải. Thói tục cho vua chúa có phép chọn lựa đấng nối trị trong hàng hoàng tử người thể ấy — bởi vậy bỏ ra không cho đăng quang vị nào bất tài hoặc chẳng xứng đáng — lại xem ra nó có ý vị cùng phải phép lắm, thì làm cho sanh nhiều cơn loạn lạc gớm ghê hết sức và tỏ ra trong sử thua sút xa cách chọn hoàng thái tử theo thứ.

Vua Tự-Đức xin nước Tàu (1) phong vương cho mình, cũng như vua trước vậy. Người tái lập các

---

(1) Nhơn dịp tôn vương nầy, chúng ta hẩy nhớ lại rằng, các quan sứ tàu đệ sắc hiệu an-nam quốc vương qua cho tới kinh đô Huế, chớ các đời vua trước, thì mấy quan ấy đến tại Hà-Nội mà thôi, là nơi vua ngự ra tại đó mà nghinh tiếp.

quan cựu tổng trấn đời đức hoàng đế Gia-Long, song có sửa phẩm trật lại một ít. Bắc-Kỳ, Nam-Kỳ đều có một quan kinh lược, dường như chánh sứ vậy, là chức ở giữa các quan tổng đốc với triều đình Huế. Quan kinh lược Nam-Kỳ ở tại Sài-Gòn; người cùng quan phó sứ, cả hai làm nhiều việc đại sự khi binh sĩ langsa đến chiếm xứ nầy, nên đáng cho ta làm một bài riêng mà nhắc lại.

Hiệu Tự-Đức, năm thứ tư, tháng hai (mars 1841), ông Nguyễn-Tri-Phương đặng phong làm chánh sứ (kinh lược), gồm hay sáu tỉnh; còn quan phó sứ, là ông Phan-Thanh-Giãng. Cả hai nguyên sinh tại Nam-Kỳ. Hai người đều tài năng xuất chúng, trổi xa hơn các kẻ đồng thì.

Gốc ông Nguyễn-Tri-Phương là người ở tỉnh Gia-Định, xuất thân vì lính, sau lên làm thơ lại. Nhờ trí hoá tự nhiên và sự thông minh bởi chuyên học hành mà đặng, làm cho người tấn tước lần lần. Ông ấy không lãnh tước văn nào hết, và tỏ ra mình là một vị trong mấy người ngoại trừ, rất nên danh vọng vô cùng cho những kẻ nào biết cử dụng, cho những kẻ nào kính trọng sự thông thạo, dầu cho, lại nhứt là khi người không có bằng cấp.

Ông Phan-Thanh-Giảng sanh tại làng Bảo-Thạnh (tỉnh Bến-Tre)(1) là con người thông lại bị án đồ. Ông nầy còn thơ ấu mà xin theo cha, thì nhà nước cho. Chẳng khỏi bao lâu các quan thấy tâm tánh, trí huệ nam nhi nầy, thì ép học hành. Tên học trò trở nên y như lòng trông ước các quan; người thì đỗ các khoa

(1) Muốn cho đặng dễ kiếm trong bản đồ, thì từ nầy sấp lên ta xin để tên tỉnh *kiêm thời* sau mấy tên chỗ nào ít biết mà ở tại tỉnh ấy.

lại đến sau, nhờ sự thông biết và tánh ý cao dày, nên được phẩm trật thứ nhứt trong nước.

Lúc vừa có giặc, hai quan đại thần nầy, là người đức hoàng đế tin cậy lắm, đều triệu về Huế hoặc một lược, hoặc kế nhau, mà binh vực kinh thành. Bởi đó qua lối cuối năm 1860, quan kinh lược Nam-Kỳ mới trở lại Sài-Gòn, còn quan phó kinh lược trong năm 1862 mà thôi (1). Khi hai ông ấy về tới Huế, thì công việc Nam-Kỳ đều giao lại cho ông tôn thất Hiệp.

Lòng cường đám bất gián ông Nguyễn-Trị-Phương, tánh chí khí ông Phan-Thanh-Giảng, sự thông đạt chung cả hai, làm cho mấy ông nầy, sau đức hoàng đế Gia-Long, nên hai đấng oai nghi hơn hết trong sử Đại-Nam kiêm thời. Sánh với mấy ông đó, thời xem vua Tự-Đức ra nhỏ, lại người ta càng ít sẳn lòng mà xá lỗi vị vương ấy lắm. Vua Tự-Đức hành hài nhứt là con dân có đạo, lại ví như trong đời vua cha mà sự bắt bớ có dung thứ một ít, thì qua lúc người trị nó trở lại như thuở đức hoàng đế Minh-Mạng vậy. Sau hết, những việc độc dữ nầy đồn thấu về tới bên phương Tây. Các nước có đạo mới giận phải lẽ lắm,

---

(1) Đặng chứng về sự hai quan nầy có ở tại Nam-Kỳ trước hai năm đó, chúng ta hãy xem. 1° Chỉ dụ đức vua Tự-Đức năm thứ bảy (1854) nói về đồn điền, trong đó có hài tên quan *kinh lược Nguyễn-Tri-Phương* (xin coi sách *Institutions annamites*, cuốn thứ III, trương 70 và mấy trương kế). 2° Bổn sao tờ sớ của ông Phan-Thanh-Giãng, năm thứ 13 đời vua Tự-Đức (1860), gởi xin 14 mẫu đất (là 8 hect. 78 a. 16 cta.) để cho lăng ông Lê-Văn-Duyệt tại Gia-Định. Chắc có lẽ nghiệm rằng ông Phan-Thanh-Giãng viết sớ nầy tại Huế, sau khi ra khỏi Nam-Kỳ. Bổn sao ta thấy nhằm ngày mồng 4 septembre 1865 tại trường bố tỉnh Gia-Định, thì có đóng ấn ông Boresse (là quan ba thủy đến Nam-Kỳ, đi chiếc *Primauguet* có ông d'Ariès quản đốc) làm phủ Sài-Gòn (thống lý bổn quốc sự vụ).

lại lúc đó đức hoàng đế Napoléon III đã kiếm cách mà mở mang quyền thế nước Langsa tại cảnh Đông, nên người mới nhứt định nói quyết.

Ông De Montigny, thọ sắc phong khâm mạng toàn quyền, đi qua cho đặng xin triều đình Huế nới tay cho các thầy giảng và người bổn thổ giữ đạo Thiên-Chúa, sau cũng ướm bàn tính thử về tờ giao ước lập tại thành Versailles. Chiếc *Catinat* đi trước, có ông Lelieur de Ville-sur-Arce quản đốc, đam lễ vật qua dâng cho đức hoàng đế Tự-Đức, mà nhứt là một bức thơ; trong đó có các điều nhà nước langsa xin. Chiến thuyền nấy đến tại Cửa-Hàn nhằm ngày 16 septembre 1856.

Bởi đức vua an-nam tưởng sái lại bị Đại-Thanh sứ quấy hơn nữa, nên người mới ra lịnh nghiêm cấm không cho tiếp rước quan langsa lại, theo lễ chung, chẳng cho thù tạc với quân Tây Di. Quan cai tàu *Catinat* phải các quan an-nam chọc giận cho đến đổi chịu không nổi, lại hăm dùng mấy hàng súng đại bác mình mà hại nữa ; nên ông Lelieur bắn phá các đồn Cửa-Hàn, đoạn độ một đội quân người lên bờ, dụng lưỡi lê mà a đến đánh binh thú, rồi đóng bít lỗ ngòi sáu mươi vị súng cùng nhận nước hủy một phần thuốc súng nhiều lắm. Như vậy người mới làm cho các thơ mình đem về Huế được.

Mà rủi nhằm lúc dông gió nhiều và có các chuyện biến dấy ra tại Trung-Quốc, làm cho chiếc *Catinat* không chờ đặng quan sứ, bởi chính vì người cũng bị bão mà chậm trễ. Tàu ấy qua Hương-Cảng. Cách một tháng tới phiên chiếc corvette *Capricieuse* mới sang đến Cửa-Hàn. Khởi chuyện tính toán lại, song mắc quan khâm mạng khiếm diện, nên không bàn luận được. Tàu corvette nầy cũng đi qua Hương-

Cảng nữa. Nhưng vậy, quan cai tàu, là ông Collin, đặng quan an-nam tiếp rước « cách lịch sự » và cũng có mời người với các quan tàu đến dự tiệc tại dinh quan nhậm Cữa-Hàn. Nhờ người ta mách bảo kịp, nên các quan langsa không đúng tới món nào hết : bởi nó có tra độc dược. Ta không kể thêm lại mấy chuyện như vậy làm chi, vì nó bởi tâm tánh riêng kia và đời đã qua rồi mà ra.

Sau lại, cách ba tháng, ông De Montigny mới sang tới (23 janvier 1857), đức vua Tự-Đức khi ấy đã hồi tâm, nên càng không muốn nghe chi hết. Đang khi chúng ta mất ngày giờ về chuyện bàn bạc vô ích như vậy, thì đức vua truyền trí nhiều dảy súng đại bác dài theo sông Huế, hàn nhiều chặng và tụ hội binh giỏi hơn hết tại Cữa-Hàn. Vua Tự-Đức sắm sửa chống trả tận lực, bởi vậy chiếc tàu nhỏ đem quan sứ langsa qua phải chở người trở về (13 février 1857), không tính đặng đều gì hết.

Các chuyện đem tàu trận nhạn như vậy mà không nhằm lý, chẳng theo ý muốn cho tới cùng, thì làm cho người an-nam chắc rằng chúng ta yếu sức. Tánh kiêu hãnh, ý khinh khi bá quan với Tây Di, thời là vô ngằn vô độ. Khi ông De Montigny về rồi, lịnh trên dạy dán yết thị mà báo rằng : « Quân langsa sủa như chó, chạy trốn như dê ». Cuộc bắt đạo đã ngưng được một lúc, nay khởi sự lại cũng tỏ ra nhiều đều hung ác hơn trước bội phần. Dầu vậy, giờ công binh hòng đến ; máu biết bao nhiêu kẻ tữ oan đã kêu van động thấu thiên cung mà xin báo oán, nay cũng gần êm lặng.

« Đức thầy Pellerin, giám mục địa phận Trung-Kỳ, thấy lúc ấy cơn phong ba rất nên kinh khủng đã nổi dậy nhiều hại các hội giảng đạo tại nước

Đại-Nam, thì người tưởng phải về Đại-Pháp, y theo lời bản ông De Montigny, mà tố trần thế sự nguy hiểm con dân giữ đạo Thiên-Chúa cho đức hoàng đế tưởng tất, cùng xin người cứu giúp phấn chấn, hầu sau có thế mà xin cho các thầy giảng và những người mới vào đạo đặng thong thả trong việc phượng thờ. » (P. Louvet).

Muốn cho chuyện sau đây dễ hiểu hơn, ta xin chép bản tên sáu tỉnh Nam-Kỳ cùng tánh danh các chủ tỉnh hiện tại trong lúc người langsa mới qua.

Tỉnh chánh có quan tổng đốc trị	Tỉnh tùng có quan tuần phủ trị
GIA-ĐỊNH *Phạm-Thế-Hiển*	BIÊN-HOÀ *Nguyễn-Đức-Hoan*
VĨNH-LONG *Trương-Văn-Huyền*	ĐỊNH-TƯỜNG *Nguyễn-Đình-Tân*
AN-GIANG *Phan-Khắc-Thận*	HÀ-TIÊN *Nguyễn-Đình*

Vậy các tỉnh nhập lại với nhau cứ hai tỉnh hai tỉnh thời làm ra mấy tỉnh lớn Định-Biên (Gia-Định với Biên-Hoà), Vĩnh-Tường (Vĩnh-Long với Định-Tường) và An-Hà (An-Giang với Hà-Tiên), mỗi tỉnh lớn ấy có quan tổng đốc làm đầu.

Khi trải xem truyện nầy, chúng ta hảy nhớ lại quan tổng đốc Phạm-Thế-Hiển mới lảnh quyền trấn nhậm mà thôi, thế cho ông Vỏ-Duy-Ninh qua đời một it lâu trước khi người langsa đến.

KHOAN THỨ IV

NGƯỜI LANGSA CHIẾM CỨ

Chuyện nước Tàu. — Soán lấy Cửa-Hàn. — Sai binh đánh Nam-Kỳ năm 1859—1860. — Sai binh đánh Nam-Kỳ năm 1861. (Hảm lấy đồn Chí-Hoà. — Đuổi theo đại binh an-nam. — Qui thuận xứ chiếm đặng.—Lấy thành Mỷ-Tho).—Thì sự trong xứ sau khi lấy được Mỷ-Tho.

CHUYỆN NƯỚC TÀU.

Cuộc sai binh làm cho chúng ta đến tại Trung-Kỳ và Nam-Kỳ cùng cách ăn ở đức hoàng đế Tự-Đức trêu thách chúng ta hành quân, thì nó ăn thuộc với các chuyện biến ra trong lúc ấy tại Trung-Quốc cách chi thiết— vì nguyên cớ cũng là tại thất ước và khinh khi những người thuộc dòng dỏi da trắng mà ra — nên phải cho ta nói dón một dôi lời về truyện ấy.

Năm 1840, người anglais phải dấy binh đánh Trung-Quốc — *Giặc Nha-Phiến* (1) – dây dưa cho tới năm

(1) Lúc ấy bên Tàu có cấm á-phiện, đó là cách thế có nhân, làm phước, phải phép, thơm danh tốt tiếng cho nhà nước tàu. Mà bởi tật xấu đã thâm căn cố đế cho đến đỗi sanh bán thuốc lậu cả thể lắm. Khi đó có một cửa Quảng-Châu mở ra cho người anglais đến buôn bán mà thôi. Thượng dụ ngày 18 mars 1839 truyền tịch kí hết thảy nha-phiến tại các chiếc tàu đậu nơi hải khẩu ấy (được 20.263 thùng, giá là hai triệu rưởi *livre sterling*, hay là 25.000.000 đồng bạc) và lên án tử cho những kẻ nào nhập lải nó.

1842. Trọn lúc giặc nầy, đức hoàng đế Đạo-Quang ra chỉ không dứt mà truyền sát tuyệt « quân hồng mao di tặc », nói rằng lủ ấy bị bắt đặng tại Ninh-Ba như trong lưới kia vậy và không lánh khỏi oai thạnh nộ lệnh Thiên-Tử. Chúng ta đã thấy, lại đến sau chúng ta còn thấy đức hoàng đế Đại-Nam cũng dùng chữ nghĩa công văn tương tự như vậy nữa. Thấy mấy lời dối trá thô kệch thể ấy mà nó không phỉnh đặng ai hết, thì người ta hỏi được mình rằng, một là vua với bá quan đặt bày các chuyện đó ra, hai là dân sự chấp tin nó, mà ai ngu si hơn hết.

Nhưng vậy, như không ngở các việc ấy là thật, thì ít nữa phải tin cớ tích chắc chắn của sir Henry Pottinger cai đạo thủy (đặng 35 chiến thuyền và 75 chiếc hải vận) bắn phá và hảm lấy Tschapu (mai 1842), Thượng-Hải (19 Juin 1842), sau thắng trận Lảnh-Giang nơi sông Dương-Tử hao binh gia nhiều lắm. Binh anglais gần lên bắn phá thành Nam-Kinh; kế đặng tờ giao hòa (29 août), theo tờ ấy Trung-Quốc buộc mình thường bồi, trong ba năm, là 21 triệu nguyên bạc và khai các cữa Quảng-Châu, Hạ-Môn,

---

Mấy người anglais buôn bán thấy mình ở tại Quảng-Châu phủ không còn an tâm đặng nữa, bỏ trốn qua Áo-Môn. Chuyện thình lình mà sinh thù nghịch. Là có một người thanh kia bị một ít thủy thủ anglais giết chết mà không ai bắt buộc, sau rồi người thanh mới đến đánh các tàu anglais (2 novembre 1840), song phải thối về. Đức hoàng đế ra chiếu chỉ mới (5 janvier 1840) mà rao rằng, người anglais không còn xin đặng luật nước ủng hộ mình nữa, cấm chẳng cho buôn bán với dân ấy, lại đe báo thù dữ tợn nước nào mà chở thử hàng hoá anglais vào xứ. Các điều như vậy, dầu cách nào, cũng nghịch với lẻ chung trong thiên hạ, lại nó là việc làm kẻ man di kiêu hảnh, ỷ thế mà thôi. Đó là một đều ô danh cho nước Tàu, vì phải chịu giặc giả và khâm phục luật người chiến thắng.

Phước-Châu, Ninh-Ba cùng Thượng-Hải cho người anglais tới buôn bán; còn cù-lao Hương-Cảng thì bỏ cho dân ấy làm chủ trọn. Năm cửa biển đó cũng để cho các nước khác đến thương mải nữa; vã chăng, Đại-Thanh có kí tên vào tờ thương ước với nước Hiệp-Chúng, nhằm mồng 3 juillet 1844, và với nước Langsa, ngày 23 octobre 1844, mà cho lưởng quốc nầy đặng chuyện ích lợi cũng như nước Angleterre vậy. Tờ giao ước lập trong ngày 23 octobre đó có một điều chịu cho chắc chắn các người thanh đặng thong thả trong sự thờ phượng đạo Thiên-Chúa.

Dầu vậy, bởi tâm tánh nhơn dân không thuận với người Tây phương, nên nhà nước đại-thanh tưởng chẳng cho phép đặng nhơn dân ngoại quốc đến lập nghiệp tại cửa Quảng-Châu. Đã nhiều phen nước Grande-Bretagne có trách cứ nặng lời về chuyện ấy mà không được. Thế sự như vậy xem ra bất tận; vừa đâu qua năm 1856, có một chiếc tàu kia nêu cờ anglais bị người thanh bắt, làm cho sanh kinh địch lại nữa. Người anglais buộc bồi thường, mà bởi không chịu, nên đánh soán các đồn tại sông Quảng-Đông và thành ấy nữa, bắn phá dinh quan tổng đốc Yeh, đốt tiêu một phần thành và, qua mồng 6 novembre 1856, hủy tan đạo chiến thuyền hoàng đế đi.

Nhưng vậy, binh anglais không đông đủ mà làm cho mình thắng trận toàn công. Trung-Quốc — cũng một cách với Đại-Nam — lấy thì sự tạm ấy làm như dấu yếu sức. Đức hoàng đế xuống nhiều chiếu chỉ giục dân khử trừ các người ngoại quốc, các lịnh ấy truyền ra nhằm dịp nhơn dân tàu có nhiều đều phiền trách người tây (nhứt là chuyện buôn bán ác đức người *coolie* là kẻ làm mướn).

Sự chém giết người tây cùng con dân có đạo khôn dứt, làm cho hai nước Angleterre với Langsa hiệp lực nhau mà đánh. Hai nước sai mấy đạo chiến thuyền qua Hương-Cảng có quan thủy sư Seymour với Rigault de Genouilly quản suất, lại cũng một khi gởi 8.000 binh bộ nữa. Có tính toán thữ trước với quan tổng đốc Yeh, mà quan ấy không chịu tự thuận. Nên còn một lẽ khai chiến mà thôi. Quảng-Châu phủ bị bắn phá (28 décembre 1857) một cách dữ tợn, cho đến đỗi 40.000 binh tàu ở trong đó mà giữ nó đều vở chạy hết, qua bửa sau phải nộp thành lại. Ông Yeh bị bắt, đem qua kinh thành Calcutta, sau người sinh thì tại đó.

Trong lúc ấy, hai quan sứ hai nước giao lân, là lord Elgin với quan tước nam Gros, có hai quan khâm mạng toàn quyền nước Russie với Hiệp-Chúng cuốc hiệp lại nữa, đều có gởi thơ tại Thượng-Hải mà lên Bắc-Kinh. Song không thấy trả lời, nên tháng avril 1858, các quan sứ mới đi với đạo chiến thuyền đến vàm sông Bạch-Hà, và, qua 20 mai, soán lấy các đồn Đại-Cô. Bởi chẳng được điều chi hết, mấy ông ấy đi với đạo thủy lên cho tới Thiên-Tân; khi đó triều đình Bắc-Kinh mới chịu phép cùng lập bốn tờ ước, nhằm ngày 26 với 27 juin, ban sơ với hai quan khâm mạng vô dự vào cuộc giặc, sau với hai sứ lưởng quốc giao lân, theo tờ ước, thời kể từ đó về sau cho phép các quan khâm mạng đến ở tại Bắc-Kinh, cho giáo đạo Thiên-Chúa thong thả chắc chắn, nước Grande-Bretagne lảnh 30 triệu quan tiền tây, còn nước Langsa 15 triệu về phần tổn phí giặc giã. Đoàn tàu trận hai nước rút về.

Cũng như thường lề vậy, là nhà nước tàu có ý xấu, tìm các cớ mà tri huởn sự phê y tờ giao, cũng

một khi, dạy sữa các đồn bảo theo dọc sông Bạch-Hà lại cho vững chắc. Khi các quan sứ trở qua hộ giao tờ ước, thời phải súng dại bác bắn minh.

Khi đó quan thủy sư anglais Hope có một đoàn tàu nhẹ ở tại Đại-Cô mà thôi, dầu vậy, người cũng quyết lòng hủy mấy đồn ấy đi, và phá bốn khúc hàn trong lạch mà vô (24 juin 1859). Người lướt qua đặng khỏi mấy đồ cuộc ngăn trở nầy, song không làm cho các đồn thôi bắn được ; chiều ngày đó, quan chưởng thủy có độ thữ binh lên, mà nhằm chỗ đất lầy, chẳng đặng bao lâu người hao hết phân nữa binh sĩ. Người phải thối về, mất 464 người. Trong số binh hảm đồn, có 75 lính thủy langsa mượn tại hai chiếc tàu của chúng ta đậu trong vũng mà không dự vào trận, là chiếc *Duchayla* với *Norzagaray*. Tốp binh nhỏ ấy bị giết hết chừng một phần năm.

Khi bại tích rồi, thì phải cứu danh tiếng binh khi lưỡng quốc giao hữu lại. Nên có nhứt định và sắm sữa mà sai đại binh. Nước Angleterre xuất 12.600 người, trong số ấy có 4.800 lính thiên-trúc, còn nước Langsa sai 7.500. Các binh nầy có hai quan tướng sir Hope Grant với Cousin-Montauban thống quãn. Lối tháng juillet 1860, quận sĩ tây đi tại Đại-Cô mà lên sông Bạch-Hà, có tàu trận hộ tống và điệu lương theo, đánh lấy các đồn hai bên bờ sông, chiếm soán Thiên-Tàn. Người thanh tinh ngăn trở thữ đặng binh tây đừng tấn tới, là cho kẽ tới cầu hòa mà đến sau triều đình Bắc-Kinh chối từ không chịu. Ngày mồng 9 septembre, quân sĩ tới Thông-Châu, cách Bắc-Kinh chừng ba mươi ngàn thước tây. Ở đó, binh lưỡng quốc đòi quyết đặng cho các quan sứ nhập kinh thành với 1000 lính hộ vệ.

Có sai quan binh anglais với langsa đi tiền phuông mà phân tính với quan tàu về sự nghinh tiếp các sứ cùng chỗ cho binh gia ở tại Bắc-Kinh. Mấy ông ấy bị quân mãng-châu chận đánh thình lình cách dở dang lắm (18 septembre), nên có người tử tại trận, có người bị đem cầm tù và phải người ta khảo kẹp hành hình quá sức mà chết. Trong lúc ấy, trại binh hai nước đóng tại Thông-Châu bị quân thanh vây, song có đạo mã kị xốc ra đánh cách gan dởm lắm mà phá đặng binh vây đi; nó thâu nhau hiệp tại Palikao, và qua 21 septembre đại binh thanh đông được 50.000, trong số có 30.000 quân kị, phải 7.000 binh anglais với langsa, có quan tướng Cousin-Montauban đốc chiến, đánh chạy tan tác.

Đàng lên Bắc-Kinh không còn chi ngăn trở nữa, nên qua mồng 5 octobre binh giao hữu mới đi luôn. Viên-Minh viên ở cách đô thành một ít, bị người langsa soán lấy mà không đánh chút nào và đoạt thâu của cải, chuyện như vậy sử kí chê bai nhiều; sau một ít lâu, đền ấy bị đốt đi mà báo thù chuyện tiền sứ hậu binh rất nên hổ thẹn trong ngày 18 septembre. Trong lúc đó, đức hoàng đế Hàm-Phong trốn ra khỏi Bắc-Kinh mà chạy qua xứ Mãng-Châu. Người ta không còn biết lấy ai mà tính toán nữa. Xem ra giặc muốn thế thế bất cùng. Nên đã biện nhiều cách đặng binh trú tại Thiên-Tân và tại Đại-Cô cho qua mua đông. Nhưng vậy, chuyến nầy tánh kiêu căng người thanh đã phục rồi, nhờ có nước Russie vì lợi mà trao lời hơn thiệt, nên ông hoàng Kong, là ngự đệ, xin làm hoà (1). Giao một

(1) Ông Pallu de la Barrière nói rằng: « Quan tướng russe Ignatieff là người làm đầu trong cuộc giao hoà nhằm 25 octobre 1860 mà có quan tước nam Gros, lord Elgin với ông hoàng

cữa thành Bắc-Kinh lại cho binh sĩ lưỡng quốc, nước Langsa được bốn triệu quan tiền tây để cứu cấp gia quyến các người bị thác oan trong ngày 18 septembre. Lord Elgin với quan tước nam Gros vào Bắc-Kinh có trống gióng nhạc ca đi trước, mỗi ông được 1.000 lính hầu.

Mấy tờ giao ước lập trong năm 1858 tại Thiên-Tân đều y phê tại Bắc-Kinh (24-25 octobre 1860). Binh giao hữu ra khỏi đô thành lối đầu tháng novembre. Thiên-Tân với các đồn theo sông Bạch-Hà còn chiếm thủ một ít lâu nữa mới thôi.

SOÁN LẤY CỬA-HÀN

Các chuyện sứ sự chúng ta mà đã bất thanh và cuộc thủy binh hành sự hở khoản lắm, dược việc xảy qua, thì giục lòng người an-nam ra dạn dỉ hơn mà thôi, nên làm cho chúng ta sắm sữa đánh giặc hẳn hòi hơn, cho chuyến nầy chúng ta dặng phỉ chí thật cùng lâu dài.

Mà thiệt người ta muốn đi gì ? Có phải đó là bước thứ nhứt tấn vào trong việc chiếm trị nước Đại-Nam, chẳng kiếp thì chầy hay là cho dặng một bến tàu, một ít điều thong thả cho dạo Thiên-Chúa và cuộc thương mải langsa chăng ?

Kong kí tèn. » Lẻ gì người phải thêm như vầy, trong việc giảng hoà đó, nước Russie thạnh được sáu trăm sáu mươi *mille* dất dài theo bải Thái-Bình dương. Tờ giao ước lập tại Aigun với Trung-Quốc (1858) có nhượng cho người russe trọn địa phương mãng-châu cho tới đại giang Amour ; qua năm 1860, giái hạng lại dời cho tới Oussouri.

Đều giác thế thứ hai xem ra trúng hơn, dầu cho người ta chưa hề biết đặng bao giờ tới đâu mình mới ngưng trong các chuyện tính toán về xứ thuộc địa như vậy. Đời cựu trào langsa thật có kí tên vào tờ giao ước, trong đó thấy có nói về bến tàu, việc buôn bán thong thả mà thôi ; song khi đức thầy Bá-Đa-Lộc về nước Langsa thì người không có chiếu tỏ lòng trông cậy lập một xứ thuộc địa quảng đại hơn, phú cường hơn, hữu ích hơn là xứ Thiên-Trước mà chúng ta mới mất sao? Các chuyện biến bởi Hồng Loạn langsa và Đế quốc mà ra, mấy lúc giặc giã liên tiếp nhau cho tới năm 1815, sự cô thế nơi biển giã, làm cho nước Langsa quên tưởng tới vụ gầy dựng cơ nghiệp tại cảnh Đông nầy trọn ba mươi năm.

Mà khi giao hoà rồi, thì mấy chuyện đi xa đường khởi sự lại, việc thống thuộc với Trung-Quốc năng có hơn và coi vọi cuộc thương mải đặng thạnh lắm. Tân trào langsa (*Restauration*) muốn buộc lại chuyện giao hữu mau xảy qua trong đời vua Louis XVI với Đại-Nam, cũng có lấy tờ ước lập tại Versailles chiếu ra mà xin ; tân trào có sai kẻ qua Cữa-Hàn ba lần, mà không ích gì. Triều thần vua Louis-Philippe có lo một thế kia êm ái song không viên thành chút nào. Đến sau, nhà nước gởi hai lần tàu trận mà chẳng đủ sức, nên không ra sự gì hết. Nhưng vậy, lúc đó, ý người ta tính làm càng tố lộ hơn, nó đã trở nên vững vàng và hẳn chắc. Trong mấy bức thơ quan đại thần Guizot viết gởi mà dạy biểu ông Lagrenée, làm khâm sai toàn quyền tại Trung-Quốc, thì nói như vầy :

Không nên cho nước Langsa khiếm diện tại một địa cảnh lớn như vậy trong thế gian, là nơi các nước Tây phang đã đến ở đó ; chẳng phải là tại địa hạt Áo-Môn portugais, tại cảng khẩu Hương-Cảng anglais hay là tại đại châu Lữ-Tống espagnol mà tàu hải chúng ta mới sửa đặng mà thôi đâu.

Thấy phía nước An-Nam có nhiều đều gay trở, nên người ta mới xây mặt qua một miền nào dễ đến hay là dễ soán hơn. Cũng hòng tính chiếm hòn Basilan, gần cù-lao Mindanao, ở mút đầu quần đảo Soulou, song tại việc nhà nước bối rối năm 1845 (1), hiệp với các cuộc sai binh đi đánh xứ Madagascar (2) và nước La Plata (3) làm cho bỏ chuyện phỏng nghỉ ấy.

---

(1) *Phép khán.* — Năm 1831 và 1833, hai tờ ước có cho tàu trận anglais với langsa được phép tương khán thương thuyền hai nước tại một ít bải biển, đặng mà khử trừ chuyện buôn bán người nègre (là hắc bì nhơn). Người anglais tưởng mấy tờ ước đó không đủ, nên xin đặng tờ thứ ba (ngày 20 décembre 1841), tờ nầy thêm bề dài bải biển, nhiều lắm đặng để mà xét tàu chúng ta. Sau phải bốn năm kêu nài không dứt, thì mới hủy được tờ ước đó mà thôi.

Chuyện Pritchard. — Hoàng nử Pomaré trị hòn Taïti (thuộc về chòm cù-lao De la Société) mới xin nhà nước Langsa bảo hộ mình, hay đâu có người anglais tên Pritchard, làm lãnh sự, thầy giảng đạo protestant và bào chế y sanh, dốc bà vua ấy hạ quyền bảo hộ langsa xuống và giục dân bổn quốc dấy loàn. Dân nầy có giết vài tên lính thủy langsa. Quan thủy sư Dupetit-Thouars dạy bắt ông Pritchard, nên người phải đi qua chòm cù-lao Sandwich. Nhà nước Grande-Bretagne có xin đền tiếng tốt, lại vì dầu ý chung cả nhơn dân langsa không chịu, thì ông Pritchard cũng đặng thường bồi (1843-1845).

(2) Nữ vương Ranavalona nghịch cùng người ngoại quốc, nên hủy tờ thương ước mà trước có lập với người anglais, bà vua nầy truyền bắt các thầy giảng và dạy giết nhiều người có đạo. Nước Grande-Bretagne với nước Langsa có hiệp lực trong năm 1845 đặng sai binh đến đánh chung với nhau, thành Tamatave bị bắn phá và đốt đi, song hầm đồn không đặng, nên tàu phải trở ra khơi lại.

(3) Năm 1816, nước *Hiệp Rio de la Plata chư tỉnh* đã lập thành; song lúc ban sơ, có hai phe lo việc chánh sự kình chống nhau, là : bọn *nhứt thống trị* với bọn *giao lân hữu*. Khi bày ra

Đời vua Louis-Philippe qua rồi mà làm không xong chuyện chi tại cỏi Đông nầy hết. Với đức hoàng đế Napoléon III, việc quốc chánh lo chung trong bầu thế giái, tùy có sái một ít mà cao kiến hơn nhiều, thì đã chọn lấy. Trong mấy chuyện đức hoàng đế châm chỉ tính, tự nhiên thấy có sự tưởng lập một bến tàu tại Trung-Quốc hải. Trọn mấy năm đầu nơi đời người, bị giặc Crimée ngăn trở không cho làm, mà khi hãm đặng thành Sébastopol, người liền trở lại lo nó. Cuộc giao hòa cũng gần tính (lập tờ tại Paris ngày 30 mars 1859) thì có chỉ sai ông de Montigny đi qua Huế, chúng ta đã thấy chuyện ấy trước rồi. Ta cũng có nói rằng việc sứ sự người bất thanh, và chuyện chém giết con nhà có đạo khôn dứt, làm cho quyết định cuộc sắm sữa đánh giặc phấn chấn. Mấy thầy

---

phép cai trị nhằm ngày 26 décembre 1826, thì là một sự khởi hoàn cho phe thứ nhứt, song không được bao lâu, vì qua 1829, ông Rosas làm cho bọn giao lân hữu thắng lại. Người đặng cử làm thống đốc kinh thành Buenos-Aires cùng là đầu mục Hiệp-Chúng quốc. Cách người chấp chánh mau làm cho dân kinh khiếp lắm, lại sự người toàn quyền trị nước làm cho nó phải ra nhứt thống trọn hảo. Ban sơ, ông Rosas biết cách ăn ở khôn khéo lắm với các xứ ngoại quốc, song đều như vậy không được cửu trường, vì chẳng khỏi bao lâu người bị vấn vương nhiều chuyện gay trở. Người không chịu nhìn biết quyền tự trị hai xứ Uruguay với xứ Paraguay, nên cho binh giúp đức giám quốc Oribe mà đánh lại với đầu mục quân nghịch, là ông Ribera, mà có hai nước Langsa với Angleterre binh vực. Năm 1845, hai đại quốc nầy gởi thơ quyết cho ông Rosas, mà người cũng cứ theo ý mình luôn. Giặc nổi lên, xứ Paraguay, Uruguay cùng xứ Brésil hiệp với hai nước giao lân. Ngày mồng 2 août 1845, đạo thủy anglais với langsa hủy tan đoàn chiến thuyền argentin trước cửa Montevideo và vây bải biển. Lần hồi ông Rosas giao hoà đặng với nước Angleterre (24 novembre 1849), sau với nước Langsa (30 août 1850).

giãng langsa đã chịu tử hình, là : Ông Gagelin (1833), Marchand (1834), Cornay (1837), Jaccard với Borie-Dumoulin (1838), Delamotte (1839), Schoeffler (1851), Bonard (1855). Hội espagnol giãng đạo van trách vụ trâm quyết các linh phụ sau nầy, là : ông Ignace Dalgado, Dominique Henarez, Joseph Fernandez (1838); đức thầy Diaz chết vì đạo tại Bắc-Kỳ (1857); qua năm 1858, thì tới phiên linh phụ Sampredo. Nước Espagne đến hiệp với nước Langsa. Thì thế càng ngày thêm hiểm yếu lại, qua ngày mồng 4 septembre 1857, phải sai chiếc *Catinat* đi tới bải biển nước Đại-Nam mà cứu rước các thầy giảng nào đến đó.

Ngày 25 novembre 1857, quan thủy sư Rigault de Genouilly, quản suất đạo chiến thuyền tại Trung-Quốc hải, có đặng lời dụ quan thủy bộ thượng thơ dạy rằng, hoặc chính vì người, hoặc là một quan phó nào của người, phải đam tàu tới nước An-Nam mà trần nhạn cho hẳn hòi; cũng trong khi ấy, người đặng tin báo rằng một ít tàu binh tiếp sẽ đến. Vậy lúc đó, ai nấy đều thấy, phải ép người an-nam ăn ở cho theo thường tình mà thôi, chớ không phải đặng lấy nước. Đức hoàng đế Napoléon III không có lòng muốn chiếm cứ khách địa chút nào, trừ ra một bến tàu mà thôi. Khi ấy ít ai biết xứ An-Nam cho lắm, nó có tiếng đồn là chốn nê khí, trước mắt nhiều người thì coi nhơn dân ở đó dõng cường cùng hảo chiến lắm. Như lấy một phần đất rộng lớn hơn, thì chắc có khi sanh giặc bất tận, xét ra lẽ nào cũng hư hại nhiều (vì chuyện sai binh đi đánh tại xứ Algérie có gần ba mươi năm trời hãy còn sờ sờ đó mà bày lời hơn thiệt). Đức hoàng đế lưởng lự, người chuộng các điều làm cho mình phỉ lòng về phong hoá hơn

là những miền quảng địa mà không ai biết cho chắc nó qui cùng hậu lại nó thể nào. Về ý ấy, nên đã lập ra một hội có quan tước nam Brénier, là khâm mạng toàn quyền, làm đồng lý đặng tế nghiệm chuyện nay và, nhứt là, xét coi như không bày ra tờ giao ước lập tại Versailles đặng sao; chắc cũng bởi ý đó, nên ông đạc đức Huc dâng cho đức hoàng đế Napoléon III một bổn sách luận về các phép nào dùng lại đặng mà ăn thuộc với một ít chỗ trong nước Đại-Nam.

Rủi thay, quan chưởng thủy phải triền hoản cuộc hành binh. Khi ấy người ta đã gần giờ khởi nghịch với Đại-Thanh quốc, trên cảnh Bắc có cần dùng binh sĩ langsa, cho nên khi tính toán giao hoà tại Thiên-Tân xong rồi, thì mới đến được tại nước An-Nam.

Quan thủy sư Rigault de Genouilly ra khỏi cửa Đại-Cô, nhằm ngày 27 juin 1858, đặng qua cù-lao Hải-Nam, là nơi quân sĩ langsa với espagnol phải vầy hiệp nhau lại. Đạo binh sai đi đánh kể là hai bataillon linh bộ thuộc thủy, một hàng súng đại bác thuộc thủy, một ít lính thủ bị, cả thảy là 1.500 binh langsa (không tính số binh thủy mấy compagnie đã lên bờ), thêm 800 lính tagal ở chòm cù-lao Philippines, mấy người sau đây có ông quan năm espagnol Lanzarote cai quản. Ngày 30 août, đạo thủy kể là tàu frégate chạy buờm *Némésis*, có nêu cờ quan thủy sư, hai chiếc corvette chạy máy *Phlégéton, Primauguet*, năm chiếc tuần tiễu *Avalanche, Dragonne, Fusée, Mitraille, Alarme*, bốn chiếc chở binh *Meurthe, Gironde, Dordogne, Saône* với một chiếc aviso espagnol tên là *El cano*, rút neo đi cùng tới tại vịnh Cửa-Hàn nhằm chiều ngày 31.

Quan thủy sư buộc các quan an-nam giao thành và đồn lại cho người, kì trong hai giờ. Mà bởi không thấy trã lời, nên người bắn phá thành trọn nữa giờ, làm cho súng đồn nính, rồi sai mấy đội binh thủy (*compagnie de débarquement*) lên hãm lấy liền. Thành đồn an-nam đều bị soán, qua chiều mồng 1 septembre, cả doi đất Tiên-Chà về tay chúng ta. Có lẽ tưởng đặng rằng, như qua bữa sau mà người ta đi lên Huế, như trong lời dụ có dặn bảo quan thủy sư vậy, thì cơn giặc ấy không lâu quá ba tuần lễ. Vì lòng nao núng quân sĩ an-nam đang đảo tán, không tằng trải binh nghệ bao nhiêu, nên cho chúng ta có thế mà đánh liều mạng đặng. Người ta có bài biếm quan thủy sư Rigault về chuyện không dám dùng cơ hội độc chiếc đó, song chẳng kể tới sự người chưa biết xứ ấy chút nào hết sao ? Thật người nghe theo lời các thầy giảng là phải lẽ lắm; vì mấy ông ấy rõ địa cuộc thế nào, dầu vậy mỗi người hay nghề mình, lại cũng mỗi người gánh vác chuyện mình làm. Có lẽ quan thủy sư thiếu sự dốc chí, không hiểu cho chắc thì thế làm sao, song người không thiếu đều thông thái cùng tri hoá khôn ngoan bao giờ.

Doi đất Tiên-Chà sữa sang lại mà cự địch, nó có trí mấy hàng súng đại bác ; người ta sở phí nhiều mà lập trại, chỗ để súng ống, kho trữ thuốc đạn : đó là một nơi để dụng binh lương mới khai tạo. Phía biển, đạo chiến thuyền chúng ta thủ hộ vủng tàu : khi ấy địa thế chúng ta rất nên kiên cố lắm. Nhưng vậy, mới vừa hết năm thì đã có đánh nhiều trận rạng danh (20-21 septembre, 6 octobre), song người ta không đi lần tới trên đất ấy, vì nó chẳng hay chịu khách, khó mà ở được ; lúc đó binh gia chúng ta đã mỏi mệt, còn

triều đình Huế lại chắc ý về sự đàng sá trắc trở (1), rỏ thấu thật cơ quan chúng ta thể nào, biết chúng ta có lên tới Huế, thì phải liều nhiều chuyện đại sự, nên chờ cho khi cự lâu ngày, chính vì chúng ta bỏ không đánh nữa mà thôi.

Mà làm chi các đều nông sức tổn phí lại vô sinh lợi dường ấy? Ta xin nhắc lại, là bởi chẳng ai biết xứ nầy. Chuyện người ta làm đó, tỉ như nắm sừng con bò đực kia, song không đủ sức mà vật nó xuống vậy. Xem ra tự nhiên muốn làm cho vua Tự-Đức với quần thần thuận tùng, thời phải lên cho tới đế kinh hay là, ít nữa, phải có thế mà làm chuyện ấy cho dễ. Sự lấy đặng thành Thiên-Tân cách sơ sài mà thôi, thì nó không vừa đủ mà làm cho triều đình Bắc-Kinh chịu đầu sao? Lại, tờ giao ước năm 1787 chẳng nói về «hòn Touron» sao ? (2)

Vốn thật người ta biết có một mình Cửa-Hàn, vì lúc trước tàu giặc chúng ta đến tại đó mà thôi ; song sự họ biết không trúng, họ chẳng rỏ thấu chút chi về mấy đường hiểm yếu từ Cửa-Hàn mà lên Huế, lại cách thế chuyên chở càng khó hơn nữa, họ ít tưởng tới mấy bệnh ở các miền nhiệt đạo mà khôn lánh khỏi. Còn phần Trung-Kỳ dư lại, thì họ không biết chi hết; như có coi lại mấy cuốn sách của những đấng chép truyện ra trước hết, của các người có dự vào cuộc chiếm cứ, thì mới hiểu, dầu cho mắt thấy tai nghe

(1) Theo đường sông, thì có một mình tàu canonnière đi tới đặng mà thôi, phải lướt qua khúc hàn, nó có chừng ba thước langsa nước bề sâu. Thiệt khó cho phía ấy, bởi vì chắc có khi bạ hàng súng đại bác bắn thấp dễ mà ngăn ngừa cửa biển chịu không đặng lâu hơn mấy đồn. Trên bộ, đường đi dầy tinh công cuộc chống cự dã xây đặng một phần sau khi đạo chiến thuyền đến và nhứt là dã bồi bổ nó kể từ ngày ấy.

(2) Chắc là nói doi đất Tiên-Chà.

đi nữa, mấy vị ấy cũng còn nhiều phen lầm lạc — hoặc bị mấy người bộ hạ an-nam minh dối phỉnh, hoặc có ý viết như vậy hay là cách nào khác (1) nữa.

Lập dinh trại tại Tiên-Chả là một đều sái phép thao lược, mà làm sao chẳng sa phạm nó đặng? Người ta không biết tài sản thật xứ Nam-Kỳ thể nào, nó trổi hơn các địa phương khác trong nước dường bao; thật thì thành Sài-Gòn đặng tiếng đồn về việc thương mãi ở tại các biển nầy, nhưng vậy, người ta không tưởng tới sự miền trung châu thuộc sông Khong, theo cuộc địa dư, ở cách Trung-Kỳ làm sao, các đều trắc trở nào cho triều đình Huế khi dẫn một đạo binh vào tiếp cứu; người ta không biết cho rỏ sông rạch trong xứ,

---

(1) Ban đầu người ta ít hiểu đặng nhau. Có một hai người bổn quốc có đạo nói tiếng latin sái nát mà thôi. Thật thời khi vừa chiếm, thấy có quan võ chuyên học tiếng an-nam. Cách đó tiện, lại có một mình nó là phải lẻ mà thôi. Song trong tiếng có nhiều đều gay trở cho người tây học nó, từ đó đến chừ cũng chẳng hết, lại nó làm cho hai đàng khó mà hiểu nhau. Có một ít người nói rằng, trong các quan đó, đặng vài ông thông tiếng an-nam lắm — là họ có dịch sách! Ta không có ý làm cho bớt công danh mấy quan nầy, lại ta kính trọng chuyện họ gắn sức học hành, cùng những việc đã làm. Mà về sự nói tiếng an-nam cho có văn vật, thời là một đều riêng. Diễn một cuốn sách an-nam nào ra chữ langsa mà dùng tự vị với thông ngôn bổn quốc, ấy là một đều khác, còn như lấy tiếng an-nam mà giải ý mình ra cho trúng, thì lại là một việc khác nữa.

Ví như, bây giờ, người ta muốn nhập vô các chuyện mới nói đây sự người an-nam bất vỉ chi mà không hiểu được trong khi cắt nghĩa, chẳng hề lo tới sự gì hết, và quyết chắc mỗi chuyện cách ơ hờ quá đổi, thì người ta mới rỏ làm sao các tiên sanh danh vọng chúng ta đôi phen phải thấy sái.

Một đều sau hết chúng ta hảy nhớ, là như ngài tưởng quyết chuyện chi đó, cùng kiếm thế, cả tiếng, mà vực nó, thời chắc đặng người thông ngôn an-nam của ngài chịu theo ý ngài tức thì.

sự dễ chiếm lấy đất và ở lại đó; họ cũng không ngở rằng, khi soán đặng Sài-Gòn, thì làm cho đức vua Tự-Đức mất hết cách trọng thể trước mắt nhơn dân cao-man cùng người xiêm nữa; sau hết, vua an-nam thâu thuế miền ấy nhiều lắm.

Dầu biết rỏ hơn đi nữa, có khi có một lẻ khác cũng làm cho dang xa Sài-Gòn. Bước chân lên đất Nam-Kỳ thì chắc phải ở lại đó, vì, một phần, là triều đình Huế không chịu tự thuận, phần khác, họ không có sức mà đuổi đặng chúng ta ra khỏi miền trung châu. Mà bởi mạng lệnh đức hoàng đế Napoléon III đã ra tỏ tường, là dầu cách nào người cũng không muốn cho chuyện dài ngày tại Trung-Kỳ. Vì gần có giặc đánh với nước Autriche (1) mà không lánh được, nên nó khuyên người đừng vào chuyện cầu may về địa hạt. Song mấy điều biến mạnh hơn lệnh người truyền, dầu cho không muốn, nó cũng kéo người vô vụ chiếm cứ. Nếu lúc đó mấy quan kiêu ngạo, cậy mình mà không thái ngu dường ấy về phương thế và ý nước Langsa làm sao, nếu vua nước An-Nam đừng chìu theo cơn nóng giận mình như con nít, biết hiểu thì thế mình thể nào và chịu thua cho kịp, thời chắc thật đế quốc người sẽ còn lại cho người (2).

Rủi thay, người ta gặp mấy chuyện tối mắt ấy trong sữ, song chẳng có một sự lý luận nào, một việc nào mà

---

(1) Khi đức hoàng đế Napoléon III với quan tước bá Cavour gặp nhau tại thành Plombières nhằm tháng juillet 1858, thì có quyết định lần thứ nhứt tại đó mà đổi việc quốc chánh các nước xứ Italie.

(2) Nầy là mấy hàng rút trong hai tích của đức vua Tự-Đức dạy viết ra, nó cho ai nấy biết tâm tánh và sự thông hiểu cả và đám quan quyền an-nam đó thể nào; các hàng nầy mượn trong sách *Cochinchine religieuse* của ông đạc đức Louvet.

Khoản thứ nhứt chỉ về sự cấm thù tạc với tàu *Catinat*:

hề huốn chi đặng nữa ; những đều đó làm cho gia quốc ra suy vi cách chắc chắn, không sửa lại được. Các chuyện biến sau đây sẽ chỉ ra cho chúng ta thấy việc ấy. Chúng ta ở tại Cửa-Hàn kể đã năm tháng rồi, mà không được sự gi, có một đều là thấy tài vật, binh gia thỏn mon lần lần mà thôi. Xét về võ công, suy về tâm lực quân sĩ, thời thấy phải tìm nơi khác mà đánh.

SAI BINH ĐÁNH NAM-KỲ

NĂM 1859—1860

Trong lúc đó quan thủy sư đề đốc Rigault de Genouilly dã tường tận địa cuộc xứ Nam-Kỳ, và đem lòng tin chắc về sự lấy Sài-Gòn thì làm cho người an-nam rúng động bằng mười lần hơn là chiếm soán Cửa-Hàn, nên cuối tháng janvier 1859, người mới nhứt định tấn binh xuống hướng Nam.

Mồng 2 février, quan thủy sư để lại Cửa-Hàn một phần binh cho ông quan năm thủy Toyon cai, rồi người

---

« Quả nhiên, quân man di ấy ngu độn hết sức, thói tục tôi bại quá dồi, chúng nó không cúng quảy ông bà ; theo chuyện đạo hạnh, chúng nó không khác nào cầu thú ; về lòng cường đảm, đó là mẫu sơn dương ; chúng nó vượt biển như quân phỉ tặc, lập hang hố ở tại mấy hòn hoang, hoặc núp hờm tại bải, bởi đó làm cho sinh các đều bối rối, loạn lạc trong mấy xứ liên cương. Vậy nếu chúng ta mà rước quân đó, thời là một sự sỉ nhục và tai nạn cho gia quốc. »

Khoản thứ hai nói về chiếc *Catinat* lui đi :

« Ai nấy cũng thấy trước, quân Tây Di qua với một chiếc tàu lửa mà lên cho tới đồn kinh thành, song chúng nó trở về liền dặng lánh khỏi hình phạt chúng nó đáng chịu lắm. Vậy chẳng còn chi mà lo sợ nữa. »

đi vô Sài-Gòn với hai chiếc corvette chạy máy *Phlégéton*, *Primauguet*, ba chiếc canonnière *Avalanche*, *Dragonne*, *Alarme*, chiếc aviso espagnol *El Cano*, ba chiếc hải vận *Saône*, *Meurthe*, *Durance*, lại thêm bốn chiếc thương thuyền nữa (1). Trong buổi ban mai ngày mồng 10 février, người chạy rấn vô Vũng-Tàu, đánh phá hai đồn giữ nó. Ngày 11, người vào sông, chiếc *Phlégéton* bắn trái phá đốt đồn Cần-Giờ cháy đi. Ngày 13, 14, 15, đoàn tàu đi lên cách cẩn thận, làm cho các đồn (Ông-Nghĩa, Chà-Là, Xóm-Rẩy và Tam-Kỳ) lập theo dọc sông phải êm lặng lần lần. Trong ngày 15 đó, có đức thầy Lefèbvre đến tị nạn tại tàu langsa, người trốn khỏi quan an-nam tầm bắt (vì họ có ra giá thủ cấp người rồi). Các chuyện đức thầy nói về xứ nầy và công cuộc thành Sài-Gòn phòng thủ, làm cho chúng ta đi tới dạn dĩ hơn. Chiều ngày 16, đoàn tàu đến vừa thấy thành.

Trước khi nói về công việc tấn binh đánh, đáng cho ta kể lại một đôi lời về địa cuộc các nơi cùng là đồn lủy để binh vực thành Sài-Gòn thể nào. Phía Đông, thành nầy có Tân-Bình Giang, hay là Sông Bến-Nghé (*Rivière de Saigon*) chạy ăn khuyết vô như

---

(1) Ta không gặp sách nào mà nói về số binh đem đi được bao nhiêu, trừ ra bài của ông quan hai Baulmont thuật lại mà thôi (trong nhựt báo « Revue Indo-Chinoise » ngày 30 novembre 1904, nhan đề *La prise de Tourane*).

« Để một toán binh thủ ở lại Cửa-Hàn, có hỏa thực nhiều và đồn lủy vững chắc lắm, còn người (là quan thủy sư Rigault) dẫn đạo chiến thuyền với 2.176 quân, trong đó có lính thủ bị, pháo thủ và binh bộ thuộc thủy, mà chạy ngay vào cửa sông Sài-Gòn. »

Ban sơ đạo binh đi đánh kể đặng 2.300 binh, vậy thời để lại Cữa-Hàn không quá 124 người. Thật cũng có một phần tàu trong đạo chiến thuyền ở đó. Có khi người ta cũng có lập hai đội compagnie lính an-nam nữa, sau ta sẽ nói chuyện nầy.

hình nguyệt cung. Phía Bắc, có ngọn sông nầy, là Rạch Thị-Nghè, hay là Bà-Nghè — đến sau người langsa kêu là *Arroyo de l'Avalanche* — nó đổ ra sông đó, đi theo hướng chung Tây qua Đông. Phía Nam, có Rạch *Arroyo-Chinois*, lúc ấy kêu là Rạch Bình-Dương, còn ngọn Vàm Bến-Nghé, ở cạnh Tây-Nam mà chạy thẳng đến, đổ ra Tân-Bình Giang lối chót nguyệt cung (1). Vậy các đường nước nầy làm ra như một cái hào kia rộng minh mông để mà giữ thành, song cũng một khi, nó là một cái đường để đi thông vào tiện lắm, bởi vậy nó tỉ như một lưỡi gươm kia hai bề

(1) Ông chủ bút sách *Gia-Định thông chí* nói rằng : « dòng nước (Rạch Bình-Dương) chảy mạnh lắm, ghe thoàng lớn nhỏ nào đi ngỏ ấy, đều dụng con nước. » Theo ông Paulus Của lại khác, người nói nguyên rạch đó là một ngọn xẻo thường kia mà thôi, trong năm 1822 quan tham tri Huỳnh-Công-Lý, nhạc phụ đức vua Minh-Mạng, có dạy đào sâu cùng khai rộng. Đến sau con nước lớn nước ròng chảy xoi lấn ra nhiều. Thật nên nhắc lại đều nầy, là ông Trịnh-Hoài-Đức chép sách lối 1830 mà thôi, song, lúc đó, không biết người còn ở tại Nam-Kỳ chăng? Chúng ta cũng nên nhớ sự ông Pallu de la Barrière tưởng mà viết như vầy : « Khi người ta nói về Sài-Gòn, thì có nghe hài tên Rạch *Arroyo-Chinois* nhiều phen, chắc có lẽ nó là một đường nước bởi tay con người đào, hoặc ít nữa là vét sâu cho ghe thoàng thông thương. Nó ở tại sông Sài-Gòn mà ăn láng thẳng vô trong xứ, nó đặng trăm thước langsa bề ngang ».

Sau hết, ta xin kể lại một ít hàng rút trong sách *La Cochinchine Française en 1878* (của Hội nông nghệ Nam-Kỳ in ra — tại Paris, nhà ông Challamel aîné) : Mấy người thanh khách ở tại Chợ-Lớn có giúp « một phần việc cả thể vào vụ đào kinh để mà nối Rạch Bình-Dương(*Arroyo-Chinois*) với Ruộc-Ngựa cho giáp tới Rạch Cát (năm 1819), chính vì Ruộc-Ngựa có vét lại trong năm 1772. Cũng trong lúc ấy, người ta đang khai cho hoàn thành Rạch *Arroyo de la Poste*, vì trong năm 1755 có đào sơ nó rồi. Qua năm 1820, đàng thương mải từ Cao-Man xuống tới Sài-Gòn, đi ngang qua Mỹ-Tho, đã lập thành. »

bén, hiểm nghèo hoặc cho đàng nầy hoặc cho đàng nọ, tùy theo phương thế dùng mà đánh trước hay là để cự lại. Phía Tây, có một cái đồng đất mồ mả (*Plaine des Tombeaux*) chạy dài xa tăm tăm ở giữa thành Sài-Gòn, là chỗ chánh phần trị an-nam, với thành Chợ-Lớn, là nơi thương mải thanh khách (1). Đường của quan cai cơ Olivier phóng ra (sau là đường trên đi Chợ-Lớn) làm cho hai chốn đô hội ấy thòng thấu với nhau, không kể Rạch *Arroyo-Chinois,* lúc đó trên mé tả đã có nhà cửa ở rải rác rồi (phần nhiều là nhà lá) lại với vườn cau.

Sài-Gòn có một cái thành để mà ngăn ngừa, ở lối góc Rạch Thị-Nghè khúc dưới dòng với Tân-Bình Giang hiệp nhau, tại chỗ đất cao, cách Rạch Thị-Nghè

Xét theo các bài giải dây, thời thấy người ta đã sớm tìm cách thế mà lập đàng nước đi thẳng và tiện từ Sài-Gòn cho tới Mỹ-Tho nơi đường lên nước Cao-Man, lại vì ý nầy, nên mấy ngọn rạch chảy thông trong xứ ở giữa hai thành ấy đều bị vét, bị nối lại với nhau. Từ vàm Rạch *Arroyo-Chinois* tại Sài-Gòn cho tới Rạch Cát, xem ra không có một khúc rạch nào vét hay là đào nó mà chẳng có ý như vậy. Song nó mau quến bùn, bởi nước lớn nước ròng giáp nhau mà ra, nên không lấy chi làm lạ về sự khai đi vét lại nhiều lúc, như ngày nay nó cũng còn làm lại như vậy nữa (tại vàm sông rạch, thì thường nó hay khoét sâu ; còn tại chỗ con nước lớn nước ròng đụng nhau, nó lại tựu bùn quến trịn cùng làm ra giáp nước).

(1) Thành Chợ-Lớn khai tạo kể từ năm 1778, trước ta có nói rồi. Chốn đô hội đó là của một bọn khách nhơn kia lập ra, nguyên trước ở tại Mỹ-Tho với Biên-Hoà, mà bởi bị quân Tây-Sơn xâm lấn khu trục, nên về đó. Chúng nó kêu thành mình là Taï-Ngon (tiếng nầy bấy lâu bị nhơn dân an-nam lại chính vì người tàu cũng kêu sai nữa); nhờ chúng nó bền chí cùng siêng sắng, nên mau làm cho nơi đó ra một chốn đại thương đông đảo, hệ trọng hơn hết trong lục tỉnh. Nhơn vì sự đại ích nầy, thì người an-nam mới kêu nó là thành *Chợ-Lớn*.

chừng 400 thước lángsa, và xa Sông Tân-Bình 800 thước. Thành ấy — nay ai nấy cũng còn thấy dấu tích tại phía sau trại binh bộ — lúc trước xây vuông vức, có mang cá, cạnh ngoài độ dạc 450 thước langsa (mỗi mặt kéo thẳng ra đo được chừng 475 thước). Chính giữa bốn phía chỗ người langsa kêu là *courtine* thì có một cái cửa; hào đã rộng lại sâu, có bốn cái cầu đá. Thành nầy xây nhằm năm 1837, nó thế cho cái của quan cai cơ Olivier lập khi trước mà đã bị binh đức vua Minh-Mạng triệt hạ khi đánh lấy Sài-Gòn trong năm 1835, trước ta có nói chuyện nầy rồi. Tân thành ở gần lối góc phía bắc cựu thành.

Phía Nam Sông Sài-Gòn, tại chỗ hiệp với ngọn Rạch Bàn (1), phía dưới vàm Rạch *Arroyo-Chinois*, cách chừng 1.900 thước langsa, có xây hai cái đồn đối diện với nhau, nhơn dân kêu là *Đồn giao khẩu*. Cái ở tại Rạch Bàn, nghĩa là bên bờ hữu sông, thì thường thiên hạ hay gọi nó là *Đồn Cá-Trê*; còn cái bên mé tả thì ta không biết dân dã có đặt tên nó chăng. Theo việc quan, hai đồn nầy kêu : cái ở phía Bắc là *Tả-Bình-Pháo*, cái thuộc phía Nam *Hữu-Bình-Pháo* (2).

(1) Đường nước ấy có phải kêu là *Đại-Phong* như ông Trịnh-Hoài-Đức nói chăng ? Vậy có lẽ *Tiểu-Phong* là ngọn xẻo thuộc Rạch *Arroyo-Chinois* mà ông Huỳnh-Công-Lý đã dạy khai rộng ra. Nếu phải như vậy, thời để Rạch Bình-Dương ở nơi nào ? Chủ bút sách *Gia-Định thông chí* cắt nghĩa cuộc địa dư lộn xộn lắm, khó mà do theo người.

(2) *Tả*, *Hữu* nghĩa trái với mặt, *Bình* là chữ thứ hai trong tên phủ Tân-Bình, còn *Pháo* chỉ là súng đại bác, lói, hỏa phi đồng. Hai ông Pallu de la Barrière với L. de Grammont kêu Hữu-Bình-Pháo là *Hénon-Binh*. Ta có tra kiếm mà truy nguyên tiếng *Hénon* cho biết nghĩa chi, song vô ích. Tiết thay cho mấy chủ sách không để chữ tàu sau các tên riêng đặng chỉ nó ra. Nên sách của mấy vị ấy trở nên khó mà do theo, nay người bổn quốc không còn biết đi gì nữa, mà nhưng vậy các chuyện đó qua mới đặng bốn mươi lăm năm mà thôi.

Khi hiểu biết như vậy, thời cách thế phòng ngự chẳng đủ và không ra gì.

Không đủ, là vì vàm Rạch Arroyo-Chinois, vàm Rạch Avalanche không có cái nào ngăn giữ, nên để đường thong thả cho mấy kẻ nào đi đàng thủy mà đến với một đạo chiến thuyền xứng đáng. Sự kiếm khuyết như vậy càng rỏ thấy hơn nữa, là bởi : 1o vàm Rạch Arroyo-Chinois cách mang cá nam thành chừng 1.600 thước langsa, bởi vậy nó ở ngoài lằn súng thần cơ thành ; 2o chung quanh thành có cất nhà, lập vườn tược, cây cối che khuất không cho nó thấy Sông Sài-Gòn với vàm Rạch Avalanche. Muốn phòng ngự thì phải có súng ống pháo thủ nặng, bắn theo góc lớn, lại không phải thứ của người an-nam có khi đó ; phải súng cối lớn, song lúc ấy cũng chẳng có. Trong thành thì súng đại bác uyên thiên, song tinh là mấy vị bằng đồng của nước Langsa cho mà thôi, với mấy vị bằng đồng, bằng gang đúc tại xứ mà không kỉ (1), cả thảy đều là tiểu hạng. Ta chẳng nghe nói người an-nam có súng đại bác 24 (2) tại Sài-Gòn, lại không vị nào của họ mà bắn tới 1.500 thước langsa. Năm 1858, tại Cửa-Hàn, việc phòng ngự chẳng phải như Sài-Gòn, khẩu lớn hơn hết

(1) Các khẩu nầy thảy đều đúc có cốt, nên sinh ra nhiều bọt hơi, một ít cái làm cho trong lòng súng có lỗ to. Thêm chuyện viên đạn, nó cũng đúc dối lắm, nhứt là mấy viên bộng, nên làm cho phải lỏng nhiều. Các đều vụng về như vậy sinh sự giảm sức lằn đạn đi nhiều cùng sai xa chỗ nhắm trong khi bắn, đã vậy lại bị thuốc súng ngăn trở, vì làm nó khôn thửa luật chung.

(2) Súng đại bác thuở xưa đều kêu theo sức nặng viên đạn được mấy cân langsa (hai cân tính ra chừng một kilogramme), như súng 24, thì nó bắn một viên đạn nặng 24 cân tây ; đến sau có một ít khẩu kêu theo bề kính tâm lòng nó đo được là mấy phân langsa, nay hết thảy súng ống lại đặt tên theo lòng nó dặng mấy ly bề kính tâm.

tại các đồn nơi vũng là lòng 16 mà thôi. Năm sau, mới đam súng 24 ngoài Huế vào dặng trí mấy lủy giăng theo sông (xin coi bài luận rất hữu ích của ông quan hai Baulmont đam vào *Revue Indo-Chinoise*, in ngày 30 novembre 1904). Ấy vậy, ta xin tỏ ra sau đây một ít số chỉ về làn súng đại bác nặng trơn lòng của ông Gribeauval bày ra (năm 1775), lại đã dùng nó như vậy kể từ trước Hồng loạn langsa cho tới đời đế quốc thứ hai, ta mượn mấy số ấy trong sách *Mémoires de Napoléon* (tướng quân Montholon, cuốn thứ III, trương 52):

Chớ hề dậu tàu trong chỗ nảo mà phải dạn hay là trái phá bắn nó, đạo binh bộ cũng vậy, không nên đóng lối làn hàng súng pháo thủ. Mấy khẩu súng cối theo cách ông Gomer bày, thì đạn di có một ngàn rưởi *toise* (3.000 thước langsa), hoặc là mấy vị 36, để trên xe bộ, nó có thế mà bắn cho tới 17 độ và cho khẩu súng dặng một làn tám hay là chín trăm *toise* (một ngàn sáu hoặc một ngàn tám trăm thước langsa) mà thôi, nên người ta không ngăn cấm được một đoàn tàu chiến nào đừng cho đậu trong vủng Hyères, là nơi nó ở cách xa khỏi phần dất chừng hai ngàn *toise* (bốn ngàn thước langsa). Trong lúc như vậy, phải để xe súng bộ cách làm sao cho các vị bắn dặng tới góc 43 độ và bắn trái phá hay là dạn cho xa được hai ngàn cùng hai ngàn ba trăm *toise* (bốn ngàn và bốn ngàn sáu trăm thước langsa). Kể từ khi mấy dảy súng thần cơ tại Hyères trí như vậy, thì người anglais không dáo lại nơi ấy nữa ; cách đó đã dùng cho cửa Spezzia và nơi biển cả cho hòn Aix, cho sông Gironde, sông Escaut cùng cho các vũng cửa Brest. Mấy khẩu súng tàu đều bắn trên pháo xa thủy, nghĩa là góc 25 độ ; khi tàu trình nghiêng thường làm cho súng bắn tới góc 43 độ. Vậy chẳng lấy chi làm lạ về sự đạn tàu bắn tới bờ, còn mấy viên dạn súng bộ bay không đến tàu; người ta lại van trách rằng sao thuốc súng xấu, làm cho sinh nghi sự nội công và chuyện bơ thờ. Vậy trong mỗi hàng súng thì nên có một hay là hai pháo xa để mà bắn tới góc 43 độ, dầu cho trong lúc tầm thường việc bắn như vậy không chắc trúng và chẳng được ích gì nữa.

Cách thế phòng ngự không ra gì, là bởi chẳng có đồn hộ dực hay là bảo để binh vực lấy nhau, trừ ra hai đồn tại sông mà thôi. Hai đồn nầy ở cách thành chừng 3.600 thước langsa và xa vàm Rạch Arroyo-Chinois được 1.900 thước; nó thất thế cũng như thường các đồn lập theo sông nơi xứ đất bằng vậy, là giặc lấy dặng cái nầy rồi tới cái khác, mà mấy đồn lập phía trên dòng không giúp đở nó đặng là bao nhiêu, hay là làm cho giặc dừng soán được nó. Cách thế chẳng ra chi, vì bởi thành Sài-Gòn lập ra như vậy thì không quản suất sự chi hết. Mạnh là chống với chúng dân dấy loạn và cũng có khi với kẻ nào đến đánh mà đi đàng bộ, nó mà có ra ích chi với một đạo chiến thuyền tây, là như khi nào nó có súng cối rất mạnh, lại như có mấy đồn chắc chắn, trí nhiều khí giái, ở theo nguyệt cung sông mà ngăn cấm đặng xa lắm, đừng cho tàu nghịch đậu và ép đàng tiên chiến phải đánh nó trước hết mà lấy lần lần; vậy thì những tàu ấy lại chường cho trái phá đồn bắn nữa.

Vã chăng, mấy trận giặc ta kể ra sau đây, làm cho qui hữu đọc sách nầy thấy dường sức cách đó thể nào. Khi đạo chiến thuyền, mới có chiếc aviso *Prégent* chạy hơi đến phụ lực, thấy dạng Đồn giao khẩu, nghĩa là tại khúc sông quanh và vừa làn súng, thì hai đồn nầy bắn nó. Tức thì một cái đồn trong hai bị làm cho êm lặng liền; cái kia trí khi giái khá hơn, nên qua bữa sau là ngày 17 mới đánh được hẳn hòi nó mà thôi. Cả hai chiếm đặng cũng trong một ngày, đồn bên bờ hữu (?) bị phá đi, cái tại mé tả phải binh soán lấy đặng làm chỗ dựa cho tàu chở binh và vận hỏa thực, đó là lời hai ông Bouinais với Paulus kể lại (trong sách *L'Indo-Chine Française contemporaine*), và

nói rằng mình viết theo tờ sớ quan thủy sư (1). Kế có ông quan năm thủy Jauréguiberry, ông quan tư Dupré-Déroulède với ông quan ba pháo thủ Lacour đi do thám thành. Rạng mặt ngày 18, thành phải đạo chiến thuyền bắn, ban sơ nó có bắn trả mạnh mẽ lắm, song chẳng khỏi bao lâu nó bớt lần lần, vì tại súng thần cơ chúng ta hại nó. Bây giờ, chớ chi biết đặng trong trận đó mà tàu thuyền chúng ta bị hư hao làm sao; không có một vị nào chép sách tưởng tới đặng nói nó, lại cũng không tỏ ý mình luận nó dường bao nữa. Nhưng vậy, có ích cho đặng biết coi đạn an-nam có sa tới tàu chăng.

Dầu lẽ nào, cũng thấy binh langsa độ lên bờ tức thì, cùng lập ra đặng một đạo *colonne* binh để mà

---

(1) Ta xin nhắc lại, sách *Đại-Nam quốc lược sử* ta không cần chi tìm kiếm việc xưa ngoài nơi ta chép truyện đây, lại Sài-Gòn gần như không có cổ tích vậy. Phần nhiều trong mấy tin tức đều bởi các vị làm sách trước ta mà ra. Tiếc thay cho những người nầy, nhứt là mấy kẻ lúc khởi đầu hết, họ không tưởng tới sự hài ra các điều làm gốc cho trúng, ngày tháng cho chắc, cùng các tên viết bằng chữ nhu đặng mà đinh các chuyện. Đồn nào thất thủ trước? Cái nào bị triệt hạ? Hai ông Bouinais với Paulus viết nhằm chuyện nghịch với sự ngày nay bày còn. Ông quan năm Vial nói (trong sách *Premières années de la Cochinchine française)* là Hửu-Bình-Pháo còn giữ lại; phần khác người lại khai — hai ông Bouinais với Paulus nói trước sau tới người — rằng, mấy đồn nầy ở cách « thành tám trăm thước langsa », song xem xét bất kể là họa đồ nào, thì nó chỉ ra cho ta thấy đồn ở xa thành cho tới 3.600 thước langsa và xa vàm Rạch Arroyo-Chinois 1.900 thước. Cách chép sử như vậy đáng trách cứ, vì nó làm cho trí kẻ đọc sách sơ sài ra tưởng sái và làm cho người chuyên học khó mà tầm tích. Chẳng phải coi sử ký như truyện bày đặt, tánh nghiêm nhặt nó không cho phép viết theo ý mình đoán, lại khi người ta không rõ chuyện nào, thì phải hài nó ra.

hảm, nhờ có nhà cửa che khuất thành. Đạo ấy có lính thủ bị (ông quan ba Gallimard cai), có hai đội *compagnie* binh bộ thuộc thủy, với mấy đội lính thủy đi lên bờ (*compagnie de débarquement*) ở chiếc *Phlégéton, Primauguet* và *El Cano*. Đạo *colonne* nầy có ông quan tư Martin des Pallières đốc suất, dẫn nó tới mang cá đông-nam thành, là chỗ gần hơn hết cùng cứ bắn luôn. Có một đội compagnie lính *chasseur* espagnol để rược giặc, đi theo sau xa xa, nó lảnh phần phụ lực với đạo *colonne* hảm thành khi có cần sự. Còn một bataillon có ông phó quan năm Raybaud cai, thì để phòng hậu gần bờ sông. Sau hết, đạo espagnol của ông quan năm Lanzarote quản đốc với nữa bataillon lính thủy có súng obusier (bắn đạn bộng) hờm sẳn đặng chạy đến vách thành (1).

Đạo colonne để hảm thành có sai lính đi tiên phuông (*tirailleur*), bắn giết làm cho binh an-nam cố thủ phải bỏ súng đại bác, bờ lủy và thành nữa. Binh khởi sự leo lên, có thầy đội Martin des Pallières (Henri), là em ông quan tư, dẫn đầu. Đó là một đều gan đảm bất kể chết, vì không ai biết có sự gì ở phía sau bờ lủy

---

(1) Hết thảy chuyện như vậy cũng không nói một lần nữa cho chúng ta rỏ số binh gia là bao nhiêu. Hai ông Bouinais với Paulus là người hài mấy toán binh nầy, lại nói rằng mình sao lục nó tại Thủy Bộ thượng thơ, nhưng vậy, hai ông ấy phải rỏ biết rằng, mấy tiếng *hàng súng*, đội *compagnie*, cơ *bataillon*, v. v. không chỉ nghĩa gì hết, có một mình số binh mới làm cho hiểu chắc chắn sức quân sĩ đông thể nào. Đây thì hàng súng đặng tám khẩu, đó nó có bốn vị mà thôi. Có xứ thời cơ régiment kể là năm trăm người, tại xứ khác cơ bataillon lại tính cho tới một ngàn hai, cứ vậy luôn luôn. Các tên kể làm gốc mà tính đó đều dời đổi theo thì theo dân, vậy làm sao không rán mà giải cho rỏ ràng, sao coi bộ cứ muốn gạt người nào đó vậy?

mà chực hờ mấy kẻ hãm thành chăng; bởi đó, khi thấy thành đã trống trơn rồi thì người ta lấy làm lạ quá đỗi.

Tại phía Bắc, lối giữa thành với Rạch Avalanche, cũng có giao chiến nữa, là một đội compagnie lính chúng ta ở đó đánh với trót ngàn binh an-nam. Ông quan năm Lanzarote rược đuổi chúng nó chạy qua bên kia rạch. Mười giờ ban mai thời mọi việc đã huờn tất, qua buổi chiều, mấy đội binh thủy lên bờ trở xuống tàu, còn binh bộ thì ở tại mấy trại lớn trong thành. Ông quan năm thủy Jauréguiberry đặng phong làm quan cai thành.

Khi lấy Sài-Gòn, chúng ta đặng đồ vật rất nhiều. Hai trăm khẩu súng bằng đồng với bằng gang, một chiếc corvette, tám chiếc thuyền chiến để trên xưởng, 20.000 cây gươm, giáo, súng tay và súng đoản mả, 85.000 kilogramme thuốc súng, bì, hoả phi đồng, đạn, chì khối, đồ cuộc binh, gạo lúa quá nhiều, và một kho bạc nén với tiền quan của nhà nước giá chừng 130.000 góc tư tây.

Hãm đặng Sài-Gòn như vậy, thì người ta lấy làm vinh hiển và ngợi khen nhiều cách. Đáng lẽ nó khó, hiểm nghèo, làm cho chúng ta tốn hao nhiều, nhưng vậy không có chi hết. Từ mồng 10 chí dĩ ngày 18, chẳng có một người lính thủy nào ở tại đạo chiến thuyền đến Sài-Gòn mà chết; trong sổ biên tên mấy người tử trận mà ông Pallu de la Barrière in ra phía sau sách người (*Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861*), thấy có một tên lính bộ thuộc thủy chết nhằm ngày 17 février với hai người khác ngày 18 mà thôi. Còn về mấy kẻ bị thương, tưởng chắc cũng có, lại có khi một ít người bởi vít tích mà bỏ mình, song hai số trên đây đủ mà chỉ ra rằng, ví như trong những ngày đó mà có máu đổ ra, thì máu langsa

không mấy chút. Ắt thật chẳng có một ai ngở là được việc dễ đường thế, còn công nghiệp các người đánh giặc lại đặng toàn, song cũng nên nói rằng, sự khắc thiệp được đó thiệt rẻ giá. Binh sĩ chúng ta có đủ đều vinh hiển, đến sau chúng nó đổ máu tại Nam-Kỳ cũng nhiều — không kể các bệnh hoạn hại trong đạo binh nhiều hơn là đạn tạp nạp—nên chẳng cần chi mà làm cho các việc ra đại khái hay là — chúng ta hãy nói cho chính tiếng — di bỏn nó đi.

Sự chiếm cứ đất Gia-Định là một đều khai quang thật, nơi đó đáng ở mà lập nghiệp cùng phòng thủ, nơi đó dầu cách nào cũng phải gìn giữ mà đợi chờ các chuyện biến phải đấy ra, cả thảy đều khiếm thuận, là: giặc nước Italie gần nổi dậy (1), còn triều đình Bắc-Kinh đang lo phương thế hủy tờ giao ước lập tại Thiên-Tân mà không phê y (2).

Trong lúc đức hoàng đế Napoléon III đặng tờ cấp báo về sự lấy đặng Sài-Gòn, thì người cũng chưa quyết bề chiếm cứ đất lạ. Song bước thứ nhứt đã tấn tới rồi. Nên các người sử việc có quyền thế, tiếng khuyên dụ đức thầy thất thập trụ Morlot, giám mục nhất hay địa phận Paris, lời phúng gián đức hoàng hậu Eugénie mới định số phận nước Đại-Nam, là: đức hoàng đế cho phép dựng cơ nghiệp tại Nam-Kỳ.

---

(1) Ngày 23 avril 1859, nước Autriche có gởi một cái thơ quyết cho triều Turin, qua ngày 29 binh autrichien loán vào các xứ Sardes. Ngày mồng 3 mai, đức hoàng đế Napoléon III bố cáo nhơn dân hay có giặc ; quân sĩ langsa, lớp thì mới vừa tới ngày 25 avril đã khởi sự quá ải lạng sơn Alpes, lớp khác lại độ lên bờ tại cửa Gênes ngày 26 avril. Bởi vậy đạo chiến thuyền chúng ta mắc việc tại biển Méditerranée, nên lúc ấy không sai binh qua tiếp cứu tại Nam-Kỳ đặng.

(2) Ngày 24 juin 1859, quan thủy sư anglais Hope khởi đánh Trung-Quốc lại nữa.

Vậy đã soán thành rồi, song nó choán một khoảnh đất rộng minh mông, thêm một hàng bản dài quá, nên số binh xuất ra (1) ít, không sức mà giữ cho chặc chịa đặng. Trong khi rút binh đi tạm, người ta chắc được rằng một cái thành vững bền như vậy sẽ có binh an-nam soán lại tức thì, lại ai biết chuyến nầy nó chẳng cố thủ mạnh mẽ hơn nữa. Quan thủy sư dạy phá thành (ngày 8 mars). Các kho trử gạo nhiều lắm (đủ nuôi bãy tám ngàn người đặng trót năm) đều bị đốt hết, vì người ta không giữ nó được, lại như bán nó đi, thì là thêm lương thực cho quân giặc.

Trong một ít tuần lễ công việc như vậy làm xong, song lúc ấy tại Cữa-Hàn có chuyện biến đòi ông Rigault de Genouilly đi ra đó, vì ngày mồng 6 mồng 7 février người ta có đánh nhau, lại qua mồng 7 và mồng 8 mai cũng gần đấu lại nữa. Quan thủy sư ra khỏi Sài-Gòn, để lại một đạo binh nhỏ cho ông quan năm thủy Jauréguiberry coi mà thôi, thời chẳng khỏi bao lâu ông ấy phải đánh. Trong ngày 21 avril, quan cai binh nầy có đuổi giặc dang xa cho mình thong thả một chút, song người cũng phải bỏ chỗ đóng trống trải mà rút về đồn Hữu-Binh-Pháo, cùng dạy tri súng lại và nới nó ra cho rộng hơn. (Đó là lời ông De Grammont chép ra, còn ông Pallu de la Barrière với ông Vial lại nói rằng, vừa khi phá thành và trọn lúc quan thủy sư Rigault còn hiện tại, thì đồn Hữu-Binh-Pháo đã có binh soán). Ở đó người khỏi nạn, trong nơi địa cuộc chống cự vững vàng, có Rạch Arroyo-Chinois

(1) Sự binh vực thứ thành quách như vậy cần dùng mỗi thước langsa bề dài từ 2 cho tới 4 người; vậy, bỡi thành có 1.900 thước bề châu vi trọn, nên tính ra phải ít nữa là 3.800 người đặng mà cố thủ nó. Binh ở Cữa-Hàn hiệp với binh tại Sài-Gòn cũng không đủ.

ngăn, lại ngay trước chỗ tàu đậu, song không có một thế thần nào mà quản suất về thau lược với quân nghịch. Nhờ đồn ấy che chở, nên có vài nhà có đạo bị rượt bắt đến trú đó, họ ở ngụ với đức thầy Lefèbvre tại chỗ nay kêu là Xóm-Chiếu.

Ta xin để ông Jauréguiberry bị vây phía trên bộ lại đó một ít lâu mà không trông binh tiếp đến đặng sớm, chẳng hiểu rỏ sự xảy tới làm sao, có một đều nhứt quyết mà thôi, là cố thủ cho tới cùng. Chắc người ta có tính rằng, hễ xong chuyện hành quân bên Trung-Quốc, thì dùng binh trở về đó mà làm cho tất việc, song phải chiến thắng tại Solferino và tại Palikao trước đã.

Ngày 20 avril 1859, quan thủy sư Rigault đến tại Cửa-Hàn một lần nữa, người liền định đánh cho tận lực. Khi giao được một ít trận sơ sài, thì mấy dảy đồn lập trước trại chúng ta nơi Cửa-Hàn đều bị lấy (ngày 7 và 8 mai). Khi ấy có tính toán với nhau, cũng có cho các quan an-nam đặng phép đình chiến trong hai mươi bốn ngày, song bởi các lời họ xin không nhậm được—vì mấy người ấy muốn đặng thêm ngày giờ mà thôi—nên dứt chuyện tính toán đi và dụng binh tiếp mà đánh lại nữa. Thật thì, trong lúc tháng juin có binh viện (bao nhiêu người ?) đi chiếc *Didon* với chiếc *Duchayla* mà đến. Khi đó binh an-nam có thất một trận mới nữa trong ngày 17 và 18 septembre, song đức vua Tự-Đức không tỏ dấu chi muốn tương thương lại.

Trước khi nói tiếp theo, ta phải kể lại sự tu thành một đạo binh bộ bổn quốc nhỏ, là tiền liệt các lính tirailleur lúc nầy. Quan thủy sư Rigault de Genouilly muốn đặng ích, nên dùng mấy kẻ bội quốc và nhứt

là các người có đạo xứ Bắc-Kỳ đến tị nan, mà lập ra hai compagnie lính bổn thổ tại trại Tiên-Chả. Khi binh rút ra khỏi Cữa-Hàn, thì có lẻ đem mấy compagnie nầy vô Sài-Gòn theo quân sĩ langsa; nhưng vậy, sự chắc quả là sau ta sẻ gặp lại một compagnie lính an-nam tại Chí-Hoà, phần nhiều kẽ là người có đạo bắc-kỳ; như các tin thiên hạ cho ta hay mà thiệt y vậy, thì trong đó cũng có vài người ngoại an-nam ở xứ Nam-Kỳ nữa. Sau bởi bị hao một ít, nên có khi hai compagnie ấy sáp nhập làm một. Vả chăng, chuyện đó có thuật lại trong sách *La Cochinchine Française en 1878* cũng dường một cách như vậy, lại sau khi nói rằng người ta có lập lính tiền do an-nam, thì thêm như vầy : « Ban sơ quân tiền do nầy có cầm giáo, sau lần lần người ta cho súng tay thủy. Một tốp dụng tại Cữa-Hàn, lúc ấy đã soán rồi, tốp khác tại Sài-Gòn. Khi người langsa ra khỏi chỗ đánh giặc trước hết thì hai toán nầy hiệp lại làm một tại Sài-Gòn, đặt tên là compagnie lính bổn quốc, hay là lính tập. »

Các điều sơ ước lập tại Villafranca (11 juillet 1859) làm cho nhà nước langsa tự nhiên chí quyết tấn binh đánh Huế. Có gởi binh tiếp qua, song các chuyện biến tại Bạch-Hà làm cho đổi chỗ binh phải tới. Khi ấy còn có một đều, là người ta phải rán sức mà làm cho minh ở được bao lâu tại Cữa-Hàn thì hay bấy lâu, như đã làm tại Sài-Gòn.

Nhưng vậy, lúc chiến trảng khổ cực nầy giãm sự khỏe mạnh quân lính, cùng rúng động sức lực đấng thông quản nữa. Quan thủy sư đề đốc Rigault de Genouilly phải ép mình mà xin về nước Langsa, nên qua mồng một novembre 1859 người trao quờn hành quân lại cho quan thủy sư Page.

Ngày 18 novembre, chưởng thủy tân quan nầy dạy đánh các đồn Kiên-Châu, tại phía Tây-Bắc vũng Cửa-Hàn, thân dưới đường ở Huế mà xuống băng ngang qua núi. Các hàng súng bị hủy hư đi. Trong trận ấy, binh langsa mất ông phó quan năm thủ bị Dupré-Déroulède, người phải một viên đạn bắn nhằm trên tàu frégate *Némésis* có quan thủy sư ở.

Trong tháng décembre 1859, ông chưởng thủy Page có đến tại Sài-Gòn một ít ngày, lại người vâng theo lời dụ thủy bộ thượng thơ mà cho binh phục soán Sài-Gòn và Chợ-Lớn. Muốn cho thành đã bị phá đi đặng thế cái khác, thì ông quan năm thủy Jauréguiberry phải dạy người ta khởi công xây Đồn mới (cũng tại nền thành) với Đồn espagnol, hay là đồn Đất-Thánh, sau ông d'Ariès có coi làm tiếp theo, song chẳng hề huờn tất bao giờ. Quan thủy sư có ghi chỗ cất nhà thương và các kho trong vòng thành. Đến sau, trong đó có lập một cái dinh trước hết cho quan nguyên soái ở, với một cái nhà thờ có đạo (khánh táng nhằm ngày 15 août 1860) và các kho trại thuộc về nhà in nhà nước. Lúc đó binh gia ở tại Trường-Thi (nay là chỗ có mấy cái giếng nước thuộc về Tuyên Thủy Cuộc). Còn tại Chợ-Lớn thì người ta choán lấy chùa Cây-Mai lập trên một gò đất kia (1).

(1) « Gò nầy nổi lên như một cái nồng dốc hẳm ; nó có trồng nhiều cây mai, mấy gốc củ mọc xiêng tréo nhau. Mấy cây ấy trổ bông trong lúc có sương muối (nghĩa là nhằm mùa đông), lá nó bay mùi thơm ; bông nó thông với các vì thần trên trời, lại mấy vì thần ấy làm cho nó nở ra. Đem mấy cây nầy mà trồng thử nơi khác thời không đặng. Chót gò có chùa An-Tôn..... Chung quanh gò có nước trong sạch, thấy có nhiều

Về việc khác, thấy một ít lâu sau có ra lời nghị định cũng đồng trọng như vậy, là : quan thủy sư mở cửa buôn bán (22 février 1860) và khai rằng nó là cửa không thuế nhập cảng. Vừa bốn tháng đầu, có sáu muôn *tonne* lúa (mỗi *tonne* là 1.000 kilogramme) chở đem xứ khác. Theo *Revue maritime* (in trong tháng février 1864) thì nói ông quan năm thủy Vial có kể lại rằng, trọn năm 1860 tổng cọng đặng 111 chiếc tàu tây với 140 chiếc tàu khách đến tại Sài-Gòn ; số hàng hoá xuất cảng tính được chừng mười muôn tonne. Một it người an-nam thấy lợi, đến Chợ-Lớn và Sài-Gòn mà ở. Còn người thanh khách, thông thạo chuyện buôn bán, thời họ diệu ngọt với người langsa cùng nhơn dân an-nam, lương lẹo quỉ quyệt với hai phía và thủ lợi nhiều lắm.

Quân nghịch trước có bị ép ra khỏi hai chỗ đó hội ấy, nhưng vậy chúng nó không đi xa là bao nhiêu. Một phần rút vô các đồn Thuận-Kiều, rồi đó có quan tòn thất Hiệp (1) dẫn trót ngàn quân xơm tới trước mà đóng tại làng Chí-Hoà, cách Sài-Gòn chừng năm ngàn thước langsa và xa Chợ-Lớn lối bốn ngàn thước. Quan cai binh nầy dạy xây tại đó một cái đồn ở xa đường một ít (Đồn-Tiền), là cái lúc sau ta gọi «cựu đồn Chí-Hoà» ; hai đồn khác (Đồn-Hữu với Đồn-Tả) ở hai bên cách chừng bốn trăm thước. Ông tòn thất Hiệp ở đó yên đặng hơn một năm.

---

xuồng nhỏ bơi đi hái bông sen..... Chùa nầy lập tại nền củ chùa cao-man Hồ-Tăng-Trân-Tháp » *(Gia-Định thông chí)*.

Trong đời vua Tự-Đức, quan kinh lược hay lục tỉnh, là ông Nguyễn-Tri-Phương, có cất cho chùa ấy một cái nhà mát có lầu.

(1) Đấng dề dăng quang thọ chức *thái tử*, hoặc *thế tử*, các vị vương khác kêu là *hoàng tử*, nam nhi mấy ông ấy gọi *công tử*, còn con trai mấy vị công tử kêu là *tôn thất*. Muốn cho rỏ chuyện hơn, xin coi sách *Institutions annamites*, cuốn thứ I, trương 232.

Như sóng ra tại Sài-Gòn mà người ta đặng thế cuộc khá, thì tại Cữa-Hàn không phải như vậy đâu. Lối cuối năm 1859, chẳng những công việc đã không tấn tới hơn ngày sơ khởi, mà lại bị thì thế bởi các cuộc tiệc sắm sữa cho quân sĩ đi đánh bên Tàu mà gầy nên, buộc phải hộp binh gia lại, không cho phân bủa nó ra. Phải đánh một trận cả thể bên phía Bắc-Kinh, mà như được việc, thì mới dễ giao chiến lại nơi Trung-Kỳ mà thôi. Vậy quan thủy sư Page có được lịnh truyền rút binh ra khỏi Cữa-Hàn cũng một khi với lời dạy soán lấy Sài-Gòn ; những binh gia nào không cần dùng cho lắm tại Nam-Kỳ, thì phải đam qua cữa Quảng-Châu.

Nhơn có cơ quan phụ triếu, nên chẳng thi hành lập tức lịnh truyền đặng. Cũng trong lúc đó có tính toán lại với triều đình nước Đại-Nam. Sự ấy không xuôi xả được, vì phía bên người an-nam chẳng thật tình, từ đầu tới đuôi đây tinh đều quỉ quái, kín ý và giặm lời nói cho lịch sự mà thôi. Như trong lúc giặc giả mà không tỏ ra sức quân sĩ thắng trồi hơn cho thật và cho mạnh mẻ với người cảnh Đông, thời không có một đều chánh sự nào mà giao ước cho hẳn hỏi đặng. Vậy thì ít khi cải lẽ được, người ta phải ép mình mà buộc hay là chịu ý kẻ mạnh hơn mà chẳng thốt đặng lời gì.

Sau hết, ngày 23 mars 1860, bỏ Cữa-Hàn, quan thủy sư trở về Sài-Gòn. Đó là muốn cho cuộc hành binh được việc, vì nó là một đều đại ích rỏ ràng đặng nống lòng quân sĩ. Còn nơi người an-nam thì lại khác, vụ rút binh đi như vậy làm cho sanh ý tưởng sái lầm. Sự chúng ta bất lực xem dường như đã chỉ ra cho họ thấy rồi, nên họ lấy làm kiêu ngạo về chuyện chúng ta bỏ Cữa-Hàn mà đi cũng bằng thắng trận rạng danh hơn hết vậy.

Ta xin lục trong sách ông đạc đức Louvet một lần nữa mà chép ra đoạn chiếu chỉ của đức vua Tự-Đức bố cáo về điều ấy.

Kìa vậy quân Tây-Di đã đi rồi, chúng nó là loài độc ác, tham lam, mong lòng làm dữ mà thôi, không ý nào khác, một muốn giục lợi ô uế mà thôi; kìa loài yêu quái đó đi rồi, chúng nó ăn thịt người ta, và lấy da mấy kẻ bị phân thây mà mặc. Quân ăn cướp đã dở tài lại nhát gan, bị binh sĩ mạnh dạn ta đánh đuổi đi, quít đuôi chạy trốn như chó.

Bây giờ, mọi chuyện đều gầy tại chung quanh Sài-Gòn, nên tưởng có ích mà nói nó lại. Quan thủy sư Page phải đam cho quan thủy sư đề đốc Charner, thống quản đạo chiến thuyền tại biển Trung-Quốc, hết thảy binh gia khí trượng nào không cần dùng cho lắm ; người để lại Sài-Gòn 800 người, trong đó có mấy compagnie thuộc về régiment thứ tư binh bộ thuộc thủy, có lính thủy với 200 người tagal. Một đoàn tàu nhỏ kể đặng hai chiếc corvette với bốn chiếc aviso cũng ở lại nữa. Quyền cai thành thì phú cho ông quan năm thủy d'Ariès (quản đốc chiếc *Primauguet*), có ông quan năm bộ espagnol Guttierez Palanca phụ lực.

Chỉnh thật kể từ ngày lấy đặng thành, thời thế cuộc không được kiên hảo cho thường, mà khi quan thủy sư Page đi rồi, nó lại trở ra tạm, đôi phen thấy hiểm nghèo lắm. Lúc dễ làm nên việc đã qua rồi.

Trước ta có nói quân nghịch thối lui vài ngàn thước và lập đồn lủy chắc chắn mà ở tại Chí-Hòa. Trong mấy ngày đầu tháng avril 1860, ông tôn thất Hiệp phải binh giao lân đến đánh tại đó và lấy Đồn-Hửu đi, song không lước tới đặng, vì mắc nhiều đồ cuộc cảng trở hội hiệp chung quanh mấy đồn khác. Chiều tối binh phải thối về, bỏ lại trong Đồn-Tiền

sáu người lính thủy tử trận. Quan an-nam bỏ không chôn thây chúng nó.

Cũng ông tôn thất Hiệp nầy truyền đánh chùa Clochetons (Kiềng-Phước tự) trong tháng juin (sau ta sẽ nói chuyện đó). Khi người thất trận rồi thì quan kinh lược Nguyễn-Tri-Phương mới đến mà quản đốc việc binh (1).

Nhưng vậy công việc phòng ngự cứ tiếp làm không dứt, nên đặng một cuộc xây đắp mới, vậy thấy đã dựng lên một trại binh có đồn giữ chung quanh, hình nó có góc ngay, đi theo và bao đường Thuận-Kiều. Đồn Chí-Hoà củ thời dùng làm gốc và chỗ binh trú trước hết. Cuộc xây mỗi ngày thấy đi lấn một ít lần xuống Sài-Gòn, nó đã nới ra lớn đặng chứa cả đạo binh. Có chiêu binh trong xứ, còn lính tình nguyện tuôn nhau đến trại, nên chẳng khỏi bao lâu quan kinh lược Nguyễn-Tri-Phương, là người đốc suất nghinh chiến cũng là một vì tướng quân lực lương phương pháp hơn sự người ta tưởng, đặng một cái đồn lớn mạnh lắm với một đạo binh chừng một muôn rưởi người (2) để mà cự lại với chúng ta.

Đồn đó là một cuộc xây đắp thường kia bằng đất, đặng ba thước năm langsa bề cao và hai thước

---

(1) Trong sách *Les premières années de la Cochinchine* của ông P. Vial làm, ta thấy có nói rằng, khi bại tích tại Kiềng-Phước tự rồi, thì ông tôn thất Hiệp với ông Phan-Thọ-Hiền cả hai đều bị ông Nguyễn-Tri-Phương xiềng lại.

(2) Các người làm sách kể khác nhau về số binh nầy. Theo sổ tên gặp trong trại thời đặng cho tới 21.000 binh thành thuộc, không tính các lính đồn-điền. Song phải nhớ lại rằng, đạo binh an-nam thường đứng bộ thì nhiều, còn tại hàng ngủ thời ít lắm.

bề dày (1); còn trại thì chia ra năm căn, nhờ có vách đất giăng ngang, nên làm ra năm đồn xây bít, như căn nào mà bị người ta lấy rồi, thì binh kéo nhau đi trong đó mà thối lui đặng. Cách phân đặt như vậy làm cho thấy rỏ ràng cuộc xây thể nào (hai mương khai có xây nền ngay theo đường, khi nới dài nó ra lần lần thì có đắp vách giăng ngang). Lề đất chung quanh đồn có đào hầm rải rác và thả chông tre. Các đường, các chỗ nào đi vô đặng trong đồn đều có tre gai rào bít.

Ông Pallu de la Barrière, sau tới hai ông Bouinais với Paulus đều nói rằng, chốn ải lang ấy quản suất mấy đường xuống Mỹ-Tho, lên nước Cao-Man và ra Huế. Ví như các đường ấy đặng tốt, thì có lẽ như vậy ; mà còn phải có cầu cho nó, song lúc đó không có mấy điều như vậy. Đường thật trong khi ấy cũng lúc nầy nữa : đi xuống Mỹ-Tho và lên Nam-Vang, thì là sông, không kể tới đám kinh rạch ; còn ra Huế, thời là biển, binh nhà vương thuở trước không có theo đàng nào khác, trừ ra trong lúc ngụy Khôi, khi đức vua Minh-Mạng dùng đàng thủy, thì người có sai một phần binh đi theo quan lộ đặng vào mà thôi. Không, đồn ấy chẳng quản suất sự chi hết, nó không có một điều ích lợi nào về phép thau lược, song nó có một ý chỉ về đồ trận đã quyết định

(1) « Nó (nói về vách đồn) có khoét lỗ châu mai khít nhau, song miệng lớn nó thì để nghịch lại với lỗ châu mai đồn của người phương Tây làm. » (P. d. l. B.). Phải định chừng rằng, cuộc đất đắp đó có rào dài theo hàng bắn, bằng chẳng thì mấy lỗ châu mai không hiểu được. Còn về « miệng lớn », ta không biết rỏ cho lắm, vì mấy cách xây đồn theo người phương Tây cũng có day miệng lớn ấy vô trong hoặc trở ra ngoài nữa. Phải nói nó ở phía nào. Ta tưởng nó xây ra ngoài.

cùng minh kiến lắm. Là phải đánh đuổi người langsa ở tại Sài-Gòn với Chợ-Lớn đi, bằng chẳng thì khiêu chiến cách làm sao cho may mắng cũng hồi cho quân được. Sự binh có lui đặng và phải thối về như vậy, thời là qua phía Bắc mà thôi, nghĩa là hướng Thuận-Kiều, Trảng-Bàng. Vã chăng, tại Thuận-Kiều (cách trại binh chừng 5 ngàn thước tây) có nhiều kho lẫm lớn của đại binh, đó là dấu chỉ rỏ hơn hết nơi đường binh rút. Đường nầy không băng ngay Biên-Hoà đặng, vì phải trẩy qua hai Sông Sài-Gòn với Đồng-Nai, hay là nhắm thẳng xuống Mỹ-Tho được, bởi bị hai Sông Vàm-Cỏ phải vượt qua. Gặp gỡ thì sự như vậy, nên ông Nguyễn-Tri-Phương dạy đào hào đắp lủy cùng hành quân theo cách thế đuổi binh langsa ra khỏi chỗ đóng, song người làm không nên việc và phải chịu đánh thua đi, như chúng ta sẻ thấy sau đây.

Sự thốn thiếu cho quan tướng an-nam, là mấy khẩu đại bác tốt, và theo lẽ chung, là súng ống tốt. Các binh khí ấy kiểu đã lâu quá một đời. Thí dụ, như súng tay đều là cò máy đá (nói tóm chung là bởi thành Saint-Etienne mà ra, kiểu 1777 và cựu hơn), cũng có súng hoa mai nữa. Lằn đạn súng cò máy đá đi mà hại được, thì là 250 thước langsa, còn súng *carabine* kiểu 1853, súng lính Hộ-Vệ kiểu 1854 và súng tay kiểu 1857, cả thảy lòng nứa của binh sỉ chúng ta dùng, thì lằn đạn hại đi 1.200 thước langsa. Ta không biết đạo binh sai đi đánh trước hết có súng xe lòng nứa chăng (chớ binh pháo thủ thuộc thủy của quan thủy sư Charner đem lại lúc sau, có trí trước Chí-Hoà ba vị 4 lòng nứa với bốn vị 12 lòng nứa), và cũng không rỏ tàu trận có tri nhiều khẩu lòng vặn xa chăng, bởi vì lối năm 1858 cho tới 1860, phần nhiều súng ống đại bác trơn lòng của chúng ta đều đổi ra súng

pháo thủ lòng nửa, chẳng những súng xe mà lại súng lớn nặng và súng thủy nữa (1). Nhưng vậy, ta xin kể ra một ví dụ đặng cho ai nấy hiểu sức hai thứ súng đại bác nạp miệng, trơn lòng với lòng nửa, ra thể nào. Súng lớn củ lòng 8 bắn mỗi viên đạn đặc nặng 4 kilogramme, hay là 8 cân langsa, thì lằn nó hại xa được 800 thước (trong khi bắn theo góc lớn hơn hết, nó đi đặng 1.500 thước); súng xe lòng 4 vặn xa, bắn đạn có nạp thuốc, cũng nổi 4 kilogramme, thời lằn hại là 3.200 thước, lại sự nó đi trúng thời cho tới lúc ấy không ai biết đặng.

Còn binh của ông Nguyễn-Tri-Phương, thì họ có tỏ mình gan dạ và quá hơn nữa, song đó là những người thường mà thôi, ai muốn kêu là lính lệ tự ý, chớ không phải thiệt binh (2), lại tệ hơn nữa, là họ không tập bắn chút nào. Đạo binh thuộc, các cơ lính đồn điền, mấy người tình nguyện, đều giỏi đồng nhau trong sự thông hiểu và tri ý vủ nghệ. Vững là sau đồn lủy, vì bởi cảm đảm và hưng tâm tằng ố người phương Tây; còn không sức mà cự lại nơi đồng trống với một toán binh nào đã diễn tập rồi.

Nếu như người an-nam tiếp học việc binh mà khi trước đã khởi sự dạy, có mấy ông Olivier, Le Brun, Barisy cùng những ông khác coi sóc, thì chắc

(1) Đã được một it lâu rồi dưới thủy có dùng một thứ súng lòng nửa. Đó là súng đại bác 30 (nghĩa là bắn đạn tròn đặc nổi 30 cân langsa xưa), ban sơ (1849—1858) người ta có sữa nó lại làm khẩu vặn xa, có bao niền, nạp miệng, nó thành khẩu 16 phần langsa. Đoạn nó bị sữa ra làm súng nạp hậu (kiểu 1858 — 1860, kiểu 1864—1866, kiểu 1870—1879).

(2) Ta xin quí hữu nào muốn biết một it điều rỏ hơn về binh sĩ an-nam, hảy coi pho sách *Institutions annamites* cuốn thứ III, khoản thứ XII nói về *Binh bộ binh thủy*.

họ lập ra đặng một đạo binh vững vàng; nếu như họ dồi theo các điều tấn ích về súng ống pháo thủ, về sự phòng ngự thành đồn, nói chung về binh nghệ, thì lần hồi họ sẻ chấn chỉnh được một cách thế ngăn ngừa miền trung châu nam-kỳ trúng lý. Song, muốn cho đặng hết thảy mọi việc ấy, thì các quan phải bỏ sự làm biếng tự nhiên mình, đừng cho sanh và dưởng sự ghen ghét loại khác, ém tánh kiêu căng chớ để phầng lên và khấng chịu cho các thầy tây dạy việc binh; phải sang qua Tây phương mà coi công cuộc, nên sinh sự không lánh được, là học đòi chuyện để cho nhơn dân ngoại quốc vãng lai trong xứ. Các quan khốn nạn ấy không muốn chút chi về những chuyện như vậy, nên họ chịu thiệt.

Binh an-nam phải bỏ thành vì bởi súng ống pháo thủ chúng nó không còn đối đáp với việc tấn ích thuở ấy; vì bởi ý bơ thờ ròng theo cảnh Đông mà ra, nên chung quanh thành không dọn dẹp cho trống trải. Không biết lúc đó binh gia có ít nữa là đông vừa đủ mà binh vực vòng thành quảng đại ấy chẳng? Có lẻ tưởng không chắc, vì đến sau mới chiêu binh đặng gìn giữ đồn Chí-Hoà mà thôi. Tại Sài-Gòn, người ta bắt sững sờ về sự súng ống chúng ta bắn xa cũng trúng, và cách chúng ta đến đánh bạt thiệp. Đó là sự bắt thình lình và sự lấy làm lạ nữa. Bài răn khuyên đó hay, nên ông Nguyễn-Tri-Phương rán dụng nó cho sanh ích. Nếu như người thất thủ đồn Chí-Hoà, thì lỗi ít đổ cho cách người phân đặt—nó có lẽ khá hơn hết đặng, sau ta sẻ giạch nó ra—hơn là đồ cuộc người dùng. Tích người đáng lưu tâm, vì nếu người không hiểu sự thông thái thiệt cũng kiêu ngạo như phần nhiều trong hàng quan liêu, thì khi ấy người có trương ra sự siêng sắng ít gặp nơi các kẻ đồng loại, tỏ trí biết

việc binh cùng thì thế đương lúc, nó cho người làm mọi sự liền mà không tính toán lâu, lại cảng chẳng cho chúng ta tấn đặng việc binh trọn mấy tháng, rốt chuyện ép chúng ta giao một trận hao nhiều quân sĩ.

Song chúng ta hảy trở lại chuyện đạo binh nhỏ langsa với espagnol hiệp nhau. Qui hữu đã thấy đạo ấy ở vững vàng tại Sài-Gòn với Chợ-Lớn. Chốn đô hội thứ nhứt cho binh có đường thông với cỏi ngoài; chổ thứ hai lại thủ một phần lớn trong vụ buôn bán tại xứ.

Đây, một lần nữa, ta phải bao biếm mấy chủ sách nào, có khi chép theo nhau, mà đã cẩn thận nói lại rằng ông quan năm d'Ariès với quân gia người *bị vây tại Sài-Gòn.*

Ta xin hải danh kế nhau :

Ông Pallu de la Barrière nói (trương 29) rằng :« Tại Sài-Gòn tốp binh thú langsa với espagnol bị vây lúc đó.....»

Ông L.de Grammont dặt hiệu nhản bài phụ (trương 272) như vầy : *Sự bị vây tại Sài-Gòn từ tháng avril 1859 cho tới tháng février 1861*, song người nhìn biết (trương 276) rằng, ông quan năm d'Ariès « trọn lúc người cai quản thì người làm chủ, không ai ngăn trở, nơi Sông Sài-Gòn cho tới Vũng-Tàu, Sông Lôi-Rạp, Sông Bến-Lức và từ ngọn Sông Sài-Gòn cho tới Gò-Vấp.» Vậy gì mà dị vậy, phía sau trống, người ta dặng thong thả mà thông với phương ngoại.

Ông P.Vial viết (trương 83) :« Nó (chỉ về đoàn binh thú tại Sài-Gòn) bị một đạo 12.000 linh an-nam vây và cất chung quanh thành một cái trại đồn rộng lớn, lại đã nhiều phen đánh thử mà lấy mấy đồn tiền chúng ta. Người langsa phải chịu một lần gần sáu

tháng không đặng tin tức chi ở ngoài.» Vậy thời ai muốn giải thì giải về sự 111 chiếc tàu tây với 140 chiếc thuyền khách tới lui trọn năm 1860, lại chính vì ông Vial cũng có nói nó nữa (trương 87). Về chuyện trại đồn, thì không có lập nó « chung quanh thành », song đối diện với đồn chúng ta tại Sài-Gòn và Chợ-Lớn mà thôi, dầu cho khi ấy mà không đường đi nữa, thì mấy đồn thông với nhau luôn luôn và chắc ý nhờ có Rạch Arroyo-Chinois.

Ông đạc đức Louvet cũng có nói rằng : « Toán binh ấy phải một đạo đặng chừng hai muôn binh an-nam vây chung quanh, làm như một thứ trại đồn kia, chúng ta ở trong đó cũng như bị bắt vậy. Đó là một lúc gay trở hết sức cho quân sĩ chúng ta đi đánh giặc. Trong năm 1860, có một lần người langsa chịu cho tới năm tháng mà không đặng tin tức chi ở ngoài.» Sự đó chỉ nghĩa gì? Có điều chi sái trong chuyện ấy chăng? Các tàu đến tại Sài-Gòn trong năm 1860 đều đi buồm, nhứt là tàu thanh khách. Phần nhiều chở hàng hóa cho Trung-Quốc, chúng nó đến theo gió chướng, như đã mấy đời, và trở về với gió nồm. Vậy sự hành thuyền mà dụng buồm lạc thì cần nhiều lúc phải đậu lại. Theo lời ông Trương-Vĩnh-Ký (sách *Souvenirs historiques* v.v. trương 25) thì nói rằng : « trên mé rạch Chợ-Lớn có lập kho trử xây bằng gạch, kêu là *tàu khậu*, để cho mấy người khách bên Trung-Quốc mỗi năm đi ghe biển lại mà mướn; họ cất hàng lên kho ấy, họ bán nó tại đó trong lúc họ ở Sài-Gòn.» Như binh thú tại Sài-Gòn mà bặt tin ngoài, là vì quan thủy sư đề đốc Charner xét không cần kíp mà bắt nhón một chiếc tàu hơi nào trong đạo chiến thuyền mình đặng đam tin tức cho binh ấy, là vì ông quan năm thủy d'Ariès, người cũng vậy, tưởng chẳng cần

chi mà sai một chiếc tàu hơi nào của mình qua Singapour (Phố-Mới) mà vấn tin. Ví như sự thông với cỏi ngoài mà vắng đi, thì chẳng phải bởi quân nghịch, vì chúng nó không có sức mà ngăn đón, song là tại lớp lang tự nhiên việc đời và ý muốn các quan cai binh langsa đã định như vậy mà thôi.

Hai ông Bouinais với Paulus tiếp nói cũng một cách (trương 11): « Chúng nó (nói về quân sĩ an-nam) bao tốp binh thú chúng ta, cho đến đồi binh nầy ở vậy sáu tháng biệt tin cảnh ngoài, và được có hai lần binh tiếp mà thôi, ban đầu một compagnie lính bộ thuộc thủy ở bên Quảng-Châu phủ sai qua (đội quân nầy đến tại Sài-Gòn trong tháng juillet 1860), sau có một toán 100 lính thủy cầm súng tay ở dưới chiếc *Wéser* (1) độ lên. » Đó là một đều giải nghĩa trái không ai hiểu được. Nếu binh thú đồn đặng có « hai lần » binh tiếp mà thôi, sao mà các vị làm sách chẳng kể mấy lần nào khác mà nó không được? Những lúc nào sai binh tiếp cứu thử mà bất thành? Người ta thất công tra kiếm. Quân sĩ thú đồn được có hai lần binh tiếp, là vì người ta gởi cho chúng nó có hai lần mà thôi.

(1) «Năm 1861, khi chiếc tàu binh *Wéser* thấy biết hòn Côn-Nôn rồi, thì nó bị ngọn gió chướng thổi bạt tấp vào cồn tại cửa đại giang Không mà hư mất.» (sách *La Cochinchine en 1878*).

Còn theo ông Pallu de la Barrière thì nói mấy lính thủy cầm súng tay lại tới trước binh bộ thuộc thủy:

« Nhưng vậy, thì thế Sài-Gòn lúc đó đã khá hơn. Trong tháng juillet 1860, quan thống binh tại Quảng-Châu phủ có sai một compagnie lính bộ qua Sài-Gòn, y theo lời quan chưởng thủy truyền mà người đã dặng. Quan quân thú đồn mới được thêm một trăm lính thủy cầm súng tay, bởi chiếc *Wéser* mà đến. Hai trăm binh tiếp gần sang tới nữa.» Xét ra thì tàu *Wéser* mất lối giữa tháng janvier và avril 1861, vì từ tháng mai cho tới novembre có gió nồm thổi.

Ý nói chi mà lạ kỳ vậy, hễ một tốp binh nào bị vây, là vì bởi quân nghịch đóng trước, xây lủy đắp đồn nơi mặt tiền, lại nhờ công việc nó làm, nên lánh khỏi lo phía hậu. Còn một chút nữa thì người ta bắt tội quân nghịch, sao có binh vực mình! Người an-nam có bao binh thú chăng? Không, vì ta mới thấy trong tháng avril năm 1860 binh nầy có đánh thử mà lấy các đồn Chí-Hòa. Họ có đón bắt tàu langsa vô ra với cỏi ngoài chăng? Không. Họ có ngăn trở dừng cho quân sĩ langsa vận lương trong xứ chăng? Không, cũng chẳng có sự như vậy nữa, lại về chuyện nầy ta phải cho ai nấy rỏ thế cuộc thành Chợ-Lớn có dị cục một chút và bề nhơn phẩm lạ kì dân sự ở đó.

Đặng quản suất chốn đô hội nầy, chúng ta đã thấy chùa Cây-Mai ở trên phía Bắc Chợ-Lớn, nghĩa là đối diện với đồn binh an-nam, đã bị soán cùng trí súng rồi. Đó là chuyện người ta làm đặng mà thôi, để thành trống cho mọi người lai vãng được. Binh langsa tới đó mua vật thực, thì lính an-nam cũng vậy. Đồ ăn bởi các nơi trong xứ mà đem đến dường như không có chuyện chi hết, lại người khách bán cho hai phe cũng một cách như bán cho ghe bầu cùng cho tàu vậy. Đó là lúc tốt cho cuộc thương mải, không thuế, không tảo cáo, không chi ngăn trở: buôn bán thong thả vô hồi.

Chuyện tốt lắm như vậy thì chắc không đặng lâu dài, lại quân nghịch có làm thử một việc mà ngừng nó đi. Không phải chuyện tốp binh chúng ta vận lương làm cho họ lo lắng nhiều — vì họ biết chẳng ngăn cấm đặng người an-nam có dạo đem của ăn cho binh thú, họ cũng biết bịnh rét, bệnh hạ lợi nhiều hại nữa — song bởi chúng ta lấy Chợ-Lớn thì chúng ta cũng thủ cuộc thương mải với cỏi ngoài. Nên họ quyết lòng dứt đường chúng ta xuống thành và lấy lại chốn đại thương ấy đi.

Trong tháng juin 1860, có khai một cái hảo hai bên có xây bờ từ góc nam đồn binh mà chạy ngay qua Kiểng-Phước tự (chùa Clochetons), gần cửa thành Chợ-Lớn. Có lập đồn ngánh từ chặng mà giữ nó để làm chỗ dàn binh. Nhờ số người của quan lảnh binh Thăng cấp ra đông, lại có mấy đám mưa đầu mùa làm cho đất mềm nữa, nên hảo khai lần tới mau lắm. Hảo ấy có ý đảo đặng chận đàng chùa Cây-Mai, và ép chúng ta bỏ nó với thành Chợ-Lớn.

Dầu cách nào cũng phải ngăn cản thế thần ấy, vì nó phân rẽ chúng ta tại Sài-Gòn và cũng một khi làm cho binh khí chúng ta ra thất hại lắm. Ngày mồng 2 juillet, ông quan năm thủy d'Ariès nhứt định, có khi chậm trễ một chút, là cho binh soán lấy chùa Kiểng-Phước và miễu Thính *(pagode des Mares)* (1), lối giữa

(1) «Thuở trước miễu Thính có danh tiếng về sự có các người đi buôn bán ở Mỹ-Tho, khi trở về, ghé triệng lại đó mà cúng vái. Có hai cái bàu nước tụ, một cái lớn, một cái nhỏ, đôi khi người ta thấy trong đó có một con sấu, nên họ lấy tiếng *Mares* (*bàu*) mà đặt cho đồn ngánh.» (Pallu de la Barrière).

«Một cái miễu khác, nay có các quan cai lính tập bổn quốc choán, nó ở trước vòng tường và hai bên có hai cái bàu thả sen, để bay mùi cho thơm dàng sứ, nó cũng cất nhằm đời vua Gia-Long, nó kêu là Miễu-Hội-Đồng, hay là Miễu-Thính.» (Trương-Vĩnh-Ký).

Nay miễu nầy không còn nữa (nó di lại có một cây cột nho xây bằng gạch có bắt chỉ và sơn mà thôi), mấy bàu đã lấp rồi, lại, ví như ta kể hai vị làm sách ra, là bởi mấy ông ấy nói đủ và chỉ quyết miễu. Chuyện nầy không phải vô ích đâu, vì bên phía Đông, cách chỗ miễu Thính — ông Pétrus Ký kêu lộn là Miễu-Hội-Đồng — đặng chừng 140 thước langsa, thì có một cái miễu khác mà nay vách cột hãy còn; đó là Hiền-Trung tự, hoặc miễu Công-Thần, hay là miễu Hội-Đồng, là cái trước đây ta đã nói theo dịp chuyện chúa tàu Màn-Hoè (Emmanuel). Nhờ có ông quan hai lính tập J. Robert giúp, nên ta mới tìm lại đặng chỗ mấy bàu

đường Sài-Gòn vô Chợ-Lớn. Người ta kiên bế hai nơi phượng tự ấy liền. Miễu Thính thì dễ, nó có tường gạch bao chung quanh, chính vì nó làm đồ ngăn đở; vã chăng miễu nầy ở cũng vừa xa hào trống, nên ít mà lo sợ. Chùa Kiểng-Phước không đác thế như vậy; nó trống trải quá, ở xa đầu hào lối bốn trăm thước mà thôi. Vừa soán nó, thì người an-nam bỏ hào. Nên mới khởi sự dắp bờ bao xông quanh. Có vài cái mã lối đó giúp một it đất, song chẳng bao lâu phải di xa xa đặng lấy đất vào bao mà đem về.

Qua bữa sau, binh an-nam trở lại bắn mấy kẻ đắp mô, giết chết hết một tên cùng làm cho vài người khác bị thương tích. Khi ấy phải chống trả và làm việc, nên cuộc đắp ra chậm chạp, nhọc công lại trống trải quá (1).Bờ dất chưa rồi đâu là đâu, kế cũng nội đêm ấy (mồng 3 rạng ngày mồng 4 juillet), có chừng

---

(ở trước miễu, phía Đường-Trên) và chính vì chỗ miễu nữa; nó ở trước nhà các quan binh lúc nầy (phía bắc).

Miễu Hội-Đồng thì lớn hơn cái kia, không kể sự nó dề làm đền thờ các quan binh sang trọng, nó lại dụng làm nơi cho các quan nhóm mà công luận; phía Đồng Mồ-Mả, nó không có vách. Miễu Thính dụng làm chỗ hội nghị các hương chức trong làng, nó có xây vách tường với một cái mương chung quanh, nên làm cho người ta chọn nó dề mà chống cự. Hai miễu đều có cữa ngỏ day ngay Đường-Trên, lại, trước khi đi tới mấy cữa ấy, thì thấy có dựng trên bờ lộ hai trụ gạch dề câu chữ nầy: *Khuinh cái, hạ mả* (cất nón, xuống ngựa).

(1) Ta suy không biết có nào mà ép làm việc ngoài trống và có nào buộc phải kiếm dất nơi xa như lời ông Pallu nói. Chắc có một lẻ là xem ra người ta không muốn đào mương; song bởi chẳng rỏ địa cuộc các nơi ấy, và chung quanh chùa phải kiên bế thể nào, nên không định chừng sự chi cho tấn hỏi đặng. Từ bốn mươi lăm năm nay cảnh địa đả sữa ra khác, chỗ chùa khi trước thì lúc nầy là một khoãng dất trống, làm gốc đông-bắc đường Bình-Hoà với đường An-Đông.

hai ngàn người an-nam bỏ hào, lẳng lặng xơm dến vây chùa, rồi áp vào hầm đánh và la lớn tiếng. Nhưng vậy khi đó người ta đã canh giờ nhặt nhiệm. Có một trăm lính espagnol (thuộc ông quan ba Hernandez cai) với sáu mươi lính thủy langsa (có hai ông quan hai thủy Narac và Gervais quản suất) làm binh thú, kè đầu súng mà bắn binh an-nam, làm cho họ đứng sững lại. Dầu vậy, binh an-nam cũng muốn áp tới đánh nữa, song sức họ dông dày lại bị trái phá bắn vỡ tan; bởi binh thủy có khiêng mấy khẩu súng mình ra trước mặt tiền giao chiến.

Trọn lúc ấy, súng đại bác an-nam có bắn mấy chùa khác đặng cho chúng ta chia ý. Họ có xạ pháo qua chùa Kiểng-Phước nữa, nên bắn giết người nghĩa kẻ thủ là như vậy. Cách thủ cự nên cường dảm lắm, còn sự tiên chiến thời là cố tình, vì hai bên cũng đồng hiểu biết dều trọng hệ vụ tranh đấu thể nào. Giao công với nhau thâu đêm, cho đến hừng đông mới dứt, khi ấy người ta có nghe tiếng kèn đạo colonne binh tiếp của ông quan năm thủy d'Ariès với ông quan năm bộ Palanca dẫn chạy tới. Binh an-nam mau mau rút về, để lại nơi chiến trường trót trăm người tử trận.

Mấy tiếng súng dại bác cùng tiểu thương bắn thì ngoài Sài-Gòn nghe. Dầu ông d'Ariès, dầu ông Palanca cũng không lầm nghĩa nó, nên mới dám cả gan. Ông Vial nói rằng, để Sài-Gòn lại cho hai mươi người với bốn chục lính dau tại nhà thương canh giữ, có cho mấy người bệnh đó súng carabine; rồi hai quan ấy đi với hết thảy binh khác, được 150 người — theo ông De Grammont thời nói chừng 300 (1). Cách đến

(1) Lấy theo chính vì mấy lời ông Vial nói, thời số sau tùng tiệm sự thật hơn. Trọn đạo binh thú kể được 800, mà hết 100

tiếp cứu bạt thiệp, lòng mạnh mẻ quân sĩ langsa với espagnol và sự chúng nó cần mẩn, thì làm cho người bổn quốc kinh sợ cho đến đổi không còn dám tới đánh lại nữa. Nhừng vậy, họ tiếp đào đất thêm, đắp một cái mô từ hào có cặp bờ mà chạy ngay theo hàng đồn chúng ta từ Kiểng-Phước dỉ chí Cây-Mai. Ấy vậy họ soán cả đồng từ Rạch Thị-Nghè cho tới khỏi Chợ-Lớn. Chúng ta có một đàng tuần do đối địch lại với công cuộc họ, là đường trên, từ Sài-Gòn cho tới Cây-Mai đi ngang qua miểu Thính và Kiểng-Phước tự. (Ngày nào lấy thêm Khải-Tường tự — chùa *Barbet* — mà nhập vào cuộc phòng ngự cho đủ thì ta truy chưa ra, có lẽ chắc lối tháng janvier 1861) (1). Sau dây đồn

---

ở tại Kiểng-Phước, như ta tính cho chùa Cây-Mai cũng có 160 binh, và cho miểu Thính 140, thì dư lại có 300 người rảnh việc với 40 bệnh. Không hiểu lính thủy tại Kiểng-Phước có phải là bạn bè dưới đoàn tàu chiến mà ra và có kể chúng nó vào số 800 quân đó chăng. Không biết thật dễ lại Sài-Gòn có 20 người mạnh mẻ mà thôi sao. Cũng chẳng rỏ lúc đó binh viện đến chưa. Chúng ta mãng gặp sử chép theo cách truyện bày đặt hoài.

(1) Hai ông Bouinais với Paulus nói trong sách mình nơi trương 11 rằng : « các đồn ấy có trí súng đại bác lòng nửa 30 với súng bắn trái phá 80. » Ta xin cho ai nấy ý chỉ điều nầy, là súng đại bác lòng nửa 30, hay là 16 phân bề kinh tâm, thì nặng hơn ba *tonne* rưỡi (3.500 kilo), nên rất khó mà cất nó lên bờ cùng đem đi đàng bộ theo đồ cuộc người ta dụng với đường sá khi ấy. Dầu vậy ta cũng chịu cho mấy khẩu ấy đã trí được rồi. Lần súng đại bác lòng nửa 30 bắn xa hơn hết, theo góc 35 độ, tính là 6.250 thước langsa. Bắn phá trong bốn giờ thì đủ mà làm cho quân nghịch phải bỏ đồn ngành, đồn hờ, đồn binh, cùng hết thảy mọi sự.

Súng đại bác lòng nửa 30, đặng năm vị, có đam trí trong các chùa một ít bữa trước khi hảm đánh đồn binh mà thôi (24,25 février 1861). Người ta mượn nó dưới mấy chiếc tàu lớn trong đạo chiến thuyền mới đam quan thủy sư qua, lại khi người ta đem nó mà trí, thì phải ra sức cả mới đặng.

ngánh ấy, có một đường thông hành đi ngay theo, là đàng nước, kể là Rạch Bình-Dương, Sông Tân-Bình và một phần Rạch Thị-Nghè. Ví dầu binh sĩ an-nam thắng số quá đổi cùng đặng công cuộc cả thể như vậy, thì cũng phải biết rằng khi ấy chúng ta đã choán được một mặt tiền, có ngỏ thông mau và dễ, làm cho việc chống cự ra nhặm lẹ, nên nó bồi bổ có dư về hàng đồn ngăn ngừa chúng ta dài quá mà số binh không bao nhiêu, lại cho đoàn tàu nhỏ có thế mà dự vô cuộc hành binh khi có việc cần.

Phía Rạch Thị-Nghè cũng vậy, binh an-nam không ở nhưng, họ xây đồn, đắp lủy vừa làn súng dảy đồn chúng ta, nên có thế mà ngăn trở đặng nhiều đều. Ông quan năm d'Ariès đi thám thính các đồ cuộc ấy. Ngày 16 octobre 1860, người lên Rạch Thị-Nghè với hai chiếc ghe nhẹ, cho tới đồn có rào để giữ Cầu-Bông. Lúc đi lên, trên bờ có bắn nhiều phát súng, song không ai bị đạn. Khi trở về, chẳng được may như vậy, ông quan hai thủy Harmand phải một viên đạn thâu qua bắp vế, cùng một ít người bị thương. Về phần khác, ông quan hai thủy Rieunier có lấy họa đồ và dò đường nước ấy cho tới khi có súng đại

---

Còn mấy khẩu bắn trái phá 80 (đó là súng đại bác bắn trái phá 22 phân kiểu 1840)— mà đã trí một lược với súng đại bác lòng nửa 30 — thì sức nó đi xa hơn hết, theo góc 35 độ 10 phân, được có 2.470 thước, còn sự bắn đạn đi chính thời tới 1.200 thước mà thôi. Tên gọi « súng bắn trái phá 80 » là bởi viên đạn, giả như nó đặc, nặng chừng 80 cân langsa (trái phá bộng nổi 25 kilogr. 86, còn có nạp thuốc 28 kilogr. 06); vả chăng người ta vội bỏ tên ấy đặng kêu theo lòng nó độ đặng là mấy phân langsa. Khẩu súng đó có bao niền và tiện ra lòng nửa là trong năm 1864 mà thôi. Khi đổi ra khác như vậy, thì nó bắn một viên đạn nổi 80 kilogramme (làn đi xa hơn hết là 4.775 thước, đối với góc 40 độ).

bác trong đồn hẳn ; một it lâu sau, người ta dùng công việc quan ấy mà làm nhiều sự.

Lúc cuối tháng décembre, khi ông quan ba Barbet đi tuần, bị quân hành thích bổn quốc (1) giết chết. Là vì thủ cấp người langsa có ra giá rồi, nên sự xui giục mấy kẻ hung đồ không phải vô ích đâu. Cách thế mọi rợ như vậy làm cho quân sĩ giao hữu ra hưng tâm, quyết chí hơn nữa, song nó cũng đã hại hết ba bốn mạng.

Muốn cho đặng trả thù về sự giết ông quan ba Barbet, thì qua ngày mồng một janvier 1861, ông quan năm d'Ariès dẫn binh đi thám cho tới hàng đồn an-nam mà đánh. Người duổi các phần hờ thụt lại, rồi người có lìa ra khỏi chỗ đó là sau khi ép quân nghịch bủa cả đạo binh mình ra và làm cho hao hết nhiều. Đó là việc vỏ công lần sau hết của ông d'Ariès cai binh. Cũng lối cuối tháng janvier nầy, có quan thủy sư Charner lại Sài-Gòn với ba ngàn lính cùng một đạo chiến thuyền đông.

(1) « Chùa Barbet (Khải-Tường tự) đặt theo tên ông quan ba binh bộ thuộc thủy cai nó mà đã bị thích khách cùng trảm thủ tại khúc quanh thứ nhứt nơi đường đi ra miễu Thính. Một buổi chiều kia người ngồi ngựa mà đi tuần theo thường lề. Mấy kẻ sát nhơn rình người, núp trong bụi cây, nay người ta có chỉ chỗ ấy cho những kẻ nào đi ngang qua đó. Ông Barbet bị đâm nhiều mủi giáo, vừa mấy mủi đầu thì quan ấy đà té xuống ngựa. Người an-nam liền chặt lấy đầu, rồi chạy vô trong mấy lùm cây và cỏ cao mà về cựu đồn Chí-Hoà. Tảng sáng bửa sau, người ta gặp mình quan ấy kéo để trên bờ lộ; còn con ngựa, bị vít, đứng một bên, không day động chút nào. Người ta thuật lại rằng, khi thủ cấp ông quan ba để dựa bên khay trầu quan tướng an-nam, thì ban sơ ông ấy làm thinh mà đếm tiền thưởng, đoạn người có thở than một lời thương tiếc. Ông quan ba Barbet là một người phốp pháp, dỏng lực lắm, hết thảy các người an-nam đều biết người. » (Pallu de la Barrière).

Các chuyện gần cải ra khác. Song trước khi nói về cuộc hành quân mới nầy, cũng nên ngưng lại một dây mà kể ra công việc hộ của ông quan năm thủy d'Ariès làm. Chẳng những người là một quan vỏ cang tâm, cần quyền, mà lại một đấng qui chế, cai trị có danh. Trong mấy lúc quân nghịch để cho người rảnh, lại không kể tới các công việc phòng thủ, thấy người có dạy khai xòng quanh Sài-Gòn các đường trước hết, lập ra một sở nhà thương, mà sau mấy năm nó hãy còn xem dường như một cái trong các cuộc sáng tạo quí lịch hơn hết nơi thành phố, người có dạy vẻ họa đồ chốn nầy, dạy thám thính cho tới cửa thành Biên-Hòa. Nhờ có một it người bổn quốc giúp, phần nhiều là những người bắc-kỳ có đạo vào tị nạn, cũng có các thầy giảng phụ lực nữa, nên ông quan năm d'Ariès khởi học thể lệ an-nam, chuyện ấy cho người có thế mà lập ra mấy điều chánh về việc cai trị địa hạt thường, it tốn phí mà lại đặng àn cần đắc sự. Bởi người lo lắng, nên lập ra đặng một Sở hộ tại Sài-Gòn, một sở khác tại Chợ-Lớn; mấy kho thuộc thủy đều khai tạo, và hối hả cất các xưởng cho tàu.

Về chuyện khác, ông quan năm thủy d'Ariès có thù tạc với các thầy giảng chúng ta, lại nhờ mấy ông ấy trao lời, nên thông ý với nhơn dân có đạo trong cả Nam-Kỳ. Bởi đó, người mới biết các chuyện trong xứ và nhứt là ý quân nghịch chúng ta muốn đi gì. Vì vậy, khi quan thủy sư Charner đến, ông d'Ariès giao đặng lại cho người một chốn cơ nghiệp đồ sộ, ở đó các sở cần kip làm việc luôn luôn, ở đó sẳn sàng mọi điều để mà mở mang theo thường lệ.

SAI BINH ĐÁNH NAM-KỲ

NĂM 1861

Tờ giao hòa với Trung-Quốc đã kí tên xong nhằm ngày 25 octobre 1860. Tàu hải và một phần binh trở ra rảnh, nên người ta có thế lo làm một ít việc phấn chấn tại Nam-Kỳ đặng sau cho chắc ý về sự cai trị bấy lâu canı khổ tranh giành, mà vốn hãy còn đơn sơ lắm.

Quan thủy sư đề đốc Charner đặng đức hoàng đế chọn làm thống lảnh cuộc sai binh mới, nên người liền lo sắm sửa đoàn thuyền chiến và đạo binh để về việc võ công nơi miền trung châu nam-kỳ.

Tại Bửu-Sơn — là hải môn nơi vàm sông đi vô Thượng-Hải cùng đồ ra cửa Dương-Tử Giang (sông Bửu-Sơn kể từ vàm sông cho tới Thượng-Hải, còn Huang-Hô thì ở phía trên)— là chỗ các tàu trong đạo hội lại, quan thủy sư đến đó nhằm mồng 10 décembre. Khi ấy cũng có quan tướng Cousin-Montauban tại Thượng-Hải nữa với hai ngàn binh langsa. Hai tướng công luận với nhau mà lập đạo binh đi đánh, nên các điều riêng sau hết có phân định. Ông Pallu de la Barrière nói các chuyện thuận tình đã lập như vầy:

Quan đề đốc binh bộ De Vassoigne tùng quan thủy sư thống lảnh, mà cai đạo binh sai đi đánh. Lính *chasseur* bộ, lính *chasseur* kị *d'Afrique*, binh pháo thủ, lính bị, cuộc quản đốc, xuất ra được 85 ông quan, 1303 lính cùng 272 con ngựa với lừa (1).

	Quan	Lính	Ngựa
(1) Chasseur bộ (2e Bataillon)...	39	709	22
Chasseur kị d'Afrique	3	29	31
Pháo thủ	15	316	184
Thủ bị	4	77	13
Cuộc quản đốc binh lương.....	24	172	22
Hiệp cọng.....	85	1303	272

Các hòn Chu-Sơn (trước hải khẩu Ninh-Ba) sẽ rút binh. Đoàn binh bộ thuộc thủy giữ nó đều qui tại Hương-Cảng. Còn binh bộ thuộc thủy mà đã để cho quan thủy sư cai theo lời tường ước định tại Đại-Cô, phải cấp ra một phần là 800 người cho đạo binh đi đánh. Muốn cho đặng chắc ý về những chuyện phân bủa quân sĩ và sự thi hành các điều binh luật trong chư sở, thì sẽ cho một quan tham tán riêng (1) dự vô đạo binh sai đi đánh. Các sở lo vụ đóng trại, dưỡng bịnh, lương từ đều có mấy người thơ toán binh bộ xem sóc, cả thảy phải tùng quan phó hay cuộc quản đốc binh lương. Sở ngân khố và ty cung trạm thời khai tạo tại Sài-Gòn một cách cho có luôn. Người giúp việc đã lập ra tại Singapour (Phố-Mới) sẽ đặng quyền thâu các thơ bên phương Tây gởi qua Nam-Kỳ.

Vậy đạo binh sai đi đánh Nam-Kỳ đã tu thành. Đoàn lính thủy lên bờ, mà đã lập xong các ngạch, tính đặng trót ngàn người, với một phần binh thủ tại Sài-Gòn không kể vô chuyện đã nói trước, thì làm cho số đạo binh nhỏ Nam-Kỳ đặng hơn 4.000 người.

Có cho phụ vào cuộc hành quân một đoàn sáu trăm người coolie khách của ông quan năm thủy Coupvent-Desbois, tổng lảnh binh gia tại Quảng-Châu phủ, đã mộ và lập thành.

Phần lính espagnol ở tại Sài-Gòn lúc đó tính được 230 người về binh bộ. Quan thủy sư đề đốc Charner có xin tướng quân ở chòm cù-lao Philippines cho binh thêm mà không được. Quan thủy sư xin một đạo binh tiếp kể là 150 quân mã kị, 400 lính bộ với 300 lính thủy tagal. Đạo nầy không có gởi qua.

Quyền quản suất quân sĩ phân ra như vầy:

Quan thủy sư đề đốc Charner, thống lảnh cuộc hành binh và cai các tàu tại cảnh Đông.

Quan đề đốc binh bộ de Vassoigne, tổng lảnh binh bộ.

Ông quan năm thủy d'Ariès, quản suất binh gia tại Sài-Gòn.

---

(1) Đó là ông quan tư De Cools tại bộ thuộc dinh. Ông quan ba Haillot tại bộ thuộc dinh làm phó. Trên hai quan nầy có một quan đại tham tán, là ông quan năm thủy De Ladébat.

Ông quan năm bộ Guttierez Palanca, cai phần binh espagnol cùng khâm sai Đức vua có đạo.

Ông quan năm thủy Laffon de Ladébat, lảnh làm đại tham tán.

Ông quan tư de Cools, tham tán binh bộ.

Ông phó quan năm Crouzat, cai binh pháo thủ.

Ông quan tư thủ bị Allizé de Matignicourt, cai binh bị.

Về đạo thủy, thì ta không biết cho đủ. Ta xin lục trong sách ông Pallu tên các tàu ra như sau nầy mà đã có tại hay là đến tại xứ Nam-Kỳ lối năm 1861.

Chiếc frégate ....
- *Impératrice-Eugénie* (nêu cờ quan thủy sư đề đốc Charner)
- *Renommée* (nêu cờ quan thủy sư Page)

Chiếc corvette ...
- *Duchayla*
- *Laplace*
- *Primauguet*
- *Monge*

Chiếc aviso ......
- *Forbin*
- *Prégent*
- *Alom-Prah*
- *Norzagaray*
- *Echo*
- *Déroulède*
- *Hong-Kong*
- *Lily*
- *Kien-Chan*
- *Sham-Rock*

Chiếc canonnière ..
- *Dragonne*
- *Alarme*
- *Avalanche*
- *Fusée*
- *Mitraille*

Chiếc canonnière bằng sắt số 12, 13, 15, 16, 18, 19, 22, 24, 25, 27, 29, 30 với 31.

Chiếc frégate hải vận	*Européen* *Japon* *Wéser* (chìm trong năm 1860) *Entreprenante* *Dryade* *Calvados* *Garonne* *Jura* *Rhône* *Dordogne* *Durance* *Gironde* *Loire* *Marne* (để làm kho với trại thợ) *Saône* *Nièvre* *Rhin* (để ngữ)
Tàu nhà thương ...	*Duperré*
Chiếc frégate buồm	*Andromaque* (trí theo tàu flûte) *Didon* *Forte* (trí theo tàu flûte) *Persévérante* (để ngữ) *Vengeance* (trí theo tàu flûte) *Némésis*
Chiếc lorchas (1)	*Amphitrite* *Espérance* *Jajareo* *Saint-Joseph* *Mirage*

Ta tiếc không dinh dặng thứ tàu nào cho thường, còn ông Pallu de la Barrière lại kể tên mà thôi, người chẳng phân biệt loại, cũng không nói nó có phải là

(1) Các tàu lorchas là mấy chiếc thuộc dạo tiểu thuyền, gốc của người portugais bày ra, vì cần phải ngăn ngừa nhiều ngọn sông rạch, nên nhập nó vô dạo thủy. Nó có trí một khẩu súng lớn lòng và nêu cờ duôi vược bổn quốc. » (Pallu).

tàu hơi chăng. Chắc các tàu nầy chạy buồm, song phần nhiều có máy, nên đáng mà chỉ nó ra. Khi đó nhằm lúc đạo thủy chúng ta cải ra khác, vì đã dùng hơi nước mà thế cho gió, sắt cho cây. Nếu tin tức ta đã đặng mà thiệt quả như vậy, thì tàu vaisseau chót của chúng ta mà chạy buồm, là chiếc *Navarin* lớn sau hết trong đạo thủy bằng cây, đóng trong lúc giặc Crimée.

Người ta gần dụng cả binh gia tàu thuyền đó mà tranh chiến lại. Ngày mồng 7 février, chiếc *Impératrice-Eugénie*, chở quan thống lảnh, đến đậu tại Sài-Gòn. Cũng nội ngày ấy, quan chưởng thủy lo sắp đặt các điều cần kíp đặng lập thành cơ đội. Quan chưởng với các quan cai binh bị cùng pháo thủ có đi do địa cuộc Đồng Mồ-Mả và có xem xét đường ngăn ngừa theo các Chùa, xong rồi mới nhứt định đồ trận tiên chiến. Nói tóm một đều, là đam súng lớn mà trí tại đường đó đặng làm cho quân sĩ an-nam ở trước mặt tiền, gìn giữ các đàng nước bao hàm lưởng dực binh ấy cũng như hai bên chúng ta vậy, rồi dùng đại binh mà đánh phía hậu đồn an-nam.

Vì ý ấy, nên các tàu trong đạo thủy có đem một phần súng ống đại bác mình lên chùa. Nội trong bảy ngày thời các bàn súng đều đóng xong và đam các khẩu lên bờ, thật cam go hết sức, mà trí có dẩy cùng dự phòng cho mỗi vị là một trăm phát. Chùa Khải-Tường đặng ba khẩu bắn trái phá lòng 22 phân (1) với hai chơn ngựa cây để phóng hoả phi đồng 125

(1) Ông Pallu nói trọng sách người chỗ nào chỗ nấy cũng là *súng trái phá 80*, đó là tên kêu đã quá thì, không theo tên nhà nước dùng chút nào trong đời người; muốn kêu cho chính tiếng và nhứt là cho thiên hạ hiểu, thì người phải nói nó là *súng đại bác trái phá 22 phân*.

ly langsa (1), chùa Kiểng-Phước thêm bốn vị 30 lòng nửa ; chùa Cây-Mai được một vị 30 lòng nửa với một khẩu bắn trái phá lòng 22 phân. Mấy vị ấy có đủ các lính pháo thủ ở dưới tàu theo.

Ngày 16 février, quan thủy sư đề đốc Charner bỏ chiếc *Impératrice-Eugénie* mà lập viên môn người trong tân đồn. Quyền cai các tàu đậu dài trước Sài-Gòn bèn giao lại cho ông quan năm thủy De Surville. Ông phó quan năm bộ Crouzat có dẫn binh gia khi trượng đi thám thính lần thứ nhứt, nên người cho biết chắc rằng súng ống pháo thủ dầy qua đồng ở phía Tây-Bắc chùa Cây-Mai đặng, lại binh kéo qua trước mấy đồn an-nam cách chừng hai ngàn thước được, nghĩa là ngoài làn súng đại bác quân nghịch và trong làn súng xe lòng nửa. Có sai một tốp binh thủ bị với một compagnie lính thủy thuộc chiếc *Impératrice-Eugénie* đến mà ban đường cho bằng. chúng nó phải binh an-nam bắn cũng nhiều, song họ nhắm sịa, nên không nhằm ai hết. Khi nói lược qua chuyện nầy, ta xin ai nấy ý chỉ rằng, cả và Đồng Mồ-Mả, trừ ra một ít cái ao không ra chi mà thôi, thì đất cứng và xa nước, dầu cho trong lúc mưa cũng vậy — nên có lẽ làm cho người ta chọn nó làm cho thổ mộ. Trọn mùa nắng, khắp nơi đất trở ra quánh cứng như hồ đá vậy. Chẳng phải cuộc đất đó gầy nên điều trắc trở cho binh hay là cho xe dầy đi, song

---

(1) *Hoả phi đồng* là một cây pháo kia để dùng mà làm súng với đạn một lược. Nó cũng làm theo mấy cách như pháo thăng thiên để ra hiệu lệnh. Sức binh khí ấy đi xa (cho tới 6.000 thước langsa) với tiếng nó kêu bắt kinh hải khi nó đi trên không, thì làm cho nó trở nên cuộc học hành và làm thử trong một lúc vừa lâu cho ra tuyệt hảo. Rủi thay, sự tính toán cho biết đường hoả phi đồng đi thì không ra điều nào đặng phỉ lòng, lại thêm chuyện nó làm cho sợ nhiều hơn là hại nhơn vật, nên người ta bỏ dứt nó đi.

thiệt là tại vò số mả mồ, mô nấm, gò sủng đồng ấy dã mấy đời dào bươi trộn trạo đủ hướng mà ra.

Muốn cho truyện tiếp sau dây được dễ hiểu hơn, bởi sách lược sử nầy không có bản đồ, vì chẳng xứng mà đem nó vào, nên ta xin dón kể ra đây cách sắp dặt các cuộc xây đắp của người an-nam, mà dã kèu không có lý cho lắm, là *hàng đồn Chí-Hòa*. Song trước hết hữu ích cho ta dặng chỉ sơ địa đồ các chỗ.

Dường từ Sài-Gòn mà lên Cao-Man thời chạy gần ngay thẳng khỏi dồn Chí-Hòa (lập trước các đồn khác) xa chừng một ngàn thước langsa; nó đi theo hướng Đông-Nam—Tây-Bắc. Khỏi dồn rồi, nó quanh một khúc lớn và di gần ngay theo hướng bắc cho tới lối làng Thuận-Kiều, ở đó nó tách ra làm hai, ngã đông-bắc lên Hóc-Môn, ngã tây-bắc đi qua đồn Thuận-Kiều. Đồn nầy như băng ngay thì xa cựu đồn Chí-Hòa chừng năm ngàn thước. Phần khác, Đường-Trên từ Sài-Gòn mà vô Chợ-Lớn thì lối miểu Thính có cong qua phía đông-nam, nó đi theo hướng chung là Đông-Bắc — Tây-Nam. Ngay theo đường ấy và lấy mực xa cách trung bình chừng một ngàn thước qua hướng nam thì có Rạch Arroyo-Chinois chảy.

Trên phía Bắc đường Sài-Gòn lên Chí-Hòa, thấy có Rạch Avalanche đi theo hướng chung tây-đông. Chỗ cùng nó ở xa cựu đồn Chí-Hoà chừng 4 ngàn thước bên phía đông và cách đường ước dặng một ngàn thước, rồi nó dang xa đường ấy lần lần. Chung quanh chỗ cùng nó và hai bên bờ rạch thì ao vủng có cũng nhiều. Trên phía Đông-Bắc hơn có sông Sài-Gòn chảy theo hướng chung Tây-Bắc — Đông-Nam và ở xa đường từ bảy cho tới mười ngàn thước; phía Tây có một đường nước chạy ngay theo, là Rạch *Đá-Hàng* (ông Pallu de la Barrière kêu là rạch Gò-Vấp),

một đầu nó đổ ra Sông Sài-Gòn (hướng Đông-Nam), đầu kia ăn với Rạch Tra (hướng Tây-Bắc), rạch nầy cũng là ngọn Sông Sài-Gòn, nó ở hướng Tây mà chạy ngay đến, đi ngang qua đường, xa Chí-Hoà chừng mươi lăm ngàn thước.

Phía tây-nam đường Sài-Gòn lên Chí-Hoà có Đồng Mồ-Mả ăn đụng cho tới mấy chùa miễu. Bên hướng Tây-Nam và cách đường chừng năm cho tới sáu ngàn thước, thì chính vì đồng ấy có nhiều cụm rừng, ruộng lúa, với đường nước nhỏ ngăn nó lại, trong đám tiểu đà đó có Rạch Lò-Gốm, sau lại, xa hơn nữa, có Rạch Bà-Hom ăn với Rạch Cát, rồi thông với Rạch Arroyo-Chinois bên hướng Đông, còn với Rạch Cần-Giuộc dưới hướng Nam.

Về cuộc xây đắp để chống cự, kể là một cái đồn binh hình có góc ngay, chừng ba ngàn thước bề trường, một ngàn thước bề hoành, phân ra làm năm khoản lớn nhỏ không đồng. Đường Sài-Gòn thời chạy thâu qua bề dài nó. Khoản ở hướng Tây-Bắc hơn hết có một ít cuộc đắp phía trong với một cái đồn xây chắc lắm lối chính giữa mặt tây-bắc; nó bắn giữ đường ở Bình-Hòa (Gia-Định) mà đến với Lăng Đức-Cha. Đó là phần chắc chắn hơn hết trong trại cùng là chỗ kiên bế hơn hết trong cả và đồn. Mặt đông-nam hình giống như cái kềm bởi nó có ba cái bảo nhỏ (ở chính giữa và hai đầu); góc đông mút có một ít cái lũy giăng thẳng cho tới chỗ cùng Rạch Avalanche và dài theo đường nước ấy. Cách chừng một ngàn thước trước mặt đông-nam nầy và tại đường, thì có một ít cái lũy cùng trí mấy hàng súng; từ mút góc nam có một cái hào hai bên có bờ khai thẳng qua Kiểng-Phước tự, và tại đường nới dài từ góc ấy mà qua hướng Tây-Nam, thấy có trí một dẫy

súng. Sau hết, lối khúc giữa hào có cặp bờ đó thấy đào một cái mương qua hướng tây, dài đặng ba ngàn thước, mút hào có lập một cái đồn ngánh, người langsa thuở ấy kêu là «Redoute», chính vì nó lại ở cách hai ngàn thước trên hướng Tây-Bắc chùa Cây-Mai. Hào có hai bờ với đàng mương cứ mỗi ngàn thước có đồn nhỏ giữ hay là phần hờ.

Ngày 19 février, tại chùa Khải-Tường có phóng vô trại an-nam 20 hoả phi đồng thuộc thủy 125 ly với 32 hoả phi đồng 9 phân của pháo thủ bộ đặng làm cho «nó kinh khiếp». Bề xa từ chùa Khải-Tường đó cho tới trại quân độ chừng năm ngàn thước langsa.

Cũng trong lúc ấy, người ta có lo cách thế cho được chắc ý về các đàng nước cùng canh giữ nó. Quan thủy sư Page đặng lịnh dạy người đi lên cho tới Thủ-Dầu-Một, lại ví như người định là phải lẻ, thì lên xa hơn nữa, với mấy chiếc *Renommée*, *Forbin*, *Monge*, *Avalanche*, *Sham-Rock*, *Lily* và chiếc canonnière số 31, tàu nầy có chạy vô Rạch Đá-Hàng.

Chiếc canonnière số 18 với chiếc lorcha *Espérance* phải đi vô rạch Avalanche mà phá Cầu-Bông đi.

Chiếc canonnière số 16 và chiếc lorcha *Jajaréo* vào đậu trong Rạch Arroyo-Chinois.

Chiếc canonnière số 27 với chiếc lorcha *Saint-Joseph* đã có chở tốp lính chasseur bộ nhập thêm với bạn tàu, đi vòng qua Lôi-Rạp và rạch Cần-Giuộc đặng ngừ tại ngã ba Rạch Cát với Rạch Bà-Hom. Các tin tức chiếc canonnière nầy thông với dinh quan tướng, thì có chiếc canonnière số 16 (khi có nước lớn tàu nầy đi qua chỗ giáp nước đặng) với chùa Cây-Mai bảo lãnh.

HÃM LẤY ĐỒN CHÍ-HÒA

Các việc đã sắp đặt an bài, quan thống lảnh bèn ra lệnh, rạng ngày 24 février, thì áp đánh đồn ngánh bên phía Tây, là cái ngăn giữ hàng đồn chót của người an-nam lập trước chùa Cây-Mai.

Trời chưa sáng, quân gia đã kéo đi Đường-Trên ; binh pháo thủ có đóng đêm đó tại đồn Cây-Mai ; nó đặng bốn khẩu đại bác 12 lòng nứa, ba khẩu 4 lòng nứa, sáu khẩu quá sơn bắn trái phá với hỏa phi đồng. Binh bộ kể là lính chasseur bộ, lính espagnol, lính bộ thuộc thủy cùng đạo thủy thủ thượng ngạn. Còn binh bị với đội lính thủy *abordeur* (có ông Pallu de la Barrière cai, là quan ba thủy tại bộ thuộc dinh dưới tàu *Impératrice-Eugénie*), đều nhập vô đạo colonne, chúng nó có đem thang cùng khí trượng mình theo nữa. Có lập ra một đoàn kiên khiêu, nhờ có 600 người coolie thanh khách với 100 con thú để chuyên chở.

Quan thủy sư Charner với quan tướng De Vassoigne ở tại đường lên đồn Cây-Mai, có lính kị chasseur hộ vệ. Qua năm giờ rưởi sáng, binh kéo ra đồng. Vừa trước mưng đông các chùa Khãi-Tường, Kiểng-Phước với Cây-Mai đều bắn, súng lớn an-nam có đối xạ lại theo sức mình. Khi đạo pháo thủ đến gần đồn ngánh cách chừng một ngàn thước, thì nó dàn súng đại bác ra cùng khởi sự bắn. « Dầu cho dãy đồn an-nam mắc phải súng ống nhỏ làm cho nó kém sút xa, thì cũng thấy nó bao khói mịch mù và nỗ lực chống cự hơn nữa. Súng bắn liên thinh, song chỉnh thật là chiến chinh giùm cho nghịch tặc mà thôi.»(P. d. l. B.)

Nhưng vậy binh pháo thủ đã xơm gần cho tới năm trăm thước, lại khi binh bộ vừa nhạn xong tại hàng

giao chiến mới, thì nó phân ra làm hai đạo colonne để hảm đồn. Đạo hữu kẻ là lính chasseur bộ, binh bộ espagnol, binh bộ thuộc thủy, nó có ông quan tư thủ bị Allizé de Matignicourt cai; đạo tả có binh thủy lên bờ thuộc ông phó quan năm thủy Desvaux quản suất, nó có ông quan ba thủ bị Gallimard đốc chiến.

Gần như vậy, thì súng đại bác an-nam với súng tay trên bờ lủy mới làm cho biết sức nó hại thể nào. Vừa đặng một hồi, có vài tên pháo thủ với một ít con ngựa bị đạn; quan tướng De Vassoigne, ông quan năm Palanca, ông quan một thủy Lesèble, thầy quản (*capitaine d'armes*) Joly thuộc tàu *Impératrice-Eugénie* đều bị thương nặng. Vậy chính vì quan thủy sư Charner mới ra cầm binh, người lại hiểu rằng, khi đã chường diện cho súng bắn, thì thà xốc đến hơn là đứng một chỗ, người dạy để bao tấu xuống đất cùng ra hiệu hảm đồn. Binh lướt tới (lúc ấy sự tấn ích về súng ống cũng chưa cải được niêm luật giao chiến; người ta tưởng quyết về đồ trận bủa binh từ hàng, là thứ bên nước Italie mới vừa bị rúng động bởi sự năng dùng lưởi lê mà đánh, là: đồ trận giáp binh).

Cách lề thành chừng ba mươi thước, thì binh chúng ta chạy đến và cả tiếng tung hô rằng: « Vạn vạn tuế! » Binh phá một đường băng qua mấy nhánh tre, tránh các hầm mà xuống hào, rồi leo lên bờ lủy. Không có xáp trận, nhưng vậy, binh an-nam thủng thẳng thối lui, người ta thấy đặng chúng nó dang xa « bộ đi coi gần như khoan thai, dường thể mấy kẻ làm thuê kia ngưng công việc họ vậy; lại, chuyện nên dị kì, là dầu cho cả đạo binh leo vách lủy lên mà ép vô đánh, thì trong quân lính an-nam đi trốn thấy có một ít người chạy mau mà

thôi. Nội một it phúc, họ qua hiệp với đại binh, vì thấy có cờ xí phất phơ phía Chí-Hòa.» (P. d. I. B).

Trận thứ nhứt đó lâu dược hai giờ, làm cho binh langsa với espagnol hết 6 người tử trận với 30 người bị vít. Còn người an-nam, chắc họ hao nhiều lắm, vì đinh đặng như vậy là tại « mấy thây nằm lĩnh nghĩnh dọc theo vách lủy, lại số những kẻ đã vong mạng làm chứng sức các khẩu lòng nửa sát hại thể nào. » Ta xin kể thêm rằng, khi đó có bắn vô đồn hết: 228 phát súng quá sơn, 146 phát súng 4 lòng nửa, 128 phát súng 12 lòng nửa, lại người ta có phóng 80 hỏa phi đồng nữa.

Lối chín giờ, binh lấy bao tấu mình lại, đi vào trú trong đồn ngánh, chúng nó choán chỗ lính an-nam mới chạy trốn và nghỉ cho tới xế.

Trong lúc giao công, mấy người bị bệnh khiêng về chùa Cây-Mai, rồi đó mới điệu xuống nhà thương Chợ-Quán. Thuốc đạn có châm thêm, cũng trong ngày ấy với trọn một phần đêm 24, người ta cất thuốc đạn dưới hầm chiếc *Rhin* với chiếc *Loire* lên mà chứa thêm nơi trử tạm lập tại chùa Cây-Mai, vì hai tàu nầy đã dùng làm kho thuốc và đậu trước thành Sài-Gòn (bởi chưng người ta không kiếm đặng nơi nào trên bờ cho chắc ý cũng cho khô ráo).

Ba giờ chiều, người ta chiêu kèn đánh thức binh dậy, đoạn kéo đi nữa, để lại đồn ngánh một compagnie lính bộ thuộc thủy với một khẩu quá sơn bắn trái phá. Ban sơ đạo colonne tấn qua hướng Tây-Bắc, kéo trước mặt tây-nam đồn binh và dang khỏi làn súng đại bác đồn (nó đi xa chừng ba ngàn thước); sau đi qua hướng bắc, mà lần vô gần góc đồn phía tây.

«Qua bốn giờ, có một đoàn binh an-nam khó biết số một chút, vì họ ở trong rừng chồi mà ra trình

diện bên hữu dực chúng ta, có binh tượng và trương cờ. Không biết phải đạo binh an-nam muốn ngăn thử cuộc hành quân chúng ta bởi càng ngày càng làm cho họ ra hiểm nghèo hơn, hay là họ khởi sự dời mấy thớt tượng, xe cộ cùng đồ đạc mình đi chăng? Người ta chẳng hề biết rỏ lớp tuồng đánh giặc đó nghĩa là gì. Đạo binh an-nam lại gần, bắn đấu với lính chúng ta đi tirailleur. Quan thống lảnh dạy kéo ba vị quá sơn bắn trái phá với ba vị lòng 4 ra trước, qua bên phía hữu; mấy khẩu ấy bắn phá làm nên việc. Binh an-nam dừng chơn lại, rồi trở về trại mình, hoặc lần theo vách song đi khít vô gần gần.» (P. d. l. B.)

Trong lúc chinh thảo thì đạo colonne ngừng lại; rồi nó đi tới nữa, qua lối sáu giờ chiều, nó đóng ngay trước góc tây đồn binh, nghĩa là gần sau phía hậu. Chỗ lựa mà đình quân lại đó là một cái xóm kia đã bỏ hoang, chung quanh đầy cây cối, có vài cái rào với rừng chồi. Chốn đó không có thám thính, lại người ta ở cận đồn an-nam lắm, không quá một ngàn tám trăm thước (ông Pallu de la Barrière nói «chừng hai ngàn thước», vậy chẳng có một vị súng nào của người an-nam mà bắn cho tới). Vừa đóng xong, thấy có một hiệp súng tay trong mấy đám rừng chồi mà bắn ra, lại mấy vị đại bác tại Chí-Hòa cũng xạ đến một ít viên đạn nữa, có một viên đi thâu qua mái viên môn quan thượng tướng. Binh espagnol, đội compagnie lính thủy thuộc chiếc *Renommée*, sau hai compagnie khác nữa đều phụng lảnh đi đánh đuổi quân nghịch; khi ấy súng pháo thủ đã mở ngựa ra rồi, nên người ta mới kéo hai vị lòng 4 đi mà đam dàn nơi có thế. Phải gần nữa giờ đồng hồ mới

làm cho binh an-nam nín lặng, và ép chúng nó lui về. Có dời chỗ quân đóng một ít, đặng cho lánh khỏi giặc đánh thình lình lần khác.

Bữa sau, vừa tảo thìn binh gia sắm sửa áp đánh. Chuyến nầy tính lấy phía hậu đồn rộng minh mông có góc ngay đó. Quân sĩ chấu đánh mặt tây-bắc, nghĩa là phía nhỏ hơn hết (chừng một ngàn thước bề trường); lối chính giữa mặt nầy có một cái đồn riêng, đặt tên là Đồn-Trung (cựu đồn Chí-Hòa). Như thành công, thì sự đánh như vậy sẽ dứt đường tự nhiên của binh an-nam để thối lui, và chắc cũng làm cho họ phải bỏ trọn đồn binh nữa. Nên lập ra làm hai đạo colonne. Đạo hữu kể là binh bộ espagnol, lính thủy lên bờ, và có compagnie lính abordeur đi tiên phuông; chỗ nó phải đánh là góc tây đồn, có ba khẩu quá sơn bắn trái phá dầy theo nó. Đạo colonne thứ hai, ta gọi là đạo trung, thời đặng binh bộ thuộc thủy với lính chasseur bộ, nó có binh bị đi đầu. Giữa hai colonne nầy, có binh pháo thủ giăng hàng tấn tới, là: bốn vị đại bác 12 lòng nứa, ba vị 4 lòng nứa với hai khẩu quá sơn bắn trái phá. Đạo colonne nầy dốc quyết đánh Đồn-Trung. Phần binh để hờ, kể là lính bộ thuộc thủy, lính chasseur bộ với compagnie lính bổn quốc. Trong lúc hãm đồn thời một phần binh để dự phòng đó lại lập ra làm một colonne thứ ba, kêu là đạo tả, nó đến đánh góc bắc, là nơi compagnie lính an-nam (1) có tranh chiến phải cách lắm.

---

(1) Tiếc thay cho sử, vì ông Pallu de la Barrière trổng không cần chi mà thuật lại chuyện compagnie nầy đánh giúp trong hai ngày 24 và 25 cho dông dài. Ông ấy có nói tại chú giải riêng lời nầy mà thôi : « Đội compagnie lính bổn quốc tính được 80 người an-nam. Họ đi với binh bộ thuộc thủy và làm việc bổn phận mình phải lẻ lắm. »

Ông Pallu de la Barrière nói rằng: «qua mười giờ thì đại binh đã phân đặt sẵn sàng mà đi đánh cùng chia làm colonne, nó ở xa mặt tây-bắc đồn Chí-Hòa chừng hai ngàn thước langsa ..... Bên an-nam đắc thế: vì mặt trời giọi vô mắt đạo binh langsa. Binh pháo thủ, trí súng lối 1.000 thước, khi ấy đã bị hao rồi. Có một phần linh với ngựa tử trận hay là bị thương tích; có một cái bánh xe chở bi súng phải văng tách ra từ miếng. Ông phó quan năm bộ Crouzat truyền dầy các vị súng người tới từ chặng mau lắm cùng nên danh hảo kiệt, ban sơ xa 500 thước, sau gần 200 thước, nên người mới làm cho bớt đặng sự thất thế quá đổi bởi mặt nhựt mà ra, lúc đó yến sáng chiếu gần nằm ngang (1). Trong khi dừng chơn lại lối 200 thước đó, nó là lần sau hết, thời các khẩu đều bắn đạn tạp nạp phía trên vách lủy.»

Nhưng vậy, quân linh lại hao nhiều, nên phải cần dùng dịp binh đang xơm tới mà đánh rốc đi, không nên đợi cho lòng chúng nó ra nhát bởi mỏi mệt, thấy và nghe tiếng van siếc bạn hữu mình ngã xuống. Quan thủy sư truyền để bao tấu xuống đất và dạy các colonne tấn tới. Đó là một việc hiểm nghèo cùng thậm khó; vì phải qua nhiều hầm, chông tre với hai hào bùn, còn trên bờ lủy phía ngoài lại có thả chông trái ấu vấn nhánh cây gai. Mấy cái thang người ta dam theo để leo lên vách đều phải lấy mà

(1) Đó có một điều nói nghịch, ta phải chỉ ra. Ngày 25 février chính ngọ, mặt trời tại Sài-Gòn ở trên chơn trời chừng 70 độ. Lối mười giờ ban mai, nó cao được hơn 45 độ. Vậy khi binh pháo thủ bắn thời chưa quá mười giờ, hay là binh ấy không có mặt trời giọi vô con mắt theo cách ông Pallu de la Barrière nói đó.

dùng đặng qua mấy hầm; mà bởi nó yếu lắm, nên nó gãy gần hết. Dầu vậy, đạo colonne hữu đã xuống đặng dưới hào sau hết, song biết phải xuất thần lực nào nữa mới lên đặng trên đầu lủy. Người ta lấy mấy cái thang còn lại bắc lên mà trèo, nhiều kẻ leo đứng trên vai bạn hữu mình, lớp khác lại níu chông trái ấu cũng rán lên thử; song vừa tới trên chót, bị binh an-nam kê miệng súng bắn chết đi, hay là lấy giáo mà đâm té xuống hào. Binh thủ đồn nghinh chiến cách vững vàng và cứ chen nhau mà đứng khít hàng trên cấp lủy luôn. Thế sự trở ra nguy hiểm, khi ấy người ta mới liệng lên thời may trúng vài mươi trái phá tay. Có ba tên lính thủy quăng đặng móc chùm trên vách lủy, rồi xúm nhau kéo liền, mà người an-nam không gở được, nên nó cày rách đi. Đó là ba chỗ đã phá vở để mà vô. Rủi thay, mỗi chỗ hở đi qua đặng từ người mà thôi. Trong ba tên lính lên được trên chót trước hết, có một tên bị giết chết, còn hai người kia bị vít cùng xô tống xuống hào. Song có lớp khác lên theo, nên chẳng khỏi bao lâu cấp lủy phải binh langsa chiếm soán.

Binh cố thủ bị lưởi lê với đạn mới chịu nhường chỗ đó. Người an-nam thấy đồn đã bị binh langsa phá mà vào, nên kéo nhau đi «có thứ tự cùng lần theo vách trại», họ mau thoát vào trong một cái đồn kia cũng ở tại khoản đó, mà bề tiền diện nó là một cái vách ngăn đồ đứng đấu với mặt tiền quân. Binh langsa khi ấy nhóm nhau chung quanh quan cai mình, liền thấy có một cái hào mới phải đi qua và một cái bờ lủy khác phải đánh lấy. Bên an-nam có ngưng bắn một hồi đặng để cho binh cố thủ vô phần thứ hai trong khoản, rồi bắn lại càng nhiều hơn trước. Lúc đó đạo colonne hữu tỷ như ở trong

một thứ rọ kia. Dầu vậy, nó chống lại vững vàng cùng lấy búa mà phá đặng cửa vách giăng, là chỗ binh an-nam đã đi qua.

Lòng rắn rỏi đạo colonne ấy, tính khí kiên hảo khi nó chịu mũi thiên oai kẻ nghịch, thì nó ép binh thủ đồn phải sang bớt một phần quân nhơn chỗ khác mà đem qua phía đó, nên dễ cho các colonne kia thi hành phần việc mình. Cũng trong lúc ấy, ông quan ba thủy Jaurès với một ít lính bạo dạn động phá cửa đồn, colonne trung thì chiếm đoạt Đồn-Trung, còn colonne tả lại soán lấy góc bắc. Binh giao hữu làm được chủ trại rồi. «Những người an-nam nào chạy trốn không đặng đều bị giết hết, nên sau có một lúc sát hại mới dứt cuộc tranh chiến nầy.»

Quan thống lảnh lập viên môn người trọng đồn kia kêu là Viên môn đồn, nó xây tại chính giữa phần thứ hai trong khoản ấy. Còn quân lính, khi lấy bao tấu mình lại, thời chia ra mà ở trong mấy chỗ của người an-nam cũng như ngày trước vậy. Phàn nửa lính thương thì đem đặng về Chợ-Quán liền. Còn mấy người khác, người ta lại lập nhà thương cũng trong trại đó.

Trong ngày thứ hai nầy, quân sĩ hao hết ba trăm. Có mười hai người tử tại trận. Một ít kẻ bị thương chết vì vít tích. Ông quan hai thủy Jouhaneau-Lareynière chịu đau đớn quá đỗi trọn năm giờ mới tắt hơi. Qua bữa sau ông phó quan năm Testard, hay binh bộ thuộc thủy, qua đời.

Pháo thủ dụng trong ngày ấy có 204 trái phá với 36 hộp đạn mà thôi. Cũng nội buổi chiều đó thuốc đạn bắn rồi đều thay lớp khác, lại người ta có trử tại Chí-Hòa ba muôn bi súng để hờ sau đi đánh miền trên.

Bên an-nam có bỏ lại ba trăm thây tại hai phần thuộc khoản đồn đã bị hãm lấy. Còn về lính thương mà người ta không khi nào biết số là bao nhiêu, thì ít nữa có một phần đem đặng về Thuận-Kiều, vì người ta có gặp dấu chứng thật họ đã đi qua tại đó rỏ ràng. Ông Pallu de la Barrière rằng « đạo binh an-nam noi theo thói quen mình, nên dời gần hết các kẻ bị thương tích, phần nhiều trong đám đó là lính ở Chí-Hòa. Vách mấy nhà nào có binh langsa tạm trú đều thấy vấy máu.» Chính vì ông kinh lược Nguyễn-Tri-Phương cũng lâm thương nữa. Trọn lúc tranh cường, quan ấy đứng trên vách lủy tại góc Đồn-Hậu, là nơi người thấy hết cả cuộc giao chiến. Thấy mấy đạo colonne binh langsa áp tới hảm đồn, người dạy rút binh sĩ các lủy gần mà dồn qua chỗ người langsa chấu đánh. « Ông Nguyễn-Tri-Phương có bốn tàng che, nên làm bia cho binh tiên chiến nhắm bắn, người bị một viên đi trúng nơi bắp tay, còn thân độ người phải đạn nặng lắm, ngã xuống một bên. Mấy kẻ thủ hạ bèn để ông Nguyễn-Tri-Phương nằm trên võng mà khiên đi. Quân lính tưởng đại tướng mình mạng một rồi, nên thối lui, bỏ đồn, chạy dồ về hướng Tân-Sơn-Nhi cùng Gò-Vấp.» (Sách *Monographie de la province de Gia-Định).*

Người ta gặp trong trại có một trăm năm mươi vị đại bác, lớn nhỏ nhiều hạng, hai ngàn cây súng cò máy đá hiệu Saint-Etienne, giữ gìn sạch sẻ lắm, kiểu đó đã dụng trong đời Đế quốc thứ nhứt, trái phá chưa nạp, chừng hai ngàn kilogramme thuốc súng, siêu giáo, tiền quan, bản đồ với họa đồ an-nam. Người ta không thấy tại trại có súng họa mai hay là hung khí nào kinh cổ hơn.

Cũng nội ngày 25 đó, quan thủy sư Page lấy đặng hết thảy các đồn lập phía trên dòng Sông Sài-Gòn.

Có một ít quân gia người bị tử trận hoặc thương tích tại mỗi chiếc tàu, vì hết thảy thuyền chiến đều bị đạn bắn nhằm.

Từ đây dứt chuyện Chí-Hòa ; ta đã kể bày nó ra theo lời ông Pallu de la Barrière thuật lại, vì trong trận đó — chúng ta đều biết — người làm quan ba cai compagnie lính thủy abordeur. Các việc vỏ công trong ngày 25 đó làm cho sanh điều bao biếm nhứt là chĩ về sự thám thính chẳng khắp nơi, không đặng kỉ lưởng cùng là về sự súng ống pháo thủ phá hủy phía nghịch chưa hay vừa đủ nữa. Bởi đó ông Pallu có nói như vầy : « Rồi việc mới tính toán các sự ấy, nên làm cho hẳng định dẹo rằng, người ta chẳng biết được các việc trước khi giao chiến ».

Thật không biết đặng sao? Ta xin xét coi người ta phải làm cách nào trước khi tranh cường hầu tra thử việc ấy ra cho rỏ, vì điều phải làm đó là bởi sự tầng trải mà ra, chớ không phải là tại chuyện đương lúc, lại thưởng nó tùy theo con mắt xem qua, lòng xui giục, tánh khí và trí dốc quyết các đứng làm đầu. Có lẻ ta sẻ chỉ ra dặng chính lỗi đại binh đời Đế quốc thứ hai đó, dầu vậy nó có đủ hình dạng vửng bền mà sự chắc thiệt là nó được binh giỏi hơn hết tại phương Tây. Chúng nó chuyên ròng vỏ nghệ (ít nữa là cho tới năm 1866). Không biết người ta có nói dặng sự như vậy cho mấy quan chăng ? Nhiều khi, lại cũng chẳng biết mấy khi nói rằng không đặng. Trong các quan đó có nhiều vị tại ngoại xem sắt sảo, hoa mỉ lắm, bề ăn ở kỉ lưởng, song lấy theo việc binh mà phân, thì ít khi các vị ấy thông thuộc hơn mấy thầy đội mình (phải nhớ số phẩm hạnh). Chuyện quấy đó là tại đầu mục

mà ra. Binh lính chúng ta đấu chiến dường như sư tử, còn quan vỏ tranh cường một thể như binh lính mình vậy, song tròm trèm bấy nhiêu đó mà thôi.

Trong ngày 25, quan thủy sư đề đốc Charner ngồi ngựa đi cho tới các miệng hầm, hai bên có quan đại thám tán Laflon de Ladébat với ông quan tư mã kị De Cools; phần nhiều trong lính chasseur hộ vệ bị đạn; có một quan tán lý người, là ông Jaurès, lấy búa phá cửa vách ngăn; ông quan hai thủy Lareynière bị đạn ngả xuồng khiến những kẻ muốn đến cứu người trở lại bắn với giặc; thầy cai thủy Rolland bị bể mắt cá, người rịt lấy thương tích mình rồi lết tới bắn; trong lúc giao chiến, tên lính kèn Pazier (thuộc tàu *Impératrice-Eugénie)* bị đạn nơi trán, lồm cồm đứng dậy mà thồi lại nữa. Ba người sau thiệt là yên hùng, còn mấy vị trước liều thân vô lối.

Quí hữu có thấy đạo binh nhỏ ấy chưa bao lâu mà bị mất đầu chăng (vì quan tướng De Vassoigne với ông quan năm Palanca đã bị thương ngày trước), nên ông quan ba hay là ông quan tư nào, không rỏ ý quan thủy sư, mà phải ra cầm binh, thì sao quí hữu cũng nói rằng có lẻ họ đi nộp mình; vã lại binh an-nam cho tới khi loán lấy bờ lủy thì họ càng chống trả gan dởm hết sức. Số họ tử trận làm chứng việc ấy. Một điều khác cũng làm chứng nó nữa. Là sự cân phân 12 người giết chết cho tới ba trăm người bệnh mà chúng ta bị trong ngày đó, lại nó xa sự cân phân 1 cho tới 5, là số sánh mấy kẻ tử trận với những kẻ bị thương trong các lúc chiến trường đời Đế quốc thứ nhứt — nghĩa là với súng người an-nam dùng lúc đó — thì xem ra phần nhiều dấu vít bởi chuyện khác mà ra hơn là tại súng: mủi giáo, xô té xuống hào, sa hầm, phải tre quảo chích trong lúc hảm dồn, v. v.

Đoạn cứ theo cách các tư ki sự bất cùng lại thêm chuyện khâm phục binh luật vô biên; thói dị buộc vác theo bao tấu đặng quân linh chịu mỏi mệt hơn một chút nữa mà cũng không lo cho chúng nó có đồ ăn nóng cho chắc. Ngày 24, có giáp chiến xa chùa Cây-Mai chừng hai ngàn thước, làm sao không để bao tấu lại cùng lo bữa ăn tại đó? Xong rồi, sáu trăm coolie khách có lẻ đem được các bao ấy với soupe nóng nữa (ai nấy chớ quên trong tháng février ống hàng thử xích lên tới bốn mươi bực; sau lại, chẳng phải nấu đặng một minh soupe mà thôi, có lẻ người ta còn làm được nhiều món khác). Ngày 25, binh đóng nghĩ xa đồn ngánh Redoute ba ngàn thước và cách Chí-Hòa hai ngàn, có «vài cai quản (*escouade*) nấu soupe; các tốp khác mệt lắm, nhứt là tại mấy lần sau đi đi về về, nên không muốn nhúm lửa, họ ăn bánh rá cùng uống nước lả mà thôi, thời may gần đó có nhiều; đó là bữa ăn tối của họ.» Ông Pallu de la Barrière xem ra lấy sự ấy làm lẻ tự nhiên lắm, nhưng vậy, đó là một cách hại binh nào giỏi cho lắm cũng phải hư, không chi khác, phàm như có tính trước một chút cùng lo liệu cách khác về sự cấp dưởng cho quân linh xuất trận, thì có lẻ người ta lánh được chuyện ấy.

Mấy việc khác cũng vậy. Người ta có vẻ nhiều họa đồ đàng nước, do thám, cho tới cửa thành Biên-Hoà, song chẳng có một cái bông đồ nào sơ họa thuộc Đồng Mồ-Mả. Người ta không biết chút chi về đồn binh, mà dầu nó ở cách chùa Khải-Tường có năm ngàn thước, còn đồn hờ bị đánh bữa mồng một janvier lại xa có ba ngàn mà thôi. Trọn cả chốn phòng ngự quảng đại ấy kiến tạo trong một năm, « ở đó mấy đồn mọc lên như nấm ».

Thật nên sửng sốt khi đem trí suy về sự người ta không biết chi hết, lại người ta cáo rằng tại bữa trước thủ bị do thám chẳng kỉ! Phi lý chi lắm vậy, một cuộc xây đắp kia mà bề châu vi đồn chánh đả đặng tám ngàn thước, hình nó nổi lên không được rỏ, ở tại xứ đất bằng cùng trống trải, mà tưởng người ta do thám nó đặng không dụng thân trông, khí cầu v. v. lại trước hết phải trong vài giờ! Thủ bị đã hành sự theo sức mình, người ta không để cho quan quân đó có ngày giờ mà làm nên việc hơn; quan thủy sư đề đốc Charner đã định ngày giao chiến, có khi là tại trời có trăng và nước rông mà ra—vì bữa 25 février 1861 nhằm ngày nguyệt mản, nên muốn gặp nó lại, phải chờ cho tới 26 mars sau.

Không, chẳng phải lỗi nơi thủ bị, vì người ta biểu chuyện khôn thành hành đặng, song quấy tại những kẻ đã, trọn một năm, ở trước các đồ cuộc chống cự ấy mà chẳng kiếm phương thế đặng dọ cho biết nó. Đã hay rằng bổn tánh người thanh và nhơn dân an-nam hễ có tiền thì mướn làm đặng mọi sự, nên người ta có sức mà rỏ thấu các công cuộc trại binh thể nào; với một trái khí cầu (*montgolfière*) thì người ta lấy đặng các mặt ngang đồn phía trong, lại với bất kì là một cái đồ đo góc (*goniomètre*) nào, thời biết được các bề xa gần bao nhiêu. Nhứt là người ta chớ đến nói chuyện như vậy là tân hoá, vì lúc ấy không kiếm đặng đồ mà bong một trái khí cầu tại đó, v. v. Trận Fleurus tỏ ra cho chúng ta biết nó kinh cửu là dường nào; sự phản bạn vì tiền bạc thái cựu cũng bường dương gian vậy; còn về lục sạn, lụa là, tại các tàu khậu thành Chợ-Lớn có biết mấy ngàn thước hàng cây để may quần và mấy ngàn xảng chỉ tơ, thảy đều nhẹ và chắc cực kì.

Các điều răn he trước xem ra chẳng ích chi hết. Có khi người ta không biết nó. Những lời đức hoàng đế Napoléon I^er khuyên bảo để dụng làm niêm luật (1) hãy còn lâu đời, thời nó đã qua Sông Rhin... đặng trở về chúng ta trong năm 1870, ai nấy đều biết thể nào. Lúc đó người ta ở tại Sài-Gòn mà đã vẻ đặng một cái họa đồ đường qua Biên-Hòa, song không có một cái nào về đồn binh. Cách chín năm sau, các quan binh chúng ta có mấy họa đồ nước Allemagne, mà thương hại thay cho mấy quan đó chẳng có một cái nào về nước Langsa hết; họ không biết đường Saverne qua Châlons!

---

(1) « Phải đam binh đi đánh giặc như ông Alexandre, Annibal, César, Gustave-Adolphe, Turenne, ông hoàng Eugène và vua Frédéric; hảy đọc đi, đọc lại truyện tám mươi tám trận giặc của các đấng nầy, hãy xem lấy đó làm gương, có một mình cách ấy để trở nên danh tướng cùng tìm ra đặng các sự kín nhiệm binh cơ mà thôi; như vậy, trí hoá chúng ngươi mới ra thông suốt làm cho chúng ngươi bỏ mấy câu luận ngữ nào nghịch với câu luận của các đấng trí sĩ nầy. » (Sách *Mémoires de Napoléon*, cuốn thứ II, tướng quân De Montholon).

Ở đây, đức hoàng đế Napoléon lấy theo phép thau lược mà án nghiệm cuộc giặc giả, là phép đã đời kia sang đời nọ mà các luật nó cứ giữ gần một trực luôn, lại mấy đồ cuộc chúng ta tân tạo để chuyên chở mau mắn hơn hết cũng không bợt nó đặng. Hai bài luận đem binh tới chỗ nào đó cho nhiều lung mà dùng ít ngày giờ hơn hết, hay là rút binh đi mà chẳng để hao, thì nó gồm cả chuyện thông thái về thau lược, lại, kể từ các trận vua Alexandre cho tới giặc russe với nhựt-bổn sau hết, nó cũng không đổi dời căn bổn chút nào. Lý chuyện như vậy là người nhựt-bổn với người russe cần đi tới, ăn uống, nghĩ ngơi cũng như người macédonien thuở trước, chúng nó đã có và sẽ có trước mắt cũng mấy cuộc đất cát hê hủng, núi sông đó luôn.

Về phép bày binh bố trận, hay là bề tấn thối con người theo việc binh, hoặc một mình, hoặc trong đám, tại chốn chiến tràng thời lại khác. Phép ấy canh cải chẳng ngưng tùy theo sự tấn ích hung khí cùng chuyện nghệ nghiệp tạo thành.

Ta cũng xin nói một lời về cách phân bũa ban đầu cùng về sự dùng súng ống pháo thủ, mà đây tính thêm một lần nữa, là nó có lẻ lo liệu đặng trước mấy tháng; ví như có trăm cách để hảm đồn binh hay là một cái lủy nào, thì có một cách khá hơn hết mà thôi: là cách bởi chính vì cuộc sắp đặt đồn lủy ấy giục lòng mà ra. Trước hết, mấy vị nào mà dùng đặng ích trong hai ngày 24, 25 février, thì thiệt số nó không đủ:

5 vị đại bác thủy 30 lòng nứa,
4 vị đại bác bộ 12 lòng nứa,
3 vị đại bác bộ 4 lòng nứa,
6 vị quá sơn bắn trái phá,
Hỏa phi đồng.

Ta không kể tới các khẩu đại bác bắn trái phá lòng 22 phân mà người ta đã trí tại mấy chùa, vì làn nó đi yếu lắm (2.470 thước) không sức phá trại binh cho đắc ích. Người ta cấp ra thiệt có mười hai vị mạnh mà thôi, lại tính dùng nó mà phá đồn binh độ dạc 400 mẫu tây bề diện tích. Đã vậy, chớ chi người ta để nó cho phải chổ; mà không, nên khi dùng cách nói ý vị của đức hoàng đế Napoléon Ier, thì dễ cho ta nói đặng rằng, xem ra súng ống pháo thủ khi ấy bởi một quan binh *hussard* nào đó phân đặt mà thôi.

Đây, cần kíp cho ta cắt nghĩa trại lính an-nam ra một lần nữa. Lúc đó nó là một cái hình có góc ngay được một ngàn thước langsa bề ngang, ba ngàn thước bề dài, có đường Thuận-Kiều đi thông qua bề trường nó. Muốn cho triệt hạ một cuộc xây đắp như vậy, thì không có cách nào khác cho hẳn hỏi, một phải để các khẩu súng tại đường ấy, hoặc trên lề nó, vừa xa mặt tây-nam cho đạn đi đến khoản sau hết và cũng xa vừa đặng khỏi sợ súng pháo thủ quân nghịch bắn tới. Muốn đem mấy vị súng, thì

phải dọn đường cho lâu trước, còn các chỗ đề trí nó phải do thám kĩ lưởng. Các vị 30 lòng nửa, mấy hỏa phi đồng, hết thảy đi sáu ngàn thước, đều để đặng nơi đó chẳng trừ vị nào, với súng pháo thủ nhỏ lòng hơn phòng khi binh vực các khẩu đại bác. Như vậy thời hàng súng trí xa trại binh có chừng hai ngàn thước, nghĩa là lối mấy đồn bị hảm trong ngày mồng một janvier. Song không kể tới lòng súng cùng làn dạn đi làm chi, vì có lẻ người ta chẳng biết được nó, lại cũng không tính tới các đồn hờ mà có khi quân nghịch đã lập đặng tại đó—và phải đánh lấy nó trước hết cũng như đã lấy đồn ngánh Redoute trước chùa Cây-Mai vậy—thì người ta cũng phải trí các khẩu dọc theo đường ấy luôn, không nên để chỗ nào khác.

Đả không theo như vậy, mà khi đó người ta lại làm thể nào? Họ trí bốn vị 30 tại Kiểng-Phước, một vị tại chùa Cây-Mai, hai nơi ấy đồng xa khoản đồn chót là sáu ngàn thước, lại khi phải bắn cho đạn đi tuốt cả và bề trường trại binh và đừng cho trật một phát nào hết, thời mấy khẩu đó bắn xéo vừa đặng một phần nhỏ mà thôi, đã vậy người ta phải nhọc công hết sức mà đam các vị ấy đi qua dây đất sình.

Ngày 19, có phóng hỏa phi đồng qua binh an-nam «đặng làm cho chúng nó kinh hải»; song thật quê quá có ý để mất sự đắc thế về chuyện làm cho bắt thình lình như vậy. Các hỏa phi đồng nầy báo tin cho binh an-nam hay trước năm ngày về sự gần giao chiến mà thôi. Nên lúc đó mà binh có đi ra, thì chẳng chi lo sợ. Từ ngày có chuyện tại Kiểng-Phước, người an-nam không còn dám đến đánh với chừng một ngàn binh langsa giữ đường phòng ngự theo mấy chùa đã dài quá và chẳng đủ sức. Vậy gan nào mà họ lại dám tới đánh năm ngàn binh có hiện tại đó bây giờ?

Bữa 24, người ta bắn trại binh an-nam «dặng làm cho họ lo giữ đó» thật vô ích lắm, rồi đánh lấy đồn Redoute,

Qua 25, pháo thủ bộ nhạn hàng đánh mặt tây-bắc trại quân, sự như vậy nghịch cùng niêm luật binh cơ thuở ấy, vì đầu miểng trái phá, đầu đạn tạp nạp lúc đó, cũng không văng trúng đặng binh cố thủ đứng nép vô bờ lủy phía trong, bởi đám đạn và các miểng mấy trái ph á nạp thuốc súng đen, đều tạt tới trước chỗ nó nổ. Đó là chuyện phí tán thuốc đạn mà thôi, song thật nó không được lâu. Nếu khi ấy các đấng cai binh nhớ lời chỉ giáo của ông Vauban, Cormontagne, Carnot cùng hết thảy các vì bác vật binh có danh tại Tây phương, thì có lẽ mấy quan ấy để súng ống pháo thủ minh nơi đường nới dài đàng phân đồng góc đồn muốn đánh ra làm hai, cùng trí một ít vị ngoài đường đó nữa, đặng phá sứt góc ấy đi mà hẩm. Đây càng có phước hơn, vì trước hết các quan phải đem súng để tại dường nới dài mặt tây-bắc qua bên phía nam, đặng bắn luốt hết cả cấp lủy. Các vị súng trí xa mấy mặt đồn lối hai ngàn thước không chi mà sợ quân nghịch, vã lại sự trại binh bắn trả mau chỉ trúng mực cho minh lại gần thể nào.

Chuyện phải làm, là trước hết để hàng súng nặng cho có chỗ và lấy nhánh cây mà án nó đi, đoạn đánh lấy đồn ngành Redoute, vì nó làm thiệt hại cho sự hành quân. Sau rồi, tấn binh tới cùng để hờ nó cho sẳn sàng mà chạy đến tiếp cứu hàng súng bộ lòng nửa đã trí như ta mới nói. Trong lúc đó mà thôi, mới nên chưởng hạng đại pháo ra và khắp chỗ phải bắn một lược.

Người ta có lẽ bắt lý rằng, để súng tại chùa Cây-Mai và Kiểng-Phước mà bắn, thì ba tấm dại tường ngăn trong trại bị đạn đi xéo, lại mấy miểng trái phá

nổ có khi văng nhằm binh cố thủ nào đi sau mấy vách đó. Mà như tình thế ấy, thì mấy người giữ đồn có đứng nép vô vách lủy mặt tây-nam mà thôi, thì cũng còn khỏi bị hại. Vã chăng, ba tấm vách ngăn ở xa nhau hai ba trăm thước, nên dầu cho đạn ở phía nào mà đến, thời mấy kẻ thủ đồn cũng không ở đặng trong khoảnh trống, nghĩa là nền các khoản, nên họ hằng đứng nép đặng vô một bờ lủy nào đó luôn mà lánh khỏi nạn. Sau hết, cớ làm cho quyết định là phải bắn phá khoản chót nhiều hơn hết. Song khi ấy nó ở mút lằn súng dại bác các chùa, chớ như trí tại đường Thuận-Kiều, có lẻ nó phải bị bắn tuốt cả bề dài và ở xa dưới 5.000 thước langsa; đoạn, một điều ý chỉ sau hết, là khi hai dảy súng trí bắn như ta mới chỉ ra thì đạn đi chấu lại làm góc ngay. Bắn phá chầm rải, cho có mực trong mười hai giờ, lại đang khi có tiếng hỏa phi đồng kêu gớm ghê, thời chắc làm cho phía nghinh chiến phải bỏ trại, lại sự xài phi thuốc đạn không hao chút chi hơn là cách đã dùng. Khi đó cũng nhằm lúc dụng khí cầu montgolfière mà canh giờ quân nghịch. Khí cầu có mấy kẻ thám thính, với sự bắn xa mà người an-nam không biết, thì làm cho họ kinh tâm nhiều hơn là leo vô đồn và xáp trận nữa. Rốt việc, cũng còn chuyện hảm đồn luôn, khi đó phải thi hành nó cách làm sao cho ít hao nhơn mạng. Song, trong khi như vậy, phải tùng theo phép đã biết, là dạy mỗi người lấy một bó chà cây mà lấp các hầm và hào đồn.

Trọn hai ngày, tư bề người ta có phát pháo một ít mà không hiểu cho chắc làm sao, lại ví như binh langsa-espagnol bị hao nhiều dường thế, thì tại cớ ấy mà ra. Phàm như khởi đầu hết mà súng ống pháo thủ trí không nhằm chổ, thì sự nó dọn phá phía

nghịch nhiều hay là ít không chỉ nghĩa gì. Đồn Chí-Hoà chẳng phải là một cuộc xây đắp tầm thường trước mặt quân nghịch. Theo cách thế nó đắp cao, xây chắc chắn cùng các đồ cuộc để chống cự phụ thêm, thì nó giống đồn đã khởi làm trước giặc, nên phải đánh nó như bất kì là thành nào xây bằng đá vậy. Xem ra không ai biết bài bãng đó. Mẹo mực tiên chiến nương theo: sự binh giợm tấn, tánh hung hăng langsa và, riết tới, lưỡi lê đâm! Hết thảy chuyện nầy đều khá quá với khi giái lúc đó, song ngoài đồng trống mà thôi. Chẳng ai đánh vách lủy mà dùng cách như vậy, phải nó là bằng đất đi nữa cũng không.

Bây giờ chúng ta hảy xem qua các chuyện phía người an-nam. Ta không rỏ, lại có lẽ đến sau người ta chẳng còn biết đặng chính ý, tri về dẫn tâm các đấng cai binh an-nam thể nào nữa. Dầu vậy, như người ta muốn do theo sự tấn lập các đồn bảo, lớp lang những điều sinh biến xảy đến, thì người ta phải ép minh nhìn biết các quan đó chống trả lại với những chuyện biến nầy hết sức minh, song chẳng hề khiêu thách nó bao giờ.

Khi bỏ thành Sài-Gòn rồi, thì họ đam quân gia minh thối về Chí-Hòa cùng Thuận-Kiều. Dầu làm sao, biết có phải là ông tôn thất Hiệp dạy lập mấy đồn lủy người từ Chí-Hòa đi tới, mà đến sau nó đổi ra làm một cái trại binh trước hết, hay là khoản đồn, hình có góc ngay và trong đó có đường cái hiệp vô nữa chăng. Ba mặt đều có đồn hộ dực, còn mặt tây-nam thì ngay thẳng, đến sau nó trở nên tấm vách ngăn có tiếng, vì quân gia chúng ta đến đụng nó cảng trở. Vòng tường nầy có một cái đồn nhỏ (*Fort du mandarin*), như nó không ngăn ngừa phía tây-nam, thì nó lại bắn vô trong phía ấy. Đồn thứ nhứt đó thất luật

trong sự sắp đặt nó theo nghề riêng, mà lấy theo phép thao lược thì nó ở vừa phải chỗ; đường Lăng Đức-Cha đi ngang khít mặt đông-bắc nó đặng trổ qua đường Thuận-Kiều, cách góc bắc chừng một trăm thước langsa. Khoản đồn thứ hai xem ra có lập thành là tại xây nối hai mặt tây-bắc với đông-nam chừng hai trăm thước qua phía tây-nam; vì khó mà định dẹo rẳng, đồn có góc ngay đó đặng mỗi bên chừng một ngàn thước bề dài mà đã lập trước, rồi mới xây đồn nội sau. Hai mặt mới nầy dáp ngay thẳng mà thôi, không có đồ thế hộ dực, mỗi mặt được một ngàn thước. Vậy chốn ải lang nầy xây lần lần từ khúc, nối nhau đi qua hướng Sài-Gòn, hay là, muốn cho trúng hơn, thì nói nó cứ dắp nới dài hai mặt luôn ngay theo đường, nhờ vách ngăn từ chặng mà cầm nó lại. Mặt đi ngang qua đường thì một mình nó có đồ cuộc hộ dực mà thôi. Mặt sau hết hình như cái kềm có ba cái đồn ngánh, hai cái hai đầu, còn cái kia tại ngạt; đồn ngánh tại mút phía Đông ở gần chỗ cùng Rạch Avalanche lắm.

Sắp đặt như vậy, thì đồn tỏ ra cho biết ý các người lập nó mảng chăm chỉ chống trả lại với giặc đi đường Thuận-Kiều xuống mà đánh và đi ngỏ đó đặng phạt nghịch đảng. Họ có lo điều cần kíp đặng lánh cho khỏi giặc đi bọc phía Rạch Avalanche; nhưng vậy, như bắt từ Sài-Gòn đi qua cầu Thị-Nghè, rồi vô Gia-Định (Bình-Hòa) mà lên Lăng Cha-Cả, nghĩa là đi theo đường nay thiên hạ kêu là *vòng Bà-Chiểu lớn (grand tour de l'Inspection)*, thì có lẽ họ cũng phải bị đánh phía hậu nữa, song họ tưởng dùng súng đại bác mình mà bắn giữ đặng đường ấy chắc chắn.

Các quan an-nam không tin có lẽ đi phía Đồng Mồ-Mả mà đến đánh đặng sao? Chuyện ấy xem ra tại cách

ngăn ngừa và trí ý bày binh bố trận người an-nam, dầu cho người tàu thuở đó cũng chẳng khác chi hơn, họ không tưởng phải phòng ngự hai bên cùng hậu diện các thành đồn mình cho hẳn hỏi. Nên biết đã mấy lần người thanh bị bại tích về sự như vậy.

Đến sau, ông Nguyễn-Tri-Phương có dạy lập đồn bờ tại đường. Ta xin nói lại, chuyện như vậy là người muốn hoặc thâu phục Sài-Gòn, hoặc làm cho binh langsa đến đánh phía người kiên bế hơn hết, song quên rằng kẻ nghịch nào mà thạo việc chẳng hề đánh nơi đó bao giờ, lại hằng nông sức mà làm trái ý người ta tròng trớc.

Dầu thế nào, các tướng an-nam cũng hoài công vô ích. Họ không dám xáp gần lằn súng đại bác Sài-Gòn, lại lúc đó người langsa không đi đường Thuận-Kiều mà tới đánh họ. Khi ông tôn thất Hiệp gần mản quyền, người day qua phía Chợ-Lớn và lo dứt thử đường quan thông đạo binh nhỏ langsa với espagnol tại chốn thiềng thị ấy. Bởi đó, mới khai hào có cặp bờ từ góc nam mà qua chùa Kiểng-Phước, chúng ta đã biết chuyện ấy bất thành thể nào. Hào đó có ba đồn ngánh hay là chổ dàn binh, nó đi gần ngay thẳng.

Nhưng vậy, phải tin rằng ông Nguyễn-Tri-Phương, thế cho ông Hiệp, dã bỏ sự mình định chừng trước; xem ra người cũng sớm hiểu biết người sẻ bị đánh nơi khác, chớ chẳng phải là tại chổ người tưởng. Khi thấy quân sĩ mình bị đánh đuổi cách mạnh mẻ trong lúc hãm chùa Kiểng-Phước như vậy, thì các quan khác cũng có lẻ thấy trước đặng một it về sự chúng ta tấn binh bọc hậu, bằng chẳng như vậy, làm sao mà giải cho ra hằng đồn xây lấn qua hướng Tây (nó khởi sự từ đồn ngánh trước hết đắp trên hào có hai bờ), làm sao mà giải mấy mô súng xây nối dài ngay theo

mặt dông-nam trại quân cho được. Các lủy có góc trờm ra lại với mấy bảo lập đài theo hàng đồn, cùng hướng nó xây nữa, thì coi như một cái rào kia đề ngăn đở hơn là dàng xả dặng tiên chiến. Đó, chúng ta đã biết, là sự tính làm mà cũng còn trật di nữa. Lại điều như vậy bởi lỗi ban đầu mà ra, nên các quan tướng an-nam phải do theo các chuyện cơ biến luôn mà chẳng hề khiến đặng nó bao giờ.

Vậy làm sao các quan ấy không khởi sự tại chỗ mà họ phải làm luôn một cách cho rồi? Mặt đông-nam trại là một cái kềm, cả trại có hình ấy mới phải; ngạt thì ở tại phía tây-nam đường, một mép bên hướng Rạch Thị-Nghè có đường đi ngang qua, còn mép kia nằm theo hướng chung tây-nam. Người ta không phòng giữ giặc bọc hậu nhiều hơn, song vừa khởi đầu thì có khi người ta đặng chắc ý rằng giặc sẻ áp đánh phía sau, vì kẻ tiên chiến không liều mình mà đi dường ở trong góc đạn súng bắn trái trả như cái kềm dã cho thấy. Bởi vậy binh thủ trại có thế mà sắm sửa đồ cuộc mình đặng, kiên bế chỗ giặc đánh và lo một đường thối hậu cho chắc ý, lại it nữa đàng ấy đừng đi ngay theo góc bị đánh. Mặt hậu đồn, thì hình chung nó tỷ như cái mô kia xây khum ra ngoài, nên có lẻ nó cũng còn bị đánh tại góc nữa, song khó hơn; ở đây phía khum bác miệng lớn hơn là mấy chéo đồn có góc ngay.

Sau hết, cách sắp đặt như vậy không ngăn cảng đặng đừng cho đi ngang qua đồng, hay là lập đồn bên phía tây từ trại binh cho tới Rạch Ông-Buôn, dầu cho công cuộc sau đây không cân xứng với những diều phải đặng. Hàng đồn nào mà chẳng dựa vô mấy nơi hiểm địa tự nhiên (như quèn núi, đồng bùn, bực hầm, v. v), thì hằng phải giặc bọc hậu luôn — một cách cũng

như dảy đồn nầy — lại ví như người ta không có quân sĩ cho đông, nhứt là quân sĩ ao chiến đặng bủa giăng tại đó mà nghinh chống, thời nó không ra chi hết. Lúc ấy, ông Nguyễn-Tri-Phương không có thứ binh lính như vậy, người cũng chẳng đặng đủ đông cho ải lang quảng đại minh, lại ở đó người bất thông dụng cách xây vách che lưng và tường dở đạn mà có hầm ẩn núp. Bề trại rộng trót ngàn thước xem ra chẳng chỉ cho thấy mánh lới muốn làm cho binh cố thủ ở một mặt khỏi bị đạn phía ngoài mặt nghịch bắn vào sao?

Ta không kể rỏ các điều khác làm chi, sự ta mới tỏ bày đó dư sức làm cho hiểu rằng, thì như các viên quan an-nam mà biết đa thiểu nghề lập đồn lủy, thì họ lại không thạo cách dùng nó. Vừa ngăn giử đặng một cái đèo, hai bên bờ sông hay là một cửa biển mà thôi, còn về sự ra kiểu xây thành đồn nơi binh địa, các quan ấy tỏ mình chẳng thông chút chi hết.

ĐUỔI THEO ĐẠI BINH AN-NAM

Bởi gấp ở cho chắc chắn tại khoản đồn thâu chiếm, không di đặng cho cùng trại mà tầm soát nghịch tặc cho chóng, lần châm thêm thuốc đạn, dời quan quân thương tích, lại trên hết mọi sự, là binh sĩ đã mỏi mệt, nên làm cho bỏ qua tạm sự rượt theo binh annam.

Bửa sau, 26 février, vừa mưng đông, có vài compagnie đam lại khẩu lòng 4 theo mà đi vào các khoản khác cho tới đồn ngánh phía Đông bên hướng Rạch Thị-Nghè. Vì vậy, người ta mới thấy đặng một phần binh thủ trại đi ngỏ nào mà tẩu thoát. «Khi đạo binh an-

nam bị đuổi ra khỏi viên trại *(camp du Mandarin)* rồi, dầu cho có súng lớn các Chùa bắn, thì họ cũng đi theo mấy vách ngăn mà qua đặng bên đồn tại Rạch Thị-Nghè.» (P. d. l. B.)

Vậy các khẩu 30 ở tại chỗ người ta trí nó lúc đó mà bắn, thì nó không làm nên việc cũng như sự dẩy khoản đồn nghinh chống, vì mới vừa đánh lấy đặng khoản đầu mối việc, thời đủ mà làm cho binh an-nam bỏ các khoản khác. Ông Pallu de la Barrière nói rằng, khi soán lấy viên trại thì đường Thuận-Kiều để thối lui thẳng liền bị dứt, nên binh cố thủ cực chẳng dã phải đi khoản nầy sang khoản nọ cho tới hết, rồi lội ngang qua đám đất lầy lối dựng Rạch Thị-Nghè, ở đó có hai chỗ trống cày, họ chun qua mà lên đặng trước hết trên dất cứng, sau lên Lăng Đức-Cha, rồi đó mới băng qua đồng trống với rừng chồi mà về đường Thuận-Kiều. Song chuyện nầy không ăn rập cho lắm với lời ông ấy nói khúc sau: «Gần hết thảy các vị súng bộ đều chôn trong đám rừng chồi, giữa mấy chỗ dã thuận tình ghi dấu, đặng đến sau người an-nam tới dó mà tìm.» Nếu thật như vậy, thì cả đạo binh an-nam không có đồ qua mấy bưng thuộc ngọn Rạch Thị-Nghè, vì tại chỗ đất nào mà một người còn lấy làm khó mà day động sự nặng mình, thì nó không sức mà chịu cho đồ nặng như súng đại bác dầy qua đó được, dầu cho có nhỏ thể nào cũng mặt lòng. Vậy muốn chôn các khẩu nầy cho xa trại quân, thì phải đem nó ra tại chỗ khác, chớ không phải tại đầu trại phía Đông, sự ấy có lẽ chắc như vậy, vì người ta khó ưng lý rằng, một mặt đồn dài ba ngàn thước mà một đầu có một cái cửa mà thôi. Vã lại, sách *Monographie de la province de Gia-Định* mà trước ta có hai tên, thì nó dã minh

giải cùng nói rằng, binh thủ khoản đồn chánh đã chạy qua Tân-Sơn-Nhì với Gò-Vấp, nghĩa là qua hướng Tây-Bắc và hướng Bắc trại quân. Dầu cách nào, binh an-nam cũng đã đặng hai ngày và ba đêm mà rút đi.

Qua 28, trời chưa sáng, đạo binh kéo lên Thuận-Kiều, nó có ba cái đồn ngăn giữ, người ta ngở rằng nơi đó có sự chống trả rần rồi không thua gì Chí-Hoà, bởi nó mới thêm điều tầng trải cho người khôn ngoan và làm cho mấy kẻ táo tánh ra cẩn thận. « Quan thủy sư không muốn cho động quân sĩ đã chịu nhọc nhằng cam khổ trong lúc hãm đồn ngày 25, và đổi cách đánh tùy theo địa cuộc đồn xây, nó đã nổi lên lại có nhiều kho tàng với một cái mô súng cao nữa, nên người nhứt quyết để cho súng pháo thủ làm vai chánh trong ngày ấy mà thôi.» (Pallu de la Barrière). Quan chưởng thủy Charner làm phải lẻ, mà sao buổi đầu người không chọn cách sữa lại đó. Còn về sự đồn nổi lên nhiều ít, đặng định nên dụng súng đại bác mà đánh cùng chăng hơn là tiểu thương với lưỡi lê, thì nó là một phép luận ta để cho chủ sự.

Chuyến nầy các việc phân đặt nên trúng lý, song nó không còn gặp chuyện mà làm nữa. Người ta thấy trước mắt có một đoàn binh hờ chừng tám trăm, mà súng họ ở tại đồn tiền mà bắn ra rân trời, là có ý che lấp cho binh rút đi mà thôi. Súng an-nam bớt bắn lần lần mau lắm, lại pháo thủ đạo colonne đối xạ có 150 phát mà thôi đặng dứt tuyệt nó đi. Binh bộ đóng trong các đồn và trong làng, quan quân không hao bao nhiêu. Nhưng vậy, có vài tên linh chasseur bị đạn sa nhầm. Lúc vừa khai trận, có một trái hỏa phi đồng xì lớn tiếng làm cho con ngựa ông quan năm Crouzat thất kinh, nên người té xuống và bị vít nặng nơi trái vế.

Khi thâu ba đồn, thì đạo binh xuất trận lấy đặng 1.400 tonne gạo, thuốc súng, đạn, siêu giáo, súng ống pháo thủ nhỏ lòng, 20 vị bảng gan lòng 16, đồ dạc quân lính với tiền quan. Các người an-nam bị thương đã dời đi trước rồi.

Qua ba giờ chiều, binh langsa cất lên Hóc-Môn, Rạch-Tra, và Tây-Thủy. Trong lúc đi như vậy, có nhiều kẻ bị trúng thử nặng lắm. «Ngày đó có một ít người phải nắng mà bỏ mình. Kẻ khác trở ra điên.» Bởi binh sĩ chúng ta chịu theo sự sa mê tự nhiên một chút, nghe lời các quan và chính vì lương y bày biều nữa, nên có uống nhiều rượu mạnh cùng rượu nho, mà tội nghiệp cho mấy người ấy không dè rằng rượu mạnh đó làm cho thương thử (1) mau nhiễm vào mình. Lối năm giờ, tiền đạo nhập đồn Tây-Thủy mà binh an-nam đã bỏ đi, đình trú lại đó cho qua đêm ấy. Người ta gặp tại chốn đó có mười bốn chiếc thuyền chiến kéo lên đề dựa bờ dấp; nó ở đó kể từ khi lấy Sài-Gòn, nghĩa là đã đặng hai năm.

Người ta cũng có gặp một chuyện khác buồn thảm hơn nữa: là sáu cái thây người có đạo bị chém lấy đầu cách gớm ghiết một đôi giờ trước, mà mình hẫy còn gông cùm vấn vít. Bữa sau lại gặp bảy thây khác chôn cạn lắm, người ta tưởng nhìn lại được trong đám tử thi nầy có mình thầy đội lính bộ thuộc thủy đã phải tay người an-nam sanh hoạch sáu tháng

---

(1) Trong sách truyện của quan tướng Roberts thuật lại về lúc người đi đánh giặc bên xứ Afghanistan (1879-1880) thì thấy nói như vầy, có trong một ngày mà hết mười bảy ông quan với người nữa đều bị cảm thử, song có một mình người thoát khỏi mà thôi, quan tướng lại thêm rằng mười sáu vị kia đắm tửu lắm.

trước (1). Chuyện mọi rợ như vậy làm cho lương tâm người tây chỗi dậy, vì đã lâu đời chẳng còn chịu điều hung dữ chỉ về việc đạo đức nữa, không nhẫn nhịn sự ăn ở độc ác, huống lựa là giết quan quân bị bắt trong lúc giặc giã. Nhưng vậy, theo phép an-nam thời những điều ấy làm phải lẻ, luật hình lên án tử cho các kẻ nào đem đạo « tà » vô xứ (điều 144 với mấy chỉ dụ) hay là giục dân dấy loạn (điều 243, 244 với các chỉ dụ). Khi ấy người có đạo là tội nhơn cũng là kẻ bị bắt trong lúc giặc giã nữa, vì nhà nước an-nam đó, mà lại nhà nước tàu nữa cũng chẳng khác chi hơn, không muốn biết ở ngoài xứ mình mà có nước nào đã giáo hóa, dỏng cường cùng tự trị, đặng phải ăn ở cho quân bình. Ngoài cương vực đế quốc, thì có tình là mấy chi phái man di, quân đồ hung ác đức và đảng nghịch cùng chánh giáo mà thôi.

Trí dốt nát ỷ quyền, lòng tối tăm cứng cỏi bất khẳng kể tới kẻ ngoại phương, tánh sâu độc muốn riêng cho mình lập luật như vậy, thì chẳng kíp thời chầy phải tàn hại cho gia quốc; vì như tâm tánh dòng dỏi nào mà có lẻ chẳng giống đặng với tâm tánh các dân khác nơi trần thế, thì như vậy dòng dỏi đó không có phép tỏ mình kiêu căng, độc ác với dân khác, bằng chẳng, rốt việc rồi, nó hằng chịu cho người ta dùng sự hung dữ mà làm cho nó khử tà qui chánh luôn. Đó là chuyện đã xảy đến cho nhà nước việt-nam.

(1) Cách thầy đội nầy bị bắt thì ông Pallu thuật lại như vầy: « Thầy ấy đi tới Chợ-Lớn, thuở đó nó là một chỗ nghịch. Chẳng bao lâu thiên hạ tựu chung quanh thầy. Có vài người an-nam chỉ một con gà mái mà đố thầy bắn cho trúng. Đó là một kế dùng với người langsa thì chắc được việc lắm. Thầy ấy bắn, rồi bị chúng thộp liền. »

QUI THUẬN XỨ CHIẾM ĐẶNG

Vừa qua bữa sau khi đã đến tại Tây-Thủy, thấy có nhiều làng ra đầu thú, chiếc *Dragonne* đi ngã Bến-Lức mà lên cho tới Tây-Ninh, đã ra công nhiều mà giúp vô chuyện ấy. Về đạo binh an-nam, thì nó đã vở tan tứ hướng. Phần nhiều trong những binh chiêu lập tại Nam-Kỳ cùng các lính đồn điền đều trở về làng mình; mấy kẻ khác kéo nhau từ tốp mà qua thành Biên-Hoà, xuống Mỹ-Tho cùng Vỉnh-Long. Quan thượng tướng Nguyễn-Tri-Phương, bị đạn nơi kiến tay, đã lui về Biên-Hòa, mà bởi người là tướng thất trận, nên không nhập thành ấy đặng. Quan nầy cùng tàn tốt người đóng tại nồng kia cao hơn tỉnh thành (Giốc-Sồi). Ông Nguyễn-Tri-Phương ở đó được chừng sáu tuần lễ, cho tới khi có lịnh đòi người về Huế; cách hai ba tháng binh gia người mới về theo. (1)

Khi lấy đặng xứ xong, thì có cho mấy đạo *colonne mobile* đi soát lục khắp chốn; các tàu thuộc đạo tiểu thuyền cùng mấy chiếc tàu trận lớn nữa đều chạy sông nầy qua rạch kia không dứt. Quan thủy sư Page ngữ Biên-Hòa, còn ông phó quan năm thủy Bourdais giữ hai sông Vủng-Gù với Bến-Lức. Cũng trong lúc đó quan thủy sư đề đốc Charner truyền phân phát yết thị cho nhơn dân và dặn bảo các quan hay cuộc thám thính về những người ấy mà ràng:

---

(1) Đó là truyện của các người trưởng lão văn chương ở Biên-Hoà thuật lại. Còn đây có một cái khác của ông hạp Hược, là người trước tùng ông Phan-Thanh-Giảng, lại trong năm 1861 người có ở Biên-Hoà: «Khi thất thủ tại Chí-Hoà rồi, ông Nguyễn-Tri-Phương lui về Phan-Ri đặng kiếm thuốc mà xức cho lành vít nơi cườm tay người và đợi lịnh triều. Ở đó dặng ba tháng, kế người về Huế. »

Các ông nói cho chúng nó rỏ rằng luật lệ chúng nó sẻ trọng kính; chúng nó an tâm đặng mà lo buôn bán, cày cấy và chở huê lợi mình đến Sài-Gòn. Chúng nó phải tin chắc rằng, đời các quan an-nam cai trị đã mản dứt, nhường chỗ lại cho đại quốc Langsa chấp chánh, nên những kẻ nào nhìn biết quờn phép chúng ta và làm tôi chúng ta cho trung tín, thì chúng ta sẻ hết lòng phù hộ.

Đặng làm cho tiêu tan dấu tích tiền nhựt, thời các ông hãy triệt hạ mấy đồn bảo nào mà các ông gặp nơi đường đi qua, lại muốn cho hủy tuyệt nó đi, các ông hảy dùng lấy dân sự chung quanh mấy khi có thế được. Các ông đánh giết bất dung mấy quân hoang nào trên bộ mà phá tán trong xứ, và những đảng ăn cướp khuấy rối sự thông hành nơi sông rạch. Song các ông hãy để cho các ghe thuyền đánh cá hay là buôn bán đặng đi thong thả. Sau lại các ông phải tom góp các sự tích nào thuộc về xứ nầy mà hửu ích cho phép cai trị, cuộc ngăn ngừa, bề huê lợi và phương thế thương mải của nó.

Về ông quan ba thủy Guys, lảnh việc bang giao tại địa phận Tây-Ninh, thì quan chưởng thủy hạ bút như vầy:

Ông sẻ lãnh sở hay việc bang giao, nhứt là chỉ về các điều chúng ta thống thuộc với những người cao-man. Ông hãy hứa trợ giúp và hộ vực cho chắc chắn hết thảy dân sự nào ở bằng yên tại đất chúng ta; lại, về sự nầy, ông hảy công luận với quan cai binh thú ở Tây-Ninh. Ông phải kiếm thế mà lập sự thù tạc thuận hảo với các đầu mục nước Cao-Man. Ông hảy nói với chư quan nầy rằng, chúng ta ở hòa thuận và ao ước giử sự ấy. Nói tất một lời, là ông rán sức mà làm cho chung quanh ông đặng sự bình tịnh cũng an tâm, lại ông hảy năng cáo báo cho ta rỏ về thì thế chốn cơ nghiệp tân tạo chúng ta thể nào.

Sau lại, về vua nước Cao-Man, thời quan thủy sư có cho người đam dưng lễ vật với một bức thơ (24 mars 1861). Ông quan ba thủy Lespès, là người hết lòng ra công giúp một phần việc trong lúc chiến tràng, phụng lảnh chuyện sứ sự nầy; ông ấy đi chiếc aviso ***Norzagaray*** **thuộc người cai mà lên Kampot. Trong thơ đó nói rằng:**

Các chuyện biến sau tại Nam-Kỳ dà thấu đến Bệ-Hạ. Bệ-Hạ ro chuyện quân sĩ langsa với espagnol dã duồi binh an-nam ra khỏi các đồn Chí-Hoà, còn Sài-Gòn nay được rảnh rang, lại dạo binh nghịch thất thủ vở tan tứ hướng. Nhơn dân các miền chung quanh, ở thậm viền, đều tuôn tới hàng đầu và chịu sự phủ trì dã hứa với chúng nó.

Ý nước langsa là muốn gìn giữ dất mình chiếm cứ, lập ra một cỏi thuộc địa tại Nam-Kỳ và đem mọi ơn lành bởi sự giáo hoá phương Tây vào đó.

Bấy lâu nước Cao-Man hằng giao liên hữu với nước Langsa. Tôi trông cậy rằng, khi các chuyện chúng ta thù tạc với nhau ra năng có hơn, thì cũng ước cho nó ra thiết yếu hơn nữa.

Tôi là thống lảnh thủy bộ tại Nam-Kỳ, và thay mặt nước Langsa, tôi đến tấu cho Bệ Hạ tường tận ý chúng tôi muốn ăn ở tử tế hết sức với nước Cao-Man, cùng báo dáp mấy chuyện khi trước đức Thái Thượng Hoàng hằng làm mà tỏ lòng hoà hảo và tình ngởi với kẻ thay mặt đức Hoàng Đế cao trọng langsa ở tại Sài-Gòn.

Tôi cũng xin trọng kỉnh cho Bệ-Hạ hay, một ít lâu dây tôi sẻ tính dam binh gia xuống Mỷ-Tho và thâu chiếm thành ấy, là nơi kinh chống sau hết của người an-nam ở phía nước Cao-Man.

Như thánh ý Bệ Hạ muốn tính việc chi, thì có quan cai tàu aviso *Norzagaray* của đức Hoàng Đế dặng phép công luận.

Tôi xin kỉnh dâng cho Bệ-Hạ.....

Sự lo lắng với vì vương đế cao-man như vậy thì được viên thành. Vua Norodom (1) có đáp lễ và sai một bộ sứ tám mươi người xuống (sau ta sẻ nói chuyện nầy).

Mồng 10 mars 1861, binh sĩ trở về Sài-Gòn-Chợ-Lớn, dễ một compagnie binh bộ thuộc thủy với một

(1) Vua Âng-Đuông (Néăc-Âng-Đuông) băng nhằm năm 1859; thái tử người kế vị xưng là Norodom. Vừa qua tháng avril 1861, thì vua nầy phải qua Xiêm tị nạn, vì có loan lạc nổi dậy bởi mấy quan theo phe ngụy dệ người xúi giục, tên là Si-Vattha, con thứ ba vua Âng-Đuông (con thứ hai là Phra-Keo-Pha); năm 1862 binh xiêm dem người về nước, song qua cho tới mồng 3 juin 1864 mới làm lễ tôn vương.

compagnie lính an-nam (1) ở lại Tây-Thủy, nó có lãnh một khẩu đại pháo thủy 30 mà để trong đồn. Một đạo colonne mobile với hai vị quá sơn bản trái phá để tại Thuận-Kiều, còn một compagnie lính bộ thuộc thủy lại ở giữ Chí-Hòa. Sau một ít lâu, trót cả trại binh đều bị triệt hạ, trừ ra một cái đồn lập nơi đường mả thôi, cũng đặt tên là Đồn Testard, để mà nhớ tích ông phó quan năm bị thương nặng trong ngày 25 février.

LẤY THÀNH MỸ-THO

Bây giờ đạo binh sai đi đánh giặc được rảnh rang và thong thả mà lo qui chế đất đã chiếm cứ. Nhưng vậy, xét theo việc binh, thì sự thâu đặng xứ Gia-Định không cho phương thế quản suất cỏi Nam-Kỳ. Đường đi ra Huế, nghĩa là ra chỗ chứa đại binh an-nam, khi đó trống trải, có thành Biên-Hòa giữ nó, còn miền trung châu đích danh không ghé vào được, đường thông thấu hoặc khó đi, hoặc chẳng biết. Vốn thật có hai ngọn rạch làm cho Sông Vủng-Gù thông với Sông Không :

a) Rạch *Arroyo de la Poste* nay người an-nam kêu là Rạch Bảo-Định-Hạ, còn các bản đồ lúc đó đề tên là Rạch Run-Ngu và Rạch Vung-Ngu. Rạch nầy sâu, đồ mau, trừ ra chỗ giáp nước mà thôi; khi ấy

(1) Theo lời ông quan hai Baulmont thì nói quan thủy sư Charner có lập bốn compagnie lính an-nam theo lời nghị ngày 24 mars 1864. Lời nghị đó tìm lại không được. Quan ấy thêm rằng: « Xem ra các sự được việc về chuyện nầy đều đặng phỉ lòng, bởi vì, qua mồng 4 février 1862, có lời quan Nguyên Soái Nam-Kỳ định lập ba cơ bataillon lính bổn quốc. »

nó có nhiều khúc hàn bít lại; một cái đường lộ bị nhiều ngọn nước nhỏ bứt ngang, đi dọc theo bên phía tây rạch ấy và dang khỏi bờ khúc gần khúc xa không đồng, còn các cầu đã bị dứt đi hết.

b) Rạch *Arroyo Commercial* từ Vàm-Cỏ mà qua Đại Giang, thì mấy khúc nó lại kêu là Rạch Chanh, Kinh Bà-Bèo, Rạch Cua và Rạch Ba-Rài; nó bị cỏ cây với bùn trịn lấp cạn; ghe nhỏ đi được mà thôi, chỗ nó đỗ ra là phía trên Mỹ-Tho. Đường nước nầy xem dường như ngọn Rạch Arroyo-Chinois nới dài đi thâu qua trong xứ.

Sau lại, lúc đó người ta không tìm được lạch cửa Đại Giang.

Thì thế thuở đó bề ngoài xem dường như một chốn giang sơn cơ nghiệp lập vững chắc, nhưng vậy nó hảy còn đơn sơ cùng hòng toan sinh nhiều chuyện buồn sầu lúc sau cho đạo binh. Quan thủy sư Charner hiểu rỏ sự ấy lắm, lại ví dầu quân sĩ đang thì mệt mỏi, các quan cai binh tầng trải trách cứ, thì người cũng nhứt quyết làm sấn mọi chuyện, vì người nghĩ rằng, như không lo xong việc ấy cho kịp, thì có khi mùa mưa hòng đến sẻ trì huởn trót một năm (1).

(1) Ta viết mấy hàng nầy ra là do theo lời ông Pallu de la Barrière thuật lại. Bề thế vị chép sách đó, sự người có mặt tại chỗ, thì đây làm chứng thật chuyện có y như vậy, nên ta không có lý nào mà nghi ngờ. Dầu vậy, ta cũng xin kể lại lời nói nghịch trọn của ông quan ba L. de Grammont (Sách *Onze mois de sous-préfecture en Cochinchine*, trương 274):

« Nhưng vậy, trí người ta đã biến hóa vạn kế mau hơn là ý quan thống lãnh ao ước, bổn tánh mực thước và dè dặt người khi ấy có chống trả lại một chút với sự thắng tới bắt hết thảy mọi người chịu theo. Bởi đó, vụ sai binh đánh Mỹ-Tho (từ mồng 10 cho tới 15 avril) là tại ông phó quan năm thủy Bourdais gạy đầu có danh, sau người bị đạn mà chết về chuyện ấy, nên xem ra như nó có ép quan thủy sư một chút. »

Không chắc rằng mùa mưa ít đắc lợi hơn cho cuộc hành quân ròng theo sông rạch ấy, vì kể từ đó tới chừ, thời sự làm thử đã chỉ ra, hễ có nhiều đám mưa lớn, thời dịch khí cùng là bệnh rét năng sanh trong lúc gần cuối mùa khô đều tuyệt hết, lại có mưa như vậy, mặt nước nổi lên và làm cho các rạch ngòi ra đi đặng, còn trước khi chưa mưa thời nó là như dòng nước rặc kia chảy mà thôi (1). Song, trong khi chẳng rỏ các chuyện nầy, thì thiệt khá hơn là đừng đợi, đừng để cho kẻ nghịch có ngày giờ hồi tâm cùng sắm sửa binh sỉ nhiều hơn; chắc lẻ khôn hơn hết là tấn tới, dầu cho phải liều nhiều sự cả thể đi nữa miễng là làm xong việc thì thôi. Người ta phải hà tiện bao nhiêu về mạng sống con người lúc có thế mạnh khỏi thí quân nhơn, thì cũng phải bất vỉ tới nó là bấy nhiêu khi chuyện tính làm mà có đặng tấc thành là phải liều như vậy mới được.

Các ngày tháng kể ra đó không trúng, về tánh ý quan chưởng thủy Charner cũng vậy, ít nữa là người không có tỏ mình ra thể ấy tại Chí-Hoà. Ta xin để sự bao biếm ta lại đó. Sử ký cũng vấn tích tại gốc sái nữa, đó là hai vị đồng thì (ông De Grammont, là quan ba thuộc về cơ régiment *101e de ligne,* đến tại Nam-Kỳ nhằm tháng juin 1861, người về Tây lối cuối tháng mai 1862) cả hai chép cũng một chuyện mà ý lại nói nghịch nhau, nên không có ích mà biết vì làm sao như vậy chăng?

(1) Đến sau, ông phó quan năm thủy Vial có viết lời nầy trong sách *Les premières années de la Cochinchine* của người, chỉ về vụ chiếm cứ ba tỉnh bên hướng tây :

« Khi hết thảy công cuộc đều chở đi đàng thủy, thì sự hành quân bạt thiệp trở ra ít hiểm nghèo hơn cho người tây trong mùa mưa. Khi đó chỗ nào chỗ nấy người ta đều gặp có nước uống được, ban ngày quân lính đụt đặng, ít bị trúng thử. Phong thổ ít khi đổi mau, còn trong mùa khô, khí trời nguội bởi đêm thanh giại hơi nóng lên mà làm cho nhiều người phải bệnh hạ lợi. »

Số binh sĩ không đủ sức cháng chưởng mà đánh Mỹ-Tho và Biên-Hoà một lược. Các tin tức đã dặng về thành sau đây thì tỏ ra rằng nó dễ lấy ; vì dầu khí giới, dầu tâm tình binh cố thủ cũng không đúng lực mà làm cho khâm các điều địch chiến buộc. Khi chắc ý thể ấy, người ta tưởng có lẽ dễ dẹp tạm thành nầy lại dặng; nhưng vậy, tại Thủ-Dầu-Một, trên mé tả Sông Sài-Gòn, đã sắp đặt đồ cuộc chống cự, đặng hở sau binh sĩ có đường đi qua cho chắc ý, lại chung quanh thành Biên-Hoà, kể từ đồn đầu cầu đó sấp dẫn xuống, thì đã có ông quan tư Comte, hay lính chasseur bộ, thám thính.

Cũng trong lúc ấy, có lập ra một hội, kể là ông quan năm thủy Du Quilio, ông quan tư binh kị tại bộ thuộc dinh De Cools với ông quan tư thủ bị Allizé de Matignicourt, hội nầy đi tới tại Sông Vủng-Gù đặng dọ cho biết Rạch *Arroyo de la Poste*. Mà bởi khi đó nó có hàn, lại các cầu bắc dài theo quan lộ đều phá đi hết, nên không thám thính cho xa đặng; nhưng vậy, hội ấy bàn ưng rằng, người ta có thể mà sửa đường lại trong hai mươi lăm ngày mà thôi, đặng dẫy súng ống pháo thủ. Dầu mắc phải các sự ngăn trở ấy, quan thủy sư Charner cũng nhứt quyết đánh Mỹ-Tho, vì người hiểu thấu chuyện hậu nhựt thể nào. Nhưng vậy người không bỏ qua mà chẳng truyền kiếm các đường khác, và nhứt là ngỏ ở ngoài biển mà vô Đại Giang. Có một vị kia giỏi việc dọ sông biển, là ông quan ba thủy Lespès, vâng lịnh đi với chiếc aviso *Norzagaray* thuộc về người cai mà tìm lạch. Người trở về, chẳng gặp dặng sự chi hết. Qua tám bữa sau, là ngày 26 mars, hai chiếc *Lily* với *Sham-Rock* có đi do thử lần thứ hai, mấy chúa tàu cai nó là hai ông quan ba thủy Franquet với Rieunier, ở tại

Nam-Kỳ dã dặng bốn năm; quan bát vật hay về bải biển với đàng nước, tên là Manen, có nhập vào cuộc dọ thám ấy, như người dã dự vô lần trước vậy. Chuyến nầy nữa, người ta cũng không tìm được sự chi, cũng chẳng kiếm đặng nơi nào tiện mà độ binh lên bờ, còn các đồn của người an-nam thì bắn giữ một khoảnh rộng xa lắm.

Ngày 26 mars, ông phó quan năm thủy Bourdais (cai chiếc *Monge*) dã ở dặng mươi lăm bữa tại vàm Rạch *Arroyo de la Poste*, khi đó dặng lịnh dạy tấn đạo tiểu thuyền tới mà đánh Mỷ-Tho. Binh gia tàu hãi người kể dặng hai chiếc canonnière *Mitraille*, *Alarme*, ba chiếc canonnière tiểu hạng số 18, 20 với 31; hai trăm lính thủy lên bờ, đội compagnie thủy thủ thượng ngạn thuộc chiếc *Monge*, 30 người espagnol với một khẩu quá sơn bắn trái phá có mười tên lính lo việc bắn thuộc tàu *Impératrice-Eugénie*. Ông quan ba binh bị Mallet với ông quan ba Haillot tại bộ thuộc dinh đều phụ vô đạo colonne ấy.

Từ ngày 27 cho tới 30 mars, ông phó quan năm thủy Bourdais làm hết sức dặng đi qua Rạch *Arroyo Commercial* mà không được, vì nó đầy tình bùn trịn với cỏ cây cản trở, lại nhằm mùa ấy nước nó ít lắm, nên có một minh ghe nhỏ trong xứ đi được mà thôi (1). Khi đó mới biết đàng nước nầy đi không dặng, nên người ta trở lại Rạch *Arroyo de la Poste*. là nơi bữa mồng một avril có các binh sĩ hội hiệp.

(1) Sự không hiểu chút chi về cuộc nước vần xây sau khi dã ở tại Nam-Kỳ dặng ba năm, thì lúc ấy nó quá lắm, cho đến dồi trong lời dụ quan thủy sư đề đốc Charner, thấy người nói rằng có lẻ « nước Sông Không dưng thình lình » lối cuối tháng mars !

Đang khi đo thăm Rạch Arroyo Commercial, thì chiếc *Mitraille* lại phụng mạng đi vô Rạch Arroyo de la Poste, nó có phá đặng hai khúc hàn. Cũng một khi nó lại dọ được khúc hàn thứ ba, hai bên có hai cái đồn giữ. Vừa bước qua mồng một avril, các đồn nầy đều bị súng lớn ở xa lối 1.200 thước bắn phá đi. Mồng hai, người ta đi tới gần hơn, song rủi chiếc canonnière *Mitraille* bị mắc cạn xa hai đồn ấy chừng 400 thước, nó không lui tới đặng, lại cản đường chiếc *Alarme*. Thời may, ba chiếc canonnière nhỏ số 18, 20 với 31 vẹt được một đường mà đi qua cùng đến đậu xa vừa làn súng đoản mã đồn, rồi cách một hồi đồn ấy chịu phép và bị soán lấy liền.

Người ta dụng ngày mồng 2 với mồng 3 avril mà phá hàn. Công chuyện làm dưới nước, dưới bùn đó, thì cực khổ luôn luôn, lại chuyến nầy càng làm cho mấy người phá hàn phải mệt nhọc và khốn hại cách riêng, có nhiều kẻ phát rét hay là bị hạ lợi, cũng có kẻ vương lấy hai bệnh đó một lược, lại càng làm điều rủi ro hơn nữa, là thiên thời sinh ra trong đạo colonne. Có lẻ cho tới ngày nay miền Mỹ-Tho cũng chưa đặng tiếng tốt về sự sạch sẻ thanh khí, ở đó thiếu nước ngọt một phần trong năm, lại dịch khi mà người ta gặp một ít khắp nơi trong Nam-Kỳ, là xứ thường sanh, thì nó có lệ nhiều hại miền ấy nhiều hơn các chỗ khác. Song nó không nặng cho lắm, vì nhờ các điều răn bảo để phòng tật bệnh đã tuân cứ nhặt nhiệm, cùng sự hằng coi sóc nước uống luôn, cho có thế mà lánh khỏi tai nàn, nên ngày nay người tây ít khi lâm phải bệnh ấy, trừ ra đôi phen tại chẳng cẩn thận đáng chê mà thôi. Lúc đó họ không biết phương dùng; cách họ

chọn, thì thường thường nghịch với cách phải dụng. Nhưng vậy, khi để dẹp các lẻ xem xét chung nầy lại, thời phải biết rằng, khi quân sĩ không được sức khoẻ thì nó làm cho dễ sanh ra bất kì là chứng bệnh nào. Mấy kẻ gan đởm ấy mới đánh giặc xong bên Tàu, phần nhiều ở tại cảnh Đông nầy đã ba bốn năm; nên cách sống nơi dinh trại sự hành bộ diêu viễn, cư trú lâu ngày chốn biển giả, phong thổ năng mau dời đổi, thời lạm cho họ phải bị giảm khí lực khôn sai; lại như số tử chê, chẳng sá kể mà dung mạng họ nơi chiến tràng, thì tại đây nó lại ở hiểm, trở lòng rình họ đặng hại, mà họ cũng không biết được ở đâu mà đến.

« Thấy họ đi cóng róng, run en như vậy nơi miền nhiệt đạo nầy, lại khi tiếng đại pháo vừa êm lặng, thì thâu đêm thâu ngày họ nổ lực dọn một đường tại đất địa sát nhơn nầy mà đi qua, nên người ta có lẻ nói đặng rằng, họ hưng tâm quyết theo ý đã định phải đánh lấy Mỹ-Tho. Hễ có bịnh, thì đem lần lần xuống mấy chiếc chaloupe chở ngựa mà sang qua hai tàu canonnière *Mitraille* với *Alarme*, kể từ mồng 2 avril thì hai chiếc nầy đã đậu xa, vì bị mắc cạn. » (P. d. l. B.)

Qua mồng 3 avril, đường đi qua được thong thả lại nữa, có một cái đồn thứ ba ở tại giáp nước, bản giữ hai khúc hản, nó liền bị đánh tức tốc. Mới vừa giao chiến, quan cai binh an-nam bị đạn bắn bay hết một vai; nên sự đối địch chóng mau yếu ớt, binh an-nam chạy trốn, còn đồn phải một compagnie lính thủy soán lấy. Đây thêm một điều nữa đáng ghi dạ chỉ về tính khí người an-nam, nó làm cho họ đào tán khi tướng mới vừa bị lụy. Đã không dùng cớ quan ấy chết mà giục lòng chống trả, ao ước chẳng

ngớt báo thù cho người, họ lại lấy đó làm sự thất chí, và làm cho tin rằng mình yếu sức mà thôi. Đó là một điều tóm thâu quyền hành mạnh mẽ quá đỗi, một sự giáo huấn đã hai mươi đời ròng về chuyện phải vâng phục trọn, làm cho dân nước Đại-Nam ra thể ấy. Khi có một vị nào có chí cần cố, một đầu mục nào có tài xuất thân dìu dắc, thì họ gan dạ, làm phấn chấn mọi việc, mà khi đầu mục ấy vừa khuất đi, thời họ chẳng có sự tin cậy mình cùng mất trí lực nữa. Chính vì tính khí chúng ta không giống chút đỉnh nào như thế sao?

Nhưng vậy, khi đó người ta mới đi đặng nữa đường Mỹ-Tho mà thôi, lại ví như cho tới giáp nước mà sự ngăn trở đã thẳng đặng nhứt là chỉ về vụ phá mấy hàn, thì nay có khi người ta phải lo sợ phía annam địch chiến hẳn hòi tại rạch ấy, sánh ra thật hẹp (bề ngang từ bốn mươi cho tới tám mươi thước langsa mà thôi), hai bên mé mọc đầy rừng bụi, ở đó có lẻ bị đánh thình lình. Bây giờ, sự khôn ngoan khuyên bảo phải bắt binh bộ đi theo trên bờ mà giúp cho các tàu canonnière tấn tới. Có lập đặng một đạo binh tiếp, nó đi chiếc aviso *Echo* mà ra khỏi Sài-Gòn nhằm mồng 4 avril; nó kể đặng 200 lính chasseur bộ, hai compagnie binh bộ thuộc thủy, 100 lính thủy, 50 binh bị, hai vị 4 lòng nửa, hai khẩu quá sơn bắn trái phá (1), 20.000 bi súng binh bộ dự phòng

(1) Ông Pallu de la Barrière nói là « súng quá sơn lòng nửa bắn trái phá », thứ súng đó thuở nay chẳng hề có bao giờ. Đại pháo đả chọn dùng trước hết (năm 1858) là *súng bộ 4 lòng nửa*, đến sau người ta có tiện các vị cựu đại bác 8, 12 và 24 ra lòng nửa ; người ta cũng có bày ra một vị kêu là *súng quá sơn 4 lòng nửa (kiểu 1858)*. Có lẻ ông ấy muốn nói thứ súng đó chăng.

và một *section* lính để lo thuốc cho bệnh. Đạo binh tiếp thứ nhứt nầy đến tại ngã ba Rạch Arroyo de la Poste nhằm mồng 5 avril, qua bữa sau nó xuống dưới mấy chiếc chaloupe có tàu canonnière số 22 dắc, mau theo sức, mà đem tới đầu đại binh.

Qua mồng 6 avril, ở Sài-Gòn có sai một đoàn binh tiếp thứ hai, kể là một compagnie thủy thủ thượng ngạn, một chiếc chaloupe có trí một khẩu 15 bắn trái phá, hỏa phi đồng, hai vị súng cối lòng 16 có cấp theo 200 phát, lói để bắn hàn lên với sắt tấm phòng sữa tàu canonnière bằng sắt nào bị đạn mà hư. Cũng trong lúc ấy, có tống trát lên Thủ-Dầu-Một, dạy chở 3 vị quá sơn bắn trái phá xuống Mỹ-Tho. Cuộc hành quân được thêm sức như vậy thì có ông quan năm thủy Le Couriault du Quilio, là trưởng sử thứ nhứt của quan thủy sư, tổng lảnh.

Muốn cho đặng trở lại chuyện đạo tiểu thuyền đi trong Rạch Arroyo de la Poste, ta xin nói rằng nó có thêm chiếc canonnière số 16, qua mồng 5 avril, nó phá đặng một đường mà đi qua khúc hàn thứ năm, rồi thứ sáu; đến chặng thứ bảy, mấy tàu canonnière bị trên bờ bắn, nó có dối xạ, lính an-nam chạy mất. Đó là một điều báo tin cho hay trước. Vậy không khôn mới là xơm tới nữa mà chẳng bắt binh bộ theo hai bên mé mà giúp đỡ, chẳng cho người dọ đường trước đặng tấn binh, «việc nầy khó lắm, đôi phen làm không đặng, vì tại địa cuộc tự nhiên, lời dối trá mấy kẻ thám tình hình và sự thường khó làm cho người ta hiểu ý mình mà ra.» (P. d. l. B.). Nên phải đợi cho binh tiếp đến, lại càng phải chờ hơn nữa, vì có một compagnie thủy thủ thượng ngạn đã ở lại mà giữ chỗ giáp nước.

Sau hết, lối chiều mồng 6, lính chasseur và lính bộ thuộc thủy đã tới trước khúc hản thứ tám; người ta liền độ chúng nó lên bờ, thêm compagnie lính thủy thứ mười, năm chục lính espagnol với mấy vị quá sơn bản trái phá đã tháo ra cho người coolie khách khiêng, chúng nó kéo nhau đi trên mé tả (phía Đông), có ông quan tư thủ bị Allizé de Matignicourt quản lãnh. Các tàu canonnière thì theo sau xa xa. Mà khi vừa chạy tới đặng năm trăm thước, nó phải ngừng lại, bị cao cây bỏ nằm ngang qua rạch mà cản, lại có một cái đồn kia bắn nó mà không thấy được. Trên bờ, quan quân an-nam nhạn hàng đấu chiến, mặt tiền dài chừng một ngàn thước langsa, cậy có mấy tốp lính cầm súng tay trên bờ lũy và nhờ nhiều binh hờ giúp nữa. Bên an-nam chờ khai trận. Sự họ đợi đó không có lâu; đạo colonne đi băng ra đồng, lính chasseur bủa giăng theo tirailleur, hữu chi có lính thủy với espagnol đi theo, tả dực có binh bộ thuộc thủy (1). Hai bên có khởi sự bắn nhau xọt xẹt ít phát, kế ông quan hai Maolini dạy binh bộ espagnol người bắn rập hai hiệp, làm cho trong hàng quân sĩ an-nam ra lao xao lố xố. Binh an-nam thối lui, và không theo lệ thường, là họ bỏ mấy kẻ tử trận lại. Có cho một tốp binh bộ soán lấy đồn, còn phần chỉ tồn trong đạo colonne thì đóng tại

(1) Trong các chuyện kể ra đây, ta do theo đặng có một minh lời ông Pallu de la Barrière thuật lại mà thôi, song ta không lấy làm chắc trúng về cách lập binh dị thường như người đã nói dôi phen, lại ta có phép như vậy với một vị làm sách mà khai rằng : « súng trái phá 80 » và « súng quá sơn lòng nửa bắn trái phá », khi thời hài số binh đặng bao nhiêu người, sự đó là rỏ, khi lại kể số cơ đội, điều như vầy, ta xin nhắc lại, không nghĩa chi hết, song bởi không có sự làm gốc cho trúng hơn, nên ta phải thuật lại theo cách ấy.

làng kia «ơ trước» đồn ấy (1).

Lúc đó mấy chiếc canonnière ở trước đồ cuộc cảng trở, là: chặng hản thứ tám, kế có một khúc rạch độ chừng một ngàn mốt thước langsa bề dài bỏ đầy tinh cao cây; sau lại, tới hản thứ chín ở ngang làng mới bị choán. Ngày mồng 7 avril, người ta khởi công mà vét cho thông rạch. Song, vừa hết lớp đạn an-nam rồi, thời tới phiên dịch khí nhiều hại quá sức. Các quan lương y Champenois, Azaïs, Dugé de Bernonville hết lòng cứu chữa, mà biết làm sao cho xiết đặng, như không có kẻ giúp bệnh trong những lúc nào mà mỗi người đau đều xin cho mình một tên? Mấy người coolie khách thoa bóp cho mấy kẻ vương thiên thời, còn các chiếc chaloupe chở ngựa khi đó dụng làm nhà thương, lại đầy tinh bệnh với người ta chết. Bạn bè chiếc *Monge* chuyên lo phá hản, thì bị nặng hơn hết, lại trong mấy người qua khỏi, đến sau có một ít vị thiệt mạnh mà thôi. Lúc ấy ông phó quan năm thủy Bourdais lâm bịnh-rét, mà trong mấy ngày trước khi tạ thế, người cứ ở trong chiếc tam bản mà đốc việc càng phấn chấn hơn trước; tài công cùng bạn bè không còn làm chi đặng nữa, mà người cũng khiến họ tấn tới. «Ông quan năm, người tài công với năm tên chèo đều chết hết. Nhưng vậy, trong lúc tận lực thế cùng ấy, thì qua một buổi chiều kia, khi khúc hản thứ chín mới vừa phá xong, thấy có vài người langsa với một ít người tagal phản nàn trách móc.» (Pallu de la Barrière).

(1) Nói như vậy không rỏ, biết phải « ở trước » theo hướng đạo colonne đi tới, hay là « ở trước » theo hường binh an-nam xáp lại? Theo bông đồ sơ họa, thì là theo hướng sau. Chớ phải ông Pallu de la Barrière nói rằng ở «hướng bắc» hoặc là «phía thượng lưu» đồn ấy, thì các sự hồ nghi đều dứt đi hết.

Cách hai ngày sau, là tối mồng 8 avril, đường đi mới thông. Qua mồng 9, khi lớp binh tiếp còn dư đến hiệp xong, đạo binh kéo đi nữa. Theo lời mấy kẻ thám báo nói rằng, trước khi đi tới thấy đặng dạng thành Mỹ-Tho, thì hảy còn có một cái đồn lớn sau hết tại Rạch Arroyo de la Poste nữa. Nên trong khi tấn phát, đạo colonne binh bộ với các tàu canonnière đều phải đến tại vàm rạch nhỏ kia mà hiệp nhau. Thủy tới chỗ định lựu có mau một chút, còn bộ lại lạc đàng. « Tên hướng đạo gạc binh ấy, hoặc là lộn đường, hay là không hiểu lời người ta biểu nó làm sao. » Nên đáng mà kêu nài một lần nữa về sự không làm được cho hai đàng hiểu ý nhau. Trước ta có nói chuyện ấy rồi, ông Pallu de la Barrière, cách sáu trương sách, có nhắc nó hai lần; ở đây người tưởng là sự nội công, vì cách một đoạn sách xa xa, thấy người nói rằng « tên dẫn đàng phi hoặc ». Ta không dám dề quyết như vậy, vì sự làm thử trong hơn hai mươi năm đã cho ta thấy, dầu thuộc khá tiếng nói đi nữa, thì người ta cũng chẳng khiến đặng mấy kẻ hảo tâm thi hành chuyện mình biểu cho thuờng; lại, *chính vì người bổn thổ nữa,* một đôi phen không làm cho kẻ khác hiểu tức tốc ý họ muốn đi gì. Đó là điều thốn thiếu nơi các tiếng có một vận, mà cách nói không hay dời đổi buộc phải tập luyện trước đặng làm cho trí tưởng hằng ngày và thường quá hiểu thấu ý lạ.

Dầu lẻ nào đạo colonne cũng đi sái hướng, dang xa rạch ra và đến trước một làng kia có đầy binh an-nam. Quân sĩ bèn phân dặt áp dánh; bên an-nam dời ra khỏi chỗ ấy trước, bỏ súng tay, giáo, và đồ đạt quân lính lại. Người ta lướt tới nữa đặng một

hồi, mà mắc đất sình lắm, lại đạo colonne không còn ủng hộ được cách chi hết cho tàu canonnière, nên người ta trở lại làng mà đóng, ở đó có một ngọn rạch nhỏ ăn thông với đoàn tiểu thuyền; trong lúc đạo colonne tấn phát, thì nó không dè rằng mình mới đi ngang qua vừa lằn súng đồn là cái nó phải dọ cho biết.

Lối mười một giờ khuya, có tiếng người ta biểu nhau coi chừng trong Rạch Arroyo de la Poste, vì có hai chiếc hoả công trôi tới theo con nước lớn. Hai ông quan hai thủy Joucla với Besnard làm hết sức mới đưa nó đi trịch khỏi và thời may đem đặng nó vô trong một ngọn rạch nhỏ kia, nó ở mà cháy lụn cho tới ngang mặt nước mới hết. Chuyện răn khuyên ấy hay, nên từ đó về sau mỗi đêm người ta mỗi lấy dây thảo long mà giăng ngăn rạch.

Sớm mai mồng 10 avril, người ta đi kiếm đồn lại nữa. Ban đầu thì người an-nam dẫn lộ đi qua hướng kia, sau người ấy bị xô đẩy nên đổi đường và dắc đạo colonne đi ngay tới trước thành Mỹ-Tho. Nghe trong thành ấy lao xao lớn tiếng, kế binh espagnol với một chiếc thuyền chiến bắn đấu nhau đôi ba phát. Tốp tiền do thối lại, bị súng lớn ở một chỗ kia bắn nó mà không thấy đặng. Phải đó là đồn người ta kiếm chăng? Có lẽ là nó; phần khác, mấy người nhà quê lại nói rằng rạch đã thông thả, các đồn binh đả rút đi rồi.

Trong khi làm các việc nầy và nghe mấy tin tức nói nghịch nhau đó, thì thấy ông quan năm thủy Du Quilio định đánh. Người dạy ông phó quan năm thủy Bourdais đem mấy chiếc canonnière với 300 binh người gởi cho quan ấy đi tới cách cẩn thận, cho đến lối hai ngàn thước xa thành Mỹ-Tho và ở đó mà chờ đạo colonne.

Qua ba giờ chiều, đoàn tàu nhỏ xuất hành, có 300 người ở dưới mấy chiếc chaloupe theo sau, lại chẳng bao lâu cái đồn không thấy được đó liền phát pháo. Các tàu canonnière về chạy tới về bắn phóng chừng, bổng chúc thấy tại khúc rạch quanh, ở trước chừng bốn trăm thước, có một cái đồn lố dạng ra. Chiếc canonnière số 18, có ông phó quan năm thủy Bourdais, đi tiên phuông, bắn tới một viên đạn, đồn liền đối lại ba phát đại pháo đều trúng hết. « Một phát thì nhằm tàu, phát thứ hai làm cho bị vít hết một người, phát sau đi bay trái tim và cánh tay tả ông phó quan năm thủy Bourdais » (1). Song các tàu canonnière sắp hàng. Đồn phải đạn bắn lủng nhiều nơi, người an-nam rút đi. Binh langsa soán lấy nó tức thì. Đó là chỗ ngăn ngừa sau hết tại Rạch Bảo-Định-Hạ, nên từ nầy về sau người ta đi tới Mỹ-Tho đặng.

Trong buổi ban mai ngày 11, cả đạo colonne hội lại trước đồn thứ năm đó (quan thống lảnh dạy đặt tên nó là đồn Bourdais). Ông phó quan năm thủy Desvaux lảnh quyền cai các tàu canonnière. Binh bộ thời độ qua mé hữu rạch (phía Tây). Có cho hai đoàn quân nhơn đi tới trước mà do thám, một đoàn

(1) Ông Pallu de la Barrière thêm rằng: « Khi đó chiếc canonnière 18 chạy vọt tới, có chiếc canonnière 31 theo sau...» Không phải *khi đó* nó mới chạy vọt tới, song *trước khi đó*, vì khúc quanh có lẻ đã nhắm trúng lắm, sự bắn có chỉ điều ấy rồi. Phải chạy mau hết sức đặng qua cho khỏi khoản rất hiểm nghèo ấy, rồi có đi chậm chậm đặng bắn, là khi nào khúc đường chạy xa đã làm cho súng thần cơ nghịch dẳng phải sửa cách bắn nó lại. Mấy chuyện đó là điều sơ học, lại khi dọc hết truyện giặc nầy, thì dôi phen người ta lấy làm sửng sốt mà hỏi mình, vậy thuở đó họ dạy học đi gì tại các trường bộ và trường thủy.

thời đến gần đồn thứ sáu, nó là cái chót, ở gần làng Trung-Lương; nó đã trống trơn, nên hai đội compagnie chiếm lấy liền; đồn đó ở tại vàm rạch nhỏ kia, xa thành Mỹ-Tho chừng ba ngàn thước. Tốp thám thính thứ hai đi đường lộ, qua ba cái rạch nhỏ và xơm tới gần thành lối hai trăm thước. Chuyến nầy nữa cũng nghe có tiếng chảo rào, song thành không bắn. Quan binh do thám trở về.

Phần ngày 11 avril còn dư lại thì dùng mà lo tống táng ông phó quan năm thủy Bourdais, là quan cai chiến tàm cho đến đồi chẳng có sự gì mà ngăn cản đặng, phàm như không số chết ấy buộc người phải nghỉ an đời đời, hởi ôi! sớm quá cho người cùng cho bọn đi đánh giặc với người. Ông Bourdais mới được bốn mươi tuổi mà thôi, song bề thông thạo việc thủy, lòng mạnh mẻ quá mực nhơn loài, thời lúc đó hòng nhắc người lên bực cao trọng. Một hoàn đạn kia bên phía nghịch hủy tan một lược nào lòng trông cậy đạo thủy langsa, nào ý ao ước phải phép đấng đã chịu tử vu sa trường (1).

Trong đêm 11 avril, có một đoàn ngựa, hai khẩu 12 và mấy thùng xe thuốc đạn thuộc về *section*

---

(1) Lúc sau, tử thi ông phó quan năm thủy Bourdais có chịu cho người ta đem dời đi nhiều chỗ. Theo lời ông Pallu thời nói xác ấy đã mai táng tại làng Trung-Lương trong ngày 11 avril 1861. Người ta lại quyết chắc với ta rằng, sau khi lấy xong Mỹ-Tho, thì chở nó qua thành ấy cùng chôn tại chỗ kia ở trước đất thánh kiêm thời, là nơi có kinh Nicolaï đi ngang qua. Cách ít năm, người ta lấy quan cửu lên mà chôn tại thành. Nay chang có ai ở Mỹ-Tho mà còn biết chút gì về năm tháng hay là các cuộc lễ nghi thuộc hai khi thiên táng đó. Năm 1893, nhà nước có dạy khai một cái đường lớn đi qua chỗ mã ấy (Boulevard Bourdais), nó ở giữa lộ và đã dựng lên một cái bia. Qua 29 juin 1899, có lấy cốt ông phó quan năm Bourdais một lần nữa và cải táng cách trọng thể tại đất thánh tây ở My-Tho.

súng lòng 4, đã để lại sau, khi đó đến nhập với đạo colonne. Ngày 12 ban mai, cả đạo binh xuất trận tựu hội tại làng Trung-Lương với các phần hờ, lối nửa đường qua Mỹ-Tho, nghĩa là xa thành ấy chừng một ngàn rưởi thước langsa; khi đó nó kể được 900 quân sĩ, mười hai vị đại pháo với sáu khẩu súng cối. Đường đã sửa xong, cầu bắc lại, đoàn tiểu thuyền canonnière đậu tại rạch, ở trước đạo binh một chút; mấy tàu ấy có bắn vô thành bảy trái phá súng lòng nữa; lối 11 giờ trưa có một vầng khói tại cửa thành Mỹ-Tho mà bay lên.

Ngày 13 avril, một phần đạo colonne kéo tới thành, lớp dư lại thì phòng sẵn mà đến phụ lực với nó; còn phía các tàu canonnière cũng hỏng lo giúp nữa. Mà khi đoàn quân tiên phuông tới vừa làn súng tay, thời nó thấy có cờ tam sắc đã phất phơ trên vách thành. Binh gia đều ngưng không động nữa. Nguyên làm sao vậy?

Đang khi đạo colonne đi trong Rạch Bảo-Định-Hạ cách gay khổ đặng mà tấn tới, thì quan thủy sư Page với ba chiếc *Fusée, Lily, Sham-Roch* đã đến hiệp cùng chiếc *Dragonne* nhằm mồng 10 avril tại vàm sông lớn. Dầu đặng tiện bề cùng chăng thì người ta cũng kiếm được một ngỏ mà đi qua, lại trọn đêm ấy, trời tối lắm, có phá trống một đường tại hàn thứ nhứt cùng chịu cho mấy đồn bắn nữa. Ngày 11, đoàn tiểu thuyền chạy lên, gặp một cái hàn khác, cũng có hai đồn giữ. Bữa 12, có khai được một đường mà qua, còn đồn thì bị bắn lung quá, không cản trở đặng tàu, nên lối một giờ rưởi chiều, nó tới mà đậu ngay trước thành Mỹ-Tho xa chừng hai trăm thước. Binh an-nam rút ra khỏi thành cách ba giờ trước (còn khói người ta ở trên bờ mà thấy

lối mười một giờ đó, là bởi mấy cái kho cháy). Binh thủy dưới đoàn tàu nhỏ, có ông quan ba thủy Desaux quản xuất, lên ở trong thành và kéo cờ langsa (1). Qua ngày 14, đạo binh mới nhập thành Mỹ-Tho mà thôi.

Thành nầy trí súng đại bác lớn lòng, người ta không gặp có vật chi cho lắm. Tiền quan thì đã đốt đi, lúa gạo cũng vậy; người ta có cứu đặng một phần, song nó bị lửa với nước mà hư, nên bán lại rẻ giá cho mấy người lo đặt rượu an-nam. Có gặp vài chiếc ghe lớn tốt, đóng bằng giá tị, để tại trại, người ta sắm sửa cuộc tiệc cho nó đặng dùng theo việc thủy.

Chuyện có nghịch với điều khắp nơi đã làm một ít, là quan tổng đốc thả mấy kẻ có đạo mà biểu họ đi hiệp với bạn hữu họ là người langsa. Sự như vậy chứng rằng người an-nam biết hiểu bổn tính nhơn loại một cách cũng như người phương Tây,

---

(1) Về chuyện bắn thành ấy mấy phát súng bữa 12, thì ông Pallu de la Barrière viết ra như vậy: «Nó (nói về đoàn tiểu thuyền) bắn thành hết bảy trái phá súng lòng nứa. Lối 11 giờ trưa, có một đám khói lớn bay lên tại cữa thành Mỹ-Tho». Đoạn, cách bốn tờ sách sau, lại thấy lời nầy: «Mấy trái phá súng pháo thủ cũa đạo binh bắn bữa 12 với 13 avril, thời may không nhằm ai hết.» Hết thảy lời đó nói nghịch và cũng không có lý mà nghe cho được. Ông Pallu có nói về vụ bắn bãy trái phá bữa 12 trước 11 giờ trưa mà thôi (ngày 13, người không có kể sự bắn súng lớn), còn quân lính ở dưới đoàn tàu nhỏ có nhập thành là sau một giờ rưởi chiều bữa 12 mà thôi. Nếu binh thủy bị trái phá súng lòng nứa bắn, thì thiệt có lẻ họ biết đạo binh sai đi ngã Rạch Arroyo de la Poste đã đến gần, cùng cho biết mình liền, hoặc ban ngày, như trên bộ thì sai binh tuần phi báo, dưới rạch thời ghe thoảng, hoặc ban đêm dùng hỏa phi đồng ra hiệu lịnh và bắn súng lớn từ chặp.

nên không lẻ mà chữa cho đặng trót lồi các chuyện độc ác đã phạm, bởi khác tâm tánh mà thôi. Có lẻ tâm tánh ấy là cớ trượng lắm, song khi tính nhơn loại đã luận rành lẽ mà tố trần đặng, thì sự độc ác cố ý cũng chưởng ra được vậy.

Sau hết, người ta xem xét về sự chống trả yếu ớt. Khi đã tích trử đặng đồ cuộc cản trở đáng kinh nơi Rạch Bảo-Định-Hạ, lập ra nhiều đồn bảo khuất mắt, nên có đánh phải lại gần lắm, sự như vậy làm cho súng ống pháo thủ hai bên ra đồng nhau, mà binh cố thủ cũng còn bất cảm nghinh chiến lại cho hẳn hỏi; nơi nào họ cũng bỏ đồn mà đi trước khi hãm nó, phần nhiều hơn củng đã bị lìa trước lúc bắn phá nữa. Người ta không chịu đặng cho quyền cai binh an-nam mà chẳng thốn thiếu sự mạnh mẻ; thật thời mấy ngày đồ máu gớm ghiết tại Chí-Hoà hảy còn mới quá, đặng trí nhớ bắt sợ đừng làm cho lòng mọi người ra bủn rủn; song, sau hết, khi các đấng cai binh chắc ý mình thì làm cho quân lính tin cậy lòng chúng nó, lại xem ra mấy vị đó không chắc lấy chính vì mình, mà cũng chẳng chắc cho binh nhơn nữa.

Ở Sài-Gòn, người ta tưởng quyết phải vây thành theo phép; nên sai binh tiếp lớp khác, bèn an-nam rút đi thì làm cho họ ra vô dụng. Quan thủy sư đề đốc Charner mảng tin thành Mỹ-Tho thất thủ đang khi người hỏng đến mà hiệp với đạo colonne, nhưng vậy người cũng tới tại chổ và tính xong mọi điều, chẳng những về sự ngăn ngừa thành ấy, mà lại về việc cai trị cùng bang giao nữa. Có một đạo bốn trăm quân ở lại giữ thành, súng pháo thủ nó là mấy vị đại bác thuộc thủy. Còn hết thảy binh sĩ khác đều trở về phần sở mình tại Sài-Gòn–Chợ-Lớn với mấy Chúa.

Trong lúc ấy, đạo binh sai đi đánh đặng chừng sáu trăm binh đến tiếp, đó là cơ bataillon thứ hai thuộc *101e de ligne* trước có định giúp nó, mà bởi bị nước sông Bạch-Hà đặc, nên cầm họ lại Thiên-Tân trọn mùa đông. Qua tháng mars, khi tàu thuyền vừa đi đặng lại, thì bataillon ấy đem qua Thượng-Hải; ngày 31 mars, người ta độ họ xuống tàu lại mà chở qua Sài-Gòn cho tới ngày 21 avril 1861 mới đến nơi.

Cũng trong lúc đó, bệnh hoạn biến ra càng nặng hơn nữa. Sự nghĩ ngơi sau hồi mần việc nóng nảy quá sức, sau khi chống cự cùng hết thảy mọi điều, thì nó sinh gốc bệnh, lại thêm có mấy đám mưa lớn trong mùa giúp cho nó phát ra nhiều chứng hơn; vốn thiệt, quân sĩ khôn rỏ chuyện hiểm nghèo thật thể nào, nên các đám mưa nầy làm cho họ tưởng nghịch trọn với sự nó phải bắt họ lo. Dịch khí chưa hết tuyệt, nó chuộng hại mấy kẻ nào yếu hơn, mệt nhọc hơn, cùng những vị đi đánh Mỹ-Tho mà thôi. Ông quan tư thủ bị Allizé de Matignicourt ở trong số mấy kẻ bạc mạng nầy. Các bằng hữu người cùng là đạo binh đều thương tiếc cũng bằng ông phó quan năm thủy Bourdais vậy; ta xin thêm lời nầy, là ví dầu không phải bị đạn an-nam, mà sự người chết đó cũng chẳng kém vinh hiển hơn chút nào. Lúc xuất trận, thì mủi thiên oai với binh hoạn, hai giống sát hủy khôn nguôi nầy đều tru lục bất phân khinh trọng, phải ai tai nấy, nên cách chết là sự may rủi mà thôi; có kẻ tranh công tử tại chiến trường, kẻ khác phục hoàn không bị chi hết đặng mà thệ thế tại chốn nuôi lính bệnh hay là nhà thương. Cả hai cũng đồng cường đảm, cũng đều khi thị các chuyện hiểm yếu; cách họ chết có khi khác nhau, song danh vọng họ cũng đồng như nhứt. Nếu tương khác, thì có lẻ là

một điều định chừng trước đáng ăn năn, một chuyện bất công nên van trách.

THÌ SỰ TRONG XỨ SAU KHI
LẤY ĐƯỢC MỸ-THO

Cuộc soán đặng thành Mỹ-Tho dã gầy ra chuyện phải chiếm lấy tức thì cả và phần đất ở giữa Đại Giang Khong với Sông Lôi-Rạp. Có một dảy phần hờ đã lập ra nơi đó, nhứt là mấy sở tại Cái-Bè, Chợ-Gạo và Gò-Công. Đó là mấy chốn đô hội thuộc về việc hộ, thảy đều có một cái bảo với một tốp binh ở mà bảo hộ.

Đây ta phải trở lại một dây phút về sự chúng ta thù tạc với nước Cao-Man thể nào. Trước ta đã nói chuyện đạo sứ ở Nam-Vang mà xuống; họ đi đường bộ mà băng qua Tây-Ninh,cũng đến tại Sài-Gòn nhằm bữa sau khi lấy đặng thành Mỹ-Tho. Chúng ta biết chuyện sứ bộ ấy có đem phương vật với một quốc thơ của vua Norodom tới mà dâng cho quan thống lảnh; quan thủy sư Charner có tiếp rước cách hậu tình lắm. Đó là một chỗ cậy nhờ để phòng hậu mới đến dâng cho nước Langsa. Rủi thay, nó tiến hiến nhằm lúc khó cho vua nước Cao-Man. Vì nhằm khi ấy trong xứ có loạn lạc làm cho người phải trốn qua Xiêm cuốc. Chúng ta có lẻ phân giải chuyện ấy đặng; khi đó có một ít người cao-man ở tại giáp giái đã thọ bổng lộc nước Langsa rồi, và có ra công giúp mạnh mẽ mà dẹp loạn tại miền Tây-Ninh. Nhưng vậy, ý quan chưởng thủy trọn hảo lắm, người tưởng chẳng nên làm cho nhà nước Langsa dự vô chuyện

bất hoà trong nước Cao-Man. Người có dòm hành cẩn thận thì sự, để cho hai đàng làm sao tự ý, song người hằng ngăn cấm không cho họ qua tại phần đất chúng ta choán mà làm cho dứt sự họ tranh trưởng với nhau.

Ví như quan thủy sư Charner dùng trúng cách, thì chúng ta phải biết rằng, theo lẻ phải; người chọn đặng có một mình nó mà thôi. Nhơn số đạo binh không cho có thế mà bắt nhón một phần cho hẳn hỏi, vì quân sỉ mới vừa đủ mà dùng tại xứ thâu chiếm. Cũng vì lẻ ấy, nên trong lúc đó quan thống lảnh bỏ qua không còn tưởng tới các chuyện mở mang đất mới. Biên-Hoà cùng ba tỉnh bên hướng Tây đều đe hại, song quan thủy sư Charner đã tính phương thế rồi. Người có viết sớ gởi về cho quan thủy bộ thượng thơ mà rằng: «Nếu tôi đặng thêm một ngàn binh, tôi sẻ lấy ba tỉnh đó; mà biết có đủ người mà giữ nó chăng? Tôi phải gắn sức không thối lại một bước nào. Vì oai quyền chúng ta bởi đó mà ra.»

Vậy các việc võ công đã ngưng lại, người ta chỉ lo sửa trị xứ ở giữa Sông Không và Sông Sài-Gòn; hai đường nước nầy đã cho người an-nam biết là giái hạng tạm. Hết thảy sự chi ở ngoài hai sông đó thì thuộc về người an-nam, trừ ra Thủ-Dầu-Một với đất làng kia có đạo ở ngay trước Sài-Gòn (An-Lợi xả kim thời), cả hai đều ở ném về bờ tả sông ấy. Lúc đó càng phải cần lo qui chế hơn nữa, vì chưng cả và phần đất chiếm cứ hòng làm cho trọn bề ăn ở nhơn dân ra tồi bại. Khi các quan trị hai tỉnh sợ hung khí chúng ta mà đào tán, thời có đem các sổ bộ, sự tích nhà nước, tờ thị và hết thảy theo mình. Quan tổng thống lúc đó, có khi chắc là ông Nguyễn-Bá-Nghi — vì người

thế cho ông Nguyễn-Tri-Phương sau chuyện Chí-Hòa — có cho các viên chức mấy tỉnh ấy hay rằng, mình không truyền dạy đặng việc chi trước khi được lịnh triều Huế; có lẻ quả như vậy, song sự càng chắc hơn nữa, là trọn chung cả sổ bộ, tờ thị nhà nước, các quan với những người hộ tùng đều dời đi ráo. Trong hết thảy các sổ sách có một cuốn hửu ích, cần kíp cho việc trị trong xứ, là cuốn *Hoàng Việt luật lệ*, thì đâu đâu cũng không có nó. Người ta tìm kiếm nhiều lần cùng gắn công lắm mới gặp đặng hai bổn của các quan còn bỏ sót lại mà thôi. Nhà nước langsa có dạy dịch và in một phần cuốn luật ấy ra.

Các quan tỉnh với các sổ bộ tờ thị biến mất đi thể ấy, thì làm cho người langsa nan phàn hết sức, đã vậy lại thêm chuyện bất thông tiếng nói nữa. Người ta không có thông ngôn. Ông Pallu nói như vầy: «Sau hết, thuở trước người ta có cho thấy một sắc dân kia bị vua quan mình khinh khi giày đạp, họ nguyền ước cho đặng thong thả, sẳn lòng binh vực đạo Thiên-Chúa; mà khi mới vừa bước chân vào trung tim xứ Nam-Kỳ, thì phải biết nhơn dân đã thuận tùng thói phép hoành hành tổ phụ theo cảnh Đông rồi. Có khi người ta đã biết trước đặng rằng, các viên quan an-nam khác xa mấy kẻ cai trị nhát lòng và phế việc bổn phận mình như người ta đã họa ảnh hình ra vậy. Còn về những người có đạo, thì ban sơ phần nhiều ẩn ánh; sau lại, trong lúc cất binh đi đánh Mỹ-Tho, hễ tàu canonnière khởi hoảng thẳng tới chừng nào mà làm cho quyền cai trị an-nam bớt chắc chắn lần lần tại mấy phần đất ở giữa hai sông, thì họ lại trình diện và làm cho mấy người ngoại ra như một thứ hề nô kia vậy.» Cứ chuyện đó đời đời khôn dứt — song tại nước Đại-Nam làm quá mực

hơn mọi nơi khác — là, hoặc chịu cho chúng hả hiếp, hoặc hả hiếp chúng.

Điều sau đây làm cho ta xem xét rỏ hơn về sự các người an-nam có đạo chung sức lo với chúng ta thuở mới chiếm cứ xứ nầy thể nào. Đã ghe phen ông Pallu de la Barrière kêu nài về sự lo lắng đó không ra gì, người có nói rỏ ràng, các thầy giảng tỏ bày thì sự chẳng thật, hứa giúp một phần quân nhơn mà người ta luống công chờ đợi. Ông Pallu lân cận với bộ thuộc dinh quan thống lãnh lắm, người có chép lại đặng vô sách người là mấy lời các quan cận thần nói mà thôi, người lại chắc rằng, quan thủy sư Charner tưởng mình có nhiều sự phải phiền trách. Nầy là lời ông De Grammont thuật về chuyện ấy, song người không hài tên ai hết :

> Sau lại, muốn cho mỗi người có phần mình trong vụ phân đoán các chuyện thuở ấy, thời đôi khi tôi có nghe người ta bày ra nhiều điều mà nói quyết, không công chánh là bao nhiêu, chỉ về việc bởi chúng ta có mặt tại Nam-Kỳ nên sinh thù tạc với các cha giảng đạo. Tôi chịu rằng, có một it tin tức của mấy người nào mà it lo về phép thao lược hoặc là binh nghệ, thời đôi khi xem ra không trọn hay là không đủ dùng. Song biết làm sao mà chịu cho phải lẽ mấy lời khen chê cứ thái quá luôn và thường hay làm cho người ta có hai lý khắc nhau mà cũng câu kết một chuyện. Ất thật, ví như mấy thầy giảng chúng ta, bị hỏi chuyện kia chuyện nọ, mà có trả lời, hoặc là bày vẻ điều chi, thì người ta trách sao mấy thầy ấy có xen vô việc quốc chánh ; nếu chẳng như vậy, chư vị ấy giữ sự dè dặt khôn ngoan, thời người ta lại nói mấy ông ấy rằng không nong nả. Chắc có lẻ khi giữ sự dè dặt mà quá mực, vì một hai khi định nó là phương thế dùng khá hơn hết, thì nó làm cho sinh sự chếch mếch riêng, rồi thiên hạ đồn quá lố.

Vậy ông De Grammont phải chịu nhìn biết các chuyện ấy, song xem ra người muốn bớt cho nhẹ,

bằng chẳng thì là chữa nó; rủi thay, trước quan thủy sư Rigault de Genouilly có thấy mình tưởng lầm nhiều chuyện cả thể hơn là đấng nối quyền cho người, và cũng có mích lòng thật với Đức thầy Pellerin nữa. Quan thủy sư « coi dường như có một mình phải gánh vác mọi việc trước mặt đức hoàng đế và nước Langsa mà thôi, sự đó là trúng phép, nên người chỉ lo — các tờ biểu người gởi tấu tỏ ra điều ấy — làm cho một vị chứng kiến kia bắt người cực trí dang ra cho khỏi, là gởi ông ấy theo tàu mà đưa qua Hương-Cảng. Đức thầy Pellerin làm cho quan thủy sư khỏi vương vấn điều phi lễ như vậy; bởi người đã chứa chang sự cay đắng và nhầm lờn, nên chính vì người tính lui về trường Pinang mà thôi, là nơi người thiên triều cách sốt sắng, nhằm ngày 13 septembre 1862. » (P. Louvet).

Trong sách ông đạc đức Louvet *(La Cochinchine religieuse)* thấy người lo dẫn giải rằng, khi trước Đức thầy Pellerin « không có hứa điều chi với đức hoàng đế Napoléon III về sự con dân có đạo nước Đại-Nam sẽ xúm nhau chỗi dậy khi người langsa gần qua và hiệp cùng kẻ cứu mình, đặng làm cho cuộc hành quân tấc thành nội trong một ít bữa. » Ta bằng lòng mà tưởng người chẳng có hứa sự gì cho chắc, song cũng một khi ta chịu rằng, đức giám mục ấy có nói và có cho nghe vừa đủ đặng làm cho ý thiên hạ định tính, cũng như xưa có một vì giám mục anh danh kia trước người vậy; bằng chẳng làm sao mà giải mấy điều tưởng lầm và lời trách cứ của hai quan thủy sư đó cho đặng. Phàm như mấy quan nầy đem lòng trông cậy nhiều chuyện, là vì người ta — hoặc là tại bộ, hoặc chính vì các thầy giảng — có thông cho mấy ông ấy biết những chuyện như vậy; chắc các quan đó không có bày đặt nó ra, vì ít nữa rất khó mà tin nó.

Trong khi quan thủy sư Jaurès đọc bài giảng mà trả lời cho ông Perrin, thấy người có tỏ bày các việc ra rỏ ràng, song, dầu làm cách nào, người cũng không chữa mấy chuyện ấy :

Người ta nói rằng, lúc ban sơ, quan thủy sư Rigault de Genouilly thấy mình tưởng lầm nhiều chuyện đại sự, vì người ta có quyết chắc với người rằng, hễ chúng ta vừa đánh cho hẳn hỏi, thì có năm vẹo dân an-nam có đạo sẻ chổi dậy mà giúp chúng ta. Ấy vậy, tôi là người lúc sau có chung lo vô cuộc hành quân tại cỏi Nam-Kỳ, tôi cáo thật có lẻ chúng ta lấy làm nan phân về chuyện ửng nghĩa như thế. Vì, sau hết, có khi phải cho năm vẹo người đó khí giới và có lẻ của ăn nữa, điều ấy thật là thậm khó. Vậy tôi tưởng thà người có đạo ở yên tại làng mình thì hay hơn.

Trước hết, ta phải cho ai nấy ý chỉ về mấy lời nói thái quá và không suy đó. Thái quá, vì chẳng phải là năm mươi muôn người có sức mà cầm khí giái, song thật là năm mươi muôn người nam phụ lão ấu, số đó mà có xuất ra đặng nhiều hơn hết là 25.000 vị có sức mà luyện tập nghề binh mà thôi. Không suy, là bởi mổi khi dấy loàn đều tỷ thì đã chiếm đặng quyền làm chủ một cỏi nào đó, hữu thế vầy hiệp nhau lại, và có phép, ít nữa là tạm đở, mà làm cho phía nghịch không cử động đặng hay là đánh thẳng nó đi; mà lúc đó, năm mươi muôn người có đạo tại nước An-Nam đều ở riêng nhau, rải rác trong cả và xứ, như lộn mất trong mười lăm triệu kẻ đồng hương giử đạo Phật hay là điều răn đức Khổng-Tử, là mấy người hềm khích với họ. Lấy lý mà xét một chút, không cần chi phải cho rỏ thấu hơn về phong tục, tánh ý và bề nhơn dân an-nam ăn ở với nhau thể nào, thì người ta có lẻ hiểu rằng phải chiến thắng trước đã, sau rồi mới tưởng tới vụ rủ quến và nhóm các người có đạo đó lại, vì họ ở rải rác

trong xứ rộng mênh mông, nên có muốn qui tụ nhau lại hay là trốn đi, thời phải chịu chém giết lúc vừa mới khởi động. Có một it người tẩu thoát được, song biết bao nhiêu kẻ khác đã bị tru lục tại xóm làng chúng nó ở !

Theo ý ta tưởng rằng, nào các thầy giảng, nào các quan thủy sư và chư quan thuộc dinh cũng đồng sơ sầy vụng tính, mấy ông trước có nói chuyện thường khi theo lòng minh sở nguyện, theo kẻ bất thông vụ giặc giả và việc quốc chánh, không xét coi có làm đặng, và các việc có thành cùng chăng. Các ông sau không suy, lấy nhửng lời hơn thiệt ấy làm gốc song khó mà thi hành; khi chẳng biết ý cùng thế lực nhửng kẻ đến sau có lẻ giúp đặng cách nào cho trúng, thời trước hết người ta đừng tính tới nó, cứ lo sắm sửa đánh giặc dường như không có mấy người ấy vậy. Người ta chẳng còn bị phỉnh phờ như thế, lại như lúc sau mà có nhơn dân, đồ cuộc tới giúp, bất luận là thứ nào, thì nó đều khá cho minh luôn, không sinh cớ phải ưu phiền và làm cho sự trông cậy ra sai suyền.

Cũng nên cho ai nấy hay rằng, chẳng phải một minh các quan nguyên soái thủy lầm, các thầy giảng cũng như vậy nữa. Nguyên cớ và chính ý cuộc chiến trận, là cản trở vụ chém giết con nhà đàng nội cùng cho đặng thong thả trong việc phượng thờ. Bởi các chuyện gây ra không ngăn đặng, nên nó làm cho lý ban sơ đi sai cách lạ lùng, cùng tại khi rốt việc nó nhóm lại tại một phần chật hẹp trong xứ Nam-Kỳ, nó không biết cách chi mà cản trở cho đặng về chuyện liên tiếp sát hại con dân có đạo khắp nơi trong xứ, từ năm 1859 cho tới 1862. Đến sau ta sẻ trở lại chuyện nầy.

Mấy điều bất thuận ta mới tỏ bày đó, dầu cho nó có sự chua chát chóng qua, thời nhưng vậy xem ra cũng không vi phạm tới việc thù tạc thường ngày các thầy giảng với các quan bộ thuộc dinh. Cha Croc làm thông ngôn cho quan thủy sư Charner, người dịch các giấy tờ gặp tại đồn Chí-Hòa và nhứt là sổ tên quan quân an-nam. Những thầy giảng khác biết tiếng và hiểu phong tục thời đặt làm thông sự, mấy ông nầy cũng giúp nhiều việc trọng; sự chung lo như vậy được các «quan đốc lý» trước hết — cả thảy là quan vỏ có đánh giặc bên Trung-Quốc, lại vài vị có học chữ nhu — khen ngợi trong vụ sửa sang trường bố và địa phương mấy ông ấy cai trị.

Chuyện đó làm cho ta nói qua vụ quản trị các phần đất đã chiếm cứ. Trong lúc thiếu thốn mọi sự và lộn xộn bậy bạ bởi mất các quan tỉnh, phép luật và sổ sách mà ra, thì có một điều đã thành tục còn y mà thôi, là cách sửa trị làng xóm an-nam. Nó cho có thế ngăn trở khỏi ra hư hốt bề ăn ở nhơn dân, vì sự nó mau tồi bại đã khởi sự làm cho nhiều người ra kinh khủng. Phần nhiều trong những làng còn giữ đặng các điền bộ và đinh bộ, cũng có phần nhiều đã xuất thú, hoặc sau khi bị hủy tan mấy điều mình sở ước tại Chí-Hòa, hoặc sau lúc thâu chiếm Mỹ-Tho. Thảy đều xin phù hộ và phép công chính trừng trị đạo tặc càng ngày càng sanh tấn, thảy đều nài nỉ cho có một đấng làm đầu hành chánh.

Cách phải sửa trị làm sao dả chỉ ra tỏ tường, nên người ta có do theo nó mà không bỏ bớt và không lưởng lự chút nào: là sự sửa trị thôn lý đề y như cựu lệ, người ta nhìn biết nó là cốt tử cách phải lẻ, dường bằng một vật thánh kính kia mà người ta gìn giữ.

Khi quan thủy sư Charner vừa sang đến, người có phú quyền cai quản sỉ tại Sài-Gòn cho ông D'Ariès, cũng một khi người phong cho ông ấy làm Thống lý bổn quốc sự vụ. Dưới quyền ông D'Ariès thời có mấy quan vỏ đã bắt nhón trong các cơ binh và cho xuất sỉ. Các viên quan nầy, kêu là đốc lý bổn quốc sự vụ, đều đặt tại chỗ các tri phủ và tri huyện đã đào biệt. Chuyện mấy quan đó lãnh thi hành chỉ về nhứt là sự xử đoán cho công, chăn sóc dân chúng, bắt buộc chuyện cướp phá, học biết phong tục và giềng mối trong xứ thể nào. Dầu cho phần việc các quan nầy chỉ ròng theo hộ, thời mấy ông ấy cũng có phép mà khiến binh đã đặt tại mỗi sở đề tùy biến mà dùng, dường như chỗ nương cậy cho quờn phép mình vậy. Các phần đất của người an-nam đã chia ra mà trị thì đề y vậy, lại quyền chư quan đốc lý chẳng ra khỏi giái hạng địa hạt mình.

Mỗi tuần, các quan phải chạy một tờ minh khai mọi việc thuộc bổn sở, lại với những điều mình xét nét về thi thế trong xứ thể nào.

Cuộc thông chánh bổn quốc bị dứt đi một lúc cùng phá hư nề nếp, khi ấy đã lập lại. Bởi vậy, vừa qua tháng juillet 1861, thấy có tạo thành một cuộc dùng ghe thoàng mà loan đệ văn thơ theo đàng nước. Còn về sở thơ tín trên bộ, người ta có làm thử nhiều lần, là giao cho kẻ đem đi riêng, đoạn phú cho các làng, sau hết người ta trở lại theo cách an-nam, là lập trạm mà gởi, vì nó được việc khá hơn hết. Nhờ mấy tờ cáo báo các quan đốc lý, cùng nhơn có phương thế chuyền đệ văn thơ, nên quan thủy sư mới giao thông dặng có chừng với các tri châu.

Ất thật, khi phong lập những người thay mặt đồi lời cho nhà nước langsa trong các chỗ có dân sự ở

đông đảo tại mấy miền đã soán như vậy, thì kể cho là đắc sự một it, song như không biết tiếng annam và chữ nhu, thời cách đó dùng nên sự chi cho được? Các vị thế hành nầy không đảm đạo dặng với nhơn dân, đã phú minh, không khác chút nào, cho sự bất trung, cho sự chẳng đủ dùng thông ngôn bổn quốc nói tiếng latin, là «mấy người giảng sách phần đã bị các giám mục minh đuổi đi vì không chịu ăn ở tử tế, lại họ lấy tên latin đặt cho minh, mà tổ ra chuyện quỉ quái tất, phế kỷ phận cùng lạm tang thuộc về cảnh Đông.» (Pallu).

Thiệt thì trong số đó cũng có vài vị lương thần, song biết thuở ấy ít có mấy người như vậy là dường nào? Ta xin hải tên ra hai vị mà thôi.

Lấy theo tuế thứ, người thứ nhứt, là ông đốc phủ sứ Huinh-Tịnh-Của, hay là Paulus Của, nay là một vị cố cựu hơn hết trong ti nhơn hành. Người vào giúp nước nhằm năm 1860, lãnh chức thông ngôn cho ông quan hai thủy Boresse, khi ấy đã làm tri phủ (người lên chức quan ba thủy trong năm 1861). Khi trước ông Paulus Của học tại trường Poulo-Pinang; trong lúc người giúp nước lâu năm, người có đặt ra một it cuốn sách chữ quốc ngữ dặng thiên hạ khen lắm, ta xin kể ra đây cuốn *Đại-Nam quốc âm tự vị* lớn mà thôi. Chính vì ta có nhờ ông ấy cho biết nhiều chuyện quí về sử Nam-Kỳ.

Người thứ hai, tên đáng kính hảy còn lưu tâm mọi người, là ông Trương-Vĩnh-Ký, mà tên thiên hạ biết nhiều hơn là Pétrus Ký. Khi trước các thầy giảng thấy người muốn tường đạo lý, thì cho người vô trường tại Poulo-Pinang, sau học giỏi người ra; người cứ tiếp trao tria kinh sử, song bởi chẳng sở mộ về chức phận thầy cả, nên cách hai năm sau

người từ giã hội giảng đạo cùng đặng cấp bằng làm thông ngòn liền (nhằm 20 décembre 1860). Quan thủy sư Bonnard đặt người làm đốc học trường thông ngòn: khi đó người mới vừa đặng hai mươi lăm tuổi. Không kể tiếng bổn quốc, ông Pétrus Ký lại biết tiếng latin, langsa, espagnol, anglais, tàu, malayu, cao-man và tiếng xiêm nữa.

Muốn cho đặng lo về chuyện cần hơn hết, quan thủy sư Charner mới dạy đặt ra một cuốn tự vị langsa-an-nam, bên tiếng an-nam thì viết bằng chữ quốc ngữ; lại, bởi thứ chữ nầy ở Sài-Gòn không có, nên người dạy in sách đó bên Thiên-Trước. Cũng một khi có khai hai trường học, một cái đặng lập ra thông ngôn langsa, cái kia để dạy con trẻ an-nam học tiếng langsa.

Trường thứ nhứt đó có cha Croc cai «là một thầy tu hay chịu lòng thiên hạ lắm, người biết tiếng an-nam, sự như vậy ít có nơi những kẻ nói tiếng ấy.» (Pallu). Đám sĩ nhân của người thì ròng quân binh mà thôi, trong đó có một ít quan võ, lính bộ với lính thủy; người dùng một cách kia được việc của người mới bày mà không tế nghiệm trước là bao nhiêu. Có khi mấy vị sĩ nhơn đó đã làm cho người được thành danh, lại đến sau có một ít vị trở nên thông ngôn giỏi lắm, dầu vậy, số mấy người đó cũng không đủ dùng.

Trường để cho con trẻ an-nam ít nữa có một phần cũng chỉ về ý đó, vì như chúng ta khôn thông quốc ngữ, thì phía người an-nam cũng chẳng biết tiếng langsa. Trước ta có nói về sự mấy thầy dạy sách phần nói một ít tiếng latin mà sái nát, có vài người an-nam nói tiếng anglais vừa hiểu đặng mà thôi. Khi trước đức hoàng đế Tự-Đức có thói quen gởi mỗi năm là mười lăm người còn trai qua Phố-Mới mà học tiếng anglais.

Những phương thế đã chọn dùng trong mấy tháng đầu năm 1861, như lời người ta nói, đều chỉ về phong tục và sự công bình: là làm cho dang các thói xấu mới ra, lại như có thế được, thì gìn giữ phép cầm những người ở nước Đại-Nam lại và làm ra một sắc dân dễ khiến. Rủi thay, phải chịu thật rằng, người phương Tây, theo tánh khí và ý mình nghỉ trước, thật lấy làm bất tiện mà cho quản trị người cảnh Đông. Sự đem việc quốc chánh mà xen vô các chuyện xem ra đã làm cho chúng ta ra khác tánh nước mình; đôi phen người ta nói đặng rằng, lòng đại độ với mấy kẻ yếu đuối, với những kẻ chịu thua đã ra bớt rồi. Tánh khí hảy còn như một điều ngăn trở: người an-nam quen theo bộ điện khoan thai, mực thước các quan mình, nên thường khi không hiểu chút chi về những lúc chúng ta giận, chẳng chịu nhẫn nhịn, cả tiếng óng la, cùng mấy vòi máu phung lên đó mà làm cho đỏ mặt tía tai như vậy. Sự bất thông tiếng nói đã làm cho bối rối mọi việc cùng hoá sinh nhiều điều hư hốt, song mấy vị tân dáo không có gánh vác trọn những chuyện ấy. (Pallu).

Từ ngày lấy đặng Mỹ-Tho cho tới khi quan thủy sư Bonnard sang đến, thì phía bên người langsa có dường như một thứ đình chiến kia vậy, song nó không yên, phải máu rơi thịt nát, bởi chuyện cướp phá bọn ứng nghĩa mà ra, vì tại binh sĩ chúng ta ngưng cữ động tổ tường, nên làm cho mấy vị ấy ra dạn dĩ. Người an-nam nói rằng, coi bộ quân đó ở dưới tàu và trong đồn mà ngủ hết. Song trước khi nói qua lúc hành hung cùng tao loạn, ta phải viết thêm vài hàng chỉ về một cuộc kia đã lập thành mà đặng bình an hơn và hữu ích hơn cho xứ khôn cùng. Ta muốn nói qua việc chở chuyên đàng biển.

Cho tới thuở đó thời sự chuyền vận tùy theo đường đi vòng qua Mủi Bonne-Espérance. Tàu ở nước Langsa mà qua Nam-Việt phải đi từ ba cho tới năm tháng, hoặc hơn nữa, mới đến nơi. Người ta gần đi theo đàng mới, là chạy qua Địa-Trung hải, Hồng hải và Ấn-Độ dương, song phải chở bộ bằng

qua xứ Egypte từ hải môn Alexandrie cho tới cửa Suez, nó thâu vắn đường lại nhiều. Vậy, ở tại cửa Marseille mà qua Sài-Gòn thì phải đi trong 35 ngày (bề xa hai cửa nầy, không kể đường xe lửa xứ Egypte, thì tính ra đặng 6.992 *mille*, nghĩa là chừng 12.949 kilomètre, lại sự tàu chạy mau tầm thường mỗi giờ đặng 9 *nœud*, hay là 16.668 thước langsa). Hãng tàu Messageries Impériales có kí tên vào tờ giao ước kia với nhà nước mình nhằm ngày 22 avril 1861, theo tờ ấy phải khai ra một ít cuộc quá hải từ khỏi cửa Suez mà qua cảnh Cùng-Đông. Ngày mồng 3 juillet sau, nhà nước có chịu cử mà lập một điều luật châu phê sự giao ước đó, lại có chỉ dụ đức hoàng đế ra nhằm 22 juillet 1861 mà bang hành nó nữa.

Mấy cuộc đi biển làm cho ra cần có :

I Một đường chánh từ Suez qua Sài-Gòn, cứ 28 ngày có một chuyến tàu.

II Vài đường phụ, là :

1o Từ cửa Aden qua hòn Réunion với hòn Maurice.

2o Từ cửa Pointe de Galles qua cửa Pondichéry, Madras với Calcutta.

3o Từ Phố-Mới qua cửa Batavia.

4o Từ Sài-Gòn qua cửa Manille.

5o Từ Sài-Gòn qua cửa Hương-Cảng với Thượng-Hải.

6o Từ Hương-Cảng qua cửa Yokohama.

Bởi cớ thương mải mà ra — vì lúc đó Sài-Gòn chẳng có buôn bán vật chi với chòm cù-lao Philippines — nên đường phụ từ Sài-Gòn mà qua cửa Manille không có khánh táng bao giờ, còn đường chánh thời chẳng khỏi bao lâu lại nới dài cho tới cửa Hương-Cảng, sau cho tới Thương-Hải.

Lúc khai kinh Suez (nhằm ngày 16 novembre 1869), thì có bội nhị chuyến tàu đường chánh, cứ mỗi 14 bữa khai hành một lần; song sự như vậy

lâu đặng có it tháng mà thôi. Trong lúc giặc 1870-1871, cuộc quá hải bớt lại còn có một chuyến, cứ hễ 28 ngày mới có tàu, việc nầy có dư dùng về chuyện buôn bán. Qua năm 1873, khi hãng Messageries Maritimes sữa các cuộc chở chuyên lại, thì tàu đi qua Sài-Gòn và cảnh Cùng-Đông mới tái lập cứ 14 ngày một lần, như nay nó hảy còn vậy.

Khi đã nông sức dường ấy mà bấu lo chấn chỉnh phần đất chiếm cứ cùng chiêu an nhơn dân phải chịu cai trị, thì người ta có phép mà trông thấy yên ổn lại một chút, lại thêm khi đó lấy Chí-Hoà đã đặng hai mươi ngày, có ông Nguyễn-Bá-Nghi làm thống lãnh ở tại Biên tỉnh, đang xin cầu hòa (sau ta sẽ nói qua chuyện nầy).

Vã chăng, quan thủy sư có làm mọi điều mà vỗ về lòng dân. Người chuẩn thuế năm đó, người lấy lòng tốt mà nhậm lời những kẻ trước đã trốn đi, nay trở về xin ruộng đất mình lại; người tha cho mấy kẻ bị bắt trong lúc giặc giã dặng trở về làng mà đăng tịch và an cư lạc nghiệp theo dân chúng. Dầu vậy cũng không đủ tay nông phu cùng là con vật mà cày cấy. Nên có cấm không cho làm thịt trâu. Sau hết, sự thâu thập tiền kẻm để thủ phần tư lợi mà bấy lâu chẳng cấm đặng, thời khi ấy đã ngăn đón nhờ tích trử nó lại phải lẻ lắm, và có lo một it phương thế làm cho ra bớt châu lưu nó nhiều, qua tỉnh nầy tỉnh kia.

Dầu vậy, trong xứ cũng chẳng đặng thái bình. Chuyện cướp phá trong nước Đại-Nam hằng có luôn chẳng nhiều thời ít, lại có nhiều kẻ ở Nam-Kỳ bề ngoài coi như người rẫy bái, chài lưới, bạn bè, mà họ dề tạ rập với nhau lạ lùng đặng khi thì chiếm thâu tài vật của tay hào hộ nào đó, lúc lại đánh lấy ghe

buôn. Đám giang hà vô số tại miền trung châu cho có thế dễ ăn cướp lắm, là chuyện buộc phải cho bạt thiệp chẳng những là trong lúc hạ thủ mà lại trong lúc dảo tản khi đã thành hành. Khi quan an-nam di mất, nhiều kẻ lánh mình tạm và không có hương chức coi sóc, lại đôi phen dùng cơn bất bình mà cầu lợi nữa, thì tự nhiên chuyện cướp phá ra đầy tràn. Quân nhập bọn chẳng thiếu chi; nên mấy kẻ quen thói gian ác có lính thất tán đến hiệp với, lại họ lấy nghề đạo kiếp làm hạp với ý mình hơn, với tài năng mình, hơn là công chuyện làm ăn tử tế và có chừng.

Thì thế các việc lại càng thêm bối rối và khó lòng hơn nữa, bởi các quan an-nam dùng tân cơ mà xui giục chúng dân cách kín đáo. Mấy chuyện tại Chí-Hoà và tại Mỹ-Tho đã dạy cho mọi người biết hẳn hòi, dầu nơi đồng trống, dầu ở sau tường thành đi nữa, thì đại binh an-nam cũng không cự địch lại cho đặng với người langsa. Vậy người ta mới bỏ sự giao chiến đông, mà dùng thử phương thế ít võ biền, song đắc sự hơn nhiều, đặng làm cho đạo binh sai đi đánh ra mệt nhọc. Phải phá chung quanh đạo binh ấy cho trống trải và làm cho xứ ra ở không đặng. Nên chúng cường đạo được người ta bày biểu và giục lòng mà làm như vậy. Chuyện đốt phá nhà cửa ra năng có, sự sát nhơn càng sinh thêm nhiều. Bởi đó hóa nên một cuộc giặc ăn cướp chán chường, khi ấy nó còn một bước nữa mà thôi, lại chẳng khỏi bao lâu bước đó phải quá.

Chờ cho tới chuyện như vậy, thì mấy người mật thám đi ruồng trong hai tỉnh mà khuyên chuyện phá hại cùng chém giết người ta, dụ mấy kẻ trai tráng mà nhập vô đạo binh thiệt, lại cả gan cho tới dám lấy tên vua mà thâu thuế của quan thủy sư đã chuẩn miễn.

Hết thảy những người an-nam nào mà thuận theo nước Langsa đều bị ngăm đe giết chết; có một ít kẻ vong mạng vì như vậy. Khi các quan an-nam hồi tâm rồi, họ lại lấy lòng dạn dỉ cho đến đỗi dám tới ban đêm mà thăm mấy cựu dân mình; họ đến hoặc khuyên giục chống trả, hoặc đe hại cách dữ tợn lắm, tùy theo tánh ý phô kẻ ấy thể nào. Người ta có trách móc về cách các quan ăn ở như thế, song sự đó chẳng công bình. Nên không có tính toán mà huởn dấu hay là đình chiến chút nào, lại chuyện như vậy thật nên làm, song cũng một khi khiến cho nhơn dân và chính vì họ nữa phải người ta chiếu luật dữ mà báo ác.

Tại Sài-Gòn cũng có sinh ra sự thể riêng. Các tàu chở lương và than có đem lại cửa nầy một tốp người tính nết hung hăng cùng mấy kẻ bộ tịch dễ nghi nan; đó cũng là lủ liều mạng, buôn lậu, thường gặp phía sau các đạo binh xuất trận. Phần nhiều đến thương mải, song nhứt là bán khí giái và thuốc đạn lậu, là chuyện người thanh đã làm ra cả thể lắm. Các tội trọng chúng nó phạm mà hại bọn mình, thời không ai trừng trị. Ông Pallu thuật rằng, lối giữa tháng avril (1861) có một tên bạn américain kia bị giết chết trong lúc ấu đả với một đứa đồng hương với nó, mà quan quyền langsa không bắt buộc đặng: vì lúc đó tại Sài-Gòn nào toà, nào quan thẩm án chi cũng chẳng có.

Thì sự như vậy không đặng bao lâu, nó làm cho chung quanh người langsa ra trống. Nên phải biện phương thế cho mạnh mẻ mới đặng. Quan thủy sư Charner có dùng lấy nó. Ngày 23 avril 1861, có rao truyền cho ai nấy biết, Đại Giang Khong và các sông rạch tại miền trung châu nầy đã bị vây (*blocus*),

trừ ra Sông Sài-Gòn mà thôi, lại cũng cấm chở lúa gạo đi ngã biển mà đem ra Đại-Nam quốc. Qua 19 mai, có rao báo rằng phần đất chiếm cứ đã giao cho bên võ hành chánh (*état de siège*).

Sự giao quyền mà rao báo như vậy, thời làm cho sinh điều bức trắt tình cờ trong chuyện thông vạn quốc công pháp. Vì trong tờ công văn không có hài tên nước Espagne. Vậy nước Langsa tính lấy trọn các phần đất đã chiếm đặng tại Nam-Kỳ mà không chia cho ai hết. Quan khâm mạng toàn quyền Đức vua có đạo, là ông quan năm Palanca Guttierez, tưởng phải phân phô chuyện ấy, song người dành phần lại cho nước Espagne định liệu. Quan thủy sư Charner có đặng lời dụ tỏ tường, nên quyết giữ lời mình đã nghị định. Người ghi lấy lời phân phô đó mà thôi, «song người tỏ ra rằng mình có đặng lệnh trên dạy chiếm soán Sài-Gòn, giữ nó không chia chác, rồi đánh lấy và sửa sang một phần đất xứ nầy, người nhắc rằng nước Espagne sẻ tìm đặng một nơi khác trong xứ Trung-Kỳ, để mà bồi bổ các sự nước ấy đã thí liều cách vinh hiển.»

Chuyện đó đình lại như vậy, đến sau hai chánh quốc có tính toán với nhau. Tại Sài-Gòn thì nó phân rẻ hai quan toàn quyền, song nó chẳng làm cho sự giao tiếp đôi đàng ra phai lợt chút nào, hay là giờ nào.

Giao quyền hành chánh về bên võ là một điều phù trợ cả thể rỏ ràng cho người langsa cai trị. Người ta cũng không hiểu vì làm sao vừa lúc ban sơ đã thấy khiếm khuyết cả bộ hình văn như vậy mà chẳng giao nó cho bên võ; người ta càng ít hiểu về sự cần phải rao báo làm gì, bởi chưng các phần đất soán được chẳng thuộc về chúng ta theo phép, khi ấy giặc giã chưa dứt, nên chính vì sự thể sau đó cần cho bên võ quản trị và dụng phép công thẳng khiển binh mà bình loạn.

Cách sang quyền văn qua vỏ mà dùng cho khôn ngoan, trí ý, và nhứt là cho có nhân, thì chắc có lẽ đắc lợi khá hơn hết. Song rủi, chuyện cướp phá tầm thường pha lộn với việc mấy kẻ ứng nghĩa tác vi, thì làm cho người langsa coi mỗi người an-nam nào mà cầm khí giái ra như một đứa hung ác kia vậy. Ông Pallu de la Barrière có minh giải sự thể lúc đó và tâm tánh nhiều người langsa thể nào:

Bởi không thuộc tiếng nói, tại chúng có gian dối, cần binh vực phận mình, bắt chước thói tục anglais cùng con dộc dữ chồi dậy nơi lòng một ít người, và nhắc lại tánh sát hại khi trước đã giục người espagnol tàn diệt nhơn dân hồng bì: đó là mấy cớ chánh làm cho dừng phân biệt các người an-nam kình địch lại với chúng ta là như vậy. Biết có bao nhiêu kẻ trong đám ăn cướp nầy là quân linh dụng khí trượng quấy quá vậy mà thôi!

Đó là chuyện cùng thế chịu chẳng nổi, nên phải cho hai mươi vị phái viên đặng phép tha bắt, lại ví dầu quyền đấng làm đầu mà có tử tế và vững vàng cách nào, thì nó cũng không sức sửa tánh xấu người ta lại đặng. Trong lúc dẹp giặc tại hai dây đất có sông bao hàm đó, thấy có ra lệnh thật nên kinh hải, song nó chẳng hề bất nhơn bao giờ: *«Các ông đừng cho hà hiếp dân sự vô can.»* (Lời dụ gởi cho các quan cai mấy đạo *colonne mobile*.)

Đó là một lúc thảm thiết cho truyện xứ địa hạt, lại ví như chúng ta muốn tin theo lời thiên hạ kể bày, thời phải kết rằng, các lúc xử tử tắc ấy đã trở nên một cuộc tập luyện kia để cho một ít kẻ chơi. Vậy, những người nào gọi là giáo hoá có lẽ lấy đặng mấy chuyện gớm ghê xứ Nam-Kỳ mà chưng ra trước xa các chuyện quái gở tại phía tây phương Afrique cùng tại Quảng-Châu-Văn. Nhưng vậy, ta chuộng tưởng trong mấy chuyện thuật lại đều có nhiều lời phi thường dối thế, cũng đôi khi sự khoe khoan thiết lập đặng một ít truyện kì cục khó tin. Ta xin nhắc lại chuyện

người thông ngôn an-nam kia trước có làm thầy dạy sách phần, biết nói tiếng latin, mà đã bị chết treo với sáu tên ăn cướp dẫn theo một bọn. Thầy ấy có làm hết sức đặng cho người ta biết mình là ai, khi dây đã vòng qua cổ, thì thầy hảy còn kêu la bải hải: «*Ego sum Petrus!*». Thầy cai binh thủy lảnh việc xữ giảo, không có học trường nào khác, một chuyên tập việc khoanh dây cuống buồm dưới tàu mà thôi, nên nghe tiếng latin mà chẳng hiểu chi hết, lại không muốn biết nó chút nào, cứ việc rút người thông ngôn lên trên đầu trục buồm cho đưa qua đưa lại... như mấy kẻ kia!

Nhưng vậy cũng cứ tiếp công luận với nhà nước an-nam luôn; còn mấy kẻ gian ác, lập công, cậy thế không ai trừng trị, vầy hiệp theo một ít kẻ làm đầu, sau lập ra đặng vài đoàn đông đông mà chống lại với mấy đạo colonne mobile nhỏ, cũng hảm đánh mấy phần hờ nữa. Trong lúc đầu mưa, lại hễ còn cày cấy bao lâu, thì chuyện động dụng có huởn một chút; mà khi xong rồi, nó lại trở ra loạn lạc.

Cho tới lúc đó, vụ tính toán và sự bối rối đều có một lược, nên chúng ta cũng phải theo hết cả hai.

Ta có nói rằng, sau khi lấy đồn Chí-Hoà đặng hai mươi ngày, thì ông Nguyễn-Bá-Nghi có cho người tới cùng quan thủy sư Charner mà bày tỏ việc giao hoà. Người đó là ông phủ Khả, phụng lảnh đến trao lời bản tính (1). Người xuất hành tại Biên-Hoà, có một ít bộ hạ theo mà thôi, người xuống tàu *Primauguet* đậu tại Sông Sài-Gòn, lối chỗ giáp đường qua Biên tỉnh

(1) Người khác lại nói là cựu quan án Văn, thuộc tỉnh Gia-Định, lúc đó đã bị cách chức, lảnh đi bày tỏ việc cầu hoà. Bởi các chuyện công luận dây dưa mấy tháng, nên có lẻ hai vị nầy đều có dùng tiếp nhau đặng đến mà trao lời.

(Point A). Có một chiếc tam bảng tàu corvette đưa người xuống Sài-Gòn. Ông phủ Khả là người đem tin ròng theo cách phương Đông, nói dông dài các việc tai hại giặc giã, nhưng mà rốt chuyện không tỏ bày sự chi hết. Nên phải lập ra các điều buộc kết, song ban sơ bên Biên-Hoà không chịu, ông Nguyễn-Bá-Nghi nói trong thơ thứ nhứt rằng, «các chuyện ích lợi đều về phần nước Langsa, không có cái nào cho nước Đại-Nam hết». Người an-nam tính lo việc giản hoà đó giã đò không biết điều cần nhứt bởi cuộc giặc giã mà ra, là kẻ thất trận không đòi đặng phần thạnh lợi nào cho mình.

Ngày 26 avril, quan thủy sư đề đốc trả lời rằng, «như tờ giao hoà mà kí tên xong, thì cuộc buôn bán của người an-nam ở ngoài xứ, bấy lâu bị các tàu croiseur phá đi, sẽ đặng thong thả lại như trước; lại bởi người langsa đã lập giang sơn cơ nghiệp tại Sài-Gòn với Mỷ-Tho, nên sự thạnh lợi xứ Nam-Kỳ sẻ mở mang cũng có khi quá hơn là lúc trước giặc; sau hết, nước Langsa đã không gây chuyện túng ngặt cho triều đình Huế làm chi, mà có lẻ giúp đở đặng trong nhiều lúc nữa. Khi quan thủy sư phúc lại mấy điều suy nghĩ ấy cho quan phòng biên quản thứ, người nói mình lấy làm có phước mà đặng tin trả lời cho thấy xoáng qua sự có giao hoà đặng cùng chăng.»

Quan thủy sư Charner có thêm vô sự người trả lời một chuyện để làm chứng chắc chắn hơn, đặng cho ông Nguyễn-Bá-Nghi biết cách thế người đã dùng bà ngày trước, là: cấm chở lúa gạo đi ngã biển mà đem ra mấy tỉnh ngoài.

Ông Pallu nói rằng, tin ấy làm cho người an-nam ra kinh khiếp. Dầu cho khi đã lấy đặng Mỷ-Tho rồi, thì họ cũng còn trông cậy luôn về các điều khổ hại giặc giã không đúng tới

chuyện vận lương phạn, vì nó là một sự cần thứ nhứt cho họ đặng sống. Quan kinh lược có van trách về mấy chuyện gay gắc, mấy việc tác thành, về sự chí quyết những điều buộc ép đã gởi cho mình, sau lại về tân nạn đó nữa (nhằm 3 mai 1861). « Đã ba năm trời ngài đánh giặc với chúng tôi, thời chẳng có sự hại nào ngải làm mà trong nước lâm lụy nầy lánh khỏi. Kho tàng đều đốt phá, thành quách chiếm thâu triệt hạ, tàu thuyền cháy tiêu, cuộc bán buôn ra hư nát, ghe cửa chở vải bô quí giá bị phá chìm, binh lính giết sát, nhà cửa tan hoang. Ngài đòi chúng tôi bạc, chúng tôi dã ra nghèo. Vậy có phải ngài làm bấy nhiêu chuyện tai hại đó cho vui lòng Đức Chúa Trời chăng? Bây giờ ngài lại đón ngăn lúa gạo; vậy thời dân sự chúng tôi chắc phải bị chết đói mà thôi.» Sau hết, thấy có nói lời khí khái nầy: «Bởi nó là phương chót mà quí quan để lại cho chúng tôi, vậy được lắm! chúng tôi cũng còn kiếm đặng binh khí khác mà đối địch lại với ngài.»

Quan thủy sư đề đốc có phúc thơ (nhằm mồng 7 mai 1861) mà nói rằng «mình sẻ ra sức dùng hung khí mà tống khứ hung khí».

Dầu vậy, sự trả lời đó cũng không làm cho dứt chuyện tính toán, ta xin chép thêm ra sau đây bức thơ quan thủy sư Charner gởi cho ông phỏng biên quản thứ nhằm mồng 7 juin; nó đắc ích về sự nó có đủ các điều buộc kết đặng mà giao hoà lại:

Có lẻ tôi trả lời ít chậm trể hơn về bức thơ Quí Quan dã gởi cho tôi, phải chi tôi chắc rằng trong thơ trước tôi không có nói cho Quí Quan rỏ tự sự về các điều đại khái để cho chúng ta do theo đó mà lập thành cuộc giao hoà cho trường miên.

Nhưng vậy, bởi e bỏ sót một ít điều, nên tôi xin kể tất lại các chuyện buộc tôi phải do theo đó mà nghị luận:

1o Việc thờ phượng đạo Thiên-Chúa cho thong thả.
2o Nhượng thành Sài-Gòn và tỉnh Gia-Định.
3o Nhượng thành Mỹ-Tho và cuộc đất bao chung quanh nó.
4o Nhượng Thủ-Dầu-Một ở trong tỉnh Biên-Hoà.
5o Đi thong tha trong các sông rạch tại hướng Tây.
6o Người tây thông thương đặng trong đế quốc, miễn là họ phục tùng luật nước.

7o Giao những người tây bị cáo rằng phạm luật lại cho quan lãnh sự ở tại cữa biển nào gần hơn hết.

8o Hai bên có phép mà tỏ bày mọi việc tại hai triều thế cho hoàng đế nước Langsa và hoàng đế nước An-Nam.

9o Lập chức lãnh sự ra và đề cho cuộc thương mải người tây đặng thong thả tại các cữa chánh.

10o Ân xá hết thảy các chuyện chỉ về giặc giã.

11o Bồi thường bốn triệu nguyên bạc.

12o Cho quan sứ espagnol dự vào tờ giao đặng phép can gián.

Cho tới bây giờ thời Quí Quan cũng không sá đến các việc dã thành hành, Quí Quan chịu có hai điều, là sự thong thả thờ phượng đạo Thiên-Chúa và cho quan sứ espagnol dự vào tờ ước mà thôi.

Quí Quan cứ trách móc về sự tôi xin mấy điều đó rằng quá mực, cùng cho tôi biết thật Quí Quan chí quyết ao ước làm hoà, song cho tới nay Quí Quan lánh không nói cách chi cho chắc về các điều Quí Quan bằng lòng mà nhường cho chúng tôi làm sao.

Quí Quan có cho rỏ nhiều lần, rằng chúng tôi chẳng có sự gì mà bù lại cho Quí Quan về những việc ích lợi chúng tôi đòi, lại sự nhượng tỉnh Gia-Định thì bằng nhượng hết thảy các tỉnh phía Tây xứ Nam-Kỳ.

Tôi kính xin trả lời thêm rằng, sự an hoà sẻ làm cho nước Đại-Nam buôn bán ra chắc ý và đặng thạnh lợi; không còn mắc phải chúng tôi đánh phá nữa; giao thông đặng với các tỉnh phía Tây, là mấy tỉnh trong lúc nầy hòng thoát ra khỏi quyền mình cai trị.

Bằng như giặc giã ra dây dưa, thời sự thể đế quốc chẳng khỏi thêm hiểm yếu. Chắc có lẻ Quí Quan dã rỏ thấy dèo nó đi như vậy rồi.

Ta không nói lại cho lâu dài về mấy lẻ yếu đuối, cùng theo tiểu nhi mà hai bên dùng đặng trưng ra trong lúc tính toán đó. Giặc không thừa theo câu nói bao giờ, các cách quỉ quái về sứ sự, tráo trở công chuyện, thời không dụng được việc chi vô đó hết. Kẻ mạnh hơn buộc điều kia điều nọ, người yếu hơn phải ép mình mà chịu trọn hay là một phần, tùy

theo bực minh sút. Có cải lẫy thời chỉ về các điều đó mà thôi, lại có một minh bề tài phép hai đàng giao chiến trong lúc cầu hoà giục khiến người thắng phải bỏ mấy điều minh đòi thế nào, và kẻ thua giữ bớt lại chuyện buộc bồi thường làm sao mà thôi. Mở việc bàn luận ngoài mấy điều nầy thì là đi dựa một bên chuyện phải tính, nó chẳng ra chi hết.

Phàm như quan thủy sư đừng có nói tới những sự đắc ích và thạnh lợi mà mỗi người, mỗi dân đều hiểu theo cách minh, lại thật vô ích mà cải lẫy nó, người cứ gởi các điều minh đòi buộc mà thôi, cho biết rằng như chịu nó mà để trễ, thì nó ra nặng hơn, lại trong lúc chờ trả lời, giặc cứ đánh như trước, chắc có lẻ không yên đặng dây phút nào cho sớm hơn, song quan thủy sư khỏi các sự tưởng lầm, cực trí và có khi người lánh đặng trót nửa phần loạn lạc kế nối dài theo năm đó. Khi bên yếu hơn chưa mất hết lòng tròng cậy, thì họ kiếm cách tính toán cho lâu, kéo dài các việc ra, nghĩa là cho minh đặng thêm ngày giờ. Đó là cách của triều đình Huế đã dùng, họ tròng cậy làm cho chúng ta lao lực, họ vọng tưởng sự tầm phào, là sẻ có một đại quốc nào đến xen vào mà binh vực; đòi khi người an-nam có cho biết chuyện nầy, dầu cho họ không nói đặng là nước nào và chẳng chỉ sự chi ra cho rỏ. Họ đem lòng mơ tưởng, tròng ước luống công, cũng không muốn làm hoà chút nào cho chắc. Cách một ít lâu, ý thật họ đã tố trần, nên phải tin nó. Vã chăng, muốn cho nhơn dân bại tích bằng lòng chịu các điều buộc, trước hết phải làm cho họ đầu phục, đó là chuyện thuở ấy phải làm mà thôi: Nước Đại-Nam khi đó đã bị thất, song chưa tận lực thế cùng.

Người ta bất hoà với nhau hảy còn lâu. Vì tâm tánh nhơn dân ở chung quanh đất chúng ta chiếm cứ tỏ lòng chẳng thuận chút nào. Vỉnh-Long, cũng như Biên-Hoà, đã trở nên một chỗ trung tim châu truyền sự chống trả. Phần nhiều trong những nhà hào hộ, những tay quyền thế tại mấy miền đã đầu phục, đều rút qua phía Tây cùng ở đó mà làm cho dấy động luôn. Trong vòng phần đất soán xong rồi đi nữa, thấy cũng có một it chỗ nghịch. Trong mấy nơi bất thuận hơn hết, thì kể đặng là Gò-Công. Tại miền nầy nhà Nguyễn có nhiều người theo phe; có một it vị trong hàng tôn thất ở đó, có vài vị khác đã mai táng tại nơi ấy nữa. Bởi vậy, khi sự cướp phá biến nên loạn lạc, thì Gò-Công làm đầu dấy dộng trước hết.

Ông huyện Toại cai trị miền nầy trước khi chúng ta sang đến, có qui đặng chừng sáu trăm người, trong số kể nhứt là lính đồn điền và binh ròng đã đánh giặc tại Chí-Hoà. Ngày 22 juin, trời mới rạng đông, ông ấy tới đánh Gò-Công. Ông quan hai thủy Vial, làm đốc lý bổn quốc sự vụ, lúc ấy có một it lính thủy cầm súng tay mà thôi, hết thảy đặng 27 người kể về quan vỏ nữa; vả chăng, chiếc lorcha *Amphitrite* cũng có đậu gần lối đó.

Nhờ kẻ do thám cho hay kịp, nên ông Vial canh giữ nhặt nhiệm cả đêm; vừa tảo tình, lính an-nam cầm giáo, phân làm ba đạo *colonne,* gióng chiêng trống kéo tới, tưởng đánh đặng thinh linh binh thủ đồn, té ra họ bị súng tay rước bắn. Ông Vial với mười tên lính thủy lướt tới, bắn họ ngừng lại một dây; song người phải mau thối về chỗ chợ, bởi thấy minh gần bị bọc hậu. Hồi quân như vậy vừa kịp, vi binh an-nam đã lố tới đầu mấy nẻo đường. Binh langsa bắn tề tỉnh,

nhắm chính và gần như vậy, thì làm cho mấy người xông đến trước hết phải ngã; song có kẻ khác nối theo, nên phải tiếp giết luôn. Đến lúc kia, mười người langsa xốc tới một lược mà đánh, nên thành ra hỗn chiến. Tên lính thủy Bodiez đứng núp trong chùa nọ với một ít bạn hửu nó, ngó thấy ông quan hai bị bên an-nam áp tới đánh gần quá cùng hiểm nghèo lắm, nên chạy ra mà cứu người. Thật tên lính nầy có đến án đặng ông quan hai, song bị giết chết tươi mà cũng không xổ kịp phát súng carabine mình. Còn về phần ông Vial, thì người bị hai mủi giáo cùng phải hoả hổ an-nam xịt cháy nơi con mắt.

Song các chánh đảng an-nam đi tiên phuôn đã lụy hết rồi. Một phần quân nhơn bị súng carabine mà chết, dựt mình, thấy không còn ai dẫn đàng nữa, nên thối lui, đem mấy kẻ bị thương với một phần người tử trận trở về. Nhưng vậy, họ còn bỏ mười bốn vị lại nơi chiến tràng, trong số có ông huyện Toại. Ông Vial dầu bị vít nặng, thì người cũng lên cho đặng trên chiếc lorcha và truyền xạ vài phát đại pháo xuống mấy dọc chúng ứng nghĩa đang rút đi trên bờ ruộng trong đồng.

Phía người langsa, nhờ hết thảy ai nấy đều cẩn thận và tỉnh tâm, nên có một vị chết với một vị bị bịnh mà thôi.

Qua bữa sau, trời vừa sáng, thấy có một chánh đảng khác, tên là quản Định, mà bọn người không có dự vô chuyện bữa trước, nay tới phiên dẫn quân nhơn tới đánh Gò-Công. Bắn một phát súng đại bác thì đủ mà làm cho họ lui về. Ngày 24 juin có binh tiếp đến; ông phó quan năm thủy Lebris đi chiếc corvette *Duchayla* tới đậu tại vàm Rạch Lá. Người có đi khắp trong miền và phá tan đặng các bọn.

Nhưng vậy địa phương ấy cũng không trang tịnh lại, vì ông quản Định, thế cho ông huyện Toại, làm cho xứ hảy còn kinh hải lâu ngày. Khi trước ông nầy làm quan cai cơ đồn điền — nay mới lên chức lãnh binh — người là con nhà hào hộ trong xứ, và có cai đạo binh tình nguyện mà đánh tại Chí-Hoà. Đến sau, ông Định nổi tiếng van danh, nhờ đánh phá mấy lần cách dạn dỉ lắm cùng vì sự người ăn ở thẳng phép khôn nguôi với những người an-nam đã thuận theo nước Langsa. Người càng làm nên việc hơn nữa, nhơn có nhiều phe thuộc thích lý cùng những quan cựu có gia quyến ở trong xứ Gò-Công đó vùa giúp. Có một it tốp khác it dông hơn, trong số kể là mấy người có viên điền cùng là con cháu hoặc sui-gia với mấy tay làm loạn trong năm 1833 (ngụy Khôi), họ « cố thủ các quan triều và nhà nước an-nam, nên lấy làm bằng lòng mà qui thuận với người langsa mới cai trị trong xứ, lại giúp chúng ta đánh đuổi các đảng cường đạo đang kiếm thế mà phá tán nhà cữa họ. » (Vial).

Trong mấy lần ông Định phá hại, người ta kể ra dặng chuyện ông ấy giết người cựu nghĩa với mình, là bá hộ Huy; ông nầy đã làm cai tổng cho người langsa, ở tại Đông-Sơn, gần thành phố Gò-Công, là chỗ có tàu chiến chúng ta bảo hộ, người mới sai một đứa gia thần mình đam một bức thơ cho quan langsa mà chỉ chỗ ông Định trú. Tên đầy tớ nầy trở phản lại với chủ nó, là trao thơ cho ông Định, mà chính vì người chủ ấy nữa cũng là một vị vô tâm (bởi kẻ nào nộp người đồng bang với mình, thời hằng kể là một đứa vô tâm, chẳng lựa lấy cớ chi trưng ra mà chữa lỗi: vì người ta có lẻ đánh với nhau, song không nên tương phản). Ông Định đến bắt tổng Huy liền; song phải binh langsa kíp đuổi theo bén gót, nên người với

bọn đồng tâm đều chạy băng ngang ruộng mà trốn, bỏ thây cai tổng đã bị trảm thủ lại dọc đường.

Cũng ở tại Gò-Công, ông ấy có hăm giết tên xả trưởng cứ tiếp giúp việc làng cho tân chánh. Tên xả vô phước đó sợ mất trí, xin dâng hết thảy của cải mình cho quản Định, sau hết, cho đến đồi đem mình mà nộp vào tay người nữa. Ông Định dạy giết đi.

Tại miền Mỹ-Tho thì có ông phủ Cậu quản suất các đảng. Quan lão nầy là một người quyền thế lớn, hùng tâm, mà mắc tật đơn, ba phần châu thân đều bất toại, song ân cần lo lắng đáng khen; người cử động các bọn mình bạt thiệp (1) cách lạ lùng lắm, khỏi một năm chính vì người mới bị bắt mà thôi.

(1) Một hai khi sữ ký cho ta thấy một chuyện siêng năng ngoại trừ như vậy mà ở trong mình một kẻ tàng tật, gần hết động địa đặng nữa. Lúc cuối Giặc Ba mươi năm *(Guerre de Trente ans)*, bên đạo binh suédois có quan tướng Torstensson thống lãnh, ông nầy làm bệnh hư phong tầu chú, không động đạng được, mà cũng dạy người ta đem mình ra khỏi phòng, để trên giường mà khiêng đến trước mặt tiền quân Người càng bại nhiều chừng nào, thì xem ra quân lính người sai khiến mau chừng nấy. Chẳng có lúc nào trong cơn giặc lâu năm đó, mà hành binh đặng bạt thiệp như thế.

Nói qua chuyện phủ Cậu, thấy người ta không tin cho chắc về quyền tước người và cho tới tên người nữa. Ông De Grammont nói rằng, « dã làm bịnh đơn phung, thì theo luật an-nam người không đặng chức nào trong hàm quan, song thiên hạ nói rằng đức hoàng để Tự-Đức có hạ chỉ kí tên mà phú quyền vô hạng cho người.» Ta xin nhắc lại, đức hoàng đế không có kí tên vào sự chi hết; sau lại, có lẽ ông phủ Cậu làm quan dã lâu, rồi tật đơn mới phát. Dầu vậy, ngày nay thiên hạ cũng chẳng lấy chi làm chắc về hình duông quan ấy.

Theo lời ông Paulus Của nói rằng, thật ông Cậu có làm tri phủ tại tỉnh Mỹ-Tho trước khi người langsa sang đến; còn tên người thì chẳng ai còn biết nữa. Dân sự kêu người là phủ Cậu, chớ không phải phủ Cao hay là Kao như hai ông Pallu với De

Có một người chánh đảng khác đáng kể ra đây, là ông thiên hộ Dương, cũng có đánh phá trong tỉnh Mỹ-Tho nữa. Sau hết, có một ít tay đầu đảng nhỏ đi rão trong xứ cùng thâu thuế, lại, như họ chẳng làm hại đặng người langsa cho hẳn hòi, họ lại làm cho nhơn dân an-nam phải khốn khó quá sức.

Sự thể tao loạn như vậy gần biến ra nặng hơn nữa, còn vụ tính toán giao hoà cứ khiên tri mải, nên nó làm cho càng ngày càng thêm khó. Lúc đó phải cần phương thế cho mạnh mẻ mà dùng, vã lại, rốt việc người ta thấy đặng lòng xấu mấy người an-nam giản hoà. Ngày 21 juillet 1861, ông quan ba L. de Grammont, khi ấy làm đốc lý bổn quốc sự vụ (ban sơ người trấn nhậm tại Thủ-Dầu-Một, sau tại Hóc-Môn, từ cuối tháng décembre 1861 cho tới 26 avril 1862), người có dạy bắt, trên phía Trảng-Bàng, ba tên (Mưu, Tri, Thới) đem giấy tờ nói về sự người langsa ăn ở và làm những việc gì, lại với một chỉ dụ, thật phải là của đức hoàng đế cùng chăng, thì không lẻ bên Biên-Hoà chẳng biết. Ta xin chép lại theo bổn của ông quan ba De Grammont đã diễn ra theo ý mình:

Mồng ba tháng ba (1er mars 1861) (1).

Trương-Đăng-Quế, Lâm-Duy-Nghĩa với Nguyễn-Luận có gởi sớ dâng cho Đức Vua, thì Đức Vua có châu phê như sau nầy:

«Người langsa đến tại xứ Gia-Định dã đặng ba năm mà làm rối cho trẫm; chúng nó triệt hạ thành, giết phá binh cố thủ. Bởi

---

Grammont viết ra trong sách; song tiếng *cậu* không phải là tên, nó là tước tặng các con quan, nghĩa là *em mẹ*. Vậy chính vì ông phủ Cậu là con quan, nên qua lúc sau, khi nhơn dân đã kêu trống người bằng Cậu, thì có lẽ họ đề phẩm người trước tước tặng. Vã chăng, càng có lý nghiệm hơn nữa, là theo tục lệ con nhà an-nam, hễ họ nói về chuyện quan nào, thì họ kiêng nễ không hài danh quan ấy.

(1) **Tháng ba nhằm tháng avril.**

đó, các kẻ trung với trẫm đều giận quá sức, nhứt là nhơn dân xứ Nam-Kỳ, là kẻ trẫm tưởng hết thảy đều sẳn lòng hiệp cùng binh sĩ trẫm mà báo thù chung về các lúc chúng ta thất trận. Người langsa không phải đồng loại với chúng ta, họ muốn hà khắc chúng ta và hảm hiếp thê tử chúng ta. Vậy những kẻ nào lấy các chuyện ấy làm sỉ nhục, hảy theo chúng ta.

«Có ai trong chúng ngươi mà muốn giúp cùng theo hầu Hạ chúng nó chăng?

«Tiền nhựt trẫm có giáng chiếu mà bố cáo cho các quan lục tỉnh hay, trong đó trẫm có nói rằng:

Mỗi người trung thần nghe lời trẫm khuyên, hảy giục dân chổi dậy và lập ra một đạo binh theo cách như vầy:

Kẻ nào mà chiêu đặng 10 người, thì nó sẻ đặng chức bá hộ.

Kẻ nào chiêu đặng 50 người sẻ cho làm chánh lục phẩm suất đội. Nó sẻ lảnh đặng một phần lương Nhà Nước phát cho với khí trượng mà luyện tập.

Kẻ nào chiêu đặng 100 sẻ cho lãnh chức phó vệ.

Kẻ nào chiêu được từ 200 cho tới 400 sẻ phong chức tùy theo nhơn số nó dụ được.

Kẻ nào mà lập đặng một đạo 500 người sẻ phong cho làm chánh nguyên phẩm cơ.

Phàm như ai bắt đặng một người langsa, nó sẻ lãnh bốn nén bạc thưởng.

Ai mà giết đặng một người langsa, nó sẻ lãnh hai lượng bạc.

Như ai giết đặng một tên dân an-nam nào mà ở giúp người langsa, nó sẻ lãnh một lượng bạc.

«Khi hứa các phần thưởng nầy, thì trẫm muốn khuyên dân trong nước bắt người langsa. Tại Gia-Định, dã có 308 người can dãm theo quân sĩ chúng ta mà đánh lại với họ; tại Vĩnh-Long, có 140 người. Không nói chi về năm cơ binh và cơ lính hương dỏng trước ở tỉnh Gia-Định mà dã đem qua Biên-Hoà, thì cũng còn năm cơ binh khác nữa đã cần mật tu thành.

«Có phai thới vận hết theo ta nữa sao?

«Trẫm biết rỏ nay có nhiều sự gay trở hơn tại Gia-Định và Định-Tường, là chỗ trẫm dã mất các tỉnh thành. Vậy trẫm tưởng mấy kẻ nào dã trở về nhà mình, thì là phải lẻ, song bây giờ phải hiệp nhau ứng dậy mà đến với chúng ta; trẫm lấy làm vui lòng mà

rước chúng nó đặng đánh duổi người langsa ra khỏi các tỉnh chúng ta. Sau thắng trận rồi, thì chúng nó mới an lòng mà hồi qui hưởng lộc thưởng xứng đáng chúng nó đã đặng.»

Vuã Tự-Đức. (1)

Tự nhiên các chuyện tính làm hoả đều dứt đi lập tức. Sự thể ra tỏ rỏ hơn, song nó cũng đồng khó; vì như tỉnh Gia-Định hưởng đặng bề an tịnh một chút, thì xứ Gò-Công và Mỷ-Tho lại không được như vậy. Tại tỉnh sau đây, thấy ông phủ Cậu chuyện lo phá phách hết sức. Trên phía tây-bắc thành Mỷ-Tho, cách chừng ba mươi ngàn thước langsa, lúc đó đã lập xong phần hờ Cây-Lậy (còn dài theo Sông Lớn, đi lên, lại có hai phần hờ Rạch Gầm với Cái-Bè); gần lối chính giữa đường băng ngay từ Cây-Lậy mà qua Mỷ-Tho, thời cuộc đất nổi cao hơi hơi và ra như một thứ giồng kia, là nơi bắt từ thành mà đi tới phần hờ, thấy có hai chỗ kêu là Thuộc-Nhiêu với Mỷ-Quí. Ở đó ông phủ Cậu có xây lủy đắp đồn mà thủ, tại đó người sai mấy bọn người đi đánh các phần hờ của chúng ta. Nhứt là phần hờ tại Cây-Lậy thì chịu người phá phách nhiều hơn hết (29 août, 15 septembre). Ông quan

(1) Tờ bố cáo nầy mà viết cách như vậy, xem ra sái phép. Ông De Grammont diễn theo cách tây nhiều. Các tờ công văn an-nam không có đề ngày tháng hay là chức tước đứng đầu, đôi-khi cũng chẳng có hài tên quan nào gởi nó: ấn đóng vào đủ lẻ, lại phía sau các tờ ấy thì đề niên hiệu cùng ngày tháng, thí dụ như vầy, *Minh-Mạng, thập nhứt niên, bát ngoạt, nhị thập nhị nhứt*, nghĩa là hiệu Minh-Mạng năm thứ 11, tháng 8 v. v. Đức hoàng đế không có kí tên tờ nào; nếu như người phải thủ kí, thì người chấm một diềm son trên đầu hàng chữ thứ nhứt *(châu điềm)*, rồi đóng ngọc ấn người vào (xin coi sách *Institutions annamites*, cuốn thứ nhứt, trương 265).

Ta chẳng bao biếm sự tích nầy cho lâu dài làm chi, vì mấy tên bắt đặng đã đủ cớ, chúng nó với ý tứ cùng sự chúng nó thù tạc với các quan an-nam thì chẳng nghi nan đặng.

ba Chassériau (về binh bộ thuộc thủy) thật kiên tâm lắm, người có gìn giữ nó đặng một ít lâu. Sau hết, «chợ bị đốt cháy. Muốn cho mấy chỗ chúng ta soán được yên ổn một chút, thì chẳng khỏi bao lâu chúng ta cũng phải đốt một ít như các người bổn thổ vậy, nên khi hai bên phá phách cho mình đặng ích, thời làm cho trong xứ phải mau tản mạt. Cũng trong lúc đó, có sai ông quan năm thủy Lebris đến dày đất có nước bao hàm (1) là nơi người đem binh đi đi về về đã ba tuần lễ tại xứ bị nước ngập gần khắp chỗ, thời người với compagnie thứ hai thuộc *101e de ligne*, là cơ quân chịu mỏi mệt giỏi lắm có ông quan hai Bellinger quản suất (sau làm đốc lý bổn quốc sự vụ tại Cần-giuộc), mới phá đặng mấy đảng chánh và ngăn cản lại các công việc phòng ngự họ đã khởi sự lập tại Mỹ-Quí. Mà sau khi giải vây mạnh mẽ như vậy cùng lúc nó làm cho chúng ta đặng rảnh rang (từ mồng một cho tới 14 septembre), thì có thiết lập một cuộc hành quân cả thể hơn có ông quan năm thủy Desvaux, là chủ tỉnh, quản lãnh đặng chinh phạt cũng Mỹ-Quí đó; trong việc nầy chúng ta nhờ binh espagnol giúp hẳn hỏi lắm (14–25 septembre)».

Muốn cho ai nấy hiểu rỏ hơn nửa về các lúc giặc chòm giặc xóm khôn hay vừa dứt như vậy, ta xin chép lại sau đây khúc *Lục trong sổ nhựt kí của quan võ kia sai xuống Mỹ-Tho* (theo ông De Grammont) từ ngày 29 août cho tới 30 novembre 1861.

---

(1) Người viết khúc nầy, là ông De Grammont, có lẽ muốn nói về địa phương thuở đó người ta gọi là « dây đất có nước bao hàm bên phía tây» nghĩa là xứ ở giữa Sông Không, Sông Vủng-Gù, biển với nước Cao-Man.

29 août. — Đánh đồn Cây-Lậy, có ông Chassériau thủ cự (bọn của phủ Cậu); ông Hanès tiếp cứu, còn 50 người rào chung quanh đồn mà ngăn đở.

4 septembre. — Mấy bọn ấy trình diện lối đồn Bourdais tại Rạch Bảo-Định-Hạ, cách Mỹ-Tho chừng ba *mille* (4.956 thước langsa); có sai ông Mac-Dermott, là quan ba thủy, đuổi theo (với lính thủy cầm súng tay).

5 septembre. — Bắt lấy các ghe chở súng tay cho người an-nam.

14 septembre. — Cất binh qua dãy đất có sông bao hàm mà tìm kiếm ông phủ Cậu. Đến sau ông Desvaux mới xuất hành.

15 septembre. — Chính vì ông phủ Cậu tới đánh Cây-Lậy. Ông Chassériau dùng hai khẩu súng đồng an-nam với mấy hộp đồ ăn không dã sữa lại làm hộp đạn tạp nạp mà bắn tra hung lắm.

21 septembre. — Binh tiếp espagnol đi chiếc *Norzagaray* đến nơi.

22 septembre. — Đạo colonne thứ hai với ông quan năm thủy Desvaux xuất hành.

23 septembre — Chiếc felouque *Soledad* dã dùng tại Rạch Gầm đặng mười lăm bữa rồi, nay phá được các hàn tại Thuộc-Nhiêu mà khai đường đi qua.

25 septembre. — Đánh lấy dặng Mỹ-Quí; nghiêm từ ông phủ Cậu bị chết bắn.

28 septembre. — Các đạo colonne phục hoàn.

29 septembre. — Đi xuống phía hạ lưu đại giang mà tìm kiếm mấy kẻ giết xã trưởng ở Gò-Công.

14 octobre. — Chiếc canonnière *Gougeard* phải mấy đồn ở Cái-Thia (Mỹ-Lương với Mỹ-Đức) bắn nó.

22 octobre. — Đuổi theo ăn cướp ở Rạch Cà-Hôn (phía dưới Mỹ-Tho một chút).

30 octobre. — Đánh với ăn cướp tại Rạch Gầm: 22 người an-nam bị vít.

3 novembre. — Đánh với ăn cướp tại Rạch Gầm: 14 người an-nam bị bệnh.

9 novembre. — Sai binh qua Mỹ-Quí với Phú-Mỹ mà do thám.

14 novembre. — Khởi sự thám thính lại nơi Sông Vủng-Gù.

15 novembre. — Quan an-nam thâu thuế Mỹ-Tho cựu.

17 novembre. — Chuyện dại ác phạm nơi kia nơi nọ: cướp phá, lấy của người langsa nữa. Thầy đội ở Cây-Lậy bị chận đánh dọc đàng.

28 và 30 novembre. — Chuyện tạp cùng đốt phá lối chung quanh.

Ai nấy đều thấy, cách Sông Khong chẳng bao xa, nghĩa là gần lối tam tỉnh hướng Tây, lúc đó còn thuộc về quyền người an-nam cai trị, thì hằng có chuyện phá hại luôn. Chắc có lẽ trong vụ đó phần Vỉnh-Long có nhiều hơn hết, là tại nó lân cận, lại ví như kình địch với nhau tạm vậy mà không thành cuộc giặc thiệt, là vì các bọn đánh phá trong miền không làm cho nhơn số mình đặng đông hơn, cùng dùng khí giới cho xứng đáng : dân sự trong địa phương thâu chiếm không theo họ. Trừ ra một it chuyện tại Mỹ-Qui mà thôi, thuở đó tánh khí mấy lúc nghịch nầy không có chút chi gọi là vỏ công, hay là tạo loạn nửa ; nó cứ giống như trước mà thôi, là : giết người lấy của.

Phía Đông, dề canh giữ hơn, ứng tiếp dắc sự hơn, không có bọn nghĩa sỉ nào liều mình đến tại Gia-Định ; nhưng vậy, binh an-nam lại đóng mà giữ cả và mé tả Sông Sài-Gòn. Ban sơ, họ có chạy về cho tới Biên-Hoà mà trốn, sau trở qua mé hữu Sông Đồng-Nai, nhằm bữa 31 septembre, tại Đồng-Váng (đường Biên-Hoà qua Thủ-Dầu-Một), lấy đó làm chỗ thế hành binh. Sau họ kiến tạo một cái trại quân tại Mỷ-Hoà, nơi đường Sài-Gòn lên Biên tỉnh, đoạn soán lấy Lái-Thiêu với Thủ-Đức nữa, họ đắp mô giăng ngang và trí súng lớn mà giữ đường. Sau hết, họ lần lên Thủ-Dầu-Một cùng vây thử tỉnh thành ấy, nên làm cho binh giữ nó phải trở qua Sông lại. Ngoài có áp vô đánh mấy lần, trong cũng có kéo ra mà phá vây, đến sau ta sẻ thuật chuyện nầy ; song, trước hết, ta tưởng cần mà nói một đôi lời về những người có đạo ở tại tỉnh Biên-Hoà.

Tại miền nầy có Sông Sài-Gòn với Sông Đồng-Nai phân hạn, vậy qua khỏi sông sau dây, thấy có nhiều nhà có đạo ở đó đã mấy mươi năm, là kẻ trốn lánh

cho khỏi bị bắt buộc gia hình tại xứ Trung-Kỳ. Chắc có khi các quan an-nam thuở ấy muốn để địa phương nầy ở cho đông dân, nên không nói điều chi hết, mấy người bổn thổ theo Phật giáo cũng không tưởng tới mấy vị tân đáo chút nào, lại sự giảng dạy cũng có làm cho một ít kẻ vào đạo nữa. Song từ ngày chiếm cứ, nhứt là từ khi tu bổ Thủ-Dầu-Một lại mà phòng ngự, nó ra như một cái đồn kia để cho binh xơm tới Biên-Hoà, thì các quan an-nam lại đổi cách ăn ở với con dân có đạo. Trước hết, mấy người nào trong đám vô phước nầy mà đã an cư tại mé tả Sông Đồng-Nai, thời bị soát lục tầm nả. Họ chạy qua trú tại huyện bên mé hữu sông mà tị nạn, tưởng hết nhọc lòng lo sợ chuyện sảy đến; còn mấy kẻ mạng bạc chạy trốn không khỏi, bị người ta sanh hoạch mà nhốt, số chừng 300 vị, vô trong một cái chùa kia chung quanh có tường ở gần Biên-Hoà.

Khi binh an-nam độ qua bờ hữu, thì họ đuổi theo đánh bắt mấy người có đạo đã viễn tẩu và tóm thâu lúa gạo cùng thú vật. Trong những kẻ vô phước đó có nhiều vị chạy đến Thủ-Dầu-Một, thấy nên thương xót, họ xin quan langsa cho nơi đỗ nhờ và phủ hộ mình. Ông De Grammont rước như vậy đặng chừng 800 người mà cho tạm ngụ trong mấy nhà đã bỏ không, nhờ có thầy cả Robert, cai hội giảng đạo, phụ lực cả thể. Phần nhiều kể là đàn bà với con trẻ. Ông De Grammont dùng mấy tên trai tráng mà lập ra một compagnie binh tiếp, người nói rằng đến sau cơ lính nầy giúp nên nhiều việc.

Thuở đó, ở tại Thủ-Dầu-Một không tính tới quan quân thủ đồn, nó cũng có một đoàn thuyền chiến nữa kể là chiếc frégate *Persévérante* để ngừ (thuộc quan tước bá D'Harcourt, làm phó quan năm thủy quản

đốc), chiếc *Duchayla* (ông quan năm thủy Lebris) với một chiếc canonnière nhỏ. Trong mấy ngày 15 với 21 octobre, 19 với 21 novembre và mồng một décembre, thời phần hờ cùng các làng phải bên an-nam đánh hung lắm. Nên chuyến nào cũng phải kéo binh ra nhiều lần mà giao công cho tận lực đặng làm cho dang xa phía tiên chiến, vì họ đang kiếm thế mà đốt nhứt là làng. Mỗi lần dụng hung khí đều có khi thời ông quan năm thủy Lebris, lúc lại quan tước bá D'Harcourt đốc chiến. Các chuyện nầy làm cho đạo binh cố thủ hết 2 người lính an-nam tử trận, 2 ông quan vỏ, 3 tên lính bộ thuộc thủy với 5 người an-nam theo phe phải thương tích. Bên nghịch hao hơn 150 người. Rốt việc rồi thì thành Thủ-Dầu-Một với các nơi chung quanh khỏi ra tan nát.

Trong lúc binh an-nam tới đánh phá phần hờ tại mé tả mấy lần kế nhau như vậy, thì có lớp binh khác lập đồ thế tại Lái-Thiêu mà ngăn đở, họ binh vực và xui giục mấy kẻ cướp phá theo sông rạch. Bởi không ai trị tội, nên những tay đó hưng tâm xuống cho tới vàm Rạch Tra mà đốt cháy một cái phần hờ của chúng ta để cho người bổn quốc canh giữ. Muốn cho đặng ngăn đón các chuyện xâm lăng hủy hại như vậy, thì ông phó quan năm D'Harcourt đánh lấy Lái-Thiêu thật may lắm, rồi để cho người làm đầu bọn theo chúng ta có ăn lương, là ông Nguyễn-Văn-Thiết, giữ lấy. Chiếm thâu như vậy cùng lập vài cái phần hờ nơi kia nơi nọ dài theo Sông Sài-Gòn, thì làm cho ghe thuyền đi đặng an tâm một chút và ép binh an-nam với đảng đạo kiếp họ tùng phải lui về trại Mỹ-Hoà.

Khi lấy đặng Mỹ-Tho xong rồi, các việc võ công cả thể phải ngưng lại, bởi bị mưa và cũng tại binh

gia không được đòng cùng quân sĩ đã mệt mỏi nữa. Vốn thiệt còn Biên-Hoà với Vĩnh-Long phải chinh phạt mà thôi. Đó là phần việc đấng nối quyền cho quan thủy sư Charner phải gặp khi đáo nhậm, lại ví dầu binh an-nam đánh nhiều lần cùng bị các chuyện cướp phá, thời chốn cơ đồ đã gầy dựng mà cai trị cho chinh lý, vững vàng, nó cũng đặng hưng thạnh vậy. Ắt thật đến sau cũng còn việc hành binh, chuyện bối rối cùng loạn lạc khác nữa, song nó là điều không lánh được, nguyên bởi chiếm đặng xứ mà chưa có tờ giao ước phê ưng, chưa có cả nhơn dân nhìn biết mà ra. Chính vì địa thế các phần đất soán đặng dã phân xứ Nam-Kỳ an-nam ra làm hai khúc, nên nó cũng phải giục bên an-nam khuấy rối người langsa, và kiếm đường băng ngang qua xứ thuộc về chúng ta đặng mà giao thông với nhau; nó cũng khiến chúng ta phải đánh lấy cả hai khúc ấy nữa.

Lúc đó, phải chờ mùa thuận mà thôi đặng làm tiếp theo các chuyện khởi hoàn tại Chí-Hoà và Mỹ-Tho dã khởi công. Là lo xuất một trận mới, song quân sĩ phải ăn ở cho hảo tâm và kiên cố hơn mới đặng.

Khi mãn cuộc giặc năm 1861, quan thống lãnh tưởng rằng tài phép binh sĩ an-nam dã lụy rồi, lại tự tư dĩ hậu cuộc chiếm cứ sẽ noi theo dấu người ta dã xem thấy đặng trong lúc người langsa mới soán lấy xứ Algérie. Việc đó phải cho lâu ngày và cần nhiều quan tướng ra công, nó không có ăn nhập vô phần việc người phụng lảnh thi hành, song nó dã làm hoàn tất. Quan thủy sư Bonard đặng chỉ dụ mồng 8 août 1861 phong người làm thống đốc và thống lãnh binh sĩ langsa ở tại Nam-Kỳ, người vượt biển lâu ngày và bị điều trắc trở, cho tới ngày 27 novembre mới sang đến Sài-Gòn. Bữa 30 novembre 1861, lúc 9 giờ ban mai, các quan đốc lý các sở đều hội nhau tại chùa Đồn Tân-Thiết *(Ouvrage-Neuf)*. Quan cựu thống lảnh nói với các quan thủy bộ vây chung quanh người, song chẳng còn tùng quyền người nữa,

mà rằng « người từ giã các quan ; trong lúc người giúp nước lâu năm kể từ đời Đế quốc thứ nhứt cho tới khi ấy, chẳng có lúc nào mà người gặp một hội quan quân thủy bộ mà rộng lòng hứng chí ham hố làm việc bổn phận mình cách sang trọng thể ấy».

Đạo binh Nam-Kỳ biết lời tặng khen đó quí giá là đường nào. (Pallu de la Barrière).

Ta có thêm đặng vào mấy hàng của ông Pallu viết ra đó là lời nầy mà thôi : Các kẻ đánh giặc tại Nam-Kỳ nhập làm một đạo binh nhỏ giỏi nhứt ít khi người ta thấy. Trong mọi việc chi thì đám quan vỏ lảnh sự trị lý trong xứ cũng đều tỏ mình giỏi hơn, lại chúng ta phải nhìn biết thiệt tình rằng, kể từ đó tới chừ, dầu công việc làm, dầu sự thông hiểu, cũng chưa có ai trồi hơn hội quan ấy. Các ông D'Ariès, Aubaret, Boresse, Lamaille, Philastre, Garnier, ta xin kể mấy vị đó ra mà thôi, đều có để dấu tích về sự siêng sắng minh mẫn, thông suốt cùng vô sánh lại xứ Nam-Kỳ.



KHOẢN THỨ V

THỦY SƯ THỐNG ĐỐC

QUAN THỦY SƯ BONARD

Trí vẽ quan thủy sư.—Dấy việc binh lại—Đăng thành Biên-Hoà—Chuyện bối rối tiếp sanh và đánh lấy Bà-Rịa—Lấy thành Vĩnh-Long và chuyện hành binh.—Sửa sang lại. Lập các sở và khai công việc.—Lê-Phụng dấy loạn tại Bắc-Kỳ.—Lúc binh an năm 1862. Thù tạc với nước Cao-Man. Nổi loạn năm 1862-1863 (Lấy Gò-Công lại).

TRÍ VẼ QUAN THỦY SƯ

Thuở chúng ta thuật chuyện đến đó, thì bên nước Langsa cùng một ít nơi khắp cả và phương Tây, thiên hạ có cải lẽ về cách phải qui chế địa hạt thể nào cho khá hơn hết. Người anglais, tên là Money, mới in ra một cuốn sách đề hiệu là *Làm sao đặng mà cai trị một cõi thuộc địa*. Trong sách đó ông nầy có khen quá mực về sự người Hollandais sửa trị xứ Indes néerlandaises, do theo chuyện đã có tiếng đồn là *Kultuurstelsel* (Cách thế trồng trỉa) của quan tổng thống Van den Bosch bày ra, lại kể từ năm 1840, thì nó đã làm cho ngân khố nhà nước đặng thạnh nhiều. Rủi thay — lại nó là điều ông Money không nói — các phần huê lợi làm cho choá mắt mà được như vậy, là bởi khinh khi trọn các phép con người ở đời và nghịch với những điều ích lợi

dân chịu cai trị. Vừa năm 1848, cách ấy phải mấy người Hollandais thuộc phe binh vực làm cho các luật lệ thuế khoá ra nhẹ hơn có chống cải đặng mà bỏ nó, vì nó buộc nặng nề dặng giục lợi riêng mà thôi; nó bị chống cải cho tới 1865, là năm hội bộ nghị thuộc quan Thorbecke dạy bải nó đi.

Tại nước Langsa, là nơi người ta ưa lời khoa ngôn ngữ, là chỗ trí tưởng tượng chuyện bông lông nhiều khi muốn thẳng trồi việc đã cháng chường, ở đó người ta chẳng xem xét cho cẩn thận. Mấy kẻ đoan chính thuở ấy không nói tới vụ tái lập một vương quốc arabe tại xứ Algérie chúng ta sao! Đức hoàng đế Napoléon III chẳng có lấy chuyện mình cùng chuyện một ít kẻ khác mơ tưởng mà làm ra điều khởi sự tác thành khi khai cuộc giặc tai hại bên xứ Mexique sao! Một thứ xây xẩm kia đã nhiềm vào trí nhiều người, nên họ tưởng thiệt tình rằng, kiếm đặng một cách cho phải lẻ thì đủ mà cai trị các miền thuộc địa.

Bởi tri quan thủy sư Bonard minh mẩn bặt thiệp lắm và ý hay bày biến, nên có lẻ người lánh, ít khỏi hơn mấy kẻ khác, các sự tưởng tượng theo thì tục bắt ai nấy phải chịu. Bởi vậy, khi nhà nước phú cho người tạo lập một cỏi thuộc địa lớn tại Nam-Kỳ, thì người lấy làm hớn hở mà cung phụng. Kể từ ngày ấy, người tom góp hết thảy các chuyện người gặp đặng hiểu biết việc tại cảnh Cùng-Đông, với các địa hạt lớn trong cả và thế giái thuộc người phương Tây chiếm trị, thể nào. Vậy chẳng lấy chi làm lạ về một người như thế, khi bước chân lên Sài-Gòn, thì đã có một tờ biên các công việc đã định làm hẳn hòi và theo phép, vã chăng, nó là một cái ánh kia chiếu ra y theo lòng thần dân tại chánh quốc muốn thể nào mà thôi.

Ta không cáo, như thiên hạ khi trước, rằng người là «một vị hay dùng mòn mạch»; người có sự vẻ vời riêng trong trí, hay là nói cho trúng hơn, là mấy điều tưởng tượng đó bởi lẽ thông thái để luận lý mà ra, song các chuyện từng trải chưa có ngày giờ mà phân biệt nó thể nào. Mấy việc quan thủy sư Bonard nông sức làm cùng ý tốt người, đều phải tính cho người; người làm chuyện không ai biết, nên phải thấy mình phạm nhiều điều quấy; song các lỗi ấy nữa cũng là sự dạy răn để đến sau cho mấy đấng kế vị do lấy đó mà sửa mình. Phàm như thiên hạ có phép trách móc người, thì chẳng phải là vì đôi phen làm không chính lẻ, song tại không biết tu chỉnh các việc người tính toán khi đã thấy nó vụng về.

Mấy điều chánh trong cách thế của quan thủy sư dùng, là «phú cho các tù trưởng bổn quốc xem sóc nhơn dân, còn mấy quan tây hành chánh thì khỏi dự vào các chuyện nhỏ mọn về việc trị lý, để lo mở mang cuộc thương mải và khai tạo mấy việc nông nghệ đại khái cho dễ mà thôi. Vì bằng dân sự có chồi dậy hay là như các đầu mục không làm việc bổn phận mình cho trung tín, thời sẽ cho mấy đạo colonne đi phạt tội.» (Vial).

Quan thủy sư Bonard là một người chắc ý về việc mình, lại khi gặp gở các sự gay trở trong công chuyện làm ra, người cũng cứ đeo đuổi theo cách thế người luôn; ít nữa là cho tới trong mấy tháng chót người còn cầm quyền thống đốc, thì xem ra người mới có sự bày vẻ dể thi hành hơn, là tạo lập hàng quan giám đốc (mồng 7 janvier 1863). Hễ khi nào người làm đặng, thì người liền cho các phủ, huyện an-nam thế cho các quan đốc lý bổn quốc sự vụ, song phải

tùng một ít quan vỏ langsa lảnh quyền giám đốc hay việc bổn quốc. Cách đó sớm sanh chuyện đáng van trách; không phải bởi chính vì nó chẳng ra chi, song tại nó chưa nên thông dụng trong xứ tân chiếm. Muốn phân phát quyền phép cho các đấng đầu mục bổn thổ như vậy, trước hết phải kiếm cho dặng mấy người ấy. Mà các quan an-nam đã lìa ra khỏi xứ chẳng sót một ai; còn kẻ tâm tánh can đảm ở lại có lẽ dùng họ mà làm ra dặng một ít người hành chánh chịu lụy, song phần nhiều bị xử tử vì chẳng phục quyền phép nhà nước langsa. Vậy, lúc đó tại phần đất thâu chiếm còn tinh những người dân giã thường mà thôi, dốt nát, ít biết hay là chẳng biết chữ chút nào, nghĩa là có mình mà không đầu (1).

(1) Phàm như xứ Nam-Kỳ chẳng hết yếu sức như vậy, thì phải cáo rằng, cách giáo huấn dã chọn dùng bởi hai điều cội rễ mà ra, một điều chống cải dặng lắm, điều kia lại sái trọn : 1º học hành không chịu tiền; 2º giáo hoá mà dùng tiếng ngoại quốc.

Cuộc dạy sơ, gần khắp trong bầu thế giái, đều phải không tiền, và buộc chung thảy thảy : mỗi người phải biết đọc và biết viết. Các sự học cao hơn phải trả tiền, trừ ra cấp dưỡng cho mấy sĩ bần nào mà dặng thiên tư, song như vậy thì nhà nước phải cho các học trò ấy hằng có chỗ làm dặng chúng nó khỏi ra thất học ; những con nhà khá lánh được chuyện hiểm nghèo ấy. Người ta có lẽ mà nói dặng với ta rằng, cách nầy chẳng theo dời dư chánh. Vậy còn việc chiếm đoạt một địa phương kia dã có một dòng dỏi nọ choán ở, cách xa nước mình 3.000 *lieue* (chừng 13 muôn kilomètre), bắt dòng dỏi ấy phục tùng, thì có phải theo dời dư chánh chăng ? — Phân phát sự thông thái cho một dân nào mà quá mực và quá cần dùng, thì nó sinh bối rối trong phẩm hạnh dân ấy mà thôi, không thạnh lợi chút chi cho nhơn loại. Mỗi người thông hiểu tùy theo trí hoá và bề thủ tạc với nhơn hội thể nào. Về mấy kẻ hào hộ, thời việc thông thái có lẽ là một sự phụ thêm, nó không làm cho họ lạc dàng ; về những người gia bần, như họ chang dặng chức phận cho khá, thì thường thường sự trícách ấy trở nên một điều xúi giục ghen ghét chống cùng nhơn

Người ta lấy trong mấy kẻ ấy mà cử dụng viên chức bổn quốc, lại như người ta không làm cho một thằng gánh hồ trở nên quan phó trấn lập tức, thời người ta cũng không làm cho một đứa đồng bộc hay là một tên lính ra một vì quan huyện kia đặng. Mà nhưng vậy đó là chuyện người ta làm cũng gần giống một cách.

---

hội, mà nhưng vậy hội ấy có cấp dưởng đặng là cho một ít kẻ hửu tài mà thôi. Đẳng đẳng ai nấy không làm quan văn hay là quan vỏ được, các ngạch đều có mực, số tiền xuất cũng một thể; đoạn, như phải có mấy quan bát vật, thì cũng phải có thợ, máy không tạo hoá ra và chạy một mình đặng; vả chăng, trong các việc người ta làm: có vài vị đốc công còn nhiều kẻ thi hành.

Trước dây ta có nói phải cấp dưởng cho những học trò nghèo nào mà xứng đáng, điều ấy không tỏ ra cho trọn ý ta. Bởi chưng, cách nầy thường không cho hết thảy con trẻ đặng thiên tư có thế mà học giỏi, nó cũng chẳng cho có phép mà phân biệt cho tất sự có của với thế nó được. Theo lệ, mỗi trường nào mà trên trường sơ, thời phải chịu khảo bạch mới đặng vào mà thôi, lại như phải là cần, thời hội hết thảy lại mà thi. Mấy kẻ nào ứng thí mà đậu, sẻ được chuẩn khỏi các tiền sở phí về sự học và cũng có khi đặng nuôi dưởng nửa, như tra ra quả thiệt chúng nó không tiền mà trả (vì các phần cấp dưởng để cho những kẻ bần cùng mà thôi).

Cách đó ngăn đón lập tức không cho các con nhà giàu có mà dở, mấy đứa vô trí phải ép uổng, lúc sau, cũng làm đặng quan cao phẩm, song bất tài và ngu muội. Thông dụng cách ấy cho nhơn dân xứ thuộc địa có khi sanh ra điều nầy — có lẻ ít kẻ chẳng bằng lòng, song nó công thẳng lắm — là phong cho mấy kẻ nào trong dân chúng ta có sức mà làm quan lớn. Ví như người annam tại Nam-Kỳ không học hành nữa khi vừa ra khỏi trường, thì phải đổ cho tại bổn tánh đải dọa mình một ít, còn phần nhiều cho sự khiếm khuyết chuyện đốc giục. Thuở trước, các cuộc khoa thi có lập ra trọn cả và dời người nho sỉ; đến tuổi nào thì cũng ao ước đặng phẩm trật cao, nhờ học hành mà nên. Ngày nay, sự thông biết không dùng việc chi cho họ; họ cũng không học giỏi đặng. Chuyện nầy bởi cách chúng ta cai

Bởi cớ nguyên tuyển; nên các quan an-nam mới thất oai thể trước mắt kẻ đồng loại với minh; họ lại mất quyền phép nữa tại dốt nát mà ra; sau hết, chuyện càng nặng hơn nữa, là có nhiều vị không xứng đáng cho người ta tin cậy mà phú việc cả thể. «Họ là phẩm trật nhà nước đặt ra vô dụng cùng sinh hại mà thôi. Trước mắt nhơn dân, người langsa phải gánh vác các lỗi quan an-nam phạm, lại có biết minh sai lầm là khi đã trễ quá không còn sửa nó đặng nữa.» (Vial).

Ví như quan thủy sư Bonard làm quấy một hai điều trong việc sửa trị địa hạt theo hộ, thì, phần khác, người lại có nông sức cả thể trong việc hành binh, bởi người xét nó phải cách. Người hiểu biết chính lý lắm về sự phải ăn ở làm sao, và thấy trước rỏ ràng công việc chúng ta làm ngày sau cho xứ Nam-Kỳ đặng hưng thạnh rở rỡ thể nào.

---

trị dân hộ mà ra, khi phải phân biệt người trí kẻ ngu mà thôi, thì nó lại làm cho chúng ta phân biệt dân bổn địa với người langsa. Vậy mà người ta lại nói tới chuyện quốc chánh chung trị!

Còn về sự dùng tiếng ngoại quốc mà dạy dỗ, đã đặng nữa đời rồi người ta có làm thử tại một ít nơi bên phương Tây, thấy nó được việc sai ý muốn và đáng thương hại (khi trước ta có giải chuyện đó trong một ít bài nhựt báo, đến sau ta sẽ nói lại nó trong sách ta cũng gần in ra, hiệu là: *La langue annamite de Basse-Cochinchine* (nghĩa là *Tiếng an-nam tại cỏi Nam-Kỳ*). Người ta học mà cho thông thấu đặng, là trong tiếng nước minh, trong tiếng người ta dùng mỗi ngày, người ta nói lăng líu trên tay mẹ bồng mà thôi. Lại mấy xứ nào mà có một tiếng nói thứ hai, thường khi nó dễ dùng *về việc quan*, thì phải lấy đó làm điều học hành riêng và, nhứt là, phải bỏ vọng ước dùng nó mà làm cho nhơn dân an-nam ra người chánh quốc. Ta xin mượn trước lệ ngôn nầy trong sách ta gần in ra: «có một minh bổng lộc tốt làm ra người langsa tốt mà thôi.»

DẤY VIỆC BINH LẠI

Khi quan thủy sư Bonard vừa sang đến, thì người đã biết phải cần mà làm cho dứt cơn giặc bất tận ấy, nó gần đặng ba năm rưởi trời. Hai chổ trung ương thủ nghịch cần phải chinh phạt, là Biên-Hoà với Vỉnh-Long, là nơi truyền khẩu hạo, sai quân nhơn và đồ thế mà hành sự. Khi quan thống lảnh duyệt đại binh tại sân trong thành, lúc mới vừa trấn nhậm, thì người có cho quân sỉ biết ý mình thể nào. Người nói với quan quân rằng, việc giặc giã hòng dấy lại mạnh mẽ dặng làm cho toại thánh ý Đức hoàng thượng, sau người lại thêm lời nầy: «Chúng ta lên Biên-Hoà, lại như phải ra Huế, chúng ta cũng đi nữa.»

Hết thảy các sỉ tốt nào mà có lẻ dùng được, thời nhóm hiệp chung quanh Sài-Gòn, sẳn sàng tấn phát, lớp để băng bộ lên trại dồn Mỷ-Hoà, tốp theo đường nước mà lên thành Biên tỉnh. Sắm sữa cuộc tiệc dặng điều quân hết vài bữa, quan thủy sư dùng dịp ấy mà tính xong một chuyện kia, vì nếu bỏ qua, chắc có lẻ sau nó sẻ sinh bối rối trong việc quốc chánh với nước Angleterre, là: chiếm lấy hòn Côn-Nôn. Theo tờ giao ước lập tại thành Versailles, thời cù-lao nầy hứa cho chúng ta, song đã đặng một ít lâu nó làm cho người anglais ý chỉ lấy nó; dân ấy có tỏ lòng muốn đến đó mà gầy dựng cơ nghiệp, chúng ta cũng biết, trong năm 1702, họ có lập một hảng buôn tại đó thật đặng một ít lâu mà thôi. Nên sự khôn ngoan buộc chúng ta chiếm nó trước họ.

Vậy ông quan thủy Lespès xuất hành với chiếc aviso *Norzagaray* người, nhằm mồng 9 décembre 1861, đặng lấy hòn Côn-Nôn, là chổ, thuở đó, để

cho mấy tay đánh cá nương dựa, lại cũng đã có một it kẻ loạn thần bị đày nữa. Có một cơ quân — biên tại sổ — đã cấp ra để mà canh giữ họ; song, thiệt số có chừng một trăm linh mà thôi. Không kể mấy người nầy, tại hòn cũng có dạt ước dặng chín trăm dân thường an-nam, cao-man với thanh khách hiệp nhau ở bốn làng. Cù-lao đó không cải dụng về chuyện khác, vì qua ngày mồng một février 1862, có lời quan thống đốc định nghị lập chốn giam cầm tội nhơn tại nơi ấy mà nay hảy còn.

Khi ông Lespès ra hòn Côn-Nôn rồi (nhằm mồng 10 décembre), qua bữa sau có một chuyện buồn thảm biến sanh làm cho các người langsa cảm động khôn xiết, còn người an-nam thì nó lại làm cho trí họ tưởng nhiều chuyện phi thường lắm.

Có một vị chánh đảng kia còn nhỏ tuổi, tên là Nguyễn-Trung-Trực, mà thiên hạ thường kêu là quản Lịch, đến đốt tàu lorcha *Espérance* và giết một phần thủy thủ. Chiếc *Espérance* đậu tại làng Nhựt-Tảo — nơi vàm rạch kia đổ ra Sông Bến-Lức (mé hữu), lối nữa đường từ Bến-Lức xuống ngã ba Lôi-Rạp — lúc đó ông Parfait là quan hai thủy cai nó, người để nó lại đó mà đi xa chừng chín ngàn thước đặng đuổi theo đánh bắt mấy kẻ hung hoang. Ông quản Lịch a ý với làng đem vài chiếc ghe có mui lối giờ ngọ, mà đậu dài theo tàu. Khi ấy quân lính bè bạn đều nghỉ, thầy đội binh thủy phụ sự, quyền cai tàu, tưởng là mấy người buôn bán đến xin phê giấy thông hành, nên chờm ra cửa hông đặng coi. Thầy ấy bị đâm một mũi giáo mà chết. Cũng một khi, hết thảy mấy người an-nam đến đánh đều leo qua tàu ; họ có hơn một trăm rưởi. Dầu đông số như vậy, thời bạn

tàu cũng chống cự lại cách chiến tâm lắm; song, đặng một hồi, mui lá bị lữa cháy, tràn tới mau lắm. Nào tiên chiến nào cố thủ cũng đều phải nhảy ráo xuống sông mà lánh nạn. Có năm tên bạn tàu, hai người langsa và ba người tagal, không có khí trượng, nhảy đặng xuống dưới một chiếc tam bản, nổ lực chèo hết sức mà trốn khỏi. Ở xa họ thấy chiếc *Espérance* nổ; có mười bảy tên lính thủy langsa với tagal chết trong cơn đại nạn ấy.

Dầu vậy, chiếc tam bản đến hiệp đặng với chúa tàu, người bèn mau mau đi tới chiếc *Garonne* đậu tại Sông Bến-Lức mà xin binh tiếp. Cũng nội ngày đó, người có trở lại chốn cũ, thời may gặp đặng ba tên tagal bị bọn an-nam ứng nghĩa bắt, mà nhờ tàu nổ nên chạy thoát khỏi; mấy người vô phước nầy xuống dưới một cái bào kia mà tị nạn, đứng nước ngập tới miệng mà chờ cho người ta tới cứu mình. Trong lúc đánh phá, có vài mươi người bổn quốc giúp chúng ta, ở trên bờ ngay trước chiếc lorcha, cũng bị đánh giết thinh linh mà chết. Muốn cho đặng phạt nhơn dân Nhựt-Tảo về tội đồng lỏa, thì làng ấy bị đốt đi.

Chuyện người an-nam ứng nghĩa phá hại đó cũng tỉ như việc làm thử trước đặng mà áp đánh gần hết thảy các phần bờ langsa một lược, là mấy chỗ quan thủy sư đã sức trát dạy phòng ngự thủ thế mà thôi trong lúc người đem cả quân sĩ mình lên Biên-Hoà. Chuyến nầy người an-nam cử động không hở khoản, hết thảy xem dường chung sức dùng dịp binh số các nơi đang bớt tạm mà đánh. Từ ngày 14 dĩ chí 30 décembre 1861, phần nhiều trong các phần bờ đều bị đánh lung lắm, song chỗ nào người an-nam

cũng phải thối về cũng hao quân nhiều. Tân-An (thuộc về ông Avezard cai), Gò-Công (ông d'Arfeuille), Cần-Giuộc (ông Dumont) đều bị đánh trong ngày 14 décembre; Gia-Thạnh (hai ông Robinet với Pineau), nhằm ngày 18 décembre; Cái-Bè (ông Bottet với ông Gonon), bữa 20 và 25 décembre; Rạch Gầm (ông Rolz de Couzalaz), ngày 29 décembre; Rạch Cà-Hôn (hai ông Gonon với Thouroude), ngày 30 décembre.

Không kể tới các trận đánh phá mấy phần hở đó, có nhiều chuyện âm mưu tiếp nối nhau nên kinh hải mà giết cùng đốt nhà các viên chức bổn quốc giúp chúng ta với gia quyến họ. Ngày 22 décembre, người ta giết xả trưởng làng Mỹ-Quí; bữa 23, xả làng Trung-Lương; ngày 27, xả làng Tân-Lý với thê tử người; mồng 2 janvier 1862, xả làng Vĩnh-Kim-Đông; mồng 3, xả làng Phú-Mỹ với gia quyến ông ấy. Người an-nam nương theo mấy lúc đánh đi đánh lại các phần hở chúng ta đặng tiếp làm cho dân sự ra kinh hoàng theo cách mình. Chắc có lẻ họ không được điều chi cho đáng, song họ bắt lương tri nhơn dân đầu phục phải xao xát, nên lo sợ cho cuộc người langsa quản trị. Thời may chuyện đánh lấy Biên-Hoà, sau tới Bà-Rịa, hòng giải cho phía đông xứ địa hạt khỏi bối rối cùng cho quan thống đốc có thế mà sát phạt mấy kẻ cướp phá và ứng nghĩa.

ĐĂNG THÀNH BIÊN-HOÀ

Từ Sông Sài-Gòn qua Biên tỉnh, có ba ngã đi: 1° Đường sông từ Bến-Thành mà xuống cho tới Nhà-Bè, chỗ Sông Sài-Gòn với Sông Đồng-Nai hiệp nhau, rồi đi theo sông sau đây mà lên. 2° Quan lộ từ Sài-Gòn thông

lên Biên-Hoà (đường lúc nầy đi theo quan lộ cho tới lối xa bến đò Thủ-Đức chừng 400 thước langsa, đoạn nó tách đàng sứ ấy mà qua Thủ-Đức, rồi sau nó có hiệp lại với nhau là phía Mỹ-Hoà mà thôi). 3° Đường Thủ-Dầu-Một qua Biên-Hoà. Ngã sau đây ăn đụng với Sông Đồng-Nai tại Đồng-Váng, phía trên Biên-Hoà, người ta không dùng nó đặng, bởi chẳng có đồ thế mà độ binh qua sông, vã lại, nó bất tiện lắm, là nó bị đồn Mỹ-Hoà ngăn trở mà làm thiệt hại.

Vậy còn đường sông với quan lộ mà thôi, đường sứ nầy bị người an-nam đào đứt ngang và trí súng vài chỗ mà ngăn ngừa cùng có đồn Mỹ-Hoà giăng cãng nữa; nó ở cách Biên-Hoà chừng 8 ngàn thước và xa Sài-Gòn đạc ước 17 ngàn. Đồn ấy đặng 3.000 binh thủ. Còn Sông Đồng-Nai, đã mắc phải lố rạn mọc tự nhiên mà ngăn, nó lại bị hàn chín khúc chắc chắn với một chặng đá giăng ngang mà bít dài chừng mươi ngàn thước xuống phía dưới Biên-Hoà. Hết thảy các chỗ cảng trở đó đều có đồn trí súng đại bác trên hai mé sông mà ngăn ngừa, lại cũng có hỏa công thuyền đã sắm sẵn nữa.

Ở đây, cũng như tại Chí-Hoà, là chúng ta gặp đường phòng ngự theo bề trường thật nên kiên cố lắm, song hai bên lưởng dực không canh giữ cho hẳn hòi. Người ta có lẻ mà nói đặng rằng, quan quân an-nam đã trực chỉ về đường nghịch tặc *phải* đi theo mà thôi. Ở đây, cũng như tại Chí-Hoà, là người langsa không do theo nó. Lấy đặng Mỹ-Hoà thì chỉ nghĩa là khai đường đi thông tới Sông ngay trước thành, cũng là làm cho hết thảy đồn bảo bên mé hữu phải thất thủ khi đánh phía hậu, và làm chủ các chặng hàn. Vậy phải đi đến trại binh ấy mà

đừng tùy theo cả bề trường quan lộ. Người ta làm cách nào mà tới đặng đó, thì chắc trong *Sớ viết nhằm ngày 19 décembre 1861* có thuật lại; song rủi, tờ biểu ấy ở bên Paris, lại không có một cuốn sách nào trong mấy cuốn đã chép truyện ấy ra — ít nữa là mấy cuốn sách ta có — mà nói tới nó. Ông quan năm thủy Vial kể lại đủ việc hơn — người lấy nó trong tờ *Sớ* — song không minh giải chút nào. Người có chỉ rỏ cách mấy colonne tu thành làm sao, song chẳng nói về vụ hai đạo chánh đến tại *Hon-loc*, là chỗ phải hiệp nhau lần trước hết thể nào; người cũng không nói *Hon-loc* đó ở đâu, kiếm không thấy trong hoạ đồ. Dầu lẻ nào, khi do theo chánh văn của ông Vial, ta cũng rán lập thử các chuyện ấy lại; song, muốn cho đặng như vậy, ta tưởng có ích mà chỉ một it điều về địa đồ các nơi đó ra cho rỏ.

Phần đất hửu ích cho chúng ta đặng biết, là chỗ ở trong hình ba mặt, mà mấy góc nó là : a) ngã ba Rạch Chiết với Sông Sài-Gòn (cách đường quan lộ, bên phía nam bến đò Thủ-Đức, chừng một ngàn thước); b) ngã ba Sông Tắc với Sông Đồng-Nai — nó ở xa ngã ba trước chừng 11 ngàn thước bên phía đông; c) sau hết, thành Biên-Hoà. Ba mặt hình tam giác nầy là : phía tây, có đường quan lộ; phía đông, có Sông Đồng-Nai; phía nam Rạch Chiết với một phần Sông Tắc, cả hai ăn giáp nhau và thông với làng Gò-Cộng, là chỗ có một cái đồn ngăn giữ.

Đường quan lộ đi theo hướng chung nam-tây-bắc-đông, nó ăn đụng với Sông Sài-Gòn, xa thành chừng 9 ngàn thước. Địa cuộc tại phần thứ nhứt nầy thì thấp, phải nước lớn tràn ngập, nó để cho ruộng nương hay là ao vủng với một it nhà lá ở rải rác

mà thôi. Bên mé hữu, đất nổi lên lần lần mau lắm, lại cách Sông chừng một ngàn thước, thì khởi sự thấy có một trảng đất cao là chỗ đường quan lộ đi dài, mà không có cuộc tự nhiên nào ngăn trở, trừ ra một dòng nước nhỏ kia mà thôi, là Suối Bum-Gốc, nó ở xa Sông chừng 6 ngàn thước; thuở đó người ta phải đi qua một cái cầu xây bằng đá, như tên ngọn suối phía nam với dấu tích đầu cầu còn lưu lại đã chỉ ra vậy — dòng nước đó có hai khe hay là suối : *Suối Nhum* với *Suối Cầu-Đá*. Suối nầy hai bên bờ có vài chỗ giốc đứng một chút, lại dầu cho mé nó mà chốc như vậy, thì nước nó cũng không được sâu là bao nhiêu; trong mùa mưa đi nữa, gần khắp nơi đều đi ngang qua được; nó chảy qua hướng tây-nam, rồi làm ra Rạch Gò-Công, chính vì rạch nầy lại đổ ra Sông Tắc.

Trên phía bắc Suối Bum-Gốc cách chừng hai ngàn thước thời có trại đồn Mỹ-Hoà, bên hướng đông đồn nầy cuộc đất hé hủng, có một ít cái gò giốc hẩm. Tại đường từ bến đò Thủ-Đức (Point A) cho tới Mỹ-Hoà, xem ra không có nơi nào gọi là thị tứ. Làng Thủ-Đức ở xa quan lộ, bên phía tây, được hai ngàn thước, nó có một cái đường ăn thông với quan lộ ấy. Lối ngang Thủ-Đức và cách quan lộ cũng xa vậy, song bên phía đông, thấy có một xóm kia mà trong các họa đồ thuở đó đề tên là *Tang-poo*, nó là Tân-Phú xã kim thời. Từ làng nầy mà qua cho tới làng Gò-Công, bề xa không đặng bốn ngàn thước. Bắt từ phía tây mà qua đông, thời ba làng Thủ-Đức, Tân-Phú với Gò-Công đều ở gần ngay với nhau một dọc.

Nói về *Tang-poo*, hay là Tân-Phú, ta tưởng phải cho ai nấy biết, tại Tàng thơ lâu Sài-Gòn có một xấp bản đồ vẽ bằng tay, coi ra giống hình họa trong lúc

mới chiếm cứ. Song, trong mấy bản đồ ấy, thấy có một cái lại đề là *An-Lốc* tại chỗ *Tang-poo*. Có một minh bản đồ đó biên tên như vậy mà thôi, song rủi không có tấm nào mà đề ngày hay là kí tên ai hết.

Chuyện nầy đã tất giải, ta có lẻ khởi sự mà kể bày các cuộc hành quân đặng. Trước hết, từ hồi lấy đặng Chí-Hoà, thì chín ngàn thước đường quan lộ từ Sài-Gòn cho tới bến đò Thủ-Đức (Point A) đều có người langsa choán, vã chăng, Sông Sài-Gòn phân cuộc đất đã chiếm với huyện an-nam riêng ra, nên khúc đường ấy không ăn nhập vô chuyện tranh giành. Binh sĩ cũng không hội tại nơi ấy đặng, bởi chẳng có nhà ở và đất mà hạ trại, có khi cũng tại thiếu nước uống nữa. Vì vậy, ta sẻ xem coi tự thủ chí vỉ các cuộc hành quân kể từ mé tả lối bến đò Thủ-Đức sấp lên ra thể nào. Ông De Grammont nói trước khi làm mấy chuyện nầy, có sai «đông quân sỉ đi do thám đàng sứ». Vậy thời mé tả Sông Sài-Gòn với vài ngàn thước đường quan lộ đã thuộc về tay người langsa, nên có lý mà định dẹo rằng, quân sỉ langsa có tụ hội lối đầu giồng, cách Sông chừng một hai ngàn thước.

Bây giờ chúng ta hảy xem qua vụ lập các đạo colonne làm sao. Rạng ngày 14 décembre, đạo colonne thứ nhứt đã có mặt tại *Hon-loc*, trong đó kể là linh chasseur bộ, một trăm binh espagnol cùng bốn vị súng bắn trái phá, nó thuộc về ông quan tư bộ Comte quản suất; có lẻ trong đêm đó nó phải ở tại chỗ ấy, lại cũng có khi mấy ngày trước nữa. Làng đó tọa lạc nơi nào? Địa thế Tân-Phú (Tang-poo) có vừa đủ các điều cần đặng cho đạo colonne hành sự; phần khác, tên *An-Lốc* cũng gần mỉa mai với *Hon-loc* (1). Đất

(1) Thuở đó người ta kêu sái tên an-nam cho đến đổi chẳng có sự gì mà bắt lấy làm lạ. Ông Pallu kêu làng *Trung-Lương*

nó cứng, súng ống pháo thủ lui tới nơi ấy được, có một mình Suối Bum-Gốc phải qua mà thôi đặng kéo tới Gò-Công, hoặc lên Mỹ-Hoà, cả hai cũng đồng xa *Hon-loc*.

Đạo colonne thứ hai có ông phó quan năm Domenech-Diégo quản lãnh, nó kể đặng một cơ bataillon thuộc về 3e Régiment binh bộ thuộc thủy, một trăm lính espagnol, một đội quân kị với hai khẩu đại bác 4 lòng nửa; «đoàn binh nầy phải đến tại *Hon-loc* mà thế cho đạo thứ nhứt khi nó cất qua Gò-Công». Vậy đạo thứ hai đó ở phía hậu đạo tiền, nên có lẽ nó phải đóng tại một nơi nào lối giữa từ bến đò Thủ-Đức mà lên Tân-Phú (*Hon-loc*) đặng nghĩ cho qua đêm ấy.

Đạo colonne thứ ba tính được hai đội compagnie lính thủy lên bờ, có ông quan năm thủy Lebris quản lảnh, có khi nó phải đi theo Sông Đồng-Nai mà lên, rồi vô Sông Tắc đặng đến Gò-Công. Về đường hai compagnie nầy đi, ta xét thấy mấy chặng hản Sông Đồng-Nai không xuống cho tới ngã ba Sông Tắc, bởi vì các chiếc tam bản (hay là ghe thuyền khác) đều có đến tại lối đó.

Đạo thứ tư, cũng do theo đàng nước, có khi nó phải vô ngọn Rạch Chiết cùng tấn tới Gò-Công nữa; nó tùng quan cai tàu *Renommée*.

Sau hết, có một đoàn tàu nhỏ, kể là chiếc *Renommée, Alarme* với *Ondine*, lảnh đi theo Sông Đồng-Nai mà lên đặng phá các đồn bảo và các hản.

---

là *Tam-léon*. Ông De Grammont viết *Kiloà* thế cho *Chí-Hoà*' *Jocong* cho *Gò-Công* (thuộc về huyện kia tại tỉnh Biên-Hoà) *Caï-bec* cho *Cái-Bè*, *Ca-hou* là *Cà-Hôn*. Còn *Thủ-Dầu-Một* thì viết là *Fou-Yen-Mot* lâu lắm mới thôi. v, v.

Ai nấy cũng đều thấy chuyện khiến động quân gia đó phải sắm sữa một ngày hoặc có khi vài ngày trước mới đặng. Binh thơ đồ trận tiên chiến chỉ tóm một điều, là cầm người an-nam ở trước mặt tiền đồn Mỹ-Hoà cho qua thì vả tấn bả đạo chấu tới mà đánh lấy đồn Gò-Công. Khi được chỗ đó rồi, người ta mới đi đặng trên đất cứng, tấn tới hông Mỹ-Hoà (phía đông), nộ đánh phía sau đồn ấy cùng phục hậu mà đoạt các bảo nơi bờ hữu đi.

Trước khi ra lịnh áp đánh, quan thủy sư Bonard có gởi một bức thơ quyết qua Biên-Hoà. Quan thống chế Nguyễn-Bá-Nghi, hay là quan tuần phủ Nguyễn-Đức-Hoan (lúc đó cai thành với ông án sát Lê-Khắc-Cần làm phó) có phúc thơ, song chẳng đặng toại chí chút nào, nên cuộc phân bủa binh gia đã sắp đặt trước phải thi hành. Ngày 14 décembre, trời mới rựng sáng, các colonne đều lướt tới. Đạo binh thuộc về ông Comte tổng quản phải bắn một phát súng đại bác làm hiệu lịnh mà khai chiến. Phát súng nầy bắn lối 6 giờ, qua 7 giờ rưỡi thì đồn Gò-Công bị lấy đi. Có để vài compagnie lính chasseur bộ ở lại giữ đồn. Ki dư bao nhiêu trong đạo ông Comte với lính thủy tùng ông quan năm Lebris liền kéo qua mấy mô trí súng đại bác ở bên mé hữu Sông Đồng-Nai, đặng bọc hậu mà đánh lấy nó. Các mô đó cớ bắn trả lung lắm mà địch lại với mấy chiếc tàu đậu giăng ngang của ông quan ba Harel đốc chiến; chiếc *Alarme* (thuộc ông Sauze cai) tính ra một mình nó mà thôi, bị năm mươi bốn viên đạn sa nhằm (khi kiềm sát sự như vậy mà không nghe nói tới vụ quan quân tử trận hay là bị thương tích thể nào, thời người ta lấy làm lạ). Khi các kẻ giữ mấy mô súng vừa thấy mình gần bị trên bộ đánh, thì họ bo mà chạy ráo. Một cái

đồn trong bốn nổ vở hư, còn ba cái kia binh an-nam bỏ rút đi mất. Cả đêm đó lính thủy ra công khai đường thông qua các hàn. Hễ đi lần tới đặng bao nhiêu, thì có quan bác vật Manen, hay vẽ họa đồ sông biển, dò các lạch mà cậm bông tiêu. Chuyện nầy làm luôn luôn trọn hai đêm hai ngày.

Sớm mai 16, đạo binh Domenech-Diégo trước có vâng lãnh làm cho chỗ thế (1) Mỹ-Hoà kinh sợ, nay đặng lịnh dạy áp đánh nó và, cũng một khi, thông tin cho biết rằng đạo ông Comte, ở bên Gò-Công kéo qua, cũng gần đánh phía tả dực binh an-nam. Lính bộ thuộc thủy thì đấu với trung quân, bên phía tả nó có lính espagnol lảnh việc xáp đánh phía hữu an-nam; còn phần đoàn mã kị lại đi chung quanh phía hữu đó đặng kiếm thế mà dứt đượng nó thối hậu. Trong lúc ấy, lính chasseur ở Gò-Công tấn qua bọc tả dực binh an-nam cũng ngăn đón phía sau họ nữa. Bên an-nam thấy mình bị đánh ba mặt lại hòng phải bị chận đàng thối hậu, thì họ hoảng kinh, ùn ùn rút nhau mà chạy đồ về hướng Biên-Hoà, tức thời có binh bộ thuộc thủy rượt đuổi nả theo.

Khi quan thủy sư làm chủ đặng từ huyện đó cho tới Sông Đồng-Nai rồi, người liền sắp đặt cách thế mà độ binh qua mé tả; chính vì người có ngồi tàu *Ondine* mà đi với một chiếc canonnière (thuộc chúa tàu Jonnart cai) đặng đến trước thành Biên-Hoà, thành nầy bị cây cối án khuất, thấy đặng có một mình cột

(1) Ở đây ta nói nó là *chỗ thế* chớ không phải *trại đồn*, bởi vì binh sĩ an-nam ngữ ở ngoài, đầy tinh rừng bụi rậm rạp, có trí nhiều khẩu súng đại bác nhỏ lòng. Vả chăng, xem ra trại quân ấy không có phòng thủ kiên bế cho thật.

cờ mà thôi (1). Hai chiếc tàu có chịu bắn ba hiệp súng lớn mà không bị thiệt hại chút chi; song khi chiếc canonnière đối xạ phát thứ ba, thì bên an-nam ngưng bắn, rồi thấy một vầng lửa lớn cháy đỏ hực lên trên thành.

Khi đó trời đã gần tối, nên trễ lắm độ binh lên bờ không kịp. Ngày thứ đạo binh mới nhập thành đã bỏ không. Người ta thấy tại đó có một chuyện gớm ghiếc không kém chi mấy chuyện trong những ngày hung ác đời thống trị romain. Là ông tuần phủ Hoan với quan án sát Cần cung phụng lịnh triều Huế mà thi hành chẳng nhơn tay, đốt sống ba trăm người có đạo nhốt trong tù. Mấy ngọn lửa thấy cháy hực hực lên trời lúc chiều xế đó, thời bây giờ mới biết nghĩa là gì. Mấy kẻ mắc nạn nào mà muốn kiếm đường thoát thân, đều phải người ta lấy giáo mà đâm đùa

(1) Thành nầy « xây lối năm 1789, theo hoạ đồ của quan cai cơ Olivier. Hình nó vuông vức, mỗi mặt đặng 300 thước langsa bề trường, chính giữa mỗi bên có một khúc xây vòng tròn xom ra ngoài, đề mà bắn giữ các góc thành. Bờ hào phía trong thì xây bằng gạch đá, đặng 4 thước bề cao, rồi tới hào sâu hai thước, rộng 13 thước. Còn đồn thì trí súng lớn bằng gan, bằng sắt với súng đề nạp đá mà bắn nữa. » (A. Bouinais với A. Paulus).

Nay dấu tích hào thành xưa hảy còn, nó cho chúng ta thấy rỏ hình tượng nơi xây đắp dã chỉ trước dây thể nào. Song, trong đời thứ XVIII, bên phương Tây chẳng có dùng hình dáng đó, nên ta không tin cho chắc về người sáng tạo nó ra, lại mấy người cố cựu bổn địa cũng có nói y theo như ta tưởng nữa mà rằng, mình chẳng hề khi nào nghe nói thành Biên-Hoà là của tay ngoại quốc khai tạo, chớ như « thành *bát quái* Sài-Gòn thời họ biết tỏ tường là của người langsa bày xây».

Ta xin cho ai nấy ý chỉ một chuyện khác cũng có ích một chút, là trong lúc tháng décembre 1861, Sông Biên-Hoà chãy xa hào thành cũ chừng 250 thước langsa, nay nó lại ở cách hào ấy ước độ đặng 400 thước.

vô trong đống hỏa hào. Trong số những kẻ làm tai, có năm người trốn khỏi hay là còn sống dặng mà thôi (1). Lý cớ xui khiến các kẻ gia binh giết mấy người có đạo đó thì dễ hiểu, song nó không chữa cho khỏi lỗi về điều hạ thủ, chẳng làm cho bớt sự gớm ghê. Vã lại, tánh khí độc ác hình khổ ấy tỏ ra sự chúng ta đã biết rồi, là nó cho thấy một tâm tánh kia giáo hoá chậm trễ hơn mấy đời, một điều mọi rợ nọ vô sánh, mà phong thể tại ngoại xem ra thuần hậu kinh niên và tuyệt diệu lắm.

Trong cuộc hành quân đó chúng ta hết hai người tử trận cùng vài người thương tích. Rốt việc, nó làm cho binh sĩ an-nam phải dời ra khỏi tỉnh Biên-Hoà trọn, và làm cho sa vào tay chúng ta 48 khẩu đại bác, 15 chiếc thuyền chiến, có 10 chiếc trọng tải chừng 200 *tonneau* (3.311 tạ) với một đống cây điều mộc để đóng tàu thuyền cùng cất nhà cửa. Quyền quản suất trong tỉnh bèn giao lại cho ông phó quan năm bộ Domenech-Diégo, đến sau người có dùng mấy đạo *colonne mobile* mà bình loạn.

---

(1) Thầy cả Louvet nói rằng: Bữa mồng 7 août 1875 có dựng lên một cây thánh giá cách trọng thể tại nền khám đường là chỗ con nhà có đạo đã bị chết thiêu.

Cây thánh giá đó nay chẳng còn dấu chi nữa, bữa 14 février 1906, ta nhờ thầy cả Sidot dẫn đàng, nên có tìm lại dặng chỗ ngục thất, song cũng có nhọc công một chút. Ở giữa đám cỏ cao, bờ bụi, thấy dấu tích cái nền (xây bằng đá ong) hãy còn, chính vì nó bị cỏ cây mọc phủ, lại chung quanh có vài cái mã an-nam phải rừng bụi che lấp. Chỗ nền đó ở ngay theo đường nới dài mặt tây-nam đất thánh tây, cách góc tây chừng hai mươi thước.

Chỗ cây thánh giá khi trước, nay xem ra nó là một nơi thổ mộ của người an-nam có đạo, không phải đất tiền nhựt có khám đường choán. Ta có hỏi thăm những người ở tại đó về chuyện khám nầy, thì họ nói khi xưa nó cất ngoài thành trước mặt tây-bắc, lối phân nữa mặt ấy bên phía tả (gần Sông-hơn).

CHUYỆN BỐI RỐI TIẾP SANH

VÀ ĐÁNH LẤY BÀ-RỊA

Choán đặng thành và địa phương Biên-Hoà thì là doạt lấy chỗ thế của chúng đạo kiếp với những vị ứng nghĩa để về việc binh. Khi ấy còn thành Vĩnh-Long mà thôi, nên hết thảy các chuyện họ phá phách, các sự họ gẫm ghé đều sang qua hướng Tây ráo. Trước đây ta có kể lại mấy lúc họ đánh phá cho tới ngày 30 décembre 1861. Nhứt là tại cạnh Mỹ-Tho thì thấy người an-nam lục lực hơn hết. Mồng 4 janvier 1862, hết thảy các phần hờ ở phía Tây thành đều bị vây, nên phải giải cho nó. Ông phủ Cậu sắm sửa toan đánh Cái-Bè, song số rủi nó hại người, là tới phiên người phải ông quan ba thủy Rieunier vây lại lối giữa Cái-Bè và Cây-Lậy (nhằm mồng 6 janvier). Quan lão ấy bỏ vỏng nhảy xuống vũng mà trầm ngập cho tới đầu, tưởng khỏi người ta tìm kiếm. Người cũng gần thoát đặng một lần nữa, vừa dâu ông Rieunier ngó thấy, nắm lấy đầu tóc mà kéo người lên khỏi bùn. Đi dọc đàng người ta mới biết người mình bắt đặng là ai mà thôi; dẫn về Mỹ-Tho, qua bữa sau là mồng 7 janvier, ông ấy bị chết treo, có nêu một tấm bản đề là: *cường đạo, sát nhơn*. Khi xử tử xong, người ta bèn lấy thủ cấp người mà bêu lên, đặng tỏ ra cho dân tình an-nam biết rằng ông phủ Cậu oai phúc chẳng còn phục tô lại nữa.

Ví như sự hành hình viên quan mắc phải đơn phung nầy mà có làm cho những người bổn quốc theo nước Langsa đặng vững lòng, thì xem ra nó — lại mấy lúc xử tử khác cũng vậy nữa — chẳng làm cho phe nghịch ra nao núng như ý người ta trông tưởng.

Ông phủ Cậu chẳng thiếu chi tay hậu kế, lại chuyện phá hại càng đa sinh hơn nữa. Cách hai bữa sau khi xử tử, nhằm mồng 10 janvier, có nhiều bọn ở Gò-Công đến vây đánh Gia-Thạnh. Trước bữa đó đạo colonne langsa phải đánh và đốt *Tai-To* (?) cùng đoạt lấy tại trận hai chiếc thuyền chiến với năm cây đại ki. Ngày 11 janvier, người an-nam đem 10 chiếc thuyền giặc đến vây đánh phần hờ Rạch Gầm. Ông quan hai Rolz de Couzalaz chống cự cho đến cùng và bắn rốc bì mới thôi.

Nhưng vậy khi binh sĩ an-nam tại Biên-Hoà viễn tẩu, thì chẳng thất tán cho thới quá như người ta tưởng, họ hiệp nhau cùng tái lập thử tại Bà-Rịa, có quan đề-đốc Lê-Quan-Tuyến tổng lãnh, là người cỏ đánh tại Biên-Hoà. Quan thủy sư Bonard không để mất ngày giờ, vừa mấy ngày đầu tháng janvier thấy người đam binh (lính thủy, lính bộ thuộc thủy, lính espagnol) đi ngã biển đặng độ lên bờ mà đánh binh an-nam. Người điều binh gần giống một cách như khi lấy Biên-Hoà thì cũng làm cho Bà-Rịa ra thất thủ nữa. Mấy chiếc tàu nhẹ, mấy chiếc canonnière tới đánh chiếm đặng các đồn bão lập tại Rạch Hàu, nơi vàm Sông Dinh, còn đại binh thì nhờ có ghe với tam bản chở mà độ lên tại Vủng-Dằng (nó là một xóm kia thuộc về Long-Điền) (1). Bị nước kém nên binh gia không đi lên Bà-Rịa đặng trong nội ngày ấy (mồng 7

(1) Trong mấy cuốn sách ta tra kiếm, thấy đề tên Tổng-Tài — song viết có khác nhau một chút — mà thế cho Vũng-Dằng, nó là tên người, không phải tên chỗ. Lời giải sau đây có lý nghe được, là khi trước, tại Vũng-Dằng, có một ông chánh tổng kia tên Tài ở đó, chắc có lẻ nhơn dân đã quen lấy tên cai tổng nầy mà kêu xóm đó, là : *xóm tổng Tài*

janvier 1862). Dầu vậy cũng có cho một chiếc quân đông đi thám báo tấn tới gần thành và bắn nó, cách chừng hai ngàn thước (tại chỗ nay có trường đua ngựa), song xem dạng quan quân an-nam quyết cự chiến (ở đó có quan tảng lý Văn-Đức-Đái quản suất) lại trời đã xế, nên toán binh do thám phải lui về. Sự bê trễ như vậy cho quan quân an-nam có thế mà thiêu sống chừng ba trăm người có đạo, cũng như tại Biên-Hoà vậy. Khi binh thám thính đi rồi, quan đề đốc Lê-Quan-Tuyến dạy quân nhơn đốt các ngục tù và bỏ thành mà lui qua hướng Đông. Họ bỏ lại súng ống lớn với lúa gạo khôn xiết kể.

Binh an-nam đi trốn chẳng xa là bao nhiêu cũng như thường khi vậy; họ đình chân lại nơi làng Phước-Thọ, cách thành Bà-Rịa chừng mươi lăm ngàn thước và hòng phải bị chúng ta vây. Muốn cho đặng thoát khỏi, họ chạy dồ lên hướng bắc phía Long-Lập (cách Bà-Rịa, bên phía đông-bắc, chừng mươi ngàn thước) là nơi họ có lập kho tàng chung quanh có đào hảo — ông De Grammont nói: đặng gạt chúng ta đuổi theo cho sái dường — song uổng công. Binh langsa rượt miết theo, nên đạo binh an-nam mới chia ra làm hai, một phần rút đi ngã Bà-Ca (thuộc về đất mọi trong tỉnh Bà-Rịa), phần kia theo ngỏ Gò-Sầm với Nóc (thuộc làng Phước-Bửu), rồi từ đó ông Lê-Quan-Tuyến lần theo đường sứ mà đem họ về Cù-My, nơi giáp giái Bình-Thuận, nên làm cho cả tỉnh Biên-Hoà tuyệt binh an-nam là như vậy.

Có gặp một cái thơ kia trong trại Bà-Rịa để gởi cho quan tướng an-nam, nó báo tin cho biết rằng, có nhiều lương phạn để cho binh sĩ dùng đã tựu tại vủng Phan-Rí, tỉnh Bình-Thuận. Quan thủy sư liền sai chiếc aviso *Norzagaray* (thuộc về ông quan năm

Lespès cai), nó có đốt và phá chìm tại vũng ấy hết 25 chiếc ghe cửa, vì không thể mà đam về. Có chừng sáu chục chiếc khác cũng bị vài chiếc tàu hủy hư dài theo bãi.

Phen nầy nữa, đạo binh an-nam cũng thất và bị đuổi dồn, sông không tàn diệt. Khi lui ra khỏi Biên tỉnh, thì nó hao hết chừng một ngàn rưởi người, sau lại bỏ thành Bà-Rịa, nó cũng còn hiệp nhau một lần nữa bên phía Cù-My, trong tỉnh Bình-Thuận, rồi đó có một ít đoàn binh tiếp ngoài triều Huế cho vào mà nhập với nó.

Chuyến nầy binh an-nam bại tích làm cho sự thể loạn lạc tại xứ chiếm cứ ít nao núng hơn mấy khi hành quân trước. Các nơi nào không có binh langsa, thì có chúng ngãi sĩ với bọn cường đạo ở. Ta xin nhắc lại cho ai nấy nhớ, lần nầy là tại cạnh tây mà gây ra các chuyện tao động. Mấy người an-nam nào chẳng chịu thuận tùng, họ đi rảo trong cả và miền Mỹ-Tho; họ lần lên Tân-An, lại lúc sau chúng ta sẽ thấy họ lên cho tới Chợ-Lớn nữa. Bữa 22 janvier, có một tốp ở Gò-Công tới đốt xóm nhà đông tại Rạch Cà-Hôn. Qua ngày sau, họ đến đánh phần hờ Rạch Gầm hai lần. Bữa 28, người an-nam tới đánh bốn phần hờ một lược (là Cái-Bè, Cây-Lậy, Thuộc-Nhiêu với Rạch Gầm) và lập thế mà đốt thử chiếc *Shamrock*. Hễ binh gia chúng ta bớt số lần lần chừng nào, thì họ càng thêm cả lòng dạn dĩ chừng nấy.

Khi cơ bataillon thứ 2 binh chasseur bộ (1) với

(1) Đây là lời ông De Grammont nói; còn theo hai ông Bouinais với Paulus, thời qua 16 juillet 1863 binh chasseur bộ mới xuất hành mà thôi, một lược với bộ sứ an-nam sang qua Đại-Pháp.

cơ bataillon thứ 2 binh bộ thuộc *101ᵉ de ligne* phục hoàn trong tháng février, tự nhiên có vài chiếc tàu cũng phải về theo nữa, thì người an-nam xem chuyện đó dường như quân sĩ langsa khởi sự hồi hương là chuyện họ ngóng trông lắm. Ngày 17 février, họ có lập thử đồ thế tại Mỹ-Tho cựu mà ngăn đở. Khi đó nhằm lúc binh giữ các phần hờ nhỏ đều khởi sự rút đi. Bữa 24, phần hờ Gia-Thạnh lui binh, người an-nam đuổi theo lấy súng lớn mà bắn. Ngày 26, binh dời ra khỏi Rạch Cả-Hôn, cũng bị bên an-nam theo sau mà phát pháo nữa. Bữa 28, họ có đánh Mỹ-Tho cựu (qua mồng 2 và mồng 6 mars, họ đánh lại nữa). Mồng một mars, họ đánh Rạch Gầm. Nội ngày đó mấy phần hờ Gò-Công và Chợ-Gạo đều hồi quân; cũng một khi, các quan đốc lý bổn quốc sự vụ tại Cần-Giuộc, Tân-An và Tân-Hoà đều triệu về, cho viên quan bổn quốc thế vị.

Chuyện quan thủy sư Bonard truyền dạy quan quân bỏ nơi kia nơi nọ mà rút về như vậy, thì thiên hạ thuở ấy đoán ra nhiều cách. Kẻ thời tưởng rằng, sự qui binh đó là cần kíp đặng giục lòng mấy vị ứng nghĩa cho họ cũng vầy hiệp nhau lại, rồi dùng dịp như vậy mà giết sát trọn một lần. Kẻ khác lại xem nó dường như oai quyền chúng ta đã mất và trong xứ sẻ ra suy vi khôn lảnh khỏi. Trong số những kẻ tưởng như sau đây, thời có gần hết thảy người an-nam, dầu cho họ thuận hay là nghịch với chúng ta cũng vậy. Bởi đó, thí dụ tại Gò-Công, ngày người langsa thượng lộ, thì trong 600 tên dân có 460 vị xuống ghe lên Sài-Gòn mà tị nạn, còn ông quản Định choán lấy đồn lại, dạy triệt hạ những nhà mấy bằng hữu người langsa và phá tan các chùa miễu nào mà trước có binh gia chúng ta tạm ngụ, cũng một khi ông ấy lập ra một

cái đồn nhỏ ngoài có đào hào đắp lủy vững chắc lắm. Mấy kẻ bạc phận trốn đi lánh nạn, thời qua năm 1863 mới về đặng tại chỗ minh ở mà thôi, song đã ra tan tác.

Hẳn chắc kẻ nọ kẻ kia cũng đều lấy chuyện hồi quân đó làm trọng quá, song thiệt nó không đổi dời đặng sự thế chung là bao nhiêu, vì bởi binh sỉ chúng ta thiểu số làm cho bề quản thủ mấy phần hờ nhỏ ra đơn sơ cũng như các đường nó thông với nhau. Một nơi phần hờ kia mà vô quyền lại với không có phần hờ nào hết, thì cả hai cũng đồng một thể. Vã lại, thiệt rỏ ràng chẳng bao lâu người ta phải đi-đánh Vỉnh-Long, nên chuyện như vậy mà không cần hội quân sỉ lại sao? Chúng ta cũng phải biết mấy phần hờ yếu cần, như Cái-Bè với Cần-Giuộc, đều có thêm binh.

Song mấy lúc binh lui như thế thật cũng có làm cho cơn loạn lạc nổi dậy quản trị trong các địa phương đã bỏ, thiên hạ khắp nơi ra xao xát, lại thêm có một chuyện đại hại kia xảy đến, bắt đạo binh xuất trận phải sầu bi áo não, mà giục lòng các quan với phe ứng nghĩa cậy trông. Họ tưởng đó là hưng vận lai đáo. Vốn là bữa mồng 5 mars 1862 (1), chiếc canonnière số 25 bị nổ trong lúc nó lui ra khỏi Mỹ-Tho với một compagnie binh bộ quá giang. Có cho người và đồ cuộc tiếp cứu kíp đến tại chỗ lâm tai, song rủi, lại ví dầu người ta làm hết sức, thì tính ra cũng hết 35 vị đã mạng chung, hoặc phải tàu nổ mà chết tức tốc, hoặc bị văn xuống sông mà nịch tử; còn số mấy kẻ bị vít nặng thì là 17 người.

(1) Ngày tháng đó kể theo ông De Grammont, còn ông Vial đề là mồng 10 mars.

Trước khi nói về vụ đăng thành Vĩnh-Long, ta phải cho ai nấy biết người an-nam có đánh phá Mỹ-Tho cựu lần thứ ba (mồng 6 mars); còn tại Cầu-An-Hạ (từ mồng 9 cho tới 12 mars) có hưng loạn cũng vừa cả thể, song khi mới phát ra, thì ông De Grammont, khi đó làm đốc lý bổn quốc sự vụ tại Bình-Long, có đánh dẹp nó đi; sau hết, ngày 13 mars, trước khi tấn binh xuống Vĩnh-Long, thời Mỹ-Tho cũng có bị bên an-nam đánh phá nữa.

LẤY THÀNH VĨNH-LONG

VÀ CHUYỆN HÀNH BINH

Khi xem qua chuyện dón kể trước đây, thời ai nấy đều hiểu biết, lúc đó không lẻ để yên một chỗ động dụng như Vĩnh-Long vậy đặng, vì mấy tay thám thính tình hình, mấy vị ngãi sĩ, khí giới, thuốc đạn cùng mọi cuộc giúp đở đặng nhiều hại, đều ở đó mà xuất hành khôn dứt. Có lẻ ông Trương-Văn-Huyền, tổng đốc Long-Tường (tỉnh Long-Hồ hay là Vĩnh-Thanh — đến sau là Vĩnh-Long — với tỉnh Định-Tường nhập lại) chẳng đặng dân chúng yêu vì; người là một quan lảo tiểu tướng, sâu hiểm, tham lam, gắc gao, lưu danh về sự ăn ở nhặt nhiệm và độc dử mà thôi, nhứt là với con dân có đạo; dầu vậy, nhờ thiên hạ kiêng nể phép tắc nhà nước, quyền cao chức cả và sợ lính tráng, nên mới làm cho quan ấy đặng chắc ý về sự khâm phục đó, là sự hữu lực biết thế cầm giữ, song thường nó hay biến mất một lược với sức ấy.

Vậy cuộc tranh chiến coi vọi thật tận tình; song, bề đắc thắng tùy biến xem ra rất nên vửng chắc. Vừa buổi ban sơ, quan thủy sư Bonard dã nhứt quyết, lại,

khi lấy xong Bà-Rịa rồi, người liền hiệp quân sĩ cần kíp đặng đi đánh thành Vĩnh-Long, lúc đó kiên bế chắc chắn lắm, nhờ chính vì đại giang Khong có một cái cù-lao nê địa, không đi thông thấu đặng, áng khuất mặt tiền phía bắc, lại nó có một ngọn sông hẹp ăn vô dễ mà lập các chặng hàn và xây mô súng; bên phía nam, thành ấy có vài cái bảo có trí đại pháo và nhiều đồ cuộc phụ thêm dễ ngăn đở thật hẳn hòi.

Ngày 20 mars 1862, quan thủy sư đi với một đạo thuyền chiến nhỏ kể là hai chiếc aviso và chín chiếc canonnière, chở chừng một ngàn binh. Lúc chiều xế quân gia, có ông phó quan năm bộ Reboul đốc suất, độ lên bờ tại Đình-Khao, cách thành dạt ước năm ngàn thước bên phía đông-nam, lối chỗ thuở đó có mấy cái lò gạch. Bữa 22, đạo colonne tấn tới đánh Vĩnh-Long, khi nó độ qua hai rạch, nó có chịu cho bên an-nam bắn. Lối 5 giờ chiều, binh đến trước mấy mô súng phía đông Vĩnh-Long, nhằm lúc nó đang nổ lực phát pháo đấu với mấy chiếc canonnière, cũng như các đồn bảo khác tại thành vậy; khi ấy đoàn tiểu thuyền đang đánh với mấy mô súng phía tây mới ngưng bắn, đặng cho khỏi ngăn trở binh bộ. Qua tối, dứt đánh, súng các đồn thất đã lẳng lặng rồi, một mình thành còn chống lại mà thôi; hai bên tranh cường với nhau tính trọn bảy giờ.

Bữa sau, là ngày 23, minh nhựt binh sĩ nhập thành, không còn đánh đập chi nữa, bên an-nam đã bỏ rút đi ban đêm. Chuyến nầy người ta đến kịp mà chữa đặng lửa của binh an-nam thua chạy mới đốt. Mấy người có đạo bị cầm cố đều cứu khỏi. Một cuộc đồ hung khí cả thể nhập về tay người langsa, là: sáu mươi tám vị đại bác đủ hạng, một chỗ đúc súng lớn, muối diêm, thuốc đạn dinh thiên với lúa gạo khôn

xiết kể. Các vị làm sách là ông Vial, De Grammont, Bouinais, Paulus, Nicolas, Louvet, ta xin hài danh mấy ông đó mà thôi, đều có kể lại cách dụng binh cùng sự nó đắc thắng thể nào, song có một điều họ bỏ sót, là số hao hết bao nhiêu nhơn mạng. Nhưng vậy có số binh sĩ hao đó mới biết chắc đặng binh gia nông sức giá đáng thể nào. Như không có mấy số quân nhơn tử vu sa trường, thì mấy cách kêu rằng « lủy thiếc thành đồng », « hai bên đấu đại bác quá hung », « chiến tranh cả thể », « độ binh qua sông sâu bất kể giặc bắn giết » v. v., ai muốn hiểu thế nào cũng đặng, ví như không có kẻ tử thương, thời mấy cách kêu đó — ta xin phép nói — là huyền hoặc phi lý mà thôi. Chớ chi ta biết rỏ đặng chuyện ấy dường nào.

Lấy xong thành rồi, bèn cho binh soán ở cách tiện hơn hết lại với một phần tỉnh qui phục. Mấy chuyện đó cầm quan thủy sư ở lại Vĩnh-Long cho tới mồng 8 avril. Phần khác, chính vì Biên-Hoà, Bà-Rịa cùng Vủng-Tàu đều có binh đóng soán, nên dầu cho số chung quân sĩ không đặng bao nhiêu, thì người ta cũng rảnh rang hơn trước mà binh loạn trong xứ. Vậy đại binh an-nam đã bị đuổi dồn về Bình-Thuận, còn quân sĩ thủ thành Vĩnh-Long với các quan mấy tỉnh hướng Tây đã thua chạy qua mé hữu Sông Khong, nên mới có thế mà dẹp giặc yên lần lần, dầu cho nó miên trường bất tận.

Ta xin kể lại mấy việc lớn về vụ trị loạn nầy trong sáu tháng đầu năm 1862, cùng những chuyện tao nhiều hưng khởi hằng khiến phải đi dẹp nó luôn, đang khi người ta tưởng chẳng còn cần chi mà chinh phạt nó nữa.

Các vị chánh đảng dấy loạn đã chiếm một it nơi thị tứ mà ở chán chường và đi thông thương trong các làng với bộ hạ theo đông mà chẳng ngại chi hết. Họ lập đội lập cơ trước mắt thiên hạ, phân đặt tốp nọ tốp kia mà ngữ các đường người ta hay đi, cho kẻ thâu thuế, và cáo báo khắp nơi rằng chúng ta gần bỏ xứ mà về. Tại đường Chợ-Lớn xuống Mỹ-Tho, trước khi tới Bến-Lức, có 500 người hạ trại ở hai bên bờ sông, để cho thuyền chiến chúng ta qua lại, song họ lấy thuế các ghe buôn và sắm sửa phương thế mà ngăn cãng không cho chúng ta thông hành. (Vial).

Chúng ta đã biết, rốt việc miền Mỹ-Tho trở nên một chỗ tich trữ chuyện rối rắm luôn luôn. Khi binh langsa bỏ mấy phần hờ nhỏ rồi, thì người annam kiêu bế Mỹ-Qui lại mà đề phòng. Song khi vừa lấy đặng thành Vĩnh-Long, thấy có cho một đạo colonne binh thủy thượng ngạn, binh bộ thuộc thủy với linh bộ espagnol hiệp lại, lảnh đi đánh đuổi họ. Đạo đó có ông quan năm Palanca Guttierez với ông quan năm thủy Desvaux trị tỉnh Mỹ-Tho, cầm đầu. Bên an-nam bị đuổi ra khỏi các chỗ thế xong thì ông quan năm espagnol mới trở về Sài-Gòn, người đi bộ theo đàng sứ khi ấy đã bồi thố, song nó có một điều bất tiện lắm, là nó bị hai Sông Bến-Lức với Vủng-Gù bứt ngang, cùng vô số rạch ngòi mà có nhiều cái không có cầu. Cuộc đam quân sĩ đi ngang qua hai tỉnh đó chẳng làm cho sự thế loạn lạc trong xứ dời đổi chút nào. Sau cũng như trước, là không cư an đặng.

Mấy vị ngải sĩ biết đại binh mắc việc tại Vỉnh-Long với Mỹ-Tho, nên thừa dịp ấy mà đánh phá Chợ-Lớn trong đêm mồng 6 avril. Có chừng năm chục nóc gia ở lối đường vô thành, từ Sông Arroyo Chinois mà lên đồn Cây-Mai, đều bị đốt cháy, phần hờ langsa lập nơi đó gần phải tiêu tan. Thiên hạ la lửa dậy trời, sợ cho một lúc kia mấy kho sở pháo thủ

tại Hội-Đồng phải khốn. Cả đêm tại Sài-Gòn ai nấy đều thức. «Trong chuyện đó tài vật hư hao tính chẳng bao nhiêu, song xét về sự khuấy phá tâm trí thiên hạ thì nó nặng lắm. Vốn thật, khi trước quan quân tại Chí-Hoà có lập nhiều dảy đồn mà bao Sài-Gòn song không dám ướm thử nhiều hại nó, thì nay chuyện ấy mới bị mấy bọn đốt phá ra tay thi hành. Chúng ta có quyền thế trong một cỏi lớn rộng thinh thinh, mà chúng ta lại bị ngăm đe chính vì tại chỗ trung tim chúng ta lập cơ nghiệp ». Muốn cho nghịch tặc đừng tụ lập quân gia đặng tại một nơi nào trong tỉnh, thấy có sai nhiều đạo colonne nhỏ cùng kẻ thám thính đi tứ hướng chung quanh Sài-Gòn, Chợ-Lớn và Cần-Giuộc được một ít lâu, song binh ấy không xuống tới Gò-Công là chỗ ông quản Định làm chúa xứ.

Trong tỉnh Biên-Hoà, dầu cho quân sĩ an-nam đi rồi, sự thể cũng ra nguy hiểm lại nữa; có nhiều đảng hung hoang trình diện nơi kia nơi nọ. Ông phó quan năm bộ Domenech-Diégo rượt họ chạy lên hướng tây-bắc, còn binh ở tại Trảng-Bàng với Tây-Ninh thì đi chận đầu. Cách dụng binh như vậy phải cách lắm; mới làm cho trong tỉnh đặng bình yên lại một chút.

SỬA SANG LẠI. LẬP CÁC SỞ

VÀ KHAI CÔNG VIỆC

Chúng ta đã biết trí tưởng tượng quan thủy sư Bonard về vụ cai trị trong xứ thể nào. Tỉnh Biên-Hoà tân chiếm để cho người dùng làm một nơi trước hết đặng mà làm thử chuyện kia chuyện nọ. Trước ta có nói, đứng đầu có quan cai địa phương, là ông

phó quan năm bộ Domenech-Diégo; kế hai quan vỏ tùng người, thọ chức đốc lý bổn quốc sự vụ, lảnh quyền xem sóc các tri huyện an-nam, mấy ông nầy hay việc trị dân, thâu thuế viết và tuần phòng mỗi người theo phần sở minh (tờ tư nhằm ngày 30 janvier 1862).

Trong cách ấy, thi người langsa choán Biên-Hoà Thủ-Dầu-Một và Bà-Rịa mà thôi. Nếu khi đó các viên quan bổn quốc đúng sức mà lo công việc phú thác và xứng đáng về chuyện người ta tin cậy họ, thời chắc có lẻ vạn sự đều ra xuôi xả, song rủi không có chi hết, lại trước ta có giải nó rồi, là chẳng đặng chút nào như vậy. « Mấy người khá hơn hết trong những kẻ đã chịu thi thử đều rút về ở tại mấy chỗ kiên bế minh, để cho dân chúng vẩy vùng làm sao đặng thì làm mà chống lại với các điều quan binh đòi buộc cùng với những sự loạn tặc nài xin.» (Vial).

Khi quan thủy sư ở Vĩnh-Long vừa về tới Sài-Gòn, có lẻ người phải dùng phương thế mà dẹp loạn tại Gia-Định. Theo lời nghị ngày 25 avril 1862, quyền bang giao, văn vỏ, đều hiệp tạm lại mà phú cho mỗi quan địa phương hay là quan cai đạo thủy.

Trong lúc ông Léo de Lespès phải dẫn binh turcos đi dẹp giặc tại Phước-Lộc, thì hai ông Vergnes với L'Evêque, tại tàu *Persévérante* và tàu *Avalanche*, đều lãnh việc đi cứu phần đất phủ Tân-An cùng các sông rạch liên cận cho khỏi cướp phá trên bộ và dưới thủy. Tại Tây-Ninh phủ mấy nha môn langsa ở Trảng-Bàng với Bình-Long đều bớt đi, nên ông Guys mới làm chủ tỉnh một minh. Hễ trong xứ vừa đặng yên ổn, thì người ta phải noi theo sự đã có tại Biên-Hòa, là lập lại lần lần trong các huyện mấy viên quan an-nam nào mà người ta biết rằng đã có lòng trung. (L. de Grammont).

Rủi thay, lúc thái bình đó chưa đến. Mấy người an-nam nào làm giặc thì họ không về nhà, còn các kẻ cư an lại thiếu con vật mà cày cấy. Việc ruộng

nương càng ngày càng tới mà thiên hạ không dám lìa xa chỗ ở. Bởi vậy, nhiều kẻ phải trồng trỉa vừa đủ ăn mà thôi. Vả chăng, dư để làm gì? Nó sẽ bị lửa cùng kẻ cướp lấy hay là phá hủy nó đi. Có một lúc kia ai nấy đều ngã lòng Chính vì Sài-Gòn cũng thấy có sự rủn chí tỏ tường. Thiên hạ xem xét chuyện tai hại trong ngày mà thôi, nên không trông cậy sau gở đặng rối và lo sợ hỏi mình, rồi chuyện nầy sẽ ra thể nào. Nhưng vậy mấy lúc làm cho bải hoải tâm trung đó có lẽ không lâu đặng, vì chúng ta thấy sau đây sự gở rối đến thình lình mà người ta không dè.

Các sở hay việc trị dân đều bỏ lần lần. Trong cách mới bày, cuộc thống lý bổn quốc sự vụ còn lo chuyện sở tại cùng chuyện tây tại Sài-Gòn mà thôi, vậy chẳng còn cần dùng cho lắm, nên tới phiên nó cũng bị bải đi (ngày 31 mai 1862). Nội bữa đó, có ra lời nghị mà định vụ giao thông các quan tỉnh với quan thống đốc.

Ví như có nhiều kẻ ngã lòng về sự chúng ta làm nên việc, thì ta tưởng chắc đặng quan thủy sư Bonard không phải như vậy. Các công chuyện người dạy thi hành hay là tính làm, thời chẳng phải là mấy việc có điều hồ nghi. Quan thủy sư thống đốc Nam-Kỳ trước hết tin cậy bao nhiêu về ngày sau cho xứ địa hạt, thì cũng chắc ý bấy nhiêu trong cách người cai trị. Người quấy về chuyện chắc ý rắn rỏi, mà về chuyện bền lòng tin cậy thì người hữu lý, lại các kẻ đời sau phải biết ơn người.

Khi chiếm lấy Bà-Rịa vừa xong, quan thủy sư dạy quan bác vật địa hạt Maucher lo làm một cái đèn vọi hạng nhứt tại Vủng-Tàu. Hảng ông Roque đấu được giá, khởi công nhằm ngày 25 mars 1862;

qua ngày 15 aoủt sau, thì khánh táng vọng đăng ấy. Người ta dựng nó trên một đảnh kia ở bên phía nam hơn hết trong chỏm núi Vủng-Tàu, dèn dó cao khỏi mặt nước biển đặng 147 thước langsa. Lúc thanh trời, ở ngoài biển xa cho tới 33 *mille* (61.116 thước langsa) cũng còn thấy nó.

Lối đầu năm 1862, mấy người thuộc về cuộc điển báo cũng có qua xứ địa hạt nầy nữa, dó là căn nguyên sở nhà thơ dây thép ngày nay (cuộc thơ tín lập sau cuộc điển tín một năm). Khi bọn điển sanh vừa lại tới, chuyện giăng các đường dây thép liền lo thi hành. Trước hết Sài-Gòn thông vô Chợ-Lớn, rồi qua Biên-Hoà, xuống Bà-Rịa và Vũng-Tàu. Các việc làm thật phấn chấn lắm, song nó có tấn tới phải lao công hết sức mới đặng, lại mấy năm đầu đặt đường dây thép buộc các người thuộc sở phải cảm đảm, tận tâm và liều thân cách lạ lùng. Vừa qua năm 1863, người ta tính có 9 phòng dây thép với một đám điển tuyến bề dài chung được 300 ngàn thước, hết thảy đều thông về *dinh tạm* quan thống đốc, lúc đó cất bằng gỗ rộng lớn, còn sườn thì làm bên Phố-Mới chở qua. Nhà ấy dựng ở phía ngoài đồn Tân-Thiết (tại chỗ nay có trường Taberd); trước mặt day xuống sông có trồng một cây cột cờ, kế lối đó có phòng điển báo. Quan đầu phòng đó lãnh việc sửa cho đúng giờ trung tại các cảng khẩu, lại cũng về ý ấy, nên kể từ mồng một aoủt 1862, mỗi ngày chiếc *Duperré* bắn một tiếng súng lớn mà báo giờ trung ngọ.

Chẳng những quan thủy sư Bonard dạy lập một cái dinh mà thôi, theo lời người truyền thì các nhà thương cũng đều mở ra rộng hơn, cất chỗ ở tiện cho quan quân, sáng tạo một cái nhà thờ, sau hết lập

một sở nhà in. Ngày 13 mai 1862, có cho thiên hạ biết tấm bản đồ phân các đường thành phố Sài-Gòn của ông quan năm thủ bị Coffyn đã vẽ. Có khi ông Vial lấy mấy đường ấy làm lớn quá, người coi các đường 20 thước langsa bề ngang ra như tuồng rộng lắm; chớ chi người xem lại đặng thành phố Sài-Gòn đời nay, có lẽ người thấy đường Catinat thật hẹp. Ngày 19 mai khởi sự phát mải mấy khoảnh thổ cư trước hết trong thành.

Lúc đó rất cần cho đặng có một cái ụ để mà sửa tàu, song công cuộc xây nó chậm chạp và tốn kém quá. Nên quan thủy sư có xin chánh quốc gởi qua một cái thủy thành nổi, người cũng có bàn xin làm một cái vọng đăng nơi hòn Côn-Nôn; đó là mấy điều người lo trước hết mà người không thấy đặng nó ra thể nào. Bởi ta mới hài tên cù-lao Côn-Nôn, nó là vọng canh kia đặt ở trước xa thuộc về xứ Nam-Kỳ, nên chúng ta hảy ý chỉ rằng, lối đầu tháng mars có đem ra đó một tốp 50 tên gian ác. Sau một ít lâu, người ta cũng có đày ra đó những tay làm loạn và mấy vị kình chống cùng quyền cai trị langsa.

Các việc đa đoan nầy chẳng làm cho quên được việc dạy dỗ. Điều ao ước hơn hết, là biết tiếng an-nam với tiếng langsa. Trường thông ngôn tây thuộc về cha Croc cai — chính vì người có thầy cả bổn quốc, là cha Thơ, giúp — không làm nên sự người ta trông ước đặng tức thời. Chắc có lẻ tại trường nầy không có đủ món học, song nó thiếu nhứt là ngày giờ. Một người langsa không học được tiếng an-nam cũng như mấy thứ tiếng phương Tây nội trong vài tháng. Điều như vậy chẳng hạp đặng với tánh nóng nảy tự nhiên chúng ta, bởi hằng muốn nên việc hẳn hòi cho

chóng. Cũng phải nói rằng là tại các điều cần kíp khi đó càng ngày càng thêm, nên buộc phải cho có người thông ngôn. Lời nghị ngày mồng một décembre 1861 dạy lập ra một ti kí lục và thông ngôn bổn quốc đã thi đậu mà thôi (người ta buộc mấy vị ấy phải biết tiếng latin). Một ít lâu sau mới lo lại chuyện thông sự tây, còn trường thì lập theo cách mới (mồng 8 mai 1862).

Về sự dạy dỗ theo cách langsa, thầy hội giảng đạo có lập ra trường d'Adran, ban sơ có 30 học trò dặng tiền nuôi dưởng, sau lại được 70 tên (lời nghị ngày 15 janvier 1862). Có một lời nghị khác, nhằm ngày 30 janvier, chuẩn cho mấy đứa con gái trường langsa tại Sainte-Enfance (nhà mồ côi) một trăm phần tiền để nuôi ăn học. Cuộc giáo huấn như vậy mà không đòi tiền thì có hai ý, để mà thưởng công nghiệp những nhà an-nam đã tỏ lòng tùng phục chúng ta, và đến sau làm ra mấy người giúp việc giỏi. Theo ý ta tưởng, sự được việc trong cuộc dạy dỗ chữ nghĩa langsa đó hằng cải lẻ đặng luôn. Ta chẳng dứt nhắc đi nhắc lại điều nầy: bắt học tiếng ngoại quốc bao nhiêu tự ý, mà đừng lấy tiếng ngoại quốc mà dạy dỗ.

Trong lúc ấy có một điều sái lẻ khác mà nhà nước chịu, là thuốc á phiện. Hoa chi nha phiến có đấu giá bán lần trước hết, nhằm 20 janvier 1861, đặng 91.000 đồng bạc, hay là chừng 500.000 góc tư thuở đó, chẳng bao lâu nó lợi được hai triệu rưởi. Phần nhiều trong những tay « thạo chuyện » lúc đó, cũng như có nhiều kẻ trong các người đời nay, đều ra sức mà dẫn giải về sự bất cấm người ta hút á phiện, thuốc độc đó chẳng làm hại được, cùng mấy lời trách móc nặng vô lý của một ít người thiện tâm;

chính vì ông Vial nữa cũng không dằn lòng đặng mà đừng viết lời nầy: « Vụ lập ra gốc lợi ấy làm cớ cho mấy người luận việc có ích cho nhơn loài bao biếm lung lắm. »

Ta thuộc về mấy người luận việc đó, lại đã hai mươi năm ta ở xứ nầy nó cũng không sửa nghĩa những lời bao biếm ta lại đặng. Ở đây ta không có chỗ và cũng chẳng có ý mà nói lại sự ta đã viết về nha phiến; dầu lẻ nào, như ta mà có hiểu sái, thì cũng không làm mếch lòng mấy người chống lý, bởi bọn chúng ta cũng nhiều. Á phiện tại nước Nhựt-Bổn đã cấm, bên nước Cao-Ly cũng vậy. Luật củ tại xứ sau đây lên án tử cho mấy kẻ đem á phiện vào nước; trong luật hình mới, của ông Laurent Crémazy, là cựu chủ tòa phúc Sài-Gòn, lập ra cho nước Cao-Ly, thì hình phạt định là 15 năm khổ sai.

Các nhà nước thuộc về dòng dỏi da vàng phân đoán sự dùng á phiện dường thế, như không trúng lẻ hơn — bởi chưng người ta không chịu rằng nó làm hại — thì ít nữa là khác hơn các nước Tây phương. Nơi nào mà họ làm đặng, thời họ bỏ không cho dùng và cấm thuốc ấy nữa. Vậy chẳng có sự chi là khó mà không ngăn trở đặng những kẻ hút, song phải có lòng muốn mới được. Ta không gầy sự cải lẻ nào khác về chuyện nầy làm chi, nhưng vậy ta chắc đặng một ngày kia các dòng dỏi đời sau sẻ thấy — có khi lấy làm lạ — trong chuyện á phiện, mấy kẻ mọi rợ không phải là kẻ khi trước người ta tưởng.

Trước khi bỏ chuyện nầy, ta xin kể tóm lại các số tiền thuế thâu trọn mấy năm từ 1860 cho tới 1862.

Năm 1860, thâu đặng 135.735 đồng bạc 36, nghĩa là 728.898 quan tiền tây (đồng bạc tính là 5 quan

tây 37); trong số đó có 103.092 đồng về thuế bến nước, là số dị kì lắm. Năm 1861, thâu được 48.444 nguyên bạc 60, hay là 260.144 quan tây 60. Năm 1862, nó lên cho tới 231.519 đồng 60, hay là 1.243.260 quan tây 57, không kể vô hai phần tiền đã đóng về vụ bồi thường cuộc giặc giã, cọng là 220.000 đồng.

Trong các tiền thâu đó, á-phiện tính là: năm 1860 được 13.592 đồng 10; năm 1861, được 27.257 đồng 37; năm 1862 được 45.136 đồng 79. Vậy chẳng phải là các số tiền ấy lợi khẩu sao? Lại, như chẳng nói nó khen giỏi, thì biết bao nhiêu điều nó thuyết lý mà binh vực thuốc độc đó.

Ngoài chuyện công xi nha phiến, thấy trong lúc đó cũng có lập ra một cuộc khác cũng đồng làm hại vậy, là: hoa chi cờ bạc (mấy lời nghị ngày 26 juillet và ngày 17 août 1861). Sau người ta bỏ cuộc đó đi; vốn thật số huê lợi nó không được khoa ngôn cho bằng nha phiến. Người ta cũng có lập công xi rượu mạnh (lời nghị ngày 21 avril với ngày 11 juillet 1862), mà bởi công ti rả hùng, nên mấy lời nghị ấy phải bỏ. Vậy lúc đó có cho buôn bán rượu thong thả, trừ ra mấy người bán sỉ, bán lẻ phải đóng thuế sanh ý mà thôi (lời nghị mồng 5 septembre 1862).

Vụ phân đặt binh giã an-nam cũng đáng viết ra một đôi hàng. Chúng ta biết khi vừa soán đặng Cữa-Hàn, thì đã tu thành hai compagnie lính an-nam. Ngày 24 mars 1861, quan thủy sư Charner truyền lập 4 cơ compagnie lính bổn quốc. Mồng 4 février 1862, lời nghị quan thủy sư Bonard dạy lập làm ba cơ bataillon, mỗi tỉnh mỗi cơ. Sở lính nầy cũng có mấy phần việc, chuyện buộc làm và tập luyện cũng

như sở lính bộ thuộc thủy vậy. Về mấy đạo binh riêng, thấy có lập ra lần lần: một cơ *escadron quân kị spahis Nam-Kỳ* (mồng 7 février 1862) (1), và binh ứng nghĩa (19 février 1862).

Cuộc sữa sang binh lính bổn quốc cũng theo một cách đã tính trước như vụ chấn chỉnh việc trị xả dân, nó sanh ra nhiều sự phiền muộn. « Khi phải lập điều luật riêng cho mấy cuộc ấy, tùy theo phong tục và việc cần dùng con nhà an-nam, người ta lại ra sức buộc dân bổn thổ tùng theo thói quen lính bộ chúng ta. Bởi đó mới làm cho những kẻ có của chê ghét, không chịu cho con cái mình đến nhập vô hàng quân lính chúng ta..... Mấy người an-nam nào đã ở lính, thì họ không còn tùy tục nước, bỏ cách ăn ở theo thói nhà, nên sau mấy người đồng bang ít ưa họ và sợ điệu đi tướng đứng nghinh ngang khi họ về làng. » (Vial).

Mấy lúc làm thử trước hết về việc quốc chánh đó, dầu cho chẳng trúng phép, nhưng vậy không phải là vô ích, lại mấy đấng nối quyền cho quan thủy sư Bonard nhờ sự làm thử soi sáng chỉ dẫn, nên mới sữa lại đặng những điều lầm lạc gần khôn lánh khỏi đã phạm trong lúc ban sơ.

---

(1) Hẳn thật binh mả tại xứ có lập trước nhằm mồng một avril và ngày 15 octobre 1860; nó kể là lính kị tagal (má-ní ngựa) tình nguyện tại chòm cù-lao Philippines hoặc bắt trong đạo binh bá chiếm. Còn ngựa thì mua tại cửa Manille, cửa Batavia và bên nước Nhựt-Bổn. Quan thủy sư hiệp các tốp binh kị dùng trong xứ vô một đạo mà làm ra cơ *escadron de spahis de Cochinchine*.

LÊ-PHỤNG DẤY LOẠN
TẠI BẮC-KỲ

Chuyện người có đạo nầy, tên Pierre Lê-Bảo-Phụng, là một chuyện ít rỏ hơn hết, ông ấy nói mình là con cháu vua Lê lớp trước và quyết chắc rằng có nước Langsa giúp đỡ. Các kẻ làm sách có thuật lại một ít điều về sự ông ấy dậy giặc tại Bắc mà thôi, song cả thảy đều nói nhà nước langsa chẳng có giúp tài vật hay là xúi giục bao giờ. Ta không dám quả quyết như vậy. Bởi sự đánh phá đất Bắc đó đại ích cho chính vì chuyện chúng ta lắm, nó hưng khởi phải thì quá, cho nên tự nhiên mới có lời tục ngữ: *người kia làm, mà ai hưởng việc làm đó*. Biết quan thủy sư Charner trước có hứa giúp chăng, rồi tới ngày thì ông Lê-Phụng không đặng quan thủy sư Bonard sự chi hết? Bao nhiêu điều ấy có khi bền chí tra xét mới ra lẻ. Trong lúc chờ đợi như vậy, thì đặng cách nào hay cách nấy, ta cũng xin biên ra một ít điều làm gốc, thật không chắc trúng lại ý ta tưởng chẳng được chắc chắn bao nhiêu, mà nhưng vậy nó đó là mấy điều chỉ dẫn trước hết để về sự tìm kiếm ngày sau có khi ra lẻ thật thể nào.

Sử ký đã cho chúng ta biết đứng quân vương qui thứ trong dòng cựu là vua Lê-Chiêu-Thống, người thăng hà tại Bắc-Kinh trong năm 1793 với hoàng tử người (1).

---

(1) «Tháng 5 năm 1791 (ta viết 1793 theo sách *Synchronismes chinois* của thầy giảng Tchang làm) thì hoàng tử (vua Lê-Chiêu-Thống) tạ thế, cũng nội năm đó, nhằm ngày 16 tháng 10, thì chính vì vua băng, bởi rầu rỉ và có bệnh, song trước khi chết người có nhóm các kẻ bị giam cầm với người lại và biểu hứa sau đem tử thi người về nước An-Nam.» (Trương-Vĩnh-Ký, sách *Cours d'Histoire annamite*).—«Qua năm 1803,

Biết người có đứa con nào nữa, hay là hoàng tử nầy không có chết như lời ông Pétrus Ký nói? Đó là câu hỏi trước hết phải dẫn giải, vả chăng trong sách *Notes sur la Nation annamite* của ông Legrand de la Liraye làm, thấy người có viết mấy hàng nầy mà nói phân biệt: « Nếu có thật vua nhà Lê ở trong rừng ngồi thất tượng có đai vàng mà đi ra, là con hảy còn ở lối ngả vô Bắc-Ninh với Kẻ-Chợ mà chờ người trở về, thì các quan lúc nầy, đang phiền rầu, sẻ ra sức kiếm cách mà chứng rằng chẳng phải là người. » Phần ông L. de Grammont lại chép ra như vầy : « Thái tử (vua Lê-Chiêu-Thống) trở về Bắc với cả cung quyến người nhằm năm 1825, rồi cách ít lâu người qua đời. Còn ông hoàng Lê làm đầu cuộc dấy loạn lúc nầy tại đất Bắc-Kỳ, thì xưng mình là thân thuộc với thái tử ấy ». Thầy cả A. Launay lại nói trong sách *Histoire ancienne et moderne de l'Annam* rằng: « Cựu vương nước An-Nam có để lại hai ông hoàng đệ. Một người chết tại thành Tuyên-Quang, người nọ thì vô núi tị nạn và có đánh thử lại với quân tây-sơn mà không thắng đặng trận nào. Đó là tổ phụ mấy vị xưng mình là dòng Lê, lâu lâu trình diện tại đất Bắc-Kỳ và đe hại nhà Nguyễn.»

Lấy theo các lời giải nầy, ta có phép mà đoán rằng ông Lê-Phụng có quá thì là cháu hay chắc vua Lê-Chiêu-Thống mà thôi. Nhựt báo *Le Catholique des Philippines* nói người ta nuôi dưởng ông ấy tại nhà kia thuộc về hội giảng đạo lập nơi hòn Poulo-Pinang. Theo ý ta tưởng rằng, gốc ông ấy có đạo xem ra gần chẳng phải chút nào là con vua cháu chúa.

---

người ta có làm y theo lời sở ước vua Lê khi gần yến giá, nên nay hài cốt người mới an táng đặng nơi đất nước ông bà.» (A. Launay).

Khi lấy đặng Cữa-Hàn, người ở tại trại binh langsa-espagnol, song trong lòng bôn chôn, có lẻ muốn làm gấp việc, nên viết thơ cho các bạn hữu mình ở Bắc mà nói rằng người langsa hòng giúp những sự mình trông cậy. « Mấy mưu chước đó có cáo báo cho quan thủy sư hay, còn ông Phụng thì trốn mất đặng lánh cho khỏi bị các chuyện xảy đến bởi mình vụng lo mà ra. »(Vial). Ông Phụng trẩy qua Hương-Cảng, ở đó chắc có khi nhà nước anglais coi chừng người.

Ông ấy có thông đồng với quan thủy sư Charner chăng? Có chuyện chi đã hứa trước không? Mấy điều nầy có lẻ có, lại càng có lẻ hơn nữa, là bởi cuộc đánh phá tại đất Bắc hưng khởi phải thì đặng tính xong cho chính vì sự thể chúng ta. Dầu thể nào, thấy ông Lê-Phụng cũng trình diện thình linh tại Bắc-Kỳ; theo lời hai ông De Grammont với Vial thì nói là lối đầu năm 1862, theo ông A. Launay thời lại trong năm 1861 (sự khác năm đó rất hữu ích mà giải ra cho rỏ, bởi vì năm 1861 có lẻ cho ai nấy tưởng đặng là năm tính toán với quan chưởng thủy Charner). Loạn lạc kíp mau dẫy tràn ra cả thể; nội trong vài tuần lể, ông Phụng chiêu đặng cho mình một hội quan quân giỏi để lập đạo binh; nên cách ít lâu người làm đầu có hơn 20.000 binh, lại mấy lần giáp trận người đánh thắng quân sỉ nhà vương có ông Nguyễn-Định-Tản, là nhạc phụ đức hoàng đế Tự-Đức, thống lảnh. Tại Bắc-Kỳ cũng như tại Nam-Kỳ vậy, là các quan an-nam giết vô số con dân có đạo đặng mà báo thù về mấy lúc mình bại tích.

Trong mấy tháng đầu năm 1862, ông Lê-Phụng làm chúa tể đặng gần trọn cả miền Bắc-Kỳ phía đông. Sự thể như vậy cho người có phương mà sai một bộ sứ vô Sài-Gòn. Người xin quan thủy sư Bonard

cứu giúp đặng hạ nhà Nguyễn, và hứa chịu để cho người langsa bảo hộ. Lời ông Phụng xin bị bát đi, còn tờ giao ước lập nhằm mồng 5 juin 1862 — ta cũng gần nói tới nó — thì để cho đức hoàng đế Tự-Đức đặng thong thả mà tính việc người, nên cho người có thế mà đam cả quân sĩ mình ra Bắc.

Ở đây có một điều phải biết, là lúc nào ông Lê-Phụng mở chuyện tính toán với quan thủy sư Bonard. Như nó nhằm lối ngày triều đình Huế bày việc cầu hoà, thời sự quan thủy sư bất khẳng đó đã minh giải. Trong mấy cuộc điều binh theo cách chúng ta đã thi hành, thời việc quốc chánh theo lương tâm khôn dùng đặng. Vả chăng, đáng chỉ ra cho ai nấy rỏ, trong thơ quyết (gởi nhằm mồng 6 mars 1863) nói về sự không hộ giao tờ ước, thì quan thủy sư Bonard có hăm « giúp chúng loạn tặc Bắc-Kỳ ».

Ông Nguyễn-Tri-Phương thống lảnh binh sỉ nhà vương tại Bắc, người tiếp đánh luôn khi thắng khi bại cho tới năm 1865. Ông A. Launay nói rằng : « Sau hết, vị tranh quờn bị thất nhiều trận cùng ở đặng tại tỉnh Quảng-Yên mà thôi ; vậy người mới quyết lòng liều mình làm thữ, người đam các binh tàn xuống thuyền có ý vô Huế mà vây, là đế kinh nước An-Nam cùng là chỗ vua đóng đô, người trông cậy rằng, như được việc, thì hết giặc tức thì. Song hải đạo bị bảo hũy tan, chính vì bồn thân người lại bị giặc bắt mà giết đi. »

Có vài vị tiếc cho nước Langsa sao không xen vào mà gián vụ dấy loạn tại đất Bắc. Song biết chúng ta có lý đặng mà dự vô chăng ? Khi xem trọn chuyện nầy, có khi chúng ta đã xét thấy lúc đó quân sĩ chúng ta không đông đủ mà chiếm xứ Nam-Kỳ, khó ở cho an đặng trong mấy tỉnh đả soán, lại sự thể đơn sơ đả làm, trọn sáu tháng đầu trong năm 1862, cho nhiều

người ra lo sợ. Vậy các quan thủy sư không có thể mà rút bớt binh trong đạo sai đi đánh. Còn bên chánh quốc, thường phải hỏi phải xin, chắc khi đó có hỏi, song không chịu mở phần đất chúng ta đã chiếm cứ ra cho rộng hơn chút nào ; cũng có nhiều người lại muốn cho cả và binh sĩ langsa rút về nữa. Vì bốn năm giặc giả cùng sự thể gay trở, xem dường bất thành, đã làm cho nguòi ngoại các sự vui mừng. Chẳng có cuộc chiếm xứ địa hạt nào mà bắt lưởng lự, cải lẻ với nhau nhiều hơn là cuộc đó, lại như chúng ta ở lại đây, thì trào đình Huế nói đặng chắc là tại chính vì lỗi mình mà ra ; sự họ vô tình, kiêu ngạo, thất ngôn, đó là mấy cớ thiệt làm cho chúng ta đến lập giang sơn cơ nghiệp tại nước Đại-Nam nầy.

Có lẻ quan thủy sư Charner lấy đặng vụ ông Phụng dấy loạn làm ưng ý lắm, cùng hứa một ít điều lấy có nữa, còn dự vào cho thiệt tình, thời có khi người không có ý dốc quyết hay là có quyền phép hơn là lúc trước người cũng chẳng có ý mà xen vô cuộc nhà vương nước Cao-Man tranh đấu với nhau. Cách người trị nước là để làm sao tự ý, song dòm hành cẩn thận các sự xảy tới, lại khi nào cần kíp quá sức hay là có điều thạnh lợi rỏ ràng, thì người mới dự đến mà thôi. Quan thủy sư Bonard không có buộc mình túy theo cách ăn ở quan Charner tiền nhậm chút nào, nên người rảnh lo. Ất thật, giặc ông Phụng giúp người nhiều, vì nó làm cho triều đình Huế phải tính toán, song bề quan thủy sư khó, có lẻ tại lời bên bộ truyền dụ mà ra, song dầu cách nào chắc tại mấy điều đức vua Tự-Đức chịu trước làm cho người đừng tưởng tới sự dự vô chuyện Bắc-Kỳ. Bề lương tâm có lẻ bị mất danh tiếng một chút, song bề đồ cuộc đã cứu khỏi.

Thuở đó quân sĩ langsa chẳng khi nào mà ở cho đặng trong cả và xứ. Đến sau có làm thử mới rỏ. Nước Langsa lúc ấy phải lo về sự thạnh lợi minh hơn hết thảy mọi chuyện. Còn muốn cứu một nước nào, thường phải cứu nước minh trước dã. Vả chăng đó là phương thế chắc chắn hơn hết đặng sau tới cứu giúp nước khác. Trong chuyện nầy, chẳng phải bên quan thủy sư Bonard quấy, song thật là nơi ông Lê-Phụng mà thôi, vì lúc sơ khởi người không lo phương thế cho mạnh mẻ vừa đủ mà làm nên việc, một tin tưởng nước Langsa sẻ giản hòa, là sự hoặc đặng hoặc không. Chuyện người tính làm đó có viên thành là tại chiến thắng mà thôi. Muốn cho nhà nước langsa giúp, người phải đi vô Huế mà làm như vậy cho quyền phép nhà Nguyễn ra tranh giành được ; bởi khi đó nhà nước langsa muốn tính toán, nên cần biết cho chắc phải với ai. Ông Phụng đã không làm như vậy, người lại ở Bắc-Kỳ cùng chịu cho người ta đánh minh. Cách ăn ở quan thủy sư trúng lẽ và tùy theo bề ích lợi hai nước đang hữu sự, là : Đại-Nam, Đại-Pháp.

Người ta hỏi đặng rằng, còn nước Espagnẹ có nhiều điều trượng tại xứ Bắc-Kỳ hơn nước Langsa, vì có mấy hội giảng đạo với một tòa giám mục, vậy nước ấy không lập cơ nghiệp ngoài đó đặng sao? Thật thì đặng chúc, song nước ấy phải cho có tiền bạc và binh gia là sự thuở ấy nó không có cho sẵn. Lúc đó chẳng thiếu chi lòng ao ước, song có khiếm khuyết là phương thế đặng làm cho phỉ tình ao ước đó mà thôi.

LÚC BÌNH AN NĂM 1862.
THÙ TẠC VỚI NƯỚC CAO-MAN. NỒI LOẠN NĂM 1862-1863. LẤY (GÒ-CÔNG LẠI)

Bề ông Lê-Phụng đánh thắng tại Bắc-Kỳ, lúc nhơn dân Trung-Kỳ đang khởi sự đói bởi bị tàu vây, cùng là trí lự vua quan tại Huế nữa, mấy chuyện đó ở tại bộ thuộc chung đều hay biết, nó hoá nên cớ trượng đặng tưởng có lẻ mà làm hoà. Bởi vậy, lối đầu tháng mai 1862, quan thống đốc mới sai chiếc tàu *Forbin* (có ông phó quan năm thủy Simon cai) chạy qua chạy lại trước Sông Huế đặng làm hay là chấp thâu mấy thể lệ về việc cầu hoà. Chiếc corvette vừa đến nơi, thời hai đàng đã khởi sự bàn tính ; tàu nầy trở về Sài-Gòn mà trả lời, thật thiếu lẻ, song có vừa đủ sự ao ước tính toán, nên quan thủy sư mới sai ông phó quan năm Simon trở ra mà đem mấy điều buộc tiên dẫn nầy: 1° nội trong 3 ngày phải đóng trước 100.000 quan tiền bằng bạc nén ; 2° trong 8 ngày phải sai sứ toàn quyền đến tại phần đất nước Langsa đã chiếm mà tính toán.

Đó thật là thơ quyết. Triều đình an-nam chịu. Bạc đóng tất, lại qua ngày thứ ba chiếc corvette *Hải-Hạc* của nước An-Nam kéo cờ mà ra khỏi Sông Huế, có chở hai quan sứ Phan-Thanh-Giảng với Lâm-Duy-Hiệp. Chiếc *Forbin* liền trao dây đỏi cho nó mà dắc về Sài-Gòn cho tới ngày 26 mai mới đến nơi. Tức thì hai bên liền khởi sự tính toán, sau xong xuôi hết ; qua mồng 5 juin, hai đàng có kí tên vào tờ ước buộc trong sáu tháng phải hộ giao.

Theo tờ ước đó, nước Langsa với nước Espagne lảnh tiền bồi thường về giặc giả chung cùng nhau là

bốn triệu nguyên bạc, giao trả bằng bạc nén trong mười năm, mỗi năm là một kì; các hải môn Cửa-Hàn, Ba-Lác với Quảng-An phải mở ra cho nhơn dân hai nước tới lui buôn bán; nước Langsa giữ lại cho mình ba tỉnh Sài-Gòn, Biên-Hoà với Mỹ-Tho, cùng là hòn Còn-Nòn nữa; song như khi nào đức hoàng đế Đại-Nam dẹp xong loạn lạc lúc đó hảy còn đang nhiều hại tại một ít nơi trong đất chiếm cứ, thời phải giao thành Vĩnh-Long lại liền.

Ngày 15 juin, quan thủy sư sai quan tán lý người, là ông phó quan năm thủy tước tử De Lavaissière dé Lavergne, đi chiếc *Européen* về dâng tờ ước cho đức hoàng đế Napoléon y phê. Phần ông quan năm Palanca, người lại sai ông quan tư bộ Olabe, là tán lý người, đi chiếc *Echo* (thuộc về ông phó quan năm thủy Ganteaume quản đốc) đặng về với đức hoàng hậu nước Espagne mà làm một việc cũng y như vậy. Cuộc tách với coi dường mau mắng, song rủi ông phó quan năm thủy De Lavaissière dạy đi đường tắc — là đường có vài chiếc tàu đò anglais mới khởi sự dùng — người phải lúc sóng gió và chịu các chuyện gay trở, nên chậm trễ nhiều ngày mới qua tới cửa Aden, khi vừa đến đó, người bị huyết vựng mà bỏ mình. Nên ông phó quan năm Ganteaume phải đam tờ ước về nước Langsa. Người đậu tàu tại cửa Suez trong ngày 12 août, rồi đi xe lửa qua hải khẩu Alexandrie mà xuống chiếc *Canada* (thuộc về chúa tàu Rostang), sau về tới cửa Toulon nhằm ngày 22 août; đường đi tính đả 70 ngày. Qua 24 août, người vào trại để tập binh tại Châlons với ông quan tư Olabe đặng dâng tờ ước Sài-Gòn cho đức hoàng đế ngự lảm.

Ông De Grammont nói rằng: ông phó quan năm Ganteaume lãnh tờ ước đã y phê mà trở qua và tới

tại Nam-Kỳ trong lúc tháng novembre 1862. Theo lời ông Vial nói, thời «ông Tricault, làm quan năm thủy cũng là tán lý quan thủy bộ thượng thơ, đem tờ ước có đức hoàng đế ký tên qua xứ Nam-Kỳ; quan thủy sư De la Grandière cũng đi một chuyến tàu đó mà lại dặng quyền thế cho quan thủy sư Bonard, bởi người xin về nghĩ ít tháng, vì đã chịu mỏi mệt quá đổi.» Ông Vial không biên ra là ngày nào, song theo chánh văn sách người, có lẽ định ông De la Grandière tới lối đầu tháng mars 1863, đó là một lời nói khác không ăn rập với sự ông De Grammont đã kê khai như vậy: « Quan thủy sư De la Grandière xuất hành tại Paris nhằm bữa 19 février (sự như vậy làm cho định chắc rằng người qua tới Sài-Gòn lối 26 mars), người lãnh quyền nhíp mà lo các việc trong xứ địa hạt kể từ mồng một avril cùng trong lúc quan thống lãnh khiếm diện. »

Mồng 6 mars 1863, chiếc *Forbin* chạy ra Cửa-Hàn dặng cho triều đình Huế hay chừng một tháng nữa các quan toàn quyền sẻ đến, có đam tờ ước đã phê, lại «de trước như không chịu, thời sẻ khởi binh đánh lại mà chiếm đoạt ba tỉnh phía tây và giúp loạn tặc tại Bắc.» (Vial). Lời buộc sau hết nầy đắc sách, nên qua ngày 14 avril 1863, hai dàng đổi tờ ước đã phê ưng cho nhau tại Huế (thượng dụ ngày 15 juillet 1863 dạy in tờ ước đó ra cho ai nấy biết). Sau ta sẻ thuật lại sự hộ giao nầy, song trước hết nên nói về các chuyện biến đã xảy ra kể từ khi kí tên tờ ước cho tới ngày đổi tờ đã y phê, vì mấy chuyện đó sẽ dẫn giải cách nhà nước an-nam tri huởn châu phê tờ ước thể nào, như phải thiệt rằng trong đó có sự chậm trễ.

Hẳn thật, ví bằng không đổi tờ dặng, thời sự phê ưng nào có ích chi đâu. Nước Đại-Nam chẳng cần

chi mà lo cho gấp hơn nước Langsa, còn lúc đó quan thống đốc không đường điển khí thông tin với Tây phương (1), nên người có phép nài buộc là kể từ ngày người biết đức hoàng đế Napoléon III đã y phê mà thôi, nghĩa là ngày tờ ước phê ưng qua tới Sài-Gòn. Nếu chuyện ông Vial thuật lại đó mà quả y như vậy, thì thiệt không có chi gọi là trễ nải, còn ông De Grammont lại nói khác nữa. Dầu cách nào, thì cũng có một điều thật có, là người an-nam đã đợi cho tới cùng.

Vì sao vậy? Bởi chưng triều đình Huế chẳng muốn tờ giao ước đó là cái mình túng thế quá phải chịu mà thôi. Bữa sau là mồng 5 juin 1862, quan thủy sư Bonard dạy rao truyền cho hết thảy các người đầu đảng dậy loạn biết tờ giao hoà đã châu phê rồi, nên bây giờ họ phải tùng phục: song chẳng có một ai chịu cổi khí giái mình. Thật đức vua Tự-Đức cùng các quan thượng có truyền dạy chúng loạn tặc phải vâng cứ. Song mấy đấng đó có muốn cho thiên hạ cung phụng lời mình không? Khi ông Phan-Thanh-Giãng với ông Lâm-Duy-Hiệp kí tên xong, liền dời ra khỏi Sài-Gòn dặng đam tờ ước về Huế, thời triều lại sai ông Giãng vào lảnh quyền thống đốc Vĩnh-Long (người ở tại làng Long-Phụng (2), tọa lạc ngay trước thành, bên mé hữu Sông Long-Hồ), còn ông Hiệp thì làm tổng đốc tỉnh Bình-Thuận. Cả hai có ra sức mà làm cho bình an lại. Mà biết có thật tình chăng? Người ta có lẽ hồ nghi, bởi vì phần việc hai ông ấy phụng lảnh là huởn đải

---

(1) Các chuyện diển báo thông tin trước hết từ tại phương Tây mà qua xứ Thiên-Trúc kể từ năm 1869.

(2) Năm 1887, mấy làng Long-Phụng, Thanh-Mỹ-Đông, Mỹ-Thới với Mỹ-Tương đều sáp nhập lại mà làm ra làng Thiềng-Đức kim thời.

mọi chuyện mà chờ thời, châu truyền cho các chánh đảng làm ngụy bỏ binh khí, song để cho họ làm sao tự ý cùng giục họ dấy loạn nữa. Ông Phan-Thanh-Giảng là người minh mẫn, trí hoá cao sâu, tâm trung thuần hậu, người hiểu biết tranh chiến vô ích, nên có lẻ muốn cho an hoà thật tình, song nước người không muốn như vậy? Người có nài xin quan thủy sư đừng giục tốc sự gì, hứa rằng mình sẽ làm cho chúng loạn tặc qui thuận.

Quan thủy sư nghe mấy lời hứa thể ấy hạp với điều mình ao ước, thì người tin để làm sao tự ý, lo sửa sang và làm công việc chung trong xứ. Có phỏng khai một cái kinh chạy vòng phía sau chùa Cây-Mai để mà nối rạch Arroyo-Chinois với rạch Thị-Nghè. Người ta khởi sự đào nó trong tháng novembre — song không tất thành bao giờ. Kinh đó dụng làm đường đi cùng đường cho mấy chiếc canonnière để tuần, còn đất đào ném vô phía trong có ý đặng làm vách thành lớn dài để ngăn đỡ (chừng 6 ngàn thước bề trường), song không dùng nó được. Việc ấy xem ra làm không có dọ mặt đất trước, chẳng xem xét cuộc nước lớn nước ròng, không tính toán hẳn hòi chút nào, bằng chẳng làm sao mà giải cho ra đặng sự vô dụng kinh ấy? Chính vì trong thành cũng có đào vài cái kinh khác đặng làm cho dất ra thanh khí và cho dễ chở chuyên, nó có ích tạm đỡ mà thôi, vì đến sau người ta phải lấp nó đi. Trong các chuyện nầy người ta dùng chừng bốn muôn tên dân đặng mà cứu giúp họ cho qua thì cơ cần đang khởi sự nhiều hại.

Phép xử đoán cũng là một điều quan thủy sư lo lắng. Ông quan năm Aubaret mới diễn cuốn luật an-nam

ra chữ langsa, người lấy đó mà dùng cho xứng hạp với luật lệ và phong tục chúng ta. Song sự sắp đặt cuộc hình chánh là một chuyện tạo lập chưa viên thành, khôn đặng tuyệt hảo hảy còn lâu ngày, trong việc đó (kể từ khi bỏ mấy quan quản đốc langsa), thì sự phân đoán gần đề trọn cho các viên quan bổn quốc, song nhơn dân đặng phép kêu nài các quan đốc lý bổn quốc sự vụ, bởi mấy ông nầy lo xử việc hình mà thôi.

Tại nước Cao-Man, sự thể hảy còn lương khương. Đã mấy năm xứ ấy mắc phải hoặc nước Xiêm, hoặc nước An-Nam luân phiên nhau mà bắt phục quyền mình và cai trị. Đang khi Sài-Gòn bị người an-nam đánh dồn tới trong năm 1860, thì triều Bangkok có báo tin cho hay rằng mình hòng sai một đạo binh đến tiếp cứu chúng ta, song chẳng hề thấy đạo binh đó bao giờ. Về chuyện khác, người xiêm lại quá hơn người an-nam nữa, là họ cảng trở ông De Montigny (1857) trong sự thù tạc với vua An-Đuông, vậy nước Langsa không mắc họ ơn chi hết. Sau lại, người an-nam, ít thiết nghĩa với dân xiêm, khi thấy nước Cao-Man thoát khỏi tay mình, thì vội vả trao quyền mình đặng trong nước ấy lại cho chúng ta.

Trong tháng septembre, quan thủy sư Bonard nhơn lúc huởn công chuyện, người có đi xuống tại Vĩnh-Long rồi lên Cao-Man. Ông Phan-Thanh-Giảng có tiếp rước người cách trọng hậu và cho người biết rỏ các việc nước ấy. Có phải đó là bởi ghét người xiêm, hay là ông Phan trông tưởng làm cho chúng ta lâm điều rối khác chăng? Có lẻ hai chuyện ấy một lược.

Nhưng vậy sự quả chắc, là vua Norodom—có đức thầy Miche khuyên bảo—cùng quan tướng xiêm để

gần người đều thết đải quan thủy sư cách tử tế lắm, hai đấng ấy đều tưởng rằng minh được việc. Ông Bonard biết minh đặng quờn phận xử và làm chủ sự thể. Người tị không dự tới, cứ việc đi luôn cho đến cựu chỉ đền đế Thiên đế Thích.

Khi quan thống đốc trở về Sài-Gòn, thì người phải biết cuộc mấy người an-nam làm giặc thể nào, nó đã không bớt, lại càng đe làm cho mất sự bình an trong xứ. Người ta biết trước có nhiều chuyện trọng cũng gần biến sanh, lại chắc có lẽ đức vua Tự-Đức trì huởn châu phê tờ ước đặng chờ cơ biến. Triều đình dùng mọi chước mà chữa minh : nói không lẽ nhường đất Gò-Công đặng, vì là chỗ có mồ mã ông bà đức hoàng thái hậu ; không chịu để cho đi thông thương trong Sông Khong ; không chịu quyền quan thủy sư trong vụ lập tờ giao ước v. v. Khi tờ ước espagnol y phê lại tới, thì ông Phan-Thanh-Giảng trần tỏ rằng, phải ít nữa là một năm đặng sắp đặt các chuyện cần kíp cho triều đình Huế châu phê tờ giao.

Chước léo quanh quẹo như vậy làm cho quan thống đốc lo áy náy. Trên nước Cao-Man nữa cũng có chuyện rối rắm sẵn sàng. Ông Ang-Sor, đầu mục cao-man, trước có nông sức dự vô trong chuyện phiến biến lúc vua An-Đuông qua đời, nay người phải phe vua Norodom đuổi theo đánh bắt, nên đến tại phần đất chúng ta mà tị nạn. Người xiêm xin nhà nước langsa bắt giao lại cho minh ; quan thủy sư có trả lời rỏ ràng không chịu.

Mấy kẻ cướp phá và chúng loạn tặc càng ngày càng tỏ minh dạn dĩ, cùng làm dữ hơn trước. Đặng cho ông quản Định để tung hoành, vì người bị ông quan ba thủy Guys đi chiếc canonnière *Alarme* ở

xa xa coi chừng coi đồi, thì có một ông cai tổng kia ở tại Bình-Thuận đánh phá làm cho chúng ta đồi ý và hủy tan một ít làng tại giáp giái phía đông.

Nhưng vậy, nhà nước an-nam lại trả nữa phần tiền năm đầu về sự bồi thường cuộc giặc giả, nghĩa là 200.000 đồng bạc, người ta phải ra tại Phan-Ri mà lấy (nhằm mồng 2 septembre 1862). Người ta cũng còn tưởng đặng nhà nước an-nam thật lòng. Song các việc gần tiếp sanh, các chuyện biến hỏng tua đến dồn dập cùng làm cho chúng ta chịu cơn tao loạn chung trong cả và xứ. Sau Mỹ-Tho, Biên-Hoà, Bà-Rịa, Vỉnh-Long, hết thảy mấy chỗ sanh sự kình chống nầy đều bị chinh phạt lần lần, thì có một nơi nghịch khác mới lập ra tại phần đất đã nhường, là Gò-Công.

Bởi lúc sơ khởi không có sức mà dẹp chuyện dấy động nầy cho yên, nên nó mới được thế mà tràn ra trong miền Gò-Công và hoá nên một chỗ nghịch hung cường, nó gần làm cho hết thảy thiên hạ ra kinh tâm phả đảm.

Ý quan thống đốc thật là muốn cho dứt chuyện với miền Gò-Công đó cùng với ông quản Định là tay bất phục, song người biết mình không đủ sức, nên mới vừa qua tháng octobre, thấy người đã xin chánh quốc gởi qua hai cơ bataillon lính bộ thuộc thủy; song loạn lạc khởi trước khi binh qua (vì có một bataillon độ lên Sài-Gòn lối đầu tháng janvier 1863, còn bataillon kia thì qua tháng février mới tới mà thôi), nên người phải dụng quân sỉ người có lúc đó mà chống cự đặng chờ binh tiếp.

Bữa mồng 6 décembre 1862, chiếc lorcha đậu trong sông Bến-Lức, phía dưới Tây-Ninh, bị nhiều chiếc thuyền có trí binh khí đến đánh; bạn tàu kể đặng một ít người với năm tên lính bộ thuộc thủy

có chống trả cách mạnh mẻ lắm, giết đặng vài mươi người bên tiên chiến, nên họ bỏ lại ba chiếc ghe mà lui đi mất. Ông quan hai quản đốc chiếc lorcha bị thương.

Ngày 12 décembre, có một cái tờ ngoài Huế gởi vô, đề ngày mồng 2 novembre, rốt việc nó mới cho ai nấy rỏ chuyện quốc chánh người an-nam thể nào. Tờ ấy có một ông quan kia chức nhỏ đem nó vào, rồi mau mau trở về không đợi phúc thơ. Triều đình an-nam đòi tam tỉnh lại.

Ngày 17, lối 4 giờ sáng, có 600 người an-nam tới đánh thình lình cơ compagnie lính bộ thuộc thủy ở giữ đồn Rạch-Tra. Khi ấy họ đã bắt đặng thang tre mà leo qua vách đồn. Ông quan ba Thouroude với tên lính bộ Vidal liều mình chịu chết cách gan đởm mà chạy tới đánh họ ; hai bên xáp giết nhau đặng một hồi, kế bên an-nam bị rượt ra khỏi vòng đồn. Nội ngày ấy, hai chiếc lorcha đậu tại Bến-Lức phải bắn đạn tạp nạp mà đuổi nhiều người đến đánh; chuyến nầy có ông Trực, là người đốt chiếc *Espérance*, dẫn mấy tay làm loạn. Cũng trong bữa đó, binh kị đi thám phía Long-Thanh có gặp và đánh đuổi một đạo quân ngụy tính ngăn cảng chúng ta không cho thông với Bà-Rịa. Tại Phước-Thọ, có một phần hờ kia đặng 50 lính bộ với vài tên mã kị bị chừng một ngàn người an-nam vây ; phần hờ đó có nghinh chiến, sau hết đuổi đặng nhờ có binh espagnol đến tiếp cứu. Chính vì Bà-Rịa nữa, Tây-Ninh với bến tàu đậu tại vàm Rạch Gò-Công đều bị gần mỗi ngày mỗi đánh, còn ông quản Định nay trở lại khiêu-chiến trước.

Ngày 18 décembre, có một chuyện trọng hơn nữa. Là trong đêm đó phần hờ Thuộc-Nhiêu, ở lối giữa Cây-Lậy và Mỹ-Tho, đặng 50 người ở thủ (ông quan

ba Taboulé), bị chừng 1.200 quân ngụy đến đánh. Đặng một hồi, thì hai đàng xáp lộn với nhau, binh cố thủ gan đảm và tỉnh tâm đáng khen, «họ giết chết tại trận 217 mạng, còn người an-nam hăng quá sức chẳng có khi nào như vậy, xem ra họ có thề lòng quyết đuổi chúng ta ra khỏi Thuộc-Nhiêu, hay là bỏ thây tại đó mà thôi.» (De Grammont). Thầy đội Ragot thiệt anh hùng, thấy có một vị súng đồng bắn lắm cho binh cố thủ thất thế, nên chạy tới giết chết hai tên bắn nó, rồi vác nó lên vai mà đam vô chùa, là chỗ có mấy tên lính của người.

Loạn lạc tràn tới gần Sài-Gòn. Có một ít bọn sắm sửa toan đánh lấy đồn Cá-Trê, kế họ bị tổng Thế chặn tại Rạch Bàn. Từ ngày chiếm cứ cho tới khi ấy, chẳng có lúc nào mà người an-nam tỏ sự hưng tâm như vậy. Các chuyện nầy làm cho họ chết gần 2.000 người, mà binh langsa không hao là bao nhiêu. Nhưng vậy, dầu cho thắng tạm mặc lòng, thì cũng phải rán sức quá đổi; nếu chịu một lần thứ hai như thế thì chẳng phải là khôn ngoan. Nên rất cần cho có binh tiếp tức thời.

Khi ấy quan thủy sư Bonard mới nhựt định xin binh viện ở tại bến tàu bên Trung-Quốc và bên chòm cù-lao Philippines. Quan thủy sư Jaurès nghe theo mà đem qua một cơ bataillon binh bộ phương Afrique ở thú tại Thượng-Hải với một phần trong cơ bataillon binh tirailleur algérien; rồi người bắt chiếc *Sémiramis* với chiếc *Renommée* đi qua cửa Manille mà chở 800 người, thuộc về cơ régiment thứ năm lính tagal, của ông phó quan năm bộ Moscoso quản lãnh.

Trong lúc đó cứ tiếp dấy động luôn. Mồng 6 janvier 1863, có một chiếc lorcha kia bị đánh ban ngày. Sự thể tại miền Bà-Rịa, là chỗ ông quan tư bộ Coquet cai

quản, coi vọi muốn trở ra như sự thể tại Gò-Công. Dầu vậy, binh viện đã đến gần đủ. Mồng 7 février, quan thủy sư có tư tờ châu tri sau rốt cho các người làm giặc, phương thế đó trúng lẻ; qua ngày 11 février, người ta ra giá thủ cấp mấy đầu đảng dấy loạn, cách ấy bất nhơn và vô ích, bắt chước an-nam. Người ta đã trách họ về sự dùng cách đó, vậy sao còn bắt chước làm chi ?...

Lối giữa tháng février, hết thảy quân sĩ đều qui lại đủ số. Ngày 16, quan thủy sư xuống miền Gò-Công, người ở đó đặng sắp dặt các chuyện cần kíp mà đánh. Bữa 25, có một đạo colonne doạt lấy làng Đông-Sơn cùng các hào lủy tại làng Vĩnh-Lợi. Trong đêm đó, quan thủy sư ở tàu *Ondine* mà ra hiệu lịnh, thời hết thảy binh sĩ đều độ lên bờ có quan tướng Chaumont và ông quan năm Palanca làm đầu. Tấn binh hảm đánh các chỗ thế quân nghịch cách mạnh mẻ lắm. Khi người an-nam thấy mấy đạo colonne kéo chấu tới, thì họ liệng áo lính quần lính, khí giới, bỏ lại hết mà chạy trốn tứ hướng. Nên nói đặng dường như chẳng có cự địch lại chút nào. Quan thủy sư Jaurès có cho vây giữ các đàng nước ; dầu cẩn thận thể ấy, thì cũng có một phần nhiều ngụy đảng thoát khỏi, lại trong đám đó có ông quản Định.

Đây ta xin nhắc lại mà khen cách ăn ở cơ bataillon thứ nhứt lính bổn quốc. Sự họ trung tín, giỏi giắn, không hề khi nào mà ai chối cải, nên cách ít lâu quan thủy sư De la Grandière mới cho họ một cây cờ có đề hiệu bằng chử tàu với chử langsa như vậy : *Nam-Kỳ langsa, bataillon thứ nhứt lính bổn quốc, Chí-Hoà, Mỹ-Tho, Bà-Rịa, Phước-Lộc, Gò-Công.*

Khi lấy Gò-Công lại rồi thì khắp nơi mau binh yên

như trước. Đặng làm cho mấy kẻ bất bình hết ao ước khuấy rối lại nữa, thời có ra điều luật nhặt nhiệm lắm : 1° Xử tử các chánh đảng dấy loạn và tịch phong gia tài. 2° Thâu trọn thuế đã thiếu về năm 1862. 3° Nộp các thứ hung khí. 4° Buộc công xâu chung trong nhơn dân đặng làm đường và phá đồn lũy. 5° Bắt mấy người thanh khách ở Gò-Công phải trả một phần tiền về sự hao tốn vụ giặc giả.

Hết thảy các việc hành binh cùng hết thảy các lúc loạn tặc đánh phá đó không ngăn trở đặng quan thống đốc về sự tiếp lo sửa sang trong xứ. Vì lời nghị ngày mồng 7 janvier 1863, người bày ra các điều cội rễ trong việc trị dân tại địa hạt nầy, là lập hàng quan đốc lý bổn quốc sự vụ (căn nguyên các quan tham biện kim thời), nó có ba hạng. Lúc chúng ta mới dựng cơ nghiệp tại Sài-Gòn, thì sở Thơ tín đã phân riêng ra không còn nhập với sở Thơ tín cùng Ngân khố thuộc về đạo binh Trung-Quốc nửa, song nó không giúp cho khâm như trước về những chuyện thương mãi và nhơn dân cần dùng. Lời nghị ngày 13 janvier (sau có ra lời nghị ngày mồng 2 juin 1863 mà sửa nó lại) dạy tạo lập một sở Thơ tín cho cả và địa hạt, song nó lại ăn thuộc với sở Ngân khố.

Theo hai lời nghị ngày 17 octobre 1861 với ngày 12 août 1862, thì các người thanh khách trong địa hạt được hiệp lại mà làm ra bang. Có một lời nghị khác nhằm mồng 4 février 1863 cho lập thêm ba bang và định phận sự mấy kẻ làm đầu, tương tự như các xả trưởng an-nam.

Quan thủy sư Bonard cũng có lo chuyện dạy chử nhu nữa. Người tái lập cuộc thi cử cho hàng nho sĩ.

Trong ý người tưởng mấy việc sắp đặt đó phải làm cho chúng ta chắc đặng sự dời đổi cần kip về sự thể mà lo qua vụ dạy dỗ theo cách tây. Hại thay cho chuyện ấy, vì người ta không làm tiếp, lại cũng không hiểu ý quan thủy sư nữa, nên lời nghị của người ra bất cứ.

Ba chỗ lập khác được việc hơn, là trường tu séminaire tại Sài-Gòn, nhà phước Saint-Enfance và trường d'Adran, vì chẳng bao lâu thấy có học trò các nơi tuôn đến. Sau hết, người có lo phương thế mà làm cho nhơn dân an-nam được gia viên điền sản minh cho chắc chắn.

Từ khi chúng loạn tặc đảo tán rồi và trong xứ đặng bình an lại, thì mấy toán binh đông không còn cần dùng cho lắm. Nên lính bộ ở Thượng-Hải mà qua cũng hòng cho về, còn binh giao lân với chúng ta, bởi gần hộ giao tờ ước, thì công chuyện họ cũng tất thành nữa. Bữa 31 mars, quan thủy sư Bonard có tặng khen mà từ biệt quân sĩ espagnol và đạo binh langsa. Toán binh espagnol với khí giới, bọn điều hộ và tốp lo việc binh lương đều xuống chiếc *Européen* mà ra khỏi Sài-Gòn nhằm mồng một avril 1863 đặng trở về Manille.

Ông quan năm Palanca cùng một ít quan võ espagnol ở lại mà thôi. Mấy ông ấy phải ra Huế với quan thủy sư Bonard như ta sẽ nói sau nầy.

Bây giờ chúng ta hãy kể lại việc đại khái của quan thủy sư Bonard làm trong lúc người hành chánh: là hộ giao tờ ước tại Huế. Theo lời ông Vial nói rằng, chiếc *Forbin* khai hành nhằm mồng 6 mars, đặng cho hay trước phải y phê tờ ước tức thời. Ngày 15, triều đình xin kì lại một lần sau hết, là một tháng, vì

mắt lo lễ tế nam giao. Nhà nước langsa không chịu, nên qua mồng một avril, chiếc *Forbin* khi ấy đã trở về Sài-Gòn, có rước ông Phan-Thanh-Giảng, ông Lâm-Duy-Hiệp, cùng là ông quan ba thủy Amirault và ông quan hai bộ espagnol Illana lảnh việc theo giữ phương vật của đức hoàng đế Napoléon III với đức hoàng hậu Isabelle II gởi dâng cho đức hoàng đế Tự-Đức. Qua mồng 3 avril, chính vì quan thủy sư Bonard xuống chiếc frégate *Sémiramis, ở* dưới đã có quan thủy sư Jaurès, cơ bataillon lính bộ trở về Thượng-Hải (1) với bộ sứ langsa. Chiếc corvette *Cosmao* chạy hơi, chiếc *Grenada* và chiếc corvette *Circé* ở bên chòm cù-lao Philippines về với bộ sứ espagnol đều đi theo chiếc frégate.

Ngày mồng 5 avril, người ta đậu tại vịnh Cữa-Hàn, cũng nội bữa đó quan thủy sư Jaurès đi thẳng qua Thượng-Hải. Khi người từ giả quan thủy sư Bonard thì người có tỏ ra lòng lo sợ cho quan ấy, lại người ta chắc rằng, lúc trở về tàu, người có nói mình e không còn thấy ông Bonard nữa. Vốn thật, hai quan toàn quyền, mấy quan vỏ hộ tùng với năm mươi lính hộ vệ phải đưa lên Huế, thời không gọi là chi trong tay người an-nam, là kẻ tiền thủ. Chuyện phục binh bữa 18 septembre 1860 nơi đường Bắc-Kinh hãy còn ràng ràng trong trí nhiều người, song cáo báo hậu hoạn thật vô ích, bởi mấy quan toàn quyền có lo khen ngợi cuộc nghinh tiếp mà thôi.

Bữa mồng 6, các quan lên bờ. Mồng 7 thượng kinh, có 300 lính bộ an-nam với 400 quân khiêu phù hộ tống. Mồng 10, hai đạo sứ tới Huế. Khi ra mắt

(1) Lính tirailleur algérien còn ở lại Sài-Gòn, đặng ít lâu mới trở về Đại-Pháp.

các quan theo phép xong rồi, thì trong mấy bữa 13 với 14 avril, hai đàng có hộ giao tờ ước đã y phê. Ngày 15 nhằm ngày ông Lâm-Duy-Hiệp qua đời, thật đáng thương tiếc lắm, người là một vị trong hai quan toàn quyền an-nam. Người bị thiên thời có vài giờ mà bỏ mình. Bữa 16, đức hoàng đế Tự-Đức yết kiến hai bộ sứ.

Chiều ngày 18, các quan sứ lo thanh chuyện mình cung phụng, nên xuống thuyền rồng mà trở ra Cửa-Hàn. Rạng ngày 19, quan quân đều xuống chiếc *Grenada,* rồi cũng nội bữa đó nó lui, sau tới Sài-Gòn nhằm 22 avril.

Khi quan thủy sư Bonard về đến Sài-Gòn, người bèn phú việc hành chánh trong xứ cho quan thủy sư De la Grandière, bởi lao tâm quá đỗi vì việc công và lo ngại cho sự mình cai trị mà ra. Bữa 30 avril, người giã từ các quan tựu tại phòng khách nơi dinh và đam ra mắt các quan đấng thế quyền cho người.

Qua mồng một mai 1863, quan thủy sư Bonard xuống tàu đò hãng Messageries Impériales với ông quan năm Reboul, là tán lý người, ông Buge, là quan ba thủy làm trưởng sử, ông Aubaret, là phó quan năm thủy lãnh chức đốc lý bổn quốc sự vụ và ông quan năm thủy Tricault, trưởng sử quan thủy bộ thượng thơ. « Người trông cậy trở lại Nam-Kỳ đặng tiếp lo cho viên thành chuyện cả thể người đã tính làm; song người không thấy đặng lại xứ địa hạt là nơi người làm quan thống đốc trước hết. Người lâm bịnh kia mau phát nặng, bởi việc làm quá đỗi, mảng rán sức lo lắng luôn luôn, tại thiệt dùng trí sắc ít có quá mực, nên nó làm cho người có vài tháng phải bỏ mình. » (Vial).

QUAN THỦY SƯ DE LA GRANDIÈRE

Sự thể trong xứ. Sai một bộ sứ an-nam qua Paris. — Bảo hộ nước Cao-Man.— Sự thể trong xứ.— Đạo sứ an-nam ở tại Paris cùng khi trở về.— Ông quản Định khuất trần.

SỰ THỂ TRONG XỨ

SAI BỘ SỨ AN-NAM QUA PARIS

Vậy tờ ước lập nhằm ngày mồng 5 juin 1862 đã châu phê hoàn thành. Triều đình Huế y phê nó cách trọng thể lắm, mà nhưng vậy bá quan lại càng ít bằng lòng hơn nữa. Các mưu mật thế thần trước đều dụng lại. Xong chuyện Gò-Công rồi, thời các người làm loạn đã bị phá vỡ tan hết, song có bấy nhiêu đó mà thôi ; tóm lại, họ hao có một ít người. Mà bởi triều đình xúi giục và giúp nữa, nên họ tái lập từ tốp nhỏ nơi giáp cãnh Bình-Thuận, tại mấy miền sình nẩy khó đi nơi cữa Đại Giang và trảng Plaine des Joncs (bưn Tháp-Mười), trong các tỉnh phía tây, sau hết chung quanh địa hạt chúng ta nửa.

Khi sự thể trong xứ phải ra thái bình và chắc ý, thì quan thủy sư De la Grandière, quyền nhíp cho quan thống đốc, lại gặp thế cuộc kia gay trở lạ thường. Ông Phan-Thanh-Giảng ở Huế đã về với các bộ sứ, người trở lại chỗ người trấn nhậm tại tỉnh Vĩnh-Long kể từ ngày 25 avril, mà đợi nhà nước langsa giao thành lại cho người ; ông ấy có làm hết sức mình—ít nữa là bề ngoài— đặng cho bình yên lại, song ông quãn Định siêng sắng hơn, nhơn dân càng kiêng sợ hơn trước, gạt người và làm khác lời người khuyên bão. Chúa đảng ngụy nầy do theo một

thứ binh thơ đồ trận kia, chắc là của chính vì triều đình chỉ vẻ, nên mới phân cách chuyện mình với chuyện các quan; như vậy thì mấy quan nầy có lẻ từ chối người mà không hại chi, bởi đó ông Phan-Thanh-Giảng mới viết đặng thơ cho quan thủy sư mà nói rằng, tên Định đó là một thằng gian trá phải giết quách nó đi, song người quên điều cần nhứt, là: phải dụng thế chi mà bắt ông ấy.

Phần thì bị chúng loạn tặc, phần khác thiên hạ cứ đồn vang rằng chúng ta gần trả lại cho nước Đại-Nam ba tỉnh đả nhường, sau hết lại nghe ngăm đe, khi quận sỉ langsa rút về, thì mấy kẻ nào đả chịu cho chúng cai trị sẻ bị báo thù dữ tợn, nên mấy chuyện ấy làm cho nhơn dân ra lo sợ hơn nữa. Cũng phải nói rằng đức hoàng đế Tự-Đức có tính, khi hộ giao xong tờ ước, sẻ sai một bộ sứ an-nam qua đế kinh Paris, nên sự ấy làm cho ai nấy tưởng sẻ tính toán lại, bằng chẳng thời là xin nhà nước langsa nhường trọn phần đất chúng ta dả chiếm lại cho mình.

Nhưng vậy các điều kể trong tờ ước đều có thi hành. Bữa 25 mai, ông Phan-Thanh-Giảng nhập thành mà ở, là chổ ông quan năm D'Ariès phải vâng mạng giao lại cho người. Đó là một chuyện thắng trận vinh vang bao nhiêu cho quan thượng an-nam, thì cũng bấy nhiêu cho những người bổn thổ nào đã thấy trước rằng các thành bị chiếm sẽ lại soán. Khi ở yên rồi, quan đại thần an-nam và ông quan năm thủy langsa cả hai đều trở lên Sài-Gòn; ông Phan-Thanh-Giảng có cám ơn quan thủy sư De la Grandière, rồi qua mồng 2 juin, người xuống chiếc *Echo* mà trở về Huế đặng thọ lệnh vua truyền dạy thể nào.

Bữa 15 juin 1863, quan cựu tổng đốc Vĩnh-Long, là ông Trương-Văn-Huyền, ở Huế vô tới Sài-Gòn,

đặng đáo nhậm chỗ xưa, song thiên hạ lại càng ít muốn cho người trở lại đó hơn trước. Sánh bề chăn dân theo tình phụ tử và thanh liêm của ông Phan-Thanh-Giảng với cách cai trị vì tư lợi cùng lạm tang của ông Huyền khi mới vừa phó lị, thì người an-nam lấy làm chói nhau quá đỗi.

Mấy chuyện ông Phan-Thanh-Giảng hòng phụng lãnh không chỉ về vụ cai trị tam tỉnh Nam-Kỳ, song là mấy điều đức hoàng đế Đại-Nam cùng các quan đại thần muốn dạy bảo đạo sứ đặng kíp sai qua Đại-Pháp. Đình thần ao ước chuộc ba tỉnh đã nhường lại hết sức, dầu cho phải tốn nặng cách nào cũng chịu, (người ta nói cho tới một trăm triệu góc tư tây, là số cả thể quá cho một xứ không có tu chỉnh cuộc tiền bạc cho thật). Ngoài lý sự quốc chánh và lý sự mạnh mẽ chỉ về vụ chế độ trong gia quốc — vì xứ Nam-Kỳ cũng như một lẫm lúa kia rất yếu cần cho phần nước An-Nam còn dư lại — thì còn có một lý sự khác, thuộc về chuyện tư, nó trọng cho đức hoàng đế Tự-Đức và thích lý người mà thôi, mà nó trọng quá mực, là : mả mồ trong tôn thất người. Bà hoàng thái hậu sinh tại Gò-Công, còn đức thái hoàng thái hậu thời tại Thủ-Đức (tỉnh Gia-Định). Trong hai chỗ đó nhà vương đều có mồ mã. Trong chuyện danh tiếng ròng và thường nầy, thấy có một điều chí thiết hơn ăn nhập với nó, là sự phụng tự tiên nhơn. Dầu người an-nam thuộc về bực nào, cũng đồng tỏ lòng cung kỉnh tận tình những người lớn mình đã khuất trần, họ chẳng hề quên, lại cả và đời hằng giao thông với mấy vong linh ấy ; nên bị ép bỏ mả mồ trong thân đi, thì là một sự làm cho họ thiệt hại quá đỗi, khôn đền bồi lại đặng. Vậy người ta mới dễ mà hiểu chuyện đức

hoàng đế Tự-Đức đã xức thần lực là dưởng bao, đặng cho có lại sự người đã mất bởi lỗi người và lỗi các quan thượng mà ra — ngoại trừ ông Phan-Thanh-Giảng (1) mà thôi.

Bộ sứ kể là một ông chánh sứ Phan-Thanh-Giảng, một ông phó sứ Phạm-Phú-Thứa, một ông bồi sứ Ngụy-Khắc-Đản với một bọn hộ tùng đông, hiệp cọng là 62 vị, hết thảy đều đặng đức vua Tự-Đức ban cho mặc sắc phục mới. Đạo sứ cũng có đam theo 68 bao hay là thùng đồ thượng tiến, một cái kiệu, bốn cây tàng, trong số đó có 24 bao để cho nước Espagne, còn chỉ tồn bao nhiêu cho nước Langsa. Đạo sứ cũng có đam theo, về đồ đạc và của ăn để cho minh dùng, tính riêng đặng 600 thùng hay là bao.

Cuối tháng juin, chiếc *Echo* trở ra Cữa-Hàn đặng rước bộ sứ, qua mồng 4 juillet 1863, các quan xuống tàu *Européen* mà đi qua Đại-Pháp. Ông Rieunier, làm quan ba thủy cùng là trưởng sử quan thống đốc, lãnh đem sứ đi ; lúc trước quan nầy có dự vô cuộc hành quân kể từ ngày lấy đặng Cữa-Hàn, nên người biết nhơn dân và biết đất nước an-nam thể nào. Ta xin để cho các sứ trẩy với, đặng dành lại sau hãy thuật lại mấy việc họ phụng mạng thi hành khi họ về tới Sài-Gòn (nhằm 18 mars 1864).

BẢO HỘ NƯỚC CAO-MAN

Thuở chúng ta sang đến Sài-Gòn, thì nước Cao-Man là chư hầu và phải cống sứ cho người xiêm

---

(1) « Khi giặc dấy ra trong hai nước Langsa với An-Nam, thì có một minh người dám bàn luận việc giao hoà mà thôi, song vô ích. » (Luro).

vả cho người an-nam nữa, song khâm phục gần trọn qùyền Xiêm quốc mà thôi. Có một vị quan lớn kia thay mặc cho triều đình Bangkok đến ở tại thành Ô-Đông mà hành chánh. Qua năm 1810, nước Xiêm soán đoạt hai tỉnh Angkor với Battambang, nói rằng là của vua Ang-Eng lúc trước đã cho mình, mà đáp ơn mình cứu giúp khi vua ấy lên ngôi (1795). Người xiêm đã không phỉ tình về sự chiếm thâu hai tỉnh đó, họ còn choán thêm hai tỉnh Toulé-Repou và Mouley-Prey nữa mà không có điều chi chứng quyền; vã chăng, xem ra họ lại nhứt quyết làm ngang lấy đất thêm mà sáp nhập luôn. Vốn thật, khi trước vua Norodom có nhờ họ mà trở về kinh thành Ô-Đông, song đó không phải là cớ đặng mà bão thủ tải mạng người, là sự cải các quyền phép người và đe lấy lần lần hết thảy mấy tỉnh. Có lẽ vua Norodom muốn cho khỏi người xiêm; có khi người đã tưởng tới nước Langsa, cùng sự bảo hộ ít đòi buộc hơn nhiều, có tiếng nhiều hơn là có thật, song cũng còn phải cho chắc ý, vì nếu sơ sẩy nó sẽ làm cho người mất nước. Nên người phải chờ thời. Người đợi như vậy không phải luống công đâu.

Có lẻ quan thủy sư De la Grandière đã có quan thủy sư Bonard khuyên bảo, lại cũng có khi là tại mấy lời dụ quan tước hầu De Chasseloup-Laubat gởi qua trước (tờ tư nhằm ngày 18 avril 1863), nên lúc mới đáo nhậm, thì người đã tưởng tới sự cho kẻ dọ ý vua nước Cao-Man thể nào và toan lo trước. Có một dịp kia thiệt là tự nhiên xảy tới. Là đức vua Norodom mới cảm mạo se da, lại có một bệnh tề kia phát nhẹ tại Ponhéa-Lu nữa (chỗ đức thầy Miche ở). Quan thủy sư liền vội vả sai quan lương y Hennecart lên Ô-Đông,

quan ấy biết tiếng cao-man, vì có học nó trọn lúc người ở tại Tây-Ninh. Vua mau lành đả, nên đem lòng thương mến quan lương y langsa, thì sau sự như vậy sẻ lấy qua cho chính vì nước Đại-Pháp.

Cách ít lâu, quan thủy sư biết ông quan ba thủy Doudart de Lagrée là người có tài mà tính xong một việc khó, nên sai ông ấy lên Cao-Man với chiếc *Gia-Định*, là tàu canonnière chạy hơi có chở 28 người. Bữa 18 avril, ông Doudart de Lagrée lảnh mấy điều quan thủy sư dặn bảo rồi khai hành, người thọ chức quản đốc bến tàu nước Cao-Man, song thật tình được thong thả mọi bề mà định liệu. Tiếng thì gọi ông quan năm thủy D'Ariès là quan cai người, chớ quan ấy có cho người biết rằng mình để cho người thong thả mà lo việc quốc chánh theo ý người, và thông tin đặng với quan thống đốc.

Ông De Lagrée qua xứ địa hạt nầy lối đầu năm 1863 mà thôi, nên chưa biều cách quỉ quyệt người phương Đông, và chuyện phớm phỉnh di truyền các sứ sự cảnh Cùng-Đông nầy thể nào, song người biết thế làm cho mình mau rỏ. Bởi vậy, dầu cho mắc phải chước léo quan khâm sứ xiêm, người cũng chóng đặng vua Norodom tin cậy mình. Vừa qua ngày 18 juin 1863, người có viết thơ cho quan thủy sư De la Grandière mà rằng : « Đức vua sẳng lòng chịu, song chớ để cho ngài mắc phải oai quyền khác ; hễ ngài cho sự gì, thì phải lấy đi, rồi đừng nói tới nó nữa. »

Quan thống đốc hiều biết lúc ra tay đã tới, nên khi đạo sứ an-nam đi đặng một ít ngày, người bèn lên Cao-Man, song lúc đi qua, người có triện lại mà viếng quan tổng đốc Vĩnh-Long. Mồng 9 août 1863, quan thủy sư đến tại Ô-Đông, là nơi vua Norodom nghinh tiếp người cách sang trọng lắm. Cả hai nghị

luận với nhau nhiều phen, song chẳng có người nào khác chầu gần, có một mình đức thầy Miche thông ngôn mà thôi. Quan thống đốc Nam-Kỳ có đam theo một tờ sơ ước. Người có làm cho vua cao-man tin đặng mấy chuyện ích lợi gần xảy đến cho vua ấy; qua ngày 11 août 1863, vua Norodom có ưng thuận giao ước để cho nước Langsa bảo hộ nước Cao-Man, lại cho thêm một miếng đất tại Nam-Vang (*Pointe de la Douane*) đặng để lập một kho trữ hàng với một cái đồn.

Về sự chế độ trong quốc gia, thì nước Cao-Man thiệt đại ích cho kẻ nào đặng miền trung châu Sông Khong, vì nó ở nối theo và phụ thêm cho đủ cuộc. Như không có nước Cao-Man, việc buôn bán với miền trên là mặc may mà thôi, cũng có lẻ để cho nó đồ qua Bangkok đặng lắm. Khi người xiêm, là kẻ cầm quyền cã tại Ô-Đông, mà có mặt tại đó, thì chẳng bao lâu sự thể ra khó chịu và không khỏi làm cho hậu nhựt cuộc thương mãi địa hạt chúng ta ra hiềm nghèo lắm. Đến sau, các chuyện biến sanh — mà mới đây cũng đã có rồi — sẽ tỏ cho chúng ta thấy nhiều lần.

Khi tờ ước ký tên xong, quan thủy sư De la Grandière bèn trở về Sài-Gòn. Lúc ấy người an tâm, còn vua Norodom không phải như vậy. Quan khâm sứ xiêm, tên là Phnea-Rat, có dùng các thế mà làm cho vua bỏ tưởng tới sự giao ước; phần khác, triều đình Bangkok lại cho sứ phân phô lung lắm đặng mà ngăn trở đức hoàng đế Napoléon về sự y phê tờ giao. Sau hết, ông Phnea-Rat lấy một lẽ mạnh kia ở tại cảnh Cùng-Đông nầy mà dùng, là người hứa gởi sắc hiệu ở bên Bangkok qua cho vua Norodom và tôn người tại Ô-Đông tức thời (vì lúc ấy chưa có lễ phong vương).

Ông De Lagrée có báo tin cho quan thủy sư hay về mấy mưu chước đó, thì người bèn sai một chiếc canonnière thứ hai (ông quan ba thủy Saintyves) và dạy cho nhà nước xiêm hay rằng, mình sẻ dụng binh mà chống lại với bất kỳ là chuyện chi chỉ về quờn thượng vị tại Cao-Man. Sắc ấn và lễ tôn đều ngưng lại đó. Song ông Phnea-Rat cứ dụng mưu kia kế nọ luôn, nên mới làm cho đổi đặng lòng tốt vua Norodom. Có một chuyện tình cờ kia đáng phiền dấy ra, là có một ít tên lính thủy say leo cửa rào chung quanh đền mà vô rượt mấy nàng công chúa thanh niên, nên làm cho vua hềm ghét người langsa quá sức. Lúc tâm trí vua đang như vậy, thì qua mồng một décembre 1863, ông Phnea-Rat xin người đóng ngọc ấn vô tờ ước để cho Xiêm quốc bảo hộ, mà nhưng vậy nước ấy lại làm cho vua Norodom còn như một vì nguyên soái xiêm thường kia mà thôi!

Nội ngày ấy, quan khâm sứ xiêm đam tờ giao trở về Bangkok, trong đó có mấy điều buộc tùng phục lạ lùng, củng ra nhọ thể cho nước Cao-Man. Ông De Lagrée chưa hay chút chi về tờ ước đó, nhưng vậy lòng người bắt nghi nan. Sự ông Phnea-Rat đi không theo lễ thường thì nó cho người biết có nhiều chuyện trọng đả biến sanh. Nên người mới khuyên vua theo sức minh.

Lối cuối năm, thiên hạ mới biết rằng gần có lễ tôn vương. Cảng nó đi thì rất khó, dầu bề nào cũng là lếu quá, song có lẻ làm cho nó mất oai thể chỉ về quyền thượng vị Xiêm quốc. Bởi đó quan thủy sư mới dặn bảo ông Doudart de Lagrée làm theo cách ấy. Nhưng vậy, lễ tôn cũng không có một lần nữa. Bữa 22 janvier 1864, khi họ giao xong tờ ước xiêm-cao-man,

thấy ông Phnea-Rat có thượng ngạn tại Kampot, song không sắc hiệu, vì vậy tại Ô-Đông mới bày ra một lễ thường kia mà thôi, sự ấy phỉnh phỉnh lòng vua trông ước biết là ngần nào.

Ông Phnea-Rat vâng theo lời nhà nước mình dạy mà cho vua Norodom biết rằng, người phải sang qua Bangkok, ở đó mới lãnh đặng sắc hiệu quí trọng mà thôi. Lời đó làm cho vua mê say là như vậy, nên người mới nhứt quyết tách đậm băng ngàn. Ông Doudart de Lagrée rán sức cảng cuộc đi đó, mà không được ; người lấy mọi lẽ trưng ra, cùng hăm cho binh chiếm soán các thành lớn tại nước Cao-Man nữa, thì vua Norodom có trả lời tiếng nầy thật nên sửng sốt : « Ngươi muốn làm sao mặc ý, trẫm phải thọ phong, nên trẫm đi. » Đó là sự tùy theo tục lệ cảnh Đông nó giục khiến mạnh mẽ là dường nào, là sự dầu cho mấy kẻ đặng tâm tánh thong dong hơn hết đi nữa, cũng chẳng dám tự chủ cho trọn.

Ngày mồng 3 mars, vua Norodom đi lên Kampot với hai trăm người bảo giá, có ông Phnea-Rat cùng đạo binh xiêm nhỏ hộ tống. Khi thượng lộ đặng vài giờ, thì ông De Lagrée cho binh soán ở đền vua và thượng cờ tam sắc trên các nhà thuộc về nhà nước. Qua mồng 6 mars, có hai chiếc canonnière với 70 lính bộ thuộc thủy đến phụ lực ; bữa sau có một chiếc canonnière khác và 30 lính bộ cũng tới nữa.

Nhưng vậy, vua cao-man đi cũng chẳng bao xa, lại ví dầu ao ước chí tình cho đặng sắc hiệu tiền vương, ví dầu người quyết lòng mạnh mẽ mà làm chuyện mình muốn, thì người cũng dừng chơn lại lối cách thành Ô-Đông chừng bốn mươi ngàn thước mà thôi, lại khi người hay chuyện đã biến sanh tại thành

đô, người liền viết thơ mà gởi cho ông Doudart de Lagrée, song ông nầy không trả lời. Khi ấy người mới cả kinh, dường như ở giữa chuyện mất một it vật tầm phảo vui ngộ với chuyện mất nước, nên người trở lại Ô-Đông không còn kẻ tới mấy lời ông Phnea-Rat trách móc, phản hà.

Sau hết, bữa mồng 8 avril 1864, tờ giao ước bảo hộ có đức hoàng đế y phê ở bên Paris đả gởi lại tới. Ông quan năm thủy Desmoulins lảnh đem nó lên Ô-Đông, ở đó từ ngày 12 cho tới 17 avril có hộ giao cách trọng thể.

Còn một việc phong vương phải tính cho xong mà thôi, đến sau ông quan năm thủy Aubaret lo thanh chuyện ấy cũng chinh vi tại Bangkok, là nơi người mới qua mà làm lảnh sự. Vua nước Xiêm, tên là Mang-Kut, hiểu biết bề ích lợi mình không nên trêu chọc nước Langsa cho tới cùng, vả chăng mình đả chiếm đoạt của người cao-man hết hai tỉnh Angkor với Battambang. Bởi vậy mới có lễ tôn vương nhằm mồng 3 juin 1864 « trước mắt nhơn dân lấy làm lạ, vì bấy lâu ao ước xem thấy lễ ấy, mà nay đả hết trông đợi rồi. » (Remy với Arnaud). Ngày 25 octobre, đức vua Norodom xuống Sài-Gòn có nhiều quan quân theo hầu hạ; người có đến viếng mấy sở chánh chúng ta; ngày 26, buổi chiều có bày cuộc ăn chơi mà yến hạ người tại dinh, qua tối bữa 27, người trở về Ô-Đông.

Còn ông Phnea-Rat với đạo binh người thì kể từ ngày 16 juin đã lui ra khỏi phần đất cao-man.

Dầu cho người xiêm thối khuất rồi, thì người ta cũng có lẻ mà lo sợ họ đồ tân mưu hay là kiếm chuyện quỉ quái nào khác mà người ta không dè, đặng phá cho tuyệt quyền chúng ta một lần nữa. Nhà nước langsa khi ấy tưởng lập một tờ giao ước thì hay hơn, đặng buộc vua Mang-Kut nhìn biết có một mình nước

Langsa có phép bảo hộ nước của vua Norodom mà thôi. Tính toán với nhau lâu ngày cùng cần mẫn lắm cho đến bữa 15 juillet 1867, Xiêm quốc mới thuận theo ý chúng ta ao ước, song miễn là chúng ta đừng tranh giành mấy phần đất Battambang và Angkor thì thôi. Người xiêm đặng mấy tỉnh nầy chẳng có ai cải lẽ trước khi ông Doudart de Lagrée làm sách thông thái ; mà khi bày ra sử truyện soi lòng ấy rồi, thì chuyện đó trở nên sơ lược lắm, cho đến đỗi chính vì triều đình Bangkok cũng biết quyền mình không theo phép là bao nhiêu, nên tưởng muốn cho đặng gìn giữ mấy tỉnh ấy, phải liệu cho nước Langsa đặng quờn thượng thủ tại Cao-Man quốc, là sự đã ghe phen cũng vì nó mà tranh chiến cho tới chừ. (Remy với Arnaud).

Bấy lâu có một ít kẻ đoán xét nặng lắm về sự nhìn biết Xiêm bang đặng mấy tỉnh Battambang và Angkor như vậy. Ta không theo họ đặng trong chuyện nầy, vì họ quyết chắc người ta đã bỏ qua sự ích lợi nước Langsa, mà họ chẳng chỉ ra cho biết khi đó người ta tính đặng cách nào khác. Chính vì các chuyện sứ sự tại cõi Cùng-Đông nầy đều khó tính và tùy theo bề sửa trị các nước đại tài quá đỗi, nên khi mới thấy lần đầu, thì chẳng có lẽ mà nói đặng rằng lúc đó người ta không nên chịu. Đến sau, khi các dinh chưởng ấn đả cho thiên hạ biết thơ từ mình giao thông, thì người ta mới rỏ việc mà phân đoán, còn từ đây tới đó phải cho dè dặt ngoan ngùy.

SỰ THẾ TRONG XỨ

Khi quan thủy sư De la Grandière ở trên Cao-Man mà về, thì người phải ra sức mà làm cho nhơn dân an tâm, bởi phô tặc tử dấy động, kế sai binh gia sát phạt và tại tiếng đồn sẻ nhường đất lại, nên làm cho họ ngã lòng quá đỗi. Việc trồng tỉa kém sút hơn mấy năm trước xa lắm, nhiều nơi gặt hái đả bị hủy hư, còn lúa gạo cứ tiếp châu lưu xứ khác. Các lẽ đó

cỏ khi làm cho sợ phải đói, còn mấy kẻ nghịch với chúng ta thì họ lại dùng cơ hội như vậy cách khéo léo mà làm cho mình đặng ích, nên bắt ai nấy mảng ưu sầu và sợ cho ngày hậu nhựt.

Cuối tháng août 1863, quan thủy sư cấm xuất cảng lúa gạo, đó là một phương thế làm cho vui lòng dân hơn là sự thiệt, vì lúc ấy trong năm, cuộc châu lưu lúa gạo cũng gần mản, còn qua mồng một janvier 1864 thì lại tha cấm, nghỉa là nhằm khi mới gặt hái mùa khác. Quan thống đốc có dạy phát một phần tiền đặng cứu giúp nhơn dân phải nàn, lại có cho các làng mượn bạc nữa. Mấy cách thế nầy làm cho thiên hạ chắc ý lại, nên lúc khốn khó như vậy thêm có đại hạn nữa cũng không bắt rúng động là bao nhiêu.

Thuở đó nhà nước tốn phí lung quá, nên cũng phải bớt nó lại. Các quan quản đốc cứ nói có một chuyện phải làm cho cả thề, cho đẹp mắt, song nhằm lúc nước Langsa đang lo bên xứ Mexique, nên chịu cho một ít tiền cứu giúp mà thôi.

Còn trào đình Huế không suy xét, cứ theo ý mình muốn luôn, là làm cho người langsa đừng ở đặng xứ Nam-Kỳ, đốc giục nhơn dân cướp phá, trở lòng và khuấy rối. Dầu vậy, phải biết rằng đình thần ít thành công hơn lúc trước. Vì mấy tay nông phu annam bấu lo ruộng rẫy mình, nên đã thuận theo bề chúng ta cai trị, vì họ biết nó có sự nhơn lành.

Ông quản Định cũng cứ phá phách và kiếm thế mà dấy ngụy lại như ở Gò-Công; người ngụ tại Lý-Nhơn (gần cửa Lôi-Rạp), giữa đám nê địa dầy tinh rừng vẹt đước. Bữa 25 septembre, ông ấy phải hai ông quan ba thủy Gougeard với Béhic vây tại trại người ở. Người gần bị sanh hoạch; khi đó có một tên lính ma tà đã chụp đặng vai người, kế người xô nhảo tên

ấy, rồi chạy vô bụi rậm mà thoát mất. Mà nhưng vậy bà vợ lại bị bắt với một it người nhập bọn nữa. Trong giấy tờ của ông Định, thấy có tên một người thanh khách kia ở tại Phan-Rí (Bình-Thuận) chịu mối bán khí giái, thuốc đạn cho mấy tay làm giặc. Nhà nước langsa có hỏi triều đình Huế về cớ sự như vậy, mà không ai chịu biết tên khách đó hết.

Cũng trong lúc ấy có vài đoàn ngụy tặc trình diện chung quanh Biên-Hoà, Tân-An, Mỹ-Tho, Cần-Giuộc và Chợ-Lớn nữa, song dân chúng đả hết sức chịu những sự họ đòi buộc, nên có nộp một ít vị đầu đảng. Bởi vậy, bọn hung cường nầy không còn dám ở tại mấy phần đất chiếm cứ nữa, họ mới ra trú tại chính giửa đám rừng thuộc tỉnh Bình-Thuận đặng gắng sức mà lập lại bọn mình.

Bữa 28 novembre 1863, quan thủy sư De la Grandière đặng phong làm thống đốc thiệt thọ, là chức quan thủy sư Bonard phải từ dứt bởi việc công và mấy lúc hành quân làm cho người ra mỏn sức.

Dầu cách nào thì cũng chẳng hết lo sợ, còn triều đình Huế đã cho phô tặc tử cư an nơi giáp cảnh Bình-Thuận, rồi lại rán sức làm cho dân tình ra nghi hoặc, là châu truyền theo sức mình rằng người langsa cũng hòng bỏ xứ mà về. Cho đến đổi quan bố Vĩnh-Long đến xin quan thống đốc dạy mấy chiếc thuyền chiến an-nam chở văn thơ ra Huế, như vậy thời mấy ghe đó phải đi qua phần đất chúng ta. Quan thống đốc có trả lời không chịu rỏ ràng mà chống lại với sự cậy mình đó, vì, ít nữa, nó là vô ích, bởi chưng có nhà thơ langsa đam thơ từ ở Vĩnh-Long xuống cho tới Bà-Rịa, là chỗ, theo lời giao ước buổi trước, người an-nam có cấp dưởng cho một cung trạm bốn mươi tên dịch phụ.

Lối cuối tháng janvier 1864, có một tin dữ kia đến làm cho ai nấy càng thêm lo sợ hơn nữa, song chẳng bao lâu người ta lại nói rằng không có. Là thiên hạ đồn chiếc tàu chở các quan sứ an-nam chìm mất hồn mất xác. Nên người ta mới đem lòng suy về sự đại hại như thế có lẽ làm cho sanh điều bối rối là dường nào. Mấy kẻ xui giục dấy loàn lấy chuyện đó mà rục rịch lung lắm. Họ dám cả lòng đến tại Phú-Lâm với Bà-Hom, gần Chợ-Lớn, mà tụ hội. Người ta có bắt đặng ít vị và gần cho họ nhập với mấy tay đã bị nã hoạch tại Gò-Công, song khi ấy người ta đã khởi sự lấy làm khó canh giữ lắm. Quan thủy sư có xin đặng phép, nên dày họ qua cù-lao Réunion, như vậy mới làm đan ra mấy tay phá hại sự cai trị chúng ta, lại cũng một khi cho họ có thế mà học cho biết tiếng nói, tánh tốt và tài phép chúng ta thể nào.

Lối đầu năm 1864 cũng có lập ra sổ thâu xuất trong địa hạt trước hết.

ĐẠO SỨ AN-NAM Ở TẠI PARIS
CÙNG KHI TRỞ VỀ

Bộ sứ an-nam lên tại cửa Toulon nhằm mồng 10 septembre 1863. Sau họ xuống chiếc *Labrador* mà qua thành Marseille, rồi liền thượng kinh Paris có hai ông Aubaret với Rieunier theo. Cũng trong ngày các quan sứ bước chơn lên đất nước Langsa, thì nhựt báo *Indépendance belge* có thông một tin kia mà giục lợi quá, nói rằng đức hoàng đế Tự-Đức chịu 85 triệu đặng chuộc tam tỉnh lại, mà cũng để cho chúng ta ở tại Sài-Gòn. Nên hội nhựt trình lo việc có ích chung mới dần giải sự xin chịu đó, lại cũng có một tờ biểu đã viết về chuyện ấy mà dưng cho đức hoàng đế

và cho các quan thượng thơ [illegible]. Song chúa [illegible] Napoléon III không với kịp chuyện này, [illegible] đã đi tắm nước suối — nên nào xứ an-nam phải [illegible] đợi cả một tháng trời chưa thượng mới yết kiến. [illegible] bốn tuần lễ đó người ta có đặc sứ đi coi hết thảy các đồ lạ và phi thường tại kinh đô. Tuy ông [illegible] Giảng trong lòng xao xiến về chuyện [illegible], thì người cũng lấy làm đại ích mà xem mấy sự [illegible] phương người ta cho mình thấy đường nào. Nên [illegible] ấy người biết rõ người tây hơn, nếu người [illegible] cuộc tiền bạc nhà nước đã thỏn mỏn quá [illegible] chuyện hành quân bên xứ Mexique mà ra, [illegible] hiểu đặng cho trúng tâm trí thiên hạ bởi [illegible] và nhứt là mấy [illegible] bảo về sự xin thục đã [illegible] đổi thế nào, thì có lẽ người thừa dịp ấy [illegible] đặng nhiều sự. Song rủi, người không [illegible] chuyện máy móc trong cuộc quốc chánh [illegible] lạ, hễ thế thái và tiếng nói trong nước làm sao, [illegible] người không biết chi hết.

Sau lạy đức hoàng đế mới ra mắt, ông [illegible] Giảng có đọc đặng một bài mà thôi; bài ấy [illegible] thì nó cũng có [illegible] ý nghĩa thâm thúy cũng [illegible] nhiều trong các chuyện đã diễn. Khi bài [illegible] thượng Napoléon III có phán một ít lời [illegible], [illegible] phủ kẻ yếu [illegible] cũng hết mấy một [illegible] ra [illegible] giáo hóa [illegible] nhiều, song [illegible] nghiệm với những kẻ nào [illegible] chuyện [illegible]. [illegible] nữa, lời dịch lại cũng [illegible] ý đức hoàng đế trông, còn câu sau hết [illegible] rằng phải có sở, nên làm cho các sứ ra kinh [illegible] quan ấy [illegible] chi nữa. Ngày thứ [illegible] sứ biết trong một năm nữa sẽ trả lời về sự [illegible] cũng một khi người ta xin họ bày việc [illegible]

cuộc hai nước giao thương. Khi đó các quan sứ mới vửng ý lại, nên khi phản hồi bổn hương thì họ có lòng trông cậy được việc một chút.

Đạo sứ ở Paris đi qua nước Espagne, rồi đó, trong lúc tháng décembre, có một chiếc tàu giặc nhỏ espagnol *Terceira* chở sứ trở lại hải khẩu Alexandrie. Đang khi trẩy ngang qua biển Méditerranée (Địa-Trung Hải) có một ngọn cuồng phong nổi lên làm cho chuyền động ba đào và phá tan bải biển chúng ta. Chiếc *Atlas*, lảnh việc loan đệ văn thơ từ cữa Alger qua cữa Marseille, phải cơn bảo tát ấy mà hạ mất ; nên người ta tưởng chiếc *Terceira* củng lâm hại một cách, sau mười lăm ngày thì bên nước Langsa mới rỏ tàu ấy thể nào mà thôi, bởi đó mới có tin sái thông qua tới Sài-Gòn. Vốn thật chiếc aviso espagnol có bị hư nặng một ít chỗ cùng gảy vòi đờn, song thời may nó vào đặng cữa Naples mà dựa, sự như vậy thì qua chuyến tàu thơ kế ở Sài-Gòn người ta mới hay mà thôi, nghĩa là sau gần một tháng.

Nhưng vậy, bèn Đại-Pháp thiên hạ lại tiếp đối lẽ với nhau luôn. Chúa thượng Napoléon lưỡng lự nhiều bề, nay người không còn chịu trả đất đã chiếm lại nữa. Song bởi phe thuận theo chuyện lai thục mạnh hơn lướt dặng, nên mới lập ra một bổn sơ ước, theo tờ ấy chúng ta còn giữ lại mấy thành Sài-Gòn, Chợ-Lớn, Mỹ-Tho và Thủ-Dầu-Một mà thôi, với một dây đất rộng từ bốn ngàn cho tới năm ngàn thước langsa, chạy dài theo hai bên bờ sông từ mấy thành ấy mà ra biển. Còn phần đất chiếm chĩ dư bao nhiêu, thì phải bồi thường tiền bạc mới nhường lại.

Tờ ước đã cãi ra như thế, lại với tờ ước langsa-cao-man đều giao cho ông quan nặm thủy Aubaret, lúc ấy người sang qua Bangkok mà làm lảnh sự. Khi

ông nầy đi ngang cửa Phố-Mới (Singapore), người có gởi tờ ước cao-man cho quan thủy sư De la Grandière, còn tờ ước an-nam thì giữ lại cho mình, bởi vì người tính một ít lâu người sẽ qua Sài-Gòn.

Bữa 18 mars 1864, chiếc hải vận *Japon* tới đậu tại Sài-Gòn, có chở bộ sứ an-nam. Lúc sứ phục hồi, có ông Boresse, là quan ba thủy kiêm lảnh đốc lý bổn quốc sự vụ, đi theo. Các quan sứ khi ấy thật không biết chút chi về các điều buộc mới ông quan năm thủy Aubaret đem qua, chẳng ai ở Sài-Gòn mà biết đặng nó chút nào; nhưng vậy thiên hạ đồn rằng, việc các sứ cung phụng đó hòng sanh điều thảm thiết cho trong địa hạt. Nguyên là tại bọn hộ tùng các quan sứ có dĩ hơi lậu ra một ít chuyện, có khi cố ý mà nói nó, song dầu cách nào củng không nhằm, nên mới làm hại như vậy.

Bữa 24 mars, đạo sứ trở về Huế, còn ông quan năm Aubaret, khi đã thi hành xong chuyện mình tại Xiêm quốc, thì cách chừng hai tháng sau người ngồi tàu *D'Entrecasteaux* mà theo đạo sứ. Quan ấy tới Huế nhằm ngày 16 juin; song qua 22, người mới triều yết mà thôi. Ông Phan-Thanh-Giảng đặng đức hoàng đế Tự-Đức tin cậy lắm, nên lảnh việc tiếp tính toán với ông Aubaret. Chẳng bao lâu người ta liền hay sự thật về mấy điều buộc trong tờ ước thể nào. Tại Sài-Gòn ai nấy ngã lòng. Song may phước cho cỏi thuộc địa nầy cùng cho nước Langsa nữa, vì chuyến nầy đức hoàng đế Đại-Nam và các quân sư người cũng không thấy rỏ hơn trước. Chẳng có lúc nào có sự thể đến dâng cho các vì ấy mà đặng thuận tiện như vậy. Là cho chuộc ba tỉnh (trừ ra mấy thành đã kể trước), song phải trả một trăm triệu góc tư tây trong năm mươi năm, mỗi năm một kì là hai triệu.

Chúa thượng Tự-Đức không biết chịu, lại khởi sự trành tròn. Bữa 18 juillet 1864, có tin dây thép bên Paris qua tới Sài-Gòn, người ta liền gởi nó ra Huế. Chiếc *Echo* đem nó đến Cửa-Hàn nhằm ngày 21 juillet, đó là lịnh truyền ngưng chuyện tính toán. Nên ông Aubaret trở về Sài-Gòn. Vì khi ấy đức hoàng đế Napoléon III đã đổi ý và trở lại tờ cựu ước.

ÔNG QUẢN ĐỊNH KHUẤT TRẦN

Chẳng có ích chi cho lắm mà thuật lại những mưu kế của quan quyền an-nam ở tại bờ cỏi chúng ta mà đã dùng khôn dứt trọn cả và năm 1864. Phía Bình-Thuận, như ta đã nói trước, có nhiều đoàn quân vô lối rút vô ở trong mấy bão và lâu lâu loán qua đất các tỉnh chúng ta mà cướp phá. Có sai binh đi một lần đặng đánh đuổi họ trở về đất an-nam. Còn phần mấy người mọi, bởi bị chúng loạn tặc buộc ép sưu dịch chịu không thấu, nên có bắt một vị đầu đảng nên sợ, là ông quãn Sư, mà nộp cho quan langsa, ông ấy bị trảm quyết lối gần Bà-Rịa trong ngày mồng 9 mai 1863 ; họ cũng có giết trong rừng hết vài ba trăm người làm giặc nữa.

Đang khi tỉnh Bình-Thuận mắc phải dấy đầy hung đãng, bởi nó là nơi giúp đở trước hết, thì nó lại bị quân hải tặc thanh khách phá khuấy. Nhà nước an-nam không sức đánh đuổi lủ ấy được, nên phải xin quan thủy sư De la Grandière cứu giúp, thì người có cho tàu đo tuần mé biển.

Bên hướng tây, các quan an-nam cũng có cho dinh trú những kẻ cướp phá dã bị mấy colonne binh chúng ta tầm nã, lại như họ có bắt một ít đứa, là làm cho mấy kẻ đó khỏi phép công thẳng langsa hơn là trừng

trị chúng nó. Đầu tháng mai có một vị chánh đảng kia tên Quới bị chính vì người an-nam bỏ tù tại Châu-Đốc. Bọn va rán sức cứu thử va mà không đặng ; khi rút đi thì bọn ấy có phá tan mấy nhà cửa ở gần thành. Nguyên tên Quới đó có cướp phá một làng nọ tại phần đất chúng ta và giết chết một người xả trưởng. Nhà nước langsa có đòi cách mạnh mẻ, thì quan an-nam giao va lại, va bị xử tử.

Có một vị đầu đảng khác, là ông đề đốc Huân, phó tướng của ông thiên hộ Dương, trước có dự vô chuyện phá hư các nhà cửa ở chung quanh thành Châu-Đốc, nên kể từ đó người đã bị bắt và chính vì người cũng bị giam cầm trong thành ấy nữa. Quan thủy sư De la Grandière nhờ có kẻ mật báo, mới dạy ông De Lagrée bỏ Ô-Đông mà qua Châu-Đốc với ba chiếc canonnière, đặng xin quan an-nam giao ông Huân lại, y theo tờ giao ước năm 1862. Ban đầu thì quan an-nam chối không có bắt ông ấy, sau lại làm đủ chuyện gay trở ; nhưng vậy ông Doudart de Lagrée cũng thắng đặng, nên tù nhơn phải bị giao.

Song lúc đó còn ông Định, là người đốc giục các chuyện dấy động, phải bắt mà thôi. Khi thời người ta nói ông ấy ở Huế, khi thời ở Bình-Thuận, lúc lại nói ở chung quanh chính vì tại Sài-Gòn. Đâu đâu người ta cũng thấy người. Có một vị trong bọn thù nghịch với người mà không làm hoà lại đặng, là ông đội Huỳnh-Công-Tấn, đã ra giúp chúng ta kể từ năm 1862 (1), ông nầy hồ nghi thật rằng ông Định ẩn dật trong huyện Gò-Công. Bữa kia, người ta cho ông

(1) Nguyên ông Huỳnh-Công-Tấn sinh tại làng Phước-Hậu (tỉnh Chợ-Lớn). Nghiêm phụ người khi trước có làm phó quản cơ tại Sài-Gòn; sau khi lấy Chí-Hòa rồi, thì người đi xuống phủ

Tấn hay ông Định mới tới tại Kiền-Phước (gần Gò-Công), thì người liền đi với bọn người đến tại chỗ ấy, trong đêm 19 rạng ngày 20 août 1864, mà bao nhà ông Định trú với 25 tên bộ hạ. Trời vừa sáng thì hai đàng đả đấu chiến với nhau bất kể chết. Ông Định với quân nhơn người muốn đánh giải vây mà ra; khi ấy người gần thoát khỏi đặng một lần nữa, vừa đâu ông đội Tấn dạy hết thảy bọn người chấu bắn ông Định. Có một viên trúng gảy xương sống người đi, một ít vị bị sanh hoạch, năm vị tử trận, còn giấy tờ ông Định thì về chúng ta.

Các giấy tờ ấy cho có thế mà bắt một ít chánh đãng ngụy khác. Nhơn dịp ông Định chết, thì quan thống đốc tha giết ông đề đốc Huân, là người khi trước các quan tỉnh Châu-Đốc phải nộp lại cho chúng ta.

Bữa 30 mars, quan thủy sư De la Grandière đi chiếc *Donnaï* mà về Đại-Pháp.

Tân-An mà ở đặng chuyên lo việc buôn bán. Ban sơ, ông Tấn theo ông quản Định, song bởi cha giao liên hữu với một viên quan an-nam giúp nhà nước langsa, nên ông Định dạy qua con, đe chém đầu người. Ông Tấn bỏ trốn mà qua bên phía người langsa. Bởi đó người mới oán thù ông Định cho tới chết, nên rốt việc người mới giết đặng ông ấy như sẽ nói sau nầy. Ông Tấn hằng ở hết lòng với nhà nước langsa luôn, nên nhà nước biết công nghiệp và phong người cho tới chức lãnh binh; đến sau ta cũng còn nhiều phen có dịp mà nói lại chuyện ấy. Ông Tấn sanh thì trong năm 1874, khi đặng 38 tuổi. Có dựng lên một cái bia tại chợ Gò-Công để mà nhớ tích người, trong đó thấy có câu chữ nầy :

A la mémoire du lảnh binh Tấn, chevalier de la légion d'honneur, fidèle et courageux serviteur de la France.

QUAN THỦY SƯ' ROZE

Lễ vui chơi tại Chợ-Lớn. — Chuyện Mỹ-Trà. — Lập ra và làm một ít việc.

LỄ VUI CHƠI TẠI CHỢ-LỚN

Bữa mồng một avril, khi duyệt đại binh xong, quan thủy sư Roze có tiếp rước hết thảy các người langsa ở trong xứ, và tỏ ra những chuyện mình toan tính, ý mình muốn do y theo cách cai trị của quan thủy sư De la Grandière. Cũng nội ngày đó, mấy tay quyền quới thanh khách có thỉnh người, nên người vô tại Chợ-Lớn mà coi gánh hát bên Tàu mới qua bảy tuồng đầu, bọn ấy ăn mặc và trao giồi rất nên xinh lịch lắm đặng mà khánh hạ người. Khi coi hát rồi, người ta lại thỉnh quan thủy sư với mấy vị đã mời qua chùa quảng-đông, ở đó đèn đuốc thắp chưng rực rở, có dọn riêng một bữa điểm tâm cách trọng thể lắm. Các chức việc thanh khách mặc y phục theo ngày lễ lớn mà tiếp rước trọng đải mấy quan dự yến.

Sự tỏ lòng kính nhượng ròng và đầy sự thật tình đó, thì đủ mà làm chứng ý người thanh mong ước cho nước Langsa trị xứ nầy là dường nào. Cách vài bữa, nhằm ngày 17 avril, có một lễ khác tại Chợ-Lớn; là chưng đại cộ hằng niên, nó đã rỡ rỡ và có nhiều đồ quí báu, nên bắt người tây lấy làm lạ lắm.

Như ta mới kể các cuộc lễ ấy ra, thì ít chỉ về như một chuyện biến thuộc truyện sử, hơn là cho ai nấy thấy bề thế các người khách buôn bán và chuyên nghệ nghiệp thuở đó thới thạnh là dường nào. Có nhiều kẻ đã xem xét cũng như ta vậy, là hễ cộ rồng mà chưng rực rở nhiều hay ít, thì nó là dấu làm chứng

chắc về sự thể buôn bán, bởi vậy chĩ vụ cấy hái, trong cả và xứ đắc ế thể nào. Người thanh là một tay mai mối cần kíp ở giữa nhơn dân bổn thổ với người tây, nên bề sanh lý họ khá thì thưởng thưởng cho phép dính các cuộc làm ăn trong xứ cũng đặng khá vậy.

Sau bữa chưng cộ rồng, nhằm ngày 18 avril, quan thủy sư Roze có đi viếng cách kỉ cang các sở trong địa hạt một lần nữa, nên sự ấy giúp mạnh mẽ cho hết thảy mọi người đặng vửng ý lại. Nó cũng làm cho quan thủy sư tri thức nhơn vật thể nào, hầu sau đặng lo các điều cần kíp cho kẻ kia và giúp sự ích lợi cho người nọ cho nhằm lẻ.

Khi quan thủy sư Roze tiếp làm theo việc quan thống đốc De la Grandière, thì người có ra lời nghị định nhằm mồng 6 juin 1865 mà lập cuộc cai trị thành phố Chợ-Lớn. Thành ấy chia ra làm bộ, nhờ có mấy phái viên nên khai tạo đặng một hội nghị thành phố, có quan đốc lý bổn quốc sự vụ làm đầu.

CHUYỆN MỸ-TRÀ

Lúc quan thủy sư Roze quản trị, đôi phen chúng ta cũng có bị một ít đảng cướp phá hại nên kể ra, nhứt là trong ngày 22 juillet, có chừng trót trăm quân kiếp giả ở trảng Tháp-Mười đến đánh làng Mỹ-Trà (thuộc tỉnh Sa-Đéc kim thời). Đảng cướp có vài cây súng tay, hai vị đại bác, hỏa phi đồng và giáo mác, song chúng nó không dè gặp người ta chống cự lại. Vì dân làng nầy chạy tới đoạt lấy mấy vị đại pháo, rồi day nó lại mà bắn kẻ cướp, làm cho quân ấy chạy trốn mất, để lại nơi giao chiến một đứa bị thương thật rất nên thẹn thuồng. Phía làng có một người chết với ba vị bị vít. Quan thủy sư Roze gởi một ngàn

góc tư, đặng thưởng dân làng Mỹ-Trà về sự gan đấm, và ban một cái đồng hồ trái quít cho hương Khanh, là người đốc suất chống trả.

LẬP RA VÀ LÀM MỘT ÍT VIỆC

Ngày 16 juin 1865, quan thủy sư có tạo lập một hội nông nghệ, đến sau hội ấy có giúp nhiều việc hữu ích, nhứt là mấy lúc đấu xảo hằng niên mà người dạy khai ra tại Sài-Gòn, lần trước hết khai đấu nhằm ngày 25 février 1866.

Về lễ đức hoàng đế, chánh ngày 15 août 1865, thấy có bày ra một chuyện mà đem vô bản biên các cuộc chơi, là : đua ngựa. Đua tại đồng Tập-Trận. Các năm kế, mấy lần đua ngựa đều dời qua mùa khô, lại thấy người ta ở mấy xứ thuộc địa lân cận Phố-Mới, Hương-Cảng, cũng có đến mà tranh thưởng.

Trọn năm 1865, các công việc chung đều làm lại cách nong nả lắm. Sau hết, tại kho thủy (Ba-Son), người ta có ráp một cái thủy thành nổi bằng sắt. Trong châu thành có chừng hai ngàn dân thợ lo làm đủ thứ công chuyện. Bắt hai cầu bằng cây qua rạch Avalanche (Thị-Nghè). Vườn thảo mộc (Sở thú), của ông Pierre lập trong năm 1864, khi ấy có sửa lại nhiều nơi.

Ngày 27 novembre 1865, quan thủy sư De la Grandière đi chiếc *Tigre* hãng Messageries Impériales mà trở qua tới Sài-Gòn, có đem cả gia quyến người theo. Qua mồng 2 décembre, quan thủy sư Roze xuống chiếc frégate *Guerrière* mà qua Nhựt-Bổn ; người để tiếng lại xứ Nam-Kỳ đáng ngợi khen lắm.

QUAN THỦY SƯ DE LA GRANDIÈRE

Cuộc hành quân tại trảng Tháp-Mười.—Ông Pủ-Kằmbô dấy loạn.—Choán lấy ba tỉnh hướng tây.— Ông Phan-Thanh-Giảng du tiên.

CUỘC HÀNH QUÂN
TẠI TRẢNG THÁP-MƯỜI

Lúc đầu năm 1866 thì sự thể trong xứ đặng thái bình thạnh trị. Số thâu đã định là 5.056.000 góc tư. Các tỉnh đã yên, lại khi quan thống đốc vừa lại tới Sài-Gòn, thấy người có tiếp rước nhiều hội hương chức an-nam và thanh khách đến mà mừng quan thủy sư De la Grandière đã phục hồi đặng vô sự, cùng chúc cho quan thủy sư Roze lên đàng thuận buồm xuôi gió. Trước khi quan thống đốc dời chơn ra khỏi nước Langsa, người có xin đặng một it khuê bài để thưởng mấy kẻ đã giúp người, trong mấy vị ấy có ba người an-nam, là : quan phủ Trần-Tữ-Ca, ông đội Huỳnh-Công-Tấn, hai ông nầy đặng ngủ phẩm bữu tinh, ông đội Trần-Bá-Lộc thì lảnh quân công bội bài. Khai niên coi mòi hưng thạnh lắm, cho đến đỗi các nước lân cận đều tỏ lòng thiết nghĩa với xứ Nam-Kỳ langsa.

Nhưng vậy, thuở ấy còn một miền không đặng chắc ý, phải coi chừng, là trảng Tháp-Mười. Địa phương nầy khó đi cho thông thấu, những người an-nam làm ngụy tới đó trú ngụ, lại họ hữu thế bắt buộc các làng phải chạy bạc tiền mà it khi họ làm hại. Khí giới cùng thuốc đạn đều có tàu thuyền chở lại Hà-Tiên với Rạch-Giá, rồi điệu ngang qua mấy tỉnh hướng tây mà đem tới cho họ. Quan thủy sư có cho các quan tổng đốc an-nam ý chỉ rằng, đó là một điều phạm

đến sự bất dự vô chuyện giặc đã buộc trong tờ ước năm 1862 ; rốt việc người đặng các quan an-nam trả lời cách lịch sự mà thôi.

Bữa 20 janvier 1866, ông Phan-Thanh-Giảng ở Huế trở vô tới, người đặng phong làm kinh lược tam tỉnh hướng tây. Ai nấy có lẻ trông cho người sửa yên mọi chuyện ; song không thấy chi hết. Quan lảo tôn quí nầy chẳng ngăn cấm đặng nữa; dầu người có tư tờ cho các tĩnh quan, thì càng ngày mưu kế chúng ngụy tặc tại Tháp-Mười củng càng lộng và tràn lớn ra luôn. Mấy phần hờ ở riêng tại tĩnh Mỹ-Tho đều bị đánh phá. Đầu tháng mars, phô tặc tữ ấy có rải tờ cáo rao mà giục dân chổi dậy.

Cuối tháng mars, họ đến đánh thình lình làng Cái-Nứa (tĩnh Mỹ-Tho), nhà nước có sai một toán binh langsa đánh đuổi họ một lần đầu, rồi sau họ đáo về mà ở đó nữa ; nên phải đánh lại và đặt một phần hờ tại chợ. Sự thể như vậy không dặng bao lâu, vì chưng nhà nước đã nhứt quyết hành quân mà sữa trị. Người ta nhắm đánh lấy đồn Tháp-Mười, là chỗ thế trung tim của ngụy đảng. Có ba cái đường đi băng ngang qua bưn mà tới đó, mỗi đường đều có một đạo colonne đi, kéo chấu tới một lược. Binh ra trận tính đặng 100 lính bộ langsa với 250 lính lệ an-nam, có ông quan ba Boubée, Pâris de la Bollardière, Gally-Passebosc, ông quản Tấn với ông huyện Lộc đốc suất. Các lũy giăng và các bảo ở tại ba đường đều đánh lấy cũng trong một ngày. Bữa sau, là 16 avril, ông Gally áp đánh đồn chánh, kêu là Đồn-Tả, nó có 350 người cố thủ, trong đám đó có một tên lính đào langsa, và 40 khẩu dại bác. Đội compagnie lính thủy thượng ngạn ở chiếc *Fusée* có dự vào trận, bởi trước khi đánh, quan cai đạo ấy có biểu họ giúp. Chúng ngụy có nỗ lực chống

cự, rồi chạy mất, bỏ khí giới và đồ đạc lại. Chuyện nầy làm cho đạo colonne hết hai người tử trận và mười bảy người bị thương. Cũng trong ngày ấy, ông quan ba Gally-Passebosc có đuổi theo mấy kẻ chạy trốn cho tới đồn Tháp-Mười, song người thấy nó đã bỏ không.

Ví như trong cuộc hành quân nầy mà người ta đoạt thâu chẳng thiếu chi là khí giới, thuốc đạn, thì người ta lại sanh hoạch được có vài ba tên mà thôi. Ông thiên hộ Dương cai đãng ngụy đã tẩu thoát ; dầu vậy, người ta cũng bắt đặng tại Cái-Thia (tỉnh Mỹ-Tho) một it người an-nam, hai tên lính tagal với một người langsa trốn lính, tên là Linguet, cã thảy có nhập vô mấy đoàn làm ngụy tại trãng Tháp-Mười.

Bữa 24 avril, khi binh ở Tháp-Mười mà về, thì có mười lăm người lính bộ langsa chết chìm tại Sông Vủng-Gù, ngay trước Tân-An.

ÔNG PÙ-KÂMBÔ DẤY LOẠN

Chuyện khởi ngụy mới nầy dây dưa hơn một năm rưởi, nó cũng đồng tràn ra trong xứ Nam-Kỳ và tại nước Cao-Man, hẳn thật nó là một cuộc đáng kinh hơn hết mà chúng ta phải chống lại ; bởi không phải nó đe hại sự chúng ta cai trị hơn mấy cuộc trước, song vì nó làm cho chúng ta phải một lúc chẳng cử động được hơn mấy lần kia, và cũng hại chúng ta phải hao binh tốn của nhiều hơn nữa. Khi đó hung khí loạn tặc đã đổi ra khác ; vì trong lúc hành binh tại trảng Tháp-Mười, và cũng có khi trước nữa, thấy súng lói đã thế cho súng cò máy đá, nên vi như lúc đó mà mấy hột nồ gìn giữ cẩn thận và làm nó cho kỷ lưởng hơn, thời có lẻ nó hại đặng chúng ta nhiều hơn là bấy lâu.

Trước khi thuật các lúc loạn lạc cảnh biến nầy, thật hửu ích mà kể tắc lại chuyện ba vị đã làm vai nhứt trong cơn đó.

Đứng đầu là ông Pù-Kằmbô, hoặc kêu Pô-Kâmbor, làm thầy chùa cao-man, ông ấy xưng mình là con vua Néăc-Ông-Chân và anh vua An-Đuông, vua nầy lại là cha cùng là đấng trị trước vua Norodom. Trong thơ ông Pù-Kằmbô viết gởi cho ông Vignes, làm giám đốc Sài-Gòn, đề bữa mồng 2 mai 1865 và in vào *Journal officiel* nhằm mồng 5 octobre 1866, thấy người có dẫn giải nguyên tích và các quờn phép mình đặng làm sao (song nghịch với chuyện người ta đã biết về sự nước Cao-Man lắm). Quan thủy sư Roze biểu ông ấy xuống Sài-Gòn, cấp dưởng cho người và khuyên ở an có chúng ta phù hộ, mà đừng có kiếm thế khuấy rối nước Cao-Man. Bề ngoài ông Pù-Kằmbô vâng phục cùng cư an tại Sài-Gòn.

Một vị khác, là ông Phra-Keo-Pha, là ngự đệ vua Norodom. Trước người ở tại Bangkok, rồi trong tháng juillet 1865, người quá giang tàu *Mitraille* mà đến Sài-Gòn, xin nhà nước langsa phù hộ cho mình ở đó. Ông Phra-Keo-Pha đặng quan thủy sư tiếp rước cách tử tế lắm và cho chỗ ở, tồn phí bao nhiêu có nhà nước chịu. Ông ấy là một vị kiên tâm, lực lượng, nên thân huynh người sợ, mới chịu cấp dưởng cho người ở tại Sài-Gòn, đặng dang người cho xa nước Cao-Man.

Sau hết, có một tên thứ ba nói mình có phép tranh ngai nước Cao-Man. Nó tên là A-Xoa, con người thanh khách kia làm bạn với một người đờn bà dàng thổ mà sanh ra, khi trước nó rút vô mấy hòn núi, phía giáp giái tỉnh An-Giang an-nam, mà ở và đi cướp phá trong nước Cao-Man, sao bị chúng rượt, nó mới

chạy qua phần đất an-nam mà tị nạn, ở đó các quan cũng đồng tình, nên nó khỏi bị chúng trị tội. Trong tháng décembre, tên ấy cũng có xin quan thống đốc cho mình một tờ thông hành đặng xuống Sài-Gòn mà tỏ bày quyền phép mình trong vụ làm vua nước Cao-Man. Quan thủy sư De la Grandière không chịu, vì có lẽ tưởng rằng mình có cũng đã nhiều vị tranh lập ở tại Sài-Gòn, còn tên A-Xoa chắc có lẽ nó dùng giấy phép ấy mà lên Cao-Man.

Trọn mấy tháng đầu năm 1866, nước Cao-Man đặng bình yên vô sự. Tại Sài-Gòn, ông Phra-Keo-Pha với Pủ-Kằmbô đều cư an. Thật thì ông Pủ-Kằmbô có đặng một ít tiền bạc cứu giúp, của tốp cao-man đã ở tại phần đất chúng ta (phía bắc Tây-Ninh) kể từ khi vua An-Đuông qua đời. Mấy người đó — đặng chừng hai ngàn — nghịch với vua Norodom, song họ ở yên phục quyền chúng ta bảo hộ, bởi đó người ta không lo về sự họ gởi bạc cho ông Pủ-Kằmbô. Người ta có hay biết là khi ông ấy ra khỏi Sài-Gòn thình linh lối đầu tháng mai mà trốn lên hướng bắc. Người ta tìm kiếm mọi nơi, mới rỏ ông Pủ-Kằmbô đã làm đầu trót trăm người và đi cùng xứ mà rao rằng mình muốn dụng hung khí mà phục vị nước Cao-Man.

Sự như vậy xem ra chẳng mạnh thế là bao nhiêu, lại người ta không dè ông ấy dám cự chiến. Song bổng chúc thấy có một đám cao-man, chàm và an-nam ứng dậy, tên tranh lập A-Xoa cũng có dự vô nữa, nên tự nhiên người ta mới trộm tưởng rằng, không biết cơn dấy động nầy có phải bởi triều đình Huế xúi giục chăng.

Bữa mồng 7 juin ban mai, có một đoàn con người lao xao, chừng hai ngàn, có cầm khí trượng, cờ bạch phơ phất, kéo tới đồn Tây-Ninh. Quan đốc lý bổn

quốc sự vụ, là ông De Larclauze, tưởng có lẽ vỗ về họ được, nên đi xốc tới họ với hai mươi người hộ vệ mà thôi. Khi gần tới đám ấy, người bước tới một mình ; tức thì quân nghịch vây người mà đánh. Người bắn kịp được một phát súng carabine, rồi người bị một viên đạn trúng nặng quá mà ngã xuống. Ông quan một Lesage cai tốp hộ vệ, chạy tới tiếp cứu, cũng bị giết chết với chín tên quân. Bao nhiêu binh langsa còn dư lại, thì họ tả đục hữu xông hết sức mới giải khỏi mà thối về đồn, nhờ có một tốp hai mươi lính với ông quan ba Pinaud ở trên đồn chạy xuống mới làm cho đảng tiên chiến dừng chân. Bởi thiểu số quá không sức cự lại, nên tốp binh nhỏ ấy phải thủ đồn ; nhưng vậy nó có gỏ đặng dây thép xuống Sài-Gòn mà báo tin, vì qua chiều, quân loạn mới tưởng tới vụ chặt điển tuyến mà thôi.

Tức thì có một chiếc tàu ở Sài-Gòn đi với binh tiếp có ông phó quan năm bộ Marchaisse tổng lãnh ; còn ông quan ba bộ Frémiet, đốc lý tại Trảng-Bàng, thì mau mau xuất hành với một toán 40 người, lối chín giờ tối tới Tây-Ninh mà không có sự chi cảng trở.

Khi ông quan năm Marchaisse đến nơi, người có dạy tầm soát nghịch đãng lối chung quanh đồn, song không thấy chi hết. Bữa 14 juin, người đi ra một lần nữa với 150 quân nhơn và hai khẩu đại bác. Lần nầy người gặp giặc như người ta đã báo. Lối ba giờ chiều, người thấy quân cao-man ở sau Rạch Vịnh, mà hai bên bờ sình nầy lung lắm; người truyền lịnh áp đánh. Không đặng bao lâu, đạo colonne binh liền ra giữa lầy mà xáp với quân giặc đông số quá đỗi, ông quan năm Marchaisse với mười ba người bị tử trận. Qua năm giờ, phải thối về, nhờ có hai khẩu pháo thủ nên ông quan ba Fournier mới ngăn đặng quân nghịch

lại—họ chết nhiều—và đem binh về, song rủi phải bỏ mấy người tử trận. Quân cao-man liền lột lấy áo quần họ ; qua hai ba bữa sau, khi người ta tới đặng tại chỗ chiến tràng ấy, thời thấy mấy thây đã bị thú rừng, kên kên quạ quạ xé ăn, vã chăng đã hư rã quá đỗi, không nhin lại được. Một phần tử thi phải dòng xuống giếng mà lấp đi, phần khác bỏ vào một cái thùng cây lớn mà chôn, đầu ông phó quan năm thì gặp tại một góc cây kia, song theo lời mấy vị trưởng lảo trong xứ lại nói rằng, người ta kiếm không ra hoặc là chẳng nhin lại đặng xác người.

Xong chuyện khốn hại ấy rồi, tốp binh giữ đồn Tây-Ninh đặng thêm cho tới 500 người, có ông quan tư Alleyron quản lãnh ; tốp quân thú tại Trảng-Bàng thời thêm đòng hơn, còn tàu phải đậu trong sông Bến-Lức. Song dời binh đi như vậy, thì làm cho Sài-Gòn ra bớt quân sĩ, là nơi đã có lính thám của loạn tặc đi rảo cùng mà sắm sữa đến đánh. Người ta có lo phương thế để phòng trừ nạn, là thêm cho đủ số binh thủ thành, nhờ có mấy compagnie lính thủy thượng ngạn ở dưới các chiếc tàu đậu trong sông, và cho ông quan năm thủy Lejeune đặng chức cai thành. Rạch Arroyo-Chinois thì có một it ghe thuyền tri khi giái với phần hờ có lính lệ lựa rút mà giữ lấy nó. Còn Chợ-Lớn lại đặng 300 quân thú. Các chuyện phân đặt như vậy chẳng phải là nhiều quá đâu, vi đến sau, khi bắt đặng thơ từ của mấy tay dấy loạn, người ta mới biết nó thể nào. Mới vừa khởi ngụy đặng it ngày, thấy có một it chánh đảng an-nam theo phe ông Pù-Kầmbò, trong đám đó có người con ông quản Định, là Trương-Huế, song tên thiên hạ biết hơn là Hai-Quyền với Thị-Quyền. Có vài người tagal trốn lính với đám hoang côn trong xứ cũng nhập vô lũ loạn tặc ấy nữa.

Bởi tại Sài-Gòn đã dụng phương thế mà phòng bị, nên người an-nam không dám đến đánh thành ấy, song muốn cho đặng giúp quân cao-man, thì họ đánh phá Thuận-Kiều mà làm cho chúng ta đổi ý. Bữa 24 juin, lúc 4 giờ sáng, họ leo qua bờ lủy đồn. Có một tên lính canh la lên « giặc, giặc ! » và bắn, thì khi ấy quân nghịch đã lên tới đầu vách đồn. Binh thú kể được năm mươi lính bộ an-nam với mười sáu tên mã kị spahi, đã phân ra từ tốp năm người mà ở trong mấy cái nhà, rán hết sức mà binh vực lấy mình cùng hiệp nhau lại một góc kia trong đồn, còn mấy kẻ tiên chiến—đại phước cho binh thú—họ mắc lo cướp đồ đạc trong mấy nhà và trong kho mà thôi. Binh đồn tiếp bắn luôn luôn, giết đặng nhiều quân ngụy, song thuốc đạn gần hết, nên sáng ngày binh ấy phải dụng lưỡi lê xông tới mà đâm ; sau hết mới đánh tẩy quân ngụy ra khỏi vòng đồn. Binh kị lấy đặng ngựa mình lại, mới cỡi chạy sải mà phá tan quân ấy. Trong lúc người an-nam tới đánh đó, bên binh đồn có hai vị tử trận và bảy vị làm thương.

Đang khi ngụy đảng leo đồn Thuận-Kiều, thì có một tốp khác đánh phá chợ Hóc-Môn ; song ông phủ Cạ với mấy tên lính người chống cự, ông ấy nhờ có thầy cai tổng ở Gò-Vấp cứu khỏi, vì nghe súng bắn, nên chạy tới với một ít dân làng bọc hậu quân ngụy và bắt đặng một ít tên mà dẫn xuống Sài-Gòn.

Nội bữa đó có lẽ Trảng-Bàng cũng phải bị đánh nữa, song loạn tặc thấy đồn kiên bế hẳn hòi lắm, nên họ có xạ vài phát súng đồng vô làng mà thôi. Bữa sau, ông quan hai Eymard, làm đốc lý bổn quốc sự vụ, đam lính với dân làng mà đánh họ. Nên họ phải dang xa.

Mấy đoàn ấy xem ra đã tụ lập, bằng chẳng thì là qui mộ nhau tại Cầu-An-Hạ, chốn đó lúc nào ăn cướp với mấy tay làm giặc cũng có chỗ mà trú ngụ luôn. Nên sợ cho nó thành nên một nơi trùng tim dấy loạn, như tại Gò-Công và Tháp-Mười. Quan thủy sư có sai nhiều đạo nhỏ đi khắp chỗ trong miền, nguyên mấy đạo nầy lập đặng nhờ có các lính khi ấy rảnh dùng mà ra. Vì vậy, ngày 27 juin có một colonne binh kể được 200 người langsa, 100 lính lệ với hai khẩu súng xe ở tại Thuận-Kiều kéo đi, có ông quan tư pháo thủ Roche quản lảnh ; đạo nầy đánh lấy bờ đắp chạy ngang qua tổng đó, chẳng kể quân loạn chống trả. Một colonne khác được 50 lính thủy, có ông quan ba thủy Rémiot-Lerebours cai, bắt bên phía nghịch mà đi lại, độ lên mé tả Sông Bến-Lức, phá tan đảng ngụy, đoạt lấy của họ một vị súng lớn rồi đi cùng trong miền ấy trọn bốn ngày. Mấy người an-nam làm giặc, trừ ra Trương-Huế mà thôi, thấy mình bị cản tầm đánh bắt như vậy, thì kéo nhau lên hướng bắc đặng hiệp với quân cao-mên. Có vài tốp đi thử xuống phía nam mà trốn, song bị hủy tan.

Mồng 2 juillet, ông quan tư Alleyron ở Tây-Ninh đi ra với cả binh gia, người phải mấy đoàn quân của ông Pủ-Kămbô đánh tại một chỗ trống kia trong rừng, là nơi người mới dạy binh ngừng lại. Binh ấy hiệp nhau mau lắm và rước bắn mấy vị tiên chiến lung quá, còn tốp quân kị đặng hai mươi lăm người, có ông quan hai Béchade đốc suất, thì giục ngựa tới mà chém giết. Quân cao-man chạy trốn lạng bạng thất thứ, để lại chỗ ấy chừng sáu mươi tên tử trận. Đạo colonne có bốn người bị vít. Ngày thứ, khi đạo ấy kéo về Tây-Ninh, nó cũng có phá tan một đoàn 300 người an-nam nữa. Song rủi, tối đêm đó mấy kẻ cướp phá có tới mà đốt đặng chợ lá.

Bữa 11 juillet, ông quan tư Alleyron có xuất binh nữa, rồi qua 13, người đánh đuổi quân cao-mên ở tại mấy lủy kiên bế họ lập tại Ba-Vang.

Qua ngày 12 juilet 1866, chiếc hải vận *Sarthe* có chở đi đày 112 người an-nam dự vô chuyện dấy loạn mà đã bắt đặng. Tàu ấy cũng có đam mười hai đứa con trai an-nam để cho vào trường La Seyne. Mấy đứa đó là con nhà tử tế, chúng nó phải qua nước Langsa ở học hai năm, đặng sau trở về Nam-Kỳ.

Sự đem đi đày mấy người an-nam làm giặc đã bị sanh hoạch cùng đuổi theo đánh bắt khôn dứt những kẻ còn kình chống, thì làm cho các đảng phải đi qua đất cao-man, đều như vậy là đổi cuộc nguy hiểm kia mà thế chuyện gay trở nọ mà thôi, vì loạn lạc lên nước Cao-Man sẻ đe hại sự vận con thịt cho xứ thuộc địa. Tính một mình binh sĩ mà thôi, mỗi tháng dùng hết chừng 500 con bò, phần nhiều trong số đó bởi miền trên mà xuống. Bởi vậy quan thủy sư mới tạm cấm chở trâu bò ra khỏi xứ.

Trong lúc đó, các quan an-nam trị mấy tỉnh hướng tây đã không giúp chúng ta đặng bình loạn, hay là giữ sự bất dự vào cuộc giặc mà thôi, họ lại cho mấy đầu đảng ngụy an-nam trú và để ghe thuyền đi vận hoả thực cho mấy tay làm giặc. Ông Phan-Thanh-Giảng thấy vậy lấy làm lo sợ sự lổi nặng sẻ đổ cho mình, cũng như sau nó qui cựu cho cả và nhà nước an-nam vậy. Ngày 14 juillet, người lên Sài-Gòn nói rằng cho đặng tính một chuyện người đã phỏng nghĩ về cuộc giao ước buôn bán, song sự ấy bỏ qua, vậy người cho ai nấy hiểu triều đình Huế muốn biết ý chúng ta thể nào mà thôi. Triều đình an-nam đã không dứt thù nghịch, mà cũng không truyền cho những tay làm loạn trở về nhà, vì có cớ nầy làm chứng chắc hơn hết về

sự ấy, là bữa mồng 3 août, người con ông quản Định gần bị thầy hộ ở tại Chợ-Lớn, là ông Đỗ-Hữu-Phương, có ông Hồ-Kiềng-Phước là cai tổng Bình-Điền giúp, bắt đặng tại Bến-Lức. Hai ông nầy lấy hết thảy đồ đạc của Trương-Huế, trong đó có giấy tờ trọng hệ lắm.

Mấy chuyện quan thủy sư cứ kêu nài với nhà nước an-nam luôn, thì nó cũng có làm cho mát lòng một chút, là đổi quan tổng đốc tỉnh Châu-Đốc và, qua ngày 19 août, giao lại tên A-Xoa là người cao-man tranh lập. Khi trước các quan an-nam che chở tên ấy, sau dạy bắt nó và trở lòng bắn nó hai phát súng vô lưng.

Vã chăng, sự giao lại đó làm cho dễ ông Pù-Kằmbô mà thôi, vì khi ông ấy khỏi kẻ đồng tranh với mình, thì người thong thả tung hoành tại Cao-Man. Mấy kẻ theo phe người đặng đông số, còn dám nông phu cao-man lại không dự tới, nên đức vua Norodom lúc đó có một ít viên quan với vài mẹ sốc mà thôi, song như lâm cơn hoạn nạn, thì hết thảy sẽ bỏ người. Khi ấy cũng phải sợ ông Si-Vattha nữa, là em thứ ba vua Norodom; ông nầy ở tại Bangkok, bị vua xiêm cầm lại đó, vì sợ sanh bất bình với nước Langsa.

Vua Norodom sa đắm vui chơi, người thời gan dạ, song lơ láo, bị mấy kẻ hầu hạ gạt gẫm, nên không ra sức mà đánh ông Pù-Kằmbô cho tận lực. Binh sĩ nhà vương không có khí giái cho hẳn hòi và không có ai đốc suất cho trúng cách, nhưng vậy ban sơ nó cũng có thắng đặng vài lần; song qua ngày 18 août 1866, khi xáp trận mới, quan thượng krâlahom cầm binh bị một phát súng mà tử trận, tức thì quân nhơn người đều đổ ráo. Vua cao-man có xin xứ Nam-Kỳ cứu giúp; nhà nước langsa không từ chối đặng, bởi chưng nước Cao-Man đã chịu cho Đại-Pháp bảo hộ.

Ông quan tư Alleyron có đánh phá lần đầu, tại phía Gò-Xoài (ngay trước Trảng-Bàng); đạo colonne quan ấy có 1.800 người cao-man đi tiên phong của ông phủ Sôc, là em quan krâlahom, đã qui đặng. Người ta có làm cho ngưng tạm mấy chuyện tấn phát của vị tranh lập tại nước Cao-Man.

Thuở đó, có ông quản Lả ra đầu thú (nhằm ngày 21 septembre 1866), người là một vị trong các chánh đãng cố cựu hơn hết và trượng hơn hết, người đặng phép về làng mà ở thong thả, nghĩ vì người đã niên cao kĩ trưởng cùng it phá hại trong lúc giặc giả. Về chuyện khác, người ta có nghe tin ông thiên hộ Dương mới chết chìm tại phía mủi Dinh (Padaran), là nơi người đánh với ba chiếc tàu ô của đảng ăn cướp, quân ấy hạ hết hai chiếc ghe người.

Ngày 25 octobre, quan quân theo phe vua Norodom bị thất trận, còn tỉnh Baphnôm phải ông Pù-Kầmbô soán lại. Cơn giặc nầy ra bất tận là như vậy. Quân lính langsa cần có một đoàn lương lớn đặng dùng, song không sức mà làm cho dứt chuyện với một kẻ nghịch kia khôn hề bắt được, hề đến gần thì nó cứ chạy xa, mà nhưng vậy nó hằng đề phòng và sẵn sàng đánh phá mấy đạo colonne. Họ cất nhau đi càng bạt thiệp lắm, nên nơi nào họ kiếm cũng có vật thực luôn mà chi độ, lại họ vận đặng khí giái, thuốc đạn, bởi có nhờ ba tỉnh an-nam bên hướng tây bảo lảnh.

Trọn tháng novembre, binh gia thất cộng đi đi về về tại xứ nê địa, là chốn có bệnh rét, bệnh hạ lợi nhiễu hại chúng nó quá sức. Trên Nam-Vang, chỗ vua Norodom mới đóng đô, thì phải quân loạn đe đánh phá. Quan thủy sư mới sai lên đó 250 người có ông

quan tư Brière de l'Isle quản lảnh. Bữa 17 décembre, ông Pủ-Kầmbô đến trước Ô-Đông; người đã vò đặng trong đền, kế bị ông quan tư Brière de l'Isle đánh đuổi ra. Bữa 18 décembre, ông quan năm Reboul cũng lên Nam-Vang nữa, bởi người ta định dẹo rằng quân nghịch sẻ ra sức mà đánh đó. Quả thật như vậy, vì lối giữa thành nầy với Ô-Đông đã có xáp một it trận đầu. Trong tháng janvier 1867, phải đề binh đánh lại phía Baphnôm. Ngày mồng 7 janvier, ông Pủ-Kầmbô thất một trận lối giữa Nam-Vang với Ô-Đông. Ông quan năm Reboul đuổi theo đánh và rược ép tới làm cho chạy đụng toán binh bộ với lính lệ (thuộc quan tư Domange cai), nên toán binh nầy có làm cho ông Pủ-Kầmbô phải thiệt hại nhiều. Khi quân gia bị chết liều yếu trong mấy trận đó, thì vị tranh vương bèn quày trở xuống hướng nam liền, lối giữa hai sông Vủng-Gù với Bến-Lức, lấn dồn mấy người cao-man của ông phủ Sôc lại.

Ta cũng phải cho ai nấy biết, cũng trong mấy ngày đầu tháng janvier đó, họ có đạo ở tại Méât-Krâsa (tỉnh Lovéa-Em) bị quân ngụy sát hại. Khi thầy giảng Barreau biết quân ấy kéo tới, thì « người có sai kẻ báo tin cho quan công sứ Nam-Vang hay, quan nấy liền sai một chiếc canonnière đến mà cứu người đặng đem về đô thành. Song rủi, chiếc canonnière đó không chở cho hết các nhà có đạo. Bởi vầy, dầu cho năn nỉ chí tình, thì thầy giảng nầy cũng không chịu bỏ mấy người mới vào đạo, nên qua mồng 9 janvier 1867, người bị giết chết tại dưới chân bàn thờ.» (Cha Guerlach).

Tóm lại một đều, là sự thể không dời đổi chút nào. Ông Pủ-Kầmbô cứ đánh phá luôn, còn chính vì tại triều vua Norodom, bá quan lại theo chuyện

tư lợi mình,tâm tánh khác nhau lắm, cho đến đồi họ cải lẻ với nhau về sự phế vua mà cho ông Phra-Keo-Pha lên thế lấy ngôi

CHOÁN LẤY BA TỈNH
HƯỚNG TÂY

Khi ngụy Pù-Kằmbô dấy ra, thời mấy người an-nam theo nhà nước langsa có ngả lòng lại một ít. Các lúc hành quân đó làm cho chúng ta khó mà ở tại địa phận chúng ta, nó lại bắt họ lo sợ cho nước Langsa bỏ dứt xứ nầy nữa. Các quan an-nam ở mấy tỉnh hướng tây, lại với một phần dân sự, đều có giúp những kẻ làm loạn gần chán chường, nên họ làm cho tâm trí mấy người theo phe chúng ta ra như vậy luôn. Ắt thật, xứ thuộc địa nầy mà có đặng trang tịnh, là kể từ ngày nào người ta choán lấy xong ba tỉnh hướng tây mà thôi, ngày nào người ta đuổi hội quan báo hại và xảo trá đó ra khỏi Nam-Kỳ, là mấy kẻ tưởng hộ vực nước Đại-Nam, té ra làm cho hư mất mà khôn sửa lại đặng, bởi kiêu căng và bất thông thế sự mà ra.

Chính vì tại Huế nữa, thấy mấy ông thầy chùa với nhiều quan cũng có âm mưu mà hại đức vua Tự-Đức, vì họ nói vua không hềm nghịch với người ngoại quốc cho hẳn hỏi. Họ muốn lập con anh cả người lên thế lấy ngôi, là con ông Hoàng-Bảo đả tự ái trong ngục « vì lệnh người dạy ». Bữa 16 septembre 1866, họ ra tay làm chuyện toan tính. Thuở đó, vua Tự-Đức có dạy xây một cái lăng tẩm người gần kinh thành ; người dùng ba ngàn dân thợ, cả thảy đều bắt tới làm, mà huờn công ít, nên bọn ấy không bằng lòng về việc chẳng có ích chi cho lắm mà người ta biểu mình làm như vậy. Mấy vị làm đầu chuyện tập lập nầy, lại trong

đám đó có người xúi giục là ông huề thượng, đều đem nhau đến mà nói trước với bọn dân thợ rằng vua đã bị phế rồi ; họ rủ mấy người ấy theo đặng tung hò mà mừng tân quân. Đám đó kéo tới nhằm lúc các cửa thành mới mở ra, họ tràn vô đền ; mấy vị rập mưu dẫn đầu, đi ngay vào cung vua Tự-Đức ; khi ấy có một ông quan trung tín cầm đao giữ cửa mà cự lại, nên làm cho vài tên lý thiện tận trung chạy đến mà cứu vua. Ông quan nầy bị thương nặng, song người cứu vua khỏi chết và khỏi mất ngai.

Ông huề thượng thấy chuyện bất thành, liền tự vận đi, còn một quan đại thần đồng loả với người thì về nhà uống thuốc độc mà chết. Bà mẹ, người vợ và hai đứa con vị tranh lập (đứa nhỏ hơn hết đặng sáu tháng) đều bị xử tử. Còn mấy quan khác liên cang trong chuyện ấy đều bị cầm tù.

Sự tập lập nầy tuy bất thành, song nó cũng làm cho ai nấy cả kinh. Vua Tự-Đức biết mình chẳng còn an cư đặng nữa, nên không đem lòng tin ai hết. Người mới triệu ông Nguyễn-Tri-Phương ngoài Bắc về, vì cả và thiên hạ đều kính vì ông ấy lắm. Quan cảm đảm nầy dẫn một đạo binh lai trào, đồ đạc riêng của người dùng thì còn có vài cái áo quần mà thôi, song đã mòn rách bởi đánh giặc mà ra, lại có một tên lính kia vích nó phất phơ trên mũi giáo mà đam về. Ông Nguyễn-Tri-Phương chỉ ra chuyện như vậy là giặc giả không làm cho người giàu ; lại sự thanh liêm quan tướng lảo ấy cũng chân thật như sự bất cầu lợi của quan phó cựu người là ông Phan-Thanh-Giảng vậy.

Hai người ấy làm gương về sự đoan chánh ở đời cùng kiện ước theo việc quân binh, mà sách truyện các dân phương Tây không từ chối, lại người ta lấy làm vui lòng mà bày tỏ nó ra chính giữa những chuyện

hồ ngươi, vạy vọ các quan an-nam. Dầu vậy, ta xét thấy trí ý ông Phan-Thanh-Giảng với ông Nguyễn-Tri-Phương khác nhau lạ lùng. Ông trước thì hiểu biết sức thông thái và giáo hoá chúng ta thể nào, nên có lẻ muốn cho các kẻ đồng bang học đòi những đều chúng ta dạy dổ. Ông sau lại chắc ý về cuộc giáo huấn tàu, nên không chịu biết tới sự thông thái người phương Tây chút nào. Ông Phan-Thanh-Giảng, là người thay mặt về chuyện tấn ích phải lẻ; còn ông Nguyễn-Tri-Phương thay về sự chấp kinh bất phục; cả hai đều chắc theo ý mình tưởng, cả hai cũng đều liêm chánh.

Nhưng vậy, chuyện hiểm nghèo vua Tự-Đức mới chịu đó cũng không cải được cách người làm khó cho những người langsa. Sự mù quáng đã ám trí người cùng trí các quan triều thì chẳng tan đặng. Các dấng ấy không biết chút nào về sự thể chứa đầy chuyện gian nan mà họ làm cho trong Nam-Kỳ phải chịu đó thì không còn lâu đặng nữa, về sự nước langsa có phương thế mà làm cho dứt, lại cũng gần dùng lấy nó. Khi ấy quan thủy sư De la Grandière có cho ông Phan-Thanh-Giảng hay trước rằng, những mưu kế người an-nam dùng buộc người cực chẳng đã phải choán lấy tam tỉnh, chuyện phá hại đã quá lắm, không làm cách nào khác được.

Dầu vậy, trước khi nhứt quyết, quan thủy sư có cho người tính toán thử với triều Huế. Quan thống lý Vial phải đi chiếc *Casmao* mà ra đó, tàu nầy đậu tại cửa Sông Huế nhằm bữa 14 octobre. Vị phái viên quan thống đốc được tiếp rước tử tế lắm, song các quan cho ông ấy biết trước người không thấy vua đặng, vì sự ra mắt như vậy chắc sẻ làm cho nhơn dân lo sợ, nhứt là bởi mới bị chuyện tập lập mà ra. Triều

đình Huế không chịu xem xét lại tờ giao ước 1862 theo như mấy điều quan thủy sư bày tỏ, lại viết thơ xin đợi thêm mà thôi và xin đừng giục tốc sự chi hết. Vua có dạy trao lễ vật cho phái viên đặng đem về cho quan thống đốc, với một ít khuê bài, song có bấy mà thôi. Quan thống lý trở về. Cũng phải nói rằng, có khi chọn lúc như vậy mà nài xin thì không nhằm; vì chẳng bao lâu có lẻ tại kinh đô sẻ có chuyện hiểm nghèo dấy ra mà ép vua Tự-Đức xin chúng ta cứu giúp.

Trong tháng décembre, ngoài Huế có gởi một phong thơ vào cho quan thống đốc mà nói rằng, ông Phan-Thanh-Giảng đã được quyền tiếp bàn luận về tam tỉnh hướng tây. Thơ đó có xin người chớ vội làm sự gì, cũng như thơ trước vậy. Quan thủy sư De la Grandière muốn vì nể quờn phép vua nước Đại-Nam khi ấy đã yếu, nên người bằng lòng chờ đợi nữa, song cũng một khi người tin cho ông Phan-Thanh-Giảng biết mình làm sao cũng nhứt quyết choán lấy ba tỉnh hướng tây mà thôi.

Bữa 14 février 1867, ông quan ba thủy Monet de la Marck đi chiếc *Monge* mà ra Huế, đặng đòi tiền bồi thường về giặc giả đã tới kì. Cũng một khi người phải xin nhà nước an-nam một lần nữa về sự nhường tam tỉnh hướng tây. Các quan đại thần rước ông ấy không thật tình, lại nói rằng chẳng những muốn nhượng mấy tỉnh đó, mà lại mình tính tỏ bày sự chuộc lại các tỉnh chúng ta đang choán. Chuyến nầy việc quốc chánh an-nam đã tố trần minh bạch, nó còn để cho nước Langsa có một phương thế mà thôi, là chiếm soán ba tỉnh hướng tây.

Dầu cho kể từ khi ấy mà tại Sài-Gòn người ta nông sức lo lắng chuyện nầy, thì người ta cũng không ngưng làm mấy việc bình an chút nào. Là khai cuộc

đấu xảo nhằm ngày 24 février, cũng như năm rồi vậy. Chính vị quan thống đốc phát phần thưởng, hai bên người có ông Phan-Thanh-Giảng, ông hoàng Phra-Keo-Pha với hai quan thượng thơ vua Norodom. Qua mồng 4 avril 1867, có ra một lời nghị mà lập thành phố Sài-Gòn.

Nhưng vậy bên Đại-Pháp mấy người gièm siểm cùng nghịch với thuộc địa cũng chưa nguôi lòng; thời may có quan thủy sư Rigault de Genouilly mới lảnh chức thủy bộ thượng thơ (ngày 19 janvier 1867). Bởi người làm quan thượng thơ, nên người binh vực Nam-Kỳ cách mạnh mẽ lắm, song người không ngăn cảng đặng một ít thứ nhựt báo đừng để nói xấu nhiều sự cho xứ nầy. Bởi vậy đức hoàng đế, hoặc muốn cho mình biết tất các việc, hoặc làm cho mấy kẻ hiểm tâm nhiều hơn là thông đạt sự thể đặng vui lòng, nên người phú cho ông quan ba thủy Des-Varannes, là một vị trong mấy quan hầu cận, lảnh việc khó, là qua tra xét các cuộc huê lợi và sự lập cho thành xứ địa hạt thể nào. Dầu cho ông Des Varannes nhỏ chức mặc lòng, thì người cũng được quan thống đốc tiếp rước thật lòng lắm; ông ấy tin chắc hửu ích cùng cần kíp mà gìn giữ xứ thuộc địa nầy. Về chuyện khác, nhà nước langsa rỏ biết các mưu kế của triều Huế, nên đã cho phép quan thủy sư De la-Grandière lấy ba tỉnh hướng tây.

Quan thủy sư đã sẵn sàng mà hành sự, song người còn chờ lúc tốt, nghĩa là khi nhơn dân ở phần đất an-nam không còn chịu nổi tánh xấu các quan mình và những chuyện rối rắm hằng có luôn, nên chịu chúng ta cai trị như một điều thi ân vậy. Cuộc sai binh để đi lấy mấy tỉnh đã sắm sửa trước ba tháng

cách cẩn mật lắm. Có một quan võ kia, đặng quan thủy sư tin cậy về sự kín miệng lại có người xem sóc, lảnh đốc suất thi hành các việc truyền dạy, dặn bảo và lo vẽ họa đồ. Các giấy tờ đó không có đề ngày, không kí tên, quan thủy sư cất giữ nó cho tới khi sau hết.

Tại các trường bố đều có mộ linh, còn số những người thơ ký lại thêm trội mà chẳng ai biết cho chắc vì làm sao như vậy. Người ta không ngở có chuyện động binh nào cho cả thể, vị nhằm mùa mưa.

Bữa 15 juin 1867, quan thủy sư tin chắc rằng, phần nhiều trong dân sự tam tỉnh ao ước cho đặng thạnh lợi và an tâm như mấy làng tại phần đất chúng ta, nên người có mật tín cho các quan làm đầu mấy sở hay ý người quyết định xuống Vỉnh-Long. Người có dặn bảo các quan cai mấy đạo binh riêng và các quan quản đốc mấy chiếc tàu trận. Chỗ định hiệp nhau là Mỹ-Tho.

Chiều ngày 17, quân sĩ xuất hành. Bữa 18, tại Mỹ-Tho có một ngàn hai trăm binh đã tựu lại đó. Khi ấy có tám quan đốc lý và những người thơ ký để lo sửa trị mấy tỉnh mới cùng 400 lính lệ đã ở tại Mỹ-Tho cựu, mà chờ thuyền chiến và lịnh truyền đến. Còn mấy chiếc canonnière bằng cây *Mitraille, Bourdais, Alom-Prah,* chiếc canonnière bằng sắt *Espingole, Glaive, Fauconneau, Hallebarde, Arc,* chiếc aviso *Biên-Hoà* và chiếc chaloupe chạy hơi dã gieo neo mà dậu tại sông Mỹ.

Bữa 19 juin, lối một giờ trưa, quan thống đốc ngồi chiếc *Ondine* đi vòng ngã biển mà tới Mỹ-Tho. Các quan đốc suất binh bộ và các quan cai thuyền chiến đều xuống tàu người mà lảnh lời dặn bảo lần sau hết. Binh bộ với lính lệ đều độ xuống tàu, qua nửa đêm đoàn tiểu thuyền khai hành. Tảng sáng (ngày 20 juin

1867), có sương mù dày một chút bao lấy các tàu; dầu vậy, nó tới lần lần mà đậu ngay trước thành Vĩnh-Long. Qua bảy giờ rưỡi sáng, hết thảy tàu thuyền đều xáng neo tại chỗ nó phải đậu mà đánh, còn vài đội compagnie binh bộ thuộc thủy thì độ lên bờ nhạn trước mấy mặt thành ấy. Xong rồi, có một quan trưởng sử của quan thủy sư đến buộc thành phải lai hàng. Trong lúc đó, có một ngọn gió hiu hiu thổi tan sa mù, nên các quan an-nam, bị vây thình lình trong lúc an tâm, mới hiểu biết có chống cự cách nào cũng vô ích.

Ông Phan-Thanh-Giảng đã biết trước mấy tháng người phải làm đi gì, người có cho các kẻ đồng bang rỏ thấy sự thật thể nào, nên người tỉnh tâm khi lâm cơn đại hại như vậy, là chuyện người phải gánh vác trọn, người bèn định giao thành. Muốn cho bớt, đặng bao nhiêu hay bấy nhiêu, về sự các quan bổn quốc tam tỉnh phải chịu thiệt hại bởi cuộc chiếm cứ mà ra, thì quan thủy sư có chịu để cho các vị ấy đặng giữ chức và bổng lộc như trước, hay là ở tại phần đất chúng ta cho đến khi nào về đặng xứ sở. Một ít vị chịu; còn quan lảo kia ở Huế vào đặng làm chủ khảo các cuộc thi cử, thì uống thuốc độc mà tự vận. Ông Phanh-Thanh-Giảng tuân theo lời quan thủy sư xin, người viết thơ cho hai quan tổng đốc tỉnh Châu-Đốc với Hà-Tiên mà báo tin về sự nộp thành Vĩnh-Long và cho biết các lời hứa để cho dân chúng an tâm, song người bỏ quên không nói tới mấy điều đã chịu cho các viên quan muốn làm tôi nước Langsa thể nào. Trong khi liều chuyện như vậy, thấy người rủn chí, lại trong mấy thơ — đến sau ai nấy mới rỏ — người có viết câu chót mà dặn bảo dân sự

ơ an, vì *chưa có lệnh truyền nổi dậy*. Hai phong thơ niêm lại mà trao cho quan thủy sư.

Ông quan năm bộ Reboul lảnh quyền tổng quản tam tỉnh, còn ông quan ba bộ Bourchet thì thọ phong làm đốc lý Vĩnh-Long.

Sớm mai bữa sau, là ngày 21 juin, ông phó quan năm thủy Galey với quan thống lý Vial đi chiếc *Biên-Hoà* mà qua Châu-Đốc với một đoàn tàu canonnière cùng quân sĩ. Dọc đàng, gặp tại kinh Vào-Nao hai chiếc ghe hầu có kéo cờ và che tàng. Thuyền ấy chở quan tổng đốc Hà-Tiên qua Rạch-Giá. Lệnh liền ra mà dạy người đến tàu *Biên-Hoà* ; người vâng, người ta bèn trao thơ ông Phan-Thanh-Giảng cho người. Quan tổng đốc phải ở tại tàu, rồi người ta đi luôn qua Châu-Đốc, chiếc tàu trong đạo tiểu thuyền tới bỏ neo trước hết chừng lối tám giờ tối. Các chiếc canonnière đều đến lần lần, qua mười một giờ khuya chiếc chót đã tới đậu tại chỗ để đấu chiến trước thành.

Khi chiếc *Biên-Hoà* vừa đình bạc, thì có một chiếc ghe ô vâng lệnh quan tổng đốc sai đến hỏi người langsa muốn chuyện gì, người ta trả lời rằng có thơ của ông Phan-Thanh-Giảng gởi dặn bảo để đưa cho quan tổng đốc mà thôi. Quan ấy dụ dự, xin thử để kẻ khác thế cho mình, mà không đặng, sau hết chính vì người đến tàu, khi ấy nhằm lúc chiếc canonnière chót mới đậu. Người ta trao thơ, người về khán về lưởng lự, đoạn nhờ có một cái lồng đèn thường kia để trong phòng quan cai chiếc aviso chiếu sáng, người mới đọc thủng thẳng mấy lời quan trên người dạy làm sao và thở ra đôi ba lần. Khi hồi tâm lại, người có xin hẹn để một ít lâu sẽ giao thành, mà người ta không chịu. Vậy quan ấy mới xin quan thống lý lên bờ mà nghỉ cho qua đêm ấy, hầu cho

các quan an-nam khỏi thiệt hại nhơn có người tại đó. Người ta có cho quan tổng đốc ý chỉ về phương thế nầy không ích chi cho lắm, dầu vậy cũng đã định cho ông Vial lên nghĩ tại dinh quan tổng đốc, còn ông quan tư Domange đăng ngạn với một trăm quân.

Bữa sau, quan thủy sư De la Grandière ngồi tàu *Ondine* mà lên tới, lúc đi ngang qua, người có đặt ông quan hai binh bộ Vignes làm đốc lý tại Sa-Đéc.

Bữa 23 juin, ông phó quan năm thủy Galey ở Châu-Đốc đi ngã kinh mà qua Hà-Tiên với chiếc *Flamberge*, một chiếc chaloupe chạy hơi cùng hai mươi chiếc ghe lê chở binh bộ và lính lệ. Ông phó quan năm ấy đi với quan thống lý cùng quan tổng đốc đã theo người kể từ ngày 21. Đi được ba phần đàng, chiếc canonnière phải ngừng lại vì kinh cạn ; người ta phải dùng hai mươi bốn giờ mới đến nơi. Lấy đặng Hà-Tiên không có sự chi ngăn trở. Ông quan ba bộ Dauvergne lảnh quản suất miền ấy.

Khi thâu tam tỉnh hoàn thành, quan thống đốc bèn sai ông Legrand de la Liraye, là thông ngôn của người, đi chiếc *Monge* mà ra Huế, đặng đem tin cho nhà nước an-nam hay. Các quan đại thần không bằng lòng, đều như vậy dễ hiểu. Họ xin trả khí giái trong ba tỉnh lại — sự ấy khi trước quan thủy sư có chịu cho, song về binh khí nào mà các người giúp việc đem đặng mà thôi — với một phần đất tại hai tỉnh Biên-Hòa và Sài-Gòn để mà thường lại, sự như vậy người ta không chịu là chắc chắn. Các người an-nam giúp việc đều xuống chiếc *Ville-de-Huế* với khí trượng mình đặng đưa về Trung-Kỳ.

ÔNG PHAN-THANH-GIẢNG

DU TIÊN

Khi thâu ba tỉnh hướng tây, thì ông Phan-Thanh-Giảng đã được 74 tuổi. Trọn lúc người làm quan lâu năm như vậy, người hằng giúp nước Đại-Nam tận tâm và giữ đức thanh liêm vẹn tuyền. Cuộc biến đời khôn lánh khỏi đã làm cho dứt sự người siêng sắng đó, là một chuyện bất công về mạng lý, song mấy người chí khí đại lượng biết chịu bền dồ mà thôi. Thật người lấy làm vững lòng và tỉnh tâm tuyệt hảo mà xem xét chuyện xảy đến, lời vua trách cứ về những lỗi người không gánh vác lại muốn lánh cho khỏi, sự mấy quan nghịch với người ghen ghét gièm siểm và làm cho người mất danh tiếng nữa. Người biết cách ra khỏi mấy chuyện đó mà được vinh hiển như một đấng thánh hiền kia vậy. Khi người dạy sắm sửa thọ đường an bài cùng viết một phong thơ dài đáng mủi lòng mà gởi cho quan thủy sư De la Grandière, thì người kêu gia quyến người lại, khi ấy đã vời về Vĩnh-Long, rồi dặn chung các con người đừng làm tôi nước Langsa, song phải ở yên tại làng chúng nó và biểu phải nuôi nấng dạy dỗ mấy đứa cháu như người langsa vậy, rồi người uống nhiều á-phiện trước mặt bà con thân quyến.

Ông Le Coniat, là lương y thuộc thủy, có ra sức cứu thử ông lảo anh danh nầy mà không đặng, người sống thêm được hai ngày, rồi qua mồng 5 juillet 1867, người tắt hơi.

Quan thủy sư De la Grandière có viết cho trưởng tử ông Phan một cái thơ điếu tang và dạy để quan cửu người trên một chiếc ghe lớn mà bắt chiếc canonnière dắc xuống cho tới Bảo-Thạnh, là làng quán ông Phan-

Thanh-Giảng, gần cửa Ba-Lại (tỉnh Bến-Tre). Có cho một toán binh bộ langsa tống táng trước mắt vô số nhơn dân trợ giúp. Mã người thì xây tầm thường lắm và có đề câu chữ nầy: *Lương-Khê Phan lảo nông chi mộ*. Nay mã đó có hai ông già khác gìn giữ, là Phan-Đôn-Hậu với Phan-Đôn-Khải, là con với cháu vì khanh tướng ấy. Đặng chỉ về sự kính trọng danh tiếng người an-nam đại độ nầy, ta xin kể lại sau đây một đôi hàng mượn của hai vị làm sách đã thấy người tỏ rỏ và khi người khuất trần rồi, có lấy lẻ công mà xét cho người, là chuyện triều đình Huế dã bát.

Ông Phan-Thanh-Giảng chết đi thì làm cho dứt hết một mạng sống kia trong sạch cùng siêng sắng.....Trong năm năm, ông nầy, là một vị khôn ngoan, duệ trí hơn hết trong các người an-nam, hằng nhứt quyết chống cự cùng quờn phép chúng ta luôn, đôi phen cũng tùng theo sự mấy kẻ đồng bang định chừng và vọng tưởng nữa, cho đến đỗi trông cậy có lẻ chúng ta nghe theo lời vua Tự-Đức hứa mà bỏ đất nầy, là đều bảo lảnh về mạng sống và bề thong thả nữa triệu con dân có đạo dã chịu cho chúng ta phỏ trì. Song khi chúng ta dính bén, thì người bị phong tục, thói phép và nhứt là trí chúng ta tưởng về sự đạo quyến dụ lòng người. Sau hết, người mới hiểu rằng, nơi chúng ta, cách nhơn dân ăn ở với nhau đả sắp đặt chỉnh lý hơn, cửu trường hơn, thung dung hơn và quảng đại hơn phẩm hạnh người cảnh đông nầy; ông ấy biết sự buôn bán thỏng thả và châu truyền các lẻ thông thái trong nhơn dân thì ân là dường nào; lại bởi thương mấy kẻ đồng hương, bởi ước ao thấy họ có phước, nên lần lần người mới bỏ họ theo số mạng, tuy vậy cũng liếc mắt xem lại mấy việc dã qua mà tiếc, trong lương tâm hằng lưởng lự về cách sống mới nầy, nó đã đúng tới trí hoá người, cũng về những chuyện cũ mà lòng người còn nhớ, là chuyện làm cho người trở lại lúc xuân xanh tuổi trẻ. (Vial).

Khi ta biết, thì người là một ông lảo kia phương phi, dung nghi toàn hảo, diện mạo cao sang cùng duệ trí.

Người đáng ngợi khen nầy biết dã lâu rằng, không sức mà chống cự với nước Langsa, đoán xét chiến tranh vô ích, vì

người annam phai đổ máu mà thôi. Người trông cậy cho tờ giao hoà thi hành y theo, cho liệc vị đồng bang trở nên đệ tử chúng ta, cũng như học đòi cuộc giáo hoá chúng ta vậy.

Mấy điều mơ tưởng các đấng đại lượng ít khi tạo thành đặng; khi cuộc giáo hoá kia rút cuộc giáo hoá nọ thì phải có sự chuyển động mạnh mẻ, chống chỏi lâu ngày và đau đớn lắm. Dầu cho ông Phan-Thanh-Giảng ra sức ngăn ngừa, thì nhà nước langsa cũng đã mỏi mệ về những chuyện đánh phá khôn dứt bởi ba tỉnh hướng tây mà ra, hết sức chịu về ý xấu hằng thêm của triều đình Huế, nên mới sáp nhập ba tỉnh ấy vào Nam-Kỳ langsa.

Ông Phan-Thanh-Giảng không chống lại chút nào, vì người biết trước vô ích. Người dạy nộp thành cho quân sĩ langsa, thì người ta vâng lời. Song, bởi trung với vua và muốn cho đặng phạt mình về sự mình không sức ngăn cãng, thì người từ chối mấy chuyện kẻ thắng trận đã rộng lòng chịu cho và uống thuốc độc cách tỉnh tâm lắm, như một người romain xưa kia vậy.

Quan kinh lược tam tỉnh giữ lương trí thong thả cho tới cùng, người chết tại nhà tranh kia nghèo khổ, là chỗ người đã ở trong lúc trị dân, như vậy là muốn làm gương cho mỗi người về sự bất cầu lợi, về sự cơ bần cùng thanh liêm nghiêm nhặt trong khi làm quan cao phẩm. (Luro).

CHUNG





MỤC LỤC

TRƯƠNG